

ẤC THƠ HÂY LI

phi trường

TIỂU THUYẾT



LAO ĐÔNG

ẤC THỌ HÂY LÌ

PHI TRƯỜNG

Người dịch : THÁI HÀ

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
1986

PHẦN MỘT

(18 giờ 30 — 20 giờ 39)

1

Tháng giêng. Vào lúc sáu giờ ba mươi tối thứ sáu, phi trường quốc tế Linh Côn ở Illinois vẫn tiếp tục hoạt động. Song tất cả các bộ phận phục vụ của nó đều đã mệt nhai.

Bên trên phi trường, cũng như trên tất cả các bang miền Trung Tây nước Mỹ, một cơn bão tuyết lớn chưa từng thấy trong vòng sáu năm nay đang gào thét điên cuồng. Suốt ba ngày đêm tuyết rơi không ngớt. Và hoạt động của phi trường, như ~~nhà~~ quả tim kiệt sức, chốc chốc lại bị đứt quãng.

Ngoài phi trường, chiếc «picap»⁽¹⁾ của hãng Lunaitit Erolain, có nhiệm vụ chờ thức ăn cho hai trăm hành khách, đang bị kẹt tuyết. Bất chấp bão tuyết và trời đã bắt đầu tối, người ta bỗng đi tìm chiếc «picap» nhưng vô hiệu; — cả người lái xe lẫn chiếc xe đều không thấy đâu.

Chuyến bay thẳng đi Lôx Angiolex của chiếc DC-8, bằng Lunaitit Erolain mà chiếc «picap» kia có

(1) picap : xe chờ thức ăn cho máy bay.

nhiệm vụ chờ thức ăn cho nó, đã bị chậm mất mấy tiếng. Nay lại thêm chiếc « picap » bị mất tích, nó càng phải cất cánh chậm hơn. Tuy nhiên do không phải là trường hợp duy nhất bị chậm — gần một trăm máy bay của hai chục hãng hàng không khác sử dụng sân bay quốc tế Linhcon, cũng không cất cánh được đúng giờ.

Nguyên nhân chỉ vì đường hạ cất cánh ba-không không sử dụng được : chiếc « Boeing — 707 » của hãng *Euroéo Méchxicor*, trong lúc lăn bánh chuẩn bị xuất phát, đã di hơi chệch ra ngoài mặt đường bê-tông và mắc kẹt trong lớp bùn tuyết. Đã hai tiếng đồng hồ nay người ta tìm mọi cách kéo chiếc máy bay không lồ ấy đi nhưng chưa được. Lúc này, sau khi đã sử dụng hết khả năng của mình, hãng *Euroéo Méchxicor* phải cầu cứu hãng TWA.

Vì đường hạ cất cánh ba-không đang bị tắc, nên Đại chỉ huy điều phái (CHDP) phải áp dụng chế độ kiểm soát trên không hết sức chặt chẽ và hạn chế việc tiếp nhận máy bay từ những sân bay lân cận như *Minéopolis*, *Civilord*, *Kanzax Xitti*, *Indionopólix* và *Denver*. Tuy nhiên, vẫn có khoảng hai chục máy bay đang lượn tròn trên trời xin hạ cánh vì nhiên liệu của họ đã cạn. Còn dưới đất thì có khoảng gấp đôi thế số máy bay đang chờ cất cánh. Nhưng dài CHDP chưa cho phép bắt cứ máy bay nào cất cánh, chừng nào tình hình trên không chưa bớt căng thẳng. Kết quả là cạnh nhà ga sân bay, trên các đường lăn và tại các cửa ra, rất nhiều máy bay đã nề máy sẵn vẫn phải nằm chờ.

Trong kho của tất cả các hãng hàng không, hành lý chất dày ứ, trong đó có cả những hành lý cần

vận chuyển gấp, nhưng tình hình thế này làm sao nói chuyện vận chuyển gấp được! Các nhân viên vận chuyển hành lý lo lắng nhìn những đồng hàng màu hồng — những bông hoa trống trong nhà kính, chờ từ Vaiominh đi Tân Oocléang; phó mát Penxinvan chờ đi Alaxca; đậu bà lan ướp lạnh chờ đi Aixlen; những con tôm hùm còn sống chờ từ bờ biển Đông nước Mỹ sang châu Âu. Những con tôm hùm này ngày hôm sau đã phải xuất hiện trong thực đơn của các khách sạn ở Edinburgh và Pari, dưới tên gọi «Những hải sản tươi sống của địa phương», và đám khách du lịch Mỹ cả tin sẽ tranh nhau đặt chúng. Bão bay không biết, chỉ biết là theo hợp đồng, những thứ hàng màu hồng này phải được chờ đến những địa chỉ đặt hàng vẫn còn tươi, và phải nhanh chóng.

Nhưng điều làm các nhân viên bối rối lo ngại nhất vẫn là đồng hàng của băng *Oimericor Erlain* — đó là mấy nghìn chú gà tây mới nở cách đây hai, ba tiếng đồng hồ. Lịch sinh đẻ của những chú gà này, sau đó là lịch chờ di băng máy bay, đã được tính toán từ nhiều tuần trước khi gà mẹ ấp chúng. Theo lịch thì chậm nhất là bốn tám tiếng đồng hồ sau khi nở, những chú gà này phải được chờ đến bờ biển phía Tây — đó là thời hạn tối đa để những sinh vật tí hon này có thể tồn tại mà không cần ăn uống. Chỉ tuân thủ những điều kiện như vậy thì việc vận chuyển thú hàng này mới không bị hư hao. Còn nếu dọc đường vận chuyển cho chúng ăn, thì chẳng những bản thân các sinh vật này, mà cả chiếc máy bay sẽ bốc mùi nặng đến nỗi mấy ngày sau cũng chưa hết. Bây giờ lịch vận chuyển đã bị chậm mất mấy tiếng đồng hồ. Vì thế người ta quyết định hủy bỏ

một chuyến máy bay hành khách, và thay bằng một chuyến chờ những chú gà con này — đảm ra loại « hàng hóa » mềm yếu này lại được ưu tiên hơn tất cả các loại hàng hóa và hành khách khác, kè cả các nhân vật « đặc biệt quan trọng ».

Trong nhà ga, hàng không cảnh tượng thật vô cùng hỗn loạn. Những phòng chờ chật nich người — hàng nghìn hành khách chờ đến lượt bay: một số chuyến bay bị hoãn, một số chuyến thì bị bãi bỏ hẳn. Khắp nơi chỗ nào cũng ngổn ngang hành lý. Cá gian nhà không lồ lúc này trong chảng khác già khán dài của sân vận động giữa lúc trận bóng đá đang căng thẳng nhất, hay như Cira hàng bách hóa « Mayxi » vào hôm trước lễ Giáng sinh.

Hàng chữ điện « Phi trường quốc tế Lincoln — Ngã tư hàng không thế giới » mọi hôm sáng rực trên nóc tòa nhà ga lúc này cũng bị hao tuyếp che lấp.

Nhin tất cả cảnh tượng đó, Mel Baycoxsend nghĩ rằng, điều đáng ngạc nhiên nhất là sân bay vẫn hoạt động được.

Mel — giám đốc sân bay — đang người cao mảnh, nhưng trông đĩnh, đặc một cách kỳ lạ, đang đứng trong phòng chỉ huy chống bão tuyết trên tháp cao, nhìn vào bóng tối. Mọi khi trong phòng kính này có thể nhìn rất rõ toàn cảnh phi trường: những đường hầm cát đánh, đường lăn và các dây nứa kho. Thực ra trong những chiếc máy bay đang bay trên trời bay dỗ dưới mặt đất chẳng khác gì những mô hình bé xíu, nhưng hình dáng của chúng ngay buổi tối vẫn có thể nhìn rất rõ dưới ánh sáng của những chiếc đèn pha cực mạnh. Chỉ có đứng trong phòng của Đài chỉ

huy diệu phái — cũng nằm trên tháp đó và chiếm
hai tầng trên cùng, — mới nhìn được bao quát hơn.

Nhưng hôm nay cũng chỉ nhìn thấy thấp thoáng
vài ánh đèn gần nhất sau tấm màn tuyet dày đặc đang
bị gió cuốn. Phải Mel nghĩ, nhiều năm nữa trong
hội nghị các nhà khí tượng, người ta còn phải nhắc
đến mùa đông này.

Trận bão tuyết này bắt đầu xuất hiện cách đây
chừng năm ngày tại một vùng núi ở Colorado. Khi
mới xuất hiện nó chỉ là một cột tuyết cao bằng ngọn
đồi nhỏ, và các nhà khí tượng học, trong khi lập
hàn đồ khí tượng cho các tuyến bay, hoặc đã coi
thường cái cột tuyết bé nhỏ ấy, hoặc hoàn toàn
không nhận ra nó. Thế là, tựa như đê trả thù hổ,
cột tuyết ấy cứ lớn dần lên và cuối cùng biến thành
một tai họa thực sự, thành một trận bão tuyết, lúc
đầu thổi theo hướng đông nam, sau ngược lên
phía bắc.

Nó tràn qua vùng Kanzas và Oclahoma, rồi dừng
lại ở Arizòn, tựa như đê lấy thêm sile. Ngày hôm
sau, khi đã mạnh lên và hung hán hơn, nó ào ào đổ
về thung lũng Misisipi. Nhưng chỉ đến Illinois nó
mới nổi lên diện cuồng nhất, nhiệt độ tụt hẳn xuống,
và cả ban ngày bị tê cứng trong băng giá — trong
vòng có một ngày mà lớp tuyết phủ mặt đất đã
dày tới mươi *inso* (1).

Lúc đầu trên sân bay tuyết rơi hãy còn nhẹ. Sau
đó nó bắt đầu trút xuống với tốc độ không gì ngăn
nỗi: những chiếc xe dọn tuyết chưa kịp dọn xong
đồng này đã xuất hiện đồng khác. Các nhân viên

(1) *Inso*: đơn vị độ dài Anh, bằng 2,54cm.

trong đội dọn tuyết người nào người nấy mặc lả
dừng không vững. Trong hai, ba tiếng đồng hồ vừa
rồi người ta đã phải cho một số về nhà nghỉ, vì họ
mệt quá dừng không nổi, mặc dù đối với những
trường hợp bất thường như thế này, trong sân bay
vẫn có sẵn chỗ cho họ tạm nghỉ, thay nhau ngủ lấy
sức.

Mel nghe thấy tiếng Beni Ferou, người trợ lý của
ông, chịu trách nhiệm chỉ huy công việc dọn tuyết,
đang đứng cạnh ông gọi điện thoại tới Trung tâm
chống tuyết:

— Chúng tôi sắp bị mất cả những bãi đỗ xe rồi.
Hãy gửi ngay cho sáu xe dọn tuyết và một đội
Banjô (1) nữa. Đường số bảy mươi tư!

Beni đang đứng trước bàn điều khiển — thực ra
cũng chẳng phải bàn, mà dáng hơn chỉ là một tấm
gỗ rộng có ba già đỡ. Trước mặt ông và hai người
phụ tá ngồi bên tay trái và tay phải ông có đặt một
loạt máy điện thoại, tê lách và máy thu phát vô tuyến.
Trên bàn thì là liệt những tấm bản đồ, biểu đồ và
những tờ phiếu ghi rõ vị trí của từng chiếc xe dọn
tuyết, cũng như của những người đang làm nhiệm
vụ dọn tuyết. Những đội Banjô trung bị những máy
cào tuyết đặc biệt thì được đánh dấu riêng. Lúc này
không khi làm việc trong phòng hết sức khẩn
trọng, nhưng khi mùa đông vừa kết thúc, căn
phòng sẽ trở lại yên tĩnh, vắng vẻ ngay.

Mảng trán hói của Beni bóng nhẫy mồ hôi, —
ông luôn tay ghi những dấu hiệu vào tấm bảng đồ
kho lớn của Phí trường. Ông nhắc lại yêu cầu với

(1) Banjô: đội dọn tuyết.

Trung Tâm chống tuyết — nghe giọng ông tướng ông đang van xin điều gì cho cá nhân, mà có lẽ cũng đúng như thế thật. Ở đây, ở trên cao này, là phòng chỉ huy. Và người chỉ huy phòng này phải hiểu rõ toàn bộ tình hình, phải biết rõ tính chất khẩn cấp của từng mệnh lệnh và cử ngay xe dọn tuyết đến nơi nào cần thiết nhất. Nhưng khó khăn là ở chỗ — có lẽ đó cũng là điều làm Beni cău đến nỗi thoát cả mồ hôi — là dưới kia, những người đang phải luôn tay dọn tuyết không phải lúc nào cũng tán thành với ông trong việc xác định xem chỗ nào cần giúp đỡ trước nhất.

— Rõ rồi!... Rõ rồi!... Thêm sáu xe dọn tuyết nữa! — có giọng gắt gỏng trong máy vô tuyến điện thoại từ đầu kia sân bay. — Đề chung tôi hỏi ông già tuyết đã, ông ta hình như đang ở quanh đây thôi. — Im lặng. Rồi lại gắt gỏng hơn: — Ông không nghĩ được điều gì thông minh hơn sao?

Mỗi nhín Beni lắc đầu. Ông đã nhận ra giọng nói trong máy điện thoại. — Đó là giọng của người thợ máy trưởng mà chắc đã phải làm việc liên tục không nghỉ từ khi bắt đầu có bão tuyết đến giờ. Trong hoàn cảnh thời tiết thế này khó mà giữ nỗi bình tĩnh — điều đó thật dễ hiểu. Thông thường, cứ sau một mùa đông căng thẳng vì có nhiều tuyết, những người thợ máy và ban giám đốc lại tổ chức một tiệc rượu đón ông với nhau, gọi là « bữa tiệc giảng hòa ». Phải, năm nay thế nào cũng phải tổ chức một bữa tiệc như thế.

Beni tìm cách làm cho anh chàng nóng nảy kia bình tĩnh lại.

— Nhưng chúng ta đã cù bốn xe dọn tuyết đi tìm chiếc picap chờ thức ăn từ nãy. Bây giờ những chiếc xe ấy phải rời rìa chứ?

— Tất nhiên,... nếu chúng đã tìm ra chiếc picap...

— Sao, đến giờ vẫn chưa tìm ra à? Mè kiếp, thế từ nãy các anh làm gì ở đây? Nhau nhiệt hay bấu chi con gái vậy?

— Thế ngồi chui mũi trong cái chuồng gà ấy ông có biết chuyện gì đang xảy ra ngoài phi trường không, hả? Thỉnh thoảng cũng phải ngó ra cửa sổ một tí chứ! Các ông có biết là ở đây chúng tôi đang như ở trên bắc cực không?

— Thời, khóa mõm vào đì, Eeni, — Đen khuyên — kéo không gió mạnh thế này chẳng mấy chốc anh cũng bị cảm lạnh đấy!

Nghé cuộc đấu khẩu «lịch thiệp» ấy, Mel hiểu rằng, tuy không phải tất cả những điều họ trao đổi với nhau đều đáng bàn tán, dù sao tình hình ở ngoài phi trường quả là khó khăn thật. Mọi cách đây một tiếng chinh Mel cũng vừa đi ra ngoài xem xét tình hình. Và tuy đã sử dụng những con đường dành riêng cho nhân viên phi trường, và đã thuột sân bay như lòng bàn tay, hôm nay ông cũng phải vất vả lầm mò định hướng được trong cảnh bão tuyết mịt mù, mấy lần suýt bị lạc đường.

Mel đi xe đến Trung tâm chống tuyết, nơi công việc đang hết sức khẩn trương. Nếu như Phòng điều khiển có thể gọi là Sở chỉ huy, thì Trung tâm chống tuyết có thể coi như đại bản doanh ngoài tiền phuong. Ở đây lúc nào cũng tấp nập và những người đeo công

cũng ra vào lắp nắp — một số người minh đam mồ hôi, một số thì lạnh công từ đầu đến chân, cả số công nhân thường xuyên lắn những người làm tạm thời, — thợ mộc, thợ điện, thợ ống nước, nhân viên, cảnh sát. Những người làm tạm thời là những người lấy từ đám công nhân của phi trường, và trong những ngày bão tuyết họ được trả lương gấp rưỡi. Mọi người ai cũng biết công việc phải làm, vì trong mùa hè và mùa thu họ đã được luyện tập như những người lính, đã biết cách dọn tuyet khỏi các đường hầm cát cát và đường lăn. Nhìn đám công nhân cứ hưng hực tập hất xêng giữa trời, nồng chang chang bên cạnh những chiếc xe dọn tuyet rù máy đứng không quả thật là ngộ nghĩnh. Nếu có người nào tỏ ý ngạc nhiên trước sự luyện tập công phu như thế, Mel Bayeoxfend lại nhắc cho họ biết rằng, việc dọn tuyet cả khu vực cơ động của phi trường là công việc hoàn toàn không đơn giản: vì nó tương đương với việc quét dọn một con đường dài bảy trăm dặm (1).

Trung tâm chống tuyet, cũng như Đài chỉ huy đặt trên tháp này, chỉ hoạt động vào mùa đông. Đó là một gian phòng lớn, tối tăm, nằm trên nóc một cái ga ra. Người phụ trách ở đó là một điều phái viên. Căn cứ vào giọng nói vang lên, lúc này trong máy vô tuyến điện thoại, Mel biết rằng người ta đã thay điều phái viên khác. — Có lẽ anh kia đã về phòng «tinh tú» để ngủ cho lại sức — Phòng «tinh tú» là tên người ta gọi đứa phòng ngự của công nhân dọn tuyet trong sân bay.

Máy vô tuyến điện thoại lại làm việc tắt bật, và lần này Mel nhận ra giọng người kỹ thuật viên trưởng:

(1) Dặm: một dặm Anh bằng 1,6 km.

— Chúng tôi cũng rất lo cho cái picap- ấy, ông Deni à. Anh chàng lái xe tội nghiệp có khi chết cõng ngoài sân băng rồi cũng nén. Dĩ nhiên không lo anh ta bị chết đói; miễn là cái bếp của anh ta còn đun được.

Chiếc « picap » rời « nhà bếp lưu động » cách đây ba tiếng đè đi đến sân bay. Hành trình của nó chạy theo chu vi sân bay và thông thường chỉ kéo dài chừng mươi lăm phút. Vậy mà đến giờ chiếc picap vẫn chưa đến được nơi quy định — chắc hẳn anh lái xe bị lạc đường và kẹt tuyet ở chỗ nào rồi. Hàng *Iunaitit Eolain* đã cử hẳn một đội đi tìm, nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả gì. Và bây giờ ban giám đốc sân bay phải đích thân lo chuyện này.

— Thế chiếc máy bay ấy của *Iunaitit Eolain* đã cất cánh chưa? Nó bay không có thức ăn à? — Mel hỏi.

Deni Ferou trả lời, mắt vẫn không rời bản đồ:

— Người chỉ huy chuyến bay đã nhường cho khách quyền quyết định. Anh ta nói với khách rằng phải chờ độ một tiếng nữa mới có xe chờ thức ăn khác đến, mà trên máy bay đã có sẵn đồ uống rồi, hành khách lại còn được xem phim, và ở California trời đang nắng đẹp. Tất cả mọi người đều tán thành rời khỏi nơi đây càng sớm càng tốt. Phải tôi, tôi cũng hành động như vậy.

Mel gật đầu. Ông rất muốn đích thân đi tìm chiếc « picap » và người lái xe. Nhưng ông tự kiềm chế ý muốn ấy, mặc dù bất cứ hoạt động nào đối với ông lúc này đều có ích cả. Cái không khí lạnh lẽo âm thấp kéo dài đã mấy ngày nay làm cho vết thương ở chân ông lại đau nhức, khiến ông nhớ đến Triều

tiền. Ông thay đổi tư thế, tỳ hàn người sang bên chân lành. Nhưng chỉ dịu được giây lát. Rồi cơn đau lại trỗi dậy.

Đứng bên Deni một lúc, Mel nghĩ rằng ông đã xử sự đúng khi quyết định không can thiệp vào công việc người khác. Deni đã làm tất cả những gì có thể làm: ông ta đã lấy máy chiếc xe gạt tuyết đang làm việc cạnh nhà ga sân bay và cắp ốc chuyên đến những con đường quanh sân bay. Không làm thế nào khác được: hành phải tạm ngừng việc dọn tuyết ở những bãi đỗ xe, mặc dù làm như vậy có thể xảy ra chuyện tồi tệ. Nhưng trước mắt phải tìm cho ra người lái xe bị mất tích.

Sau khi đưa ra những mệnh lệnh cần thiết và thích hợp, Deni bảo cho Mel biết:

— Ông hãy chuẩn bị đón làn sóng phản đối. Đội tìm kiếm sẽ buộc phải phong tỏa mọi con đường xung quanh. Hành phải giữ tất cả những chiếc «picap» lại trong khi chưa tìm ra anh chàng này.

Mel gật đầu. Công việc của ông vốn dĩ không sao tránh khỏi những lời kêu ca. Trong trường hợp này, — Deni nói đúng, — các hảng thế nào cũng sẽ nhao nhao phản đối khi biết những chiếc «picap» của họ bị giữ lại trên đường, còn nguyên nhân vì sao thì họ cóc cần biết.

Có những người nhất định không chịu tin rằng, giữa một trung tâm văn minh như thế này, người ta có thể bị chết chỉ vì ở ngoài trời, vậy mà chuyện đó lại hoàn toàn có thể xảy ra. Những khu ngoại vi xa tít của phi trường không phải là nơi dạo chơi vào những đêm như thế này. Nếu người lái xe quyết định

ngồi trong xe và mờ mày, tuyết sê phủ kín anh ta ngay và chẳng mấy chốc anh ta sẽ bị chết ngạt vì thán khí.

Một tay Deni gíss ông nghe màu đỏ của máy điện thoại, tay kia giở quyển hướng dẫn xử lý những trường hợp khẩn cấp, do chính Mel thảo ra một cách rất cẩn kẽ, tỉ mỉ.

Máy điện thoại màu đỏ dùng để liên lạc với người trực nhật cứu hỏa của sân bay. Deni giải thích ngắn gọn cho anh ta biết tình hình.

— Khi giao chúng tôi lùm ra chiếc « picap », anh phải cho ngay xe « cùp cùp » đến đó nhé — có lẽ cần máy hô hấp hoặc máy sưởi, mà cũng có khi cả hai. Nhưng tốt nhất đừng đi vội, chờng nào chưa biết chính xác vị trí của chiếc picap. Nếu không có khi lại phải cứ người đi bởi các bậu đáy.

Những giọt mồ hôi lúc này đã phủ kín mảng trán hói của Deni. Mel hiểu rằng, phải làm việc trong phòng này Deni không lấy gì làm thủ vi lâm: công việc thủ vi hơn nhiều của ông mà ông thường làm, là vạch chương trình hoạt động của sân bay, xây dựng những giả thuyết và dự án lô gich cho ngành hàng không tương lai. Khi đó ông có thể bình tĩnh suy nghĩ, canh nhắc tất cả mọi khả năng, chứ không phải giải quyết vấn đề một cách vội vã, chớp nhoáng như thế này. Và Mel nghĩ rằng, có những người sống bằng quá khứ, nhưng cũng có những người, như anh chàng Deni Feron này, thì lại chạy từ hiện tại đến tương lai. Nhưng lúc này dù có vui vẻ hay không, Deni vẫn cố gắng làm tròn nhiệm vụ, mặc dù mồ hôi ông vâng rà như tôm.

Mel thở tay qua vai ông ta, rồi lấy máy điện thoại nói trực tiếp với Đài CHÍP. Người chỉ huy các chuyến bay trả lời ông.

— Chiếc «Bóng bay trăm linh bảy» của Eoréo Méchxicon ở chỗ nào thế nào rồi?

— Vẫn thế thôi, thưa ông Baycoxrend. Đã hai tiếng đồng hồ chúng tôi cố tìm cách lôi nó đi nhưng chưa được.

Chuyện này xảy ra khi trời đã tối, người phi công của hãng Eoréo Méchxicon trong khi dẫn máy bay ra đường băng chuẩn bị cất cánh, do nhầm lẫn đã đi chệch sang bên phải, dây đèn hiệu đặt hai bên đường băng, chẳng may đúng chỗ đó có đồng đất cỏ chưa dọn — người ta định chờ khi nào hết mưa đông sẽ dọn. Cho nên, dưới lớp tuyết dày có một lớp đất bùn còn dày hơn. Thế là khi đi chệch sang bên phải, chiếc máy bay nặng một trăm hai mươi tấn đã bị lún sâu trong đất bùn.

Khi hiểu ra chiếc máy bay có tải nặng không thể nào tự thoát ra khỏi chỗ bùn định ấy được, người ta bèn quyết định bốc đám hành khách cầu nhau tức giận ra khỏi máy bay, và dẫn họ đi trên bùn tuyết, đèn những chiếc ô tô buýt được điều ngay tới đó. Từ đó đến nay đã hơn hai tiếng đồng hồ, nhưng chiếc máy bay phản lực không lồ vẫn không nhúc nhích được, và nằm chắn cả đường băng ba — không.

— Nghĩa là đường hạ cất cánh và đường lăn vẫn chưa sử dụng được? — Mel hỏi.

— Đúng thế, — người chỉ huy các chuyến bay đáp. — Chúng tôi đã giữ tất cả các máy bay đang

đỗ ở cửa ra lối, và cho chúng chuyển đến những đường băng khác.

— Chuyến này có ánh hường nhiều đến lịch bay không?

— Khoảng năm mươi phần trăm. Hiện nay chúng tôi có khoảng mười chuyến bay đang chờ ra đường băng, và cũng khoảng tám ấy chuyến đang chờ lệnh khởi động.

Đó, cái băng chứng hiện nhiên cho thấy việc xây thêm những đường hạ cất cánh — HCC — và đường lăn mới cho sân bay, cần thiết biết chừng nào, Mel nghĩ. Đã ba năm nay ông cố chứng minh rằng cần phải xây thêm một đường hạ cất cánh mới song song với đường ba-không, cũng như một loạt công trình khác, nhưng vô ích. Hội đồng đặc trách, dưới sức ép của các ông trùm chính trị thành phố, cương quyết bác bỏ đề nghị của ông. Người ta giải thích là vì tòa thị chính thành phố không hiểu vì sao không chịu cấp thêm vốn mới; mà không có số vốn đó tất nhiên không thể phê chuẩn những công trình như vậy được.

— Tai hại hơn nữa, — người chỉ huy các chuyến bay nói thêm, — vì đường bay ba-không không sử dụng được, nên các máy bay buộc phải cất cánh trên đầu thị trấn Médoud. Dân chúng nơi đó đã bắt đầu gọi điện tới phản đối.

Mel văng tục một câu. Thị trấn Médoud nằm ở phía tây nam sân bay, như một cái gai trước mắt ông và làm cản trở không ít đến công việc của ông. Mặc dù sân bay được xây dựng trước thị trấn papy rất lâu, nhưng dân chúng ở đây vẫn liên tục, và bằng

những lời lẽ hết sức gay gắt, kêu ca về tiếng ồn mà những chiếc máy bay gây ra khi bay qua đầu họ. Một lát sau báo chí cũng hùa theo chiến dịch này và đã lôi kéo thêm nhiều sự phản ứng cùng những lời công kích độc ác đối với sân bay và ban giám đốc của nó. Cuối cùng, sau những cuộc thương thuyết kéo dài, sau những cuộc rủm beng của báo chí và, theo Mel Baycoxend, sau những trò giàn lận nghiêm trọng, trong đó chính trị đóng vai trò khá lớn, sân bay và Cục hàng không liên bang đã phải nhượng bộ, và hứa chỉ trong những trường hợp hết sức cần thiết mới cho phép những máy bay phản lực bay qua đầu thị trấn Médoud. Song vì thiếu đường hạ cất cánh, nên quyết định này đã hạn chế rất nhiều khả năng của sân bay.

Hơn nữa: người ta còn quyết định: những máy bay nào cất cánh về hướng Médoud sẽ phải áp dụng ngay những biện pháp giảm tiếng ồn. Nhưng lúc đó lại để ra phản ứng của các phi công, vì họ cho rằng làm như vậy hết sức nguy hiểm. Song, do không muốn làm dân chúng thêm phản nổ và gây ra những vụ công kích mới, nên các hãng vẫn yêu cầu các phi công của mình phải chấp hành mệnh lệnh.

Tuy phải nhượng bộ như thế, nhưng dân chúng Médoud vẫn chưa chịu yên. Mấy tay thử lính hiếu chiến của họ vẫn tiếp tục công kích, tổ chức những cuộc biểu tình, và theo tin đồn mới nhất, còn dự định đưa sân bay ra tòa kiện.

— Có nhiều điện thoại về vụ này không? — Mel hỏi người chỉ huy các chuyến bay. Rồi ông buông bã nghẽ, đáng lẽ được làm việc, thì ông lại sắp phải mất hàng tiếng đồng hồ ngồi xem xét những đơn khiếu

nại, phải mở những cuộc tranh cãi mà rút cuộc chẳng đem lại cái gì.

— Có lẽ có đến năm mươi cú điện thoại rồi. Đó là mới kể những cú chúng tôi đã trả lời. Tôi chắc còn nhiều cú khác mà người ta không nói cho chúng tôi. Cứ hé có máy bay nào vừa cất cánh là các máy điện thoại của chúng tôi lại réo ngay. — mà không phải chỉ những máy có đăng ký trong danh bạ điện thoại, mà cả những máy không đăng ký nữa. Tôi sẵn sàng trả nhiều tiền để tìm hiểu xem làm thế nào họ biết được những số máy ấy.

— Những tôi hy vọng, ông đã trả lời cho họ biết, chúng ta buộc phải làm như thế chẳng qua vì hoàn cảnh đặc biệt: thứ nhất là vì bão tuyết, thứ hai, vì có một đường hầm cất cánh bị nghẽn.

— Tôi đã giải thích tất cả. Nhưng chẳng ai thèm nghe. Họ chỉ muốn các máy bay không bay qua đầu họ, có thể thôi. Có người còn tuyên bố họ không quan tâm đến chuyện của chúng ta, các phi công đã được lệnh phải giảm tiếng ồn, mà hôm nay họ không làm như vậy.

* — Mẹ kiếp, già tôi là phi công tôi cũng không làm như vậy! — Lê nào một người có hiểu biết, Mel nghẽ, lại có thể đòi phi công phải giảm động cơ ngay sáu khi vừa cất cánh trong thời tiết như thế này? Mà chỉ có làm thế mới giảm được tiếng ồn.

— Tôi cũng thế, — người chỉ huy các chuyến bay ủng hộ ý kiến của ông. — Mặc dù tất nhiên mọi chuyện tùy thuộc vào quan điểm của từng người. Giả dụ nếu tôi sống ở Mèdouud, có khi tôi cũng lại phản xét theo cách của họ.

— Nhưng Ông không sống ở Medoud, và Ông sẽ nghe chúng tôi. Vả lại cách đây nhiều năm chúng ta đã từng khuyên họ không nên xây nhà ở đó.

— Phải, có lẽ đúng.. Tuy nhiên một người cộng sự có thông báo cho tôi biết, hôm nay họ lại định tổ chức một cuộc mít tinh ở đấy.

— Trong thời tiết thế này ấy à?

— Vâng, có lẽ họ không từ bỏ ý định đâu, và nghe nói bình như họ còn có âm mưu gì nữa.

— Thời được, âm mưu gì thì chúng ta cũng sắp được biết thôi, — Mel nhận xét.

Nhưng dù sao, Mel nghĩ, nếu quả thực ở Medoud người ta định tổ chức mít tinh, thi đàng tiếc đúng ngày hôm nay sân bay lại có nhiều chuyện khiến họ có thể làm ầm ĩ. Trong cuộc mít tinh này tất nhiên sẽ có cả bảo chí và các chính khách địa phương, và việc các máy bay bay qua đầu họ — dù chỉ vì bắt buộc, sẽ cho họ có cơ để tiếp tục loa và thổi phồng. Tóm lại là đường băng ba-không càng được giải phóng nhanh chừng nào, càng tốt chừng nấy cho cả hai bên.

— Lát nữa tôi sẽ đích thân ra ngoài phi trường xem sao, — Ông nói với viên chỉ huy các chuyến bay. — Ông hãy chờ tin tức tôi báo về tại chỗ.

— Rõ!

— À này, — Mel quay sang chuyện khác, — cậu em tôi hôm nay trực ở đấy phải không?

— Vâng, Káyz đang ngồi trong phòng rada — ở hướng tây.

Mel hiểu rằng « hướng tây » là một trong những khu vực cảng thẳng nhất trong phòng điều phái. Làm việc ở hướng tây nghĩa là phải theo dõi tất cả các máy bay hạ cánh trong ở phía tây. Mel do dự một lát, rồi cho rằng ông hiều viên chỉ huy này khá rõ, và có thể hỏi ông ta một điều đang làm ông băn khoăn.

— Thế Káyz vẫn bình thường chứ? Có cảng thẳng quá không?

Người chỉ huy các chuyến bay ngáp ngừng một lát mới đáp:

— Tôi cho rằng có lẽ anh ấy cảng thẳng hơn mọi ngày.

Họ hiều nhau rất rõ, thời gian gần đây người em ruột của Mel là đối tượng quan tâm chung của cả hai người.

— Thú thật, — người chỉ huy các chuyến bay nói. — Tôi rất muốn giúp anh ta nhưng không được. Chúng tôi không đủ tay, người nào việc cũng bù đầu lêu râu. — Rồi ông ta nói thêm: — Kề cả tôi.

— Tôi hiểu. Và tôi cảm ơn ông lúc nào cũng để mắt theo dõi hộ Káyz.

— Cứ làm việc kiêu này thì sớm hay muộn người nào thản kinh cũng bị cảng thẳng hết — Không có cách nào khác. — Mel cảm thấy người chỉ huy thận trọng lời lời — Thậm chí có người còn mất tinh thần. Nhưng khi nào xảy ra chuyện đó bao giờ chúng tôi cũng tương trợ nhau.

— Cảm ơn! — Tuy vậy những điều nghe được cũng không làm tiêu tan nỗi lo ngại của Mel. — Có lẽ lát nữa tôi sẽ ghé qua chỗ các ông.

— Thưa ngài, vâng. — Và người chỉ huy đặt
ông nghe xuống.

Viên chỉ huy các chuyến bay dùng từ «ngài»
chẳng qua vì lịch sự, chứ thực ra ông ta không phải
cấp dưới của Mel. Ông ta chỉ chịu trách nhiệm trước
Cục Hàng không liên bang ở Oasinhton. Tuy nhiên,
quan hệ giữa các điều phái viên và ban giám đốc
sân bay bao giờ cũng tốt đẹp, và Mel cố gắng giữ
đề chung khỏi bị xấu đi.

Sân bay — bất cứ sân bay nào — đều là một cơ
cấu phức tạp, và quản lý nó không dễ dàng chút nào.
Không người nào có thể chịu trách nhiệm hết toàn
bộ mọi công việc, ngược lại cũng không một bộ phận
nào có thể hoạt động hoàn toàn độc lập được. Với
tư cách giám đốc sân bay, Mel là người có nhiều
quyền lực nhất, tuy nhiên vẫn có những bộ phận
mà ông cố gắng không can thiệp vào công việc của
họ. Một trong những bộ phận đó chính là Đài chỉ
huy điều phái và một bộ phận nữa là đại diện của
các hãng hàng không. Mel có thể can thiệp, và thực
lẽ ông đã can thiệp, vào những vấn đề có liên quan
đến hoạt động của sân bay nói chung, hoặc liên
quan đến việc phục vụ hành khách. Chẳng hạn ông
có thể yêu cầu một hãng hàng không nào đó gỡ đi
tấm biển treo ở cửa mà theo ông có thể làm hành
khách hiểu nhầm hoặc trái với những quy định của
sân bay. Nhưng những gì xảy ra đằng sau cánh cửa
có treo những tấm biển ấy, thì đương nhiên thuộc
quyền của các hãng.

Vì vậy người giám đốc sân bay không những
phải là người quản lý giỏi, mà còn phải là một nhà
ngoại giao khéo léo.

Mel đặt ông nghe xuống già. Qua máy điện thoại khác Deni Ferou đang đói co với người phụ trách bãi để xe ô-tô, đã hoàn toàn mệt lả và đám ra cầu gác vì suốt mấy giờ vừa qua phải nghe những lời kêu ca của chủ nhân những chiếc ô-tô bị kẹt tuyết. « Thế là thế nào, — người ta nói với anh ta như vậy. — Chắc lẽ sếp của anh trong sân bay không biết rằng tuyết đang rơi hay sao? Nếu biết thì, mẹ kiếp, tại sao không ai nhúc nhích gì hết, và không tìm cách dọn những đống bùn chết tiệt ấy đi cho người ta còn lối xe ra chứ! Hay là chúng tôi bị tước mất quyền dân chủ rồi? »

— Bảo với họ là chúng ta đã thiết lập nền độc tài rồi!

Không làm thế nào được, Deni nói thêm, họ phải đợi cho các xe dọn tuyết dọn xong tuyết ở ngoài kia đã, vì ở đó cần hơn. Khi nào có thể được, ông sẽ phái người và dụng cụ tới ngay. Câu chuyện bị cắt đứt — vì người chỉ huy các chuyến bay từ Phòng CHDP gọi đến. Vừa nhận được thông báo mới về thời tiết: cẩn cứ vào các diễn biến, thì một tiếng nữa gió sẽ đổi hướng. Nghĩa là sẽ phải làm việc ở các đường băng khác, vì thế có nên khẩn trương dọn tuyết ở đường băng một — bày bên trái không. Ông sẽ cố gắng, Deni nói vậy. Ông sẽ hỏi xem công việc của « Anaconda »⁽¹⁾ thế nào và sẽ gọi điện ngay.

Mọi người làm việc trong không khí căng thẳng. Họ túc trực cả ba ngày đêm nay — kể từ khi bắt đầu có bão tuyết. Và nói chung vẫn cầm cự được, vì thế không có gì ngạc nhiên khi màu giấy do người

(1) Anaconda — đoàn xe dọn tuyết.

liên lạc mang đến cho Mel cách đây mười lăm phút
càng làm ông cảm thêm. Mảnh giấy đó ghi :

« Ông m. !... tôi thấy phải báo trước cho ông :
tiểu ban chống tuyết (theo sức ép của v.d. — tại sao
ông anh rẽ của ông lại có vẻ không ưa ông thế ?)
đang chuẩn bị một bản điều trần công kích, cho rằng
những đường hạch cát cánh và đường lăn bị lấp tuyết
(đó là v.d. cho như thế) là do sự thiếu trách nhiệm
của ban giám đốc sân bay... bản điều trần buộc tội
cho sân bay (ông) là đã làm chậm trễ việc cát cánh
của hầu hết máy bay... và khẳng định rằng giá như
đường băng được dọn cần thận hơn, thì chiếc Boeing
707 đã không bị mắc kẹt... và bây giờ tất cả các hãng
đều bị thiệt hại ván ván và ván ván... — rõ chưa ?...
nói tóm lại là thời gian vừa qua ông ở đâu, — hiểu
chưa ?... ông bấy tut khỏi cái tháp ngà của mình và
chiều dài tôi cà-phê đi.

chào,

t. »

« t. » nghĩa là Tania — Tania Livinhxton, chuyên
viên phục vụ hành khách của hãng « Trans-Omérico »
và là bạn của Mel. Ông đọc lại mảnh giấy, cũng như
mọi khi bao giờ ông cũng đọc lại tất cả những mảnh
giấy của Tania mà không bao giờ ông có thể hiểu
ngay được: Tania, người có trách nhiệm giải quyết
mọi thắc mắc và khiếu nại của hành khách, không
thừa nhận những chữ hoa. Trong cuộc đấu tranh chống
chữ cái này, chị quyết liệt đến mức đi năn nỉ với
người thợ cơ khí của băng Trans-Omérico nhờ tháo
đi tất cả những chữ hoa trong máy chữ của chị, Mel
nghe kẽ sau đó có người trong cấp trên của chị đã làm

âm lên về chuyện này : hãng không thể nào chịu được chuyện các nhân viên tự ý phá hoại tài sản chung. Nhưng rốt cuộc Tania vẫn không bị làm sao. Mà nói chung chuyện gì xảy ra với chị cũng đều trót lọt.

Hai chữ v.d. ghi trong màu thư ám chỉ đội trưởng Vecnon Dimirest, phi công cũng của hãng Trans-Océanic. Đó là một trong những đội trưởng giỏi nhất và một thành viên tích cực của Hội phi công dân dụng, và mùa đông năm nay anh ta lại trúng cử vào tiêu ban chống tuyêt trong sân bay quốc tế Linheonk. Tiêu ban này có nhiệm vụ theo dõi, giám sát tình trạng của các đường hầm cất cánh và đường lăn trong thời gian có tuyêt rơi, và xác định tình trạng sử dụng của chúng. Trong thành phần của tiêu ban bao giờ cũng phải có một phi công đương nhiệm.

Ngoài những đặc điểm kể trên, Vecnon Dimirest còn có một đặc điểm nữa — anh ta là anh rể của Mel, vì lấy chị gái của ông tên là Xara. Phải nói rằng nhờ các cuộc hôn nhân và sự say mê có tính chất di truyền đến một nghề nghiệp nhất định, mà cả dòng họ Baycoxfend, từ gốc đến ngọn, đều làm nghề hàng không, tựa như thời xưa có những gia đình cả họ làm nghề di biến. Tuy nhiên, quan hệ giữa Mel và ông anh rể hết sức lạnh nhạt: Mel không ưa Vecnon vì tính tự phụ và kiêu ngạo, mà không phải chỉ mình Mel có ý nghĩ như vậy. Cách đây không lâu Mel và đội trưởng Dimirest đã cãi nhau kịch liệt trong cuộc họp của Hội đồng đặc trách, trong đó Dimirest là đại diện cho Hội các phi công dân dụng. Lúc này, Mel ngờ rằng bản điều trần công kích là do ông anh rể thảo ra, nhằm trả thù sự thất bại của anh ta trong phiên họp đó.

Bản thân bản điều trần không làm Mel lo lắng. Ông biết rằng, công việc điều hành sân bay dù có thiếu sót gì chăng nữa, thì trong hoàn cảnh bão tuyêt này nhiều cái còn có thể tồi tệ hơn. Tuy vậy bản điều trần này cũng làm cho công việc của ông thêm phức tạp. Nó sẽ được gửi cho tất cả các hãng hàng không, và chỉ nội nhât ngày mai là sẽ có những cú điện thoại và thư gửi đến chất vấn.

Vì thế Mel quyết định cứ chuẩn bị sẵn ý kiến đề phòng xa. Lát nữa, khi ra phi trường để xem việc kéo chiếc máy bay của hãng *Eoréos - Méchxicor* bị kẹt ở đường băng kia tiến triển đến đâu, ông sẽ nhân tiện kiểm tra luôn cả việc dọn tuyêt.

Trong lúc đó Deni Ferou lại đang gọi điện thoại tới trung tâm chống tuyêt. Chờ cho ông ta ngừng nói một giây, Mel bảo:

— Tôi xuống dưới nhà, rồi sẽ ra ngoài phi trường.

Ông nhớ đến mảnh giấy của Tania cùng lời mời uống cà phê của chị. Và quyết định trước hết trở về phòng làm việc của mình, sau đó, lúc đi qua nhà ga sân bay sẽ rẽ vào phòng làm việc của chị ở hãng Trans-Oméricor. Nghĩ thế trong lòng ông thấy ấm áp hơn.

2

Mel bước vào thang máy dành riêng cho nhân viên sân bay, tut từ tầng tháp xuống tầng làm việc của bộ phận hành chính. Trong những gian phòng giáp với phòng làm việc của ông không khí vắng lặng, bàn làm việc của các nhân viên tốc ký không có

người, mà may chăng còn phủ bao, nhưng phòng nào cũng sáng đèn. Mel bước vào phòng của mình. Ông mở chiếc tủ liền tường gần chiếc bàn rộng bằng gỗ đỏ mà thường ngày ông vẫn ngồi làm việc, lấy ra chiếc áo măng tô dày và đeo ống lồng.

Thực ra Mel không có việc gì đặc biệt phải ở lại sân bay hôm nay. Và điều đó dễ hiểu. Tuy vậy suốt ba ngày xảy ra bão tuyết, hầu như lúc nào ông cũng có mặt ở sân bay để phòng có việc gì phải giải quyết. « Nếu không có bão tuyết, — ông vừa nghĩ, vừa nghĩ, — có lẽ lúc này mình đang ngồi nhà với Xindi và các con ».

Nhưng có thực ông sẽ ngồi nhà với vợ con không ?

Còn người ta dù cố tỏ ra khách quan đến mấy, Mel nghĩ, không phải lúc nào cũng hiểu được cài động cơ thúc đẩy anh ta. Rất có thể nếu không có bão tuyết, ông lại có cớ khác để không về nhà. Thời gian gần đây ông bắt đầu muốn càng ít ở nhà càng tốt. Tất nhiên công việc cho phép ông có thể làm như vậy. Nó cho phép ông bắt cứ lúc nào cũng có thể ở lại sân bay, nơi thời gian gần đây trước mắt ông này ra rất nhiều vấn đề, không kẽ hở linh trạng rối ren như hôm nay. Một khác, nếu tự thành thực với mình, phải thừa nhận rằng sân bay đã giúp ông tránh được nhiều trận cãi nhau mà chắc chắn thế nào cũng xảy ra giữa ông và Xindi mỗi khi hai người ở cạnh nhau.

— Hừ, mẹ kiếp ! — bỗng nhiên Mel văng tục một câu rất to giữa căn phòng yên tĩnh.

Bước nặng nề trong đôi ống lồng, ông đi đến bàn làm việc. Nhìn vào mảnh giấy nhỏ do cô

thư ký đề lại, ông hiểu rằng: quả đúng như vậy. Ông nhớ ra đúng vào tối nay có một trong những cuộc họp từ thiện té ngắt mà vợ ông sẽ tham gia. Vài tuần trước Mel đã phải miễn cưỡng nhận lời đưa vợ tối đây. Sẽ có cúc-tay và ăn tối tại khách sạn « Leik Misigan Inn » sang trọng (trong mảnh giấy có ghi như thế). Còn cuộc họp là chức nhàn dịp gì thì không thấy nhắc đến. Có thể vợ ông đã nói cho ông biết, nhưng ông quên mất. Mà có nhỡ hay không cũng thế thôi! Những cuộc họp mà Xindi đến dự bao giờ cũng té ngắt như nhau. Theo ý cô ta, cái chính không phải ở mục đích, mà là ở địa vị xã hội của các bà bảo tám cùng đến dự với cô ta trong những tiều bang khác nhau.

May ra hôm nay ông sẽ giữ được hòa khí với vợ. Cuộc họp này bắt đầu lường đối muộn, ông còn được gần hai tiếng đồng hồ tự do nữa, và cứ như thời tiết thế này thì chắc không phải chỉ có mình ông đến muộn. Vì thế ông hoàn toàn có đủ thời gian đi một vòng xung quanh sân bay. Sau đó ông trở về phòng làm việc, cạo râu, thay quần áo, và sẽ có mặt tại thành phố trong đôi sờn. Nhưng dù sao cũng nên báo trước cho Xindi thì tốt hơn. Mel nhắc máy điện thoại thành phố quay số máy cửa già đình.

Cô con gái lớn Röbecka của ông trả lời.

— Chào con, — Mel nói. — Ông già của con đây.

Ô đầu kia dây nói nghe thấy giọng hờ hững của Röbecka:

— Con cũng nhận ra rồi.

— Thế nào, công việc ở trường của con ra sao?

— Bố có thể hỏi chính xác hơn được không?
Chúng con có cả một đồng mòn. Bố định hỏi mòn
nào?

Mel thở dài. Có những hôm ông cảm thấy neden
tảng gia đình ông hình như đang bị tan vỡ từng
mảng. Chẳng hạn như hôm nay, có Rôbecia của ông
chắc đang ở trong tâm trạng «cảm cồn», theo cách
nói của mẹ cô ta. Phải chăng, Mel nghĩ, khi các cô
con gái đến tuổi mười ba thì tất cả các ông bố đều
mất đi linh thần của họ. Mọi cách đây chừng một
năm hai bố con ông còn hết sức thân thiết với nhau,
tưởng không thể nào thân hơn được. Mel quý cả
hai cô con gái — cô Rôbecia và cô út Libi. Ông
thường nghĩ, cuộc hôn nhân của ông với Xindi sở
dĩ còn duy trì được chặng qua cũng nhờ hai cô bé
đó. "Tất nhiên" Mel hiểu rằng, dần dần cô Rôbecia
sẽ phải có những sở thích riêng mà ông không thể
chia sẻ, cũng như không thể hiểu được. Ông đã có
ý chờ đợi ngày đó. Nhưng ông không ngờ cô bé lại
có thể nhanh chóng xa rời ông, hoặc đổi xứ với ông
một cách thờ ơ, thậm chí hơi có chút khinh thường
như vậy. Thực tình, nếu nhận xét một cách khách
quan hơn, thi không thể không thú nhận rằng, sự
lực đuc giữa ông và Xindi đã góp phần làm sâu
thêm hố ngăn cách ấy. Bởi dù sao con cái cũng rất
nhạy cảm với tất cả mọi chuyện.

— Thời được, bố không hỏi chuyện ấy nữa, —
Mel nói. — Mẹ con có nhà không?

— Mẹ đi rồi. Mẹ dặn con khi nào bố gọi điện
về thi nhắc bố là mẹ chờ bố trong thành phố, và
lần này bố cũ gắng dừng đến muộn.

Mel cõ nén giận. Mà đúng là giận cái gì? Rôbecta chẳng qua chỉ nhắc lại lời của Xindi. Ông vẫn thường được nghe Xindi nói như vậy.

— Nếu mõe có gọi điện về, con hãy bảo là có thể bố đến muộn một chút nhé, nhưng vì những nguyên nhân không phu thuộc vào bố.

Ở đầu kia dây nói thấy im lặng, và Ông hỏi:

— Con có nghe thấy không đấy?

— Có, à — Rôbecta nói. — Bố có dặn gì nữa không? Vì con có nhiều bài tập phải làm lắm!

— Còn một chuyện nữa, Mel không nhìn được nữa, to tiếng — là thưa bà trè, từ giờ xin bà hãy đổi giọng và tỏ ra kính trọng bố bà một chút: Điểm thứ hai: cuộc nói chuyện chỉ kết thúc khi nào bố thấy cần thiết.

— Tùy bố.

— Và đừng gọi bố là bố nữa!

— Được thôi, thưa bố.

Mel suýt phì cười, nhưng kìm được. Ông hỏi:

— Mọi việc ở nhà bình thường cả chứ?

— Vâng. Nhưng Libi có chuyện gì muốn nói với bố..

— Gượm đã. Bố đang định nói với con: vì bão tuyết có lẽ bố không về nhà được, Ở sân bay của bố chưa biết sẽ còn xảy ra chuyện gì. Vì thế có thể bố sẽ trở lại sân bay và ngủ lại ở đó.

Lại thấy im lặng. Rôbecta ngăn ngừ: không biết có nên nói khay một câu, kiêu như «Bố không nghĩ

ra được điều gì mới mẻ hơn ư», hay không, nhưng cuối cùng có quyết định im lặng.

- Bây giờ con có thể gọi Libi được chưa ạ?
- Được rồi. Chúc con ngủ ngon, Rôbi.
- Chúc bố ngủ ngon.

Nghe thấy tiếng sột soạt — máy điện thoại được chuyển từ tay người này sang tay người khác — sau đó là giọng nói lạnh lùng và hồn hèn vì xúc động của Libi :

- Bố ơi, bố ơi! Bố đoán xem chuyện gì nào?
- Libi bao giờ cũng nói bằng giọng hồn hèn, tựa như vào cái tuổi lên bảy, lúc nào cô cũng vội vã chạy đuổi theo cuộc sống, và chỉ lo bị chậm.
- Đề bộ nghĩ xem nhé, — Mel nói. — A, bố biết rồi: hôm nay con chơi tuyết phải không?
- Vâng, con có chơi. Nhưng không phải chuyện đó.

— Thế thì bố chịu. Con phải nói cho bố biết thôi.

— Thế này bố ạ: cô Kerzon đãn chúng con về nhà phải viết luận về tất cả những gì tốt đẹp mà chúng con chờ đợi trong tháng tới.

Mel au yếm nghĩ thầm, ông hoàn toàn có thể hiểu được tâm trạng vui vẻ sôi nổi của Libi. Đối với cô bé tất cả mọi thứ trong thế giới này đều có vẻ hấp dẫn và tốt đẹp, còn cái gì không lỗi thì nhanh chóng bị vứt bỏ và lãng quên. Cái tuổi ngày thơ, vô tư và hạnh phúc đó của cô bé liệu có kéo dài được lâu không, ông nghĩ.

— Thế thì hay lắm. — Mel nói. — Theo bộ chuyện đó rất thú vị.

-- Bố ơi, bố ơi ! Thế bố giúp con nhé !

— Tất nhiên, nếu bố có thể giúp được.

— Con cần cái bản đồ tháng hai.

Mel lùm lùm cười : Libi tự sáng tác ra cái kiêu nôì liên lão của mình, và những từ cô bé sử dụng nhiều khi diễn cảm hơn cả những lời thông thường. Nhưng lúc này điều đó gợi cho Mel ý nghĩ là chính ông cũng nên ngó qua cái bản đồ thời tiết tháng hai.

— Cuốn lịch ấy nằm trên bàn viết trong phòng làm việc của bố ấy.

Mel hướng dẫn tì mì cho con gái cách tìm cái bản đồ, rồi nghe thấy tiếng lạch bạch của đôi chân nhỏ xíu. Libi đã chạy đi tìm cuốn lịch, quên cả máy điện thoại. Robecta hình như đã gác máy lên già mà không nói câu nào.

Mel bước ra ngoài phòng làm việc đi dọc theo hành lang của dãy phòng hành chính, chiếc áo măng tô dày vắt trên tay.

Bỗng nhiên ông dừng lại, nhìn xuống dưới, xuống gian phòng đông nghịt người, mà trong nửa tiếng vừa qua hình như lại càng đông hơn. Tất cả ghế trong phòng chờ đều có người ngồi. Những quầy thông tin và phòng chỉ dẫn trống giồng những hòn đảo bị biển người vây quanh ; trong đó có nhiều quận nhân. Trước mặt các quầy làm thủ tục của hành khách những hàng người xếp rất dài — một số hàng rồng rắn dài đến nỗi không nhìn thấy đuôi nữa. Sau các quầy đó, các nhân viên bán vé và kiểm tra đồng gấp đôi ngày thường — những người làm ca trước phải ở lại giúp những người làm ca sau và trước mặt họ,

những tờ lịch chuyến bay và sơ đồ chỗ ngồi trong máy bay bày la liệt như bàn tay phò trước mặt người chỉ huy dàn nhạc.

Việc hoãn và thay đổi hành trình các chuyến bay do bão tuyết gây ra đã buộc phải kiểm tra lại cẩn thận cả lịch các chuyến bay, cũng như lòng kiên nhẫn của con người. Ở dưới nhà, ngay dưới chỗ Mel đang đứng là văn phòng của hãng « Branif », và một người đàn ông trung còng trẻ, tóc nhạt đẽ dài, có quấn khăn phu lá vàng, về mặt hầm hập, đang quát tháo om sòm :

— Sao lại loạn như thế được : tại sao tự dừng tôi lại phải bay đến Kanzax Xiti qua Tân Oocléang ? Các cô định cắt lại địa điểm hay sao ? Người ta vừa mời cho các cô một lì quyền là các cô làm loạn ngay lập tức !

Cô bán vé, một cô gái tóc đen xinh đẹp, trạc hăm hai, hăm ba tuổi, mệt mỏi đưa tay lên quét mắt, trả lời với giọng nhẫn nại nghề nghiệp :

— Thưa ông, chúng tôi có thể cho ông bay thẳng được, nhưng, nhưng chúng tôi chưa biết khi nào. Trong thời tiết thế này thì đi đường vòng sẽ nhanh hơn, mà giá vé vẫn như thế.

Phía sau ông khách có quấn phu lá vàng là một hàng người rất dài, và người nào cũng có việc khẩn cấp của mình... Cạnh quầy bán vé của hãng *Iunaïl Eorlán* đang diễn ra màn kịch cảm khái. Một vị thương gia ăn mặc sang trọng đang cùi hắn người giải thích gì đó với nhân viên của hãng. Căn cứ vào nét mặt và diện bộ của ông ta, Mel có thể dễ dàng đoán ra cuộc đối thoại giữa hai người đại khái như sau :

« Tôi rất mong được bay chuyến sớm nhất »

« Nhưng thưa ông, rất tiếc là không còn chỗ. Ông thấy đấy, chúng tôi có bao nhiêu hành khách đang xếp hàng chờ trả lại vé ».

Nói đến đây người bán vé ngược nhìn vị khách và bỗng im bặt. Trên quầy trước mặt anh ta có chiếc cặp da, và nhà thương già — không nhiều lời, nhưng hết sức rành rọt — gõ gõ tấm thẻ nhựa vào mép chiếc cặp. Những tấm thẻ đó người ta phát cho các hội viên của câu lạc bộ « Mười vạn dặm », do hãng Iunailit Eolain sáng lập, cho những hành khách thường xuyên của mình — đó là những hành khách hệt giống mà tất cả các hãng đều mong có. Nét mặt người bán vé lập tức thay đổi, có lẽ anh ta đã trả lời : « Vâng, xin ngài chờ một lát để chúng tôi thu xếp ».

Chiếc bút chì trong tay người bán vé giơ lên và gạch đi tên một hành khách trong danh sách — người đăng ký sớm hơn rất nhiều và có đầy đủ cớ sở để được mua vé. — và thay vào đó anh ta ghi tên nhà thương già kia vào. Những người đứng xếp hàng phía sau không hay biết tí gì.

Chuyện như thế xảy ra ở tất cả các hãng máy bay, và Mel biết rõ chuyện đó. Chỉ những người ngày thơ bay qua bàng quang với tất cả mọi chuyện, mới tin ở sự chắc chắn của cái gọi là « danh sách xếp hàng » và « danh sách đăng ký trước », cũng như ở sự công tâm của những người mà số phận của họ nằm trong tay những người ấy.

Cặp mắt của Mel dừng lại ở nhóm người trong biêt ngay vừa từ thành phố đến, lúc đó đang bước

vào phòng chính của nhà ga sân bay. Người nào, người nấy ra sức rũ tuyết trên quần áo: rõ ràng là bão tuyết không hề ngọt đùi, mà ngày càng mạnh hơn. Nhưng ông chưa kịp nghĩ hết chuyện đó thì những người vừa vào đã bị hòa lẩn trong đám đông nhốn nháo trong nhà ga.

Trong số tám chục ngàn hành khách hàng ngày đi qua nhà ga, chỉ có một số ít ngược mặt nhìn lên trên — nơi có các cơ quan hành chính, và hôm nay số đó lại càng ít hơn, vì thế hầu như không ai để ý thấy Mel đang đứng trên đó nhìn xuống dưới. Đối với đa số hành khách, phi trường chỉ là những chuyến bay và các máy bay. Nhiều người có lẽ không hiểu rằng trong phi trường cũng có những phòng làm việc hoặc một ban quản trị nào đó, trong khi đó là cả một cơ chế tuy vô hình, nhưng rất phức tạp, bao gồm hàng trăm người, — một bộ máy có nhiệm vụ duy trì hoạt động của phi trường.

Nhưng có lẽ như thế lại may, Mel thậm nghĩ rồi theo cầu thang đi xuống dưới. Vì nếu người ta biết rõ hơn và nhiều hơn, có khi họ lại phát hiện ra cả những thiếu sót trong công việc của sân bay, cũng như việc đi máy bay đối với họ nguy hiểm như thế nào, và khi đó họ sẽ bay không còn với cảm giác yên tâm như trước nữa.

Xuống tối-gian phòng chính; Mel tiến về phía cửa phòng làm việc của hãng Trans-Omérico. Khi ông đi ngang qua quầy đăng ký của hành khách thì có một nhân viên gọi ông :

— Chào ông Baycoxend. Ông tìm bà Llvinlxton phải không ạ ?

Thật là lạ, Mel nghĩ : dù bạn rộn đến mấy, bao giờ người ta cũng có thì giờ để ngồi lê đài mách và theo dõi những người khác. Không biết có nhiều người thích ghép tên ông với tên Tania hay không ?

— Phải, — Ông đáp. — Tôi đang muốn tìm chính bà ấy.

Anh nhân viên hất đầu về phía chiếc cửa trên cõi đè : « Dành riêng cho người của hảng ».

— Bà ta đang ở trong ấy, thưa ông Baycoxend. Chúng tôi vừa gặp một chuyện hơi bức mùh. Bà Livinbxton đang phải giải quyết.

3

Trong phòng khách nhỏ thường dùng để tiếp những nhân vật đặc biệt quan trọng, một cô gái mặc đồng phục của nhân viên bán vé đang khóc nức nở, Tania Livinbxton cho cô ta ngồi xuống ghế.

— Cứ bình tĩnh, — Tania nói với giọng của người từng trải. — Không đi đâu vội. Khi nào cô bình tĩnh lại chúng ta sẽ nói chuyện.

Nói đoạn Tania cũng ngồi xuống, vuốt lại nếp chiếc váy đồng phục bó sát người của hảng. Trong phòng không còn ai nữa. Chỉ nghe thấy tiếng nức nở của cô gái và tiếng máy điều hòa nhiệt độ kêu ù ù.

Hai người phụ nữ chênh nhau khoảng mươi lăm tuổi. Cô gái thì xấp xỉ hai mươi, còn Tania đang sắp bước vào tuổi bốn mươi. Nhưng nhìn cô ta, Tania cảm thấy khoảng cách giữa họ lớn hơn nhiều, và sở dĩ có khoảng cách ấy có lẽ vì Tania đã có chồng —

mặc dù đã lâu và rất ngán ngủi, nhưng dù sao cũng là người có chồng.

Hôm nay lần thứ hai chị nghĩ đến tuổi tác của mình. Lần đầu ý nghĩ ấy thoáng hiện trong óc chị là vào buổi sáng, khi chải đầu chị nhận ra mấy sợi tóc bạc trong mớ tóc uốn rất dày, màu hung sáng của mình. Những sợi tóc bạc đó nhiều hơn so với tháng trước, khi lần đầu tiên chị nhận thấy chúng. Và cũng giống lần ấy, chị lại có ý nghĩ rằng — bốn mươi tuổi là cái ranh giới khi người phụ nữ đã phải biết rõ mình đang đi đâu và để làm gì. Rồi chị lại nghĩ, mười lăm năm nữa đứa con gái của chị sẽ bằng tuổi cô gái Petxi Xinit đang ngồi khóc trước mặt chị lúc này.

Trong lúc đó Petxi đang lấy chiếc khăn tay hoa do Tania đưa cho cô, lau đi mắt đỏ hoe, nói giọng vẫn còn nghẹn ngào :

— Có lẽ không bao giờ họ dám nói nặng thô lỗ như thế... ở nhà... ngay cả với vợ.

— Cô muốn nói những hành khách ?

Cô gái gật đầu.

— Không, nhiều người ở nhà họ cũng ăn nói như vậy, — Tania nói. — Cô Petxi à, bao giờ cô lấy chồng, có thể cô cũng sẽ gặp phải chuyện ấy, mặc dù thực lòng tôi không mong cho cô như thế. Cô thấy đấy, khi người đàn ông bị vỡ kế hoạch, họ cứ như con gấu bị xéng dày trói, — về điểm này thì cô đúng.

— Chị đã hết sức cố gắng, tất cả chúng cháu đều cố gắng... suốt cả ngày hôm nay... cả ngày hôm qua... cả ngày hôm kia... Thế mà họ ăn nói với chúng cháu như thế...

— Cô muốn nói rằng họ đối xử với cô như thế
cô là người gây ra bão tuyết, cô tình gây ra đè làm
khó khăn cho họ phải không?

— Vâng,... Sau đè đến lượt người đàn ông kia...

Trước đó, nói chung cháu vẫn giữ được bình
tĩnh...

— Nhưng cu thể đã xảy ra chuyện gì? Vì khi
người ta cho gọi tôi thì cuộc to tiếng đã xong rồi.

Cô gái dần dần bình tĩnh lại.

— Chá là... Ông ta có vẻ đi chuyến bay mươi
hai, nhưng vì thời tiết chuyến đó bị bãi bỏ. Cháu đã
dành cho ông ấy một chỗ trên chuyến một trăm
mười bốn, nhưng ông ta ra máy bay thêm. Ông ta
bảo ông ta đang ngồi trong tiệm ăn và không nghe
thấy thông báo cho lên máy bay.

— Trong các tiệm ăn người ta không phát thông
báo cho lên máy bay qua đài, — Tania nói. — Mà
chỉ có thông báo dán tường, ngoài ra, giờ bay còn
được in trên tất cả các thực đơn.

— Khi ông ta đến gặp cháu, cháu cũng đã nói
với ông ta như thế, thưa bà Livinhxton. Nhưng ông
ta vẫn tiếp tục quát tháo àm ĩ, làm như cháu là
người có lỗi trong chuyện ông ta nhỡ máy bay. Ông
ta bảo tất cả chúng cháu là lũ què tay, vừa làm vừa
ngủ gật.

— Rồi cô đi gọi người phụ trách?

— Vâng, nhưng ông ấy đang bận. Tất cả chúng
cháu ai cũng rất bận.

— Rồi sau thế nào?

— Cháu cho ông ta một vé trong khoang bô sung, chuyến mười hai — h้าน hai.

— Rồi sao nữa?

— Ông ta hỏi thế chuyến ấy chiếu phim gì? Cháu nói cho ông ta tên phim, nhưng ông ta bảo ông ta xem phim ấy rồi. Rồi ông ta lại sừng cồ lên. Ông ta cứ khăng khăng đòi xem cái phim chiếu trong chuyến bay bị hủy. Và hỏi cháu có thể cho ông ta đi chuyến nào có chiếu phim ấy được không. Trong khi đó bao nhiêu người đang xếp hàng chờ, có người bắt đầu quặt lên bảu cháu lè mề. Thế là... khi ông ta lại lải nhải về chuyện phim ảnh, cháu tức mình... — Cô gái im lặng một lúc. — Chắc bà biết rồi, cháu đã...

— Cô quăng vào mặt ông ta tờ lịch ghi các chuyến bay chứ gì? — Tania nhắc.

Petxi Xmit gật đầu — nét mặt cô trông rất đau khổ. Xem chừng cô lại sắp òa lên khóc.

— Vâng. Chính cháu cũng không hiểu tại sao cháu lại như thế, thưa bà Livinhxton... Cháu quăng cho ông ta tờ lịch bay và bảo ông ta muốn chọn chuyến nào thì chọn.

— Vâthôi chắc, — Tania nhận xét, — cô đã ném trúng ông ấy?

Cô gái ngược mặt nhìn chị. Trong đôi mắt cô không còn nước mắt nữa, mà đã thấy hơi ấm lên nét cười.

— Tất nhiên là trúng. — Rồi như nhau ra chuyện gì cô cười khúc khích : — Giả bà nhìn thấy bộ mặt ông ta lúc ấy! Ông ta cứ há hốc mồm, mắt tròn xoe. — Nét mặt cô gái lại nghiêm trang lại. — Sau đó...

— Sau đó thế nào tôi biết rồi. Cô ôm lên khóc, điều đó là tất nhiên thôi. Rồi người ta dẫn cô về đây để cô khóc hết. Thôi, bây giờ cô ra lấy xe taxi mà về nhà đi. Cô gái tròn mắt nhìn chị.

— Bà muốn nói rằng... chỉ có thể thôi à?

— Tất nhiên. Thế cô tưởng thế nào? Cô tưởng cô bị đuổi ngay phải không?

— Cháu... cháu cũng không biết nữa.

— Chúng tôi sẽ buộc lòng phải đuổi cô, cô Petxi à, mặc dù phải làm như thế chúng tôi không vui lòng chút nào, — Tatia nói, — nếu như lần sau cô còn tái diễn chuyện đó. Nhưng tôi chắc cô sẽ không bao giờ phạm lại khuyết điểm đó nữa. Không bao giờ nữa, đúng không?

Cô gái lắc đầu dứt khoát.

— Không, cháu sẽ không thể nữa. Cháu không thể giải thích vì sao, nhưng cháu biết chắc là không bao giờ cháu làm chuyện ấy nữa.

— Nếu vậy ta chấm dứt lại đây. Tất nhiên, nếu cô không muốn biết chuyện gì đã xảy ra sau khi người ta dẫn cô về đây.

— Cháu rất muốn biết.

— Một hành khách đang xếp hàng tiến đến quầy bán vé và tuyên bố rằng ông ta đã nghe thấy và nhìn thấy hết từ đầu đến cuối. Ông ta có cô con gái bằng trạc tuổi cô, ông ta nói thế, và nếu có ai nói thô lỗ với con gái ông ta như thế, ông ta sẽ tự lay đám vỡ mặt hắn ra. Thấy thế một ông khách khác — ông nào, có đè lại họ tên và địa chỉ — nói rằng nếu cái gã thô bạo kia có đưa đơn kiện cô, thì hãy cho ông

ta biết, ông ta biết ông ta hứa sẽ làm chứng và kể lại toàn bộ sự thật như thế nào. — Tania mỉm cười. — Vì thế có nên biết rằng trên đời vẫn còn có người tốt.

— Cháu biết, — cô gái nói. — Những người đó tuy không nhiều lắm, nhưng nếu gặp con người dễ chịu và đáng mến như thế, cháu sẵn sàng ôm lấy người đó mà hôn.

— Rất tiếc là chúng ta không được phép làm như vậy, cũng như không được phép vứt giấy tờ vào mặt khách. Chúng ta phải đối xử với tất cả mọi hành khách như nhau, và phải tỏ ra lịch sự, ngay cả khi gặp những người khách bất lịch sự với chúng ta.

— Tất nhiên rồi, thưa bà Livinhaton.

Tania nghịch bụng, với cô Petxi Xmit này sẽ không có gì phải lo nữa. Cô gái sẽ không đưa đơn xin thôi việc, như một số người khác thường làm sau khi gặp chuyện khó chịu như vậy. Hơn nữa: lúc này, sau khi đã bình tĩnh lại, Petxi gần như đã qua cuộc thử thách, và điều đó sẽ còn có ích cho cô ta trong tương lai.

Phải, Tania nghĩ, chỉ có Trời mới hiểu được người ta cần phải có bao nhiêu nghị lực và kiên nhẫn mới có thể làm việc với khách hàng được. — Ở bất kỳ cương vị nào. Như ở phòng bán vé trước chẳng hạn.

Chỉ hiểu rằng những người làm việc ở bộ phận này trong thành phố còn phải chịu đựng nhiều hơn cả các nhân viên bán vé tại sân bay. Từ khi bắt đầu xảy ra bão tuyết, họ đã phải trả lời điện thoại hàng nghìn câu hỏi của hành khách về việc hoãn và thay đổi lịch bay. Không ai muốn làm việc ấy cả, vì những cú điện thoại cứ réo liên tục như thế chắc chắn sẽ làm người ta phải cău gắt, và thường bao giờ cũng

kết thúc bằng những cuộc cãi lộn. Có cảm tưởng như việc trì hoãn các cuộc cất cánh và hạ cánh bỗng làm thức dậy cái bản năng thù vật vã vẫn nằm ngủ trong con người. Một người đàn ông vô cớ trút lên đầu người phụ nữ cả một loạt những câu nói thô lỗ tục tằn — thậm chí cả những người hàng ngày vẫn tỏ ra dịu dàng lịch sự, bỗng chốc cũng trở nên đanh đá, lầm mờm. Và không hiểu sao khó chịu nhất vẫn là phải tiếp xúc với những hành khách đi Niu-Yooc. Các nhân viên quyết định không bào trước bằng điện thoại cho hành khách đi Niu-Yooc về chuyện hoãn hay hủy bỏ các chuyến bay — thà chả còn hơn phải nghe những câu chửi rủa tục tĩu mà họ biết chắc sẽ trút lên đầu họ. Tania thường thắc mắc không biết Niu-Yooc có sức quyến rũ gì mà bất cứ người nào bê có vé rồi là cứ cuồng lên muốn bay ngay đến đó.

Tania biết trước, khi nào tình trạng bận rộn căng thẳng của ngày hôm nay vừa giảm đi, lập tức sẽ có nhiều người đưa đơn yêu cầu thanh toán — cả ở phòng bán vé trước cũng như ở các bộ phận dịch vụ khác. Bao giờ cũng vậy. Sẽ có cả một vài trường hợp rối loạn thần kinh khác. — Nhất là trong số những cô gái trẻ, những người rất dễ nhạy cảm với thái độ thô bạo, thiếu tế nhị. Thật đúng là lúc nào cũng giữ được lịch sự, dù anh có được rèn luyện bao nhiêu đi nữa. Nghĩ thế, Tania thấy sung sướng vì đã an ủi được cô Petxi Xmit, từ nay chắc chắn cô gái sẽ không hành động như thế.

Có tiếng gõ cửa, chị ra mở và Mel Baycoxend xuất hiện trên ngưỡng cửa. Ông đi ủng lông, chiếc áo măng-tô dày thi vắt trên tay.

— Tôi đi ngang đây, — ông nói. — Nếu chị đang bận, lát nữa tôi ghé lại cũng được.

— Không, không, mời anh vào. — Tania mỉm cười sung sướng khi nhìn thấy ông. — Tôi xong ngay bây giờ đây.

Trong khi Mel bước vào chị chăm chú nhìn ông và nghĩ: « Trong anh ấy có vẻ mệt mỏi ». Sau đó chị lại quay sang cô gái, viết gì vào tấm phiếu rồi đưa cho cô ta.

— Cô hãy đưa phiếu này cho người điều xe tắc xi, Cô Petxi à, và anh ta sẽ cho cô về nhà. Cô hãy nghỉ cho thật lại sức đi, rồi ngày mai tiếp tục đến làm việc. Tôi hy vọng ngày mai sẽ được nhìn thấy cô khoẻ khoắn, vui vẻ.

Khi cô gái đi rồi, Tania quay người trên chiếc ghế xoay về phía Mel, vui vẻ nói :

— Nào, bây giờ xin chào anh.

Mel gấp tờ báo đang định đọc lại, mỉm cười.

— Chào chị !

— Anh có nhận được mẫu giấy của tôi không ?

— Tôi đến đây chính là để cảm ơn chị vì mẫu giấy đó. Mặc dù không có mảnh giấy, có lẽ tôi vẫn ghé thăm chị. — Rồi bắt đầu về phía cửa, nơi cô gái vừa đi ra, ông hỏi : — Có chuyện gì thế ? Cô ta mệt quá phải không ?

— Vâng. — Tania kè lại cho ông nghe chuyện vừa xảy ra.

Mel khẽ thở dài.

— Thú thật, tôi cũng rất mệt. Hay chị cũng cho tắc xi đưa tôi về nhà được không ?

Tania nhìn ông dò xét. Đôi mắt màu xanh sáng

của chị nhìn thấu lòng ông. Chị ngồi, đầu hơi ngả sang một bên, — dưới ánh sáng của chiếc đèn trần, mái tóc chị hơi ánh bạc. Bộ quần áo đồng phục bộ sáu người càng làm nổi bật nét tròn lẳn mềm mại của thân hình thanh tú và cân đối. Và không phải lần đầu tiên Mel bỗng lại cảm thấy con người chị thật hấp dẫn và được sống cùng chị thật dễ chịu biết bao.

— Đề tôi nghe đã, — chị nói — Tôi có thể cho tắc-xi đưa anh về, nếu anh đồng ý về nhà tôi và cùng ăn trưa với tôi. Tôi có thể biết anh món bê hầm.

Ông im lặng, cân nhắc mọi cái «nên» và «không nên», rồi tiếc rẻ lắc đầu.

— Tôi rất muốn như thế, nhưng... lúc này chúng tôi đang có bao nhiêu việc phải giải quyết, hơn nữa tôi lại có việc phải vào thành phố. — Ông đứng dậy, — Nhưng chúng ta có thể cùng uống cà-phê với nhau.

— Thế cũng được.

Mel mở cửa, nhường Tania ra trước, ông ra sau, rồi cả hai cùng tiến vào gian phòng đồng nghịt người.

Quanh quầy vé của hãng Trans-Océan lúc này người còn đông hơn cả lúc Mel đi qua ban nãy.

— Chúng ta phải nhanh một chút, — Tania nói, — Vì tôi còn phải trực hai tiếng nữa.

Rồi họ bắt đầu lách qua đám đông, thỉnh thoảng lại phải đi vòng để tránh những đồng hành lý — Tania đi chậm hơn mọi khi để Mel theo kịp. Chị nhận thấy chân ông bị lật lênh hơi nặng. Chị rất muốn khoác tay đỡ ông, nhưng hiểu rằng không thể làm như vậy. Vì chị đang mặc đồng phục làm việc, với lại chưa như thế đã có bao nhiêu lời đồn đại rồi.

Thời gian gần đây nhiều người bắt gặp chị cùng đi với Mel ở chỗ đông người, và Tania tin chắc rằng cái bộ máy tung tua ở sân bay làm việc với tốc độ của người liên lạc trong các khu rừng rậm thời tiền sử, hoặc với tốc độ của chiếc máy tính điện tử hiện đại, đã ghi lại trường hợp hôm nay. Chắc chắn tất cả các nhân viên ở phi trường đều nghĩ rằng chị đã ngủ với Mel, mặc dù thực ra hoàn toàn chưa có chuyện đó.

Lúc này họ đang đi đến « Tiệm cà-phê của những phi công trên mây » trong gian phòng chính.

— Nhận tiện tôi muốn bàn về món bê hầm — Mel nói. — Chúng ta có thể hoãn bữa tiệc đó vào dịp khác được không? Ngày kia chẳng hạn.

Lời mời lúc này của Tania làm ông quá bất ngờ. Thực ra họ đã gặp nhau và ngồi chuyện trò với nhau — bên ly rượu hay trong bữa ăn ở khách sạn — không phải một lần. Nhưng chưa lần nào Tania ngỏ ý mời ông về nhà chơi. Rất có thể lần này chị cũng chỉ mời ông về nhà dùng cơm thôi. Nhưng... cũng có thể vì cả chuyện khác.

Ít lâu nay Mel cảm thấy, nếu họ cứ tiếp tục gặp nhau không phải chỉ trong công việc, thì quan hệ giữa hai người chắc chắn có thể tiến xa hơn. Nhưng ông không muốn vậy: linh tinh nhắc cho ông biết, quan hệ giữa ông và Tania có thể biến thành sáu sắc hơn là chuyện chơi bời hoa lá, và sẽ lôi kéo cả hai người đi xa hơn nữa. Mà Mel lại phải tình đến cả quan hệ giữa ông và Xindi. Không dễ gì có thể làm cho quan hệ đó trở lại bình thường được, cho dù ông có muốn. Con người ta không phải bao giờ

cũng có thể giải quyết được tất cả những vấn đề đùa
lên đầu anh ta. Có một điều rất lạ là, Mel nghĩ: khi
quan hệ vợ chồng còn bền vững thì chuyện lăng
nhăng lại dễ dàng, nhưng khi quan hệ đó đã rạn
nứt thì lại khó hơn nhiều. Tuy vậy lời mời của Tania
cũng quyền rủ đến mức khó mà từ chối.

— Ngày kia là chủ nhật, — chị nhắc ông. — Tôi
không phải trực, nhưng nếu anh rồi được thì càng
tiện cho tôi: tôi sẽ có nhiều thời gian hơn.

Mel mỉm cười.

— Sẽ có nến và rượu vang chứ?

Ông quên khuấy mất ngày kia là chủ nhật. Nhưng
cô lẽ ông vẫn phải đến sân bay, dù bão tuyêt có ngọt
thì hậu quả của nó vẫn còn. Với lại chính Xindi cũng
nhiều lần bỏ đi chơi một mình ngày chủ nhật mà
chẳng thèm nói với ông câu nào.

Bỗng Tania nhảy sang một bên tránh một người
đang vừa đi vừa thở hòn hòn, theo sau là một công
nhân khuân yác đội mũ lưỡi trai đó đang đầy cái xe
trên chất đầy vali, trên nóc đồng vali là những cây
vợt tennis và gậy chơi golf. «Chắc ông ta bay về
phía nam» — Tania nghĩ bụng mà không khỏi thay
ghen tỵ.

— Ông! — chị nói khi Mel tiến lên kịp. — Sẽ có
nến và rượu vang.

Khi họ vừa bước vào tiệm cà phê thì bà chủ tiệm
đáng điệu tháo vát nhận ngay ra Mel, chạy vội đến
chỗ họ và dẫn họ đến một chiếc bàn nhỏ trong góc,
trên bàn có tấm biển để chữ «Đã có người», đó là
chiếc bàn dành riêng cho nhân viên sân bay. Lúc
ngồi xuống, Mel bị vấp vào chân ghế suýt ngã nghiêng.

may đang nắm vội lấy tay Tania. Chi tiết đó không lọt khỏi cặp mắt tinh ranh của bà chủ tiệm và bà ta nhếch môi cười. « Chiếc máy tung tin lại sắp sửa loan đi những lời thêu dệt mới ». — Tania nghĩ.

— Động kinh khủng, — chị nói. — Bà bao giờ em nhìn thấy cảnh người động như vậy chưa? Suốt ba ngày nay — cứ y như cảnh ngày tận thế.

Mel đưa mắt nhìn tiệm cà-phê động nghịt người. Xen lẫn tiếng người nói chuyện ồn ào huyên náo là tiếng cốc đĩa chạm nhau kêu lạnh lẽo. Sau tấm cửa bằng kính có một biến người đang hồi bả đi lại.

— Nếu hôm nay chị đã cho là ngày tận thế, — ông nói, — thì chị hãy chờ khi nào loại máy bay C-5A được đưa vào sử dụng.

— Tôi hiểu. Bay giờ mới có loại « bom bay trăm bốn bảy » mà chúng ta đã phải vứt và rồi, còn nếu phải bán vé cho hàng nghìn hành khách một lúc thì... Đúng là kinh khủng! — Tania khẽ rùng mình. — Anh có thể hình dung được cảnh tất cả số hành khách đó bắt đầu nhận hành lý sẽ như thế nào không? Ôi, cứ nghĩ đến đã thấy sợ rồi!

— Không phải mình chị, mà nhiều người cũng không muốn nghĩ đến chuyện đó, mặc dù nhiệm vụ của họ là phải nghĩ đến. — Và phải nghĩ ngay từ bây giờ. — Mel thấy buồn cười là câu chuyện của họ chưa kịp bắt đầu đã lại chuyển sang đề tài hàng không. Tất cả những gì có liên quan tới máy bay và các chuyến bay đều có sức hấp dẫn Tania như nam châm và chị rất thích nói chuyện đó. Cả Mel cũng vậy, và đó là lý do tại sao ông thích trò chuyện với chị.

— Thế ai là người không thích nghĩ đến chuyện ấy?

— Những người có các công trình ở dưới đất. — Các nhà ga hàng không, các đường hầm cảng và đường lăn. Phần lớn họ có thái độ như thế máy bay phản lực bao giờ cũng chỉ như bây giờ. Họ cho rằng cứ việc ngồi yên và bình thản, thì những chiếc máy bay phản lực không lồ mới sẽ không xuất hiện, và sẽ không có chuyện gì rắc rối kết. Do đó cũng chẳng cần cải tạo lại các hệ thống phục vụ dưới đất.

— Nhưng ở tất cả các sân bay người ta đang xây dựng nhiều lầm cơ mà! — Tania đăm chiêu nhận xét. — Bay đến chỗ nào cũng thấy.

Mel rút thuốc mồi chí, nhưng chí lắc đầu, nên ông hút một miếng.

— Hầu hết những cuộc xây dựng ấy chỉ là sự chắp vá, một vài cải tạo, hay mở rộng không đáng kể những sân bay được xây từ những năm năm mươi hay đầu những năm sáu mươi. Ngoài ra hầu như người ta chưa làm gì cho tương lai cả. Tất nhiên cũng có trường hợp ngoại lệ, như sân bay Lox Angiolex, hoặc sân bay Tampa ở Florid, hoặc Balax Fort Uert. Đó sẽ là những sân bay đầu tiên trên thế giới được xây dựng để tiếp nhận những máy bay phản lực siêu âm không lồ mới. Ở các sân bay Kanazax Xiti, Huston, và Tôronto tình hình cũng không đến nỗi tồi. Cả sân bay Xan Franxitxcô cũng đang có kế hoạch cải tạo, mặc dù các nhà chính khách của chúng ta có thể làm vỡ kế hoạch đó. Đây, toàn bộ tình hình của Bắc Mỹ có lẽ là như vậy.

— Thế còn ở châu Âu?

— Châu Âu thì toàn sân bay cũ cả, — Mel nói. — trừ Pari. Cái sân bay mới ở phía bắc, thay cho sân bay Lorraine nổi tiếng, có lẽ sẽ là một trong những sân bay tốt nhất. Còn ở Luân đôn thì rất, lộn xộn, cái kiêu lộn xộn mà chỉ người Anh mới có thể tạo ra được. Ông suy nghĩ một chút rồi tiếp, — Với lại cũng không nên phê phán các nước khác. Vì ngay ở ta tình hình cũng chẳng tốt đẹp gì. Niu-Yooc đang ở trong tình trạng tồi tệ kinh khủng, mặc dù sân bay Kennodi đang tiến hành một số cải tạo, nhưng bầu trời trên thành phố lúc nào cũng đóng nghẹt. Có lẽ sắp tới tôi cũng chỉ dám đi xe lửa tới đó thôi. Oasinhlon nói chung vẫn cầm cự được, mặc dù sân bay quốc gia là một cái lỗ thủng đáng sợ. Nhưng sân bay Dalex lại là bước tiến bộ không lồ. Sân bay muộn thì dẫn chúng ở Chicagô sẽ hiểu ra họ bị chậm mất hai mươi năm, — Mel dừng lại suy nghĩ, — chỉ còn nhớ vào những năm khi máy bay phản lực đầu tiên mới xuất hiện, thì ở các sân bay chuyên dùng cho những chiếc DC-4 đã xảy ra tình trạng như thế nào không?

— Tôi nhớ, — Tania đáp. — Vì chính tôi làm việc tại một trong những sân bay ấy. Ngay ngày thường cũng không sao len chân nói, còn ngày nào có nhiều chuyến — thì có thể nói là không thở được. Chúng tôi còn nói đùa với nhau rằng cảnh tượng đó chẳng khác nào như khi người ta muốn quay cảnh đánh nhau lớn trên một sân chơi trẻ con.

— Đến những năm bảy mươi, — Mel nhận xét, — tình hình sẽ còn tồi tệ hơn nhiều. Và không phải chỉ vì số hành khách quá đông. Chúng ta sẽ bị ngạt thở vì cái khói.

← Ví dụ ?

— Sẽ có rất nhiều khó khăn với các đường hầm cất cánh, và vấn đề điều khiển, nhưng đó đã là mục đặc biệt rồi. Cái chính là, điều mà những người thiết kế sân bay không hề tính trước, chẳng bao lâu nữa, rất chóng thời, sẽ đến ngày khai lượng hàng hóa vận chuyển vượt quá số lượng hành khách rất nhiều. Và điều đó sẽ xảy ra với tất cả các loại phương tiện vận tải, kè cá canh. Lúc đầu người ta chờ người lái chính, hàng hóa chỉ là phụ, nhưng chưa kịp ngoảnh đi ngoảnh lại thì hàng hóa đã bắt đầu lấn chỗ của hành khách. Trong hàng không chúng ta đã bước vào ranh giới của thời kỳ ấy, mặc dù chưa có mấy ai nhận thức ra điều đó. Khi nào số lượng hàng hóa nhiều hơn — điều đó chỉ trong vòng chục năm tới sẽ xảy ra, — thì khái niệm của chúng ta về một phi trường như hiện nay sẽ tỏ ra lạc hậu một cách thảm hại. Chị muốn dẫn chứng ư? Chị cứ thử ngó xem số thanh niên vào làm việc trong bộ máy hành chính ở sân bay muốn xin vào đâu? Mọi cách đây không lâu hầu như chẳng ai thiết vào làm tại các phòng vận chuyển hàng hóa. Người ta xem nó như một thứ lao động khờ sai — khả năng tiến thủ chỉ có ở những người làm việc với hành khách. Nhưng bây giờ trái hẳn lại. Bây giờ tất cả những ai biết nhín xa đều muốn vào làm ở các bộ phận vận chuyển hàng hóa. Họ đã nhận ra tiền đồ và khả năng tiến nhanh chính là ở chỗ đó.

Tania bật cười.

— Nghĩa là tôi đã trở thành người lạc hậu rồi, vì tôi thích làm việc với con người hơn. Còn hàng hóa thì dù sao...

Cô phục vụ tiến lại phía bàn họ.

— Các món ăn xuất hết mất rồi, và nếu khách cứ tiếp tục đồng như thế này, thì nói chung chỉ loáng nữa sẽ chẳng còn món gì cả.

Họ đặt cà phê, Tania gọi thêm món bánh mứt chanh, còn Mel thì thêm món xăng uỷch với trứng. Khi cô phục vụ đi khỏi Mel khẽ cười gần.

— Hình như tôi vừa đọc một bài diễn văn. Xin lỗi.

— Chắc anh muốn diễn tập, — Chị nín ông có vẻ dò hỏi. — Thời gian gần đây anh ít có dịp diễn thuyết.

— Đúng, vì tôi không còn là chủ tịch Hội đồng giám đốc sân bay nữa. Tôi không phải đi Oasinhton hay các thành phố khác nữa. — Nhưng đó không phải nguyên nhân duy nhất. Khiến Mel thôi không phát biểu ở đâu nữa và nói chung đã trở thành một nhân vật ít tiếng tăm hơn. Ông nghe rằng Tania cũng đã Biết chuyện này.

Kè cũng lạ, nhưng đúng là tại một trong những lần phát biểu của Mel số phận đã gắn bó hai người với nhau.

Một hôm tại cuộc họp chung mà thỉnh thoảng các hãng máy bay lại tò chừng, Mel nói về những thay đổi trong tương lai của ngành hàng không và về sự lạc hậu của những dịch vụ dưới đất so với tiến bộ trên không. Ông lợi dụng diễn đàn cuộc họp như một dịp để «diễn thử» bài phát biểu của ông sẽ đọc tại cuộc hội thảo toàn nước Mỹ vào tuần tới. Tania dự cuộc họp đó với tư cách đại diện của hãng Trans-

Omérico và ngày hôm sau chỉ gửi cho ông một mảnh giấy không có những chữ hoa:

«Thưa ngài b.

một bài diễn văn rất hay, tất cả những người làm việc dưới đất chúng tôi bài lòng khi biết những người chế tạo ra các sân bay đã ngủ trên những tấm bản vẽ, phải có người nói ra điều đó, ông có thể đề nghị ai? diễn văn sẽ sinh động hơn nếu nói ít hơn về kỹ thuật, mà nhiều hơn về con người, hành khách ngồi trong bụng (dù là bụng máy bay hay bụng cá mập cũng thế thôi) đều chỉ nghĩ đến mình chứ không nghĩ đến thế giới, tôi tin rằng cả orwil và uilber vừa rời khỏi mặt đất cũng chỉ nghĩ như vậy, đúng không?

t.»

Mảnh giấy không chỉ làm Mel buồn cười, mà còn bắt ông phải suy nghĩ. Vì quả thực, ông cho rằng ông chỉ tập trung chú ý vào những con số và các hệ thống máy móc, còn con người thì không được nhắc đến. Ông xem lại bản nháp bài phát biểu và sửa lại một số chỗ theo sự góp ý của Tania, kết quả là bài phát biểu của ông thành công rực rỡ chưa từng thấy. Mọi người vỗ tay hoan hô ông nhiệt liệt, sau đó trên các báo và tạp chí khắp thế giới người ta trích dẫn rộng rãi những lời phát biểu của ông. Tất nhiên ông đã gọi điện cảm ơn Tania. Từ đó họ bắt đầu tìm cách gặp nhau.

Nhờ đến mảnh giấy đầu tiên của Tania, Mel lại nhớ đến mảnh giấy ông vừa nhận được của chị tối nay.

— Cảm ơn chị đã cho tôi biết về bản điều trần của tiều ban chống tuyết, mặc dù tôi vẫn chưa hiểu làm cách nào chị có thể nhìn thấy nó trước tôi.

— Chuyện ấy chẳng có gì bí mật cả. Họ đánh mày tài liệu đó trong phòng làm việc của hãng Trans — Omérico chúng tôi. Tôi trong thay ông đội trưởng Dimirest đọc bản đó và nhếch môi cười.

— Vecnon đã cho chị xem bản điều trần ?

— Không, chẳng qua những tờ giấy năm trước mặt ông ta, và tôi biết đọc ngược các chữ cái. Tuy nhiên, anh vẫn chưa trả lời câu hỏi của tôi : Tại sao ông anh rẽ anh lại không ra anh đến thế ?

Mel cau mày.

— Chắc là vì anh ta đoán ra, tôi cũng chẳng ra gì anh ta cho lắm.

— Nếu muôn, ngay bây giờ anh có thể nói thẳng với ông ta điều ấy, — Taoia nhận xét. — Con người yết đại ấy hiện đang có mặt ở đây. — Chị hất đầu về phía quầy trả tiền, Mel ngoài đầu nhìn theo hướng đó.

Đội trưởng Vecnon Dimirest, một người đẹp trai, cao lớn, vai rộng, cao hơn hẳn mọi người xung quanh một cái đầu, đang trả tiền. Mặc dù anh ta đang mặc bộ quần áo thường phục của hãng — chiếc áo vét vải tilt suy và chiếc quần lửng hăng, — toàn bộ con người anh ta vẫn toát ra một vẻ gì đĩnh đạc, oai vệ một cách kỳ lạ. (« Đúng là viên tướng trong bộ thường phục » Mel nghĩ) Khuôn mặt cương nghị, với những nét cân đối đều đặn của anh ta, có vẻ kin đáo lạnh lùng, — nó không hề thay đổi ngay cả khi anh ta nói chuyện với một phi công khác của hãng Trans — Omérico đang đứng bên cạnh. Có lẽ Dimirest đang ra lệnh gì đó cho viên phi công này, vì thấy ông ta cứ đứng im lặng nghe và gật đầu. Còn Dimirest vừa nói vừa đưa mắt nhìn quanh tiệm cà-phê,

và khi nhìn thấy Tania và Mel, anh ta hơi khẽ nghiêm đầu. Sau đó anh ta nhìn đồng hồ, nói thêm câu gì đó với người phi công, rồi đi ra phía cửa.

— Hình như ông ta đang vội, — Tania nhận xét. — Quả thực ông ta không còn nhiều thời gian. Hôm nay ông ta phải bay đi Rôm, chuyến hai.

Mel mim cười.

— Chuyến « Argos vàng »?

— Chính thế. Tôi thấy hình như anh có đọc quảng cáo của chúng tôi.

— Làm sao mà không đọc nó được! — Cũng như hàng triệu người đề ý đến trang giữa in bốn màu trong các tạp chí « Laif », « Luke », « Poste » và nhiều tạp chí lớn khác, tất nhiên Mel biết rằng chuyến hai của hãng Trans Oméricor, biệt hiệu là chuyến « Argos vàng », là chuyến lịch sự, sang trọng và đắt giá nhất của hãng này. Ông cũng biết rằng, chỉ huy những chuyến quan trọng như thế phải là những phi công lành nghề nhất.

— Với lại ai cũng biết rằng, Mel nhận xét. — Vénon hiện nay là một trong những phi công giàu kinh nghiệm nhất của chúng ta.

— Ồ, đúng thế, giàu kinh nghiệm nhất, và cũng kiêu căng nhất. Tania lưỡng lự, nhưng rồi vẫn quyết định nói: — Nếu anh không ghét bỏ những lời đồn đại, tôi có thể nói với anh rằng, anh không phải là người duy nhất có nhận xét như thế về ông anh rể của anh. Tôi nghe nói cách đây không lâu, một trong những người thợ máy của chúng tôi có nói: rất tiếc là bây giờ máy bay không còn cảnh quạt nữa, chư

không thể nào cũng có ngày đợi trường Đimirest rơi vào gầm cánh quạt.

— Một câu đùa không lấy gì làm nhân đạo lắm.— Mel ngắt lời chị.

— Tôi đồng ý với anh. Riêng tôi, tôi thiên về ý kiến của giám đốc hãng chúng tôi là ngài Ianguyst. Theo tôi được biết, ông ta có phát biểu về Đimirest như thế này: «Đừng để con gà tây hung hăng ấy đến gần tôi, nhưng bay thì tôi chỉ muốn bay với anh ta».

Mel cười nhạt. Ông biết rõ cả hai người: phải, Ianguyst có thể nói câu đó. Tất nhiên Mel hiểu rằng ông không nêu hạ mình đến chỗ phê phán Vecnon Đimirest, nhưng tin về bản điều trần do tiêu ban chống tuyết thảo ra, và ý nghĩ về những cái khó chịu mà nó sẽ gây ra cho ông, vẫn còn làm ông thấy tức giận. Ông nghĩ, không biết ông anh rể của ông với đi đâu lúc này—chắc lại đến chỗ hẹn hò tình ái nào đó; người ta đồn về khoản này anh ta là một tay-thiện nghệ. Mel nhìn theo Đimirest, nhưng đám đông trong gian phòng đã che lấp mắt anh ta.

Tania đang ngồi trước mặt ông nhanh nhẹn đưa tay vuốt lại nếp váy. Từ lâu Mel đã nhận thấy thói quen này của chị và ông rất thích cùi chị ấy. Trong cùi đó có cái gì rất phu nữ và quyến rũ, bắt người ta phải nhớ rằng bộ đồng phục hàng không chỉ hợp với một vài phu nữ. Riêng với Tania, nó không chỉ hợp mà còn làm tăng thêm vẻ duyên dáng của chị.

Mel biết rằng, một vài hãng máy bay cho phép các nhân viên của mình ở cấp bậc nào đó có thể không mặc đồng phục, nhưng hãng Trans Omerica cho rằng, bộ quần áo xanh da trời với những lon chéo

vàng làm tôn vê oai nghiêm cho người mặc nó. Hai vòng vàng và một đường viền trắng quanh cổ tay áo của Tania là dấu hiệu chứng tỏ chức vụ cao và quan trọng của chị.

Như đoán được ý nghĩ của Mel, Tania nói :

— Có lẽ tôi sắp trút bỏ bộ đồng phục này.

— Tại sao vậy ?

— Viện trưởng ban vận chuyển hành khách của chúng tôi được mời giữ chức vụ như thế ở Niu-Yooc. Viện phó sẽ được cử thay chức ông ta, và tôi đã đưa đơn xin thay vào chỗ còn khuyết.

Mel nhìn chị với ánh mắt vừa tò mò vừa khám phục.

— Được chứ sao ! Theo tôi chị hoàn toàn có thể đảm nhiệm chức vụ ấy. Và có thể tiến xa hơn nữa.

Chị dường mày nhìn ông.

— Chắc anh cho rằng tôi có thể làm cả phó giám đốc nữa ?

— Sao lại không ? Tất nhiên nếu chị thích. Tôi muốn nói : nếu chị thích trở thành lãnh đạo.

— Tôi cũng chưa biết là tôi muốn điều đó hay muốn cái gì khác — Tania đầm chiêu đáp.

Cô phục vụ mang thức ăn đến. Khi cô ta đi khỏi, Tania nói :

— Thực ra đối với những phụ nữ làm việc như tôi, không phải bao giờ cũng có quyền lựa chọn. Nếu anh không muốn dám chắn tại chỗ cho đến lúc về hưu — mà nhiều người chúng tôi không thích thú gì chuyện đó — thì con đường duy nhất là leo lên cao.

— Thế chị định loại trừ việc lấy chồng hay sao ?
Tania lựa chọn mãi mới lấy một mầu bảnh.

— Không, không loại trừ. Nhưng tôi đã bị bỏng
một lần rồi, nghĩa là có thể bị bỏng lần nữa. Với lại
cũng không có nhiều người — ý tôi muốn nói những
người chưa vợ muốn lấy phụ nữ đã có con.

— Nhưng dù sao vẫn có ngoại lệ chứ.

* — Nếu vậy tôi có thể đoạt cả cúp Irlau. Tôi muốn
nói với anh điều này. Mèl thân mến ạ, trên cơ sở
kinh nghiệm bản thân tôi : người đàn ông thích những
phụ nữ không có gánh nặng. Anh có thể hỏi ông
chồng cũ của tôi về chuyện đó. Tất nhiên là nếu anh
tim thấy anh ta. Còn tôi thì hiện chưa tìm ra.

— Anh ta bỏ chị khi chị đã có cháu ư ?

— Ồ, không ! Tất nhiên là không ! Nếu vậy Roy
đã phải chăm sóc tôi ít nhất nửa năm. Theo tôi, hôm
thứ năm tôi có nói với anh ta rằng tôi có mang —
chẳng qua vì tôi không thể im lặng được nữa. — thì
hôm thứ sáu, khi đi làm về, tôi đã không thấy cả Roy
lần đợt đặc của anh ta nữa. Đây, chuyện như thế đấy.

— Và từ đó chưa lần nào chị gặp lại anh ta ?

Chị lắc đầu.

— Những chuyện đó rõ cuộc làm cho việc ly dị
chả chúng tôi dễ dàng hơn nhiều : vì anh ta bỏ đi —
có thể thôi. Bỏ đi không một lời giải thích. Roy
không phải là một tay hoàn toàn đều. Chẳng hạn,
anh ta không rút đi một đồng nào trong tài khoản
chung của chúng tôi ngoài nhà băng, mặc dù anh ta
hoàn toàn có quyền làm như vậy. Sau này thỉnh thoảng tôi cứ nghĩ, không biết anh ta làm thế vì lòng

tốt, hay chẳng qua vì anh ta quên mất. Nhưng dù sao bây giờ tôi vẫn được hưởng toàn bộ tám mươi đôla ở đó.

— Trước đây chưa bao giờ chị kè cho tôi nghe chuyện đó. — Mel nói :

— Thế chả lẽ tôi phải kè bay sao ?

— Chị có thể kè lầm chứ — để tôi có thể thông cảm với chị.

Chị lại lắc đầu.

— Nếu anh biết tôi rõ hơn, chắc anh sẽ hiểu rằng, hôm nay tôi kè cho anh nghe chuyện đó thì cũng hoàn toàn không phải vì tôi cần anh thông cảm. Về nói cho cùngh, cuộc sống của tôi cũng không đến nỗi khó khăn lắm. — Tania mỉm cười. — Thập chí sau này tôi có thể trở thành phó giám đốc hàng, như anh nói cũng nên.

Ở bên cạnh có một phu nữ bỗng kêu lên :

— Trời ơi ! Anh thử xem mấy giờ rồi.

Mel bất giác xem đồng hồ. Kè từ lúc ông chia tay với Deni Ferou đã được bốn nhăm phút. Ông vội vàng đứng dậy, nói với Tania :

— Chị chờ tôi ở đây nhé. Tôi phải ra gọi điện thoại một chút.

Cạnh quầy trả tiền có máy điện thoại. Mel tìm một trong những số điện của phòng chỉ huy không tuyết — Trong ống nghe vang lên giọng của Deni Ferou : « Xin ông đợi một chút ! — vài giây sau Deni nói.

— Tôi cũng đang định gọi điện báo cho ngoài về

chiếc máy bay của Eoréo Mechagren đang nằm chắn đường băng.

— Tôi nghe đây.

— Chắc ngài đã biết hãng đó đã kêu gọi cứu viện của hãng TWA?

— Phải.

— Và người ta đã phải đến chỗ đó náo xe tải, cần cẩu, cùng nhiều máy móc khác. Trên đường họ cất cánh, cũng như trên các đường lăn, xe cộ, máy móc đỗ chật kín. Nhưng cái máy bay chết tiệt kia vẫn không chịu nhúc nhích. Người ta báo cho tôi biết là hãng TWA đã cho người đi gọi Patróni.

— Tôi rất vui nghe tin đó. — Mel nói, — Chỉ tiếc là họ không nghe ra chuyện đó ngay từ đầu.

Giờ Patróni là thợ máy chính trong đội sửa chữa của hãng TWA. Anh là người rất tháo vát, năng động và gần như không thể thiếu được trong bất cứ sự cố nào, hơn nữa lại là bạn thân của Mel.

— Hình như họ cũng đã cho người đi tìm ngay Patróni, — Deni nói — Nhưng anh ta không ở cơ quan, mà ở nhà, và đến gặp anh ta không phải chuyện dễ. Nghe nói vì bão tuyêt rất nhiều đường dây điện thoại bị hỏng.

— Nhưng hiện giờ người ta đã báo được cho anh ấy chưa? Ông có chắc như vậy không?

— Hãng TWA quả quyết là anh ta đang trên đường đến sân bay.

Mel tính nhanh trong óc: Ông biết Patróni sống ở Glen Eline, cách sân bay chừng hai mươi lăm

dặm, và ngay cả khi thời tiết tốt, từ nhà anh ta đến sân bay cũng phải đi mất bốn mươi phút.

Hôm nay đường lại bị phủ tuyết và nhiều xe cộ như thế thì may lắm cũng phải mất tiếng ruồi đồng hồ mới đến nơi được..

— Phải, — Mel nói. — Nếu có người nào có thể lôi được chiếc máy bay ấy lên, người đó chỉ có thể là Patroni. Nhưng nói thế hoàn toàn không có nghĩa là chúng ta khoanh tay ngồi chờ anh ta. Hãy thông báo cho tất cả mọi người rõ, chúng ta phải giải phóng gấp tốc đường băng ba-không. Việc giải phóng đường băng này không chỉ cần để bảo đảm cho hoạt động bình thường của sân bay, mà còn để các máy bay khỏi phải bay qua đầu thị trấn Médoud. Không biết cuộc mít tinh mà, theo lời người chỉ huy phòng CHDP, dân chúng Médoud dự định tổ chức, đã kết thúc chưa ?

— Tôi đã nói với họ, — Deni nói. — Tôi có thể nhắc lại lần nữa. Nhân tiện xin báo cho ngài một tin vui: cuối cùng chúng ta đã tìm ra chiếc picap bị mất tích của hãng Iunaitit.

— Người lái xe không sao cả chứ ?

— Anh ta bị bất tỉnh. Xe bị phủ tuyết, mà động cơ vẫn nổ, và đúng như chúng ta dự đoán, thán khi bị tịch lại. Nhưng người ta đang cho anh lái xe thở oxy và tất nhiên anh ta đang hồi tỉnh. .

— Tốt, bây giờ tôi phải đích thân ra ngoài phi trường xem tình hình ra sao, tôi sẽ dùng vô tuyến điện thoại báo về từ đó.

— Ngài nhớ mặc ấm vào. — Deni nói. — Đêm tối và rét khủng khiếp.

Khi Mel quay lại bàn, Tania cũng đang chuẩn bị đứng dậy.

— Chị chờ tôi cùng đi với, — Ông nói.

Chị chỉ vào miếng bánh xăng uyên còn nguyên trên bàn.

— Thế còn bữa tối? Tất nhiên nếu có thể gọi đó là bữa tối.

— Ủ, phải. — Ông cắn một miếng to, tóp vội ngum cà phê, rồi cầm lấy chiếc măng tô vắt trên thành ghế. — Nhưng nói chung hôm nay tôi sẽ ăn tối trong thành phố.

Trong lúc Mel trả tiền, có hai nhân viên của hãng Trans O'merico bước vào tiệm cà phê. Một trong hai người nhìn thấy Tania, tiến lại phía chị.

— Xin lỗi ngài Baycoxend... Bà Livinhton, ông trưởng ban vận chuyển đang tìm bà. Ông ta có việc cần nói với bà...

Mel nhét tiền thừa do cô thủ quỹ trả vào túi quần.

— Ta thử đoán xem có chuyện gì nào. Chắc lại có nhân viên nào quăng tờ lịch bay vào mặt hành khách phải không?

— Không, thưa ngài. — Anh nhân viên toét miệng cười. — Nếu hôm nay có người nào lại ném giấy vào mặt hành khách, thì người đó chắc chắn phải là tôi. Trên chuyến bay tám mươi lăm Lox Angiolex người ta phát hiện ra một hành khách đi lậu vé.

— Chỉ có vậy thôi ư? — Tania ngạc nhiên: trên tất cả các tuyến bay đều có hành khách lậu vé, song chuyện đó chưa bao giờ khiến người ta thực sự bận tâm.

— Bà biết không, — người nhân viên nói. — Nghe nói hình như lần này vị khách đó ngang nhiên lầm! Nhận được điện của phi công đánh về, người ta đã cử đội gác ra cửa máy bay. Vì thế, nỗi tóm lại, bà Livinhton, người ta đang chờ bà. — Rồi gật đầu một cách thân thiện, anh ta đi lại chỗ người bạn đồng nghiệp của mình.

Mel và Tania rời tiệm cà-phê, bước vào gian chính. Đến chỗ thang máy sẽ đưa Mel xuống tầng hầm để xe, nơi có chiếc ô tô của ông, họ dừng lại.

— Anh đi ra ngoài nên cần thận, — Tania nhắc ông. — Kéo đầm vào gầm máy bay.

— Nếu tôi rơi vào gầm máy bay, tất nhiên chỉ sẽ biết tin ngay — ông khoác chiếc măng-tô ấm vào — Hôm nay vị khách lâu vé của chị chắc là vị khách đặc biệt. Tôi sẽ cố gắng ghé qua chỗ chị trước khi vào thành phố: tôi muốn biết tại sao họ phải làm ấm lên vì chuyện đó. — Ông ngừng một lát rồi tiếp: — Ít ra tôi có cơ để được gặp chị lần nữa ngày hôm nay.

— Chả lẽ phải có cơ anh mời đến gặp tôi sao?

Đứng trong thang máy để tụt xuống dưới, Mel vẫn còn cảm thấy cái ấm áp dịu dàng của đôi tay chị, và nghe thấy giọng nói ngọt ngào của chị.

4

Giò Patróni, người Mỹ gốc Ý, có thân hình vạm vỡ, khắc nịch, tinh bay gầy gò, thợ máy chính của hãng TWA, — đúng như lời người ta báo cáo lại với Mel — quả thực đã rời khu phố Glen Ellyn của anh

đi ra sân bay cách đây hai mươi phút. Nhưng, cũng đúng như Mel dự đoán, xe anh tiến rất chậm.

Có lúc chiếc « biuk » của Patróni bị nghẽn phải dừng hẳn lại. Phía trước và phía sau anh, xe đỗ dài dẳng đặc. Patróni ngã người ra lồng ghế và dưới ánh đèn hậu của chiếc xe trước mặt, châm thuốc hút.

Có nhiều truyền thuyết về con người này: những truyền thuyết về tay nghề cũng như về tình tình của anh ta.

Anh bắt đầu cuộc đời công nhân bằng nghề tra dầu mỏ trong một xưởng chửa ô-tô. Sau anh chơi xúc xắc với chủ xưởng này và được cài xưởng, thành thử khi cuộc chơi kết thúc thì hai người đã đổi vị trí cho nhau. Thực ra thì chàng thanh niên này được thừa hưởng cái xưởng kèm theo vài món nợ, kè cả tiền nợ chiếc máy bay cánh kép cõi lõi đã tâng bát giờ anh cũng là chủ nhân. Nhờ có óc sáng kiến tuyệt vời và tay nghề thành thạo, anh sửa được chiếc máy bay và bắt đầu dùng nó để bay, mặc dù chẳng học qua một lớp dạy lái máy bay nào, vì chuyện đó quá tốn kém đối với anh.

Chiếc máy bay, cùng bao nhiêu hận rộn mà nó để ra, ngốn hết cả thời gian của Patróni, đến nỗi anh phải rủ người chủ cũ của mình lại chơi xúc xắc rồi, trong khi chơi, anh cố tình bị thua để trả lại cho ông ta cái xưởng. Sau khi chia tay với cái xưởng, Giò xin vào làm thợ máy cho một sân bay. Tốt nghiệp trường buổi tối, anh trở thành thợ máy trưởng, sau làm thợ cả, nổi tiếng là một chuyên gia hạng nhất chuyên giải quyết các sự cố. Đội của anh có thể thay động cơ máy bay nhanh hơn thời gian quy định trong chỉ dẫn kỹ thuật, hơn nữa lại bảo đảm hơn nhiều. Ít lâu sau, bê

ở đâu có chuyện gì hỏng hóc hay trục trặc là người ta nói « Gọi ngay Patrōni ».

Thành công của anh còn nhờ một nguyên nhân nữa: anh không bao giờ mất thời gian vào việc xả giao. Bất cứ có chuyện gì xảy ra với máy bay hay hành khách là anh không thẳng đến nơi có sự cố. Anh chẳng thèm để ý đến cấp bậc, gặp điều gì ngang tai chưởng mắt là nói đopper ngay, dù cho đó là cấp lãnh đạo.

Có một lần — các phi công đến nay vẫn còn nhớ chuyện đó — Patrōni bỏ việc, không nói, không hỏi ai câu nào, lên máy bay bay thẳng đi Niu-yoooc. Anh mang theo cái bọc lớn. Đến Niu-yoooc, đầu tiên anh đi ô-tô buýt, sau đó đi xe điện ngầm đến văn phòng chính của băng « Olimpien » tại trung tâm Manhattan, và ở đó — không hề giải thích và báo cáo gì hết — đi thẳng vào phòng ông giám đốc. Vào đến nơi, anh mở bọc, đặt phịch lên chiếc bàn bóng lộn của ông giám đốc hăng một chiếc cacbuyarat đã tháo rời, bể bết dập mờ.

Ông giám đốc — chưa bao giờ nghe nói đến Patrōni, và cũng chưa hề thấy ai dám tự tiện xông thẳng vào phòng mình mà không báo trước — suýt nữa thì ngất. Nhưng Giò đã làm ông ta tỉnh lại ngay.

— Nếu ông muốn mất máy bay trong lúc đang bay, thì ông cứ việc đuổi tôi ra khỏi đây, bằng không ông hãy ngồi xuống và nghe tôi nói.

Ông giám đốc ngồi xuống — trong lúc đó Giò rít điếu xi gà — và bắt đầu nghe. Một lúc sau ông cho gọi viên phó giám đốc phụ trách kỹ thuật vào, và

ông này — sau một lúc nữa — ra lệnh sửa ngay một số chi tiết trong cách huyarato để nó khỏi bị đóng băng trong khi bay: suốt mấy tháng giờ thuyết phục những người cấp dưới Patróni không đạt được điều đó.

Về sau Patróni nhận được lời cảm ơn, và chuyện đó làm phong phú thêm những truyền thuyết không bao giờ cạn về anh ta. Sau đó Giò được cử làm thợ cả chính, và vài năm sau là thợ máy chính của hãng TWA trong sân bay Linhcoln.

Về đời tư của Giò Patróni cũng có lắm huyền thoại, cụ thể là về chuyện đêm nào anh ta cũng làm tình với cô vợ Mari của mình — đều đặn như chuyện người khác uống bia trước bữa ăn. Và sự thật đúng như vậy. Cụ thể là khi ở sân bay người ta gọi đây nói bão cho anh về chuyện chiếc máy bay của hãng Eoréo Méchxicon bị kẹt tuyêt và nhờ anh đến giúp, chính là lúc anh đang làm tình với vợ.

Những chuyện về đời tư của Patróni còn được thêm dệt thêm nhiều chi tiết: lúc làm tình, cũng như làm bất cứ việc gì khác, miệng anh không lúc nào rời điếu thuốc xì gà dài và nhỏ, mà bao giờ cũng ngậm ở bên mép... Tuy nhiên điều này không đúng sự thật — ít nhất là bây giờ. Mari, sau khi đã nhiều lần phải dập tắt những chiếc gối bị cháy trong những năm đầu họ mới lấy nhau, — mà cô ta, nguyên là chiêu dãi viên cũ của hãng TWA, rất có kinh nghiệm trong việc chữa cháy, — đã kiên quyết cấm Giò hút thuốc trên giường ngủ. Và Giò đã phải nghe, và hành rất yêu vợ. Với lại anh yêu vợ cũng phải. Khi anh mới lấy cô, có thể nói cô là chiêu dãi viên đẹp nhất và nổi tiếng nhất trong toàn ngành hàng không, thậm chí bây giờ,

*

sau mươi hai năm lèo chòng và ba lần sinh nở, cô vẫn có thể là đích thủ của nhiều người kế tục mình. Có người công khai tỏ ý ngạc nhiên, không hiểu tại sao Mari, một cô gái được bao nhiêu đội trưởng và sĩ quan cao cấp mê như điếu đò như thế, lại đi chọn anh chàng Giò. Nhưng phải nói rằng, ngay từ khi mới bắt đầu con đường sự nghiệp bằng nghề thợ máy, Giò đã tỏ ra là một người có nhiều triển vọng, và thỏa mãn được Mari trong tất cả các mặt.

Sau bết cần phải nói thêm là chưa bao giờ Patróni bị hoang mang bởi rối. Anh nhận định tình hình rất nhanh, đánh giá ngay sự việc nghiêm trọng đến mức nào và quyết định xem có nên vì nó mà vứt bỏ tất cả mọi thứ khác hay không. Khi người ta gọi điện cho anh về chiếc « Boeing 707 » bị kẹt tuyet, trong bụng anh thầm nghĩ, tình hình chưa có gì quá khẩn cấp như thế, và anh vẫn còn đủ thời gian làm tinh với vợ hoặc ăn tối, nhưng tất nhiên chỉ đủ thời gian làm một trong hai việc đó. Và cuối cùng anh quyết định hy sinh bữa ăn tối. Một lúc sau Mari choàng dậy lên người chiếc áo khoác, chạy xuống bếp chuẩn bị nhanh cho anh mấy miếng xăng uych mang đi đường — vì từ nhà ra sân bay những hai mươi lăm phút nên anh có đủ thời gian để ăn. Nhưng Giò đã kịp ngón ngay một chiếc trước khi đi.

Đây không phải lần đầu tiên người ta phải triệu anh đến sân bay sau một ngày làm việc dài, nhưng hôm nay thời tiết tồi tệ quá mức — anh không nhớ có bao giờ thời tiết khủng khiếp như vậy không. Suốt ba ngày đêm bão không lúc nào ngớt, chỗ nào cũng ngập tuyet, đi bằng ô-tô giữa lúc trời thế này thật khó khăn và nguy hiểm. Đọc bài bên đường

tuyết đọng thành gò, mà tuyết vẫn còn tiếp tục rơi hoài. Trên đường quốc lộ, cũng như trên những trục đường nhỏ, ô-tô phải nhích từng tí, có lúc phải dừng hẳn. Mặc dù chiếc « Biuk » của Patróni có lắp những thiết bị đặc biệt để đi trên bùn tuyết, các bánh xe của nó vẫn bị pa-ti-né. Những chiếc cắn gạt và chổi quét băng không gạt xuôi tuyết, kính bị mờ đi, đèn pha chỉ chiếu sáng được một khoảng rất nhỏ phía trước mặt. Những chiếc xe bị kẹt tuyết — vài chiếc bị chủ vứt hẳn lại — làm cho cuộc lái xe trở thành một cuộc đua có chướng ngại vật. Tất nhiên chỉ có hoàn cảnh cấp bách lắm mới buộc con người phải ra đi trong thời tiết thế này.

Giờ nhìn đồng hồ. Cả chiếc xe của anh lẫn chiếc xe trước mặt phải dừng một chỗ đã mấy phút. Mà cũng không riêng gì họ — mãi lát phía trước và bên phải họ, ô-tô nối đuôi nhau đậu thành dãy dài. Anh nghĩ thầm, đã lâu lắm anh không nhìn thấy cả những xe đi ngược lại. Chắc trên đường xảy ra tai nạn gì làm tắc nghẽn cả bốn làn đường. Thời được, anh quyết định, nếu năm phút nữa tình hình không thay đổi, anh phải chui ra ngoài xem sao, mặc dù giờ lúc tuyết rơi dày đặc thế này anh chẳng muôn thò mặt ra ngoài trời chút nào. Cả đêm nay anh sẽ còn đủ thời gian để chết công ngoài sân bay. Còn bây giờ anh mở dài lùm sóng rôk-n-rôk, mở to hết cỡ, rồi ngồi rít xi gà.

Năm phút nữa trôi qua. Thấy mọi người lục tục chui ra khỏi xe không biết đi đâu, Patróni cũng quyết định đi theo họ. Anh cầm lấy đai găng lỏng tèo, cài hết khuy áo măng tô lại, kéo mũ chùm đầu vào. Sau đó anh tìm chiếc đèn pin điện cực mạnh mà lúc nào

cũng mang theo người, rồi mở cửa ô-tô — gió lật túc tíc vào cabin cùng với tuyết. Gió nhảy vội ra ngoài, đóng sập cửa lại.

Anh bước rất khó nhọc trong tuyết, tiến về phía đầu hàng người, bên cạnh có tiếng cửa xe đóng mở thỉnh thoảng và tiếng người hét to hỏi nhau: « Có chuyện gì thế? » Có người kêu: « Có tai nạn! Khủng khiếp quá! » Dần dần bắt đầu phân biệt được ở phía trước những ánh đèn nhấp nháy, những bóng đèn di động chốc chốc lại hòa vào nhau thành đám đông. Có giọng người nói: « Tôi báo đe các ông biết, tuyết ở đây không dọn được ngay đâu. Chúng tôi nằm chẽi li ở đây đã mấy tiếng đồng hồ rồi! » Bất ngờ những ánh đèn đỏ của chiếc đèn quay sáng lóe lên trong, bóng tối soi rõ một vật gì đèn đèn rất lớn. Một chiếc xe chở hàng không lồ với chiếc ro-mooe mười tám bánh đỏ nging ngay giữa đường, làm tắc nghẽn cả giao thông. Một số kiện hàng — qua các dấu hiệu bên ngoài thì thấy đó là những thùng đồ hộp — rơi vãi tứ tung, nhiều người bắt cháp cá bão tuyết, nhanh chân chạy đến nhặt những hộp thức ăn, có người còn kéo cá hộp về ô-tô của mình.

Gần nơi xảy ra tai nạn có hai chiếc xe đi tuần của cảnh sát. Cảnh sát đang hỏi cùng người lái xe của chiếc xe bị đỗ, trong có vẻ vẫn lành lặn, không bị xát xát gì.

— Tôi chỉ còn biết làm mỗi việc là phanh xe lại, — người lái xe to tiếng thanh minh. — Thế là cái xe chết siết bong trôi đi và đỗ kềnh xuống tuyết — y như mụ đàn bà lèn cơn thèm muối.

Một viên cảnh sát ghi lại lời khai vào sổ tay, và có một bà nói thăm vào tai người đàn ông đứng cạnh:

— Ông bảo sao, ông ta ghi cả những lời ấy vào sổ à?

Một bà khác kêu:

— Ghi thế làm quái gì? — Tiếng lhe lhe của bà ta át cả tiếng gió rít. — Tốt nhất là các ông lôi nó ra ngoài về đường đi!

Một viên cảnh sát tiến lại gần bà ta. Người anh ta tuyết bầm đầy.

— Thưa bà, nếu bà có thể giúp chúng tôi nâng chiếc xe này lên, chúng tôi đội ơn bà vô cùng.

Có người cười hò hố, còn bà kia thì lầu bầu:

— Chỉ biết ăn túc nói phét, đồ mòng to!

Từ phía bên kia đường, một chiếc xe tải từ từ đi vào chỗ xảy ra tai nạn — trên mui xe chiếc đèn quay màu đỏ phách đang quay tít. Người lái xe sử dụng phía dành cho xe đi ngược chiều, vì lúc này bên đó không có xe. Chiếc xe tải dừng lại, người lái xe nhảy ra khỏi cabin, và khi nhìn thấy kinh thược cùng tư thế bị đỗ của chiếc xe chở hàng có ro-mô-ôc, anh ta lắc đầu có vẻ hoài nghi. Patroni lách lên phía trước. Vừa rít điều xi gà cháy đỏ rực trong gió, anh vừa tiến lại gần người cảnh sát, vỗ mạnh vào vai anh ta.

— Nay cậu em, có mỗi chiếc xe kéo này cậu em không kéo nỗi chiếc chở hàng đâu. Làm như thế chẳng khác gì muốn buộc đuôi chim sẻ vào hòn gạch đè nhặc nó lên.

Vien cảnh sát quay lại.

— Có thể đúng như vậy, thưa ngài, có điều xăng

đang chảy lênh láng xung quanh, nên ngồi làm ơn tất xi gà đi cho!

Patrônî vẫn tinh bơ — nói chung không bao giờ anh để ý đến nội quy và hùt thuốc bất cứ lúc nào và chỗ nào anh muốn. Anh giờ điều thuốc chỉ về phía chiếc xe chở hàng có ro-môoc.

— Hơn nữa, cậu em sẽ chỉ mất thời gian vô ích — thời gian của cậu em, của tôi và tất cả những người đang mắc kẹt ở đây, — nếu cậu em định tìm cách nhấc chiếc xe này lên. Vẫn đẽ là phải lôi cái xe ra ngoài vệ đường để khôi phục lại giao thông đã, và muộn thế cần có ba chiếc xe tải: một cái đầy từ phía này, còn hai cái kéo ở phía kia. — Nội đoạn anh soi đèn pin đi vòng quanh chiếc xe và cái ro-môoc để xem kỹ mọi phía. Như mọi khi, trong khi tính toán giải quyết vấn đề gì, bao giờ Patrônî cũng hết sức mê mải vào công việc. Anh lại giờ cao điều thuốc lên. — Phải đặt hai chiếc xe kéo cạnh nhau và dùng dây cáp nối vào ba điểm. Đầu tiên phải nhích được chiếc xe chở hàng, việc đó có thể làm được nhanh thôi. Chúng ta sẽ kéo căng dây cáp ra. Lúc đó chiếc xe thứ ba.

— Khoan đã,... — viên cảnh sát ngồi lời gi lè rồ kêu to gọi bạn: — Henk, có anh bạn biết cách làm dây này!

Mười phút sau Giò đã bắt tay làm việc cùng với cảnh sát, và thực ra là anh chỉ huy toàn bộ công việc. Theo lời khuyên của anh, người ta dùng vò tuyến gọi thêm hai chiếc xe tải nữa đến. Còn trong khi chờ đợi, người lái xe của chiếc thứ nhất, dưới sự chỉ huy của Patrônî, tìm cách nối cái móc vào trực xe tải. Tình hình trông đã có vẻ khác, trông đã thấy

là sẽ « nhai được ». Khi người thợ máy chỉnh nhanh nhẹn, khoẻ mạnh của hãng TWA bắt tay vào việc, lúc nào cũng nghe thấy anh nói từ đó.

Trong lúc làm việc, nhiều lần Giò nhớ đến lý do đã bắt anh phải rời nhà giữa đêm hôm như thế này : người ta đang sốt ruột chờ anh ở sân bay! Anh hiểu rằng nếu anh giúp giải quyết được sự tắc nghẽn này, anh có thể đến đó sớm hơn. Vì chừng nào không lôi được cái xe chết tiệt này ra khỏi đường cái, thì cả xe anh lẫn xe của những người khác sẽ không sao nhúc nhích được. Cho xe quay lại tìm cách đến sân bay bằng con đường khác cũng không được nữa, vì dằng sau anh xe cũng đã chật cứng. Cảnh sát cho Patróni biết dây xe nối đuôi nhau kéo dài hàng mấy dặm.

Anh trở lại chiếc xe của mình, dùng máy bơ đầm mà người ta lắp riêng vào xe cho anh và hàng tháng ban giám đốc sân bay chịu trách nhiệm trả tiền, gọi về phòng kỹ thuật. Anh bảo cho họ biết anh đang bị kẹt giữa đường, và người ta thông báo lại cho anh biến lệnh của ông Baycoxford là phải cấp tốc giải phóng đường bằng ba-không và đưa nó vào sử dụng.

Patróni dặn dò vài điều qua điện thoại, nhưng anh hiểu rằng, cái chính là anh phải làm sao đến tận nơi càng nhanh càng tốt.

Anh lại chui ta khỏi chiếc « biuk » — tuyết vẫn tiếp tục trút xuống. Anh đi vòng quanh đồng tuyết đã động, thành gò dọc theo xích bánh xe, bước ra đường, rồi đi gần như chạy trên mặt đường, một lúc sau anh thở phào nhẹ nhõm khi nhìn thấy một trong hai chiếc xe kéo được điều thêm dù tới nơi.

Sau khi chia tay với Tania, Mel Baycoxfeld theo thang máy tụt xuống hầm để ô-tô. Chiếc xe làm việc màu vàng sẫm có gắn máy vô tuyến điện thoại của ông để trong một ô riêng cách đấy không xa.

Mel ra đến phi trường ở chỗ gần những cái hành lang xếp dẫn khách lên máy bay. Gió và tuyết lập tức quất dữ dội vào tấm kính gió ô-tô. Hai chiếc cần gạt nước hối hả gạt hết bên này sang bên kia, nhưng tuyết lại làm kính mờ đi ngay. Một làn gió lạnh buốt lọt qua khê cửa không khép chặt, hắt ngay một nắm tuyết vào ca-bin.. Mel vội vàng kéo ngay kính lên. Đang từ cái âm cung dễ chịu trong nhà ga chuyển sang cái h้อง hốc lạnh lẽo hung bạo này thật quá đột ngột.

Phía trước, chỗ cuối hành lang xếp, thấp thoáng bóng những chiếc máy bay đó.

Nhờ có tòa nhà ga chắn gió nên ở chỗ này bão thiňi không đến nỗi diện cuồng. và qua những ô cửa sổ máy bay sáng ánh đèn, Mel nhìn thấy có hành khách ngồi trong đó. Vài chiếc máy bay đã ở trong tư thế sẵn sàng cất cánh — các phi công chỉ còn đợi lệnh của phòng chỉ huy điều phái cho nổ máy, nhưng họ vẫn chưa được lệnh, vì đường băng ba-không vẫn còn tắc. Trên phi trường và trên các đường bộ cất cánh thấy hình dáng lờ mờ và ánh đèn dẫn đường của những chiếc máy bay khác vừa xuống và chưa kịp tắt động cơ. Chúng bị giữ lại để chờ giải phóng xong chỗ trong hành lang xếp. Có lẽ ở bảy khu vực khác của sân bay cũng đang xảy ra đúng tình trạng như vậy.

Chiếc máy thu hai chiều trong ô-tô của Mel, đang được nở để bắt sóng mặt đất, bỗng náo nhiệt.

— Điều phái viên gọi « Isteren » mươi bảy, — có giọng của một điều phái viên trên không. — Cho phép cắt cảnh từ đường băng hai-năm. Hãy chuyển sang tần số cắt cảnh.

Nghé thấy tiếng sột soạt.

— « Isteren » mươi bảy đây. — Rõ!

Rồi đến giọng người nào giận dữ.

— Mặt đất đâu, « Pan — Oméricon » năm mươi tư đây! Tôi đang đi trên đường lăn ra đường băng năm-hai! Trước mặt tôi có chiếc karakatica hai động cơ — chiếc « chessna » tư nhẫn. Tôi đang hầm phanh đè khỏi đám vào nó.

— « Pan-Oméricon » năm mươi tư, dừng lại! — Im lặng một giây rồi lại có tiếng người điều phái: « Chessna » — bảy mươi ba, điều phái viên đây! Đến chỗ cắt nhau đầu tiên rẽ sang phải. Nhung đường cho máy bay của hãng « Pan-Oméricon ».

Bỗng có giọng con gái du dương:

— Mặt đất đâu, « Chessna » — bảy mươi ba đây. Tôi đang cho máy bay rẽ. « Pan-Oméricon », bạn có thể bay được! Úi, đồ gấu!

Có tiếng cười rộ, rồi tiếng người nói:

— Cám ơn, cái chân nhỏ. Hãy bồi môi đi, trong khi tôi cắt cảnh. Tiếp đó là giọng cảnh cáo của người điều phái:

— Điều phái viên gọi tất cả các máy bay! Yêu cầu không sử dụng vô tuyến điện thoại để nói chuyện riêng.

Người điều phái viên đang câu : Mel cảm thấy như vậy, mặc dù giọng anh ta vẫn là giọng bình tĩnh nghè nghiệp hàng ngày. Mà ai là người có thể không câu gắt trong thời tiết như hôm nay, trước cảnh trên trời dưới đất chỗ nào cũng rối linh như thế này ? Bất giác Mel nghĩ đến Käyz, em trai ông, lúc này đang ngồi trong phòng ra da của Đài CHDP và tiếp nhận các máy bay từ hướng tây, hướng căng thẳng nhất.

Từ phòng điều phái người ta liên tục gửi đi mệnh lệnh cho các máy bay, và các máy vô tuyến điện thoại làm việc không lúc nào nghỉ. Chờ cho một cuộc đối thoại khác vừa dứt, Mel bật chiếc micro của mình :

— Điều phái viên mặt đất đâu, xe số một đây. Tôi đang ở chỗ cửa sáu mươi lăm, đang đi về phía đường băng bã-không, đến chỗ chiếc máy bay bị kẹt tuyết của hãng Eoréo Mêchxicơn.

Điều phái viên đang ra lệnh cho hai chiếc máy bay vừa hạ cánh, rồi Mel nghe thấy :

— Điều phái viên gọi xe số một. Rõ. Hãy di theo chiếc DC-9 của « Eor-canada » đang đi ra cửa trước mặt ngài. Khi gặp đường băng hai-một hãy dừng lại !

Mel bảo đã nhận diện. Ông nhìn thấy chiếc máy bay của hãng « Eor-Canada » đang lăn bánh ra công, — cái đuôi cao và thanh thoát thẳng góc với thân máy bay của nó đang dung đưa trong không khí.

Ở chỗ này, cánh cửa ra không xa. Mel phải đi rất từ từ, chú ý theo dõi để không đâm phải những « con rận », như ở sân bay người ta thường gọi những chiếc ô-tô phục vụ máy bay trên mặt đất. Ngoài những

chiếc ô-tô thông thường, hôm nay ở đây còn có cả mấy chiếc « bái nhô » — tức là những chiếc xe tải có sàn nâng gắn trên những trục thép di động. Đứng trên những chiếc sàn này các công nhân quét tuyết từ trên cánh máy bay xuống và rải chất glicôn vào để tuyết chạm đóng băng. Bao nhiêu người và xe cộ đều ngập trong tuyết.

Mel bỗng phanh gấp để khỏi đâm vào chiếc « xe chờ hàng thơm » đang phóng vội qua mặt xe ông để nhanh nhanh trút bỏ cái món hàng không thù vị gì của nó — bốn trăm ga-lông chất thải hút ở những phòng vệ sinh trên máy bay ra. Toàn bộ chất thải đó sẽ được hút ra, cho vào bè nghiền đặt trong một khu nhà riêng mà các nhân viên phục vụ khác của sân bay ai cũng tránh không muốn đi qua, rồi từ bè nghiền người ta sẽ tháo vào hệ thống cống thành phố. Bình thường các thao tác này không mất bao nhiêu thời gian, trừ trường hợp có hành khách kêu mất đồ đạc — hàm răng giả, ví tiền, túi đầm, thậm chí có người vô ý đánh rơi cả giấy vào hố vệ sinh trong lúc đang bay. Chuyện đó thường xảy ra mỗi ngày một lần, có khi một ngày hai lần. Khi ấy toàn bộ chất thải hút trong các buồng vệ sinh ra phải cho chảy qua một cái sàng lớn, và những công nhân vệ sinh chỉ còn mong cho chóng tìm thấy vật bị mất.

Nhưng Mel hiểu rằng, dù không xảy ra những trường hợp mất mát như thế, thì những đội vệ sinh vẫn phải làm việc cật lực cả đêm hôm nay. Theo kinh nghiệm, ông giám đốc biết rằng, khi thời tiết xấu đi thì nhu cầu vệ sinh ở cả dưới đất lẫn trên không đều tăng lên. Mel nghĩ, không biết liệu có nhiều người hiểu được rằng các nhân viên phụ trách

vệ sinh trong sân bay hàng giờ nhận được thông báo về thời tiết, và căn cứ vào đó họ sẽ phân công người dọn dẹp và cung cấp thêm giấy vệ sinh.

Chiếc máy bay của hãng « Eo-Canada » mà Mel Gang cầm theo sau đã lăn bánh ra khỏi phạm vi nhà ga sân bay và bắt đầu tăng tốc độ. Mel cũng ăn bàn dọn dẹp tăng tốc để không bị tụt lại. Không hiểu sao ông cảm thấy tự tin hơn khi nhìn thấy trước mặt những ánh đèn đuôi của chiếc DC-9; hai chiếc cần gạt tia kinh gió của xe ông không gạt kịp tuyết, nên thực tế ông chỉ đi mờ. Trong tấm gương quan trắc ông nhìn thấy bóng một chiếc phản lực ở phía sau đang tiến đến xe ông. Từ máy vô tuyến điện thoại có giọng điều phái viên mặt đất nhắc nhở:

— « E-Fräng » bốn-không-bốn, ở giữa bạn và chiếc « Eo-Canada » đang có một xe làm nhiệm vụ của sân bay.

Mười lăm phút sau Mel mới tới được chỗ giao nhau giữa đường lăn và đường bã cát canh, nơi chiếc máy bay của « Eorêô-Mêchxicon » bị kẹp tuyết. Lúc ấy chuỗi máy bay lăn bánh từ hai đường băng khác dề cát canh, dã ở lại phía sau.

Mel dỗ xe lại và bước ra. Ở đây, trong cảnh tối tăm mù mịt, gió thổi lạnh như càng dữ hơn. Né gào rú trên suốt cả đường băng trống trải. Giá hôm nay chó sói có xuất hiện ở đây thì cũng không có gì ngạc nhiên, — Mel nghĩ.

Bóng từ trong màn tuyết tối đen có bóng người gọi to:

— Ông đấy à, ông Patroni?

— Không, không phải Patroni — Mel nhận ra Ông phải hết thật to để át tiếng gió. Nhưng Gió Patroni đang trên đường tới đây.

Người đó tiến đến gần hơn. Người Ông ta trùm kín mít trong chiếc áo lông, song mặt vẫn tái nhợt đi vì lạnh.

— Tất nhiên nếu Ông Patroni đến chúng tôi sẽ rất mừng. Nhưng xin thề với Ông, tôi chưa hiểu anh ta có thề làm gì ở đây. Chúng tôi đã thử gần như đủ mọi cách để kéo cái cửa sổ này đi — Ông ta chỉ chiếc máy bay đang nằm lù lù đèn đèn phía sau. — Nó cứ như cõi linh trêu người.

Mel xung danh và hỏi xem Ông đang nói chuyện với ai.

— Tôi là Ingrem, thưa ngài. Tôi là kỹ thuật viên trưởng của băng « Eoré-Méchxicor », và xin thưa thật lúc này tôi chỉ muốn chuyện nghề.

Vừa đi vừa nói chuyện, họ tiến đến chỗ chiếc « hōīng-707 » bị chết cứng trong tuyết, và bắt giác cả hai đều chui vào dưới cánh và thân máy bay để tránh gió. Một chiếc đèn đỏ cứ nhấp nháy đều đặn dưới bụng chiếc máy bay không lồ. Và dưới ánh sáng nhấp nháy của nó Mel nhìn thấy lớp đất nhão bị phủ tuyết mà bánh xe của máy bay bị lún trong đó. Trên đường bã cát cánh và đường lăn nối liền với nó, những chiếc xe tải và xe hổ trụ, xe tiếp nhiên liệu, xe chờ hành lý, xe bưu điện, hai xe buýt chờ phi hành đoàn và chiếc máy phát điện lưu động — đồ đầy hai bên như những người thân đứng xum bênh giường người bệnh đang hấp hối.

· Mel kéo cao cõi áo mang-lô.

— Chúng ta phải giải phóng cấp tốc đường băng này — ngay trong hôm nay. Thế các ông đã làm những việc gì để giải tỏa nó rồi?

Trong hai giờ vừa qua, Ingrém bão cáo, từ nhà ga hàng không người ta đã chờ đến máy bay những chiếc cầu thang cũ và hành khách đã theo cầu thang rời khỏi máy bay. Không ngờ việc đó tiến hành rất chậm chạp và nguy hiểm, vì tuyêt ở những bậc thang mới chỉ kịp dọn qua loa nên chúng lại bị đóng băng rất nhanh, thậm chí có một bà phải té xuống. Trẻ con thì phải trải chăn cho chúng tut xuống. Lúc này tất cả hành khách cùng chiêu đãi viên và viên phi công thứ hai đã lên xe buýt đi rồi. Trường phi hành đoàn và phi công thứ nhất ở lại máy bay.

— Thế các ông đã thử tìm cách kéo máy bay sau khi hành khách xuống hết chưa?

Kỹ thuật viên trưởng gật đầu.

— Đã hai lần chúng tôi cho nò máy. Ông chỉ huy đã cho động cơ nò hết cỡ. Nhưng không tài nào đẩy nó đi được. Mà có cảm tưởng như nó càng lún sâu thêm.

— Thế bây giờ các ông đang làm gì?

— Chúng tôi đang cho dỡ hàng xuống — biết đâu lại được! Phần lớn nhiên liệu chúng tôi đã cho hút ra, — Ingrém nói thêm, — mà số nhiên liệu cũng không phải ít, vì tất cả các thùng chứa đều đã đầy xăng để bay. Chúng tôi cũng đã dỡ tất cả các khoang hàng hóa và hành lý. Xe buu điện thì đã dỡ đi những kiện buu điện.

Mel gật đầu. Các thư tín và buu phẩm chắc chắn sẽ bay được — ông tin chắc như thế. Bộ phận buu

điện trong sân bay thường xuyên theo dõi lịch bay. Ở đó người ta biết rõ các bao thư từ và bưu phẩm nằm trên máy bay nào, và nếu máy bay đó chưa bay được, các nhân viên bưu điện lập tức chuyển chúng sang chuyến khác. Tóm lại, số phận những kiện bưu điện trên máy bay bị kẹt tuyêt sẽ may mắn hơn hành khách nhiều. Chạm nhất là sau nửa tiếng nữa chúng sẽ được chở đến nơi quy định — trong trường hợp cần thiết sẽ đi theo đường vòng.

— Các ông có cần giúp thêm gì không? — Mel hỏi.

— Không, thưa ngài, tạm thời chúng tôi chưa cần thêm ai. Hiện nay, gần như toàn đội « Eoréa-Méchxicor » của chúng tôi đang ở đây — mười hai người. Một nửa hiện đang ngồi sưởi trong ô-tô buýt. Nhưng tất nhiên Patroni có thể sẽ có ích hơn nhiều người khác. Vấn đề là không biết anh ta có nghĩ ra được cách gì không. — Ingrem quay lại, chân chướng nhìn chiếc máy bay nằm chết cứng. — Theo tôi thì việc này sẽ khá lâu dấy, vì chúng tôi phải có đủ cần cùn, những cái kích... và có thể cả những bao khí nén nữa, để nâng cánh. Mà phần lớn máy móc phải chờ khi nào trời bắt đầu sáng mới sử dụng được. Vì thế có khi phải mất cả ngày mai mới xong được.

— Không được: tôi không thể cho các ông cả ngày mai, mà thậm chí cả đêm nay, — Mel ngắt ngay lời ông ta. — Đường băng phải được giải phóng ngay. — Đột nhiên ông im bặt, rung mình trước linh cảm áp đến quá bất ngờ khiếu ông hoảng sợ.

Toàn thân ông ớn lạnh. Ông bị làm sao vậy? Chắc không có gì nghiêm trọng, ông tự vẫn an mình: chắc là do thời tiết, do cơn gió lạnh thấu

khung ngoài trời. Nhưng là thật: có phải ông vừa từ trong xe bước ra đâu? Lẽ ra ông phải quên với cái lật hòn mới phải chứ?

Từ đầu kia phi trường, có tiếng động cơ máy bay phản lực vọng lại át cả tiếng gió rít. Tiếng nổ to lần rồi lập tức bê dí — một chiếc máy bay vừa cất cánh. Sau đó lại diễn ra như vậy lần nữa, rồi lần nữa. Nghĩa là ở đó mọi việc tốt đẹp.

Còn ở đây? Trong lịch tác, một linh cảm không lành lại xâm chiếm hết người ông. Thậm chí không phải linh cảm, mà là cái gì không nắm được, tựa như hơi thở của mối nguy hiểm lớn đang tới gần.

Đương nhiên không nên đề tam đến những thứ cảm xúc như vậy: trực giác, linh cảm không thể có chỗ trong cuộc sống của một con người thực tế. Thực ra, một bom, cách đây nhiều năm, ông cũng có một cảm giác hệt như vậy, tựa như có cái gì chắc chắn sẽ xảy ra và dẫn đến kết thúc bi thảm. Mê cồn nhở rõ cả cái kết thúc mà ông không có khả năng ngăn chặn ấy về sau ra sao.

Ông lại nhìn chiếc «Bôing». Tuyết phủ kim đến nỗi không nhận ra hình thù của nó nữa. Thực ra, ngoài chuyện đường băng ba-không bị tắc và máy bay phải bay qua đầu thị trấn Medoud, thì không còn gì đáng sợ nữa. Phải, máy bay bị kẹt tuyêt, nhưng không ai bị làm sao, cũng không có thiệt hại vật chất nào — tóm lại là không có gì đáng sợ cả.

— Đi lên xe của tôi đi, — ông đề nghị người phụ trách kỹ thuật. — Ta sẽ gọi điện thoại hỏi xem tình hình ra sao.

Trên đường đi ông nhớ ra, chắc Xindi đang sốt ruột chờ ông trong thành phố.

Mel không tắt máy sưởi nên trong xe lúc này rất ấm và dễ chịu. Ingrem khẽ một tiếng hài lòng. Ông ta khẽ phanh chiếc áo lông, cúi người, đặt tay dưới luồng hơi ấm.

— Xe số một, gọi phòng chỉ huy chống tuyêt. Beni, tôi đang ở trên đường băng ba-không cạnh chiếc máy bay bị kẹt tuyêt. Hãy gọi điện đến đội sửa chữa của TWA và hỏi tin tức về Patróni. Anh ta đang ở đâu? Khi nào sẽ đến nơi? Hết.

Beni Ferou trả lời, giọng đã hơi khàn:

— Phòng chỉ huy chống tuyêt gọi xe số một. Rõ. À này, ông Mel, vợ ông vừa gọi điện đến.

Mel ăn vào nút micro:

— Chắc cô ấy có đè lại số điện thoại để gọi cho cô ấy chứ?

— Vâng.

— Xe số một gọi phòng chỉ huy chống tuyêt. Beni, anh hãy gọi điện cho cô ấy. Bảo là rất tiếc tôi sẽ đến chậm một chút. Nhưng trước hết hãy hỏi tin tức về Patróni đã.

— Rõ! Xin đợi. — Và máy lập tức im lặng.

Mel thò tay vào túi áo măng-tô, lấy bao thuốc « Marlboro » mời Ingrem.

— Cám ơn.

Họ vừa hút thuốc vừa nhìn hai chiếc cần gạt đang cố súc gạt tuyêt trên tấm kính giò.

— Ở trên ấy, — Ingrem hất hàm về phía chiếc

Cabin máy bay sáng ánh đèn — lão chỉ huy chờ chết
chắc đang nhỏ những giọt nước mắt cá sấu vào cái
mũ sombrêrô. Từ giờ chắc hẳn ta phải cần thận với
những đèn xanh — sẽ không dám rời mắt khỏi chúng
như những cây nến trên bàn thờ.

— Thế nhau viên trong các đội mặt đất của Ông
là người Mêxicô hay người Mỹ? — Mel hỏi.

— Tất cả chúng tôi đều là người Mỹ. Chỉ những
kẻ hay tàn độc như chúng tôi mới có thể làm việc
trong thời tiết chờ má như thế này. Ông có biết chiếc
máy bay này phải bay đi đâu không?

Mel lắc đầu.

— Đi Acapulkô. Và trước khi xảy ra chuyện này,
tôi sẵn sàng chịu ăn chay nửa năm miễn là được bay
với nó — vì sự phụ trách kỹ thuật cưới khảy: — Thế
rồi Ông biết thế nào không? vừa bước lên máy bay,
ngồi chưa nóng dit thì dùng một cái — xin mời xuống!
Thế là hành khách họ chửi quá trời, nhất là đàn bà.
Hôm nay tôi học thêm được ở họ một số danh từ mới.

Máy điện thoại lại bắt đầu sột soạt.

— Phòng chỉ huy chống iuyết gọi xe số một. —
Nghe thấy giọng Deni Ferôu. — Tôi đã hỏi hãng TWA
về Patrônî. Họ bảo họ vẫn liên lạc với anh ấy, nhưng
anh ấy đang bị kẹt giữa đường. Bị tắc xe, và ít ra
phải một tiếng nữa mới tới được. Anh ta có dặn một
số việc. Nghe rõ không?

— Rõ. — Mel nói. — Cho biết anh ta dặn những
gì?

— Patrônî chỉ sợ chiếc máy bay bị lún sâu hơn.
Anh ta bảo rất dễ xảy ra chuyện đó. Vì thế anh ta

cho rằng : nếu đội cứu chữa không chắc chắn làm được, thì tốt nhất đừng làm gì hết, chờ anh ta đến bằng bay.

Mel khẽ liếc sang phía Ingrid.

— Thế hảng « Eoré-Méchacicon » sẽ có ý kiến thế nào về chuyện này ?

Vìen chỉ huy kỹ thuật gật đầu, ra ý bảo ở đó người ta sẽ tân thành thôi.

— Patroni có thể làm đủ mọi cách. Chúng ta sẽ chờ anh ấy.

Beni Ferou hỏi :

— Nghe rõ không ?

Mel ăn vào, num phát :

— Rõ.

— Ô-ke ! Nghe tiếp. Hảng TWA đang cấp tốc gọi thêm một đội cứu nữa. Và một vấn đề nữa : ông Mel, vợ ông lại vừa gọi điện. Tôi đã nói lại với bà ấy như ông dặn.

Mel cảm thấy : Beni không muốn nói hết, vì biết rằng nhiều người khác, có máy bắt theo sàng của các cơ quan phục vụ sân bay, cũng có thể nghe được ông ta.

— Bà ta không thích làm phải không ?

— Theo tôi, vâng. — Một giây im lặng. — Tôi khuyên ngài khi nào có thể được đến máy điện thoại nói chuyện với bà ấy.

Chắc Xindi đã nói với Beni những lời cay độc huu mọi ngày, Mel nghĩ thế, — nhưng với tư cách là

người bạn trung thành, lúc này ông ta không muốn truyền đạt lại tất cả.

Còn về chiếc máy bay thì bây giờ chỉ còn cách đợi Patróni. Lời dặn của anh ta — đừng làm gì để máy bay bị lún sâu thêm — nghe rất có lý và thông minh.

Trong lúc đó Ingrem đã cài kín lại các khuy áo và kéo tay áo xuống.

— Cảm ơn ông đã cho sưởi, — ông ta nói rồi bước ra khỏi xe, đóng ngay cửa lại.

Mel nhảy theo ông ta lảo đảo bước trên những đồng tuyêt về phía những chiếc xe đỗ ngordon ngang trên đường lăn.

Trong máy thu phát nghe rõ giọng người chỉ huy chống tuyêt đang trao đổi gì đó với Trung tâm chống tuyêt. Chờ cho họ nói chuyện xong, Mel bật micro.

— Deni, xe số một đây. Bây giờ tôi đến chỗ đoàn « Anacónida ».

Rồi ông nổ máy cho xe chạy từ từ qua con lốc tuyêt đang quay cuồng, trong bóng tối dày đặc chỉ thỉnh thoảng lóe lên những ánh đèn trên đường hầm cát cát.

Đoàn đòn tuyêt « Anacónida », đội xung kích và là bộ phận chủ yếu trong hệ thống chống tuyêt của sân bay, lúc này đang làm việc trên đường hầm cát cát một-bảy, bên trái. Bây giờ ông sẽ được tận mắt kiểm tra, Mel buông râu nghĩ, xem có phần nào sự thật trong bản điều trần tai hại mà đội trưởng phi công Dimirest thay mặt tiểu ban chống tuyêt thảo ra hay không, hay đó chỉ là sự bịa đặt ác ý của anh ta.

6

Bối tượng suy nghĩ của Mel — đội trưởng phi công Vecnoia Dimirest — lúc này đang ở cách phi trường khoảng ba dặm. Anh đi trên chiếc « meexdex-230 » của mình, và quãng đường còn lại so với quãng đường anh đã vượt qua từ nhà đến sân bay — dễ dàng hơn nhiều; bây giờ anh cứ chọn những con đường xe đạn tuyết vừa di qua để đi. Gió vẫn mạnh, nên tuyết vẫn trút xuống rất nhanh, nhưng ở chỗ này nó không kịp đóng thành lớp dày, nên đi không đến nỗi khó khăn lắm.

Dimirest đi về phía khu nhà bốn tầng cách phi trường không xa, mà cảnh phi công thường gọi là « Phố chiêu dài viễn ». Đây chính là nơi sống của các cô chiêu dài viễn của nhiều hãng hàng không khác nhau trong sân bay Linh Sơn. Thường hai ba cô ở chung một căn hộ, và những ai thường ghé đến chơi họ, gọi những căn hộ đó là những « tờ ấm chiêu dài viễn ». Ở đây, vào những lúc nhàn rỗi, thường có những bữa ăn uống vui vẻ và nảy nở những mối tình thân thiết giữa các cô chiêu dài viễn và phái đàn ông của các phi hành đoàn.

Tuy nhiên, cách sống trong các tờ ấm chiêu dài viễn này cũng không có gì là quá truy lục — ở đây cũng chỉ diễn ra những cảnh giống như ở bất cứ nơi nào có những cô gái độc thân trẻ sống. Chỉ khác nhau một điều, là những người chơi bài và sống một cách « vô luân lý » ở đây là người làm ở ngành hàng không. Có quá đủ điều kiện để họ có thể sống buông thả như vậy. Cả các chiêu dài viễn, cả những thành viên khác của phi hành đoàn — Những người đàn

ông mà cuộc sống bắt họ phải gùi gùi — các phi công oh-huy, phi công thứ nhất và phi công thứ hai — tất cả đều là những người tuyệt vời. Người nào cũng có cương vị nhất định trong ngành hàng không, đã vượt qua được cuộc ganh đua khốc liệt và sự sàng lọc khe khắt để loại ra những người yếu kém. Kết quả là sau cuộc sàng lọc ấy, chỉ còn lại toàn những tay ưu tú nhất. Và hình thành nên một tập thể những người cao đàm, thông minh, yêu đời và biết quý trọng nhau.

Trong thời gian làm ở hàng không, Vecnon Dimirest đã chăm nhiều cô chiêu dài viền — và ngược lại, nhiều cô cũng để mắt đến anh. Thỉnh thoảng anh lại bắt nhân tình với những cô trẻ đẹp, thông minh, mà chỉ có những bậc quốc vương hay những diễn viên màn bạc nòi tiếng mới mong được lọt mắt xanh — nhưng uồng công, vì các cô chiêu dài viền mà Dimirest và các bạn đồng nghiệp của anh quen biết — thậm chí chơi rất thân — lại không phải gái làm tiền, cũng không phải loại đàn bà lăng nhăng bừa bãi. Chẳng qua các cô chỉ là những cô gái vui tính, thích kết bạn, thành thạo trong khoa làm tình biết đánh giá đúng người đàn ông thực sự và sẵn sàng chơi bời vui vẻ mà không phải lo âu, bận rộn.

Một trong những cô biết đánh giá đúng giá trị của Vecnon Dimirest, hơn nữa có lẽ không phải chỉ ngày một ngày hai, là cô gái tóc đen duyên dáng, xinh đẹp tên là Guen Maygen. Cô là con gái một chủ trại người Anh và cách đây mười năm rời bỏ quê hương sang Mỹ sinh sống. Trước khi vào làm cho hãng Trans-Omérico, một thời gian Guen làm ma-nơ-canh cho một cửa hàng mốt quần áo ở Chicago.

Có thể vì thế mà cô biết cách giữ vẻ duyên dáng lịch sự trước mặt mọi người, bù ngoài lúc nào cũng tỏ ra điềm đạm, nhã nhặn, nhưng trên giường ngủ lại vô cùng cuồng nhiệt.

Lúc này chính là lúc Dimirest đang đi đến chỗ cô gái đó.

Sau vài tiếng đồng hồ nữa cả hai sẽ cùng bay đi Rôm — đội trưởng Dimirest thì ngồi trong cabin máy bay với tư cách trưởng phi hành đoàn, còn Guen Maygen — trong khoang hành khách với tư cách chiêu đãi viên trưởng. Đến Rôm cả phi hành đoàn sẽ được nghỉ ba ngày — gọi là đê «xá hơi», — trong khi đó một phi hành đoàn khác, đang nghỉ ở Ý, sẽ lái máy bay quay trở lại Linbeon.

Từ «xá hơi» từ lâu đã đi vào kho từ vựng chính thức của các nhân viên phi trường. Người nào nghĩ ra cái từ ấy chắc chắn phải là người có đầu óc hài hước, và danh từ ấy đã đi vào cuộc sống hàng ngày: trong thời gian nghỉ ngơi, các phi công đã tuân theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng của nó. Cặp Guen và Dimirest cũng có ý định giải thích từ ấy theo cách riêng của họ. Họ quyết định sau khi đến Rôm, sẽ đi ngay Néapón và sẽ «tiến hành» ở đó cuộc «xá hơi» bốn mươi tám tiếng đồng hồ của họ. Đó là mơ ước, là viễn cảnh tươi đẹp, và nghĩ đến cảnh đó, Vecnon Dimirest bất giác mỉm cười. Anh đã đến gần ~~ekhу~~ phố chiêu đãi viên, và nhớ lại hôm nay mọi chuyện xảy ra với anh đều xuôn xě, nụ cười của anh lại càng rộng hơn.

Sau khi chia tay với cô vợ Xara, mà hao giờ cũng chúc anh lên đường thuận lợi bình yên, anh đến sân bay sớm. Giờ sống ở thế kỷ khác, có lẽ Xara

phải thêu thùa hay đan áo trong thời gian viễn
chỗ lường của mình vắng mặt. Nhưng có sống trong
thế kỷ này, nên chỉ cần chồng vừa đi khỏi, cô sẽ
lao ngay vào mọi chuyện phù phiếm của giới thượng
lưu nhàn rỗi — cô sẽ tới câu lạc bộ, sẽ chơi bridge
và vẽ sơn dầu, thậm lại là làm những việc chủ yếu
trong cuộc đời cô.

Xara Dimirest là người đàn bà nhạt nhẽo và buồn
tẻ kiêm cô ; chồng cô lúc đầu chấp nhận những đặc
tính ấy của cô, nhưng sau đó — bị cảm động bởi lối
sống đồi bại đặc biệt — thậm chí bắt đầu thấy quý
những đức tính ấy. Trong lúc bay hay tĩnh tư với
những người đàn bà thù vị hơn, nếu tự dung nhớ
đến nhà, anh thường gọi thăm trong óc, — mà không
chỉ gọi thăm, mà còn gọi công khai khi trò chuyện
với bạn bè — sự trở về tò ám của mình là « cho máy
bay vào nhà ga ». Cuộc hôn nhân của anh còn nhiều
cái lợi khác. Trong khi hôn nhân đó còn tồn tại, thi
những phụ nữ mà Dimirest hãi nhau tình cờ thè yêu
anh đến mê mệt và đưa ra dù mọi đòi hỏi, nhưng
không một người đàn bà nào có thể hy vọng sẽ được
anh cưới làm vợ. Như vậy, cuộc hôn nhân đã che chở
cho anh khỏi những quyết định nóng nảy mà trong
lúc hăng máu anh có thể chấp nhận. Còn Xara, đôi
khi anh cũng chiếu cố tới cô, tựa như người chủ
thỉnh thoảng thương hại ném cho con chó già khóc
xương ngọt. Xara ngoan ngoãn đáp lại sự dung chavenport
của anh và tỏ ra biết điều, mặc dù anh vẫn nghĩ những
tiếng thở dài và hơi thở dứt đoạn của cô có lẽ là kết
quả của thói quên nhiều hơn là của hưng thú, và giả
định anh có chăm dứt hẳn quan hệ vợ chồng, thì chắc
cô cũng chẳng đau khổ lắm. Anh tin rằng Xara cũng
đoán biết ra những chuyện chơi bài lăng nhăng của

anh, có linh cảm thấy mình bị phản bội, mặc dù không có bằng chứng gì. Song, có cho rằng tốt nhất nên lờ chuyện ấy đi, và điều đó khiến Vecnos Dimirest rất hài lòng.

Hôm nay còn có một chuyện nữa làm anh sung sướng — đó là bản điều trần của tiêu ban chống tuyêt ; lợi dụng bản điều trần đó, anh đã giáng cho ông em vợ Mel, con gà tây bay gần cõi, một đòn đích đáng.

Ý đồ viết bản điều trần chính là của Dimirest. Hai đại diện khác của các hàng hàng không trong tiêu ban lực đầu có quan điểm khác : theo họ, ban giám đốc sân bay đã làm tất cả những gì có thể làm trong tình trạng khẩn cấp. Nhưng đội trưởng Dimirest đã khẳng định ngược lại. Cuối cùng anh lôi kéo được họ ngã theo ý kiến mình, và người ta quyết định giao cho Dimirest thảo bản điều trần, và anh đã thảo ra với đầy lời lẽ độc ác. Thậm chí anh chẳng thêm kiểm tra lại sự việc, mà cứ dứt khoát kết luận rằng công việc làm rất tắc trách — việc gì phải kiểm tra, cứ nhìn tuyêt ngập khắp nơi thế là đủ biết ! Đầu thế anh lại cố gắng tìm cách phán phạt thật rộng rãi bản điều trần, cốt gáy cho Mel thật nhiều chuyện khó chịu và làm ông phải túc tối. Sau khi được đánh máy làm những bản sao để được gửi ngay cho phó giám đốc của tất cả các hàng hàng không, anh đến văn phòng của các hàng ở Niu-yocco và các thành phố khác. Biết trước người ta sẽ thích thú với việc tìm ra kẻ giờ đầu chịu hàng đòn trút tất cả mọi tội lỗi lên đầu hắn ta, đội trưởng Dimirest tin rằng khi nào người ta nhận được bản điều trần, các máy điện thoại và tè-léch sẽ làm việc lời lắp ngay.

Tóm lại, anh đã trả thù được ông em vợ của mình, Vecnos Dimirest nghĩ thầm mà không khỏi không cảm thấy sung sướng — không biết có đích đáng không, nhưng dù sao cũng là trả thù được. Từ giờ ông em vợ thot chán của anh, trước khi định công kích đội trưởng Dimirest và Hội phi công dân dụng, như ông ta vừa làm công khai cách đây hai tuần, sẽ phải suy nghĩ thật cẩn thận.

Dimirest cho chiếc « Mecxèdex » quanh lại, đỗ cẩn thận trong chỗ đỗ xe cạnh khu nhà, rồi bước ra khỏi xe. Hòa ra anh đến sớm mất một chút — trước mười lăm phút so với giờ anh hẹn đến đón Guen. Tuy nhiên anh quyết định vẫn lên ngay buồng của Guen. Trong lùc mở cửa, ngoài bảng chìa khóa do Guen đưa sẵn cho anh, Dimirest bỗng nhận ra anh đang khẽ huýt sáo bài « O Sole Mio » (1) và tẩm tím cười. Mà sao lại không nhỉ? Một bài hát hoàn toàn thích hợp. Néapón... đêm miền nam ấm áp, chứ không có gió tuyêt, cảnh vịnh huyền ảo dưới ánh sao, tiếng đàn măng-dô-lin-văng văng món « Kianti » trong bữa ăn tối và Guen ngồi bên cạnh. Và từ giờ đến khi được hưởng tất cả những cái đó chỉ còn hai mươi bốn tiếng đồng hồ nữa. Thế thì sao lại không huýt sáo bài « O Sole Mio »!

Đứng trong thang máy, anh vẫn tiếp tục huýt sáo. Lúc này anh lại nhớ đến một chuyện thù vị nữa: chuyến bay sắp tới đối với anh rất nhẹ nhàng.

Mặc dù Dimirest là trưởng phi hành đoàn chuyến bay « Argos vàng », song hôm nay hapy như anh sẽ không phải làm gì cả. Lần này anh sẽ bay với tư cách

(1) O Sole Mio : Ôi, mặt trời của anh !

phi công kiêm tra. Còn người điều khiển máy bay
sẽ là phi công khác, tên là Enson Herris — về cấp bậc
cũng gần tương đương với Dimirest. Hôm nay ông
ta sẽ là người ngồi ghế chỉ huy bên trái. Còn Dimirest
sẽ ngồi ghế bên phải, chỗ thường ngồi của phi công
thứ nhất, — và theo dõi những thao tác của Herris,
tê sau đó báo cáo lại việc ông ta điều khiển máy
bay thế nào.

Sở dĩ Herris được giao cho lái chuyến bay này
là vì hãng Trans-Oméricor đã quyết định chuyến ông
lần tuyển bay trong nước sang tuyển bay quốc tế.
Nhưng trước hết ông phải hoàn thành hai chuyến
bay qua đại dương cùng với một phi công có trình
độ hướng dẫn... Và Venon Dimirest chính là phi
công có trình độ ấy.

Sau khi Herris hoàn thành hai chuyến bay đó —
chuyến hôm nay là chuyến thứ hai — người phi
công trưởng sẽ sát hạch ông ta, và tới lúc đó ông
mới chính thức được giao cho bay tuyển quốc tế.

Trong những chuyến bay kiểu này — cũng như
trong các chuyến bay kiêm tra mà tất cả phi công
của các hãng cứ nửa năm lại phải bay một lần, —
người ta tiến hành kiểm tra cẩn thận các kỹ năng
ứng xử trên không và kỹ năng bay. Những cuộc kiểm
tra này tiến hành trên những máy bay thông thường,
và hành khách chỉ có thể đoàn ra chuyện đó khi nào
nhìn thấy trong ca-bin tài có hai đội trưởng phi công
có bốn lon chèo vàng ở ống tay áo.

Mặc dù các phi công sẽ luôn phiến kiêm tra
nhau, song họ thường có thái độ nghiêm túc và khe
khắt với công việc. Vì chính bản thân họ cũng muốn

như vậy. Có quá nhiều cái được đặt lên con bài — cả sinh mạng của bao nhiêu người lẫn uy tín nghề nghiệp của cá nhân, — nên không thể vì tình cảm bạn bè mà khen nhau hay bỏ qua cho nhau những sai sót được. Người phi công nào được kiểm tra đều biết rằng tất cả các thao tác của anh ta phải đúng quy định. Và nếu anh ta làm điều gì sai quy định, lập tức sẽ có những nhận xét không tốt về anh ta ngay, và điều đó có thể dẫn đến một cuộc sát hạch khác còn nghiêm khắc hơn do đích thân người phi công trưởng của hàng kiểm tra và tùy theo ý kiến ông này, người ta sẽ quyết định giữ lại hay thảm hồi anh ta.

Tuy nhiên, trong khi hết sức nghiêm khắc với những phi công được kiểm tra như thế, các đồng nghiệp lại tỏ ra đặc biệt tôn trọng họ. Ai cũng vậy, chỉ trừ Veenon Dimirest.

Dimirest đối xử với những phi công bị anh kiểm tra như thầy giáo răn đe cậu học trò phạm lỗi. Hơn nữa, trong vai trò người thầy ấy, Dimirest lại luôn luôn tỏ ra tạ đây : kiêu ngạo, phách lối và tàn nhẫn. Anh ta không giấu giếm việc anh ta tin chắc không ai có thể lái máy bay giỏi bằng anh ta. Những đồng nghiệp nào phải chịu đựng tất cả những cái đó, trong bụng sôi lên vì tức giận, nhưng không có cách nào khác là phải phục tùng. Nhưng sau đó họ thề với nhau, khi nào đến lượt Dimirest bị kiểm tra, họ sẽ hành họ bắt bẻ anh ta, làm cho anh ta phải điều đứng. Và họ cố gắng thực hiện lời đe dọa của mình — cái điều là kết quả bao giờ cũng như nhau : Veenon Dimirest điều khiển máy bay không chè vào đâu được, và họ không có gì dễ bắt bẻ anh ta cả.

Hôm nay cũng vậy, trước cuộc bay kiểm tra, theo cách cư xử quen lệ của mình, Dimirest gọi điện về nhà cho Enxon Herris.

— Tôi nay đi sẽ khó khăn đấy. — Dimirest không úp mở gì nói thẳng ngay. — Tôi muốn phi hành đoàn của tôi phải có mặt đúng giờ, và yêu cầu ông đến sân bay sớm một chút. — Enxon Herris, người trong suốt hai mươi hai năm phục vụ chưa hề đến muộn lần nào, tức nghẹn thở, nhưng cũng may ông chưa kịp nói câu nào thì Dimirest đã gác ông nghe.

Tuy trong bụng vẫn còn tôi, nhưng vì không muốn đè Dimirest có cớ gì hạch sách mình, đội trưởng Herris đã đến sân bay trước hẳn gần ba tiếng đồng hồ, chứ không phải trước một tiếng như quy định. Dimirest gặp ông trong « Quán cà-phê các phi công trên mây » khi anh rẽ vào đó sau cuộc tranh cãi với tiểu ban chống tuyết. Dimirest mặc áo vel-tit-suy, còn bộ đồng phục, như mọi khi, treo trong tủ, và lút nửa anh là mới mặc. Đội trưởng Herris, một người đàn ông đã có tuổi, tóc hoa râm, một phi công kỳ cựu mà thanh niên thường gọi bằng « ngài », thi mặc đồng phục của hãng Trans-Océanic.

— Chào ông Enxon! — Vecnon Dimirest ngồi vào chiếc ghế cao trước mặt quầy cafeh ông. — Tôi thấy ông đã nghe lời khuyên tốt của tôi.

Đội trưởng Herris bóp mạnh tách cà-phê trong tay, nhưng chỉ đúp gọn lòn một câu:

— Chào ông Vecnon.

— Việc chuẩn bị cất cánh sẽ làm sớm hơn thường lệ hai mươi phút, — Dimirest nhắc ông.

Tôi muốn kiểm tra xem số máy bay và những tài liệu chỉ dẫn có đầy đủ hay không?

May quá, Herris nghĩ, hôm qua vợ ông vừa kiểm tra lại bản chỉ dẫn và ghi vào đó những thay đổi mới nhất. Nhưng vẫn phải đến phòng phau phoi xem lại thư từ, công văn, kéo cái đồ đe tiện này về sau có thể có, có buộc tội ông đã không chịu sửa lại một điểm nào đó mà vẫn bắn mới thông qua hôm nay. Để cho tay có việc làm và để tự trấn tĩnh, Herris nhồi thuốc vào lầu rồi châm hút.

Ông cảm thấy cái nhìn xói mòn của Dimirest dán vào người ông.

— Cái áo sơ mi của ông không đúng quy định của hãng. Thoạt tiên Herris không tin là ông bạn đồng nghiệp của ông nói thật. Nhưng khi hiểu ra anh ta không có ý đùa, thì mọi ông đỏ dù.

Không phải chỉ các phi công của hãng Trans Omericor, mà cả phi công của hãng khác đều rất bất bình với những chiếc sơ mi đồng phục. Chúng đắt rroc mua của nơi chuyên cung cấp hàng cho các hãng hàng không với giá chín đô-la một chiếc, được may rất cầu thả, bơm hứa lụi bằng thứ vải chất lượng rất đáng ngờ. Trong khi đó, ở các cửa hàng bình thường, có thể mua được những sơ mi tốt hơn, và rẻ hơn nhiều, mà trông cũng không khác gì những sơ-mi quy định. Vì thế nhiều phi công không chịu mặc sơ-mi đồng phục. Trong số đó có cả Vecnon Dimirest. Herris nhiều lần nghe nói Dimirest cũng rất chê những chiếc áo do hãng kia cung cấp và cố tình mặc sơ-mi của mình để phản đối.

Dimirest ai có phục vụ mang cà-phê đến rồi nói
gọi Herris giọng có vẻ hòa giải:

— Không sao. Tôi sẽ không viết trong báo cáo
rằng tôi nhìn thấy ông mặc không đúng loại sơ mi
quy định. Nhưng trước khi lên máy bay của tôi ông
phải thay nó đi.

« Hãy cố nhịn ! » — Herris tự nhủ. — *Lạy chúa,*
xin hãy ban cho con sức chịu đựng! *Bóng có nồi*
nóng — vì hắn ta chỉ mong có thể, đõ chó đẽ ! *Nhưng*
tại sao ? Tại sao ? »

Được rồi, ông nghĩ thầm : Ông sẽ nuốt hận, sẽ
thay áo và mặc chiếc áo quy định; Ông sẽ không cho
Dimirest có bất cứ cớ gì có thể bắt bẻ ông. — Thậm
chí cả trong những chuyện vặt vãnh nhất. Kề ra hôm
nay kiém được cái áo sơ-mi đồng phục cũng không
phải dễ. Có lẽ phải hỏi mượn hay đồi cho tay đội
trưởng, hay phi công thứ nhất nào đó. Nếu ông kẽ
cho họ nghe lý do tại sao, chắc chắn ai tin, vì chính
ông cũng không tin vào lối minh.

Nhưng không sao, vì Dimirest cũng sẽ đến lượt
phải bay kiểm tra... *Hắn hãy liệu chứng... lần tới và*
cả những lần tiếp theo nữa. Herris có khá nhiều bạn
thân trong số các đội trưởng. Ông sẽ cố nói với họ
bất Dimirest phải mặc sơ-mi đồng phục, bắt hắn
phải tuân thủ tất cả mọi quy định, dù nhỏ nhất
nhất... *Chứ không... Thắng chó đẽ này sẽ còn trú*
đang, — Herris buồn bã nghĩ. Hắn sẽ tìm cách trú ông.

— Nay Harris! — giọng Dimirest có vẻ giễu cợt, —
ông cần phải cản tàu bây giờ đấy!

Quả thực suýt nữa Herris cản vào cản tàu.

Bây giờ nhớ lại cảnh ấy, Vecnou Dimirest túm

lên cười. Phải, chuyến bay sẽ rất nhẹ nhàng đối với anh.

Thang máy dừng lại ở tầng tư, và những suy nghĩ của Dimiresi lại trở về với thực tại. Anh bước ra hành lang trái thám, ung dung rẽ về bên trái — đến căn phòng mà Guen Maygen thuê chung với cô chiêu dải viền của hãng Lunatitit Eolain. Qua Guen, Dimiresi biết hôm nay có bạn cùng phòng của cô không có nhà — cô ta phải bay chuyến đêm. Như mọi khi, Dimiresi ăn buồng theo kiểu đánh moco. — Tạch-tạch-tạch-tè-tè-tạch-tạch, — rồi vẫn dùng chìa khóa ban nay mở cửa cầu thang, anh mở cửa buồng bước vào.

Guen đang ở trong buồng tắm. Anh nghe thấy tiếng nước chảy ð ð. Khi anh bước lại gần cửa buồng ngủ của cô, cô gọi anh : « Anh đấy à, Vecnon ? ». Ngay cả lúc này, khi phải kêu to để át tiếng nước chảy, giọng cô nghe vẫn du dương mềm mại. Dimiresi nghĩ : « Thảo nào mà hành khách ai cũng thích cô ấy ». Chính mắt anh trong thấy họ — nhất là đàn ông — cứ ngày người khi được cô ta hỏi bằng cái giọng mê hoặc của mình.

Anh kêu to đáp :

— Phải, con mèo con của anh à !

Đồng quần áo lót mỏng của cô đê trên giường; chiếc quần lót ni-lòng, áo su-chiêng màu da người trong suốt, và chiếc thắt lưng có nịt chun cũng màu ấy; bộ quần áo ngủ bằng thứ lụa Pháp có thêu tay. Quần áo Guen mặc chỉ là loại hàng thông thường, nhưng quần áo lót bao giờ cũng phải là loại đắt tiền. Dimiresi bỗng thấy rạo rực khắp người, anh miễn cưỡng rời mắt khỏi những thứ đồ quyến rũ ấy.

- Em rỉ mùng vì anh đến sớm — cô lại nói
tô — Em có chuyện muốn nói với anh trước khi bay.
- Tốt lắm, chúng ta còn có thời gian.
- Nếu anh thích thì trong lúc chờ em, anh đi
pha trà đi.
- Ô-ké !

Cô đã luyện được cho Dimitrest cách uống trà theo kiểu Anh — nghĩa là uống bất cứ lúc nào — mặc dù trước khi quen nhau, nói chung anh không thích uống trà. Vậy mà bây giờ anh dám nghiệm đến nỗi ở nhà cũng uống một mình. Và điều đó làm Xara ngạc nhiên hết sức, nhất là khi anh đòi vợ phải pha trà theo đúng cách Guen đã dạy anh: lúc đầu phải tráng ấm cho thật nóng, rồi mới cho trà và rót nước sôi vào.

Anh bước vào gian bếp xinh xắn, nơi mọi thứ đối với anh đều đã quen thuộc, đặt ấm nước lên bếp điện. Sau đó anh mở tủ lạnh, lấy gói sữa dở từ một ngum, rồi lại đặt vào chỗ cũ. Tất nhiên anh thích uống uýt-xki pha sô-đa hơn, nhưng cũng như hầu hết các phi công khác, trước khi bay một ngày anh ngăn mình không uống một giọt rượu nào. Theo thói quen anh nhìn đồng hồ — tầm giờ kém ba phút. Bất giác anh nghĩ thầm, ở sân bay lúc này công việc đã bắt đầu tấp tết và một số người đang chuẩn bị cho anh chiếc « Boeing 707 » tráng lệ chuyến bay đường dài mà anh sắp sửa cùng nó thực hiện chuyến bay dài năm nghìn dặm đi Rom.

Trong nhà tắm nước đã thôi chảy. Và giữa cảnh im lặng đó, Dimitrest lại vui vẻ huýt sáo bài « O Sole Mio ».

Gió lạnh buốt vẫn rít từng cơn trên sân bay, tuyêt vẫn trút xuống, không ngọt.

Ngồi trong ô-tô, Mel Baycoxfend bỗng lại thấy lạnh hết cả người. Đường băng ba-không cùng chiếc máy bay nằm chèn kẽm trên đó đã ở lại phía sau. Lúc này Mel đang đi về phía đường băng một-bảy, bên trái, nơi những chiếc xe dọn tuyết vừa đi qua. Không biết tại sao tự nhiên ông lại thấy ôn lạnh như thế, — ông nghĩ. Tại cái chân bị thương của ông, bay tại cái lìa cảm chẳng lành ông vừa gặp ban nãy. Khiến ông thấy như vậy?

Mel bị gãy chân cách đây mười sáu năm bên bờ biển Triều Tiên, hồi ông còn ở trong ngành hàng hải và bay từ tàu sân bay « Essek ». Bây giờ khoảng nửa ngày trước một chuyến bay nguy hiểm (ông còn nhớ rất rõ chuyện đó) ông cũng có một linh tính chẳng lành. Đó không phải cảm giác sợ hãi — cũng như nhiều bạn đồng nghiệp khác, ông đã quen với cuộc sống nguy hiểm, — mà đúng hơn là niềm tin bí ẩn rằng ông sẽ gặp một chuyện gì không tránh khỏi và nó có thể kết thúc bằng cái chết của ông. Ngày hôm sau trong cuộc không chiến với chiếc MiG-15 máy bay Mel bị bắn rơi ngay trên biển.

Ông vẫn điều khiển được máy bay thêm một lúc nữa, nhưng chân trái của ông bị vướng vào pê-dan và mắc ở đó. Máy bay lảo nhanh xuống nước — nó rơi xuống đáy với tốc độ của viên gạch. — và Mel rút con dao di săn ra, rồi thu hết sức lực ông chém lia lịa vào bàn chân và pê-dan. Cuối cùng không hiểu bằng cách kỳ diệu nào ông rút được chân ra khỏi

pé-deu. Rồi ông nghiên răng chịu đựng cơn đau khủng khiếp, ngoại lên mặt nước.

Suốt tám tiếng đồng hồ sóng đưa ông đi và khi người ta vớt được ông lên, ông đã bắt đầu bất tỉnh. Sau đó ông mới biết ông đã cắt đứt mắt gần chân, và mắt cá chân ông không gặp lại được nữa.

Dần dần các y sĩ hậm đội chữa khỏi chân ông, nhưng từ đó Mel không bay được nữa. Thực ra cơn đau thỉnh thoảng lại trỗi dậy và lần nào cũng khiến ông nhớ lại cái linh cảm chẳng lành cách đây nhiều năm. Nay giờ cũng vậy, ông lại có cái linh cảm ấy.

Lái xe cần thận để khỏi lạc đường trong bóng tối. Mel cứ tiếp dàn đến đường một-bảy, bên trái. Theo lời người chỉ huy các chuyến bay, khi nào chuyền gió thì những người điều phái sẽ cần đến chính đường băng này, và theo dự báo thời tiết thì gió sắp phai chuyền.

Lúc này ở sân bay đang sử dụng hai đường hạ cất cánh, đường hai-năm và đường một-bảy bên phải. Mà cả hai có năm đường hạ cất cánh. Và trên cả năm đường hạ cất cánh này, bão tuyết đã mờ vụt tắt công dữ dội vào sân bay.

Đường hạ cất cánh dài nhất và rộng nhất là đường ba-không, hiện đang bị vướng chiếc máy bay «bóng» của hãng Eoréo-Mêcbxicơn. (Nếu gió chuyền và máy bay bay từ phía bên kia lại, thì có thể thay đường băng đó bằng đường băng một-hai). Đường băng này dài chừng hai dặm và rộng gần bằng cả một khu phố, ở sân bay người ta thường nói dù đứng từ đầu này không nhìn thấy được đầu kia, vì quá đất trống.

Còn bốn đường băng khác thì ngắn hơn nữa
đêm và hẹp hơn nhiều.

Từ khi tuyết bắt đầu rơi, tất cả các đường hầm
cánh được quét dọn liên tục, người ta phải quét
tuyết đi rồi rắc cát vào. Nhưng chiếc máy bay — với
những động cơ di-é-zen trị giá mấy triệu đô-la một
cái — chỉ dừng lại để lấy nhiên liệu hay thay phi
tanh đoàn khác. Nhưng không hành khách nào nhìn
thấy công việc ấy, vì máy bay đã đưa ra các
đường băng đã dọn sạch, và chỉ sau khi mặt đường
đã được kiểm tra và đã được công nhận là an toàn.
Về việc này có những quy định hết sức nghiêm ngặt.
Trên những đường băng dành cho máy bay phản lực
chỉ cho phép đỗ lại lớp tuyết cứng dày tối đa nửa
inso, còn nếu tuyết xốp thì tối đa là ba inso. — Nếu
đỗ lại trên mặt đường một lớp tuyết dày hơn, thi
tuyết sẽ bị hút vào các động cơ và làm cho chúng
bị tắc.

Vậy mà rất tiếc, Mel nghĩ, những dội dọn tuyết
lại không được làm việc công khai cho mọi người
thấy... Cảnh tượng đó thật hào hùng và hồi hộp.
Thậm chí lúc này, giữa bão tuyết và trong bóng
đêm, bóng những chiếc xe đang chuyên động cũng
gây ấn tượng mạnh. Từng tầng tuyết lớn bị những
luồng xung khồng lồ hất nhào từ độ cao một trăm
năm mươi feet ⁽¹⁾ xuống. Chúng lấp lánh trào xuống
dưới ánh sáng của những chiếc đèn pha và hai chục
đèn quay đặt trên mui xe.

Trong sân bay người ta gọi đoàn xe dọn tuyết
đó là « Anacónde ».

(1) Fot: đơn vị độ dài Anh, bằng 30,5cm.

Nó có đầu, thân, đuôi và tất cả các bộ phận khác của con rắn, và lúc tiến ngoằn ngoèo uốn khúc nhảy múa.

Bí đầu là chiếc xe «dẫn đường» của người kỹ thuật viên trưởng của các cơ quan phục vụ sân bay — một chiếc xe hơi màu vàng tươi, giống màu của tất cả những xe khác trong đoàn, «Anacónda». Chiếc xe dẫn đường đó quy định tốc độ cho cả đoàn, thường là tốc độ khá lớn. Xe có hai máy phát vò Nguyễn và thường xuyên liên lạc với phòng chỉ huy chống tuyet và Đài điều phái. Nó dùng hệ thống đèn tín hiệu để nói chuyện với những xe đi sau nó: đèn xanh nghĩa là «tăng tốc độ», vàng là «giữ nguyên tốc độ», đỏ — «giảm tốc độ», còn khi đèn đỏ nháy liên tục là báo hiệu «đứng lại». Chiếc xe «dẫn đường» phải thuộc lòng toàn bộ sơ đồ sân bay và biết định hướng ngay cả trong đêm tối tăm như thế này.

Sau xe «dẫn đường» — cũng như trong dàn nhạc sau người nhạc trưởng là đến người trưởng hè — là chiếc xe cào tuyet số một, hôm nay đó là chiếc «coskos» không lồ, có lưỡi dao rất lớn phía trước và một lưỡi khác nhỏ hơn bên cạnh. Sau nó một chút, và hơi chêch sang bên phải, là xe cào tuyet số hai. Chiếc xe số một cào tuyet sang một bên, chiếc thứ hai gom tất cả những gì chiếc thứ nhất vừa cào, rồi cùng với chỗ tuyet nó cào thêm, gạt tất cả ra xa hơn.

Sau hai chiếc xe cào tuyet là đến chiếc «snoublast» — sáu trăm mã lực. Chiếc «snoublast» này trị giá sáu mươi ngàn đô-la và được coi là chiếc xe sang trọng nhất trong số các xe cào tuyet. Bằng những cái bom cực mạnh nó hút tuyet do cả hai xe vừa cào,

rồi hắt tùng via tuyết không lồ ra khỏi phạm vi đường băng.

Trong đội thứ hai, xa hơn nữa về bên phải, là hai chiếc xe cào tuyết khác và một chiếc « snoublast » thứ hai.

Sau những chiếc xe cào tuyết và « snoublast », là đến những chiếc xe san tuyết — đi thành hàng năm — chúng dùng lưỡi dao san tất cả những chỗ còn lồi lõm sau khi tuyết đã được cào. Phía sau những lưỡi dao san có lắp những bàn chải quay, có nhiệm vụ quét mặt đường như cái chổi không lồ.

Sau cùng là những chiếc xe obré cat. Khi mười một chiếc xe vừa dọn sạch tuyết trên mặt đường, lập tức ba chiếc xe tải không lồ với những thùng xe có dung tích mười bốn mét khối mỗi cái, đi rắc một lớp cát đều và phẳng.

Cát dùng ở đây không giống loại cát dùng ở các chỗ khác. Bên ngoài sân bay — trên đường quốc lộ, đường trong thành phố và quảng trường — người ta cho thêm muối vào cát để làm tăng nhanh tốc độ tan băng. Nhưng ở các đường hạ cát cảnh không bao giờ được làm như vậy. Muối sẽ ăn mòn kim loại, làm giảm tuổi thọ của chúng, mà đối với máy bay phải thận trọng hơn nhiều so với các xe ô-tô.

Chiếc xe cuối cùng trong đoàn « Anaconda » gọi là chiếc « Charli đuôi » — đó là chiếc xe con của người kỹ thuật viên phó. Nhiệm vụ của nó là theo dõi hàng ngũ và thúc giục những chiếc xe bị tụt lại. Nó liên lạc bằng vô tuyến điện thoại với chiếc xe « dân đường »

ma nhiều khi không nhìn thấy được qua màn sương dày tối.

Ngoài ra còn có những chiếc xe đi «vòng ngoài»: một chiếc xe cào tuyết dự trữ, phòng trường hợp có chiếc xe cào tuyết nào bị hỏng, một xe sửa chữa chờ thợ cơ khí, máy chiếc chờ xi-téc xăng và nhiên liệu di-e-zen, và những chiếc picap chờ cà-phê và thức ăn thịnh thoảng lại được gọi đến.

Mel tăng ga cho xe vượt lên những chiếc xe «vòng ngoài», rồi dừng lại cạnh xe của người kỹ thuật viên phó. Chiếc xe của ông được người ta nhận ra ngay. Ông nghe thấy tiếng chiếc xe «dẫn đường» báo cho chiếc «đuôi»: «Ngài Mel Baycoxend đã đến chỗ các bạn».

Đoàn «Anacónدا» tiến khá nhanh — với tốc độ bốn mươi dặm một giờ thay vì tốc độ thông thường là hai mươi dặm. Chiếc «dẫn đường» rõ ràng có vẻ vội, vì biết rằng sắp đồi gió, và như thế sẽ phải dọn gấp đường hạ cát cảnh.

Chuyển máy thu phát sang lần sóng của các cơ quan phục vụ mặt đất, Mel nghe thấy tiếng chiếc «dẫn đường» báo về phòng điều phái:

— Chúng tôi đang tiến trên đường một-bảy, bên trái, sắp đến chỗ giao nhau với đường hai-năm. Xin phép được đi qua.

Đường hạ cát cảnh hai-năm đang hoạt động: liên tiếp hết máy bay này đến máy bay khác thay nhau hạ cánh xuống đó.

— Điều phái viên mặt đất gọi «dẫn đường» đoàn «Anacónda». Hãy dừng lại ở chỗ giao nhau. Có hai

máy bay đang hạ cánh. Tôi chưa cho phép. Nhắc lại: tôi chưa cho phép đi qua đường băng. Trả lời.

Người điều phái viên nói với giọng như xin lỗi. Ở đó người ta hiểu rõ, một khi đoàn « Anacónدا » phải dừng lại, thì khi lại bắt đầu chuyên bánh xe rất khó khăn, nhưng hai chiếc máy bay đang tới gần chắc chắn đã hạ độ cao một cách mò mẫm, dựa vào máy móc, và đã bắt đầu hạ cánh xuống đường băng, cái nọ tiếp cái kia. Trong thời tiết thế này, chỉ khi nào hết sức cần thiết điều phái viên mới phải ra lệnh cho phi công lại bay lên và bay thêm một vòng nữa.

Mel nhìn thấy phia trước lóe lên những đèn hiệu đỏ cho phép đoàn xe « Anacónda » với vâ hâm phanh, dừng ngay lại:

Người kỹ thuật viên phó, một anh chàng da đen vui tính, nhảy ra khỏi xe và bước lại gần xe của Mel. Khi anh ta mở cửa xe, gió lùa ngay vào ca-bin, và Mel chỉ cảm thấy luồng gió chử không nghe thấy tiếng gió rít, vì các động cơ di-e-zen vẫn nồ àm àm. Người kỹ thuật viên phó ghé sát tai Mel nói :

— Thưa ngài Bi, ngài có muốn đi cùng anh em chúng tôi không? Nếu ngài muốn dè tôi báo mọi câu hỏi đó trong xe cho ngài.

Mel khoen miệng cười. Ở sân bay ai cũng biết những lúc rồi ông thường thích ngồi sau vô-lăng của chiếc xe nặng. « Má sao lại không nhỉ » — Mel nghĩ. Vì ông ra ngoài phi trường chính là muốn kiểm tra xem người ta dọn tuyết ra sao, và tình hình có đúng như bản điều trần của Vecnon hay không. Bây giờ ông đã rõ, bản điều trần hoàn toàn bị đặt và mọi việc vẫn tiến hành rất tốt. Nhưng có lẽ cứ nên dừng lại một chút để quan sát những công việc « bên trong »

Ông gật đầu ra hiệu đồng ý và héto :

- Ô-ké !, tôi sẽ đi trên chiếc « snoublast » thứ hai.
- Rõ.

Người kỹ thuật viên phó bật chiếc đèn pin cầm tay cui gặp người tránh gió, tiến dì trước Mel, đi qua những chiếc xe tải chờ cát và bàn chải đang đứng im lìm trong tuyết. Mel nhận thấy trên mặt đường vừa được dọn cách đây vài phút, đã lại có tuyết. Từ chiếc xe sửa chữa phía sau có người nhảy xuống và chạy lại phía xe của Mel.

— Xin ông nhanh lên một chút, Ông Bi, chúng ta chỉ dừng ở đây một chút thôi. — Anh da đen trẻ tuổi soi đèn, trong khi Mel leo lên trên. Và ở đó, trong ca-bin của chiếc « snoublast », người lái xe đã mở sẵn cửa chờ ông. Ban nãy đang dì cái chân bị thương của ông bỗng nhiên lại đau nhói, nhưng vì không có thời gian nên ông vẫn phải cố nén đau đì cho kịp.

Phía trước mặt, những đèn hiệu xanh đã bật lên thay cho đèn đỏ : nghĩa là cả hai máy bay đã hạ cánh và di qua. « Anacond » phải tranh thủ thời gian đi qua đường băng trước khi máy bay khác, chỉ trong vòng một hai phút nữa, lại hạ cánh. Mel quay lại và nhìn thấy người kỹ thuật viên phó đang cầm đầu cõi chạy về chiếc xe « đuôi » của anh ta.

Chiếc « snoublast » đã bắt đầu chuyển bánh và tăng ga làm máy pô định tai. Người lái xe liếc nhìn Mel vừa ngồi vào một trong hai chiếc ghế học đệm mút cạnh anh ta.

— Chào ngài Baycoxfend.

— Công việc thế nào, Bill ? — Mel nhận ra ngay người lái xe chính là nhân viên kế toán vẫn thường phát hưng ở sân bay.

— Thưa ngài tốt lắm, chỉ tội hơi mệt thôi.

Anh ta cố giữ khoảng cách giữa xe mình với xe cào tuyết thứ ba và thứ tư : từ đây không nhìn thấy rõ đèn pha trên nóc máy chiếc xe ấy. Những cái chân lớn hình bàn nguyệt của xe « snowblast » đã bắt đầu làm việc, gom tuyết và đưa nó vào máy hút. Một cột tuyết trắng cuồn lên cao tạo thành một cái vòm cuồn rất đẹp rồi đổ ra ngoài đường băng.

Ngồi trên ca-bin cao này có cảm giác như đứng trên cầu chỉ huy của người thuyền trưởng. Người lái xe thì giống như người lái tàu, cầm vô lăng rất nhẹ nhàng. Trên băng máy trước mặt anh ta rất nhiều đồng hồ, nút bấm nhấp nháy trong bóng tối. Cũng giống trên tàu thủy, máy cái cần gạt chuyền động rất nhanh theo hình cánh quạt, gạt đi lớp tuyết bám vào kính đè lúc nào cũng nhìn được rõ.

— Tất nhiên ai cũng mệt cả, — Mel nhận xét. — Tôi chỉ có thể an ủi anh rằng, không phải cả đời lúc nào cũng như thế.

Mới cách đây vài năm, già bị bão tuyết thế này, chắc sân bay đã phải đóng cửa. Còn bây giờ sở dĩ nó vẫn hoạt động được, thì chủ yếu là nhờ kỹ thuật dưới đất — đúng là chỉ nhờ có bộ phận này thôi — đã tiến kịp với kỹ thuật trên không. Nhưng có nhiều ví dụ như vậy không ? Mel phải thú nhận một cách buồn bã rằng không nhiều lắm.

— Nhưng dù sao — người lái xe nói đè phá tan không khi im lặng, — được tạm nghỉ làm việc với

máy tính để làm việc với máy này cũng thích. Với lại thời tiết này càng kéo dài bao nhiêu, tôi lại càng được lĩnh thêm nhiều tiền làm ngoài giờ bấy nhiêu.— Anh ta ăn vào một cái nút, lập tức chiếc ca-bin nhỏ hẳn ra phía trước, cho phép anh ta có thể kiểm tra xem những cái chân có làm việc không. Sau đó ăn vào nút khác, anh ta sửa lại vị trí của chúng, rồi lại cho ca-bin hạ xuống.— Tôi không có trách nhiệm làm việc này, ngài biết đấy. Nhưng tôi tinh nguyễn đi làm. Tôi thích làm ở đây. Ở đây... — anh ta ngáp ngừng.— Chính tôi không biết nữa.

— Gần thiên nhiên hơn phải không? — Mel nhắc.

— Vâng, có lẽ thế. — Anh lái xe cười to. — Có lẽ vì tôi yêu tuyệt.

— Không phải thế, Bill à, tôi không nghĩ thế.

° Mel quay người lại, và bắt đầu nhìn về phía trước theo hướng tiến của đoàn «Anacónدا». Đúng là bão vẫn rất mạnh. Nhưng dù sao ông vẫn thích có mặt ở đây, có lẽ vì ở ngoài phi trường này, giữa khoảng không bao la, khi chỉ có mình anh, anh sẽ cảm thấy mình gần với những cuộc bay hơn.— Cuộc bay thực sự, đúng với nghĩa đen của nó, khi con người phải giao tranh với thiên nhiên. Còn nếu ngồi mãi trong nhà hay trong phòng làm việc của các hãng hàng không, anh sẽ dần mất đi cảm giác đó— anh sẽ bị ngập trong những công việc thứ yếu không có liên quan gì với hàng không. Có lẽ tất cả nhân viên hàng không chúng ta, Mel nghĩ, thỉnh thoảng phải đi ra ngoài phi trường—đứng vào cuối đường băng xa tít và cảm thấy gió như xé rách mặt. Khi đó anh sẽ dễ dàng tách được cái phụ khỏi cái chính— và dần óc cũng được tươi mới lại.

Thỉnh thoảng Mel vẫn đi ra ngoài như thế này, mỗi khi ông cần phái bình tâm cân nhắc điều gì một mình. Hôm nay ông không định như vậy, nhưng bỗng ông nhận ra ý nghĩ ông tự nó làm việc: ông nghĩ về tương lai của phi trường và của chính bản thân ông, như thời gian gần đây ông thường nghĩ.

Mỗi cách đây năm năm phi trường Linhcôn hẵn còn được coi là một trong những phi trường tốt nhất và hiện đại nhất thế giới. Nhiều đoàn đại biểu khi ngắm nhìn nó phải trầm trồ thán phục, các nhà chính khách nói về nó với niềm kiêu hãnh và huênh hoang khẳng định rằng đó là « thành tựu mới nhất của ngành hàng không » và « biểu tượng của thời đại nguyên tử ». Các chính khách đến bay giờ vẫn còn tự hào nói về nó, nhưng đã ít cơ sở hơn. Nhiều người trong số họ không hay biết rằng phi trường quốc tế Linhcôn cũng như nhiều phi trường hiện đại khác, đang nhanh chóng biến thành cái « quan tài sơn son thiếp vàng ».

Mel Baycoxfend tự dung nghĩ ra cái từ này khi đang đi trong bóng tối theo đường băng một-bày bên trái. Một định nghĩa rất chính xác, ông nghĩ. Sân bay có những khuyết điểm cơ bản và nghiêm trọng mà người ngoài nhiều khi không thấy được, trừ người nào có liên quan trực tiếp.

Các khách du lịch và hành khách đến sân bay quốc tế Linhcôn chủ yếu chỉ nhìn thấy tòa nhà ga chính — sáng rực và được trang bị toàn máy điều

hỏa nhiệt độ « Tadj-Mahau ». Nhà ga hàng không toàn kính và kèn bong như gương trong thật nguy nga đồ sộ. Một hệ thống hành lang chỉ chỉ dẫn khách đến các phòng chờ sang trọng. Cả một mạng lưới cơ quan dịch vụ vây quanh không gian dành cho hành khách. Trong nhà ga có sáu khách sạn đặc sản — bắt đầu từ gian hàng bán những món ăn sang trọng nhất đặt trên những chiếc đĩa sứ viền vàng, và kết thúc bằng những quầy có thè vừa đi vừa ăn những món xúe xích. Ngoài ra còn có nhiều tiệm bar với ánh đèn mờ ảo ấm cúng; và nhiều bar khác sáng rực đèn neon, nơi người ta uống đúug, và rất nhiều phòng vệ sinh. Trong khi chờ đến lượt bay, ngay trong nhà ga sân bay, không cần đi ra ngoài, hành khách có thể mua tất cả các thứ đồ dùng cần thiết, thuê buồng hoặc giường nằm trong khách sạn, vào nhà tắm xoa bóp Thổ Nhĩ Kỳ, cao rau, là quần áo, đánh giày, hay thậm chí chết, và được chôn cất tử tế bởi công ty « Phòng dịch vụ linh hồn » có hẳn gian nhà riêng ở tầng dưới.

Cho đến nay nhà ga trong vẫn cực kỳ nguy nga tráng lệ. Song những nhược điểm bắt đầu bộc lộ ở nơi thực sự bắt đầu là hàng không và liên quan trước hết đến những đường hạ cát cảnh và đường lăn.

Chỉ rất ít người trong số tám chục ngàn hành khách hàng ngày hay đến và bay đi, hiều được rằng tất cả mọi cái ở đây hoàn toàn chưa có gì là hoàn thiện — và do đó, vẫn còn hết sức nguy hiểm đối với sinh mạng của họ. Cách đây một năm số lượng đường hạ cát cảnh và đường lăn đã tỏ ra không đủ cho các máy bay xuống và lên. Còn bây giờ chúng lại càng phải làm việc quá sức. Những lúc bình thường,

trên hai đường băng chính cứ ba mươi giây lại có một máy bay lên hoặc xuống. Do sự phản nản của dân chúng Médoud, cũng như do ý muốn của ban giám đốc sân bay muốn nhượng bộ họ, vào những giờ cao điểm người ta phải dùng đến đường băng cắt ngang một trong hai đường băng kia. Kết quả là các máy bay phải lên xuống trên những đường băng đối chéo nhau, và có những giây phút, những người điều phái viên trên không chỉ còn biết ninh thở và cầu chúa cho đừng xảy ra chuyện gì. Mọi cách đây một tuần, Käyz, em trai của Mel, đã buôn bã tiên đoán :

« Phải rồi, vì phòng điều phái chúng ta cứ phải nai lưng ra để tách những chiếc máy bay, trong khi chúng chỉ cách nhau một tắc là đâm vào nhau, cho nên tạm thời chưa có tai nạn nào xảy ra ở chỗ giao nhau. Nhưng sớm hay muộn, một người nào trong chúng ta sao nhãng đi, dù chỉ một tích tắc thôi, hoặc chỉ cần tính toán sai đi một chút, là chắc chắn không tránh khỏi tai nạn. Tôi chỉ biết cầu nguyện cho chuyện đó đừng xảy ra vào ca trực của tôi và đừng rơi đúng vào tôi, vì nếu xảy ra chuyện đó, tai nạn sẽ lớn không kém gì ở Đại Canion ».

Käyz muộn nói đến chính cái chỗ giao nhau mà đoàn « Anaconda » vừa đi qua, Mel lại ngoài đầu nhìn ra phía sau. Đoàn « Anaconda » đã qua khỏi chỗ cắt, và nhau lúc tuyết rơi ngọt đi một khoảng khắc, Mel nhìn thấy trên đường băng loé lên những ngọn đèn dẫn đường của chiếc máy bay vừa bay vút lên. Và ngay sau nó, chỉ cách đó vài ác-đơ⁽¹⁾ — Mel không tin ở mắt mình nữa — đã thấp thoáng

(1) Ác-đơ : đơn vị độ dài Anh, bằng 91,4cm.

ánh đèn của chiếc máy bay khác mà ông cảm thấy
hình như cũng vừa hạ cánh vào đúng giây phút đó.

Người lái xe « sandblast », cũng nhìn lại. Và buýt
lên một tiếng sáo dài.

— Ô hô ! hai máy bay suýt đâm vào nhau !

Mel gật đầu. Quả thực hai chiếc máy bay chỉ suýt
soát là đâm vào nhau làm ông lạnh toát người. Có
lẽ khi ra lệnh cho phi công của cả hai chiếc máy bay,
người điều phái viên đã giảm dung sai tới mức tối
đa. Người điều phái viên lão luyện đã tính toán chính
xác mọi cái, nhưng làm như vậy thật nguy hiểm. Lúc
này cả hai máy bay đã ra ngoài vòng nguy hiểm :
một cái đã ở trên không, còn một cái — dưới đất.
Nhưng việc thỉnh thoảng những người điều phái phải
có những quyết định như thế đã làm cho thần kinh
hết nào cũng trong tình trạng căng thẳng.

Mel đã nhiều lần chỉ cho Hội đồng đặc trách
và các ông trùm thành phố nắm quyền quyết định
tài chính cho sân bay, biết chuyện đó. Ông không
chỉ đấu tranh yêu cầu người ta phải xây thêm ngay
những đường hạ cát cánh và đường lăn, mà còn
thuyết phục họ mua nốt chỗ đất xung quanh sân
bay để dần dần mở rộng nó ra. Chuyện đó đã gây
ra cuộc tranh cãi kéo dài vô tận, và nhiều khi rất
quyết liệt. Một số ủy viên Hội đồng cũng như trong
ban lãnh đạo thành phố cũng có ý kiến giống Mel,
nhưng có những người phát biểu kiên quyết chống
lại. Thật khó làm cho mọi người tin rằng, một phi
trường được xây cho máy bay phản lực vào cuối
những năm năm mươi, lại có thể nhanh chóng bị
lạc hậu, và việc sử dụng chúng như hiện nay lại quá
nguy hiểm cho con người đến thế. Không ai quan

tâm đến chuyện tình trạng như vậy cũng xảy ra ở cả những sân bay khác — ở Niu-yooc, Xan Franxicô, Chicagô v.v... — các nhà chính khách nói chung không muốn biết chuyện đó.

Mel nghĩ: có thể Káyz nói đúng. Có khi phải có một tai nạn thật lớn mới làm cho dư luận thức tỉnh được, giống như vào năm 1956, tại nạn xảy ra ở Đại Canino đã làm cho tên tòng thống Aizénasor và quốc hội khóa 85 phải trích ra một khoản ngân sách cho việc sửa chữa hệ thống thông gió trong những đường hầm. Nhưng là một điều, tiền chi cho những việc không liên quan gì đến hoạt động chính, thì hầu như bao giờ cũng có. Chẳng hạn một đè án xây nhà để xe ba tầng lập tức được giải chính quyền thành phố chuẩn y ngay: vì nhà đè xe, như người ta thường nói, là cái gì có thể nhìn thấy và sờ mó được đối với đông đảo dân chúng, hay nói cách khác, đối với đông đảo cử tri, còn những đường hầm cất cánh và đường lăn lại là chuyện khác. Xây mỗi đường băng mới tốn kém hàng triệu đô-la, mà phải kéo dài đến hai năm, có khi còn lâu hơn, nhưng ngoài số phi công, điều phái viên và ban giám đốc sân bay, chỉ một số ít người biết được tình trạng của một đường băng nào đó xấu tốt như thế nào.

Muốn nói gì thì nói, ở sân bay Linhcon sự việc sắp đi đến chỗ chấm hết. Chắc chắn là như thế. Trong mấy tháng gần đây, Mel càng ngày càng nhận thấy những triệu chứng báo hiệu sắp đến giờ phút nguy kịch, và ông biết rằng, đến lúc ấy thì tất phải giải quyết: hoặc phải phát triển mạnh những công trình dưới đất cho phù hợp với kỹ thuật trên không, hoặc khoanh tay ngồi nhìn người khác tiến vượt mình. Trong hàng không không có nguyên trạng.

Cộng thêm vào đó còn có một tình trạng nữa.

Tương lai của Mel gắn liền với tương lai của phi trường. Tương lai phi trường ra sao thì uy tín của Mel trước mắt những người mà ông không thể coi thường ý kiến của họ, cũng sẽ như thế.

Mỗi cách đây không lâu, ai cũng biết Mel là một người đấu tranh tích cực cho sự phát triển hợp lý những công trình dưới đất ở các sân bay, người ta nói về ông như về một người lãnh đạo trẻ có nhiều hứa hẹn của ngành Hàng không. Sau đó xảy ra một sự việc làm đảo lộn tất cả. Từ đó đến nay đã được bốn năm, và tiền đồ của Mel dưới con mắt người khác — cũng như dưới con mắt chính ông — đã không còn sáng sủa và quang đãng nữa.

Sự kiện có ảnh hưởng quyết định đến số phận của Mel là vụ ám sát Giôn Kennodi:

— Đã đến cuối đường rồi, thưa ngài Baycoxfend. Ngài theo chúng tôi quay lại hay xuống đây à? — Tiếng người lái xe cất ngang suy nghĩ của Mel.

— Anh bảo gì?

Người lái xe nhắc lại câu hỏi. Phía trước mặt lại nhấp nháy những ánh đèn đỏ và đoàn «Anacónđa» dừng lại. Nửa bên phải đường băng đã được dọn sạch tuyết. Bây giờ đoàn «Anacónđa» sẽ quay lại và dọn nát nửa bên trái. Kẽ cả những lúc nghỉ, đoàn Anacónđa phải mất từ bốn mươi phút đến một tiếng đồng hồ mới dọn tuyết và rái cát xong một đường băng.

— Không, — Mel nói, — Tôi xuống đây.

— Thưa ngài rõ.

Người lái xe bật đèn ra hiệu cho viên kỹ thuật viên phò và anh này lập tức phóng đi. Khi Mel lật khỏi xe «snublast» thì chiếc ô-tô của ông đã đỗ bên cạnh. Từ những chiếc xe cào tuyết và xe tải khác mọi người cũng nhảy cả xuống và đi đến chỗ chiếc «picap» chờ cà-phê.

Trên đường quay về nhà ga, Mel liên lạc với tuyến điện thoại với phòng chỉ huy chống tuyết và khẳng định với Deau Férou rằng, đường băng một-bảy bên trái sắp có thể sử dụng được. Sau đó ông giảm bớt âm thanh, cho chuyền sang kênh của điều phái viên mặt đất: những giọng nói vang lên khàn khàn bé bé không phá vỡ dòng suy nghĩ của ông.

Ban nãy, khi ngồi trong ca bin của chiếc «snublast» ông bất giác nhớ lại sự kiện đã ảnh hưởng quyết định đến số phận ông.

Chuyện đó xảy ra cách đây bốn năm.

Phải, thế mà đã bốn năm rồi, Mel ngạc nhiên nghĩ, kể từ cái ngày tháng mười một âm đạm ấy, ngày mà ông, gần như máy móc, không biết mình làm gì, đã kéo chiếc micrò đặt trên bàn về phía mình, — chiếc micrò mà rất ít khi ông sử dụng, vì nó cắt tất cả những micrò khác trong sân bay — và xen ngay vào cái thông báo về chuyến máy bay nào đó sắp hạ cánh, ông tuyên bố rất to — giọng ông vang đi khắp gian phòng lớn, và ngay tức khắc tắt cả im phắc — báo tin cho mọi người cái tin khủng khiếp mà ông vừa nhận được cách đó vài giây từ sân bay Đalals.

Ông vừa nói vừa nhìn lên tấm ảnh treo trên tường phòng làm việc của ông. — trên tấm ảnh có hàng chữ: «Tặng bạn Mel Baycoxfend của tôi, người

cũng như tôi, khao khát mở rộng ranh giới chật hẹp dưới đất — Giôn-Kennodi »

Bên nay ông vẫn giữ tấm ảnh đó như nhiều kỷ niệm khác.

Những hồi ức bắt đầu từ ngày Mel đọc diễn văn tại Oasinhton.

Hồi đó Mel không chỉ là giám đốc sân bay, mà còn là chủ tịch Hội đồng các giám đốc sân bay — trẻ nhất trong số những người từng lãnh đạo cái tổ chức tuy nhỏ nhưng rất uy tín này, vì nó gắn bó các cơ quan điều hành của tất cả các sân bay lớn nhất thế giới. Trụ sở của Hội đồng đặt tại Oasinhton, và Mel thường phải bay tới đó.

Và bài diễn văn đó ông đã đọc tại Hội nghị kế hoạch hóa toàn nước Mỹ.

Khi đó Mel tuyên bố rằng, ngành hàng không là lĩnh vực duy nhất có thể phát triển tốt đẹp sự hợp tác quốc tế. Đối với nó không có ranh giới tư tưởng cũng như ranh giới địa lý. Cho phép con người thuộc các quốc gia khác nhau có thể xê dịch khắp thế giới — hơn nữa với chi phí ngày càng hạ, — ngành hàng không cho đến nay vẫn được coi là phương tiện nhận thức thế giới hiện thực nhất do con người sáng chế ra.

Ở đây thương mại quốc tế đóng vai trò to lớn. Việc vận chuyển hàng hóa trên không, mà ngay bây giờ đã có quy mô rất lớn, chắc chắn sẽ còn tăng lên rất nhiều. Những loại máy bay phản lực không lồ mới sẽ được sử dụng vào những năm bảy mươi, sẽ là phương tiện vận chuyển hàng hóa nhanh nhất và rẻ nhất. Chỉ sau vài chục năm nữa, những chiếc tàu viễn dương sẽ được đưa vào ụ để làm vật bảo

tăng, những máy bay vận tải sẽ thay thế chúng, tựa như một hồi những máy bay hành khách đã hạ do ván những chiếc tàu biển « Quin Meri » và « Quin Elizabeth ». Sẽ xuất hiện những phi đội buôn bán mới đi khắp thế giới và mang lại phồn vinh cho những nước hiện còn nghèo đói. Đúng về mặt kỹ thuật, khi đó Mel nói, — hàng không có thể đảm nhiệm vai trò đó — thậm chí còn lớn hơn — ngay trong thế hệ của những người bây giờ mới bước vào tuổi trưởng thành.

Tuy nhiên, ông tiếp, trong khi các công trình sân bay đang dùng những sợi chỉ mỏng mơ ước để dệt thành mảnh vải dày hiện thực, thì trong việc xây dựng những công trình mặt đất phần lớn hãy còn hoặc là thiên canh, hoặc quá hấp tấp không có cơ sở. Các sân bay, các đường hầm cất cánh, đường lăn và các nhà để xe, được xây dựng theo những yêu cầu của ngày hôm nay, mà không hề — trừ một số rất ít trường hợp — có sự tính toán nào cho tương lai. Nói ngắn gọn, người ta hoặc không tính hết nhịp độ phát triển của hàng không, hoặc hoàn toàn coi thường nó. Các sân bay được xây dựng từng phần một cách tùy tiện, theo sở thích của một vài ông trùm thành phố này đó. Thông thường phần lớn ngân sách được dành cho việc xây những nhà ga, tức là những bộ phận có tính chất trưng bày, còn phần ít hơn mới cho các khu vực trọng yếu, thiết thực. Việc xây dựng các sân bay không phối hợp với ai, và không tính toán với ai — trong phạm vi quốc gia cũng như trong phạm vi thế giới.

« Chúng ta đã vượt qua được giới hạn âm thanh, — bây giờ Mel nói, — Nhưng chúng ta chưa vượt qua được giới hạn mặt đất ! ».

Ông kè ra những lĩnh vực đòi hỏi phải nghiên cứu kỹ càng, và kêu gọi thành lập một tổ chức quốc tế về thiết kế các sân bay — đứng đầu là Mỹ, với sự tham gia danh dự của tông thống.

Bài diễn văn của ông được người ta vỗ tay nhiệt liệt — cả phòng vỗ tay hoan nghênh ông — và có tiếng vang tốt đẹp trong khắp các giới và báo chí như tờ « Taimis », « Pravda » và « Uonstrit Giornola ».

Ngày hôm sau Mel được mời đến Nhà trắng.

Tông thống tiếp ông rất nồng nhiệt. Giữa hai người có cuộc chuyện trò hứng thú và tự nhiên trong phòng làm việc riêng của tông thống ở tầng hai. Giờ Kennodi, như Mel nhận thấy, đã tán thành nhiều quan điểm của ông.

Sau cuộc gặp đó còn có nhiều cuộc gặp khác, đôi khi có sự tham gia của « Tổ hợp chất xám », tức là những cố vấn của Kennodi, — trong trường hợp chính phủ chuẩn bị xem xét các vấn đề có liên quan đến hàng không. Sau vài cuộc họp như thế ở Nhà Trắng, mà tiếp theo chúng có những cuộc tiếp xúc không chính thức với tông thống, Mel hoàn toàn được trọng nề ở đó. Quan hệ của ông với Giòu Kennodi, người thích tập họp quanh mình những con người thông minh, am hiểu, ngày càng mang tính chất thân tình.

Khoảng một năm sau cuộc gặp đầu tiên, tông thống hỏi Mel nghĩ thế nào nếu người ta mời ông giữ chức vụ giám đốc Cục hàng không liên bang. Sau khi tái cử — và điều đó được coi như đã quyết định — Kennodi có ý định chuyển Haylеби, lúc ấy đang giữ chức giám đốc Cục hàng không liên bang,

sang giữa chức vụ khác. Nghĩa là Mel có bằng lòng nhận trách nhiệm thực thi những biện pháp mà ông kiên quyết đấu tranh khi còn chưa ở trong hội đồng giám đốc không? Mel nói rằng như vậy thì rất hay, và nếu người ta đề nghị ông như thế, ông sẽ không từ chối.

Tin đồn về chuyện đó, không hề có sự tham gia của Mel, lập tức lan rộng. Mel được xếp vào hàng những người «thân cận». Uy tín của ông vốn đã tương đối lớn rồi, lại càng lớn hơn. Hội đồng các giám đốc sân bay lại bầu ông làm chủ tịch lại. Hội đồng đặc trách của sân bay ông tăng hân lương cho ông. Và chưa đến bốn mươi tết ông đã trở thành Rô-lang con trong ngành hàng không.

Nửa năm sau Giôn Kennodi đi một chuyến đi mạo hiểm đến bang Téchdat.

Thoạt tiên, Mel choáng váng khi nhận được tin về cái chết của tổng thống, sau đó ông khóc nức nở như đứa trẻ con. Mãi sau này ông mới hiểu những viên đạn của kẻ sát nhân đã gián tiếp làm bị thương nhiều người khác, trong đó có cả ông. Ông nhận ra ông không còn là người được sùng bái trong dinh tổng thống ở Oasinhton nữa. Nadgip Haylebi đúng là đã rời Cục hàng không liên bang để giữ chức phó giám đốc thứ nhát hàng «Pan Oméricon», nhưng Mel không được thay chức ông ta. Thời kỳ đó quyền lực và ảnh hưởng đã chuyển sang tay những người khác. Như sau này Mel được biết, thậm chí tên ông không có trong danh sách những người do Kennodi đề cử giữ chức giám đốc Cục hàng không liên bang.

Nhiệm kỳ thứ hai của Mel ở cương vị chủ tịch Hội đồng các giám đốc sân bay trôi qua bằng phẳng

và đều đặn, và người ta đã thay thế ông bằng một người trẻ hơn và có nhiều hứa hẹn. Những chuyến đi Onsighten của Mel thời không còn nữa. Ngày giờ ông chỉ phát biểu trước những đồng nghiệp của mình, và xét về khía cạnh nào đó, ông chấp nhận sự thay đổi ấy với cảm giác nhẹ nhõm. Công việc của ông ở sân bay nhiều hơn : Khối lượng vận chuyển hàng không tăng lên rất nhanh. Ông phải bận rộn nhiều cho việc thảo kế hoạch và mất không ít công sức cho Hội đồng đặc trách để cố lôi kéo nó về phía mình. Nói tóm lại là ông đã có đủ việc phải làm — cả ở cơ quan, cả ở nhà. Tất cả các ngày làm việc của ông đều bận kín.

Tuy nhiên ông vẫn bị ám ảnh bởi cảm giác rằng ông đã bỏ lỡ thời gian và cơ hội. Cả những người khác cũng cảm thấy như thế. Và Mel đi đến kết luận rằng nếu như không có thay đổi gì lớn, thì con đường công danh của ông sẽ kết thúc ở nơi nó bắt đầu.

— Phòng điều phái gọi xe số một; đề nghị cho biết vị trí. — Giọng nói qua máy vô tuyến điện cắt đứt dòng suy nghĩ của Mel và trả ông về thực tại.

Mel gạt công tắc và trả lời. Ông đã về đến gần khu nhà chính của nhà ga — những ánh đèn của nó trong đã rõ mặc dù tuyết vẫn rơi. Những bãi đỗ máy bay, như ông thấy, vẫn chật ních, và cạnh những hành lang xếp, những chiếc máy bay vừa hạ cánh xếp thành dãy dài đợi đến lượt vào.

— Xe số một tạm dừng lại, chờ chiếc «Leik Xentrón» đi qua rồi đi theo nó.

— Xe số một. Rõ!

Chờ khoảng hai ba phút, Mel cho xe đi vào hầm chui xe của nhà ga.

Cạnh « ô » đè xe của ông có một buồng khóa kín có máy điện thoại bên trong. Mel lấy chìa khóa riêng mở cửa buồng vào quay số điện thoại của phòng chỉ huy chống tuyế. Deni Férou nhận điện.

— Có tin gì mới không ? — Mel hỏi. — chiếc máy bay của hãng Eoréa Méchxicon thế nào rồi ?

— Vẫn thế. — Deni Férou đáp. — ở phòng CHDP người ta nhở nói lại với ngài rằng việc tắc đường băng ba-không làm tốc độ chậm đi mất năm mươi phần trăm. Và cứ có máy bay nào bay qua đầu thi trấn Médoud, là lập tức lại có những cú điện thoại từ đó gọi tới.

— Những người Médoud phải cố chịu vậy thôi. — Mel buồn bã nhận xét. Dù họ có thể chức biện tình hay không. Ông cũng không thể làm gì để tránh tiếng ồn cho họ được. Vẫn để khỏi phục hoạt động bình thường của sân bay euron quan trọng hơn nhiều. — Thế Patroni đâu ?

— Vẫn ở đó. Trên đường quốc lộ.

— Nhưng liệu anh ta có đến được không ?

— Anh em ở hãng TWA nói rằng có. Xe anh ta có máy điện thoại, vì thế họ vẫn liên lạc được với anh ấy.

— Khi nào anh ta đến, cho tôi biết ngay, — Mel ra lệnh. — Dù tôi đang ở đâu.

— Theo tôi nghĩ, lúc ấy ngài chắc đang ở thành phố.

Mel im lặng. Quả thực, ông không còn lý do gì để nán lại ở sân bay nữa. Tuy nhiên linh cảm về tai họa đến với ông sau này ngoài phi trường không

hiều sao vẫn ám ảnh ông. Ông nhớ lại cuộc nói chuyện với người chỉ huy các chuyến bay, về những máy bay đang xếp hàng chờ đều lượt đi đến hàng lang xếp. Và thốt nhiên ông quyết định :

— Không, tôi sẽ không vào thành phố. Chúng ta đang rất cần đường băng này, và tôi sẽ không đi đâu cả, chừng nào chưa biết chính xác Patrouï Jä đến và bắt tay vào công việc chưa.

— Nếu vậy, — Beni nói, — tôi khuyên ông nên gọi ngay dây nói báo cho bà nhà biết. Xin ông hãy ghi số điện thoại.

Mel ghi xong, đặt ống nghe xuống giá, rồi quay ngay số điện thành phố. Ông nhớ gọi Xindi, và sau một giây im lặng, nghe thấy giọng gắt gòn của cô ta :

— Mel, sao đến giờ vẫn chưa thấy anh đến?

— Xin lỗi, tôi bận, ở sân bay của bọn tôi nhiều việc quá. Bão lớn đến nỗi...

— Quỷ bắt anh đi, anh phải đến và nhanh lên!

Giọng của vợ có vẻ kìm nén, Mel đoán chắc có người nào đứng cạnh cô ta. Tuy nhiên Xindi vẫn biết cách trùi giận vào máy từ ấy. Nghe giọng nói của vợ, đôi lúc Mel lại nhớ tới Xindi mà ông biết từ trước ngày cưới, cách đây mười lăm năm. Ông cố cảm tưởng hồi đó cô ta dịu dàng hơn nhiều. Chính cái vẻ dịu dàng, mềm mại của cô ta đã chinh phục ông khi họ gặp nhau ở Xan Fraixicô, nơi ông vừa từ Triều Tiên về phép. Xindi là một diễn viên đóng những vai rất phụ (mơ ước trở thành «ngôi sao» của cô ta không thành và trong thấy trước là không

(thè thành được). Càng ngày người ta càng giao cho cô những vai nhỏ hơn trong các chương trình mùa hè và trên vô tuyến truyền hình, và sau này trong giây phút thành thực, chính cô ta đã thú nhận rằng, việc đi lấy chồng là lối thoát may mắn cho cô ta trước tình cảnh đó.

Nhưng nhiều năm sau, sự việc ấy lại được cô ta giải thích theo cách khác. Xindi bắt đầu giờ giọng, kêu là tại Mel cô ta đã hy sinh danh vọng và bỏ lỡ cơ hội có thể bước vào làng các « ngôi sao ». Song thời gian gần đây Xindi thôi không nhắc đến cái quả khứ nghệ sĩ của mình nữa. Sở dĩ như thế vì qua một bài báo đăng trong tờ « Thành thị và thôn quê » mà cô ta đọc được, cô ta biết rằng các diễn viên, trừ một số trường hợp hân hữu, nói chung không được xếp vào « Danh sách những người nổi tiếng », mà trên đời này ước mơ lớn nhất của Xindi là được thấy tên mình trong cuốn sách đó.

— Khi nào có thể đi được, tôi sẽ đến ngay, — Mel nói với cô ta.

— Không được, — Xindi tuyên bố một cách dứt khoát. — Đáng lẽ anh phải có mặt ở đây từ lâu rồi. Anh thừa biết cuộc họp tối nay đối với tôi quan trọng như thế nào, và tuần trước chính anh đã hứa sẽ đến dự.

— Tuần trước tôi không hề hiết là sẽ có trận bão tuyết sâu năm nay chưa từng thấy như thế này. Một đường băng rất quan trọng ở chỗ tôi bị hỏng vì vướng một chiếc máy bay — tôi muốn nói về việc bảo đảm an toàn cho hành khách.

— Nhưng ở đó có những người phải làm việc

cho anh cơ mà ! Hay anh chọn được toàn những kẻ giúp việc dùn độn đến nỗi thiểu anh họ không thể làm gì được ?

— Họ là những người khá thông minh, — Mel đã bắt đầu bực. — Nhưng người ta trả lương cho tôi là để tôi cũng phải làm việc gì đó.

— Rất tiếc là riêng đối với tôi, anh lại chẳng muốn làm gì cho tôi cả. Đây không phải lần đầu tôi đến dự những buổi họp quan trọng đối với tôi, vậy mà anh làm hỏng hết.

Căn cứ vào những lời lẽ bỗng tuôn ra một tràng như thế, Mel hiểu là Xindi sắp nỗi dóa. Ông bình dung rất rõ dáng điệu cô ta lúc này : người uốn thẳng trên đôi gót nhọn, vẻ mặt cương quyết, hách dịch, đôi mắt lạnh lùng lên, cái đầu có mớ tóc sáng chói rất cần thận hơi ngả ra phía sau, những lúc nỗi giận bao giờ trong cô ta cũng cực kỳ quyến rũ. Có lẽ một phần vì thế mà những năm đầu mới lấy nhau, Mel hànуш như không bao giờ tức giận trước những chuyện vợ ông gây ra cho ông. Cô ta càng nỗi nồng bao nhiêu ông lại càng thấy mê cô ta bấy nhiêu. Những phút ấy Mel thường nhìn xuống đôi chân cô ta — mà Xindi có đôi chân và đôi mắt cá chân đẹp tuyệt trần — sau đó ánh mắt ông dần dần nhích lên trên, thu lấy toàn bộ vẻ kiêu diễm của thân hình cao đối nở nang, mà bao giờ cũng khêu gợi ông.

Ông cảm thấy giữa hai người bắt đầu có dòng điện chạy qua, hai ánh mắt họ gặp nhau, rồi như cũng bị cuốn vào cơn lốc, hai người lao vào ôm lấy nhau. Lúc ấy tất cả đều tan biến — nỗi tức giận của Xindi lập tức lắng đi. Bị ngợp trong làn sóng tình

dục, cô ta trở nên thèm khát điện cuồng như một con dã thú, và trong khi dáng hiền cho ông, cô ta luôn mềm van xin : « Làm đau em đi, sư cha anh, làm em thật đau vào ! »

Và sau đó, người mệt lá và ướt đẫm mồ hôi, họ không còn nhớ nguyên nhân gây ra cuộc cãi nhau nữa : họ không còn sức cung như hổng thủ đê gây lại cuộc tranh cãi.

Cứ như vậy họ không giải quyết ngay, mà thực ra chỉ kéo dài những sự bất đồng mà — ngay từ khi đó Mel đã biếu ra hoàn toàn không phải là đùa. Rồi năm tháng trôi qua, khi niềm khao khát đã nguội đi, họ bắt đầu càng ngày càng xa nhau hơn.

Tiếp đó đến lượt cả sự gần gũi thề xác cũng không còn là thứ thuốc thần hiệu nữa, và đến năm cuối cùng, quan hệ vợ chồng giữa hai người gần như chấm dứt. Thực ra, Xindi, người lúc nào cũng có đầy sức quyền rũ trên giường ngủ, bắt kè quan hệ giữa hai người ra sao, những tháng gần đây hình như đã mất hẳn mọi hưng thú tình dục. Mel rất ngạc nhiên về chuyện đó. Hay cô ta đã có nhau tình ? Có thề lắm, và nếu vậy Mel phải có thái độ. Nhưng điều đáng buồn nhất là lờ đi coi như không biết chuyện gì ông lại thấy dễ chịu hơn.

Tuy thế, có những phút vẻ mặt tức giận hay cái giọng bách dịch của cô ta vẫn khêu gợi cảm hứng của ông như cũ.

Chẳng hạn như lúc này, nghe tiếng cô ta rít lên trong máy điện thoại, ông lại thấy một cảm giác thèm muỗn quen thuộc.

Chờ lúc thuận tiện, ông nói xen vào:

— Cô nói không đúng. Tôi hoàn toàn không định làm hỏng ngày vui của cô. Mọi khi cô muốn đi đâu tôi vẫn đi với cô, ngay cả khi tôi thấy không cần thiết lắm. — Chẳng hạn tôi vẫn thích ở nhà chơi với con cái hơn.

— Anh chỉ nói khoác, — Xindi cắt ngang lời ông. — Chính anh cũng hiểu như vậy.

Ông cảm thấy gân cốt căng lên, tay ông bóp chặt ống nghe. Nhưng rồi ông nghĩ: có lẽ cô ta nói đúng — ở khía cạnh nào đó. Mới vừa nãy ông còn tự nhắc thăm với mình rằng, đôi lúc ông ở lại sân bay, trong khi thực ra ông có thể về nhà — ông ở lại chẳng qua chỉ vì không muốn lại phải cãi nhau với Xindi. Phải chăng những hôm ấy ông đã nghĩ đến các con ông, Roberta và Libi? Và chăng, may mắn là người chú ý đến quyền lợi của con cái, khi cuộc hôn nhân đã rạn nứt ở tất cả các mối. Lê ra lúc này ông không nên nhắc đến chuyện con cái với Xindi.

Nhưng hôm nay vẫn dễ không phải ở chỗ đó. Ông phải ở lại sân bay ít ra đến lúc tin chắc người ta đã thực sự bắt tay vào giải quyết cái đường băng bị tắc kia.

— Thôi được, — Mel nói, — Tôi với cô hãy thử tình lại xem. Tôi chưa bao giờ nói với cô chuyện đó, nhưng năm ngoái tôi đã thử làm một con tình. Cô đã yêu cầu tôi đi với cô đến dự tất cả năm mươi bảy cuộc họp từ thiện. Tôi chỉ đến dự được bốn mươi nhăm cuộc, mặc dù, tất nhiên, nếu một mình thi chăng bao giờ tôi đi. Cô có đồng ý với tôi rằng tỷ lệ như vậy không phải là ít không?

— Đồ đẽ liệt! Anh cho là tôi chơi bài kỵ với anh sao? Dù sao tôi cũng là vợ anh kia mà!

— Ở những chỗ ngoặt bao giờ cũng dễ dàng hơn! — Mel ngắt lời cô ta. Rồi cảm thấy con giận hốc lên, ông tiếp: — Hơn nữa, xin nhắc đê cô biết rằng cô đã to tiếng rồi đấy! Hay cô muốn đê tất cả những người dê thương đang vây quanh cô biết rằng cô chỉ huy chồng?

— Tôi không thèm! — Nhưng dù sao giọng cô ta cũng bé đi nhiều.

— Tôi thử biêt cô là vợ tôi, vì thế tôi mới định đến đó với cô khi nào có thể được. — Mel nghĩ, không biêt điều gì sẽ xảy ra, nếu lúc này Xindi đang đứng cạnh ông và ông có thể ôm lấy cô ta? Cái ma lực ngày xưa cô thức dậy hay không? Có lẽ không, ông nghĩ thế — Vậy cô hãy giữ chỗ cho tôi và nói với người hầu bàn cứ dê thức ăn cho tôi trên bếp. Ngoài ra cô hãy xin lỗi hộ mọi người và giải thích cho họ lý do vì sao tôi đến muộn. Tôi cho rằng dù sao ở đó cũng có người nghe nói những chuyện thường xảy ra ở sân bay... Nhân tiện, — bỗng nhiên ông nhớ ra, — tôi muốn hỏi họm nay họp về cái gì thế?

— Tuần trước tôi đã nói với anh rồi cơ mà.

— Thị cô hãy nhắc lại cho tôi lần nữa vậy.

— Cõe tay và ăn tối đê quảng cáo cho cuộc vũ hội hóa trang do quý trú trê em Archidion lồ chirc vào tháng tới. — Cả báo chí cũng đến dự. Họ sẽ chụp ảnh.

Bây giờ Mel đã hiểu lý do vì sao Xindi lại muốn ông đều nhạnh nhua thế. Có mặt ông, cô ta có nhiều

khả năng được thu vào ống kính của các phóng viên
nhiếp ảnh hơn, và sau đó, sẽ rơi vào trang báo thời
thượng ngày mai.

— Tất cả các thành viên khác của tiêu ban đã có
mặt, — Xindi nói tiếp, — và hầu hết người nào cũng
đi với chồng.

— Nghĩa là không phải tất cả chứ gì?

— Tôi đã nói gần như tất cả.

— Và cô còn nói rằng đó là để góp cho quỹ cứu
trợ trẻ em Arechidôn?

— Đúng.

— Arechidôn nào? Có hai thành phố tên như thế:
một ở Ecuado, một ở Tây Ban Nha. — Hồi cô ở
trường Mel rất say mê địa lý, và trí nhớ của ông
rất tốt.

Lần đầu tiên Xindi ngập ngừng.

— Điều đó có gì là quan trọng? — cô ta nói với
giọng chán nản. — Ngày giờ không phải lúc đặt những
câu hỏi ngu ngốc.

Mel suýt phì cười. Nghĩa là Xindi không biết! Tất nhiên cô ta không cần biết lý do hợp để làm gì,
mà chỉ quan tâm đến chuyện ai là người dề xướng
ra nó.

Và ông hỏi lại một cách tinh quái!

— Thế cô hy vọng sẽ nhận được bao nhiêu thư
sau buổi tối hôm nay?

— Tôi không hiểu.

— Sao lại không hiểu, cô hiểu quá rõ đi chứ!

Người nào muốn được đăng tên vào danh sách « những nhân vật nổi tiếng », phải có đủ tầm thư giới thiệu của những nhân vật đã có tên trong đó. Lần cuối cùng Mel nghe nói Xindi đã xin được bốn lá thư.

— Tôi nói thật cho anh biết, Mel ạ, nếu anh còn nói cái giọng như thế, ngày hôm nay hoặc bất cứ lúc nào...

— Thế những bức thư này không phải trả tiền, hay cố định trả tiền như hai bức thư trước? — Ông cảm thấy ông đã thắng cô ta, điều rất hiếm khi có.

— Đó là sự vụ không bằn thù, — Xindi tuyên bố một cách cẩn túc. — Lê nào có thể mua được cái quyền...

— Thời, cô đừng có vờ vắn — Mel nói — Vì tôi với cô có tài khoản chung, và người ta gửi cho tôi tất cả những phiếu thanh toán. Thế nào, cô quên rồi à?

— Anh hãy nghe đây! — Xindi nói khẽ nhưng giọng rít lên vì tức giận — Tôi khuyên anh nên đến đây ngay và càng sớm càng tốt. Nếu anh không đến, hoặc đến nhưng lại đặt tôi vào hoàn cảnh ngu ngốc bằng những câu hỏi ngu ngốc đại loại như những câu tôi vừa nghe thấy, thì giữa chúng ta sẽ không còn gì cả. Anh rõ chưa?

— Tôi không tin, — Mel cố làm ra giọng thản nhiên. Lịch tình cho ông biết đây là giây phút bệ trọng đối với cả hai. — Dù sao, cô có thể cho tôi biết rõ hơn, cô định nói gì không?

— Từ anh cũng hiểu rồi, — Xindi nói.

Rồi gác ông nghe xuống

Trong lúc đi từ nhà để xe lên phòng làm việc, con giận của Mel mỗi lúc một tăng. Nói chung ông không phải người dễ nỗi cău như Xindi. Nhưng lúc này ông giận sôi người.

Ông không biết cái gì là nguyên nhân chính khiến ông nỗi giận như thế. Nguyên nhân chính tất nhiên là Xindi, nhưng còn có cả những nguyên nhân khác: việc ông không biết chuẩn bị tốt về mặt chuyên môn để bước vào kỷ nguyên mới của ngành hàng không, việc ông không có khả năng thuyết phục người khác theo những quao điểm của mình, việc những hy vọng của ông thế là không thành hiện thực. Tóm lại, Mel nghĩ, cả trong đời tư lẫn công tác ông không đạt được cái gì cả. Cuộc hôn nhân của ông đã gần đến chỗ tan rã — ít ra là đã có đủ căn cứ để giả định như thế, — mà như vậy có nghĩa là ông có thể mất cả con cái.

Rồi cả sân bay, nơi ông chịu trách nhiệm trước hàng ngàn sinh mạng của hàng ngàn, hàng ngàn người ngày ngày lui tới dày một cách vững tâm cũng đang đi đến chỗ suy sụp, bất chấp mọi cố gắng và nỗ lực của ông muốn chứng minh cho mọi người thấy điều đó. Ông không giữ được sự nghiệp ở mức cao mà lẽ ra ông có thể đạt được ở đây.

Trên đường tới phòng làm việc ông không gặp ai trong số những người cấp dưới của ông. Như thế lại càng hay: giả có ai hỏi ông điều gì lúc này, chắc ông sẽ quát tháo ngay. Bước vào phòng làm việc, ông ném phịch áo măng tó xuống sàn. Và chậm khuếch hút. Điều thuốc không hiệu sao có vị gì đáng đáng, ông lại dui đi ngay. Tiến lại gần bàn, ông cảm thấy

cái chân lại bắt đầu lên cơn đau — còn nhức hơn cả lúc nãy.

Có một thời gian — hình như từ lâu đã như vậy, — vào những tối như thế này, khi cái chân đau của ông bắt đầu làm ông khó chịu, ông đi về nhà ngay, và Xindi sẽ thu xếp giường cho ông nằm. Đầu tiên ông tắm nước nóng, sau đó nằm sấp trên giường, và Xindi sẽ xoa bóp lưng ông, cõi ông bằng những ngón tay khỏe mạnh và lạnh, cho đến khi cơn đau dịu đi. Nhưng bây giờ thậm chí khó mà tưởng tượng ra cảnh Xindi sẽ làm việc ấy, mà nếu có làm, chưa chắc có ta có thể làm cho nó bớt đau được. Khi nào quan hệ giữa con người với nhau bị rạn nứt thì nó rạn nứt trong mọi phương diện — không chỉ trong ván đ dope, người ta không thông cảm được nhau nữa.

Mel ngồi xuống bàn đưa hai tay ôm đầu.

Bỗng nhiên, giống hệt như ban nãy ngoài phi trường ông lại thấy khắp người nồi gai ốc. Đó là lúe trong gian phòng yên tĩnh bỗng vang lên tiếng chuông điện thoại. Mel không nhắc ngay Ông nghe. Tiếng chuông lại réo : chợt Mel nhận ra đó là tiếng chuông máy điện thoại màu đỏ đặt trên chiếc bàn con cạnh bàn làm việc của Ông, — điện thoại đặc biệt. Ông nhảy hai bước đến chỗ máy điện thoại.

— Bây giờ xem nghe đây.

Ông nghe thấy có tiếng gì lạo xạo và ồn trong đường dây : người ta đang nói cho Ông số điện cần thiết

— Đài CHDP đây, — Ông nghe thấy giọng người chỉ huy các chuyến bay. — Ở khu vực trên không của chúng tôi đang có sự cố loai ba,

Käyz Bayezseud, em trai của Mel, đã làm được một phần ba thời gian trong ca làm việc tám tiếng của mình ở phòng rada của Đài CHDP,

Trong phòng ra-đa bão tuyêt đã ánh hường mạnh đến con người, mặc dù người ta không cảm thấy nó. Người ngoài cuộc không hiểu những màn ánh đó nô lén cái gì. Käyz nghĩ, có thể tưởng rằng cơn bão đang hành hành bên ngoài những tấm cửa kính của phòng CHDP, thực ra ở cách xa đây hàng nghìn dặm.

Phòng ra-đa nằm ở trên tháp, dưới giàn phòng kinh — mà người ta thường gọi là «cái chòi» — một tầng, — từ đây người chỉ huy các chuyến bay hường dẫn cho các máy bay di chuyển trên mặt đất, cho phép chúng cất cánh và hạ cánh. Quyền lực của những người ngồi trong phòng ra-đa trải rộng ra ngoài phạm vi sân bay: họ chịu trách nhiệm dõi với chiếc máy bay ở trên không, sau khi nó đã ra khỏi phạm vi bảo hiểm của các điều phái viên mặt đất hoặc của Phòng chỉ huy điều phái khu vực lận cận. Những đài CHDP khu vực, thường đặt cách sân bay nhiều dặm, có nhiệm vụ theo dõi những đường hàng không chính và những máy bay bay trên tuyến đường đó.

Khác với tầng trên của tháp, phòng ra-đa không có cửa sổ. Ngày cũng như đêm, tại phi trường quanh tế Linh côn, mươi điều phái viên và trưởng các nhóm phái làm việc trong cảnh tranh tối tranh sáng vĩnh viễn, dưới ánh sáng mờ mờ như ánh trăng của các màn ảm vũ tuyển. Bốn bức tường xung quanh họ đầy đủ các loại máy móc — màn ảnh, các máy kiểm

tra, các bảng liên lạc vô tuyến điện. Trong lúc làm việc, các điều phái viên thường chỉ mặc độc sơ-mi, vì nhiệt độ trong buồng mùa đông cũng như mùa hè — để cho các thiết bị điện tử dễ trực trặc khỏi hỏng — bao giờ cũng xấp xỉ hai mươi tám độ.

Thường trong phòng ra-đa mọi người đi lại và nói năng nhẹ nhàng. Song đằng sau cái bè ngoài bình lặng ấy che giấu một sự căng thẳng thường xuyên. Lúc này sự căng thẳng ấy mạnh hơn mọi khi vì đang có bão — và nó càng mạnh nhất trong vài phút gần đây. Cả cảm tưởng như có người nào kéo căng hết mực sợi dây vôn đã căng rồi.

Cái làm trạng căng thẳng ấy, lại càng mạnh thêm do trên màn ảnh xuất hiện một tín hiệu mà lập tức làm cho đèn đỏ trong phòng CHDP nháy liên tục và cái bão động bắt đầu rú lên. Còi đã tắt, nhưng đèn đỏ vẫn tiếp tục nháy. Trên màn ảnh mờ sáng bỗng xuất hiện cái gọi là «chấm hai đầu», giống như một bông hỏa từ định hướng xanh đang run rẩy: nó báo hiệu có chiếc máy bay đang gặp nạn. Đó là chiếc máy bay quân sự KC-135, đang bay rất cao trên sân bay, nó bị rơi vào chỗ bão xoáy và đang xin hạ cánh khẩn cấp. Kayz đang làm việc cạnh màn ảnh mà trên mặt phẳng của nó vừa xuất hiện tín hiệu tai nạn. Người nhóm trưởng lập tức đến phụ thêm với anh. Cả hai bắt đầu đưa ra những mệnh lệnh khẩn cấp cho các điều phái viên có liên quan — qua điện thoại nội bộ, và cho các máy bay khác — qua vô tuyến điện thoại.

Người chỉ huy các chuyến bay ở tầng trên được thông báo ngay tức khắc về tín hiệu tai nạn. Đến lượt mình ông ta tuyên bố có sự cố cấp ba và báo

tin đó chờ tất cả các bộ phận phục vụ dưới đất của sân bay.

Cái màn ảnh thu hút chú ý của mọi người lúc này, là một bình tròn bằng kính to bằng vành bánh xe đạp, được lắp ngang vào mái côngzon. Tâm kính của nó màu xanh sẫm và chỉ khi có máy bay nào xuất hiện trên không trong bán kính bốn mươi dặm, trên màn ảnh đó mới xuất hiện chấm sáng màu xanh trolley. Cái chấm đó di chuyển theo sự chuyển động của máy bay. Ở mỗi cái chấm người ta đặt một cái cần nhỏ bằng chất dẻo, và những người điều phái viên di chuyển cần nhựa ấy để theo dõi sự di chuyển của máy bay và sự thay đổi vị trí của nó trên màn ảnh. Khi nào một chiếc máy bay mới xuất hiện trong vùng quan sát, nó lập tức báo qua vô tuyến điện thoại về sự xuất hiện của nó và được nhận một cái cần đánh dấu riêng. Những hệ thống cada mới tự điều khiển các cần đánh dấu ấy — trên màn ảnh ra-da xuất hiện chữ cái tương ứng, và chỉ số về độ cao mà máy bay đang bay. Tuy nhiên những hệ thống mới này chưa được ứng dụng rộng rãi, và cũng như tất cả những phát minh mới, chúng có những nhược điểm cần phải khắc phục.

Tối hôm đó trên màn ảnh xuất hiện nhiều máy bay chưa từng thấy, thậm chí có người nhận xét rằng những chấm sáng màu xanh sinh sôi nhanh như đập kiền.

Khayz ngồi trên chiếc ghế bằng thép màu xám ngay cạnh màn ảnh; cui hồn thân hình dài và xương xương vào màn ảnh. Tư thế ngồi của anh lộ rõ vẻ căng thẳng: hai chân anh ép chặt vào chân ghế đến nỗi tưởng như mọc từ đó ra. Dưới ánh sáng xanh

bắt ra từ màn ảnh, đôi mắt sâu trũng của anh nom giống hai cái hốc tối. Bất kỳ ai biết rõ Káyz, nhưng một năm nay không gặp anh, điều phải kinh ngạc trước sự thay đổi của anh. — mọi cái đều thay đổi: cả bề ngoài, cả cách đi đứng nói năng. Cái vẻ dịu dàng, hiền lành và tự nhiên xưa kia biến đâu hết. Káyz trẻ hơn Mel sáu tuổi, nhưng bây giờ trông anh già hơn nhiều.

Những đồng nghiệp cùng làm việc ở phòng ra-đa với anh tất nhiên nhận ra sự thay đổi ấy... Họ còn biết cả nguyên nhân của nó và thành thực thông cảm với Káyz. Nhưng công việc của họ đòi hỏi sự chính xác. Vì thế điều phải viên trưởng Uáyn Tevix hết sức chăm chú theo dõi Káyz và nhận thấy vẻ căng thẳng trên nét mặt anh mỗi lúc một tăng. Là một người cao gầy, gốc baug Téchdat, có lối nói lúc nào cũng thông thả trầm bồng, Tevix ngồi giữa phòng ra-đa trên chiếc ghế đầu cao, và qua vai những người điều phái viên đang làm việc cạnh màn ảnh của mình, theo dõi những gì đang diễn ra. Tevix từ tay gần vào chân ghế của mình những bánh xe quay và thỉnh thoảng ông lại dùng đòn úng đóng theo kiệu téchdat, đẩy ghế di quanh phòng như người cưỡi ngựa.

Cách đây một tiếng Tevix đã bắt đầu đề ý đến Káyz và từ đó không lúc nào rời mắt khỏi anh. Tevix muốn chuẩn bị sẵn sàng để nếu có chuyện gì sẽ thay thế Káyz ngay, và linh tinh bảo cho ông biết điều đó rất có thể xảy ra.

Điều phái viên trưởng là người tốt bụng, mặc dù khá nóng tính. Ông hiểu việc thay thế như vậy có thể tác động đến Káyz, nên không muốn làm việc

đó chút nào. Song nếu trường hợp bắt buộc ông vẫn phải làm.

Không rời mắt khỏi chiếc màn ảnh đặt trước mặt Káyz, Tevix nói với anh, giọng rất từ tốn, thong thả:

— Káyz này, chiếc « Branif » kia có thể dùng phải chiếc « Ister » đấy. Có lẽ cần phải cho cái « Branif » rẽ sang bên phải một chút, thì chiếc « Ister » mới có thể đi theo đường cũ được.

Điều đó lẻ ra Káyz phải tự nhận thấy, nhưng anh không nhận ra.

Vẫn đè chính mà cả phòng rada lúc này đang phải tập trung hết sức giải quyết là làm sao dọn đường cho chiếc máy bay quân sự KC-135 đang bắt đầu lao một cách máy móc từ độ cao mười nghìn feet xuống. Chuyện đó không đơn giản chút nào vì phía dưới chiếc máy bay quân sự không lồ đó có năm máy bay đầu dung đang lượn tròn cách nhau một nghìn dặm, trong khoảng không gian rất hẹp. Và tất cả đều đang chờ được hạ cánh. Còn cách những chiếc máy bay đó chừng hai, ba dặm ở cả hai bên đều có những máy bay khác, và phía dưới nữa có ba máy bay đã bắt đầu hạ cánh. Giữa những chiếc máy bay này còn lại một hành lang trống đè cắt cánh mà lúc này cũng đang dày đặc máy bay. Và phải làm thế nào lái chiếc máy bay quân sự đi qua toàn bộ đám máy bay đó. Bình thường, công việc đó đã là một bài toán học búa ngay cả đối với những bộ thần kinh vững vàng nhất. Nhưng lúc này hoàn cảnh lại càng phức tạp hơn do máy vô tuyến điện thoại của chiếc KC-135 bị hỏng, và liên lạc với người phi công đã bị cắt đứt.

Kâyz Baycoxsend bát micrô.

— « Branif » tám trăm hai mươi chín, rẽ phải ngay, hướng không-chín-không.

Trong những phút như thế, dù con người có bị căng thẳng và đang ở trong trạng thái bị kích động đến nỗi, giọng nói của anh ta vẫn phải bình tĩnh. Vậy mà giọng của Kâyz đã lộ rõ vẻ lo lắng. Anh để ý thấy Tevix đang né tránh ánh mắt cảnh giác. Nhưng trên màn ảnh hai cái châm sáng đang xích lại gần nhau đã bắt đầu tách ra. Phi công của chiếc « Branif » thực hiện chính xác mệnh lệnh. Trong những phút quyết định — mà giây phút này chính là giây phút nhất vây — các điều phái viên trên không thảm cảm ơn thượng đế vì các phi công chấp hành nhanh chóng và chính xác những mệnh lệnh họ đưa ra. Họ có thể tức giận, thậm chí về sau còn chửi rủa ra miệng thuyền đang tự dung họ phải đổi hướng bay, phải làm một « cua » rất mạnh và đột ngột khiến hành khách ngã dài dui và đè lên nhau. Nhưng một khi người điều phái viên nói : « ngay lập tức », thì họ cứ phải chấp hành đã, rồi sau có cái gì mới cãi.

Sau một hai phút, chiếc « Branif », cũng như chiếc « Istern » bay cùng độ cao với nó, sẽ lại nhận được mệnh lệnh mới. Nhưng trước hết phải cho hai chiếc máy bay của hãng TWA — một cái bay trên cao, một cái bay thấp hơn một chút, đổi hướng bay — ngoài ra lại còn phải đổi hướng bay của những chiếc máy bay của « Leik Xentron », « Eo Canada » và « Svisser » vừa xuất hiện trên màn ảnh. Trong khi chiếc máy bay KC-135 chưa hạ cánh được thì tất cả những máy bay này sẽ phải bay chéo chỉ trong không gian rất hẹp, vì không một máy bay

nào được di ra ngoài vùng của nó. Tình trạng đó phần nào giống như một ván cờ phứa tạp, chỉ khác một điều, trong ván cờ này, những quân cờ nằm ở các độ cao khác nhau, và chuyển động với tốc độ vài trăm dặm một giờ. Đồng thời trong quá trình chơi, không những phải dịch các quân cờ lên phía trước, mà còn phải nhấc chúng lên hay hạ chúng xuống, — và phải làm sao để mỗi quân cờ phải cách tất cả các quân cờ khác tối thiểu ba dặm theo chiều ngang, và một nghìn *fut* theo chiều dọc, và không một quân cờ nào được di ra ngoài mép bàn cờ. Và trong khi diễn ra cái trò chơi nguy hiểm đó, thi hàng ngàn hành khách đang ngồi trong những chiếc ghế sa lông của mình và sot ruột đợi chuyến bay sớm kết thúc.

Chi cần tình trạng căng thẳng giám đi giày lái là Káyz lập tức nhớ ngay đến người phi công lái chiếc máy bay quân sự — làm sao anh bay qua được cơn bão và cái khoảng không đang đông nghẹt máy bay kia. Có lẽ anh ta thấy có đơn lắm. Cả Káyz cũng thấy có đơn như thế — tất cả mọi người đều có đơn, ngay cả khi ở giữa đám đông. Bên cạnh người phi công kia có người phi công thứ hai và cả đội bay, và cạnh Káyz lúc này cũng có các bạn đồng nghiệp — chỉ cầm gioi tay là với tôi. Nhưng cái quan trọng khêng phải ở sự gần gũi ấy. Nó không có ý nghĩa gì khi con người chui kín vào thế giới nội tâm của mình, nơi không ai có thể vào nỗi, và nơi anh ta chỉ có một mình với những hồi ức, hiểu biết và nhận thức được chuyện xảy ra, với nỗi sợ hãi của mình. Hagan toàn một mình — kể từ phút anh ta sinh ra đời cho đến tận lúc chết. Luôn luôn và bao giờ cũng một mình.

Ái chủ Káyz Bátcoxend thì anh biết rõ con người
ta có thể có đơn đến mức nào!

Káyz lại ra lệnh cho những chiếc máy bay « Xvi-
xxer » TWA, « Leik Xentrón » và « Isterń » đổi hướng
bay. Anh nghe thấy tiếng Tevix ngồi đằng sau anh
một lần nữa đang cố gọi vô tuyến điện thoại cho
chiếc KC — 135. Vẫn không thấy trả lời, nhưng tín
hiệu tai nạn do phi công của chiếc KC — 135 đánh đi
vẫn tiếp tục nháy trên màn ảnh. Vị trí của chấm sáng
màu xanh cho thấy phi công đó đã thực hiện đúng
các mệnh lệnh mà người ta đưa ra cho anh ta trước
khi máy vô tuyến điện bị hỏng. Tất nhiên anh ta hiểu
rằng những điều phái viên khi đó có thể tiên đoán
trước những hành động của anh ta. Anh ta cũng biết
rằng sóng radar mặt đất sẽ xuyên qua vị trí của anh
ta, và không ngờ việc tất cả những máy bay
khác sẽ được đưa ra khỏi đường đi của anh ta.

Chiếc máy bay quân sự, theo như Káyz biết, xuất
phát từ quần đảo Ha oai, không dừng lại, lẩy thêm
dều ngay trên không, trên bờ biển phía Tây, và tiếp
tục bay về căn cứ quân sự Endrius gần Oasinhlon.
Song, khi đi quá sang phía Tây con đường cắt ngang
lục địa, thi một động cơ của nó bị tắt, sau đó phát
hiện ra những trục trặc trong đường ống dẫn dầu và
người phi công chỉ huy phải quyết định cho máy bay
bạn cánh đột xuất xuống Xmoki-Hill thuộc Kanzas.
Nhưng những đường hạ cánh trên sân bay ở Xmoki-
Hill chưa dọn xong tuyết, và máy bay KC-135 đành
phải quay lại sân bay quốc tế Linhcôn. Các điều phái
viên trên không đã giải phóng cho máy bay quân sự
một đường băng không về phía đông bắc, qua Mixu-
ri và Illinois. Vù sau đó, khi còn cách sân bay Linhcôn

chứng ba mươi dặm, Káyz Baycoxsen bắt đầu tiếp nhận nó. Và ác thay, thêm vào tất cả những tai họa đó, máy vô tuyến điện của nó lại bị hỏng.

Mỗi khi, trong những điều kiện bình thường, các máy bay quân sự phải bay xa các sân bay dân dụng. Nhưng gấp bão tuyêt thế này phi công đã, nhiên phải xin giúp đỡ và được chấp thuận ngay tức khắc.

Trong phòng ra-đa chật chội không phải chỉ mình Káyz thấy nóng bức. Nhưng trong giọng nói của những người điều phái viên, khi nói chuyện với trên không, không hề có gì để lộ vẻ lo lắng hay căng thẳng. Bởi chưa cần như thế, các phi công đã quá lo âu, bận rộn rồi. Nhất là hôm nay, khi bão tuyêt cứ như muốn hất văng máy bay đi, phải bay hoàn toàn bằng máy móc, trong tầm nhìn số không, mà tất cả những cái đó đòi hỏi toàn bộ tài nghệ của họ. Không những thế, nhiều phi công đã phải ở trên không lâu hơn dự định vì việc hạ cánh bị chậm trễ, bảy giờ thời gian bay của họ lại càng kéo dài thêm.

Từ mỗi đài điều phái, những mệnh lệnh được truyền đi liên tục qua các máy vô tuyến: phải cố hết sức làm sao cho các máy bay khỏi rơi vào vùng nguy hiểm. Các máy bay thì chỉ chờ cuối cùng người ta cho phép chúng hạ cánh, và số lượng máy bay chờ hạ cánh mỗi phút một tăng. Một anh điều phái viên, giọng căng thẳng, khẽ nói qua vai: « Chak, mình nóng quá. Cậu có thể nhận hộ cái « denta » bay-bà một chút được không? » Những người điều phái viên thỉnh thoảng phải nói với nhau những câu đó khi họ cảm thấy ngọt ngạt và không còn đủ sức điều khiển nữa. Một giọng khác: « Mẹ kiếp!... Tớ cũng đang toát người ra đây... Khoan dù!... Được rồi, tớ

nhận cái « dent » của cậu đây! » Một giây im lặng. « Denta » bay-ba, trạm quan sát trên không sân bay Linbeon đây. Hãy quay sang trái, giữ hướng mốt-hai-không. Độ cao như cũ. — Bốn nghìn!... « Các diều phái viên bao giờ cũng cố gắng giúp nhau. Vì rất có thể vài phút nữa chính anh cũng cần giúp đỡ. « Nay, theo dõi cái này đi — nó đang bay từ phía bên kia trời. Ô, trời ơi! Bùng cảnh di ra thành phố vào giờ cao điểm » « Oméricon » bốn-bốn, hãy giữ hướng cũ. Cho biết độ cao!... « Luftganze » đã cắt cánh hơi chèch hướng. Lôi mẹ cái máy bay ra khỏi vùng đến! » Người ta cho những máy bay đã cắt cánh bay vòng quanh khu vực tai nạn, còn những máy bay đang đến thì bị giữ lại ở trên không, mãi đến bao nhiêu thời gian quý báu. Thậm chí sau khi tình hình khẩn cấp đã giảm bớt, thi cũng phải mất hơn một tiếng đồng hồ nữa mới có thể giải quyết được sự üz tắc trên không, — ai cũng biết rõ điều đó.

« Käyz Baycoxsend lập trung hết tinh thần để nhớ khu vực của mình và các máy bay nằm trong khu vực ấy. Trong tích tắc anh phái nhớ lại ngay vị trí của tất cả các máy bay, những ký hiệu của chúng, kiểu loại, tốc độ, độ cao bay, thủ tự hạ cánh — tóm lại, là cả một sơ đồ luôn luôn bị điều chỉnh và thay đổi dạng từng giây. Ngay cả những lúc bình thường các diều phái viên đã không lúc nào được thảm thoái, hôm nay trong bão tuyết thế này, thần kinh họ lại càng phải làm việc tới mức tối đa. Cái đáng sợ nhất là đê « mất bức tranh » mà điều đó có thể xảy ra nếu bộ óc mệt mỏi vùng lên nỗi loạn, khi đó toàn bộ sẽ biến mất. Thỉnh thoảng vẫn xảy ra chuyện đó — thậm chí cả với những nhân viên giàu kinh nghiệm nhất.

Mà Kayz là một trong những điều phải viễn giòi nhất. Cách đây một năm, những khi thần kinh quá căng thẳng, các đồng nghiệp của anh phải nhờ đến anh : « Kayz này, mình sắp chết đuối rồi. Cậu có thể giúp mình vài phút được không ? ». Và anh luôn sẵn sàng giúp họ.

Nhưng thời gian gần đây vai trò đã thay đổi. Bay giờ các đồng nghiệp lại phải giúp đỡ anh, mặc dù sự giúp đỡ đó chỉ giới hạn trong khả năng một người có thể giúp người khác mà không ảnh hưởng đến công việc của chính mình.

Trong khi đó vẫn phải đưa ra những mệnh lệnh mới qua vô tuyến điện thoại. Lúc này Kayz đang phải làm việc một mình : Tevix ngồi trên cái ghế của mình đã di sang đầu phòng bên kia để kiểm tra các điều phải viễn khac. Trong óc Kayz thoáng nảy ra quyết định : « Cho chiếc « Branif » rẽ sang trái, còn chiếc « Eo Canada » sang bên phải, chiếc « Isjero » thì thay đổi hướng bay một trăm tám mươi độ ». Các mệnh lệnh lập tức được thi hành : ngay trên màn ảnh radar, những chấm sáng thay đổi vị trí. « Chiếc « Leik Xentron » tốc độ chậm hơn, nó có thể chờ được, chiếc « Xvixzer » là máy bay phản lực : nó có thể đâm phải chiếc « Isjero ». Phải cho chiếc « Xvixzer » chuyển sang hướng khác, và ngay lập tức — nhưng hướng nào ? Nghĩ nhanh lên ! Rẽ sang bên phải bốn mươi nhăm độ — chỉ một phút thôi, sau đó lại quay về hướng thẳng. Đừng quên chiếc « TWA » và chiếc « Orien » ! Lại xuất hiện máy bay mới, từ phía tây đến, tốc độ lớn — hãy nhận diện nó, tìm cho nó một vị trí. Nghĩ đi, nghĩ đi ! ». Kayz mim môi buồn bã nghĩ thầm : « Cốt sao hôm nay

dừng để mắt bức tranh, dừng để mắt lúc này, dừng để mắt ». Sở dĩ anh sợ « để mắt bức tranh » hôm nay là vì một nguyên nhân — bí ẩn không ai biết, thậm chí cả Natali, vợ anh. Chỉ mình Käyz biết hôm nay là lần cuối cùng anh ngồi trước màn ảnh và làm nhiệm vụ cảnh giới. Hôm nay là ngày làm việc cuối cùng của anh ở trạm quan sát trên không, và chẳng bao lâu nữa ngày hôm nay sẽ hết.

Sau đó thì cuộc đời anh cũng chấm dứt.

— Nghỉ một tí đi, Käyz — anh nghe thấy giọng người chỉ huy các chuyến bay.

Ông ta vào lúc nào Käyz không biết. Ông ta vào rất im lặng và lúc này đang đứng cạnh Tevix. Mới cách đây một phút Tevix còn bình tĩnh nói với người chỉ huy các chuyến bay :

— Theo tôi, Käyz vẫn hoàn toàn tinh tú敏锐. Đã có lúc tôi lo cho anh ấy, nhưng hình như anh ta vẫn đảm đương được.

Tevix mừng vì không phải đi đến quyết định. Cực đoan là thay Käyz. Nhưng người chỉ huy các chuyến bay nói nhỏ vào tai ông :

— Dù sao cũng phải để anh ấy nghỉ một chút. — Rồi suy nghĩ một lát, ông nói thêm : — Để tôi nói thẳng với anh ấy.

Chỉ cần liếc nhìn hai người, Käyz hiểu ngay tại sao người ta cho anh tạm nghỉ. Tình hình hết sức căng thẳng và họ sợ anh không đảm đương nổi. Chính vì thế họ quyết định thay anh, mặc dù đúng ra nữa tiếng nữa anh mới được nghỉ. Từ chối ư ? vì đối với hàng điều phải viễn như anh đó là điều si nhue,

hơn nữa để minden mọi người sẽ nhận thấy. Nhưng sau anh lại nghĩ : Việc gì phải làm to chuyện ? Có gì quan trọng đâu ? Với lại nghỉ mười phút có thể giúp anh bình tĩnh lại. Trong thời gian đó sự cố sẽ được khắc phục xong, anh sẽ quay lại chỗ làm việc và bình tĩnh làm đến hết ca.

Tevix cùi xuống bảo anh :

— Li sẽ thay cho anh một bài, Káyz à. — Nói đoạn ông gọi người điều phái viên vừa trở lại làm việc sau khi nghỉ giải lao theo lịch.

Káyz im lặng gật đầu, nhưng vẫn ngồi nguyên chỗ cũ và dùng máy vô tuyến điện thoại ra lệnh cho các máy bay, chờ cho người thay thế anh kịp nhớ lại «bức tranh». Thường việc bàn giao công việc giữa người điều phái này với người điều phái khác mất vài phút. Người thay thế phải nghiên cứu lại vị trí các chấm sáng trên màn ảnh và nhớ thuộc lòng hoàn cảnh. Ngoài ra, anh ta còn phải chuẩn bị tinh thần sẵn sàng lập trung chú ý ngay.

Cái thói quen phải căng óc ngay như thế — một cách có ý thức — là đặc điểm nghề nghiệp của họ. Những điều phái viên nói : «Phải căng óc ra», và trong suốt mười lăm năm làm việc ở trạm quan sát trên không, Káyz thường xuyên nhìn thấy điều đó xảy ra với chính anh và với người khác như thế nào. «Phải căng óc ra», vì nếu không không thể nào bắt tay vào việc được. Cái phản xạ ấy nhiều khi xảy ra cả vào lúc khác, như khi các điều phái viên cùng đi ra sân bay trên xe của cơ quan. Khi mới ở nhà ra đi, mọi người tán chuyện rất tự nhiên thoái mái. Khi có người nào quăng ra câu hỏi kĩ đẽnh : «Thú bay này, có đi chơi kĩ không? » — Lập tức sẽ có câu

trả lời lơ đãng như thế « Tất nhiên » hoặc « không, tuân này minh không đi được ». Nhưng khi đã đến gần sân bay câu chuyện lập tức trở nên kém sót nỗi ngay, và cũng với câu hỏi như thế, nhưng ở cách sân bay một phần tư dặm, người ta chỉ trả lời ngắn gọn: « Có » hoặc « không », mà có khi không trả lời gì cả.

Bên cạnh kỹ năng phải biết cẩn thận và cẩn trọng cảm, người điều phái viên còn đòi hỏi phải có nghị lực tập trung ý chí và sự bình tĩnh thép. Hai yếu cầu rất khó kết hợp trong một con người như thế làm cho hệ thần kinh chóng bị đảo ra và cuối cùng rất lớn hại đến sức khỏe. Nhiều điều phái viên bị loét dạ dày, nhưng họ thường phải giấu vì sợ mất việc. Do đó họ sẽ phải chữa bệnh ở các bác sĩ tư và phải trả tiền túng trong khi đang ra có thể sử dụng y tế không mất tiền do các hãng hàng không dài hạn. Họ phải giấu những chai thuốc « maalox » — thuốc chống tăng axit — trong các túi của mình, chờ đến giờ nghỉ bí mật lồi trong túi ra cái chất lỏng ngọt màu trắng ấy.

Điều đó ảnh hưởng cả đến chuyện khác. Có những điều phái viên, Káyz biết rõ những người này, về nhà thì thả lỏng, trở nên nhỏ nhen, cău hận, và dễ xả hơi một chút sau phiên trực, thường hay gây chuyện — « cho giãn thần kinh ». Nếu kèm thêm một điểm nữa là họ phải làm việc theo ca, và giờ nghỉ của họ lại luôn luôn bị thay đổi, thì tất cả những cái đó làm cuộc sống gia đình phức tạp hơn rất nhiều — có thể dễ dàng bình dung ra hậu quả sẽ ra sao.

— Ông — người điều phái viên chuẩn bị thay thế Káyz nói, — Tôi xong rồi.

Kayz rời ghế, tháo tai nghe ra và đồng nghiệp của anh đeo nó vào. Và chưa kịp ngồi vào ghế cho tú tể, anh ta đã bắt đầu ra lệnh ngay cho máy bay của TWA.

Người chỉ huy các chuyến bay nói với Kayz:

— Ông anh của anh nhở tôi nói với anh, có lẽ lát nữa ông ấy sẽ ghé vào đây

Kayz gật đầu bước ra khỏi phòng ra-đa. Anh không giận người chỉ huy các chuyến bay — ông ta là người chịu trách nhiệm toàn bộ mọi công việc — thậm chí anh còn mừng là đã chấp hành chứ không phản đối lời đề nghị anh nghĩ. Lúc này Kayz thích nhất là được hút thuốc, nhâm nháp ngụm cà-phê và ngồi một mình. Anh cũng thấy mừng vì nếu đã như thế, anh sẽ không phải lo lắng về cái sự cố này nữa. Anh đã phải giải quyết quá nhiều sự cố, nên cũng không tiếc gì việc anh không được gỡ nốt cả cái nút rối này nữa.

Trên sân bay quốc tế Linh Côn, cũng như trên bất kỳ sân bay lớn nào, mỗi ngày thường xảy ra vài sự cố. Và nó có thể xảy ra vào bất cứ thời tiết nào. — Không phải chỉ vào những hôm bão tuyết như hôm nay, mà cả vào những hôm trời rất trong. Khi xảy ra sự cố chỉ có một số ít người biết, vì thường thường, các sự cố đều kết thúc một cách êm đềm và thậm chí không phải lúc nào người ta cũng báo cho các phi công đang ở trên không lý do vì sao một máy bay nào đó không được hạ cánh, hay bỗng nhiên phải đổi hướng bay — Thứ nhất là họ không nhất thiết phải biết chuyện đó, thứ hai, không có thời gian để giải thích qua vô tuyến điện thoại. Song nhữn-

quan phục vụ dưới đất — các đội cứu nạn, «cứu thương» và cảnh sát, cũng như ban giám đốc sân bay — thì được thông báo ngay để áp dụng những biện pháp cần thiết tùy cấp sự cố.

Cấp một là nghiêm trọng nhất, đồng thời cũng sẽ xảy ra nhất, vì sự cố cấp một có nghĩa là máy bay bị vỡ. Cấp hai là có nguy hiểm đến tính mạng bay có những hư hỏng nặng. Cấp ba, cấp vừa được thông báo, mới chỉ là báo trước để chuẩn bị; các bộ phận có nhiệm vụ của sân bay phải sẵn sàng vì có thể cần đến sự giúp đỡ của họ. Nhưng đối với các điều phái viên thì sự cố cấp nào cũng đều có nghĩa là phải thêm cẩn thận, với tất cả những hậu quả có thể xảy ra từ đó.

Kayz bước vào phòng thay quần áo kề sát ngay phòng ra-da. Lúc này, khi đã có thể bình tĩnh suy nghĩ, anh thực sự cầu mong cho phi công của chiếc KC-135 và tất cả các phi công khác hạ cánh an toàn, mặc dù có bão tuyết.

Trong phòng thay quần áo, một căn phòng nhỏ hình vuông, chỉ có một cửa sổ, có một dây tủ nhỏ bằng kim loại kê dọc bức tường, còn ở giữa buồng có một chiếc ghế băng dài bằng gỗ. Cảnh cửa sổ có treo tấm bảng để dân thông báo, trên đó có ghi mực cầu thả những bản tin chính thức, và thông báo của các tiêu ban và các lò churc xã hội trong sân bay. Ánh sáng của ngọn đèn trần có vẻ như quá chói sau khi ở phòng ra-da tối tăm bước ra. Trong phòng thay quần áo không có ai, Kayz tắt đèn đi. Trên mái tháp có đặt những cái đèn pha, nên trong buồng vẫn có ánh sáng.

Kayz thầm thuộc bút. Sau đó anh mở chiếc tủ con của mình lấy ra cái ca nhựa nhỏ, trong có bùa An sáng do Natali đặt sẵn cho anh, vừa rót cà-phê trong phích ra vừa nghĩ: Không biết cô ta có nhét thêm vào bùa sáng màu thư hay một màu báo nào cát ở tạp chí rá hay không. — Natali thường làm như vậy — có khi chỉ là một màu thư, có khi cả thư, cả màu báo, chắc muôn làm cho anh vui. Kể từ ngày có tai nạn xảy ra với anh, cô nghĩ rất nhiều về chuyện đó. Lúc đầu cô dùng những biện pháp đơn giản nhất, nhưng sau thấy không kết quả, cô chuyển sang những biện pháp phức tạp hơn, mặc dù Kayz hiểu rõ — và anh cũng chẳng xót động hay bức tức về chuyện đó, — Natali làm thế để làm gì, và cô muôn đạt được cái gì. Tuy nhiên, thời gian gần đây cả thư lẫn báo ngày càng ít dần đi.

Có lẽ mãi rồi Natali cũng thất vọng. Cô không tìm được lời lẽ để an ủi anh nữa, và cần cù vào dõi mắt lục lọi cũng đồ học của cô, anh hiểu rằng cô đã khóc nhiều. Khi nhận ra điều đó, Kayz rất muốn giúp cô. Nhưng làm sao anh giúp được cô trong khi anh không thể giúp được chính mình?

Tấm ảnh của Natali được dán ở phía trong cánh cửa tủ — tấm ảnh màu do chính Kayz chụp. Anh treo nó vào dây cách dây ba năm. Bây giờ, dưới ánh đèn ngoài cửa sổ hắt vào, hào như không nhìn ra cái gì với cái gì trên ảnh, nhưng Kayz đã biết rõ tấm ảnh nêu anh không cần ánh sáng.

Trong ảnh Natali mặc quần áo bơi. Cô ngồi trên phiến đá và đang cười, tay thanh tú giơ lên che mắt cho khỏi nắng. Mái tóc màu hạt dẻ nhạt hắt ra phía sau, trên khuôn mặt xinh xắn tinh nghịch lầm

tâm nhung vết tàn hương hao giòn cũng phát sinh vào mùa hè. Nói chung Natali giống như cô bé nhõng nhẽo, được nuông chiều, nhưng đồng thời trong con người cô cũng toát ra vẻ nghị lực, và may mắn đã ghi lại được cả hai đặc tính đó. Cô ngồi trước nền hồ xanh những phiến đá và rừng thông. Hồi đó Käyz và Natali cùng du lịch bằng ô-tô đến Canada và nghỉ phép tại vùng hồ Haliberto, lần đầu tiên họ gửi lại con cái nhờ Mel và Xindi trông nom hộ. Sau này, cả hai thường nhớ lại kỷ nghỉ phép đó như những ngày hạnh phúc nhất trong đời họ. Và có lẽ hôm nay đúng là ngày đáng nhớ lại kỷ niệm đó, Käyz nghĩ vậy. Phía sau tấm ảnh thời ra một tờ giấy gấp đôi. Đó là một trong những mảnh thư mà Natali nhét vào bùa ăn sáng cho anh. Mảnh thư đó có la gửi cách đây chừng hai, ba tháng, nhưng không hiểu sao anh quyết định giữ lại nó. Mặc dù Käyz đã thuộc lòng nội dung mảnh thư, lúc này anh vẫn lấy nó ra và đều gần cửa sổ để đọc lại. Đó là một mảnh tin cắt ra từ tạp chí, dưới là mấy dòng chữ do tay Natali viết.

Natali quan tâm đến nhiều chuyện, đôi khi cả những chuyện rất bất ngờ, và thế nào cô cũng cố làm cho Käyz và mấy đứa trẻ cũng phải tham gia vào những sở thích của cô. Mảnh báo đó nói về những thí nghiệm do các nhà di truyền học Mỹ tiến hành. Trong đó nói rằng có thể làm đông lạnh tinh dịch của người đàn ông. Ở nhiệt độ thấp nó có thể được bảo quản lâu vô hạn, mà không mất đi những đặc tính của nó. Sau đó người ta có thể làm cho nó tan ra và sử dụng để làm cho người phụ nữ có thai vào bất cứ lúc nào — cả bây giờ hoặc sau vài thế hệ nữa.

Natali viết dưới mảnh tin đó :

« Chiếc thuyền có thể bé gấp đôi nếu như Noli biết phương pháp làm động các tinh trùng. Hóa ra người ta có thể muốn có bao nhiêu con tùy ý, miễn là trong tủ lạnh đó phải thật đông. Em mừng vì những đứa con chúng ta sinh ra là từ bỏ mẹ. Em vui cõng hạnh phúc, anh thương yêu ạ, vì sự dịu dàng và khát vọng vẫn có quyền lực với chúng ta như cũ. »

Khi đó cô hãy còn cố gắng — một cách tuyệt vọng — để làm cho cuộc sống của họ trở lại vui vẻ như lúc đầu. Cô muốn hàn gắn nó, hàn gắn già dinh — cho trở lại như xưa. Để cho « dịu dàng và khát vọng vẫn có quyền lực với chúng ta như cũ ».

Cả Mel cũng tham gia vào cuộc đấu tranh ấy, ông cùng với Natali cố kéo người em ra khỏi cái lận trang ưu yết mà càng ngày càng hút chặt lấy anh ta.

Và trong lòng Käyz có cái gì như đã quy thuận, người dịu. Trong đáy sâu tiềm thức anh đã cháy lên ngọn lửa ý chí, anh cố lùm lại trong người mình sức mạnh, để với sự hỗ trợ của những người thân, thoát ra khỏi tâm trạng thẫn thờ, dùng tình yêu đáp lại tình yêu, nhưng không được. Không được — anh đã biết trước là không được, — vì trong người anh không còn lại tình cảm lẫn xúc cảm gì nữa. Anh không thể nào nhòm lại trong người ngọn lửa ấm áp của tình yêu hay nóng bỏng của tức giận. Chỉ có một sự trống rỗng, nỗi mặc cảm và tuyệt vọng.

Bây giờ có lẽ cả Natali cũng cảm thấy hết nỗi tuyệt vọng của những nỗ lực của cô — anh tin chắc như vậy. Có lẽ vì thế cô hay khóc trộm. Còn Mel? Có lẽ cả Mel cũng tỏ ra bất lực trước anh. Mặc dù chưa phải hoàn toàn thất bại — Käyz nhớ lại lời người

chỉ huy các chuyến bay: « Ông anh của anh nhờ nói với anh, có lẽ lát nữa ông ấy sẽ ghé lại »

Giá Mel đừng đến thì mọi việc sẽ đơn giản hơn nhiều. Káyz cảm thấy lúc này anh không đủ sức để gặp anh trai nữa, mặc dù suốt đời hai anh em rất thân thiết với nhau. Việc Mel đến có thể làm sự việc rắc rối thêm - Káyz đã mệt quá rồi, anh không đủ sức chịu đựng thêm những chuyện phiền phức mới.

Anh lại nghĩ: không biết hôm nay Natali có nhét mành giấy nào vào bữa ăn sáng hay không? Rồi hy vọng có thể có có nhét, anh đứng dậy, thận trọng lôi gói thức ăn ra.

Những miếng xăng-uých kẹp, giăm bông và xà lát, hộp pho mát tươi, lê, và giấy gói, ngoài ra không còn gì nữa.

Lúc này, khi đã hiểu ra không có thư từ gì hết, anh lại càng khao khát có thư, — bất kỳ nỗi ghi nào, thậm chí một mảnh giấy hoàn toàn vỡ, ai cũng được. Sau đó anh bỗng nhớ ra: chính anh là người có lỗi trong chuyện này. Natali không có thời gian để viết. Hôm nay có một việc phải giải quyết trước khi đi làm nên anh rời, khỏi nhà sớm hơn mọi ngày. Anh không báo trước cho Natali, thành thử cô phải gấp tấp đi chuẩn bị thức ăn cho anh. Có lúc anh đã tuyên bố thời anh không cần gì cả, vì có thể ăn sáng trong một tiệm cà-phê ở sân bay. Nhưng Natali biết trong các quán cà-phê thường ồn ào,动荡, mà Káyz thì không chịu được cảnh đó, nên cô vẫn chuẫn bị rất nhẫn cho anh vài món. Cô không hỏi tại sao hôm nay anh lại đi sớm như vậy, nhưng anh tin chắc cô không thể không mặc chuyện đó. Nhưng may cho Káyz, cô không hỏi. Nếu cô có hỏi,

Anh sẽ buộc lòng phải bịa ra một cớ gì đó, mà vào những phút cuối cùng này anh không muốn nói dối có chút nào.

Anh vẫn có đủ thời gian để làm mọi việc. Anh đến khu vực gần sân bay và nhận một căn phòng trong khách sạn «Ô Hâygen» mà anh đã đặt trước bằng điện thoại. Anh đã tính toán kỹ lưỡng tất cả từ nhiều tuần trước, nhưng sau khi quyết định phải cần nhắc lại thật cẩn thận trước khi bắt tay vào làm, anh lại thôi chưa thực hiện kế hoạch vội. Anh rẽ vào xem qua căn buồng một chút, rồi ra khỏi khách sạn, và đến sáu bay đúng lúc bắt đầu ca làm việc.

Khách sạn «Ô Hâygen» nằm cách sân bay vài phút q-tô. Còn hơn hai tiếng đồng hồ nữa ça làm của Kâyz sẽ kết thúc, và anh sẽ đến ngay chỗ đó. Chìa khóa buồng nằm trong túi anh, Kâyz rất nở ra để tin chắc nó vẫn còn.

10

Cái tin đó người chỉ huy các chuyến bay báo cho Mel Baycox fend về cuộc mít-tinh mà dân chúng Mêđoud định tổ chức, hóa ra đúng.

Cuộc mít-tinh diễn ra trong ngôi trường của nhà thờ tây lề Mêđoud — cách sân bay chừng mười lăm giây bay trên máy bay phản lực, cắt cánh từ đường băng hai-năm,— kéo dài đã nửa tiếng. Nó bắt đầu muộn hơn dự định, vì hầu hết những người tham dự — lồng cộng khoảng sáu trăm người, không kè trộn, — dù đi xe hay đi bộ, đều phải khó khăn lắm

mỗi tim được lối đi trên lớp tuyết dày. Nhưng dù sao họ cũng đã tới được.

Đó là một cuộc mịt-tinh hốt súc lớn xôn, diễn binh cho những địa phương mà dân chúng không lấy gì làm giàu có lắm — phần lớn là các viên chục trung lưu, thợ thủ công và các nhà buôn trong thị trấn. Số người dù gồm cả đàn ông và phụ nữ, mà bầu hết — vì đó là hôm thứ sáu, bắt đầu kỳ nghỉ cuối tuần — đều ăn mặc cầu thả. Chỉ trừ nra là người noi khác và dám phòng viễn báo chí là ăn mặc sang trọng.

Trong gian phòng của ngôi trường người ngồi chật kín — không khí ngọt ngat, khói thuốc đọng trên không trung. Tất cả các ghế đều có người ngồi, ngoài ra còn có khoảng một trăm người, có khi còn nhiều hơn, phải đứng.

Điều việc có từng ấy người chịu rời khỏi căn nhà ấm cúng để tới đây giữa trời bão tuyết thế này, cũng đủ chứng tỏ mối quan tâm và lo lắng của họ. Không những thế, người nào người nấy đều lộ vẻ bức tức cực độ.

Nỗi bức tức của họ — cũng thấy rõ như khói thuốc trong phòng — có hai nguồn gốc. Thứ nhất, từ lâu dân chúng ở Médoud đã tức lối đổi với cái sân bay ngày đêm trút lên đầu họ những tiếng rú đinh tai nhức óc khiến họ ngủ bay thức cũng đều không được. Thứ hai, tiếng động ấy làm họ phát điên lên ngay cả lúc này, khi gần suốt thời gian cuộc mịt-tinh những người ngồi họp thỉnh thoảng lại không nghe thấy tiếng nhau.

Thực ra họ đã chuẩn bị sẵn từ trước là sẽ có tình trạng như vậy. Vả lại, cuộc milt-tinh được tổ chức ở đây và người ta phải thuê trước micro lưu động của nhà thờ cũng chính là vì thế. Nhưng không ai ngờ đúng - vào tối hôm nay, các máy bay vẫn bay qua đầu họ, làm cả tai người lẫn micro đều vô hiệu. Nguyên nhân là vì điều này những người dự milt-tinh không được biết, và chẳng họ cũng chẳng thêm biết -- có chiếc «boeing 707» bị kẹt trên đường băng ba-không, nên các máy khác dàn phái sứ dụng đường băng hai-năm. Mà đường băng này giống như mũi tên, chĩa đúng vào thị trấn Mèdoud, còn nếu cất cánh từ đường băng ba-không thì các máy không bay thẳng trên đầu thị trấn, mà chỉ chẽch bên cạnh thôi. Lợi dụng một giây tạm lành tiếng ồn, viên chủ tọa milt-tinh, mặt đỏ như con tôm luộc, cố sức gào lên:

— Thưa các ông, các bà, đã nhiều năm nay chúng ta cố dàn xếp với ban giám đốc sân bay và các hãng hàng không. Chúng ta nhiều lần nhắc họ rằng, sân bay phá sự yên tĩnh trong các ngôi nhà chúng ta. Nhờ những người ngoài cuộc, những người chứng kiến rõ từ bên ngoài, chúng ta đã chứng minh rằng, không thè nào sống nỗi trong cái lấp sóng tiếng động ầm ầm cứ trút lên đầu chúng ta như vậy. Chúng ta nói rằng, tâm lý chúng ta đang bị đe dọa, và con chúng ta, và chính chúng ta, đang sống trong cảnh thần kinh sắp bị điện loạn, mà nhiều người thực tế đã bị như thế.

Vिण chủ tọa, một người đàn ông đầu bói, cầm vuông, là người có nhà ở Mèdoud và chủ hảng xuất bản, tên là Floïd Zanetta. Ông ta trạc sáu mươi, và đóng vai trò khá quan trọng trong những hoạt động của thị trấn.

Ông ta đang đứng trên cái buôc nhỏ, kê hơi cao ở cuối phòng, ngồi cạnh ông ta là một người đàn ông trẻ hơn, mặc rất sang trọng. Đó là Elliot Primantien, luật sư. Dưới chân ông này có chiếc cặp da đen đã mở sẵn.

— Còn sân bay và các hảng hàng không thì làm gì? — Zanetta nói tiếp. — Đây, tôi sẽ nói cho các vị biết họ làm gì. Họ vờ vĩnh, làm ra vẻ nghe chúng ta. Rồi đưa ra những lời hứa hẹn giả dối — hết lời này đến lời khác, thực ra mà họ hoàn toàn không có định thực hiện chúng. Cả ban giám đốc sân bay, cả Cục hàng không liên bang, lẫn các hảng hàng không — tất cả đều là bọn dối trá, bịa bợm...

Nhưng đến từ «bịa bợm» thì không ai nghe thấy nữa.

“Nó bị chìm ngay trong tiếng rít xé không khi cứ lùn dần và chỉ trong phút chốc đã đạt tới sức mạnh khủng khiếp — có cảm tưởng như có bàn tay khổng lồ của ai túm lấy ngôi nhà và lắc thật mạnh. Nhiều người trong phòng phải lấy hai tay bit chặt tai lại. Vài người thì đưa mắt lo lắng nhìn lên trần nhà. Số khác thì mắt long lanh vì tức giận, quay sang người bên cạnh, phàn nua cái gì đó, mặc dù chỉ người nào biết đọc bảng mới mới có thể hiểu được họ nói gì, vì không thể nghe thấy một câu nào. Cái chai nước trên bàn chủ tọa chao hấn di, nếu Zanett không kịp đưa tay giữ thì nó đã rơi xuống sàn và vỡ tan ra rồi.”

Âm thanh lảng đi cũng đột ngột như khi nó phát sinh. Máy bay «Pan Oméricon» bay chuyến năm mươi tám đã bay xa, cao cách mặt đất khoảng vài nghìn fut, và tiếp tục bay mỗi lúc một cao hơn, xuyên qua cơn bão và bóng tối để tới những tầm cao

rực rỡ mà nó đang bay tới, đến Frankfurt, nước Đức. Tiếp theo nó, trên đường băng hai-năm vừa được giải phóng, ngay trên đầu Mêđoud, chiếc máy bay «Continental Liner» đã bắt đầu lăn bánh, chuyền hai mươi ba, bay về Denver, bang Colorado. Trên đường lăn bên cạnh là một dãy máy bay uốn đuôi nhau chờ đến lượt cất cánh.

Cứ như thế suốt buổi tối, — ngay từ trước khi bắt đầu cuộc mít-tinh, — và bây giờ, muôn tiếp tục cuộc họp cho đến hết, những người Mêđoud đánh phả sử dụng những quang im lặng ngắn ngủi giữa những đợt tiếng ồn ùnh tai nhức óc của những chiếc máy bay chốc chốc lại bay lên.

Lợi dụng một lúc im lặng đó, Zanetta tiếp tục :

— Vì thế tôi nói họ là những kẻ lừa dối và bịa bởm. Tất cả những gì xảy ra ở đây lúc này là dẫn chứng hùng hồn cho điều đó. Ít ra họ phải có những biện pháp giám tiếng ồn, nhưng hôm nay thậm chí...

— Thưa ông chủ tịch, — có tiếng một phụ nữ ngồi giữa phòng, — tất cả những chuyện đó chúng tôi đã nghe rồi. Chúng ta ai cũng đều biết cả, dù có nhắc đi nhắc lại đến mấy thì cũng chẳng có tác dụng gì. — Bao nhiêu cặp mắt đồ dồn về phía người đàn bà vừa nói và lúc này đã đứng dậy. Bà ta có vẻ mặt cương nghị, thông minh; móng tay màu hạt dẻ dài đến vài xô súng tròn, nhưng người phụ nữ trẻ hăng động tát nóng này hất nó ra phía sau. — Tôi cũng như tất cả những người khác ngồi đây muốn biết, rút cuộc chúng ta có thể làm được cái gì; và chúng ta có thể trông mong vào cái gì?

Một tràng vỗ tay và những tiếng túa thường vang lên.

— Xin các vị cho tôi nói hết... — Zanetta bực dọc nói.

Nhưng ông ta không sao nói tiếp được.

Lại một tiếng rú-khung khiếp đù xuồng ngồi trường.

Thành ra buồn cười đến nỗi mọi người cười rộ lên — lầu dầu tiên trong buổi tối. Ngay cả viên chủ tọa cũng phải nhếch mép cười gượng và dang hai tay tỏ ý bất lực.

Khi tiếng ầm ầm vừa dứt, có một giọng đàn ông cầu nhau khó chịu:

— Thời nói tiếp đi!

Zanetta gật đầu. Ông ta lại tiếp tục bài diễn văn, vừa nói vừa phải chờ những lúc tạm ngót tiếng ồn, cứ như người leo núi phải nhảy từ tảng đá, này sang tảng đá khác. Những người dân Médoud, ông ta tuyên bố, phải vứt bỏ tể nhị và lịch sử di, không có thương lượng gì với ban giám đốc sân bay nữa, không trống inong gì vào lương tri của họ nữa. Đã đến lúc phải tân công theo pháp luật. Suy cho cùng, người dân Médoud — là công dân nước Mỹ, và có những quyền rõ ràng mà lúc này đang bị thà đạp. Èè bảo vệ những quyền ấy phải nhờ đến tòa án, vì thế những người dân Médoud phải sẵn sàng tranh cãi ở tòa — cuộc đấu tranh kiên trì, thậm chí nếu cần, phải tàn bạo, quyết liệt. Còn về chiến thuật đấu tranh như thế nào, thì rất may, ngài Elliott Frimanton, một luật sư có tiếng, mặc dù vẫn phòng ở cách đây khá xa, vẫn nhận lời đến dự mít-tinh với chúng ta. Ngài Frimanton đây biết rõ những điều luật về việc gây ồn, phá yên tĩnh, về việc sử dụng khoảng không, và tất nữa

đây, tất cả những ai bắt cháp bão tuyết đến dự họp, sẽ hài lòng được nghe con người đáng kính này. Nói đúng ra, ông ta đã đến đây với một kế hoạch cụ thể.

Nghé những câu nói công thức ấy, Elliott Frimanton cứ ngọ nguậy trên ghế. Ông ta khẽ đưa tay vuốt nhẹ mái tóc lấm đomm bạc cắt rất cẩn thận, sờ lại xem cảm và má dã cao kỵ chưa — mà ông ta mới cao trước khi đến dày một tiếng đồng hồ, — và cái thỉnh giác nhạy bén của ông ta khẳng định rằng mùi nước hoa đất liền mà ông thường dùng sau khi cạo râu và xoa da thạch anh vẫn chưa bay hết. Chân nọ vắt lên chân kia, ông ngồi ngầm nghĩa đôi giày da cá sấu già hai trăm đô-la đánh xi bóng lộn và đưa tay vuốt lại mếp quần của bộ com-lê bằng vải lót-suy cắt theo người. Elliott Frimanton từ lâu đã nhận ra rằng, khách hàng thường thích thuê những luật sư đang thành đạt — và những bác sĩ không thành đạt. Người luật sư nào nom bè ngoài sang trọng nghĩa là anh ta hay thành công trong các vụ kiện, mà những người phát đơn kiện tất nhiên không ai lại không muốn thắng kiện.

Chính Frimanton đã tính đến chuyện đó; ông ta hy vọng da só những người ngồi dày sẽ làm đơn kiện và ông ta sẽ là người đại diện cho họ ở tòa án. Còn bây giờ ông ta sốt ruột chờ cho con gà mái già Zanetta kia thời không gần cõi lén kêu nữa, ngồi xuống, và ông ta, Frimanton, sẽ bắt đầu nói. Cách dễ nhất làm thỉnh giả mất niềm tin vào anh là nếu anh cho họ thời gian để suy nghĩ và phỏng đoán điều anh sẽ nói, trước khi anh kịp mở mồm. Cái linh cảm sắc bén nhắc cho Frimanton biết rằng chính lúc này đang có chuyện ulu uỵ. Có nghĩa là phải vất và

nhieu hon moi khi de khang dinh nang luc tri oc tuyet voi cua minh.

Noi cu the hon, co nguoi trong so dong nghiep cua Frimanton co the nghi nghe khai nang tri oc tuyet voi cua ong ta. Tham chi co the bo con phan doi khi vien chua loa goi ong ta la nguoи dang kinh.

Cac luat su dong nghiep doi khi cho rang so de Frimanton hay kiem duoc tien cong cao chua yeu la nhieu nang khiu bau sinh biет to ra oai ve va loi cuon chua y cua nguoи khác. Thuc ra moi nguoи deu tan thanh y kiem cho rang ong ta co cai khieu giac dang ghen tu, biет danh boi nhung vu co the kiem chac rat bo, nhung sau do gay ra bao nhieu chuyen am i.

Sự việc ở Mèdoud phat sinh cù nhau theo sự xếp đặt trước của Elliott Frimanton. Không biет ong ta do: được ở đâu bài báo nói đến vấn đề hiện đang xảy ra với dân của thị trấn này, và đã nhở người quen giới thiệu ong ta với một trong số các chủ nhà ở Mèdoud như một luật sư duy nhất có thể giúp đỡ họ. Kết quả là họ đồng nhung người có nhà đã đến gặp ong ta, và việc họ phải tìm đến ong ta chứ không phải ong ta tìm đến họ, đã tạo cho ong ta có được cái ưu thế về mặt tâm lý mà ong ta đang mong muốn. Đề chuẩn bị cho cuộc đến gặp nhung người Mèdoud, ong ta giờ xem lại nhung van de luat phap và nhung quyet định gan day nhat cua toan can co lien quan toti van de tieng ong va vi phạm su yen tinh — phai thu thực rang van de nay doi voi ong ta la hoan toan moi, — và khi đại diện của Hội đồng nhung người có nhà ở Mèdoud đến gặp ong ta thì ong ta đã co the noi voi họ mot cach tuc lin, nhut mot nguoи ca doi chuyen tim hiieu van de nay vay.

Ít lâu sau ông ta đề nghị với họ một kế hoạch hành động, mà kết quả đã dẫn đến cuộc họp hôm nay và sự có mặt của ông ta ở cuộc họp này.

May sao, Zanetta có vẻ sắp kết thúc bài diễn văn quá dài dòng của mình. Vẫn bằng cái giọng nhảm chán, ông ta kết luận:

— Cuối cùng, tôi xin hân hạnh giới thiệu với các bạn...

Zanetta chưa kịp nói tên ông ta thì Elliot Friedman đã đứng ngay dậy. Và ông ta bắt đầu nói ngay trong khi ông kia chưa kịp đặt đít xuống ghế. Theo thói quen, ông luật sư vào đề ngay không Meadow đâu hết:

— Nếu các vị chờ ở tôi sự thông cảm, thì các vị có thể ra về, vì sẽ không có điều. Các vị sẽ không được nghe một lời thông cảm nào của tôi, ngày hôm nay, cũng như trong những buổi gặp khác, nếu sẽ có những cuộc gặp như thế. Tôi không phải người đã phát cho các vị những chiếc khăn tay để lau nước mắt, vì các vị cần đến chúng, các vị hãy tự kiểm lấy khăn hay tặng cho nhau. Nghề của tôi là luật pháp. Luật pháp và chỉ luật pháp mà thôi! — Ông ta cố ý nói một cách gay gắt và biết rằng đã làm cho công chúng hơi choáng váng, nhưng chính đó là điều ông ta muốn đạt được.

Ông ta nhận thấy mấy người phóng viên đồng lõi nghe và dương mắt nhìn ông ta. Họ có ba người, ngồi sau bàn cạnh chủ tịch đoàn là bàn dành riêng cho báo chí: hai thành viên của hai tờ báo hàng ngày lớn của thị trấn, và một bà có tuổi của tờ tuần báo địa phương. Ông ta cần cả ba người này, nên đã

tên cách biết được tên tuổi họ, và trước khi cuộc họp bắt đầu đã kịp trao đổi với họ đám ba câu. Những chiếc bút chì đã thấy chạy trên giấy. « Tuyệt lâm ! » Khi thực hiện bắt cứ đề án nào, bao giờ Frimanton cũng coi trọng việc hợp tác với bảo chí, và theo kinh nghiệm riêng, ông ta biết rằng, cách dễ nhất để tranh thủ cảm tình của giới bảo chí là cung cấp cho họ tài liệu có thể viết được câu chuyện hấp dẫn. Và ông ta thường làm được việc đó. Các phóng viên bảo chí đánh giá cái đó còn cao hơn cả những cốc bia hoặc bữa ăn không mất tiền, và sự việc càng sinh động và nhiều màu sắc bao nhiêu thì phản ứng của các bảo càng thuận lợi bấy nhiêu.

Hai giây bớt giọng gay gắt, Frimanton nói tiếp :

— Nếu các vị quyết định cử tôi làm người đại diện-echo quyền lợi của các vị, thì trước hết tôi phải đặt cho các vị một số câu hỏi — về ảnh hưởng của tiếng ồn đối với nhà cửa các vị, gia đình các vị, đến tình trạng sức khoẻ và tâm lý của các vị. Nhưng các vị đừng nghĩ rằng, sở dĩ tôi hỏi các vị những câu hỏi như thế là vì tôi quan tâm đến số phận của các vị. Xin nói thẳng là hoàn toàn không. Đã đến lúc phải nói thẳng với các vị rằng, tôi là một kẻ hết sức ích kỷ. — Nếu tôi có đặt cho các vị những câu hỏi như vậy, thì chặng qua vì tôi muốn tìm hiểu xem, sự thiệt hại mà các vị phải chịu, xét về mặt pháp luật,lyn như thế nào. Nhưng bây giờ tôi đã hoàn toàn tin rằng các vị đã bị thiệt hại. — Thêm chi có thể nói là thiệt hại lớn — và đó là đúng về pháp luật mà nói, các vị phải được bồi thường. Nhưng dù các vị có kể cho tôi nghe nhiều chuyện khủng khiếp thế nào chăng nữa, tôi cũng không mất ngủ đâu ; tôi không quan

tâm đến quyền lợi của khách hàng ngoài phạm vi văn phòng của tôi hay ngoài phạm vi phiên tòa. Nhưng — đến đây Frimanton ngừng lại một chút để gãi hiệu quâ và vung một ngón tay ra phía trước, như muốn nhấn mạnh những lời nói của mình — nhng ở văn phòng và ở tòa, tôi sẽ dành cho các vị sự chú ý tối đa, cũng như hiểu biết tối đa của tôi về tất cả những gì liên quan đến pháp luật. Về mặt này, tất nhiên nếu chúng ta cùng làm việc với nhau, tôi xin hứa là các vị sẽ mừng vì có tôi đứng về phía các vị, chứ không phải phía đối phương.

Lúc này Frimanton đã thu hút được chú ý của cả cử tọa. Các ông và các bà ngồi hẳn người ra phía trước để cố không bỏ qua một lời nào của ông ta, mặc dù thỉnh thoảng ông ta phải ngừng nói, chờ cho máy bay bay qua. Nhưng cũng có những người — thực ra số này không nhiều lắm, có vẻ không — Frimanton ra mặt. Frimanton cảm thấy phải hạ bớt giọng. Ông ta mỉm cười rất nhanh rồi tắt ngay — nghiêm mặt nói tiếp:

— Tôi thông báo cho các vị như thế để chúng ta hiểu nhau hơn.

Có vài người gật gù tóm tắt cười.

— Tất nhiên nếu các vị muốn thuê một người để thương hơn, người sẽ cung cấp cho các vị cả một lô những lời thương hại, nhưng có thể không hiểu lắm về luật pháp — Elliott Frimanton nhún vai, — thì đó là quyền của các vị.

Frimanton chăm chú theo dõi cử tọa và nhận thấy một người đàn ông có tuổi đeo kính gọng sừng đang ghé tai người bên cạnh thì thầm điều gì. Qua

nét mặt của họ Frimanton đoán rằng người đàn ông nói: « Tay này có vẻ biết làm ăn » « đấy ! Đúng là phải ăn nói như thế ! ».

Theo kinh nghiệm, Frimanton biết đánh giá chính xác tâm lý những người ngồi họp và tính toán xem nên giữ thái độ như thế nào. Ông ta đã nhận thấy ngay đám thính giả này đã chán nghe những lời nói chung chung và những câu an ủi tuy tình cảm, nhưng kém hiệu quả. Lời lẽ của ông ta tuy có gay gắt và thô lỗ, nhưng lại có tác dụng làm tỉnh ngủ như gáo nước lạnh. Bây giờ để họ khởi phản tán chủ ý, ông ta phải chuyển sang chiến thuật mới. Đã đến lúc phải đưa ra những sự kiện cụ thể, nếu cho họ biết những điều luật trong việc chống tiếng ồn. Muốn duy trì chú ý của người nghe — Elliott biết rất rõ luật chơi — thì phải nói nhanh, để người nghe khó theo kịp những điều ông ta nói, nhưng đồng thời vẫn nắm được lô-gic của lời nói, dù có phải căng thẳng một chút.

— Xin các vị chú ý — ông ta ra lệnh. — Bây giờ tôi xin nói về đặc điểm vắn đề của chúng ta.

Luật chống tiếng ồn, ông ta tuyên bố, thường xuyên được tòa án các nước nghiên cứu. Những quan niệm cũ đã được thay đổi. Theo điều luật mới, tiếng ồn quá mức có thể bị xem như vi phạm sự yên tĩnh và quyền sở hữu cá nhân. Hơn nữa, các tòa án thường quyết định cấm và phạt trong những trường hợp vi phạm những quyền đó, kè cả trường hợp tiếng ồn do máy bay gây ra, có bằng chứng rõ ràng.

Elliott Frimanton ngừng lại một lát chờ cho tiếng máy bay qua đầu lảng đi, rồi giơ tay:

— Tôi nghĩ rằng trong trường hợp này các vị có thể chứng minh được dễ dàng.

Bút chí của cả ba phòng viện bảo chí bắt đầu chạy trên giấy.

Tại tòa án tối cao của Mỹ, Frimanton nói tiếp, đã có một trường hợp như thế. Trong vụ «Mỹ kiện Kauzbi», tòa đã quyết định viên chủ trại ở Grinxborô bang Bắc Carolina, có quyền được bồi thường vì những máy bay quân sự bay quá thấp trên nóc nhà ông ta và đã xâm phạm ranh giới sở hữu cá nhân của ông ta. Khi thông báo quyết định về vụ «Kauzbi», thẩm phán Uyliot Ô Đuglax tuyên bố: «...nếu chúng ta muốn cho người chủ đất không chỉ có quyền sử dụng đất đai của mình, mà còn được hưởng vui thú trên mảnh đất ấy, thì anh ta phải có quyền kiểm soát hoàn toàn cả khoảng không xung quanh». Chính nguyên tắc ấy cũng đã được dùng làm cơ sở để xét xử một vụ khác cũng tại tòa án tối cao — Vụ «Grigx kiện bá tước Allegeni» ở các bang Oregon và Oasinhon, nơi người ta xét xử những vụ «Xornburg kiện sân bay Pöketlen» và «Martin kiện sân bay Xieton», tòa án đã quyết định phải bồi thường thiệt hại về việc vi phạm luật chống tiếng ồn, mặc dù máy bay không hay trực tiếp qua đầu các bên nguyên. Ngoài ra còn có những thành phố hoặc thị trấn khác đã đưa đơn kiện hoặc sắp sửa đưa đơn ra tòa. Trong đó một vài thành phố còn sử dụng cả những băng ghi tiếng ồn và những tấm phim để tăng thêm hiệu lực cho những lời khiếu nại. Trên băng người ta ghi lại mức độ ồn, còn các máy quay phim thì ghi lại độ cao của máy bay: Vấn đề là ở chỗ nhiều khi tiếng ồn mạnh hơn và độ cao thì thấp hơn so với mức mà những người lãnh

đạo các sân bay và hàng hàng không khẳng định. Chẳng hạn ở Lôx Angioletx, một người có nhà đã phát đơn kiện sân bay quốc tế Lôx Angioletx: Ông ta tuyên bố rằng, khi xây một đường hầm cất cáub, mà cách đây không lâu đã kéo đến gần sát nhà ông ta, thì ban giám đốc sân bay đã hoàn toàn không đểm xia gì đến quyền sở hữu cá nhân của ông ta, không hề có luật nào cho phép. Người chủ nhà đòi bồi thường thiệt hại mười ngàn đô-la. Tóm lại là hiện nay tòa án ngày càng nhận được nhiều đơn kiện các vụ trường tự.

Bài phát biểu của Frimanton ngắn gọn và gây ấn tượng. Khi ông ta nhắc đến số tiền cụ thể — mươi ngàn đô-la, thì đúng như ông ta tiên liệu trước, điều đó càng làm thành già châm chู hơn. Những lời nói của ông ta đậm ra có uy tín và sức thuyết phục hơn, và có vẻ như căn cứ trên kinh nghiệm lâu năm... Chỉ riêng Frimanton biết rằng, tất cả những sự việc đó ông ta mới được biết trong một tờ báo thành phố mà hôm qua ông ta đã bỏ hẳn gần hai tiếng đồng hồ để đọc.

Song cũng có những trường hợp ông ta không nhắc đến. Đó là quyết định của tòa án tối cao về vụ của người chủ trại Kauzbi cách đây hai mươi năm, và mức độ thiệt hại được nêu ra thật túc cùi - bảy trăm ba mươi lăm đô-la, nói cách khác, đó là tiền bồi thường những con gà con bị chết vì tiếng ồn. Đơn của người có nhà ở Lôx Angiolex đến nay vẫn chưa được xem xét, và có thè không bao giờ được xem xét. Song có một vụ quan trọng hơn nhiều: vụ « Bettion kiện nước Mỹ » mà Tòa án tối cao đã có quyết định vào năm 1953, thì Eliot Frimanton có

tinh lòi đi. Vì quyết định của tòa án hồi đó nói rằng, chỉ xem xét những vụ nào vi phạm đến thân thể và sở hữu cá nhân», mà tiếng òn không thuộc loại như thế. Và bởi ở Médoud không có trường hợp nào xâm phạm đến thân thể cá nhân, nên căn cứ vào vụ «Belton», có thể rút ra kết luận là trong trường hợp này đưa đơn ra tòa là cầm chắc thất bại.

Nhưng Frimanton hoàn toàn không có ý định cho mọi người biết những chuyện đó — ít nhất là cho đến lúc cần thiết, nói chung viên luật sư này không quan tâm đến chuyện dân chúng Médoud có thắng kiện hay không. Ông ta chỉ cần một điều: được đứng ra làm luật sư cho họ và hưởng thật nhiều tiền công.

Chính vì thế ông ta đã đếm số người dự họp và làm nhầm trong đầu con tinh cộng. Kết quả phép tính đã chấp cánh cho ông ta.

Trong số sáu trăm người có mặt trong phòng, khoảng năm trăm, có khi nhiều hơn, là người có nhà; Cứ cho rằng trong số những người ngồi đây không phải chỉ có các ông chồng, mà cả các bà vợ, thì it ra ông ta cũng có thể tính hai trăm năm mươi người. Sau đó, nếu mỗi người ký vào một bản hợp đồng nhận Frimanton làm đại diện cho quyền lợi của họ với số tiền công là một trăm đô-la — mà Frimanton hy vọng đến cuối cuộc họp ông ta có thể xoay được chuyện đó — thì tổng số tiền thù lao cho ông ta có thể sẽ là hơn hai mươi lăm nghìn đô-la.

Ông ta đã nhiều lần thành công trong những vụ xếp đặt như vậy. Trong cặp ông ta có cả một tập phiếu khá dày ghi sẵn nội dung như sau : « *Bản hợp đồng này giữa... (tên), được coi là bên nguyên, và các luật sư Frimanton và Xai... nhận trách nhiệm đại*

điện cho những quyền lợi hợp pháp của bên nguyên về vụ thiệt hại do những chiếc máy bay cất cánh tại phi trường quốc tế Linh Côn gây ra... quy định rằng bên nguyên nhận trả cho các ông Frimanton và Xai nói trên 100 đô-la, làm bốn lần, mỗi lần hai mươi lăm đô-la, lần đầu trả ngay, còn các lần sau trả theo từng quỹ... Nếu vụ kiện kết thúc thắng lợi, các ông Frimanton và Xai sẽ được hưởng 10 phần trăm tổng số tiền bồi thường thiệt hại trả cho bên nguyên...»

Các khoản mươi phần trăm này được ghi vào đề phòng xa, chửi thề ra khó hy vọng đòi được khoản bồi thường nào. Song trong việc kiện tụng nhiều khi xảy ra những chuyện rất lạ lùng và Elliott Frimanton phải tính trước cả chuyện đó.

— Tôi đã không báo cho các vị về những luật pháp hiện hành — ông ta nói. — Nay giờ tôi muốn khuyên các vị một điều — Và ông ban cho cử tọa một nụ cười hiếm hoi của mình, nó chỉ loé lên một giây rồi tắt ngay. — Lời khuyên này tôi không lấy tiền, cũng như tuýp thuốc đánh răng quảng cáo, nhưng cứ mỗi tuýp thuốc tiếp theo thì phải trả tiền. — Có tiếng cười rõ và ông ta giơ tay ngăn lại. — Lời khuyên của tôi là thời gian không chờ đợi, đã đến lúc phải hành động. Và hành động ngay tức khắc.

Mọi người lại vỗ tay hoan hô vang dội.

— Có một số người — Frimanton nói tiếp, — thường nghĩ rằng các thủ tục xét xử tố tụn rất nhiều thời gian và có thể kéo dài vô tận. Kè ra cũng có trường hợp như vậy thật, nhưng khi có quyết tâm và hiểu biết pháp luật thì có thể thúc đẩy nhanh được. Trong trường hợp này phải đưa đơn kiện ngay. Nếu không sân bay và các hàng hàng không

có thể viện lý do rằng máy bay bay qua đầu Medoua đã mấy năm nay, và cái tiếng ồn mà chúng gây ra không có gì khác thường cả. — Sau đó, như để tăng thêm trọng lượng cho những lời nói của ông ta, một chiếc máy bay khác lại bay rít qua. Frimanton phải hét to để át tiếng ồn: Tôi nhắc lại: tôi khuyên các vị không nên chờ đợi nữa! Phải quyết định ngay hôm nay. Ngay bây giờ.

Một người đàn ông trông còn trẻ, mặc áo vét, băng vải ba-ga, quần thể thao, ngồi ở hàng ghế trên cùng, đứng phắt dậy.

— Ông hãy cho biết phải bắt đầu bằng cái gì?

— Đầu tiên, nếu các vị muốn, hãy thuê tôi làm đại diện cho quyền lợi của các vị.

Hai ba trăm giọng nói đồng thanh kêu to:

— Phải, chúng tôi muốn.

Đến lượt ông chủ tọa đứng dậy, giơ tay yêu cầu trật tự. Rõ ràng ông ta rất bài lồng. Các phóng viên hào hứng theo dõi phòng họp đã trở nên huyên náo, sôi nổi.

Thế là đã có kết quả — đúng như Frimanton dự tính. Bây giờ mọi việc sẽ diễn ra theo đúng kiểu. Chỉ nửa giờ nữa hầu hết các bản hợp đồng trong cặp tay sẽ được ký, còn một số bản người ta sẽ mang về nhà, ở nhà họ sẽ bàn bạc thảo luận, và chậm nhất ngày mai họ sẽ gửi cho ông bằng đường bưu điện. Những người này không sợ ký vào đơn và đi ra tòa. Khi họ mua nhà họ đã quen cả hai việc... Và một trăm đô-la không phải là lớn, một vài người thậm chí còn cho thế là quá rẻ. Chỉ có một ít người sẽ làm tinh cung nhầm' trong đầu như Frimanton vừa làm

ban nãy. Nhưng dù cho họ có nêu ra vấn đề là tổng số tiền đó quá lớn, thì bao giờ, ông ta cũng có thể nói rằng, việc ông ta nhận được tiền hoa hồng nhiều như vậy chẳng qua vì ông ta phải bênh vực cho quá nhiều người.

Hơn nữa với số tiền ấy, ông ta sẽ cho họ xem vở kịch pháo hoa không tồi — cả ở tòa án, cả ở nơi khác. Ông liếc nhìn đồng hồ, đã đến lúc phải nói gọn lại. Bây giờ, khi ông ta đã gắn bó với họ, ông ta muốn củng cố quan hệ ấy và dụng ngay hồi đầu vở kịch. Cũng như tất cả những gì ông đã làm cho đến phút này, việc này cũng đã được ông tính toán trước, và chắc chắn sẽ phải lời cuộn chú ý của đặc giả các báo ngày mai nhiều hơn là bản thân cuộc mít-tinh. Ngoài ra, nó sẽ khẳng định điều ông đã nói là ông không mất thời gian vô ích.

Các diễn viên trong vở kịch sẽ là những người dân Médoud ④ mít-tinh, và Frimanton đã trù tính là tất cả những người dự họp sẽ tán thành rời phòng họp và chưa về nhà với trong một thời gian nữa.

Nơi hành động sẽ là sân bay.

Thời gian — tối nay.

11

Vậy là, vào khoảng thời gian khi Frimanton đang say sưa với thành công, thì một người nguyên là cai thầu xây dựng, tên là Đ.O. Gerrerô, quá phản uất và mệt mỏi trước những thất bại liên tục, đã quyết định đầu hàng cuộc sống và chấm dứt cuộc đấu tranh sinh tồn.

Gerrerô sống ở cách sân bay mười lăm dặm, y đang khóa trái cửa, ngồi trong căn buồng của một ngôi nhà tồi tàn chật chội ở ngoại ô phía nam thành phố. Căn buồng của y nằm ngay trên nóc một quán ăn ồn ào bần thiu ở phố 51, cách sân nuối súc vật không xa.

Đ. O. Gerrerô dáng người cao, gầy, lưng hơi gù. Trên khuôn mặt dài ngoẵng, cằm nhọn, ánh lèn đôi mắt sâu trũng, mệt mỏi, cặp môi mỏng tái nhợt như không còn máu, phía trên có hàng ria mép màu hung nhạt kẻ thành một đường nhỏ. Trên cái cổ ngang lộ rõ cục yết hầu nhọn. Mảng trán hói rất to làm cái trán trông có vẻ cao. Đôi tay lúc nào cũng như xoắn xoắn cái gì, mấy ngón tay không bao giờ đ𝐞 yên. Y hút thuốc liên tục, hết điếu này đến điếu khác. Tuy mới gần năm mươi nhưng trông y già hơn tuổi nhiều. Râu y không cạo, áo sơ-mi thì cũ bẩn, mồ hôi vã ra như tắm, mặc dù trong buồng vẫn mát mẻ.

Gerrerô cưới vợ đã mười tám năm nay. Cuộc hôn nhân của y tuy không thuộc số những cuộc hôn nhân rực rỡ nhất, song cũng có thể coi là may mắn.

Đ. O. — bạn bè và người quen thường gọi y như thế — và Inex Gerrerô sống với nhau một cách chấp nhận, và không ai nghĩ đến chuyện có thể lừa người bạn đời khác. Ít nhất, Gerrerô không bao giờ đ𝐞 y đến phụ nữ, công việc kinh doanh và những hoạt động tài chính hấp dẫn y hơn nhiều. Tuy vậy năm vừa rồi quan hệ vợ chồng giữa hai người bắt đầu rạn nứt, và Inex, tuy đã hối sức cố gắng, cũng không sao hàn gắn được. Nguyên do một phần là do những thất bại liên tiếp trong việc làm ăn, đưa gia đình từ chỗ sống tương đối sung túc đến chỗ nghèo khổ.

Gerrerô đành phải từ bỏ ngôi nhà rộng rãi sáng sủa với đầy đủ tiện nghi ở ngoại ô, tuy phải cầm đở với số tiền khá lớn, để chuyễn đến một ngôi nhà kém sang trọng hơn, rồi từ đó lại chuyễn đến căn hộ hai buồng trống huếch trống hoác, đầy gián này.

Mặc dù Inex hết sức đau khổ, ebi vẫn có thể can đảm chịu đựng tất cả mọi tai họa, nếu như chồng chị không ngày càng sinh ra lầm lỗi cau có, quát tháo đủ mọi chuyện không đâu, làm chị nhiều khi muốn nói chuyện với y cũng không được. Cách đây, chừng hai tuần, trong lúc điên lên, y đã đánh Inex chảy cả máu mồm máu mũi, sau cũng chả thèm xin lỗi một câu, mặc dù giá y xin lỗi thì dì nhiên chị đã tha thứ ngay. Để tránh những con điên có thể còn tái diễn của y, ebi mang hai đứa con đã lớn, một trai, một gái đến gửi nhà người chị gái lấy chồng ở Clivlond, còn mình thì ở lại với chồng và xin vào làm hầu bàn trong một tiệm cà-phê. Công việc tuy rất vất vả, lương lại ít, nhưng dù sao ebi cũng kiếm đủ nuôi miệng. Chồng chị hình như hoàn toàn chẳng quan tâm gì đến chị và cũng không để ý đến chuyện vắng mặt hai đứa con; tinh trạng y ngày càng nặng nề ưu uất, và càng ngày y càng làm lì ít nói hơn.

Lúc này Inex đang đi làm. Đ.O.Gerrerô ở nhà một mình. Lê ra y chẳng việc gì phải khóa cửa căn buồng ngủ nhỏ bé, nhưng y vẫn khóa để không ai có thể quấy rầy y.

Đ.O Gerrerô, cũng như nhiều nhân vật khác trong truyện này, đang chuẩn bị ra sân bay. Y đã có sẵn một chỗ — bằng chứng là tấm vé — trên chiếc máy bay của hãng Trans Omerico cất cánh ngày hôm nay, chuyễn hai « Argô vàng », đi Rôm. Tấm vé này hiện

đang nằm trong túi áo măng-tô của y đặt trên chiếc ghế lung lay bên cạnh y.

Inex Gerrerò không hay biết gì về chuyến bay đi Rôm cũng như về những lý do thúc đẩy chồng chí quyết định bay chuyến ấy.

Tấm vé đó là vé khứ hồi, giá bốn trăm bảy mươi tư đô-la. Thực ra, Gerrerò đã phải giờ trả gian lận mới được người ta bán chịu cho tấm vé ấy, Y chỉ phải trả tất cả có bốn mươi bảy đô-la, là số tiền y kiếm được bằng cách đem cầm đồ trang sức cuối cùng của vợ — chiếc nhẫn của mẹ vợ (Inex chưa biết chuyện cái nhẫn bị mất) — còn bao nhiêu y phải ký nhận sẽ trả nốt cùng với số phần trăm lãi, theo cách trả dần hàng tháng trong vòng hai năm.

Tuy nhiên, y hoàn toàn không có ý định trả món nợ này.

Lẽ ra không một hãng tài chính hay một nhà băng đứng đắn nào lại đồng ý cho Gerrerò mua chịu, dù chỉ một tấm vé ô-tô buýt đến thành phố gần nhất, chứ đừng nói đến vé máy bay, nhất lại là vé máy bay đi Rôm. Lẽ ra trước hết họ nên nghiên cứu tình hình làm ăn của y để phát hiện ra rằng đã nhiều năm nay y không có khả năng trả tiền, và hiện y đang còn cả một đồng nợ, còn công ty xây dựng nhà cửa *Gerrerò contrakting-incorporeited* của y, cách đây một năm đã tuyên bố phá sản.

Nếu tìm hiểu kỹ hơn nữa, người ta còn phát hiện thêm rằng, trong tám tháng gần đây, dùng tên vợ, Gerrerò đã tìm cách hùn vốn để buôn đất, nhưng cả chuyện này y cũng thất bại. Dĩ nhiên những món nợ của y vì thế ngày càng chồng chất. Và hiện giờ,

mấy cái trò gian lận mà y đã làm, cũng như việc y vẫn bị liệt vào số những người vỡ nợ, đang đe dọa y có thể bị truy tố và không tránh khỏi nhà tù. Ngoài ra, trên đầu y còn treo lơ lửng mối đe dọa khác, tuy không nghiêm trọng bằng, nhưng cũng khó mà thoát khỏi: đã ba tuần nay y không trả tiền thuê căn hộ tối tàn, và người chủ nhà đe ngày mai sẽ tống còng y ra khỏi nhà. Nếu bị đuổi thì hai vợ chồng y quả thực chẳng còn biết trú vào đâu.

Đ.O. Gerrerô đã hoàn toàn tuyệt vọng. Y không còn một phương kế nào nữa.

Ai cũng biết các hãng hàng không sẵn sàng cho nợ, và nếu việc trả nợ bị chậm trễ, thì bình phat cũng không đến nỗi nghiêm khắc lắm. Nói tóm lại, Gerrerô đã tinh hết mọi chuyện. Trong nhiều năm, từ ngày có ngành hàng không, hành khách đi máy bay không ngờ lại thật thà một cách lạ lùng, và phần lớn các hãng hàng không chỉ bị thiệt hại không đáng kể.

Những kẻ rủi ro kiêu như Gerrerô ít khi tìm cách giải quyết tình thế của mình bằng việc lừa lọc họ, vì thế các hãng hàng không — do thấy không cần thiết — đã không nghĩ ra một bộ máy cho phép họ có thể khám phá ra cái mưu kế mà Gerrerô sử dụng.

Chỉ cần hai thủ thuật hết sức đơn giản, y đã loại trừ mọi khả năng kiểm tra, dù chỉ là bề ngoài, tình hình tài chính của y.

Thứ nhất, y đánh máy sẵn một tờ « giấy chứng nhận, của hãng » bằng thứ giấy của cái hãng đã chết mà trước kia y là giám đốc (hãng khác, chứ không phải cái hãng bị phá sản), và ghi địa chỉ bưu điện riêng của y làm địa chỉ của hãng. Thứ hai, khi đánh

máy giấy chứng nhận ấy, y cõi tình viết sai tên đi, đánh chữ B thay cho chữ G ; như vậy, việc kiểm tra thông thường khả năng trả nợ của ông «Berrerò» nào đó sẽ không thể đem lại kết quả gì. Sau đó, khi mua vé máy bay, y xuất trình thẻ bảo hiểm xã hội và bằng lái xe thay cho giấy chứng minh thư, mà trong cả hai thứ giấy này y đã sửa sẫu chữ cái đầu trong tên của mình. Xong xuôi, y lại viết lại nó như cũ. Cuối cùng, khi điền vào bản khai nợ, y cõi ký tên mập mờ, để không ai đoán ra là Gerrerò hay Berrerò.

Kết quả là hôm qua, khi đưa cho y tấm vé, người bán vé đã ghi vào trong vé tên « Đ.O.Berrerò », và Gerrerò đã tính toán, cần nhắc mãi xem việc đó có ảnh hưởng gì đến kế hoạch của y hay không. Y cho rằng không sao cả, mọi việc sẽ trót lọt. Nếu sau này người ta có phát hiện ra, thì việc sai một chữ cái có thể được xem là do viết nhầm, vì không có chứng cứ gì chứng tỏ rằng y làm việc đó một cách cõi ý. Tuy nhiên, y vẫn quyết định khi làm thủ tục ở sân bay, y sẽ yêu cầu người ta sửa lại tên y cho đúng — cả trong bản danh sách hành khách, cả trong tấm vé của y. Điều tối quan trọng với y là phải được bay với đúng tên thật, để mọi chuyện xảy ra hoàn toàn êm thầm. Bởi y đã có âm mưu. Và âm mưu của y là làm nổ máy bay. Tất nhiên khi máy bay nổ thì cả người y cũng tan xác, nhưng tuy biết thế, y vẫn quyết định làm, bởi y cho rằng, cuộc sống của y không còn ích lợi gì cho ai nữa, cho cả y lẫn người khác.

Nhưng cái chết của y lại có thể có ích, và y đặt hy vọng chính là vào chuyện đó. Trước khi lên máy bay của hãng Trans O'mericos, y sẽ bảo hiểm sinh mạng y lấy bảy mươi lăm nghìn đô-la cho vợ con

y. Y suy tính : từ trước đến nay y chưa làm được gì cho vợ con, thì bằng hành động cuối cùng này y sẽ đều bù cho họ tất cả. Đó sẽ là sự hy sinh vì tình thương.

Trong bộ óc đã quẩn bách và mê muội đi vì cuộc sống của y, y cũng chẳng hề nghĩ đến phi hành đoàn cùng đám hành khách cùng bay với y và sẽ phải chết theo y. Cũng như nhiều người bị lâm thần khác, y coi những người khác chỉ là sự trở ngại cản thê xảy ra trên con đường thực hiện kế hoạch của y.

Y cảm thấy bình như y đã tính toán hết tất cả...

Chỉ cần máy bay vừa cất cánh, vấn đề làm cách nào y lấy được vé, sẽ không ý nghĩa gì nữa. Không ai có thể chứng minh rằng y có ý định không trả món nợ ghi trong phiếu, thậm chí nếu tờ « giấy chứng nhận của hãng » kia có bị phát hiện là giả mạo, — mà chắc rồi nó cũng bị phát hiện ra, — thì bản thân tờ giấy đó cũng chỉ có thể chứng minh rằng y đã vay nợ không hợp pháp. Và điều đó hoàn toàn không thể ảnh hưởng đến việc trả tiền bảo hiểm, vì hai sự việc này, về mặt pháp luật, không có liên quan gì đến nhau.

Y cố ý mua vé khứ hồi chính là để cho mọi người thấy rõ y không chỉ có ý định bay đến đó, mà còn quay về. Còn sở dĩ y chọn chuyến bay đi Rôm, là vì ở Ý y có người em họ mà y chưa gặp bao giờ, nhưng nhiều lần y nói ra miệng rằng y muốn đến thăm anh ta, Inex cũng biết chuyện đó. Như vậy ít ra việc đi Rôm của y sẽ có vẻ hoàn toàn hợp lý.

B.O. Gerrerô nghiền ngẫm trong đầu kế hoạch của y đã mấy tháng nay, trong khi hoàn cảnh của

y mỗi ngày một bế tắc hơn. Y đã tìm hiểu rất cẩn thận lại lịch những vụ tai nạn máy bay — những trường hợp máy bay bị nổ do con người cố ý gây ra để được nhận tiền bảo hiểm. Con số những vụ như thế không ngờ nhiều đến mức đáng kinh ngạc. Trong quá trình điều tra sau khi xảy ra tai nạn, chắc chắn người ta tìm ra nguyên nhân gây nổ, và nếu như thủ phạm còn sống, hắn sẽ bị đưa ra tòa xét xử như một kẻ giết người. Và phiếu bảo hiểm đương nhiên sẽ không còn giá trị.

Tất nhiên không thể nào hiểu được bao nhiêu phần trăm vụ tai nạn không khám phá ra phải quy cho là phá hoại. Cái chính là có thu được mảnh vỡ hay không. Nếu tìm được các mảnh vỡ của máy bay, những chuyên viên có kinh nghiệm sẽ ghép chúng lại với nhau, và dựa vào đó có thể khám phá ra bí mật của tai nạn. Nói chung họ có thể làm được chuyện đó. Nghĩa là, D.O. Gerrerò suy tính, phải nghĩ ra một kế hoạch như thế nào để cho không còn lại mảnh vỡ.

Chính vì lý do đó y đã chọn chuyến bay quốc tế bay thẳng một mạch không nghỉ đến Roma.

Phần lớn đoạn đường bay của chuyến hải « Argô vàng » là bay qua biển, và nếu như máy bay bị nổ ngay trên đó, thì sẽ không thể tìm thấy dấu vết gì cả.

Nhờ cuốn cẩm nang của hãng hàng không, trong đó, để thuận tiện cho khách, có ghi rõ đường bay và tốc độ bay, thậm chí người ta còn đề nghị « bạn hãy thử xác định xem bạn đang ở chỗ nào », Gerrerò tính được rằng, sau bốn giờ bay với gió tương đối thuận lợi, máy bay sẽ phải ở vào vị trí ngay giữa biển Atlantich. Gerrerò định trên đường đi sẽ kiểm

tra lại con tinh của mình, và nếu cần, sẽ sửa đổi lại. Việc đầu tiên là y sẽ nhớ chính xác giờ cất cánh, sau đó chú ý lắng nghe những thông báo mà trong lúc bay người chỉ huy phi hành đoàn thông báo qua đài. Có được những thông tin đó, y sẽ dễ dàng biết được máy bay có bị chậm, hay ngược lại, có sớm quá so với thời gian dự kiến không, và sớm chậm bao lâu. Sau đó, khi đến đúng vị trí đã định trước, — cách Niufaulend về phía đông khoảng tam trăm dặm — y sẽ cho min nô. Lúc ấy chiếc máy bay, hay đúng hơn, những mảnh vụn của nó, sẽ rơi thẳng xuống biển.

Và sẽ không bao giờ và không ai có thể tìm ra mảnh vụn nào của nó nữa.

Những mảnh xác máy bay sẽ vĩnh viễn chôn vùi dưới đáy đại dương Atlantich bí ẩn. Và sẽ không còn có thể điều tra phát hiện ra nguyên nhân vụ nổ, thậm chí họ có thể đoán ra sự thật, nhưng ai là thủ phạm, thì chẳng bao giờ có ai biết được điều gì.

Còn tiền bảo hiểm — do không có bằng chứng phá hoại — sẽ được trả đầy đủ cho người nhận.

Toàn bộ kế hoạch chung quy phụ thuộc vào một điểm — đó là chết nô.

Tất nhiên, thuốc nô phải mạnh để có thể làm nô máy bay, song còn một điều không kém quan trọng nữa là nó phải nô đúng thời điểm, vì thế Gerrerô quyết định giữ gói thuốc nô cạnh người và sẽ đích thân cho nô.

Và lúc này, ngồi trong căn buồng ngủ khóa kín cửa, y đang chuẩn bị hộp mìn, và tuy là một người xây dựng đã quen sử dụng chất nô, trong mười lăm

phút vừa qua mồ hôi trên người y vẫn vã ra như tắm.

Quả mìn gồm năm bộ phận — ba ống thuốc nổ, một ngoài nò có hai sợi dây điện thời ra ngoài, và một thời pin dài bán dẫn. Những ống thuốc nổ rất nhô — đường kính mỗi ống khoảng một phần tư *inch* và chiều dài chừng bảy *inch*, — nhưng cực mạnh, trong đó có chứa bốn mươi phần trăm nitroglycerin. Gerrerô kẹp chặt chúng với nhau bằng một dải băng cách điện màu đen, và đẽ nguy trang, y nhét tất cả vào trong cái hộp đựng bóng ngô, một bên thành hộp được khoét rất kín đáo.

Gerrerô bày thứ tự tất cả những thứ cần thiết lên tám ném cũ của chiếc giường mà y đang ngồi làm: chiếc kẹp gỗ đẽ phơi quần áo, hai cái đinh ghim, một miếng chất dẻo hình vuông và một dây — Cái «thiết bị» nhằm phá hủy chiếc máy bay trị giá sáu triệu rưỡi đô-la ấy. Gerrerô chỉ tốn chưa đầy năm đô-la. Và tất cả, kể cả số thuốc nổ còn thừa lại từ những ngày y còn làm cai thầu xây dựng, đều mua tại cửa hàng bán đồ gia dụng.

Ngay cạnh đó có đặt một chiếc va-li nhỏ, dẹt, thứ va ly mà các nhà kinh doanh thường dùng để đựng sách vở, giấy tờ. Gerrerô sẽ nhét gói thuốc nổ vào chính cái va ly ấy. Và y sẽ xách nó lên máy bay.

Y chế ra một thứ mìn hết sức đơn giản. Quá thực, Gerrerô nghĩ, nó đơn giản đến mức một người không bao giờ động chạm đến thuốc nổ, thậm chí không thể ngờ rằng cái thứ đồ chơi ấy lại có thể nổ được. Vậy mà nó lại nổ và sẽ làm máy bay vỡ tan ra từng mảnh, sẽ phá hủy tất cả.

Trong một ống thuốc nổ, và y khoét một cái lỗ sâu chừng một tấc rưỡi, rồi nhét bút chì vào. Sau đó y lôi bút chì ra, nhét vào đó một cái ngòi nổ có đường kính bằng thẽ. Từ cái ngòi nổ thời ra hai sợi dây điện có quấn lớp cách điện. Bây giờ chỉ cần cho dòng điện chạy qua hai sợi dây ấy — là cả ba ống thuốc nổ tung ngay.

Y dùng băng đinh gắn chặt cái hộp đựng bông ngô, trong có những ống thuốc nổ, vào thành trong của chiếc va-li. Bên cạnh hộp thuốc nổ y gắn thêm cái kẹp gỗ và thời pin sẽ dùng làm kíp nổ. Cái kẹp gỗ có lò xo bằng thép sẽ dùng làm cùi dao, và vào đúng lúc cần thiết sẽ cho dòng điện từ pin phóng ra.

Y nối một đầu sợi dây điện của ngòi nổ vào thời pin.

Hai tay y run run. Y cảm thấy mồ hôi chảy thành dòng dưới tấm áo sơ-mi. Lúc này, khi ngòi nổ đã được lắp vào hộp mìn, thi cần một sơ suất nhỏ, một động tác vụng về — là lập tức y sẽ tự làm nổ tung người y, căn buồng này và cả phần lớn ngôi nhà: tất cả sẽ tan thành từng mảnh.

Bây giờ đến lượt cái kẹp quần áo.

Y cầm vào má trong của mỗi bên tai kẹp một cái đinh ghim. Nếu ăn cái kẹp, hai tai kẹp có gắn đinh ghim sẽ chập vào nhau và dòng điện lập tức phóng qua. Còn bây giờ y nhét vào giữa hai tai kẹp một vật cách điện — đó là mảnh chất dẻo bình vuông.

Nín thở, y nối sợi dây điện của ngòi nổ và ống thuốc nổ vào một trong hai chiếc đinh ghim cắm trên kẹp gỗ. Bây giờ đến lượt sợi dây điện thứ hai.

Tím đậm thỉnh thích, y ngồi thở một chút rồi lấy khăn tay lau hai bàn tay đầm mồ hôi. Thần kinh y căng như dây đàn, bao nhiêu giác quan y đều tập trung hết mực. Tâm đệm trải giường dưới dit y rất mỏng, và lồi lõm, mỗi khi y đòi tư thế, chiếc giường sắt cũ lại rít lên ken két.

Y lại bắt tay vào làm. Hết sức cẩn thận, đầu tiên y nối sợi dây điện ngắn vào cực thứ hai của thỏi pin, sau đó vào cái đinh ghim thứ hai. Bay giờ chỉ có cái mảnh nhựa hình vuông là giữ cho hai đinh ghim không chạm vào nhau, còn khi nào chúng chạm vào nhau, lập tức có dòng điện chạy qua và làm nổ ngay.

Ở sát mép tấm nhựa dày khoảng một phần mươi sáu inch, y đùi một cái lỗ. Đ.O. Gerrerô cầm lấy mảnh dây, chỉ tiết cuối cùng trong toàn bộ quả nút còn nằm trên giường, — xuyên một đầu qua cái lỗ rồi buộc chặt lại, cố không làm mảnh nhựa xệ xích. Đầu dây kia y xuyên qua cái lỗ được đục sẵn ở thành vali, ngay chỗ tay cầm để không lộ. Hơi thả lỏng sợi dây phía trong vali, y buộc cái nút thứ hai ở bên ngoài — vừa đủ to để sợi dây khỏi tuột vào trong. Bay giờ chỉ có việc làm một cái khuyết bên ngoài — rất nhỏ, cốt sao xỏ vừa ngón tay, tựa như cái lỗ lọng treo cổ tì hon, — và cắt đi chỗ dây thừa.

Thế là xong.

Chỉ cần thò ngón tay vào vòng dây, và kéo nó lên ! Trong vali, tấm chắt dão sẽ tuột khỏi cái kẹp gỗ, hai sợi dây điện sẽ chập vào nhau. Một dòng điện chạy qua, và một tiếng nổ long trời sẽ vang lên phá tan tất cả.

Lúc này, khi công việc đã hoàn thành, Gerrerô thở phào nhẹ nhõm, chậm thuốc hút. Y cười nhạt,

nghĩ đến chuyện có nhều người, trong đó có cả những người chuyên viết truyện trinh thám, thường tưởng tượng ra những quả mìn pháo tạc biệt chủng nào. Trong các sách vở y thường thấy nói đến những máy móc thông minh, những sợi dây hickford, những chiếc đồng hồ kẹp lich tắc, hoặc xì xì, hoặc lách tách và muôn cho chúng mồi tặc dung chỉ cần quẳng chúng xuống nước. Thực ra chẳng cần phải pháo tạc như thế, chỉ cần vài vật dụng rất thông thường, hoàn toàn không tiêu thụyết tí nào — thế là xong một quả mìn ! Hơn nữa, là quả mìn rất đơn giản — chỉ cần y thò tay kéo sợi dây lên là không gì — cả nước, dạn, lẩn sự dũng cảm của con người, có thể ngăn được nó nè.

Rằng cần điều thuốc và mồi nheo lại vì khói, D.O. Gerrerô cần thận nhét vào va-li các thứ giấy tờ, đẽ che đi những ống thuốc nò, cái kẹp gỗ, dây điện, pin và sợi dây buộc. Y cố xếp thế nào để những tờ giấy không trôi đi trong va-li, và sợi dây nằm phia dưới vẫn có thể kéo đì kéo lại đẽ dàng. Thậm chí nếu vì lý do gì đó y phải mở va-li, những đồ vật bên trong trong vẫn hoàn toàn vô hại: Y đóng nắp va-li, rồi khóa nó lại.

Sau đó y nhìn cái đồng hồ báo thức rẽ tiền đặt ở cạnh giường — chiếc đồng hồ deo tay của y từ lâu đã được gửi cho người cho vay lãi. Đã hơn tám giờ chỉ còn chưa đầy hai tiếng nữa là đến giờ cắt cảnh, Đã đến lúc phải đi. Y sẽ đi xe điện ngầm đến nhà ga hành phố và từ đó sẽ đi ô-tô buýt của sân bay. Gerrerô giữ lại 11 tiền vừa đủ đẽ mua vé ô-tô buýt và trả tiền bảo hiệm. — Thế thôi. Lúc này y mới chợt nhớ ra rằng còn phải tính đến thời gian đẽ mua vé

bảo hiểm ở sân bay nữa. Y với vàng khoác áo măng-tô và xem lại tấm vé đi Roma của y có trong túi áo hay không.

Sau đó y mở cửa buồng ngủ, cầm lấy va-li, xách thật cẩn thận đi sang phòng khách nghèo nàn, chật chội. Còn một việc nữa. Thư cho Inex. Y tìm một mảnh giấy, cây bút chì, ngồi ngoài giày lát, rồi viết :

« Tôi sẽ vắng nhà vài hôm. Tôi đi xa. Hy vọng sẽ làm có ngạc nhiên vì những tin tốt lành »

Và ký tên : « Đ.O ».

Y lại suy nghĩ thêm giày nữa, cảm thấy trong người có cái gì như diu lại. Y đã hơi hãi tiễn lời lẽ ám áp trong mảnh thư này, vậy mà nó lại là cái gạch dưới cho mươi tám năm chung sống vợ chồng của y. Nhưng rồi y vẫn cho rằng nói như thế là đủ. Nói nhiều hơn có khi là sai lầm. Chỗ dù máy bay sẽ không còn lại cái gì, thì người ta vẫn phải điều tra cẩn kẽ mọi thứ, và danh sách hành khách sẽ được nghiên cứu bằng kinh hiền vi, khi đó, cả mảnh thư này lẫn tất cả những giấy tờ còn lại của y sẽ được nghiên cứu kỹ lưỡng. — Y đặt mảnh thư ở giữa bàn, nơi Inex không thể không chú ý đến nó.

Lúc bước xuống thang, Đ. O. Gerrerô nghe thấy nhiều giọng nói và tiếng nhạc vang ra từ máy hát tự động trong quán ăn. Một tay nắm chặt chiếc vali, y đưa một tay bẻ cõi áo măng-tô lên. Dưới mảng ngón tay đang nắm, chặt tay cầm của vali, y cảm thấy cái vòng dây rất giống thòng lọng treo cổ.

Khi y bước ra ngoài đường, tuyết vẫn đang rơi.

PHẦN HAI

(20 giờ 30 — 23 giờ 00)

Trở lại chiếc xe ấm áp của mình, Gió Patróni, thợ máy trưởng của hãng TWA, gọi điện về sân bay. Anh bảo cho họ biết anh vẫn còn đang kẹt trên đường tới sân bay — vì có sự cố giao thông — nhưng dù sao anh vẫn hy vọng sắp đến được sân bay. Thế chiếc máy bay của hãng Cereô-Méchxicòn ra sao rồi, anh hỏi, đã kéo được di chua? Người ta cho anh biết vẫn chưa kéo di được, mà đang rất cần phải giải phóng đường băng: cứ hai ba phút người ta lại gọi điện về hãng TWA hỏi Patróni đang ở đâu, liệu anh ta sắp đến chưa.

Sau khi sưởi một lát, Gió lại chui ra khỏi ô-tô, khom người ráo bước trên con đường ngập tuyết, đi tới chỗ chiếc xe đồ.

- Khung cảnh xung quanh chiếc xe chờ hàng có rõ-môóc bị đồ trống hệt như người ta bài trí để quay một cảnh cho phim màn ảnh rộng. Chiếc xe chờ hàng không lồ vẫn nằm ênh trên đường, chắn cả bốn làn đường ô-tô. Lúc này chiếc xe đã bị phủ một lớp tuyết dày, trông giống như một con khủng long

nằm chết giữa đường. Tuyệt tráng, ánh đèn sáng rực của những chiếc đèn pha và đèn quay nhấp nháy — tất cả những cái đó gây cho người ta cảm giác chuyện xảy ra giữa ban ngày. Những chiếc đèn pha được đặt trên nóc ba chiếc xe tải vừa được điều đến theo lời khuyên của Patróni. Những chiếc đèn quay đỏ rực thì nhấp nháy trên mui mây chiếc xe cảnh sát, cũng vừa được gọi đến hỗ trợ thêm — có cảm tưởng mây ông cảnh sát chỉ chăm chăm ló cho mẩy cái đèn nhấp nháy đó làm việc. Nói tóm lại, đúng là cảnh bắn pháo hoa ngày 4 tháng 7.

Cảnh tượng lại càng giống kịch trường hơn khi đoàn xe của hãng vở tuyển truyền hình kéo đến. Mấy chiếc xe của họ cứ nghênh ngang tiến vào từ hai bên đường, rù còi ầm lên và cho chiếc đèn nhấp nháy đặt trái phép trên mui xe chờ đỗ màu nâu của họ nhấp nháy liên tục. Với cái thói bất lịch sự vốn có do nghề nghiệp của họ, bốn anh chàng quay phim bắt đầu khua tay múa chân ra lệnh, làm như cái tai nạn này được xếp đặt dành riêng cho họ và tất cả những việc khác phải phục tùng ý muốn của họ. Các cảnh sát viên không những không để ý đến chiếc đèn nháy lắp trái phép trên mui chiếc xe chờ đỗ, mà còn theo lệnh của nhóm quay phim bắt đầu dùng tay ra hiệu cho những chiếc xe tải di chuyển chỗ.

Patróni, trước khi quay về xe của mình, đã giải thích cẩn kẽ cách bố trí mẩy chiếc xe tải thế nào để chúng có thể hợp lực kéo chiếc xe chờ hàng có rơ mooc ra chỗ khác. Lúc bỏ đi, Patróni thấy những người lái xe tải và công nhân được cử đến giúp họ đã bắt đầu móc những sợi dây xích to nặng vào chiếc xe chờ hàng và chiếc rơ-mooc, để sau đó sẽ nối

chúng lại, và công việc đó phải mất vài phút nữa. Cảnh sát sô sắng giúp Patróni, và viên trung úy cảnh sát vừa có mặt tại nơi có sự cố còn quát to ra lệnh cho những người lái xe tải phải nhát nhất tuân theo sự chỉ huy của Giò. Vậy mà bây giờ, những sợi dây xích đã bị tháo ra, chỉ còn lại một sợi đang được một anh chàng lái xe vừa nhe răng ra cười trước ống kính quay phim, dưới ánh đèn pha sáng rực, vừa loay hoay tháo nốt.

Đang sau máy quay phim và những chiếc đèn pha, hành khách của những chiếc xe đang bị kẹt, chen nhau đứng xem. Hầu hết người nào cũng mải mê xem người ta quay phim, quên cả cái lạnh ban đêm và cả việc họ đang muốn nhanh chóng rời khỏi đây.

Một cơn gió bất ngờ hất một nắm tuyết lâm vào mặt Patróni. Anh xốc vội cõi áo măng-tô lên, nhưng không kịp: tuyết đã lọt vào áo sơ mi và chiếc áo lấp túc bị trót sũng ngay. Khó chịu quá, nhưng không biết làm thế nào. Patróni tiến lại gần viên trung úy, hỏi:

— Đứa chó chết nào xoay lại những chiếc xe tải thế? Đặt thế thì đến cục cứt chúng cũng đêch kéo được, mà chỉ có húe vào nhau thôi.

— Tôi biết, thưa ngài. — Viên trung úy, vóc người cao lớn, vai rộng, đứng cao lèn khênh như cái tháp bên cạnh Patróni chân ngắn to bè, cõi vẻ luồng cuồng ra mặt. — Những mấy ông quay phim muốn cho tất cả được sáng hơn. Họ ở dài vò tuyển địa phương, họ muốn quay cảnh này cho phần tin hôm nay. — về trận bão. Xin ngài tha lỗi cho.

Một phóng viên quay phim quấn kínmit trong chiếc măng-tô ấm vẩy tay ra hiệu gọi viên trung úy,

ý bão muối quay anh ta. Viên trung úy vénh mặt lên, mặc cho tuyết đang rơi, và với dáng điệu chủ nhân, tiến lại chỗ chiếc xe tải người ta đang quay phim. Hai cảnh sát khác đi theo anh ta. Quay mặt lại ống kính, viên trung úy bắt đầu khoa chán múa tay làm hiệu cho người lái xe tải — những cử chỉ hoàn toàn chẳng có tác dụng gì, nhưng lên màn ảnh sẽ gây được ấn tượng.

Trong khi đó, nghĩ đến chuyện mọi người đang nóng ruột chờ mình ở sân bay, Patróni thấy giận sôi người. Anh chỉ truất lao vào cái đồng máy quay phim, đèn pha linh kinh kia, đập tan mè nổ hết đi. Các mạch máu anh cứ giật giật, tim đập mạnh. Nhưng anh cố kìm mình.

Patróni là người tính nóng như lửa không ai ngăn được; nhưng được cái may là không dễ ai có thể làm anh nản giận; nhưng một khi đã cát thì anh không còn chút bình tĩnh và tinh táo gì nữa. Cả đời anh cố gắng học cách giữ bình tĩnh, nhưng không phải bao giờ cũng thành công, mặc dù bây giờ chỉ cần nhớ lại một trường hợp mà anh đã biết tự kiềm chế.

Nhưng hồi đó anh chưa làm được như vậy. Và hồi ức về chuyện xảy ra đeo đuổi anh suốt đời.

Hồi chiến tranh thế giới thứ hai, Gió phục vụ trong không quân, và tuy chỉ chơi quyền anh nghiệp dư, anh vẫn được coi là đối thủ nguy hiểm. Anh là võ sĩ quyền anh hạng trung và có lần suýt được thay mặt sư đoàn tham dự giải vô địch quyền anh do đài BBC tổ chức tại chiến trường châu Âu.

Trong trận đấu tờ chửa tại Aob trước khi quân đội tiến vào Noocmandi ít lâu, anh phải đấu với một tay đội trưởng máy bay tên là Terri O'Hayl, một tên lưu manh du đãng ở Boston khét tiếng đều cảng cá trên vò dài lần trong cuộc sống. Khi đó Giò mới chỉ là thợ sửa chữa máy bay bình thường. Anh biết O'Hayl và không ưa gì hắn. Nhưng điều đó cũng không quan trọng, nếu như trên vò dài tên O'Hayl không giờ một thủ đoạn đã tính toán từ trước — lúc nào hắn cũng lầm bầm rít qua kẽ răng: «A mày, thằng người Ý bần thiú... Sao mày không chiến đấu ở phía bên kia, hả đồ con lợn? Chắc mày phải reo lên sung sướng mỗi khi chúng bắn rơi máy bay chúng tao phải không, hả thằng Đagô kia? » Rồi hắn còn lải nhài nhiều câu khác, đại loại như thế. Patróni biết thừa đó là thủ đoạn nhọc túc, cốt làm cho anh mất hồn hỉnh, song anh bỏ ngoài tai những lời lăng nhục ấy, cho đến khi O'Hayl, bất chấp cả luật, đâm anh hai cú vào dưới bụng, trọng tài thi cứ nhảy nhảy phía sau họ nên không nhận thấy những cú đâm ấy.

Những lời lẽ sỉ nhục, những quả đấm trái phép vào dưới bụng và cơn đau không chịu nổi cuối cùng đã có tác dụng, Patróni giận điên người, và đó chính là điều địch thủ của anh mong muốn, nhưng y không ngờ Patróni lại nỗi khùng một cách đột ngột và xông vào y một cách điên cuồng, tàn bạo như thế. O'Hayl ngã gục ngay xuống sàn, và khi trọng tài đếm đến mười thì y đã chết.

Người ta không kết tội được Patróni về chuyện đó. Mặc dù trọng tài không nhìn thấy những cú đấm trái luật, những khán giả đứng gần vò dài nhìn thấy. Nhưng dù họ không nhìn thấy chẳng sao, thì Patróni

cũng chỉ làm một việc đúng phép : anh thi đấu với hết khả năng và sức lực của mình. Chỉ riêng mình anh biết rằng trong một giây nào đó ý chí anh đã phản bội anh, và anh bị khùng lên. Sau này những lúc ngồi một mình, Patróni phải thú nhận rằng, ngay khi biết Ông đang hấp hối, anh vẫn không sao bình tĩnh lại được.

Sau trường hợp thảm ấy, anh không bỏ đấm bốc và không « treo găng » như người ta thường nói trong các tiểu thuyết. Anh vẫn tiếp tục đấm bốc trên võ đài với tất cả sức mạnh của anh, anh không cố gắng kiềm chế lầm, nhưng cần thận theo dõi để khỏi vượt quá ranh giới giữa sự tĩnh táo và mất trí. Và anh đã làm được chuyện đó. — Anh hiểu như vậy, vì chỉ cần anh uồi khùng, là lập tức lý trí sẽ đổi chọi ngay với bản năng thù tính và sê thảng. Lúc đó — và chỉ mãi lúc đó — Patróni mới từ bỏ quyền anh và thói không bước lên võ đài nữa cho đến những ngày cuối cùng của mình. Nhưng biết tự kiềm chế là một chuyện, còn tránh những cơn điên khùng như thế lại là chuyện khác. Vì thế khi viên trung úy cảnh sát quay lại sau khi đã làm diệu bộ chán chế trước ống kính máy quay phim, Patróni to tiếng ngay :

— Ông đã làm công việc chậm trễ đúng hai mươi phút. Chúng ta đã mất mươi phút để bố trí các xe tải, bây giờ lại mất mươi phút nữa để trả lại chúng vào vị trí cũ.

Vừa lúc đó một chiếc máy bay bay rít qua đầu họ, khiến Patróni chợt nhớ ra anh đang rất vội.

— Thưa ngài, — mặt viên trung úy vốn đã đỏ vì gió và lạnh, lại càng đỏ thêm. — Xin ngài nhớ cho rằng ở đây tôi là chỉ huy. Chúng tôi rất sung sướng

nhận sự giúp đỡ của bất cứ ai, kè cù của ngài. Nhưng người quyết định là tôi.

— Vậy thì ông hãy quyết định đi!

— Tôi sẽ làm cái gì mà tôi cho rằng...

— Không, ông sẽ phải nghe tôi. — Patróni quắc mắt nhìn viên cảnh sát cao lêu nghêu. Còn viên trung úy có lẽ đã cảm thấy nỗi tức giận ẩn chứa trong ánh mắt người thợ máy trưởng cùng cái thói quen ra lệnh của anh ta, nên lặng thinh không nói. — Ở sân bay tinh binh đang rất phức tạp. Tôi đã cho ông hay chuyện đó và nói rõ tại sao tôi cần có mặt gấp ở đây. — Như muốn nhấn mạnh lời mình, Patróni lại giơ điều thuốc cháy đỏ lên trời. — Có thể cả những người khác cũng có lý do vội, nhưng trước mắt hãy cứ biết cái lý do tôi đã nói với ông. Trong xe của tôi có máy điện thoại, tôi sẽ gọi điện về cho cấp trên của tôi. Cấp trên của tôi sẽ gọi điện cho ông và hỏi xem tại sao ông lại đi đóng phim cho vô tuyến truyền hình, trong khi lê ra phải làm phận sự của mình. Vì vậy, như ông vừa hàn hạnh cho biết, việc quyết định là thuộc quyền ông. Vậy ông có muốn nhức nhối không, bay đè tôi phải gọi điện thoại?

Vिन trung úy nhìn Giò và có cảm tưởng như anh ta sắp sửa trợn mắt lên với anh. Tuy rất tức, nhưng anh ta vẫn phải nhẫn. Rồi xoay hẳn cái thân hình hộ pháp lại phía mày nhà quay phim, anh ta quát to:

— Thời dẹp ngay tất cả những cái trò này đi! Các bạnJuân quân ở đây lâu quá rồi!

Một người phóng viên kêu qua vai:

— Vài phút nữa thôi, sếp!

Viên trung úy nhảy hai bước đến chỗ anh ta:

— Anh đã nghe tôi nói gì chưa? Dẹp ngay tức khắc, — Văn còn tức tối vì trận cãi nhau với Patróni, viên trung úy cúi xuống anh quay phim và anh này rùm người lại.

— Ô-ké! Ô-ké! — Anh ta vội vã vẩy tay ra hiệu cho mấy anh kia và những chiếc đèn pha vút tắt đi.

— Đặt hai chiếc xe tải vào đúng chỗ cũ đi — Những mệnh lệnh của viên trung úy bắn ra từ miệng anh ta như súng liên thanh. Các cảnh sát hối hả chạy đi thi hành mệnh lệnh. Còn anh ta thì đến gần Patróni, giờ lạy ra hiệu chỉ vào chiếc xe đó: rõ ràng anh ta muốn Patróni là đồng minh của anh ta hơn là địch thủ, — Thưa ngài, ngài vẫn cho rằng phải kéo nó sang bên vệ đường? Ngài chắc chắn là không thè nào dựng đứng nó lên được?

— Tất nhiên là có thè, nếu các ông muốn con đường này tắc đến tận sáng. Vì đầu tiên các ông phải dỡ hết hàng trên xe xuống, sau đó mới...

— Tôi hiểu, tôi hiểu! Thôi, ta quên chuyện đó đi. Cứ đành phải kéo nó ra ngoài đã, thiệt hại gì sẽ tính sau. — Rồi chỉ tay vào dây xe tắc nghẽn dài dằng dặc, viên trung úy nói tiếp: — Nếu ngài muốn thoát thật nhanh khi đường giải phóng xong, ngài hãy cho xe lách ra khỏi hàng và đành sẵn lên dây đi. Ngài có cần cho xe dẫn đường đến sân bay không?

Patróni gật đầu:

— Cám ơn.

Mười phút sau cái mõe cuối cùng của chiếc xe

kéo được nỗi xong. Những dây xích nặng trĩu cảng ra từ một chiếc xe ứng cứu và quấn xung quanh trục của chiếc xe đó. Những sợi dây cáp rất chắc nỗi những dây xích với cái tời trên xe ứng cứu. Dây xích của chiếc xe thứ hai nối với cái ro-mooc, còn chiếc xe thứ ba thì đặt phía sau cái ro-mooc để đây nó.

— Người lái xe chở hàng, chỉ bị xát xát nhẹ, mặc dù cũng bị đâm cùng với chiếc xe, thò dài nặng nề nhìn người ta làm.

— Các ông chủ của tôi không thích chuyện này tí nào! Vì chiếc xe gần như còn mới nguyên. Vậy mà các ông biến nó thành sắt vụn.

— Giống tôi chỉ làm nốt cái việc mà anh đã bắt đầu, — viên cảnh sát trẻ nói.

— Phải rồi, các anh thi cần gì, nhưng tôi bị mất công việc tốt. — người lái xe cảm nhận: — Có khi bây giờ tôi thử tìm việc gì nhẹ nhàng hơn. — tôi sẽ xin làm cảnh sát.

— Thì cứ việc — viên cảnh sát trẻ nhăn rồng ra cười.

— Theo ngài, bắt đầu kéo được chưa? — Viên trung úy hỏi Patróni.

Patróni gật đầu. Rồi anh cùi xuống kiểm tra xem những sợi dây xích và tời đã được móc vào nhau cẩn thận chưa.

— Nhưng phải kéo từ từ, đừng vội; — anh dặn — Đầu tiên hãy kéo chiếc xe chở hàng.

Chiếc tời của xe kéo thứ nhất bắt đầu làm việc, những bánh xe của chiếc xe tải bắt đầu trườn đi trên

tuyết, người lái xe tăng ga đè cẳng dây xích. Phần trước của chiếc xe chở hàng bắt đầu kêu ken két, nhích được khoảng hai fut, tiếng sắt kêu nghe rõ người, rồi lại dừng lại.

Patróni khua tay:

— Đừng dừng lại! Đây chiếc ro-moóc đi!

Những chiếc xích và dây cáp nối trực của chiếc ro-moóc với chiếc xe kéo thứ hai, căng ra. Chiếc xe kéo thứ ba áp sát vào mui chiếc xe chở hàng. Bánh xe của cả ba chiếc xe tải bò trên mặt tuyết ẩm đã bị đầm cứng. Chiếc xe chở hàng có ro-moóc nhích thêm được khoảng hai fut nữa trong tiếng hò reo của đám đông đứng xung quanh. Các phong viên vỗ tay, lai hoi hoi làm việc. Những chiếc đèn pha của họ tăng thêm ánh sáng cho công việc.

Trên mặt đường — ở chỗ chiếc xe đồ vừa nằm — còn lại một vết lõm rộng và sâu. Chiếc xe chở hàng có ro-moóc bị hư hại khá nặng, mui chiếc ro-moóc, bên phía thành xe bị kéo lê trên mặt đường, bẹp rộm. Cái giá phải trả — tất nhiên người trả là băng bảo hiểm — cho việc khôi phục anh giao thông gãy khá đắt.

Hai chiếc xe đòn tuyết phải làm việc ở hai phía chiếc xe bị đập, chúng phải đòn chõ tuyết đã đọng thành đống từ khi xảy ra sự cố. Lúc này cả người lái máy móc đều đã bị tuyết bám đầy — cả Patróni, cả viên trung úy, cả những cảnh sát khác, — tóm lại là tất cả những gì đứng ở ngoại trời.

Động cơ của những chiếc xe kéo lại rú lên. Từ dưới những bánh xe đang trườn trên lớp tuyết ẩm đã nén cứng, có khói bốc ra. Chiếc xe chở hàng không

lồ chật chạp nhích thêm hai, ba *insor*, sau đó thêm hai, ba *sut* nữa, rồi đi ra sát mép đường. Chỉ sau vài giây, chiếc xe chờ hàng đồ không còn chắn cả bốn làn đường nữa, mà chỉ còn chắn một làn đường trên quốc lộ. Bây giờ ba chiếc xe tải đã có thể dễ dàng kéo nó ra hẳn ngoài lề đường.

Nhung cảnh sát bắt đầu bấm đèn pin để giải tỏa sự üz tắc không lồ, công việc mà có lẽ phải mất vài tiếng nữa mới xong. Tiếng rít của chiếc máy bay bay vút qua đầu lại nhức Patrōni nhớ rằng, nhiệm vụ chính của anh vẫn còn ở phía trước.

Viên trung úy cảnh sát mà anh tiến lại gần, cởi mũ rơm rủi tuyết, rồi gật đầu bảo Patrōni,

— Bây giờ đến lượt ngài, xin mời ngài.

Từ ngoài lề đường, một chiếc xe đi tuân của cảnh sát tiến vào mặt đường. Viên trung úy chỉ chiếc xe:

— Ngài cứ đi theo xe này. Tôi đã dặn họ có xe ngài đi sau, và ra lệnh cho họ nhanh chóng mở đường cho ngài đến sân bay.

Patrōni gật đầu. Khi anh đã ngồi vào chiếc «Biuik» của mình, viên trung úy hép với theo anh:

— È, cảm ơn ngài!

2

Đội trưởng Vernon Dimitrest mở cửa tủ, lùi lại một bước, buýt lên một tiếng sáo dài.

Anh đang đứng trong bếp của Guen Maygen, trong «khu phố chiêu đãi viễn». Guen vẫn ở trong

buồng tắm: trong lầu chờ cờ, Dimirest quyết định
đi pha trà và anh đã mở tủ để tìm tách chén.

Cả bốn ngăn tủ trước mắt anh đầy ắp những chai
nước ngọt. Đó là những chai nhỏ, dung tích chừng
một unxø (1) ruồi, mà các hãng máy bay thường
phát cho hành khách trong khi bay. Trên phần lớn
các nhãn chai có dán thêm nhãn của hãng, và tất cả
các chai đều nguyên xi chưa mở. Làm nbanh cơn tính
trong đầu, Dimirest cho rằng ít nhất phải đến ba
trăm chai.

Tên đây anh đã nhìn thấy những chai rượu
của hãng trong phòng ngủ của các cô chiêu dài viễn.
Nhưng chưa bao giờ anh nhìn thấy một số lượng
như vậy.

— Còn một ít nữa trong buồng ngủ, — anh nghe
thấy sau lưng giọng nói vui vẻ của Guen. — Tui em
góp lại để liên hoan. Theo em như thế cũng khá đủ
đấy chứ, phải không anh?

Anh không nghe thấy tiếng chân cô bước vào
từ lúc nào, và quay lại. Trong cô tươi mát và xinh
đẹp làm sao! Kể từ khi họ bắt đầu quen nhau, lần
nào gặp cô anh cũng phải trầm trồ thán phục. Và lạ
thay, vào những phút như thế, vốn là người rất tự
tin vào tài chính phục đàn bà của mình, anh vẫn
phải lấy làm ngạc nhiên không hiểu sao Guen lại có
thể thuộc về anh. Cô mặc bộ đồng phục bó sát người
của hãng, nên trông càng trẻ trung. Khuôn mặt khoẻ
mạnh với gò má cao, hơi ngẩng lên, mái tóc dày
đóng mượt ánh lên dưới ánh đèn. Đôi mắt sầm sầu
thâm nhìn anh mỉm cười với vẻ hài lòng ra mặt.

(1) Unxø: đơn vị trọng lượng Anh, bằng 29,88 gam.

— Anh có thể hôn em được, — cô nói, — Em chưa
trang điểm.

Anh mỉm cười: giọng nói du dương trong trẻo
hơi pha giọng Anh càng làm tăng thêm vẻ quyến rũ
của cô. Giống như nhiều cô gái tốt nghiệp ở các
trường tư thục Anh đãt tiền ra, Guen đã học được
tất cả những cái hay nhất trong cách phát âm tiếng
Anh. Thỉnh thoảng Dimirest cố tình lôi kéo Guen vào
câu chuyện cũng chỉ cốt để được nghe giọng nói mè
li quyến rũ của cô.

Những lúc này họ đang đứng ôm chặt lấy nhau
và đôi môi của cô khao khát đáp lại những cái hôn
của anh.

— Không! — Bất ngờ Guen đẩy anh ra và tuyên
bố một cách cương quyết. — Không nên; anh Dimi-
rest. Lúc này không nên.

— Tại sao? Chúng ta còn thời gian kia mà! —
Giọng Dimirest nghe khàn bần đi, lờ vê sốt ruột.

— Em đã bảo là em có chuyện muốn nói với anh;
nên không có đủ thời gian để làm cả hai việc. — Guen
sửa lại chiếc somi tuột ra khỏi váy.

— Trời ơi! — anh cảm nhận — Em làm anh phát
diễn lên, rồi em. Thời được, để đến Néapôl vậy. —
Anh khẽ hôn vào má cô một cái. — Trong lúc chúng
ta bay đi châu Âu, em hãy nghĩ rằng anh đang ngồi
trong buồng lái và đang bị nóng chảy ra nhé.

— Không sao, em sẽ lại làm cho anh đồng lại.
Anh có thể tin ở em.

Rồi cô cười Khanh khách, nẹp đầu vào ngực anh,
dưa mấy ngón tay dài thanh tú vuốt lên má và thọc
vào mái tóc anh.

— Trời ơi, — anh thở dài — bây giờ em đã biết
tỏ ra biết điều rồi đấy.

— Một chút thôi. — Rồi Guen gỡ tay anh ra khỏi
eo lưng cô. Sau đó cô quay người, đi lại gần chiếc
tú anh vừa mở.

— Khoan đã, em chưa giải thích cho anh biết,
thế nghĩa là thế nào. — Dimirest chỉ vào những cái
chai nhỏ có nhãn hiệu của hãng đồ trong tủ.

— Cái này ấy à? — Guen nhíu lông mày nhìn
bốn cái chất đầy những chai nước ngọt và làm
về mặt như người bị mắng oan. — À, đó là chút đồ
thứa mà hành khách không dùng đến. Ông đợi
trưởng, chả lẽ ông định tố giác em về những đồ
thứa này sao?

— Thứa gì mà nhiều thế? — anh nói giấu.

— Sao lại không? — Guen lấy ra một chai « bi-
filter » rồi lại đặt vào, rồi lại cầm chai khác — chai
ûytksi « Canadian Club » — Dù sao cũng có thể khen
hãng một điều, là rượu họ mua là thứ rượu hảo hạng.
Anh có uống không?

— Anh tắc đầu.

— Em có thể mời anh thứ gì tốt hơn không?

— Có, nếu anh không định tỏ ra là một quan tòa
nghiêm khắc.

— Chẳng qua anh không muốn em bị tai vạ.

— Chẳng ai bị làm sao hết, mặc dù ai cũng lấy.
Anh thử nghĩ xem, mỗi hành khách hạng nhất được
phép uống hai chai, nhưng có người chỉ uống một
chai và bao giờ cũng có người hoàn toàn không uống
tí gì.

— Nhưng trong nội quy có nói phải trả lại những chai nguyên.

— Trời ơi ! Thế bọn em vẫn làm thế : chúng em trả lại hai, ba chai gọi là để làm phép, còn bao nhiêu tu lịem chia nhau. Cá rượu cũng thế. — Guen cười khinh khích — chúng em rất thích những ông khách gọi rượu lúc sắp sửa hạ cánh. Lúc ấy chúng em hoàn toàn có thể mở chai rượu, rót cho ông ta một cốc, còn thừa thì...

— Rõ rồi, còn thừa bao nhiêu đem về nhà chứ gì ?

— Anh có muốn xem không ? — Guen mở cánh cửa tủ bên kia. Trên các ngăn tủ, có đến gần một tá chai rượu.

Dimiresi khẽ nhếch môi cười.

— Chà chà !

— Nhưng không phải của mình em. Con bé cùng phòng và một đứa nữa ở phòng bên cạnh giao cho em giữ hộ — để dành để liên hoan. — Cô cầm lấy tay anh. — Tất nhiên là anh sẽ đến dự chứ, phải không.

— Nếu được mời, có lẽ anh sẽ đến.

Guen đóng cửa tủ lại.

— Anh cứ yên chí, thế nào anh cũng được mời.

Họ đi xuống bếp, và cô rót trà anh vừa pha vào cốc. Anh ngắm nhìn từng cữ chỉ của cô. Guen có biệt tài là ngay cả cái việc uống trà quai loa này cô cũng biết cách làm cho nó trở thành hết sức long trọng.

Bây giờ, khi cô mở tủ khác lấy ra mấy cái tách và Dimiresi nhìn thấy chúng cũng có nhãn hiệu của

hang Trans Omerica thì anh chỉ khẽ cười thầm. Anh không nên tỏ ra quá khe khắt khi nhìn thấy những cái chai có nhãn hiệu của hàng hàng không. anh nghĩ : thực ra những mảnh khóc này của các cô chiêu dãi viên chẳng phải bí mật gì đối với ai. Anh chỉ ngạc nhiên một điều là không ngờ số lượng nhiều đến thế.

Anh biết, tất cả các cô chiêu dãi viên đều hiếu ra khá nhanh rằng, việc tiêu sài tiết kiệm thức ăn dự trữ trong các kho trên máy bay có thể cải thiện rõ rệt cuộc sống ở nhà của họ. Khi lên máy bay, họ mang theo những chiếc vali còn rỗng một nửa, để sau đó nhét thức ăn thừa vào đấy, nhưng toàn là những thức ăn ngon, vì hàng hàng không chỉ mua những thức ăn ngon nhất. Những chiếc phích không khi rời khỏi máy bay cũng biến thành đầy nước mặn, đôi khi cả rượu sâm banh nữa. Thậm chí có người quả quyết với Dimirest rằng, một cô chiêu dãi viên thảo vát có thể bớt được một nửa chi tiêu ở các cửa hàng không. Chỉ trên những chuyến bay quốc tế các cô mới thận trọng hơn, vì theo nguyên tắc, khi máy bay vừa hạ cánh, toàn bộ số thực phẩm thừa phải được bùy ngay.

Dĩ nhiên tất cả các hàng hàng không đều nghiêm cấm làm tất cả những chuyện đó, song chúng vẫn xảy ra như thường.

Các cô chiêu dãi viên thừa biết rằng, sau khi chuyến bay kết thúc, sẽ không có cuộc kiểm kê nào cả. Thứ nhất là vì không có thời gian làm chuyện đó ; thứ hai, các hàng hàng không thấy bồi thường thiệt hại còn rẻ hơn là làm to chuyện ra. Rút cuộc nhiều cô chiêu dãi viên nhờ thế mà kiếm được nhiều

vô kẽ chăn, gối, khăn mịt, khăn lót băng lạnh, ly uống rượu, thậm chí cả những bộ đồ ăn. Vecnon Đimirest nhiều lần ghé vào chơi chừng «tổ ấm» mà hầu như tất cả những đồ dùng hàng ngày trong đó đều là từ trong kho của các băng hàng không ra.

Giọng nói của Guen xen vào dòng suy nghĩ của anh.

— Em muốn nói với anh điều này, Vecnon : em có mang !

Cô nói ra câu đó hơi nhanh quá làm anh chưa hiểu ý nghĩa của nó. Vì thế anh sững sốt hỏi lại :

— Em làm sao ?

— Em có mang : mờ à mà mờ mang !

— Em không phải đánh vần, — anh câu kinh ngạc lời cô. Nhưng óc anh vẫn chưa muốn tiếp nhận điều anh vừa nghe được, — Em có tin chắc như thế không ?

Guen phả lên cười bằng cái giọng cười vang lạnh lạnh nghe rất dễ chịu của cô, rồi nhấp một ngụm trà. Đimirest thấy cô có vẻ khoái chí trước sự bối rối của anh. Nhưng lúc này trong cô lại càng duyên dáng, quyến rũ hơn lúc nào !

— Anh yêu ơi, — cô nói, — câu hỏi của anh nhảm cũ quá, y như thế giới này vậy ! Trong tất cả các truyện em đọc, người đàn ông gào trong trường hợp này cũng đều hỏi : «em có tin chắc như thế không ? »

— Quỷ bắt em đi, Guen ! — Đimirest nói khùng. — Dù sao em có chắc như vậy không ?

— Tất nhiên. Nếu không em đã chẳng nói với anh làm gì. — Cô giơ tay với tách trà trước mặt anh. — Anh uống trà nữa không ?

— Không!

— Rất đơn giản thôi, — Guen vẫn điềm tĩnh. — Chuyện đó xảy ra vào cái lần « xả hơi » của chúng mình ở Xan Franxitxéô. Anh có nhớ hôm ấy chúng mình ngủ lại ở một ô-ten sang trọng trên Hob-Hill, nơi nhìn ra cửa sổ có phong cảnh rất đẹp... Cái ô-ten ấy tên là gì nhỉ?

— « Feirmont ». Phải, anh nhớ rồi. Em nói tiếp đi.

— Đấy : em sợ là hôm ấy em đã sơ suất. Em không uống thuốc nổ vì em bắt đầu béo ra, với lại em cứ nghĩ hôm ấy không có gì đáng ngại cả, nhưng rõ ràng em đã tinh nhầm. Tóm lại là do sự sơ suất của em mà bây giờ trong bụng em có chủ Vénon Dimirest và hon đang ngày càng lớn dần.

Không khí trở nên im lặng. Sau đó anh áp úng nói :

— Lẽ ra anh không nên hỏi em...

Cô ngắt lời anh.

— Không, anh phải hỏi chứ. Anh có quyền hỏi. — Đôi mắt xanh sẫm của Guen mở tròn nhìn thẳng vào mắt Dimirest. — Anh muốn biết, ngoài anh ra có ai khác không, và em có chắc đó là con của anh không, đúng vậy không ?

— Guen này...

Cô khẽ chạm vào tay anh.

— Anh không cần giữ ý làm gì. Bất cứ người nào ở địa vị anh cũng phải hỏi câu đó.

Anh khoát tay có vẻ đau khổ.

— Em quên chuyện ấy đi và tha lỗi cho anh.

— Nhưng em sẵn sàng trả lời anh, — cô nói nhanh hơn và lộn xộn hơn. — Không có ai khác cả. Vì không thể cô Anh biết đây,... bởi vì em yêu anh. — Lần đầu tiên cô nói không nhìn anh. Rồi ngừng một lát, cô tiếp: — Em nghĩ rằng em yêu anh, thậm chí em tin chắc là em yêu anh... em đã yêu anh ngay từ trước chuyến đi Xan Franxitzeo của chúng ta. Ngày giờ, nghĩ lại chuyện đó, em vẫn thấy sung sướng vì đã xảy ra như vậy, vì phải yêu người mà mình có con với người ấy chứ, phải không anh?

— Nghe anh nói đây, Guen, — Anh đặt tay lên tay cô. Những ngón tay của Dimirest thanh mảnh nhưng rắn chắc, vốn quen chỉ huy và bắt người khác phục tùng, nhưng cũng biết vuốt ve dịu dàng. Lúc này chúng cũng đang áu yếm vuốt ve tay cô. Vốn thô lỗ và hay gắt gỏng với đàn ông, Dimirest lại hết sức dịu dàng với những phụ nữ mà anh thích. — Chúng ta phải nói chuyện nghiêm túc với nhau và bàn bạc cẩn kẽ mọi chuyện. — Lúc này, khi đã bình tĩnh lại sau tin bất ngờ, anh mới sắp xếp lại được ý nghĩ. Anh đã hiểu ra phải làm gì bây giờ.

— Anh không cần phải làm gì hết — Guen ngẩng đầu ra sau, giọng cô vẫn bình thản. — Và anh cũng đừng lo : em sẽ không gây chuyện gì rắc rối để ảnh hưởng đến cuộc sống của anh đâu. Em sẽ không làm chuyện như thế. Vì em biết em đi đến đâu, em biết trước chuyện đó cô thè xảy ra. Quả thật em cũng không ngờ, nhưng chuyện đã xảy ra rồi. Và sở dĩ hôm nay em quyết định nói với anh, là vì đứa bé đó là của anh, và anh cần phải biết. Ngày giờ, khi anh đã biết rồi, em xin nói : anh có thể yên tâm. Tự em em sẽ thu xếp mọi chuyện.

— Em đừng giận, tất nhiên anh sẽ giúp đỡ em.
Anh chắc em không nghĩ rằng, anh sẽ rũ bỏ em và
làm ra về chuyện đó không liên can gì đến anh. —
Nhưng anh ngã thầm : « Cái chính là không nên để
kéo dài : càng sớm thoát khỏi cái thai trớ trêu này
bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Có lẽ phải hỏi thêm,
xem có ta có mè tín lầm không : có có định kiến gì
chuyện phá thai không ? ». Trong những lần nói
chuyện với Dimirest, chưa lần nào Guen đã động
đến chuyện đi đạo, nhưng nhiều khi những người
ta ít ngờ nhất lại là người theo đạo. Anh hỏi :

— Em có theo đạo thiên chúa không ?

— Không.

Thế thi may, anh nghĩ. Nếu vậy có lẽ phải khuyên
cô ta bay đi Thụy Sĩ sớm — chỉ mất vài ngày thôi.
Trong chuyện này hãng Trans — Omérico tất nhiên
nhiên sẽ giúp đỡ. — Các hãng hàng không bao giờ
cũng giúp trong những trường hợp như vậy, nhưng
với điều kiện là về mặt chính thức, họ coi như
không hay biết gì : chỉ cần nhắc xa xôi đến việc phá
thai, chứ không cần nói thẳng ra từ ấy. Khi đó Guen
có thể bay bằng máy bay của Trans Omérico đi
Pari, rồi từ Pari bằng « Er Frang » sẽ đưa cô đi Xô-cô-
khôm — theo vé nội bộ, trên cơ sở tương trợ lẫn
nhau. Tất nhiên, tuy được bay đi Thụy Sĩ không mất
tiền, cô vẫn phải trả một số tiền khá lớn cho việc
phẫu thuật. Các nhân viên hàng không thường nói
dùa với nhau rằng, mấy ông bác sĩ Thụy Sĩ không
chỉ làm sạch ruột, mà còn sạch cả túi tiền khách hàng
nữa. Nhưng dù sao phi tần nói chung cũng rẻ hơn
nhiều so với ở Nhật. Nhiều cô chiêu dãi viễn bay đi
Tôkiô và nạo thai ở đó mất nấp mươi đô-la. Nhưng

không hiểu sao Dimirest vẫn thấy Thụy Điển hay Thụy Sĩ là những nơi đáng tin cậy hơn. Anh đã có lần tuyên bố, nếu như có cô chiêu dài viễn nào bị chửa với anh, cô ta sẽ được nạo thai ở bệnh viện hàng nhất.

Nhưng việc xảy ra với Guen lúc này chẳng đúng lúc tí nào và làm hỏng hết mọi kế hoạch của anh: anh đang dự định mở rộng ngôi nhà và đã phải vượt quá ngân sách. Chẳng có cách nào khác, anh buồn bã nghĩ thầm, đành phải bán vài cỗ phiếu đi vậy — có lẽ nên bán cỗ phiếu của « Giénérat Bainamikx », anh đã kiếm được khá nhiều ở các cỗ phiếu ấy và đã đến lúc phải dùng đến lối của chúng. Khi nào họ đi Rôm... và Napoli về, phải gọi điện ngay cho người môi giới.

Và anh hỏi:

— Nhưng em vẫn bay đi Napoli với anh chứ?

— Tất nhiên. Em mơ ước chuyến bay này từ lâu rồi. Với lại em vừa mua được chiếc vé ngủ mới. Tôi mai anh sẽ được xem...

Anh đứng lên, nhếch môi cười.

— Một con đàn bà trẻ trèn.

— Một con đàn bà có chửa trẻ trèn, và yêu anh cũng trẻ trèn. Thế anh có yêu em không? — Cố tiến lại gần anh và anh bắt đầu hôn cô — vào môi, vào má, vào tai, và cảm thấy hai tay cô vิt chặt lấy cô anh. Anh thì thào:

— Anh yêu em. — Lúc này Dimirest tin chắc là anh nói thật.

— Vecnon, anh yêu của em!

— Em bảo gì?

Mà cô áp vào má anh sao mà mềm mại. Giọng cô nghe trầm trồ — cô gục mặt vào vai anh nói:

— Em đã nói với anh thế nào, thì sẽ đúng như thế. Anh không cần phải giúp đỡ em. Trừ phi anh thực lòng muốn giúp.

— Anh thực tình muốn giúp em mà. — Anh quyết định trên đường ra sân bay sẽ thăm dò trước chuyện phá thai.

Guen gõ tay người ra khỏi tay anh, nhìn đồng hồ: tám giờ hai mươi.

— Thời đến giờ rồi, ông đợi trường. Bi thời!

— Anh nghĩ rằng, chắc em đã hiểu; em chẳng việc gì phải lo cả. — Dimirest vừa lái xe vừa nói. — Các hằng hàng không đã quen với chuyện các cô chiêu dài viên chira chồng của họ có chira. Chuyện đó xảy ra như cùm bửa. Theo thống kê mới nhất, mỗi năm có khoảng mươi phần trăm các cô chiêu dài viên có chira.

Lúc này, anh hài lòng nghĩ rằng, họ đã tiến gần đến thực chất vấn đề. Tuyệt lầm! Văn đê quan trọng là phải đứng đè Guen rời vào những chuyện tình cảm ngu ngốc liên quan đến đứa con tương lai này. Dimirest biết rằng, nếu cô ta quá đà cảm trong chuyện này thì bắt chấp sự khôn ngoan và là phải, cô sẽ xảy ra những chuyện ngu xuẩn nhất.

Anh lái xe cầm tay — bao giờ anh cũng thận trọng với bất cứ máy móc nào, dù là ô-tô hay máy bay. Đường phố ở ngoài ô bị phủ lớp tuyết dày, mặc dù chúng vừa được dọn lúc anh đi từ sân bay đến nhà Guen. Tuyết vẫn tiếp tục rơi, và ở những nơi không có gì chắn gió, nhất là nơi không có nh

cửa, tuy ~~đã~~ đã thành những đồng cao. Đèi trướng Dimiresi cần thận cho xe tránh những đồng tuyết. Anh chẳng thích thú tí nào nếu xe bị kẹt giữa đường hầm anh phải chui ra khỏi xe, dù chỉ một chút, trong khi họ chưa tới được nhà đè xe của hầm Trans-Omérico.

Guen ngồi thoải mái cạnh Dimiresi trên đệm ghế bọc da, ngập ngừng hỏi:

— Chả lẽ... Chả lẽ đúng là hàng năm, cứ trong một trăm cò chiếu dài viên thi có mười cò cò chưa thật sao?

— Tất nhiên không phải năm nào cũng đúng như thế, nhưng con số nói chung là như vậy, — anh khẳng định. — Những viên thuộc tất nhiên có là thay đổi tỷ lệ đó, nhưng theo anh biết, thì không bao nhiêu. Với tư cách là một trong những người lãnh đạo Hội của anh — anh được thông báo những con số như vậy. — Anh ngừng lại chờ phản ứng của Guen. Nhưng thấy cò không nói gì, anh lại tiếp: — Không nên quên một điều, là phần lớn các cò chiếu dài viên đều xuất thân từ những gia đình nông thôn, và nếu có ở thành phố, thì cũng thường là từ những gia đình nghèo. Họ lớn lên ở những nơi xa xôi hẻo lánh, mức sống bình thường. Rõ ràng nhanh trước mặt họ mở ra cuộc sống khác hẳn: những thành phố mới, những căn phòng sang trọng trong những khách sạn đắt tiền, tiếp xúc với những người quý vị. Tóm lại là họ bắt đầu quen dần với *la dolce vita* (¹) — Anh cười khẩy. — Kết quả là nhiều khi cẩn sẽ đọng lại trong đáy cốc.

(1) Cuộc sống ngọt ngào dễ chịu.

— Thật là ghê tởm ! — Lần đầu tiên trong suốt thời gian họ quen nhau, Guen tức giận. — Thật là tớ phu ! — Cô căm phẫn nói tiếp. — Chỉ có một từ: đàn ông. Vậy thì, nếu trong cái cốc của em, hay trong con người em có đong lại cái gì, thì xin anh nhớ cho rằng đó chính là của anh, mặc dù chúng ta không hề có ý định để lại cái gì, em thì em muốn tìm cách diễn đạt khác. Hơn nữa : em hoàn toàn không thích cái lối anh gán em vào một loại với tất cả những cô gái « tầng lớp nông thôn » hoặc những « gia đình nghèo » khác.

Hai má Guen đỏ bừng, mắt cô ánh lên giận dữ.

— Ô, anh rất thích vẻ tức giận của em. — Dimirest nói.

— Những nếu anh còn tiếp tục cái giọng ấy, anh sẽ không phải than phiền rằng cái vẻ ấy ở em đã thay đổi.

— Chắc lẽ những lời anh nói ghê tởm đến thế sao ?

— Thật không thể chịu nổi.

— Thôi, anh xin em đừng giận. — Dimirest giảm tốc độ rồi dừng lại cạnh chiếc đèn đường đang phát ra những chấm sáng đỏ qua màn tuyết rơi. Họ im lặng chờ đèn bật lên màu xanh rực, rõ như trong thiếp mừng lễ giáng sinh. Khi xe lại tiếp tục chạy, anh dịu giọng nói : — Không bao giờ anh có ý định xếp em vào loại nào cả, vì em là trường hợp đặc biệt. Em là người con gái thông minh, và em bị lừa vào chuyện không may chẳng qua vì sơ suất thôi. Chính em đã nói như thế. Chẳng qua cả anh lẫn em đều không cần thận.

— Thời đó rồi, không nói chuyện ấy nữa. — Cơn nồng giận của Guen đã trôi qua. — Nhưng anh đừng bao giờ đánh giá em qua những người khác. — Em là em, chứ không là bắt cứ người nào khác.

Họ im lặng một lúc. Sau đó Guen mở màng nói:

— Có lẽ chúng ta sẽ đặt tên cho nó như thế.

— Em bảo đặt tên cho ai và như thế nào?

— Em nhớ đến chuyện đã nói với anh. — chuyện có chủ bè Vecnon Dimirest đang ở trong bụng em ấy. Nếu đó là con trai thì khi nào đẻ ra chúng ta sẽ gọi là Vecnon Dimirest — con, như kiều người Mỹ thường gọi.

Bản thân anh cũng không thích tên mình lầm, nên anh toàn nói: « Anh hoàn toàn không muốn con trai của anh tên là... » nhưng anh kìm được. Nói như vậy thì nguy rồi.

— Guen ạ, chẳng qua anh chỉ muốn nói cho em biết, những hằng háng không đã quen với chuyện đó. Em có biết cái quyết định tên là « mốt-ba » hay « Ba điểm về việc có chửa » không?

Cô đáp gọn lón:

— Không.

Tất nhiên Guen có biết văn bản này. Hầu như có chiêu dãi, viên nào cũng biết rõ việc các hằng háng không có thể giúp họ cái gì trong trường hợp có chửa — tất nhiên là nếu người chiêu dãi viên chấp nhận một số điều kiện. Ở hằng Trans Omérico người ta thường gọi văn bản đó là quyết định « 3 — ĐCB ». Ở các hằng khác tên gọi của nó khác và những điều kiện cũng hơi khác, song về nguyên tắc thì ở đâu cũng giống nhau.

— Em biết một vài cô đã nhờ đến sự giúp đỡ của quyết định này. — Guen nói. — Nhưng không bao giờ em nghĩ rằng em sẽ phải nhờ đến nó.

— Đa số các cô ấy có khi cũng không tình trước như vậy.

— Dimirest im lặng rồi nói tiếp: Nhưng em khôi lo. Các hàng hàng không cũng không muốn quảng cáo nhiều cho chuyện đó, và mọi việc được làm hết sức kín đáo. Chúng ta còn bao nhiêu phút nữa nhỉ?

Guen chia tay, tay đeo đồng hồ lại gần hàng máy có ánh sáng:

— Chúng ta sẽ đến kịp.

Anh thận trọng lái xe ra lùn đường giữa mà vách của nó chỉ có thê thoán mò dưới lớp tuyết, để tránh một chiếc xe tải cồng kềnh. Có mấy người, chắc là trong đội ứng cứu, đang đứng trên bậc xe, tay bám vào thành xe. Quần áo của họ uớt sưng, trông nét mặt nệt mồi, vát và. Và Dimirest nghĩ thầm: « Không biết họ nghĩ gì khi biết rằng chỉ mấy tiếng nữa mình và Guen sẽ được đào chơi dưới ánh nắng rực rỡ của Néapón? »

— Thực ra em cũng chẳng biết nữa — Bỗng Guen lên tiếng — Em chẳng biết em có đủ sức để nhờ đến cái quyết định ấy không.

Cũng như Dimirest, Guen hiểu rõ lý do vì sao bạn giám đốc sân bay phải thảo riêng văn bản về trường hợp có mang của các chiêu dài viễn. Không một hàng hàng không nào muốn mất chiêu dài viễn của mình. Việc đào tạo các cô thật tốn kém, và một cô chiêu dài viễn lành nghề là cả một số vốn đầu tư lớn. Hơn nữa, cũng không dễ gì tìm được những cô

gái vừa có nhan sắc, lại vừa có tác phong địa đàng duyên dáng.

Chương trình giúp đỡ được linh hoạt thế nào để cô thể thực hiện được dễ dàng, thuận tiện. Nếu cô chiêu dãi viên có mang không có ý định lấy chồng, thì tất nhiên sau khi chữa xong, cô ta muốn quay lại làm việc, và hàng hàng không thường cũng chỉ mừng được cô ta quay trở lại. Vì thế, theo chương trình, cô ta sẽ được hằng cho nghỉ phép chính thức mà vẫn được giữ chỗ làm trong hàng. Còn trong phòng quản lý nhân viên của hàng có những ban riêng chuyên phụ trách các cô gái trẻ đó, chẳng hạn giúp đỡ họ trong việc lựa chọn bệnh viện, sau đó gửi đưa bô cho người khác nuôi hoặc ở gần chỗ ở của người mẹ, hoặc ở nơi trào xã hơn tùy theo nguyện vọng của họ. Ở đây còn có cả yếu tố tâm lý : cô gái biết rằng cô được người khác quan tâm và chăm sóc đến những quyền lợi của cô. Thậm chí có khi người ta còn cho các cô vay tiền. Nếu sau khi đẻ, cô chiêu-dãi viên nào không muốn trở lại cơ quan cũ làm việc, người ta sẽ chuyển cô sang hàng khác tùy cô lựa chọn.

Nhưng ngược lại, hàng bắt các chiêu dãi viên phải cam kết ba điều — vì thế mà có tên là : « Một ba » .

Thứ nhất, cô gái phải có trách nhiệm bảo cho phòng quản lý nhân viên biết chỗ ở của mình trong suốt thời gian cô ta có mang.

Thứ hai, sau khi đẻ xong, cô ta phải trao ngay đứa bé đẻ người ta mang đi gửi người nuôi. Người ta không cho các cô biết người nuôi là ai, và như vậy đứa bé vĩnh viễn rời khỏi cuộc đời cô. Của đàng tội, các hàng hàng không nhận làm mọi thủ tục cần

thiết để giao đứa bé làm con nuôi và cố gắng gửi chúng vào những gia đình tử tế.

Thứ ba, các cô chiêu dãi viên chỉ được hưởng chế độ giúp đỡ theo chương trình «Một-ba» trong trường hợp nếu họ bảo cho hăng biết tên của bố đứa bé. Sau đó đại diện của phòng quản lý nhân viên — một người thành thạo trong những việc như vậy — cho gọi ngay người bố đến và thuyết phục anh ta nộp một số tiền trợ cấp. Người đại diện của phòng quản lý nhân viên phải làm sao yêu cầu người bố viết lời cam kết, hứa trả mọi phi tần nâm viện cho cô chiêu dãi viên cũng như tiền chăm sóc đứa bé, và nếu có thể được, cả tiền bồi thường, dù chỉ một phần, cho khoản lương bị mất của cô ta. Các hăng cho rằng những chuyện thỏa thuận như thế tốt nhất nên làm trên tinh thần thiện chí và không nên làm àm ỉ. Song trong trường hợp cần thiết, họ vẫn có thể sử dụng uy tín khá quan trọng của họ trong xã hội để làm sức ép với những ông bố vô lương tâm.

Tất nhiên các hăng hầu như ít khi phải áp dụng những biện pháp đó, khi bố đứa bé là một thành viên nào đó trong phi hành đoàn, là bản tháp đội trưởng phi công, phi-công thứ nhất, hoặc phi công thứ hai. Trong những trường hợp này, nhất là do nguyện vọng của người bố muốn giữ bí mật mọi chuyện, chỉ cần một lời khuyên nhẹ nhàng là đủ. Và khi đó hăng giữ bí mật cho họ thật. Người ta cũng quy định một số tiền hợp lý, sẽ phải trả dần trong một thời hạn nhất định, hoặc không, hăng sẽ trừ đi một phần lương của nhân viên của mình. Và để tránh những chuyện tra khảo rắc rối ở gia đình, khoản tiền bị trừ này được ghi vào cột gót là «chi tiêu cá nhân».

Toàn bộ số tiền thu được bằng cách đó được trao lại cho cô chiêu dái viên có thai, chứ hẵng không lấy một tí nào.

— Em thấy đấy, chương trình này có cái tốt ở chỗ, — Dimirest nói, — là người phụ nữ không cảm thấy bị cõi đờm và bỏ rơi.

Từ nay đến giờ anh vẫn cố tránh không dùng đến từ «phá thai». Không một hãng máy bay nào có thẻ, mà thực ra họ cũng chẳng muôn; công khai dính líu tới chuyện phá thai. Những lời khuyên như vậy thường chỉ được các chuyên viên phòng quản lý nhân sự có kinh nghiệm trong những chuyện ấy đưa ra một cách không chính thức. Nếu có gái chấp nhận việc phá thai, thì trách nhiệm của họ là giúp cô ta làm việc đó trong những bệnh viện tốt, để cô ta khỏi bị rơi vào tay những tên lang băm hay những bác sĩ tồi, mà nhiều khi do quá tuyệt vọng các cô này phải đến nhờ.

Guen nhìn người bạn đường của mình dò xét.

— Anh hãy nói cho em biết, do đâu anh biết rõ những chuyện ấy như vậy?

— Anh đã nói với em rồi: với tư cách là một trong những người lãnh đạo Hội của bọn anh...

— Đúng rồi, nhưng đó chỉ là Hội các phi công. Và các cô chiêu dái viên đâu có liên can gì đến hội các anh. — It ra là về mặt đó.

— Tất nhiên anh không trực tiếp tham gia làm những việc như vậy.

— Nghĩa là, bản thân anh đã có lần vướng vào chuyện như vậy rồi phải không, Vepron?

Anh dành phải gai đầu.

— Phải.

— Tất nhiên anh có thể dễ dàng bê lên giường ngũ những cô chiêu dài viền... nhưng cô, như anh nói... là những cô gái nhẹ dạ & thon què ấy, Hay có thể họ cũng là những cô xuất thân từ già đình «nghèo thành phố»? — trong giọng của Guen có âm thanh chua chát. — Thế có bao nhiêu cô như thế rồi? Một chục, hay haj chục? Em không cần con số chính xác, chỉ cần áng chừng thôi.

Anh thở dài:

— Có một thời:

Tất nhiên anh cực kỳ may mắn. Con số cô thế nhiều hơn nhiều, nhưng anh đã nói thật.. hay gần đúng sự thật: vì còn có một trường hợp bị xảy thai. Vả lại trường hợp đó có thể không tính đến.

Họ càng đến gần sân bay thì xe cộ trên đường cái càng tấp nập hơn. Lúc này họ chỉ còn cách sân bay chừng một phần tư dặm. Mặc dù có tuyêt rơi, nhưng ánh đèn của lò nhà ga hàng không không lờ vẩn chiểu sáng rực cả một góc trời.

Guen nói:

— Cái cô gái bị chửa với anh ấy... em chẳng cần biết tên cô ta làm gì...

— Mà anh cũng chẳng bao giờ cho em biết.

— Cô ta cũng dùng đến chương trình «Một-ba» à?

— Ủ.

— Và anh đã giúp đỡ cô ấy?

— Anh đã hỏi em: em cho anh là người thế nào? — anh từ tốn ngắt lời cô. — Tất nhiên anh đã giúp đỡ. Nếu em nhất định muốn biết rõ mọi chuyện, thì anh xin nói: hàng dã trừ một phần lương của anh. Vì thế anh mới biết cụ thể cách thức người ta làm.

Guen mỉm cười:

- « Chủ tiêu cá nhân » phải không?
- Ủ!
- Thế vợ anh có biết chuyện ấy không?
- Không.
- Còn đứa bé thì sao?
- Nó được gởi nuôi.
- Nó là ai?
- Dứa bé.
- Anh thừa biết em định hỏi gì. Nó là con trai hay con gái?
- Hình như con gái.
- Hình như à?
- À không, anh biết rõ đó là con gái.

Những câu hỏi của Guen khiến anh thấy lúng túng, chúng làm sống lại những kỷ niệm mà anh đã muốn chôn vùi.

Cả hai im lặng khi chiếc « mecxédex » tè vào công chinh rất rộng và bẽ thế của sân bay. Ngay trên lối ra vào sáng rực ánh đèn pha là cái công chảo hình parabol vươn cao vút lên trời — tác phẩm của một nhà điêu khắc nổi tiếng đã được giải trong cuộc thi điêu khắc quốc tế, tượng trưng cho tương lai huy

hoàng của sân bay, như bối đó người ta thường nói. Trước mắt Dimiresi hiện ra cỗ một trận đồ các đường xe hơi ngã tam, cầu nòi và các đường hầm ngoằn ngoèo, phức tạp được xây dựng với mục đích để các xe có thể phóng không cần giảm tốc độ, mặc dù hôm nay, do bão tuyết ba ngày liền chúng vẫn phải đi chậm hơn mọi ngày. Những dống tuyết cao vẫn còn ngòn ngang ngay cả trên phần đường cho xe chạy. Cảnh tượng càng nhồn nháo thêm do những chiếc xe cào tuyết và xe tải đang ra sức giữ tuyết lại ít nhất là ở ngoài khu vực đã được dọn sạch.

Sau vài lần phải dừng lại không lâu, cuối cùng Dimiresi rẽ vào được con đường riêng của cơ quan, dẫn đến nhà đỗ máy bay chính của hãng Trans Omerica, nơi họ sẽ đỗ ô-tô lại và lên xe buýt của đội bay.

Bỗng Guen tươi tỉnh lại.

— Veenont

— Em bảo gì?

— Cảm ơn anh đã thành thật với em. — Cố đưa tay chạm vào tay anh đang đặt trên tay lái. — Mọi chuyện của em rồi sẽ ổn thỏa thôi. Có điều một lúc đó ập lên đầu em nhiều chuyện quá. Nhưng em rất muốn được bay với anh đến Néapon.

Anh mím cười, gật đầu, buông tay lái một phút nắm chặt lấy ngón tay của Guen,

— Đến đó chúng ta sẽ nghỉ ngơi thật thoải mái. Anh hứa với em, sẽ làm cho cuộc di chơi đó trở thành cuộc di chơi đáng nhớ cho cả hai ta.

Và anh sẽ cố gắng, Dimiresi như thầm với mình, thực hiện lời hứa đó. Thực ra việc đó chẳng có gì

khó khăn lắm. Anh vẫn say mê Guen, chưa có ai làm anh thấy dịu dàng như thế, chưa có ai khiến anh thấy gần gũi và thân thiết như cô. Nếu không vì chuyện anh đã có vợ... Và một lần nữa, không biết lần thứ mấy, anh lại này ra ý nghĩ hay là ly dị với Xara và cưới Guen. Nhưng lập tức anh xua ngay ý nghĩ ấy đi. Anh biết nhiều bạn đồng nghiệp của anh đã trải qua chuyện đó, — những phi công sau nhiều năm có gia đình bỗng bỏ vợ để cưới các cô gái trẻ hơn. Nhưng rút cuộc xôi hỏng bỏng Không, mà lại còn đèo thêm gánh nặng tiền trợ cấp trên vai.

Dù sao trong chuyến bay này, có thể ở Rôm hoặc ở Nêapôn, anh sẽ phải nói chuyện nghiêm túc với Guen một lần nữa. Từ nay đến giờ họ nói với nhau vẫn chưa đúng hướng anh muốn, và vẫn để nạo thai vẫn chưa được đúng chạm đến.

Nhưng thôi, trước mắt anh — ý nghĩ về Rôm nhắc ánh nhớ đều chuyến này — còn có nhiệm vụ cấp bách hơn: chỉ huy chuyến bay « Trans Oméries » hai.

3

Chiếc chìa khóa đó là chìa khóa phòng số 224 của khách sạn « Ô' Hâgen ».

Trong phòng thay quần áo tôi tối ngay cạnh phòng ra-đa, Kéyz Baycoxfend chợt nhận ra anh ngồi thử người nhìn chiếc chìa khóa có buộc thẻ nhựa này đã mấy phút. Hay mới chỉ mấy giây? Cũng có thể. Chẳng qua anh đã mất cảm giác thời gian, cũng như nhiều cảm giác khác, mất khả năng định hướng. Thỉnh

thoảng ở nhà Natali để ý thấy tự nhiên anh cứ đứng chờ người nhìn vào khoảnh trống. Mãi đến khi bị lo lắng hỏi: «Anh làm gì thế?» thì ý thức cùng khả năng hành động và suy nghĩ mới trở lại với anh.

Lúc ấy — cũng như lúc này — cái ý thức mệt mỏi và khờ kiệt vì quá căng thẳng, có lẽ không còn làm việc nữa. Ở chỗ nào đó trong óc anh bình như có một chiếc cầu nối, một bộ phận bảo hiềm nào đấy tựa như cái công tắc tự động tắt máy khi quá nóng. Thực ra giữa cái mồ-to và bộ óc con người có sự khác biệt rất lớn: mồ-to có thể tắt đi, hoặc nếu không cần, không cho chạy nữa. Nhưng óc con người thì không thể thế được.

Qua lầm cửa sổ duy nhất trong phòng thay quần áo, ánh sáng từ những chiếc đèn pha đặt trên đỉnh tháp rọi vào cũng đủ sáng. Nhưng Käyz không cần ánh sáng. Anh cứ ngồi nguyên trên chiếc ghế băng gỗ, không buông động đèn miếng bánh xăng-uych Natali chuẩn bị cho anh, và vừa nhìn chiếc chìa khóa phòng của khách sạn «Ô'Hägen», vừa nghĩ đến chuyện bộ óc con người ta bị hiềm làm sao.

Bộ óc con người có khả năng để ra những hình tượng táo bạo, sáng tạo ra thơ ca và máy phát sóng, thai nghén tư tưởng của nhà thờ Xikxtin và máy bay phản lực siêu âm «Côngcord». Song mặt khác, bộ óc con người — do khả năng có thể giữ lại những hồi ức và nhận thức được các biến cố — lại có thể dày vò, hành hạ con người, không cho nó lúc nào được yên, chỉ có cái chết mới có thể chấm dứt mọi chuyện.

Cái chết.... xóa sạch các hồi ức, mang lại sự yên tĩnh thanh thản. Chính ý nghĩ đó đã đày Käyz đi đến quyết định đêm nay sẽ tự sát.

Đã đến lúc phải quay lại phòng ra-đa. Từ giờ đến khi hết ca làm còn vài tiếng nữa, và Käyz đã tự giao ước với mình: sẽ hoàn thành đến cùng phiên trực hôm nay ở phòng ra-đa. Anh không thể nói được vì sao anh quyết định như vậy, — chẳng qua anh cho như vậy là đúng và đã quen làm việc gì cũng phải có lương tâm. Ý thức trách nhiệm là cái có sẵn trong máu của họ, có lẽ đó chính là điểm duy nhất gắn bó anh với Mel.

Dù thế nào đi nữa, khi hết ca làm việc — và trách nhiệm cuối cùng của anh đã hoàn thành — chẳng còn gì có thể ngăn cản anh đến khách sạn O'Häygen, nơi anh đã đăng ký sẵn một phòng từ trưa nay, rời không dè mất thi giờ, anh sẽ uống ngay bốn mươi viên thuốc ngủ đang nằm trong túi quần anh... Số thuốc đó anh phải tích dần hai ba viên một, từ tháng tháng nay. Bác sĩ cấp đơn cho anh thuốc ngủ, và mỗi lần Natali mua ở hiệu thuốc về, anh lại bỏ mặt giấu đi một nửa. Cách đây mấy hôm anh đến thư viện đọc cuốn sách nói về nhiễm độc làm sảng, và hiểu ra rằng lượng thuốc ngủ nembutal mà anh tích được vượt quá lượng nguy hiểm rất nhiều.

Ca của anh sẽ kết thúc vào nửa đêm. Ngày sau khi hết ca một lúc anh sẽ uống những viên thuốc này và thiếp đi trong giấc ngủ cuối cùng.

Anh quay mặt chiếc đồng hồ deo tay ra phía sáng cửa sổ để xem giờ. Đã gần chín giờ. Đã đến lúc quay trở lại phòng ra-đa chưa? Không, nên đợi một lát nữa đã. Anh muốn trả lại đó với đầu óc thật bình tĩnh, để thần kinh anh sẵn sàng đón nhận bất cứ tình huống bất ngờ nào có thể xảy ra trong mấy tiếng đồng hồ còn lại của anh.

Káyz lại quay trong tay chiếc chìa khóa phòng khách sạn. Buồng số 224. Một sự trùng hợp kỳ lạ: số phòng mà anh thuê tận cùng bằng con số «hai mươi bốn». Một số người mê tin tin vào ý nghĩa của những con số Káyz không tin, nhưng dù sao con số «hai mươi bốn» vẫn len vào cuộc sống của anh một lần nữa.

Lần đầu tiên Ró là con số chỉ ngày — ngày 24, — và chuyện đó xảy ra cách đây năm rưỡi. Mắt Káyz bỗng nhòe đi. Ngày đó khắc sâu vào ký ức anh, và cứ mỗi lần nhớ đến nó anh lại thấy lương tâm day dứt và lòng buồn vô hạn. Rồi từ đó xuất hiện một bóng tối phủ dần ý thức anh và dẻ ra nỗi sầu muộn tuyệt vọng của anh. Chình nỗi tuyệt vọng ấy đưa anh đến chỗ quyết định từ từ đêm nay.

Một buổi sáng mùa hè. Thứ năm. Hai mươi tư tháng sáu:

Hôm đó đúng là ngày dành riêng cho các thi sĩ, các cặp tình nhân, các nhà nhiếp ảnh, chụp phim màu. — một trong những ngày mà người ta phải giữ lại trong ký ức để nhiều năm sau khi muôn nhớ lại điều gì đẹp đẽ và sung sướng sẽ rút nó ra như bóc một tờ lịch cũ. Ở Lixberg, bang Viêcginia, khi mặt trời mọc, bầu trời trong sáng đến nỗi trong dự báo thời tiết người ta phải ghi «DC + TNXKGH» — theo ngôn ngữ các nhà hàng không có nghĩa là độ cao át tầm nhìn xa không giới hạn, mãi tới trưa mới lác đác có mấy cuộn mây giống như mấy láng bóng bay. Mặt trời sưởi ấm chờ không thiếu đốt, gió từ đây nui Blu-Ritg thổi nhẹ, mang theo mùi thơm của cỏ ba lá.

Trên đường đi làm sáng hôm đó — anh đi đến trung tâm quan sát trên không Oasinhthon ở Lixberg — Káyz nhìn thấy những khóm hoa đang nở hoa. Thậm chí anh còn nhớ đến cả câu thơ của Kitxa mà anh được học từ hồi ở trường : « Vào mùa hè hoa nở rực khắp nơi ». Câu thơ đó sao đúng với ngày hôm ấy đến thế. Anh đi từ Adamxtaun, bang Merilend, nơi anh cùng Natali và hai đứa con thuê một căn nhà nhỏ xinh xắn. Anh bạ mui chiếc « Fôhxvagéñ » xuống và cho xe đi chậm để thường ngoạn không khí mát dịu và ánh nắng mặt trời dịu dàng. Phía trước mặt anh hiện lên bóng dáng quen thuộc của ngôi nhà thấp nhường hiện đại của Đài chỉ huy điều phái trên không. Anh thấy trọng lòng thanh thản lạ thường. Sau này nhiều lần anh tự hỏi mình, phải chăng tâm trạng ấy đã là nguyên nhân xảy ra biến cố sau đó.

Ngày cả trong tòa nhà chính — với những bức tường dày ánh sáng ban ngày không lọt qua được — Káyz vẫn cảm thấy được ngày hè rực rõ bên ngoài. Xung quanh số hòn đá mươi điều phái viên chỉ mặc sơ-mi, không mặc áo vét, đang ngồi trong phòng, bao trùm một không khí nhẹ nhàng, thoái mái, không cảm thấy vẻ căng thẳng mọi khi trong lúc làm việc của họ. Một trong những nguyên nhân rõ ràng là, trong thời tiết trong sáng kỳ lạ như thế, họ ít phải theo dõi máy bay hơn. Nhiều máy bay không phải thương mại — những máy bay tư nhân, quân sự và thậm chí cả vài chiếc chờ hành khách — ngày hôm đó bay bằng mắt thường, nói cách khác, là theo phương pháp « anh thấy tôi — tôi thấy anh » khi các phi công tự theo dõi tay vị trí của mình trên không và không cần liên lạc vô tuyến với đài CHDP và thông báo vị trí của mình.

Trung tâm Lixberg đóng vai trò quan trọng trong hàng không. Từ đây người ta có thể quan sát sự di lại trên tất cả các tuyến đường hàng không trên sáu bang nằm ở bờ biển phía đông, và đưa ra mệnh lệnh cho các máy bay. Vùng quan sát rộng hơn một trăm nghìn dặm vuông. Một chiếc máy bay bay theo máy vừa rời sân bay trong vùng này lập tức chịu ngay sự kiểm soát và điều khiển của Lixberg. ~~Nó~~ nó sẽ ở trong tầm điều khiển cho tới khi chuyến bay kết thúc, hoặc máy bay đi ra khỏi vùng. Ngược lại, nếu có máy bay nào bay đến gần vùng, thì lập tức một trong hai nười trung tâm tương tự nằm rải rác khắp nước Mỹ sẽ báo ngay tin tức về nó. Trung tâm Lixberg được coi là một trong những trung tâm sầm uất nhất trong nước. Tại đây người ta phải quan sát đầu phía nam của «hành lang Đông-Bắc», là hành lang đứng đầu thế giới về số lượng máy bay bay qua trong một ngày.

Là một điều là gần trung tâm Lixberg lại không có một sân bay nào cả. Sân bay gần nhất mà trung tâm này mang tên của nó, nằm ở mảnh Oasinhion; tức là cách đó bốn mươi dặm. Trung tâm — một nhóm ngôi nhà hiện đại và thấp với một bãi đê ô-tô. — nằm ngay trên những cánh đồng Yiecgini. Ba phía xung quanh nó là đất canh tác. Còn phía thứ tư có một con suối nhỏ chảy qua tên là suối Burehi, mãi mãi nỗi tiếng nhờ hai trận đánh trong thời kỳ Nội chiến. Một hôm, sau khi hết giờ làm việc, Käyz đã tới ngồi bên con suối này để ngẫm nghĩ về những ngang trái của cuộc đời — về cái quá khứ của Lixberg và cái hiện tại không giống chút nào với quá khứ của nó như ngày nay.

Sáng hôm đó, tuy bên ngoài trời nắng đẹp và trong sáng, trong tòa nhà chính, rộng và cao như nhà thờ, mọi người vẫn làm việc bình thường. Phòng điều phái — một gian nhà lớn hơn cả sáu đá bóng — như mọi hôm, vẫn chỉ hơi sáng để có thể nhìn rõ màn ảnh của chừng hai, ba chiếc máy radar đặt thành mấy dãy và mấy lớp, dưới những mái che treo ở phía trên. Người mới bước vào sẽ bị giật tai vì tiếng ồn. Trong gian phòng, nơi tập trung tất cả những số liệu về chuyến bay và có đặt những máy tính điện tử không lồ, cùng một loạt các máy điện tử khác và những máy teletip tự động, lúc nào cũng thay tiếng ù ù và lách tách không ngừng của đủ thứ máy móc. Còn trên đầu mấy chiếc người điều phái có nhiệm vụ ra lệnh cho máy bay, lúc nào cũng lao xao tiếng trao đổi bằng vô tuyến điện thoại trên nhiều tần số khác nhau; tiếng máy kêu ú ú và tiếng người nói lao xao hòa thành một thứ tiếng động đều đều, không ngớt một giây, mặc dù xung quanh đã có những bức tường và trần nhà cách âm.

Trên hẳn tất cả những máy móc đó và chạy dài suốt phòng điều phái là một chiếc cầu dài để quan sát, nơi người lái thường dẫn khách tham quan lên để nhìn cảnh làm việc ở phía dưới. Đường từ trên cầu nhìn xuống, phòng điều phái chẳng khác nào gian phòng chung khoán. Các điều phái viền lèt khi nhìn lên trên, lèt cầu quan sát: họ đã quen không để ý đến cái gì, để khỏi sao nhãng công việc, và bởi chỉ có một số ít người là được phép vào tham quan nơi này, nên những người điều phái hầu như không nhìn thấy ai, ngoài các đồng nghiệp của mình. Bởi thế công việc trong phòng điều phái không chỉ là công việc căng thẳng đơn điệu, mà còn là một công việc khô khan

kiểu tu viện — vì phụ nữ không được tuyển làm công việc này.

Trong căn phòng giáp với phòng điều phái, Käyz cởi áo khoác ngắn, rồi bước vào phòng với chiếc áo sơ mi mới thay trắng bong, tựa như một loại đồng phục riêng của các điều phái viên. Không ai biết tại sao khi làm việc các điều phái viên lại mặc sơ-mi trắng — không có qui định nào như vậy cả, chẳng qua tự dưng thành lệ. Trong khi Käyz tiến lại bàn làm việc của mình : vài đồng nghiệp thân ái chúc anh buổi sáng tốt lành, và điều đó cũng là điều không bình thường. Trong phòng điều phái lúc nào cũng căng thẳng, nên thường người ta chỉ gật đầu chào nhau một cách vội vã, hoặc ném cho nhau những câu chào ngắn gọn, mà cũng có khi chẳng chào nhau gì cả.

Käyz làm việc trong khu vực Pixburg—Bantimor. Có ba người phải theo dõi khu vực này. Käyz là điều phái viên ra-da. Nhiệm vụ của anh là giữ liên lạc với các máy bay và phát cho họ mệnh lệnh qua radiô. Hai điều phái viên khác thì làm nhiệm vụ thu thập dữ kiện về các chuyến bay và liên lạc với các sân bay. Trường nhóm điều phái sẽ phối hợp hoạt động của cả ba người. Ngày hôm đó cùng làm việc với họ còn có một người tập sự mà Käyz có nhiệm vụ kèm cặp từ mấy tuần nay.

Cùng với Käyz có vài người nữa bước vào phòng; người nào người nấy ra đứng phía sau những người mà họ sẽ thay; phải mất hai, ba phút để «nhìn bức tranh». Cảnh đó diễn ra ở tất cả các màn ảnh trong phòng điều phái.

Đứng bên khu vực của mình,紧跟 sau người điều phái viên mà anh chuẩn bị thay, Käyz cảm thấy

đều óc anh hãi đều căng thẳng, ý nghĩ phải làm việc tập trung hơn. Bộ óc anh sẽ làm việc như thế suốt tam giờ nữa, không kể hai lần nghỉ giải lao ngắn.

Kayz thấy tuy giữa trưa, nhưng trên trời máy bay vẫn khá đông — đúng là ngày hôm đó bầu trời khắp nơi chỗ nào thời tiết cũng đẹp. Trên màn ảnh tối tối nồi bật mười lăm chấm sáng màu xanh, biểu thị mìn vi lầm chiếc máy bay đang bay trên trời, hoặc mươi lăm « mục tiêu », như cách nói của những người làm ở phòng ra-đa. Máy bay « Côngvaye — 440 » của hãng « Allegeni » đang bay ở độ cao tám nghìn fut về phía Pitzburg. Sau máy bay này và cùng độ cao với nó là những máy bay: DC — 8 của hãng « Naysoron », « Boeing — 727 » của hãng Oméricon Eolain, hai máy bay tư nhân — chiếc phản lực « lir » và chiếc « feire-haïld — 27 » — và một máy bay nữa của hãng « Néisonon » — lần này là chiếc « éléchtra » phản lực ống. Kayz nghĩ thầm trong bụng là trên màn ảnh lại sắp xuất hiện thêm vài máy bay nữa — từ các khu vực khác, cũng như các máy bay phải cất cánh từ sân bay Bantimor. Còn bay về Bantimor thì có chiếc DC — 9 — ít phút nữa nó sẽ chuyển sang vùng quan sát của sân bay Bantimor, sau đó là một chiếc của hãng TWA, rồi đến máy bay của hãng « Piemont Eolain », rồi đến một máy bay tư nhân, và hai máy bay của hãng « lunaitit » và một máy bay của hãng « Mohauk ». Tất cả những máy bay này bay ở độ cao quy định và cách nhau khá xa, trừ hai máy bay của hãng « lunaitit » đang bay về Bantimor. Theo Kayz, có lẽ hai máy bay này bay hơi gần nhau quá. Đường như đọc được ý nghĩ của Kayz, người điều khiển lúc đó vẫn đang ngồi cạnh màn ảnh, cho một trong hai máy bay tránh sang hướng khác.

— Tôi nhớ bức tranh rồi, — Káyz bình tĩnh nói.

Người điều phái mà anh đến thay, gật đầu và đứng dậy.

Người trưởng nhóm — Peri Iunt — đeo tai nghe vào, cùi xuồng gần Káyz, và bắt đầu chăm chú nhìn lên màu ảnh, đánh giá tình huống. Peri là một anh chàng da đen cao lớn, rắn dỗi, trẻ hơn Káyz vài tuổi. Bộ óc anh ta làm việc rất nhanh, và anh có một trí nhớ rất tốt, có khả năng giữ lại rất nhiều thông tin để sau đó rút ra từng tin một hoặc tất cả thông tin một lúc với độ chính xác của máy tính điện tử. Những phút khó khăn có Peri đứng cạnh bao giờ cũng yên tâm hơn.

Khi bàn tay người nhóm trưởng chạm vào vai Káyz, thì anh đã nhận xong ba máy bay và chuyền giao xong mấy máy bay cho các trung tâm khác.

— Káyz, hôm nay tôi sẽ kiểm tra hai nhóm — nhóm của anh và nhóm bên cạnh. Có một người chưa ra. Công việc của anh vẫn bình thường chứ?

Káyz gật đầu.

— Rõ. — Anh dùng vò tuyến điều chỉnh hướng bay cho máy bay của hãng «Ixtern», sau đó chỉ vào người tập sự tên là Giooc Uôlex vừa ngồi vào ghế cạnh anh. — Tôi có Giooc làm việc cùng. — Anh ấy bảo hiềm cho tôi.

— Ô-ké!

Peri lunt tháo tai nghe và đi sang nhóm bên cạnh. Những tình huống đại loại như vậy trước đây đã xảy ra, và mọi việc vẫn trời êm thầm. Peri lunt và Káyz đã làm việc với nhau nhiều năm, cả hai đều biết

rằng có thể hoàn toàn tin tưởng ở nhau. Káyz quay sang người tập sự bảo :

— Giooc, nhớ bức tranh đi!

Giooc Uôlex gật đầu và cùi sát hơn vào màn ảnh. Anh ta trạc hai mươi lăm tuổi và đã hai năm nay là điều phái viên tập sự; trước đây anh ta phục vụ trong không quân. Uôlex đã kịp chứng tỏ anh ta có bộ óc thảo và tinh anh nhẹn và có khả năng giữ bình tĩnh ngay cả trong những phút căng thẳng. Một tuần nữa anh ta sẽ trở thành điều phái viên chính thức, mặc dù thực ra bây giờ anh ta đã hoàn toàn có thể đảm đương được nhiệm vụ đó.

Káyz cố ý cho hai máy bay « Oméronon Eslain » và « Neisonon » xích lại gần nhau: anh ta tin rằng nếu có gì nguy hiểm thì chỉ trong tích tắc có thể lai cho chúng rời xa nhau. Nhưng Giooc Uôlex lập tức phát hiện ngay ra sự không ổn và đã nhắc Káyz; và Káyz đã chỉnh lại vị trí.

Đó là khả năng đáng tin cậy duy nhất để kiểm tra năng lực của người điều phái viên mới. Thỉnh thoảng người ta lại cố tình để người tập sự ở lại một mình bên màn ảnh, để nếu có gì phực tạp, anh ta có cơ hội thể hiện tinh sáng tạo và tự giải quyết lấy. Trong những phút ấy, người hướng dẫn thường ngồi yên, nhưng hai tay nắm chặt và người toát mồ hôi. Một lần có người nói rằng: «Làm như thế chẳng khác nào treo người trên không; máy ngồi tay bùi vào càng máy bay». Việc xem xét có nên can thiệp vào, hay thay hẳn người tập sự hay không, phải quyết định đúng lúc — không quá sớm, nhưng cũng không quá chậm. Việc quyết định thay thế người tập sự có thể vĩnh viễn làm anh ta mất tự

tín, và lúc ấy không bao giờ anh ta có thể trở thành điều phải tiếm giấu được nữa. Một khác, nếu người hướng dẫn không can thiệp kịp thời, trên không có thể xảy ra tai nạn vô cùng khùng khiếp.

Sự mạo hiểm và căng thẳng thần kinh trong những trường hợp như vậy lớn đến mức, nhiều điều phải viên không muốn nhận những người tập sự. Họ lúy cơ là làm việc ấy họ chẳng được lời cảm ơn cũng phu thêm đồng lương nào. Đã thế, nếu xảy ra tai nạn, người hướng dẫn phải hoàn toàn chịu trách nhiệm. Vậy thì tự dung gánh thêm trách nhiệm và vất vả vào người làm gì cho mệt?

Nhưng Kazy tinh nguyễn nhận làm người hướng dẫn và anh nhẫn nại đào tạo những người tập sự. Tuy nhiều lúc cũng thấy lo toát mồ hôi, nhưng anh vẫn nhận trách nhiệm ấy, bởi anh cho đó là cần thiết. Và lúc này anh tự bảo rằng Giooc Ualex sẽ trở thành điều phải viên tra tú.

*
— Theo tôi nên cho chiếc « lunaitil » chuyen hai trăm tám mươi tư rẽ sang bên phải — Ualex bình tĩnh nói — để cho nó không bay cùng độ cao với chiếc « Môhawk ».

Kazy gật đầu và nói vào micro :

— Trung tâm Oasinbton gọi máy bay « Lunaitil » chuyen hai trăm tám mươi tư : bảy rẽ sang phải, hướng, không-sáu-không.

Gần như ngay tức khắc có tiếng rè rè trả lời :

— Trung tâm Oasinbton, Lunaitil hai trăm tám mươi tư đây — Rõ : Không-sáu-không.

Ở đó, trên bầu trời trong xanh, nơi mặt trời đang rực rỡ, cách trung tâm nhiều dặm, một chiếc

máy bay phản lực không lồ bê thê sẽ lặng lẽ rẽ theo đường chỉ dẫn, trong khi các hành khách vẫn tiếp tục ngủ hoặc đọc sách. Và trên màn ảnh ra-đa có ánh sáng màu xanh to-chừng nữa *insor*, tín hiệu của chiếc « Iunainit », sẽ bắt đầu chuyển sang hướng mới.

Bên dưới phòng điều phái là một căn buồng với nhiều già, trên đê những máy ghi âm: những đĩa băng cứ quay một cách đường bê đều đặn, ghi lại tất cả những cuộc nói chuyện giữa trên không và mặt đất, để sau này khi cần thiết có thể mở băng nghe lại. Tất cả những mệnh lệnh do các điều phái viên đưa ra đều được ghi băng và lưu giữ. Thỉnh thoảng các nhóm trưởng lại ngồi nghe lại những băng ghi âm một cách chăm chú, khe khắt. Nếu có điều gì sai sót, người ta sẽ báo cho điều phái viên biết ngay. Tất nhiên các điều phái viên không biết khi nào một người nào đó trong số họ bị kiểm tra. Trên cửa phòng ghi âm có treo tấm biển với dòng chữ bài hát đáng buồn: « Anh cả đang nghe bạn ».

Thời gian trôi qua.

Peri lunt chúc chúc lại xuất hiện sau lưng Kâyz: Anh ta vẫn tiếp tục theo dõi cả hai nhóm và dừng lại cạnh mỗi nhóm lâu hay chóng là tùy yêu cầu cần thiết phải đánh giá tình huống trên không: Anh ta có vẻ hài lòng với tình hình của Kâyz: anh ta dừng lại lâu hơn nhiều ở nhóm bên cạnh, nơi đang có nhiều phức tạp. Buổi sáng đã trôi qua, và số lượng máy bay trên trời đã giảm đi, — đến gần trưa nó sẽ lại đông lên. Khoảng sau 10h30 một chút Kâyz và Giooc Uôlex đối chọi cho nhau. Bay giờ người tập sự ngồi vào trước màn ảnh, còn Kâyz ngồi một bên theo dõi. Kâyz nhanh chóng nhận ra rằng Giooc

không cần có anh — anh ta đã có đủ kinh nghiệm và không bỏ sót dấu hiệu nào. Và cẩn cứ vào hình ảnh lúc bấy giờ, Käyz cho phép mình thả lỏng đôi chút.

Mười một giờ kém mười, Käyz buồn đi ra buồng vệ sinh. May thảng gần đây anh bị mẩy con đau dạ dày, và anh sợ lại sắp tái phát con nỗi. Anh vãy Peri lunt ra và báo cáo với anh này. Anh điều phải trưởng gặt đầu.

— Giooc có trong được không?

— Không kém gì người kỳ cựu. — Käyz nói câu đó khá to dè Giooc có thể nghe thấy.

— Được, tôi sẽ dè ý đến anh ta. — Peri nói. — Anh có thể tự do, Käyz.

— Cảm ơn.

Käyz ghi vào cuốn sổ trực của khu vực anh thời gian anh bỏ ra ngoài. Peri ký ngược ngoặc tên mình ở dòng dưới, chứng tỏ anh nhận trách nhiệm giám sát Giooc. May phút nữa, khi nào Käyz quay lại, thủ tục này sẽ được lặp lại.

Lúc đi ra Käyz nhìn thấy người trưởng nhóm đang đặt nhẹ tay lên vai Giooc và chăm chú nhìn vào màn ảnh.

Buồng vệ sinh mà Käyz đi lên nằm ở trên phòng điều phái một tầng. Tuy có lắp kính mờ, song ánh sáng ban ngày vẫn chiếu vào buồng. Sau khi đi ngoài và rửa tay xong, Käyz lại cửa sổ và mở cửa. Anh muốn xem thời tiết có thay đổi không. Trời vẫn nắng đẹp.

Käyz cứ đứng lặng bên cửa sổ — anh không

muốn chia tay với cảnh ánh nắng chói chang rực rỡ này để quay về với cảnh tối tăm trong phòng điều phái. Thời gian gần đây nhiều hôm tự dung anh thấy không muốn đến phòng điều phái, và anh nghĩ rằng, nếu phải thú thật, thì nguyên nhân không phải vì cái về tranh tối tranh sáng ở đó, mà cái chính là vì sự căng thẳng. Có thời kỳ Kazy làm việc không thấy gì khó khăn và dễ dàng chịu đựng sự căng thẳng mà công việc đòi hỏi. Nhưng dạo này thỉnh thoảng anh phải tự ép mình làm việc.

Trong lúc Kazy Baycoxsend đứng cạnh cửa sổ và suy nghĩ, chiếc «Böing — 727» của hãng «Orient», bay từ Minneapolis — Xent — Pol, đã đến gần Oasinton. Trong sa lông hành khách của máy bay, một cỗ chiêu dài viên đang cúi xuống một người đàn ông có tuổi. Một ông ta tái nhợt, môi mím chặt, ông ta không còn sức thốt ra lời nào. Cỗ chiêu dài viên cho rằng có lẽ ông ta lén con đau tim. Cỗ chạy vào buồng lái để báo cáo trường hợp xảy ra, với viên trưởng phi hành đoàn. Mấy phút sau, theo lệnh của người chỉ huy, phi công thứ nhất yêu cầu trung tâm kiểm soát trên không ở Oasinton cho phép hạ cánh khẩn cấp xuống sân bay Oasinton.

Kazy đã nhiều lần suy nghĩ — giống như lúc này anh đang suy nghĩ — không biết cái bộ óc mệt mỏi của anh có có thể chịu đựng bao lâu nữa. Cách đây không lâu anh vừa tròn ba mươi tám tuổi. Anh làm điều phái viên đã hơn mươi lăm năm.

Điều khó tột nhất là tuy làm công việc này đến bốn mươi, năm mươi tuổi, con người đã hoàn toàn kiệt sức và cảm thấy mình là ông già, nhưng vẫn phải làm mười — mươi lăm năm nữa mới được về

hữu. Nhiều điều phái viên trên không đã không đủ sức theo đuổi đến cùng.

Cũng như nhiều người điều phái khác, Kayz biết rằng, tác hại của công việc đến cơ thể họ là điều từ lâu đã được chính thức thừa nhận. Các bác sĩ chuyên theo dõi tình trạng sức khoẻ của những người làm ở hàng không, đã thu thập được cả một núi tài liệu về vấn đề này. Trong số những bệnh là hậu quả trực tiếp của nghề điều phái, có mấy bệnh như sau: suy nhược thần kinh, đau thắt ngực, viêm đại tràng, mạch nhanh; rối loạn thần kinh và nhiều thứ bệnh khác. Nhiều nhà y học có sáng kiến tự làm những cuộc khảo sát như vậy đã khẳng định điều đó. Một trong các nhà y học đó viết rằng: « Người điều phái viên nhiều đêm mất ngủ vì cứ phải suy nghĩ, không biết nhờ phép màu nào anh ta có thể giữ cho bao nhiêu máy bay không đâm vào nhau. Ngày hôm nay anh ta đã tránh được tai nạn, nhưng liệu ngày mai anh ta có may như vậy không? Và cứ thế, sau một thời gian, trong người anh ta có cái gì không bình thường — có sự thay đổi trong trạng thái thể lực hoặc tâm lý của anh ta, và đổi khi là trong cả hai ».

Chỉ được những số liệu đó — mà không chỉ những số liệu ấy — Cục hàng không-liên bang đã kiến nghị với quốc hội để nghị quy định tuổi về hưu cho các điều phái viên là năm mươi tuổi, hoặc sau hai mươi năm làm việc. Hai mươi năm làm điều phái viên trên không — các bác sĩ khẳng định, — bằng bốn mươi năm làm các nghề khác. Cục hàng không liên bang đã cảnh cáo các nhà làm luật pháp rằng tinh mạng của các công dân phụ thuộc vào quyết định của họ: đối với các điều phái viên trên không đã làm việc quá hai

chục năm thì không thể tin tưởng được nữa. Káyz nhớ lại quốc hội đã coi thường lời cảnh cáo đó và từ chối không phê chuẩn điều luật dự thảo.

Sau đó đến lượt tiêu ban đặc biệt do tổng thống thành lập cũng biếu quyết chống bè nghị giảm bớt thời hạn phục vụ của các điều phái viên và người ta khuyên Cục hàng không liên bang, khi đó còn trực thuộc tổng thống, nên chấm dứt những ý định của mình và thôi đi. Và về mặt chính thức, người ta đã làm như thế. Song, cũng như nhiều người khác, Káyz biết rằng những người làm việc trong Cục hàng không liên bang ở Oasinh-ton tin rằng vấn đề này chắc chắn sẽ lại nổ ra, nhưng chỉ sau khi xảy ra một, hoặc vài tai nạn máy bay nữa do sự mệt mỏi của người điều phái viên nào đó, khi đó báo chí và dư luận sẽ làm rùm beng vấn đề này lên.

Ý nghĩ của Káyz lại quay về với cảnh vật đang trôi trước mắt anh. Ngày hôm nay quả thực là tuyệt đẹp, thậm chí từ đây, từ cửa sổ buồng vệ sinh này, vẫn bị quyền rũ bởi sự tươi mát của những cánh đồng cỏ. Ước gì được ra đó nằm dưới thang người và ngủ một giấc dưới ánh mặt trời. Nhưng than ôi, hạnh phúc đó không phải dành cho anh, và nói chung đã đến lúc phải quay lại phòng điều phái. Anh sẽ quay lại ngay, anh chỉ đứng bên cửa sổ thêm một chút nữa thôi.

Sau khi được phép của trung tâm điều phái Oasinh-ton, chiếc «Boeing-727» của hãng «Orient» bắt đầu hạ độ cao. Các máy bay khác đang ở phía dưới nó được lệnh hoặc phải đổi hướng bay, hoặc phải lượn vòng trong khoảng cách an toàn với chiếc máy bay đang hạ thấp. Giữa dòng máy bay bắt đầu đóng dần từ trên

một hành lang đi xuống đã được lập, và theo hành lang này, chiếc máy bay của hãng Orient cứ tiếp tục xuống thấp. Người ta đã báo trước chuyến này cho phòng CHDP của sân bay Oasinhton, nơi sẽ phải tiếp nhận máy bay từ trung tâm Oasinhton và cho nó hạ cánh. Nhưng trước mắt, nhóm bên cạnh nhóm của Kôyz — chính cái nhóm mà anh đã đến trễ tuổi Peri nhận theo dõi thêm ngoài khu vực chính của mình, — có trách nhiệm theo dõi và chỉ huy chiếc máy bay này cùng tất cả các máy bay khác trong khu vực này.

Vào lúc đó, trong một khoảng không chỉ rộng vài dặm, đang có mười lăm máy bay, tốc độ chung của chúng là bảy nghìn năm trăm dặm một giờ. Tất cả những máy bay này phải bay cách nhau một khoảng nhất định. Và người ta phải cho chiếc máy bay Orient qua đám máy bay đó để hạ cánh xuống mặt đất.

Những tinh huống như vậy thường xảy ra vài lần trong một ngày, còn vào hôm trời xấu, có thể vài lần trong một giờ. Đôi khi tinh huống khẩn cấp xảy ra tại vài nơi cùng một lúc, và khi đó, để phân biệt chúng, các điều phái viên phải đặt tên cho những sự cố ấy là SC-1, SC-2, SC-3...

Peri Just ra lệnh vẫn bình tĩnh và tự tin như mọi khi. Nếu anh tham gia vào công việc của nhóm thì trách nhiệm giải tỏa sự cố thuộc về anh — anh đưa ra những mệnh lệnh bằng giọng đều đều, bình tĩnh; vì thế người ngoài cuộc không bao giờ có thể đoán ra đang có sự cố. Thực ra những máy bay khác cũng không nghe thấy, các cuộc trao đổi với máy bay Orient, vì viễn phi công này được lệnh chuyển sang lán sống đặc biệt.

Mọi việc vẫn diễn ra rất đẹp. Máy bay của hãng Orient vẫn tiếp tục hạ thấp theo đúng hướng đã định. Vài phút nữa tinh huống khẩn cấp sẽ được giải tỏa.

Mặc dù căng thẳng hết sức, Peri Iant vẫn tranh thủ có phút nào rồi quay sang theo dõi nhóm bên cạnh, là nhóm mà nói chung anh vẫn phải tập trung chú ý nhiều nhất, để kiểm tra xem tình hình của Giooc thế nào. Mọi việc có vẻ như vẫn trôi chảy, song Peri vẫn cảm thấy yên tâm hơn nếu có Kāyz ở đây. Anh đưa mắt nhìn ra cửa. Nhưng vẫn chưa thấy Kāyz xuất hiện.

Trong lúc đó Kāyz tiếp tục đứng bên ô cửa sổ mở rộng. Anh nhìn ra những cánh đồng Viēcginia, và bất giác nhớ đến Natali. Anh thở dài. Thời gian gần đây giữa anh và cô bắt đầu xảy ra những xích mích về chuyện công tác. Vợ anh không hiểu được, hoặc giả không muốn hiểu anh. Cô rất lo cho sức khoẻ của Kāyz. Cô muốn anh bỏ công việc này trong khi hãy còn trẻ và chưa tiêu phí hết sức khoẻ, và tìm công việc khác. Lúc này anh hiểu ra, đi tâm sự với Natali những nỗi e ngại của anh, và kể cho cô nghe về những người đồng nghiệp của anh bị già trước tuổi hoặc trở thành tàn phế, là điều sai lầm. Anh có những lý do riêng không cho phép anh bỏ nghề, không cho phép anh xóa bỏ tất cả những năm vừa qua, khi anh đã thu được nhiều kinh nghiệm và ngày càng thành thạo hơn — những lý do mà Natali, cũng như bất cứ người phụ nữ nào, khó mà thông cảm được.

Trên bầu trời Martinxberg, bang Tây Viēcginia, cách trung tâm Oasinhơn khoảng ba mươi dặm về phía tây bắc, một chiếc máy bay tư nhân bốn chỗ «bitch-bônanz» đang bay ở độ cao bảy nghìn fut, rời từ đường hàng không V-166 sang đường V-44. Chiếc máy bay nhỏ có đuôi giống con bướm bay với tốc độ một trăm bảy mươi lăm dặm một giờ, đi Bantimor. Nó chở gia đình Redfern — Irving Redfern, kỹ sư

kinh tế làm cố vấn theo hợp đồng, vợ ông ta là Mery và hai đứa con — Giérémi mười tuổi và Valériin tuổi.

Irving Redfern là một người cầu kỳ, cẩn thận. Trong thời tiết sáng rõ như thế này ông ta có thể bay bằng mắt thường. Nhưng ông ta cho rằng tốt nhất vẫn nên bay bằng máy móc và từ khi rời khỏi sân bay riêng của mình ở Charston, bang Tây Virginia trong suốt thời gian bay, lúc nào ông ta cũng giữ liên lạc với những trạm điều phái cần thiết. Trung tâm Oasinhton vừa ra lệnh cho ông ta đổi hướng, rẽ sang đường bay V-44. Ông ta đã rẽ sang đó — cái kim địa bàn từ tinh của ông ta hơi nhích sang bên rồi dừng lại.

Gia đình Redfern bay đi Bantimor một phần vì Irving có một số việc phải giải quyết ở đó, một phần để giải trí: buổi tối cả gia đình định đi xem hát. Và lúc này, khi người chủ gia đình đang cầm lái, thì máy đưa con và Meri đang say sưa bàn chuyện trưa nay họ sẽ ăn trưa ở sân bay «Friendship».

Người điều phái viên vừa từ Oasinhton ra lệnh cho Irving Redfern đổi hướng chính là Giooc, người tập sự đã gần hết hạn tập sự ở Káyz. Anh ta phát hiện ra chiếc máy bay của Redfern khi nó vừa xuất hiện trên màn ảnh, dưới dạng một chấm sáng màu xanh, nhỏ hơn các chấm sáng khác một chút, và chuyển động chậm hơn các chấm khác. Cảnh chiếc «bitch-bonanz» hầu như không có máy bay nào khác, và Redfern có thể bình tĩnh bay tiếp. Peri Iunt, người trưởng nhóm, lúc đó lại quay sang nhóm bên cạnh. Bây giờ, khi máy bay của hãng Orient đã được chuyển giao an toàn cho trạm CHDP sân bay Oasinhton, Iunt quyết định giúp người học việc của mình giải tỏa những

máy bay đang dày đặc trên không. Nhưng thỉnh thoảng anh vẫn liếc sang chỗ Giooc, có lần thậm chí còn hỏi : « Vẫn yên ổn cả chứ ? Giooc gật đầu, mặc dù người anh ta đã ướt đầm mồ hôi vì căng thẳng. Hôm nay số máy bay trên trời hình như đông hơn mọi ngày.

Và bắt ngờ đổi với Giooc, hoặc với Peri Iunt, hoặc với Irving Redfern, cách đường hàng không V-44 vài dặm về phía bắc, một chiếc máy bay diễn tập của lực lượng cảnh vệ quốc gia mang nhãn hiệu T-33 đang lười biếng bay lượn. Chiếc máy bay đó là của sân bay Martin, gần Bantimor, và người phi công cảnh vệ lái nó tên là Henk Nil, làm nghề buôn bán ô-tô là chính.

Trung úy Nil hiện đang theo lớp bồi dưỡng quân sự tại chức và bay lên trời một mình để tập bay nhào lộn. Vì anh ta được lệnh phải bay trong một khu vực không chế nghiêm ngặt ở về phía tây bắc Bantimor, nên người ta không báo cho ai về chuyến bay này và trung tâm Oasinhthon hoàn toàn không hay biết gì về việc có chiếc T-33 trên không. Và nói chung sẽ chẳng ai hay biết chuyện gì, nếu tự nhiên Nil thấy chán không muốn tập nữa và nếu anh ta không phải là tay phi công bạt mạng. Trong lúc máy bay của anh ta lười biếng bay theo vòng tròn, thỉnh thoảng anh ta lại thò đầu ra ngoài và nhận thấy đã đi hơi chêch xuống phía nam so với phạm vi quy định, trong khi thực ra anh ta đã bay chêch xuống phía nam khá xa. Cách đây vài phút anh ta đã lọt vào khu vực kiểm soát của Giooc ở Lixberg, và xuất hiện trên màn ảnh của Giooc dưới dạng một chấm sáng xanh rõ hơn cái chấm sáng tín hiệu của chiếc máy bay già đình « bitch-bonanz ». Một điều phải viên kinh nghiệm có

thì đoán ra ngay cái chấm sáng đó là cái gì. Nhưng Giooc đang mải theo dõi những máy bay khác, nên thậm chí không nhận thấy cái chấm sáng mới xuất hiện trên màn ảnh.

Trong lúc đó, trung úy Nil, bay ở độ cao mươi lăm nghìn fut, quyết định kết thúc buổi tập của mình bằng múa thủ thuật nhào lộn — làm hai cú đâm chúc, hai cú lăn nghiêng rồi cho máy bay về cùi cút. Anh ta lật nghiêng chiếc T-3 cho nó lượn vòng, để theo đúng quy định, nhìn xem có máy bay nào ở dưới hay ở trên anh ta không. Làm như thế anh ta lại càng tiến gần hơn đến đường hàng không. V-44.

Không, trong lúc đó Káyz vẫn nghĩ, vợ anh chắc không thể hiểu được rằng, dù cho anh rất muốn đi nữa, anh cũng không thể tự nhiên vô cớ bỏ việc được. Nhất là khi anh đã có gia đình, có con cái cần dạy bảo. Hơn nữa trong công việc này anh đã kiên trì tích lũy được nhiều kinh nghiệm mà không thể dùng vào đâu được. Có những nghề cho phép người ta có thể chuyển sang nghề khác mà vẫn sử dụng được những kinh nghiệm và kiến thức cũ. Nhưng đối với người làm nghề điều phái thì không có chuyện đó. Nghề của anh ta không thể dùng cho công nghiệp riêng; và nói chung nó không thể dùng ở đâu nữa.

Việc nhận thức được rằng anh đang ở trong tình trạng tiến thoái lưỡng nan — và tình hình đúng như vậy — đến với anh cùng nhiều nỗi thất vọng khác. Trong đó có cả việc trả lương. Khi anh còn trẻ và đầy nhiệt huyết, anh khao khát muốn làm ở ngành hàng không, và anh cảm thấy thang lương của người điều phái viên trên không hoàn toàn có thể chấp nhận được, thậm chí còn khá cao, mãi sau này anh

mỗi nhạn thấy nó không xứng chút nào với
cái trách nhiệm đáng sợ mà anh phải gánh vác. Hiện
nay trong ngành hàng không các chuyên gia quý nhất
vẫn là các phi công và điều phái viên trên không.
Song các phi công kiếm được ba mươi nghìn đô-la
một năm, trong khi lương cao nhất của người điều
phái viên trưởng chỉ có mươi nghìn. Ai cũng cho
rằng không thể trả cho các phi công thấp hơn. Nhưng
ngay các phi công nòi tiếng lèk kỳ và chỉ biết mình
cũng phải cho rằng những người điều phái viên đáng
được trả lương cao hơn.

Hơn nữa khả năng tiến thủ của các điều phái
viên trên không, trái với nhiều người làm các nghề
khác, cũng không có gì sáng sủa lắm. Chức trưởng
nhóm không nhiều và chỉ rất ít người may mắn
được chức ấy.

Tuy thế, nếu như tất nhiên anh không phải người
nhẹ dạ và không có khát độ khinh rẻ công việc, — anh
sẽ không đi đâu khỏi đây được. Vì thế, Káyz nghĩ,
cả anh cũng không thể đi được, đành phải bán lại lần
nữa với Natali: đã đến lúc cô ấy phải biết chấp nhận
và hiểu rằng không thể thay đổi được. Với lại ở tuổi
anh, anh chẳng muốn bắt đầu làm lại cuộc đời.

Bây giờ đã đến lúc anh phải về vị trí thật rồi. Nhìn
đồng hồ anh không khỏi cảm thấy có lỗi khi nhận
ra đã gần mươi lăm phút trôi qua kể từ lúc anh rời
phòng điều phái. Phần lớn thời gian đó anh như ở
trong trạng thái mơ màng, điều rất ít khi xảy ra với
anh, và vừa rồi xảy ra có lẽ là do tác động của ngày
mùa hè êm á. Káyz khép cửa sổ buồng vệ sinh lại.
Rồi ra ngoài hành lang, anh với vẻ bước về phòng
điều phái.

Trên vùng Frederik bang Merilend, sau khi phóng tit lên cao, trung úy Nil mới cho chiếc máy bay T - 33 nằm ngang trở lại và bay thẳng. Anh ta lơ đãng nhìn khoảng không xung quanh: gần đó không có chiếc máy bay nào cả. Thấy thế anh ta bèn chúc ngay đầu máy bay xuống, làm cù lộn, rồi tiếp đó là cú lăn ughiêng thứ nhất.

Vừa bước vào phòng điều phái, Káyz nhận thấy ngay nhịp điệu làm việc đã thay đổi. Tiếng ồn của các cuộc nói chuyện tăng lên. Tất cả các điều phái viên đều bận rộn và không ai ngoài nhìn anh khi anh đi ngang qua nữa. Káyz kỵ vào sô trực nhật ghi thời gian anh quay lại, sau đó ra đứng sau lưng Giooc, đè «nhờ lại bức tranh», vừa cố làm cho mắt quen với cái bóng tối lờ mờ trong phòng mà vừa ở ngoài nắng bước vào anh thấy nó càng tối hơn. Giooc làm bầm «Chào!» — rồi lại tiếp tục dùng điện đài chỉ dẫn cho các máy bay. Khoảng một hai phút nữa, khi «nhờ bức tranh» xong, Káyz sẽ thay thế Giooc và ngồi vào chỗ của mình. Dù sao, Káyz nghĩ, vừa nãy đè Giooc ở lại một mình cũng có lợi cho anh ấy — bây giờ anh ấy sẽ cảm thấy tự tin hơn. Peri Luné đang theo dõi nhóm bên cạnh nhận thấy Káyz đã quay lại.

Káyz nghiên cứu màn ảnh và những chấm sáng đang chuyển động trên đó — những máy bay do Giooc nhận. — sau đó tập trung quan sát chủ ý sang những cái cần nhỏ di động chỉ hướng bay. Đúng lúc đó một chấm xanh lá dập vào mắt Káyz. Anh giật giọng hỏi Giooc:

— Máy bay nào bay cạnh chiếc «bích-bonanza» thế này, Giooc?

Viên trung úy Nil đã làm xong động tác lớn và lần nghiêng lần thứ nhất. Anh ta lại phóng lên cao mươi lăm nghìn fut, vẫn ở trong vùng Frederik, tuy có hơi chêch về phía Nam. Sau khi lên cao, anh ta lại cho chiếc T-33 của mình nằm ngang rồi bắt thăng chúc xuống dưới, làm động tác bồ nhào và bắt đầu cú lộn vòng thứ hai.

* — Máy bay nào? — Giooc nhìn theo tay chỉ của Käyz và « ối » lên một tiếng. Sau đó giọng lạc hẳn đi, anh ta kêu lên — Trời ơi!

Bảng động tác rất nhanh, Käyz giật ngay chiếc tai nghe ra khỏi đầu Giooc và dùng vai huých anh ta ra khỏi ghế. Sau đó anh bặt ngay công tắc của tần số cần thiết và ấn vào nút micrò :

— « Bitch-bonanz bốn trăm linh ba », trung tâm Oasinhton đây. Bên trái bạn có chiếc máy bay lạ. Rẽ sang bên phải ngay!

Chiếc T-33 đã xuống tới điểm thấp nhất trong vòng lộn. Trung úy Nil kéo cần lái về phía mình cho tăng hết ga rồi phóng vút lên cao. Đúng lúc đó, trên đường hàng không V-44, chiếc máy bay nhỏ xu « bitch-bonanz » chở Irving Redfern và gia đình ông, đang ở trên đầu anh ta.

Trong phòng điều phai... mọi người nín thở... nghiến răng... im lặng theo dõi hai chấm xanh-sáng đang sắp sửa đâm vào nhau.

Trong ống nghe bỗng lục cục vang lên vọng nói :

— Trung tâm Oasinhton, « bitch-bonanz » đây... — Đến đây là hết! liên lạc bị cắt đứt.

Ký sự kinh tế Irving Redfern là người phi công

nghệp đà tương đối có kinh nghiệm, nhưng dù sao vẫn là nghiệp dư, chứ không phải chuyên nghiệp.

Người phi công đã quen lái máy bay trên các tuyến đường hàng không, sau khi nhận mệnh lệnh của trung tâm Oasinhton, phải cho máy bay rẽ sang phải ngay. Nghe giọng nói của Kâyz anh ta phải cảm thấy điều đó là cần thiết, và cứ biết chấp hành ngay tức khắc, chứ không được chần chờ, hỏi han gì hết. Người phi công chuyên nghiệp sẽ mặc xác tất cả những hậu quả có thể xảy ra khi phải thay đổi hướng bay, cái chính là phải tránh tai nạn, bởi vì những chỉ dẫn của trung tâm chắc chắn đã báo trước điều đó. Sau lưng anh ta, trong khoang hành khách, cà-phê có thể chảy lênh láng, những đĩa thức ăn có thể bắn tung, thậm chí có người có thể bị thương. Sau này người ta có thể bắt đầu khiếu nại, kiện cáo, buộc tội, thậm chí có thể mở ra cuộc điều tra của hội đồng hàng không dân dụng. Nhưng ít ra thì tất cả vẫn sống sót. Muốn vậy chỉ cần một điều là phải phản xạ thật nhanh chóng — có vạy thôi. Nếu làm như vạy, già đình Redfern cũng đã không bị chết.

Ở các phi công chuyên nghiệp, nhờ những cuộc luyện tập và kinh nghiệm, những phản xạ của họ rất nhanh chóng và chính xác. Irving Redfern không có được những đặc tính ấy. Ông ta là một người cẩn kỹ, cẩn thận, kiêm bác học, quen làm việc cái gì cũng phải suy nghĩ tinh toán trước rồi mới hành động, và khi hành động thì theo đúng các nguyên tắc. Vì thế lúc đầu ông ta nghĩ rằng phải gọi điện về trung tâm Oasinhton hỏi lại xem có đúng ông ta nhận được lệnh như thế không. Bề làm việc đó, ông ta phải mất hai hay ba giây — nghĩa là toàn bộ số thời gian ông

ta ch. Chiếc T-33, sau khi ra khỏi vòng lõng, lại vút lên cao và đã đâm vào chiếc « bitch-bonanz » — có tiếng kim loại chạm vào nhau nghe xé tai và cánh trái của chiếc máy bay bị văng đi. Chiếc T-33 cũng bị hư hỏng nặng, nhưng nó vẫn còn bay lên được một đoạn nữa theo quán tính, nhưng khoang trước của nó bắt đầu rơi lá tả. Thay thế Trung úy Nil, tuy chưa hiểu hết có chuyện gì xảy ra — anh ta chỉ thoáng nhận thấy có bóng một chiếc máy bay khác bay vút qua — nhảy ra khỏi cabin và treo lơ lửng trên chiếc dù cấp cứu. Phía dưới anh ta, chiếc « bitch-bonanz » chở gia đình Redfern bị mất thăng bằng đang lún trôi trong không khí và rơi xuống dưới.

Hai tay-Kayz lật run run ẩn vào nút mícô :

— « Bitch-bonanz bốn trăm lính ba », trung tâm Oasinheton đây. Nghe rõ không ?

Giaoে đứng cạnh anh, hai môi cứ mấp máy không thành tiếng. Một anh ta căt không còn giọt máu.

Trong khi họ đứng chờ người và thất kinh cạnh màn ảnh, thì hai chấm sáng màu xanh đó cứ tiến lại gần nhau, một tia sáng trắng lóe lên, rồi tắt cả tắt ngấm.

Peri lunt cảm thấy có chuyện gì chẳng lành, xích ghế lại gần họ :

— Có chuyện gì vậy ?

Cô bạn Kayz khô rang, anh nói một cách khôn nhọc :

— Hình như vừa có hai máy bay đâm nhau trên không.

Giọng anh lúc đó vang lên như trong cơn sê

mộng, và tất cả những ai nghe thấy giọng ấy đều sẵn sàng muốn trả giá rất đắt để không bao giờ nghe thấy nó nữa, nhưng lúc này giọng nói ấy đã ăn sâu vào trí nhớ họ suốt đời.

Trong chiếc « bitch-bonanz » xấu số đang quay tròn rơi xuống dưới, Irving Redfern vẫn đang ngồi trong buồng lái — có thể là vì vô ý thức, mà cũng có thể muốn cố nốt vắt lâm việc gì đó để cứu vãn, — ăn vào nát chiếc micro của mình và chiếc điện đài lại bắt đầu làm việc.

Tại trung tâm Qasinhthon, chiếc loa mào trên già mà Kayz bật ngay khi vừa xảy ra tai nạn, k้อง cõ tiếng. Lúc đầu nghe thấy những tiếng lao xao, sau đó những tiếng hét thất thanh nghe gai hết người. Trong phòng điều phái bao nhiêu cái đầu đều quay cả về phía chiếc già. Các khuôn mặt trắng nhợt. Giooc cù ntre nở như người điên. Các điều phái viên trướng các nhóm bỏ vị trí của mình chạy lại nhóm của Kayz.

Bỗng nhiên, át tất cả những tiếng ồn và tiếng hét ấy, một giọng vang lên lạnh lùng, nghe rất rõ, giọng van xin, cõ đơn và sợ hãi. Lúc đầu không nghe được rõ tất cả các lời. Mãi sau cho quay đi quay lại băng ghi âm người ta mới nghe rõ tất cả các từ và nhận ra giọng nói đó là của cô bé chín tuổi. Valéri Redfern.

— ... Mẹ ơi ! ... Bố ơi ! ... cứu con với, con không muốn chết đâu ! ... Chúa thương con với, con tốt lắm... Con xin Chúa ! Con không muốn...

May mà cái tin hiệu bắt được đến đó bị tắt.

Chiếc « bitch-bonanz » rơi và cháy ngay ở làng Lixabon, bang Merilend. Cả bốn nạn nhân không sao có thể nhận dạng được, và người ta đem tất cả những

mạnh thì thè còn lại của họ chen chung vào một nấm mồ.

Trung ay Nil thì nhảy dù thoát nạn xuống một nơi cách nơi xảy ra tai nạn chừng năm dặm.

Cả ba điều phái viên có liên quan đến tai nạn — Giooc Uolen, Kays Bayeoxfend và Perilunt, — bị định chỉ ngay súng sẽ cho đến khi điều tra xong.

Điều phái viên tập sự Giooc về sau được tuyên bố là hoàn toàn vô tội, vì trong thời gian xảy ra tai nạn anh ta chưa phải là điều phái viên chính thức. Tuy nhiên anh ta vẫn bị đuổi ra khỏi biên chế nhà nước và vĩnh viễn cấm không được làm điều phái viên trên không.

Toàn bộ trách nhiệm đè vào đầu anh da đen trẻ tuổi Peri Iunt. Tiêu ban điều tra trong nhiều ngày và nhiều tuần liền cho chạy lại bằng ghi âm để nghiên cứu các bằng chứng và kiểm tra lại những quyết định mà Iunt đưa ra trong mấy giây cực kỳ căng thẳng, và cuối cùng người ta kết luận rằng, lê ra anh ta không được giành quá nhiều thời gian như thế cho chiếc máy bay Orient, mà phải theo dõi chặt hòn Giooc trong khi Kays vắng mặt. Coly việc Peri Iunt tình nguyện nhận làm gấp đôi công việc, mà thực ra anh ta hoàn toàn có quyền từ chối, hoàn toàn không được tiêu ban tinh thần. Peri Iunt bị khiển trách và giáng chức.

Kays Bayeoxfend cũng hoàn toàn vô tội. Tiêu ban điều tra hết sức cẩn gắt nhận định rằng Kays đã chính thức xin lui ra ngoài một lúc rằng yêu cầu của anh là chính đáng, và khi bỗ ra ngoài cũng như khi quay trở lại phòng làm việc, anh điều có ký vào sổ

trực theo đúng nội quy. Hơn nữa: khi quay về anh đã phát hiện ra ngay nguy cơ xảy ra tai nạn và đã cố tìm cách ngăn chặn nó. Tiêu ban ghi nhận khả năng phán đoán tinh huống và xử lý nhanh chóng của Káyz, mặc dù anh vẫn không cứu được tai nạn.

Lúc đầu vẫn đề Káyz vắng mặt ở phòng điều phái bao lâu không được đặt ra. Nhưng cuối cuộc điều tra, khi đã cảm thấy sự việc của lunt sẽ kết thúc ra sao, Káyz đã tự nêu vấn đề đó ra và nhận toàn bộ lỗi về phía mình. Người ta nghe anh một cách lịch sự, nhưng rõ ràng tiêu ban xem những lời khai của anh chỉ là một hành động cao thượng không hơn không kém. Thậm chí khi biết Káyz định lái vẫn đề đến chỗ nào, người ta còn không để anh nói hết. Và trong báo cáo kết luận của tiêu ban người ta không nhắc một lời nào về anh nữa.

Lực lượng cận vệ quốc gia cũng mở cuộc điều tra riêng của họ, và trong quá trình điều tra, họ phát hiện ra viên trung úy Henk Nil, do cầu thê, đã vi phạm lệnh chỉ được bay trong phạm vi căn cứ không quân Middontau, và đã cho chiếc T-33 tiến đến gần khu vực đường hàng không V-44. Song vì không thể xác minh được vị trí chính xác của anh ta, nên không có gì buộc tội anh ta được. Viên trung úy Nil vẫn tiếp tục buôn bán ô-tô và vào những ngày nghỉ cuối tuần vẫn bay.

Khi được biết quyết định của tiêu ban, Peri lunt bị cú choáng đầu tiên. Người ta phải đưa anh vào bệnh viện tâm thần. Tình trạng sức khỏe của anh le ra đã bắt đầu trở lại bình thường, dù dùng một cái anh nhận được qua bưu điện, từ một địa chỉ nặc danh, một tờ công báo in bằng ti-pô do một nhóm

hữu khuynh náo do ở California là, trong đó lớn tiếng
càng kích việc trao quyền công dân cho những người
da đen. Bản công báo tay đã sốt sắng xuyên tạc sự
thật về vụ tai nạn Redfern. Peri Lunt được mô tả
trong đó như một tên da đen ngu ngốc và đần độn,
không hiểu được cái trách nhiệm người ta giao cho
y quan trọng như thế nào, và y đã tỏ ra rất dũng
dụng với cái chết của gia đình Redfern. Vụ tai nạn
này, tờ tin khẳng định là lời cảnh cáo đối với những
«dảng viên tự do bảo làm» đã giúp bọn da đen giữ
những chức vụ quan trọng hoàn toàn không phù hợp
với khả năng trí óc của chúng. Bản tin kêu gọi phải
dùng «chồi» quét sạch những tên da đen làm điều phải
viên trên không «trong khi chưa xảy ra vụ tai nạn
khác tương tự».

Vào lúc khác, một người có đầu óc như Peri
Lunt chẳng hơi đâu để ý đến tờ bản tin này — có gì
phải dày với lũ người cuồng? Nhưng Peri Lunt chưa
bình phục hẳn, và bản tin đã có tác hại tới anh: tình
trạng sức khoẻ của anh lại bị sa sút nghiêm trọng,
và lẽ ra anh còn phải nằm lâu trong bệnh viện. Nhưng
tiều ban chính phủ từ chối không chịu trả tiền viện
phi cho anh, lấy cớ rằng bệnh của anh không phải do
chấn thương thần kinh trong khi thi hành nhiệm vụ
nhà nước. Người ta cho Lunt ra viện, nhưng anh
không trở lại phòng điều phái nữa. Kays nghe nói,
anh ta xin vào làm cho một tiệm bar nào đó ngoài
cảng Bentimor và bắt đầu uống rượu khùng khiếp.

Giooc Uolex thì biến mất tăm. Người ta đồn anh
ta lại xin vào quân đội — nhưng lần này vào bộ binh
chứ không vào không quân. — và giữa anh với cảnh
sát quân đội xảy ra những xích mích nghiêm trọng.

Người ta kề là Glooc thường hay gây sự đánh nhau, nhưng bao giờ cũng tìm cách để người khác đánh anh ta. Tuy nhiên những lời đồn ấy chưa có gì là bằng chứng.

Còn về Káyz Baycoxfend, thì một thời gian tưởng như cuộc sống của anh lại trôi qua bình thường. Khi cuộc điều tra kết thúc, người ta lại phue hồi công việc cho anh — ở chỗ cũ và vẫn chức vụ cũ. Và anh đã quay về Lixberg. Các đồng nghiệp của Káyz hiểu rằng bi kịch xảy ra với anh rất dễ xảy ra với bất kỳ ai trong số họ, nên họ tỏ ra rất thiện chí và thông cảm với anh. Và thời gian đầu mọi chuyện đều tốt đẹp. Sau cái lần cố lousy tiêu ban điều tra tới chi tiết, là trong cái ngày bi thảm ấy, anh đã luân quẩn trong buồng vệ sinh quá lâu, nhưng không thành công, anh không bao giờ nói với ai về chuyện ấy nữa, thậm chí với Natali. Song kỷ niệm về chuyện đó đã ăn quá sâu trong óc anh.

Natali là người vợ rất chu đáo và yêu anh. Cô biết rằng Káyz bị chấn thương tinh thần và sau cơn sốc ấy người ta không thể bình thường ngay được, nên cô tìm mọi cách chiều theo tâm trạng của chồng: cô chuyện trò vui vẻ khi cảm thấy anh thích như vậy, và im lặng khi thấy anh cũng im lặng. Lúc chỉ còn lại mình cô với Braian và Teo, Natali lại tìm cách giảng giải cho các con biết tại sao chúng phải giữ ý với bố.

Káyz không thể không biếu và biết ơn những cố gắng của Natali. Và chiến thuật của cô iẽ ra cũng có kết quả, nếu như không có vấn đề khác: người điều phai viên trên không rất cần được ngủ, mà Káyz lại ngủ rất ít, có khi anh thức trắng cả đêm. Mà cứ

động chụp mắt là anh lại bị rơi vào một cơn ác mộng : anh nằm mơ thấy phòng điều phái ở trung tâm Oasintea vào trước lúc xảy ra tai nạn vài phút ... những chấm sáng màu xanh nhích lại gần nhau ... anh nghe thấy chính giọng nói của anh ra lệnh qua điện đài ... sau đó ... tiếng hét thất thanh và giọng nói vẫn xin của cô bé Valéri Redfern.

Đôi khi giấc mơ đó hơi thay đổi. Káyz đang định bước lại chỗ mình, giật tai nghe ra khỏi đầu Giooc và báo động cho Redfern, nhưng đôi chân anh không chịu nghe, tất cả mọi cử động của anh đều chậm chạp, tựa hồ không khí hỗn nhiên dày đặc và phải ra sức phá vỡ nó. Bộ óc Káyz làm việc chính xác chưa từng thấy : giả anh có thể bước nhanh hơn một chút, anh đã kịp ngăn được tai nạn... Nhưng dù anh cố sút đến mấy, chiếc tai nghe vẫn rơi vào tay anh quá chậm. Lần khác anh và kịp tai nghe thì tự nhiên anh bị mất tiếng, không nói được. Giả anh nói được dù chỉ một lời thôi, anh đã kịp báo cho họ và cứu được họ. Anh căng lồng ngực và các dây thanh quản ra, thầm ra lệnh cho họ, nhưng ở trong anh không phát ra được âm thanh nào.

Tóm lại, muốn gì thì muốn, giấc mơ bao giờ cũng kết thúc giống nhau — bằng những từ cuối cùng vắng đến tai anh của chiếc điện đài trên chiếc bitch — bô-danz, những từ mà anh đã nghe không biết bao nhiêu lần qua băng ghi âm trong thời gian điều tra. Anh tinh dại, nằm bên Natali mà nghĩ ngợi, nhớ lại, trước sao có phép gì đó có thể thay đổi lại chuyện đã qua. Dần dần anh cảm sợ không dám chụp mắt, anh phải sửa đuôi những con buôn ngủ để khỏi lại bị tra tấn bởi những giấc mơ hãi hùng.

Và chính giữa lúc đêm khuya thanh vắng ấy
lương tâm ngày càng nhão nhố rời những phút
anh hồn cắp trong giờ làm việc — những giây phút oan
nghịch khi anh có thể và cần phải trở lại chỗ làm
việc sớm hơn, nhưng do vô tâm anh lại không làm
như vậy mà cứ đứng chìm đắm vào những suy tư
cảm xúc. Bởi Käyz biết rõ một điều mà người khác
không biết: tâm thảm kịch xảy ra với gia đình Red-
fern là do lỗi của anh chứ hoàn toàn không phải tại
Peri Iunt. Peri Iunt chỉ là nạn nhân vô tình, nạn nhân
của một loạt những tình huống bất ngờ. Anh ta là
bạn của Käyz, và tin tưởng một người có lương tâm
như Käyz, chắc chắn sẽ nhanh chóng quay lại phòng
làm việc. Trong khi đó, thừa hiểu rằng bạn anh phải
làm việc thay cho hai người, và gánh thêm việc như
vày khó khăn vất vả thế nào, Käyz vẫn ở lại buồng
vệ sinh lâu hơn cần thiết, và do đó đã phơi lòng tin
của Iunt. Kết quả là Peri Iunt hóa ra là kẻ hoàn toàn
có lỗi và đã phải chịu tội thay cho Käyz.

Peri Iunt trở thành kẻ giờ đầu chịu báng.

Nhưng dù sao Peri lunk vẫn sống. Còn gia đình
Redfern thì chết. Họ chết chỉ vì Käyz đã quá mờ
màng, say sưa ngắm ánh nắng mặt trời, để cho một
người tập sự chưa đủ kinh nghiệm gánh vác trách
nhiệm mà chính ra là của anh, của Käyz; người đã
được đào tạo tốt hơn để thực hiện những trách
nhiệm ấy. Tất nhiên, nếu anh trở lại chỗ làm việc
sớm hơn, anh đã phát hiện ra chiếc T-33 từ lâu trước
khi nó đến gần chiếc «bitch-bonanz» của Redfern.
Chắc chắn là như vậy. Bởi thực tế, khi vừa trở
về chỗ làm việc, anh đã nhận ra ngay chiếc máy
bay ấy.

Cứ thế... bấy giờ này đến giờ khác, tựa như bị buộc vào cõi xay, ý nghĩ của Kayz cứ quay về với điểm đã định, nó dày vò hành hạ anh, gặm nhấm lương tâm anh, anh phát điên lên không chịu nổi. Đôi lúc anh thiếp đi vì kiệt sức — và còn ác mộng lại xuất hiện, và anh lại tỉnh giấc.

Ý nghĩ về gia đình Redfern cả ngày lẫn đêm không lúc nào rời bỏ anh. Irving Redfern, vợ và con ông ta cứ hiện lên trước mắt Kayz, mặc dù trong đời chưa bao giờ anh nhìn thấy họ. Những đứa con riêng của anh — Brian và Teo, sống và khoẻ mạnh, — dường như là lời trách móc thường xuyên với anh. Anh cảm thấy bình như anh có lỗi cả trong việc anh đang sống và hít thở.

Bệnh mất ngủ, sự mất thăng bằng trong tâm hồn, nhanh chóng ánh hưởng đến anh trong khi anh làm việc. Phản xạ của anh không còn nhanh chóng nữa, anh bắt đầu phản ứng do dự trước khi quyết định điều gì. Thậm chí một hai lần anh còn đe mất «bức tranh» và phải nhờ đồng nghiệp đeo giúp. Về sau anh hiểu ra, người ta luôn luôn chăm chú theo dõi anh. Kinh nghiệm khiến cấp trên của anh biết rằng chuyện gì có thể xảy ra và tình trạng quá suy nhược có thể dẫn đến hậu quả như thế nào.

Người ta gọi anh lên gấp ban giám đốc, nói chuyện một cách thân tình với anh — nhưng cũng không ăn thư gì. Thấy vậy, theo đe nghị của Ossington, và với sự đồng ý của chính bản thân Kayz, người ta chuyền anh từ bờ biển phía đông sang khu vực tây bắc, đến sân bay quốc tế Linheon, hy vọng việc thay đổi chỗ làm việc sẽ có tác dụng tốt với anh. Khi đưa ra đề nghị nhận đạo ấy, những người lãnh

đạo đã tinh cẩn đến chuyện anh trai của Käyz là Mel Baycoxford làm giám đốc ở sân bay này, và có thể, biết cách tác động tới Käyz. Còn Natali, mặc dù rất yêu mến thành phố Morimond, vẫn chấp nhận chuyện đến nơi mới không kêu ca một lời.

Nhưng không biện pháp nào mang lại kết quả gì.

Cảm giác có lỗi, cũng như những con ác mộng, vẫn cứ ám ảnh Käyz hoài, chúng chỉ ngày càng sâu sắc hơn, tuy hình thức có hơi khác, nhưng thực chất không thay đổi. Bây giờ không dùng thuốc ngủ do một người bạn của Mel ghi đơn cho anh, Käyz không tài nào ngủ được.

Mel hiểu chuyện xảy ra với em trai, nhưng ông không hiểu hết tất cả. Käyz vẫn không hé răng nói với ai chuyện anh ở lại quá muộn trong buồng vệ sinh ở trung tâm Lixberg. Ít lâu sau, nhận thấy tình trạng của em trai ngày càng xấu đi, Mel cố thuyết phục Käyz vào bệnh viện tâm thần, nhưng Käyz từ chối. Anh suy nghĩ kết sức đơn giản. Đã tìm một thứ thuốc vàn nắng hay một phép màu nào đó để giải thoát anh khỏi cảm giác tội lỗi làm gì, nếu như bản thân anh ý thức được tội lỗi của mình, và không gì trên trái đất cũng như trên trời, không một khoa thần kinh nào có thể thay đổi được cái gì ở đây.

Tình trạng của Käyz ngày càng tồi tệ, đến nỗi ngay cả Natali, tuy đã rất biết thích ứng với hoàn cảnh, cuối cùng cũng không chịu đựng nổi nữa. Natali biết anh khó ngủ, nhưng cô hoàn toàn không biết gì về những con ác mộng của chồng. Vì thế một hôm chịu hết nỗi, cô đã hỏi Käyz với giọng đau xót:

— Chá lẽ suốt đời bây giờ chúng em cứ phải khoác bộ áo khò hành này hay sao? Mẹ con em

không được phép vai vế, em rồi đâu nứa hay sao? Nếu anh cứ tiếp tục sống theo kiểu như thế, anh hãy nhớ rằng: em không thể sống như thế được, và em cũng không cho phép Brian và Teo sống trong không khí như vậy.

Kayz không nói gì, và Natali lại tiếp:

— Em đã nhiều lần nói với anh: cuộc sống của chúng ta, cuộc hôn nhân của chúng ta, con cái chúng ta, — tất cả, những cái đó còn quan trọng hơn công việc của anh nhiều. Nếu anh không đảm đương được nó nữa, thì việc gì anh cứ phải tự hành hạ mình như thế? Bỏ quách nó đi mà làm việc gì khác. Em biết lúc nào anh cũng nói với em: Chúng ta sẽ ít tiền hơn, sẽ bay mất phu cắp. Nhưng những cái đó đâu phải là toàn bộ cuộc đời. Chúng ta sẽ xoay xở được. Khó khăn vật vã em không sợ, Kayz ạ, em sẽ chịu được. Có thể em sẽ tham phiền đôi chút, nhưng chỉ một chút thôi, chứ sống mãi thế này em không thể sống nổi. — Có không kim được nước mắt, nhưng có trầu tinh nói nốt: — Em bảo trước đê anh biết, em sẽ không chờ lâu nữa đâu. Nếu anh cứ bướng bỉnh, thì anh sống một mình.

Lần đầu tiên Natali nhắc tới khái niệm có thể tan vỡ. Và cũng từ đó lần đầu tiên Kayz này ra ý nghĩ tự vẫn.

Ý nghĩ đó càng ngày càng sâu hơn và cuối cùng trở thành quyết định dứt khoát.

Cánh cửa phòng thay quần áo bỗng mở. Có tiếng côn tac đèn bật «tách». Kayz néo mắt lui vì ánh sáng trên trần: anh lại đang ở trên tháp điều khiển trong sân bay quốc tế Linhcon.

Người vừa bước vào phòng là một điều phải viên khác — cũng vừa được nghỉ giải lao. Kazy nhét vào trong xô nhựa miếng bánh xăng-uych mà cuối cùng anh vẫn không động đến, khóa tủ lại, rồi quay đi sang phòng ra-đa. Người bạn đồng nghiệp của anh tò mò nhìn theo anh. Cả hai người không ai nói với ai câu nào.

Không biết, Kazy nghĩ, người ta đã cho chiếc máy bay quân sự bị hỏng máy bộ đâm kia hạ cánh được chưa. Chắc phải hạ cánh được rồi, và phi hành đoàn không ai việc gì. Dù sao Kazy cũng hy vọng mọi việc diễn ra êm thầm. Anh chỉ mong sao tối hôm nay có người nào đó gặp được chuyện gì tốt lành.

Trong lúc trở lại phòng ra-đa, anh thò tay vào túi quần sờ chiếc chìa khóa buồng khách sạn để một lần nữa tin chắc nó vẫn còn dây. Chiếc chìa khóa này anh sắp cần đến.

4

Bỗng một tiếng đồng hồ trôi qua kể từ lúc Tanja Livinhton chia tay với Mel Baycoxend trong gian phòng trung tâm của sân bay. Nhưng đến tận bây giờ — tuy từ đó đến nay đã xảy ra khá nhiều sự kiện, — chị vẫn còn cảm thấy sự va chạm của tay ông và nhớ lại giọng ông nói với chị khi hai người xuống thang máy: «Ít ra tôi cũng có cơ để được gặp chị lần nữa trong tối hôm nay».

Tanja muốn tin rằng cả Mel cũng nhớ tối chuyện đó và ông sẽ tìm được thời gian để ghé đến chỗ chị, mặc dù chị biết ông có việc phải vào thành phố.

Cái «cờ» Mèl nháu đến nǎm ở cái tin mà Tania nhận được lúc ngồi trong quán cà phê. — Trên máy bay chuyén tám mươi người ta phát hiện ra một hành khách đi lậu vé, — nhân viên của hãng Trans Oinérico giải thích cho Tania biết, — người ta cho gọi bà. — Rồi anh nói thêm: — Theo tôi được biết, chắc bà sẽ vặt vé, đây, vì lần này khách đi lậu vé hình như rất lão luyện.

Anh nhân viên đó nói đúng.

Lúc này Tania lại đang ngồi trong phòng khách nhỏ ở tầng sau dãy quầy làm việc hãng Trans Oinérico, nơi mới cách đây không lâu chị đã phải an ủi một cô bán vé của hãng — cô Petxi Xmit. Lúc này trước mặt chị, chỗ cô Petxi ngồi lúc nãy, là một bà già nhỏ nhắn ở Xan-Điégo.

— Chắc bà thành thạo chuyện này lắm rồi phải không? — Tania hỏi.

—Ồ, dĩ nhiên rồi, con ạ. Mẹ đã bay như thế mấy lần rồi.

Bà lão ngồi lại cho ngay ngắn trong ghế sa-lông. Hai tay đặt trên lòng, bà ta cứ mân mê chiếc khăn tay nhỏ viền đặng ten. Vận toàn đồ đen, với chiếc áo cánh lối thời cổ cao, nom bà ta giống hệt bà nội của một gia đình nào chuẩn bị đi lễ nhà thờ. Nhưng kỳ thực bà ta bị bắt quả tang khi bay lậu vé từ Lox Angiolex đến Niu-yoc. Theo như Tania đọc được trong một cuốn sách nào đó, ngay từ năm 700, trước ngày Lễ Giáng sinh, trên những chiếc tàu thủy của người siniki rẽ sóng trên vùng đông biển Địa trung hải, người ta đã bắt được những người đi lậu vé. Hồi ấy, nếu bị bắt quả tang, người đi lậu vé sẽ

bị tử hình: người lớn thì bị mổ bụng, trẻ con thì bị thiêu sống trên đàm lửa.

Về sau các hình phạt cũ giàu nhẹ dần, và số người đi lâu vé tất nhiên không bớt đi.

Tania nghĩ, không biết mọi người — tất nhiên trừ một số ít người làm trong ngành hành khống — có hình dung được rằng, kể từ khi xuất hiện những máy bay phản lực và số lượng hành khách tăng như tốc độ, vận chuyễn họ tăng vọt hẳn lên, thì « bệnh dịch đi lâu vé » đã lan rộng tới mức nào không? Có lẽ không ai hình dung nổi. Các hãng hàng không số giấu bít mật chuyện đó; vì sợ khi thông báo cho dân chúng biết những số liệu này, thì chính họ sẽ bị gãy ông đập lưng ông, và kết quả là số người đi lâu vé sẽ càng tăng hơn nhiều. Tuy nhiên, vẫn có người biết tông rằng đi lâu vé thật hết sứ đơn giản. Bà lão ở Xan-Điêgo này chính là một trong những người ấy.

Tên bà ta là Ada Quonset — Tania đã kiểm tra lại điều đó qua tấm thẻ bảo hiểm mà bà ta chia cho chị xem — và chắc chắn bà ta đã ứng dụng bay tới được Niu-yooe, nếu như bà ta không phạm một sai lầm nhỏ. Bà ta đi tiết lộ cho một ông khách ngồi cùng ghế biết là bà ta đi không có vé, thế là ông này lập tức báo ngay cho cô chiêu dải viễn biếc. Cô chiêu dải viễn lại báo lại cho trưởng phi hành đoàn, và dập lườt mình, ông này điện về cho sân bay gần nhất, vậy là người bán vé cùng người bảo vệ đã đứng đón sẵn máy bay tại sân bay quốc tế Linkcôn, để lôi bà lão xuống. Người ta dẫn bà lão đến gặp Tania là người kiêm cả trách nhiệm tiếp các hành khách lâu vé khi băng máy bay tóm đượn họ.

Theo thói quen, Tania đưa tay vuốt lại nếp váy
đồng phục bó sát người.

— Thôi được — chị nói, — tốt hơn cả bà hãy kê
lại cho tôi biết đầu đuôi như thế nào.

Bà lão xoè hai bàn tay nhỏ nhăn ra rồi lại nắm
vào nhau — chiếc khăn tay hơi bị xé đi.

— Chả là mẹ đã goá chồng, mẹ có một đứa con
gái — nó lấy chồng và sống ở Niu-yooe. Thỉnh thoảng
mẹ thấy nhớ nó quá và muốn đến thăm nó. Thế là
mẹ đến Lôx Angiolex, leo lên máy bay và bay đến
Niu-yooe.

— Chả lẽ đơn giản như thế sao ? Leo lên máy
bay, rồi bay. Không cần vé ?

Bà Quenset có vẻ hoài giHUD.

— Chà, con ơi, mẹ lấy đâu ra tiền mua vé ! Mẹ
chỉ sống vào tiền trợ cấp riêng, cộng thêm một khoản
trợ cấp nhỏ của người chồng quá cố. Mẹ chỉ có thể
trả tiền đi ô-tô buýt từ Xan-Điêgô đến Lôx Angio-
lex thôi.

— Nghĩa là đi ô-tô buýt bà có trả tiền vé ?

— Ồ, dĩ nhiên rồi. Ở đó người ta nghiêm khắc
lắm. Một lần mẹ đã thử mua vé đến bến đậu thôi,
rồi cứ đi tiếp. Nhưng đến mỗi thành phố họ lại kiêm
tra vé, và người lái xe phát hiện ra vé của mẹ không
còn giá trị nữa. Lúc đó ông ta có thái độ rất không
đẹp. Không như các nhân viên hàng không.

— Nhưng tại sao — Tania hỏi — bà không sử
dụng sân bay Xan-Điêgô ?

— Ôi, mẹ sợ lắm, con ạ. Ở đó người ta biết mẹ.

— Bà muốn nói, bà đã bị người ta tóm được ở Xan Biêgo?

— Bà lão chỉ gầm mỉm.

— Phải.

— Thế bà đã bay lậu vé cả trên máy bay của các hãng khác? Không phải chỉ của hãng chúng tôi?

— Cố nhiên. Nhưng mẹ thích hãng Trans Omérico này hơn tất cả các hãng khác.

Tania rất muốn làm cho giọng mình thật nghiêm, nhưng chị thấy khó quá: vì chị cảm thấy câu chuyện cứ như nói về chuyện đi dạo đến cửa hàng ở đầu phố. Tuy vậy chị vẫn giữ được vẻ mặt bình thản hỏi:

— Vậy bà thích hãng Trans Omérico vì cái gì, bà Quonset?

— Con biết đấy, những người làm việc cho các con ở Niu-yoooc là những người hết sức thông minh. Mẹ ở nhà đưa con gái một bài tuẫn, rồi quyết định đã đến lúc phải về nhà. Mẹ đến hãng của các con và kè lại đầu đuôi cho họ nghe.

— Bà kè lại tất cả đúng sự thật? Là bà đã bay đến Niu-yoooc không có vé?

— Tất nhiên rồi, con yêu quý ạ. Thấy thế người ta hỏi mẹ, mẹ bay đến đây bao giờ và chuyến số bao nhiêu — lúc nào mẹ cũng ghi lại những cái đó để khôi phục. Sau đó họ xem lại những giấy tờ gì đó.

— Số nhặt kỹ, — Tania nhắc. « Chả lẽ cuộc nói chuyện này là có thực chứ không phải trong mơ? » — trong đầu chị loé lên ý nghĩ.

— Đúng rồi, con ạ, theo mẹ thì đúng tên nó như thế đấy.

— Bà cứ kêu tiếp đi.

Bà Mô nghe nhiên nhín em.

— Kê tiếp cái gì nữa? Sau đó họ cho mẹ về nhà. Thường họ cho bay ngay ngày hôm đó, trên một trong các máy bay của các con.

— Có thể thôi? Và không ai nói gì với bà hết?

Bà Quonset mỉm cười rất duyên, cứ như bà đang ngồi uống trà ở nhà ông thầy trợ lý.

— Cũng có lần mẹ bị họ quở trách. Họ bảo mẹ làm như thế là không tốt, lần sau không được làm thế nữa. Nhưng đó là chuyện vặt, phải không con?

— Không, — Tania nói. — Đó hoàn toàn không phải chuyện vặt.

Điều khó tin nhất, Tania nghĩ, là tất cả những chuyện đó lại là sự thật. Các hãng hàng không biết rằng những trường hợp như vậy không phải hiếm. «Kê lâu vé» ường dung lên máy bay — mà có rất nhiều cách lên được máy bay — rồi cứ việc ngồi im cho đến hết chuyến bay. Bất được anh ta tương đối khô, nếu anh ta không chui vào khoang «hạng nhất», là khoang một hành khách thừa cũng bị phát hiện ra ngay, hoặc nếu máy bay hôm đó tự dừng chật cứng. Phải, tất nhiên các chiêu dãi viên đếm lại số hành khách theo đầu người, và con số đó có thể không khớp với con số hành khách ghi trong danh sách mà người soát vé ở cửa ra sân bay trao lại cho phi hành đoàn. Lúc ấy có thể này ra nghi ngờ rằng có người bay lâu vé, nhưng nếu vậy trước mặt người kiểm soát vé lên máy bay sẽ này ra vấn đề: hoặc giả anh ta cứ cho máy bay cất cánh, nhưng ghi vào sổ trực rằng số đầu người không hợp với số vé xuất trình.

hoặc giả ánh ta phải kiểm tra lại vé của tất cả các khách đã ở trên máy bay.

Việc kiểm tra vé như thế sẽ mất đứt nửa tiếng đồng hồ, mà mỗi phút dừng lại ở mặt đất của chiếc máy bay trị giá sáu triệu đô-la. Ấy sẽ tốn kém khá lớn. Ngoài ra, lịch bay của máy bay đó, cũng như của tất cả máy bay khác cất cánh tiếp theo nó, đều bị đảo lộn hết. Mùa rời nhangs hành khách cớm phải chuyển máy bay, hoặc đang với đến nơi chờ kịp giờ, sẽ bắt đầu nồi cẩu; và người chỉ huy chuyến bay, hiểu rằng uy tín của người phi công đúng giờ của anh ta sẽ bị thiệt hại, sẽ trút giận lên đầu anh nhân viên hàng không. Anh nhân viên này đâm ra lại nghĩ rằng có khi anh ta đếm nhầm. Hơn nữa, nếu anh ta không có bằng chứng chứng minh rằng anh ta có đủ lý do xác đáng để giữ máy bay lại, thì anh ta sẽ bị ban quản lý vận chuyển «sắc» cho một trận. Rút cuộc lại, cứ cho rằng sẽ lùm đục kẽ lậu vé đi nữa, thì sự hao tốn về độ la và thâm kinh vẫn vượt quá tiền vé cho một người.

Vì thế, trong những trường hợp như vậy, các hãng hàng không thường chỉ làm một việc khôn ngoan duy nhất là đóng cửa máy bay lại và cho nó cất cánh.

Thường thì mọi chuyến đến đó là kết thúc. Khi máy bay đã bay rời, các cỗ chiêu đãi viên chả bao giờ kiểm tra vé nữa, và sau khi chuyến bay kết thúc, các hành khách cũng không bị người ta kiểm tra vé nữa. Kết quả là kẽ lậu vé cứ yên trí bước ra khỏi máy bay mà không bị chất vấn hay hỏi han rắc rối gì cả.

Khi kè lại cho Tanja nghe cách bà ta trả về nhà, bà lão nhỏ nhẫn kia không hề thêm thắt chút nào. Các hãng hàng không cho rằng không thể có kè nào đi lâu vé được, nhưng nếu thực tế vẫn có loại khách như thế, thì chính các hãng là người có lỗi, vì đã không biết ngăn chặn. Vì thế các hãng dành phải chờ hành khách đi lâu ấy về chỗ mà họ bắt đầu bay, và bởi không có cách nào khác, nên những kè vi phạm kia, cũng như tất cả mọi hành khách khác, vẫn được một chỗ ngồi bình thường và hưởng sự phục vụ bình thường, kể cả việc ăn uống.

— Con thật là dễ thương, — bà Quonset nói, — Chỉ thoáng nhìn mẹ nhận ra ngay những người dễ thương. Có điều trong con trẻ hơn phần lớn các nhân viên hàng không mà mẹ đã gặp.

— Ý bà muốn nói những người phải bận rộn với những kè đi lâu vé và những tên lừa lọc?

— Chính thế. — Đúng là chẳng có gì làm bà lão lùng tung được. Bà ngắm nghĩa Tanja với vẻ tân thường. — Theo mẹ con chỉ độ hai mươi tám tuổi là cùng.

Tanja cắt ngay lời bà ta:

— Ba mươi bảy.

— Những trong con vẫn còn trẻ lắm, mặc dù vẫn nhận ra con là một phu nữ chín chắn. Có lẽ tại con đã có chồng.

— Thôi, bà đừng có đùa cợt nữa, — Tanja nói. — Bà làm thế không ảo tha gi đâu.

— Nhưng dù sao con cũng có chồng rồi.

— Phải. Trước kia tôi có chồng.

— Ôi, tiếc quá ! Con có thể để những đứa con xinh xắn biết chừng nào. Cũng có mớ tóc vàng óng như thế này.

Tóc vàng thì có thể được, chứ đừng có tóc bạc. Tania nghĩ. Món tóc bạc ấy chỉ mới phát hiện ra sáng nay. Còn về những đứa con, chỉ có thể nói với bà ta rằng chị đã có một đứa con, hiện giờ nó đang ở nhà, và chắc đang ngủ. Nhưng thay vì nói ra chuyện đó, chị chỉ nghiêm khắc bảo bà Quonset :

— Cái việc bà làm thật là xấu hổ. Đã lừa dối, vi phạm pháp luật. Bà có biết rằng người ta có thể đưa bà ra tòa không ?

Lần đầu tiên trên khuôn mặt nhỏ thô, già nua, nhưng lại ngày thơ như con trẻ, của bà lão thoáng nở một nụ cười đặc thắng :

— Nhưng không ai dám làm thế, phải không con ? Không ai dám kiện tòa vì chuyện đó bao giờ.

Tiếp tục câu chuyện như vậy rõ ràng chẳng ích gì. Cả Tania lẫn bà Quonset đều quá hiểu rằng các hãng hàng không không bao giờ đưa những người đi lậu vé ra tòa, vì làm thế chung sẽ làm lén và có thể mang lại nhiều thiệt hại hơn là ích lợi.

Kè ra, nếu hỏi chuyện cẩn kẽ bà lão này có khi biết được nhiều chuyện thú vị có thể giúp ích cho công việc sau này.

— Bà Quonset, — Tania nói, — bà đã bay lậu vé nhiều lần như thế trên các máy bay của hãng Trans Américas, vậy tôi thiết nghĩ bà có thể giúp chúng tôi một chút.

— Rất sung sướng.

— Tôi muốn biết bà làm cách nào lên được máy bay.

Bà lão tòm tím cười.

— Con không biết chữ, có nhiều cách lắm. Và mẹ cố gắng thay đổi chúng luôn luôn.

— Xin bà cứ kể cho biết.

— Chẳng hạn thế này: thông thường mẹ cố đến sân bay sớm một chút để xin thẻ lên máy bay.

— Chả lẽ việc đó dễ dàng như thế sao?

— Việc xin thẻ lên máy bay ấy à? Ôi, con không biết chữ, dễ lắm! Ngày giờ các hãng hàng không thường sử dụng các bao đựng vé thay cho thẻ lên máy bay. Biết thế nên mẹ tiến đến một cái quầy nào đó, nói rằng mẹ đánh mất cái bao đựng vé, và hỏi họ có thẻ cho mẹ cái khác được không. Mẹ chọn cái quầy nào đông khách và các nhân viên đang bận rộn. Và bao giờ người ta cũng cho mẹ.

Làm gì mà chẳng cho, Tania nghĩ. Vì đó là yêu cầu rất tự nhiên và chính tai chị vẫn thường nghe thấy người ta hỏi xin như thế. Chỉ khác một điều là không phải như bà Quonset, các hành khách kia chỉ muốn có cái bao mới đựng tấm vé của mình, — chứ không có âm mưu ngầm nào cả.

— Nhưng cái bao người ta cho bà là bao không cơ mà, — Tania nhận xét. — Nó không có ghi gì cả.

— Mẹ sẽ vào buồng vệ sinh phụ nữ tự ghi lấy. Lúc nào mẹ cũng có sẵn trong người mấy cái thẻ lên máy bay cũ. Vì thế mẹ biết phải ghi cái gì và ghi vào chỗ nào. Và mẹ luôn đeo trong ví xách một cây bút chì đèn to. — Đặt cái khăn tay viền dăng ten

xuống lòng, bà Quonset mở cái ví xách bằng hạt cườm đen — Con thấy chưa?

— Thấy rồi, — Tania nói và giơ tay cầm lấy cái bút chì trong ví xách — Bà không phản đối nếu tôi giữ lại cái bút này chứ?

Bà Quonset hơi xiu mặt.

— Nhưng đó là bút của mẹ! Thời được, nếu con cầm, tất nhiên mẹ có thể mua cái khác.

— Bà kè tiếp đi, — Tania nói — Nghĩa là bà đã có thẻ lên máy bay. Rồi sao nữa?

— Mẹ đến chờ người ta cho hành khách ra máy bay.

— Đến cửa ra?

— Đúng rồi. Mẹ chờ đúng lúc anh thanh niên soát vé đang bận rộn — mà hễ khi nào cả một đoàn người kéo ra cửa cùng lúc là anh ta cũng đều bận tít — mẹ bèn lén ra ngoài sân bay — và đi thẳng đến máy bay.

— Thế ngộ có người giữ bà lại thì sao?

— Ai giữ mẹ lại, nếu như mẹ có thẻ lên máy bay?

— Thế các cô chiêu dãi viên cũng không kiểm soát gì cả?

—Ồ, các cô ấy còn trẻ lắm mà con! Thường các cô ấy chỉ tán chuyện với nhau, và nếu có đe dọa ai, thì chỉ là đến đòn ông thời. Họ chỉ cần nhìn thấy số chuyến bay, mà mẹ có viết số đó cho thật đúng.

— Nhưng bà vừa nói rằng không phải lúc nào bà cũng dùng thẻ lên máy bay.

Bà Quonset hơi đỏ mặt.

— Lúc ấy, con ạ, mẹ dành phải dùng đến một vài mánh khóc. Có khi mẹ bảo rằng mẹ phải ra đó để chia tay với con gái — hầu như tất cả các hãng đều cho phép như vậy, con cũng biết rồi. Hoặc nếu đó là máy bay từ nơi khác đến và chỉ dừng chân ở đây, thì mẹ bảo mẹ muốn trở về chỗ của mẹ, còn vé mẹ bảo đè lại trên máy bay. Hoặc giả mẹ bảo con trai mẹ vừa lên máy bay để quên cái ví tiền, mẹ phải mang ra đưa cho nó. Trong trường hợp này bao giờ mẹ cũng cầm sẵn ví tiền trong tay, và như thế có tác dụng nhất.

— Phải, tôi có thể hình dung được rồi, — Tania nói. — Tôi thấy bà đã tính toán rất kỹ lưỡng mọi chuyện. — Bây giờ chị đã có tài liệu để viết hẳn một bản thông báo dày cho các nhân viên soát vé và các chiêu đãi viên, chị nghĩ. Nhưng chị lại phản ứng ngay: tờ thông báo đó liệu có ý nghĩa gì không?

— Cái lính đó mẹ thừa hưởng được ở ông lão quá cố của mẹ... Ông ấy dạy toán và lúc nào cũng nói phải tính đến tất cả mọi góc cạnh.

Tania nhìn chăm chăm vào mặt bà Quonset. Bà ta định giấu cợt chị chắc? Nhưng nét mặt bà lão ở Xan-Diêgo vẫn bình thản như không.

— Còn một vấn đề cực kỳ quan trọng nữa mẹ quên chưa nói với con.

Ở cuối phòng có tiếng chuông điện thoại reo. Tania đứng lên, đi lại chỗ máy điện thoại.

— Cái thu già quý quyết ấy vẫn ở chỗ chị phải không? — Tiếng ông trưởng ban phụ trách vẫn đe dọa chuyền hỏi. Ông ta chịu trách nhiệm tất cả các loại công việc vận chuyển do hãng Trans Omeric thực

bịt qua sân bay Linhcoln. Bình thường, đó là con người hiền lành và bình tĩnh. Nhưng hôm nay giọng ông ta có vẻ tức giận. Tất nhiên ba ngày bão tuyết này không thể không ảnh hưởng đến ông ta, khi các chuyến bay cứ bị hoãn đi hoãn lại, phải giải thích với hành khách, và đề nghị họ đi các chuyến khác, chưa nói đến việc liên tục nhận được những yêu cầu từ văn phòng chính của hãng ở bờ biển đông nước Mỹ.

— Vâng, — Tania đáp.

- Chị có moi được tin gì bồ lịch qua mu ta không?
- Không ít. Tôi sẽ gửi báo cáo cho ông.
- Nếu gửi, chị nhớ viết hoa, để có thể đọc được nhé.

— Rõ, thưa ngài.

Chị «ngài» chị nói ra nghe sau cay đến nỗi đầu dây nói bên kia bỗng lặng đi một giây. Sau đó có tiếng ông trưởng ban vận chuyển câu nhau:

- Xin lỗi chị Tania. Có lẽ tôi quá nóng — tôi vừa bị Niuyooc sạc cho một trận. Vì thế tôi đổi xứ với chị như anh chàng chiêu dãi viên bị rơi vào chăn con mèo; có điều tất nhiên chị không phải con mèo. Tôi có thể giúp chị điều gì không?

— Tôi cần một vé đi Lôx Angiolex chuyến hôm nay, cho bà Quonset.

— Con gà mái ấy tên như thế à?

— Phải.

Ông trưởng ban vận chuyển nhăn nhó:

— Chắc lại do hàng trả?

— Tôi e rằng đúng như vậy.

— Tôi khô chịu nhất là phải cho mụ ta đi sớm hơn những hành khách phải bỏ tiền túi ra mua vé và đã phải đợi khá lâu. Nhưng tôi nghĩ có lẽ chỉ đúng: tốt nhất là nên rút cái gánh nặng trên vai càng sớm càng tốt.

— Tôi cũng nghĩ thế.

— Tôi sẽ bảo người ta dành cho chị một vé. Chị có thể ra lấy tại quầy vé. Có điều đừng quên báo cho Lôx Angioled đề họ báo cho cảnh sát sân bay đến và tổng cò mụ già quái quỷ này ra khỏi sân bay.

— Biết đâu bà ta là mẹ của Uitslo' thì sao?

Ông trưởng ban vận chuyển hừm một tiếng:

— Thị bảo cái ông Uitslo' ấy mua vé cho mụ ta. Tania mỉm cười gác ống nghe. Sau đó chị quay lại bà Quonset.

— Bà chưa kè cho tôi nghe một điều quan trọng — về chuyện thái độ của bà trên máy bay ra sao.

Bà lão khùng khinh ra mặt. Khi Tania, trong lúc nói chuyện điện thoại, nhắc đến tấm vé bay về Lôx Angiolex, bà Quonset cứ mỉm chặt môi.

— Bà đã kè cho tôi nghe gần hết — Tania vẫn chưa thôi. Vậy bà kè nốt đi. Tất nhiên nếu còn chuyện đè kè.

— Tất nhiên là còn — Bà Quonset gật đầu khẳng định. — Mẹ muốn nói thêm với con rằng tốt nhất là không nên chọn những chuyến bay dài — những chuyến bay suốt cả nước không dừng lại. Chúng thường chật ních và thậm chí trong khoang du lịch người ta cũng ghi số ghế cho hành khách. Lúc đó sẽ

tắc rõi hơn, mặc dù mẹ cũng đã có lần phải bay những chuyến ấy vì không còn chuyến nào khác.

— Nghĩa là bà chọn những chuyến không bay thẳng. Thế chả lẽ ở những nơi máy bay dừng lại người ta không phát hiện ra bà sao?

— Mẹ vờ như đang ngủ. Và tất nhiên chẳng ai động đến mẹ.

— Những lần này người ta động đến?

Đôi môi mỏng định của bà Quonset nhếch ra thành một nụ cười nhạt; nét mặt bà ta có vẻ hết sức đau buồn.

— Tất cả chỉ tại cái lão ngồi cạnh mẹ. Một con người không ngờ đê tiện. Mẹ tin hắn ta và kè thẹt cho hắn ta biết, thế là hắn ta đi hớt ngay với cớ chiêu dài viễn. Đấy, như thế con bảo làm sao còn tin người được nữa!

— Bà Quonset; — Tania nói. — Tôi chắc bà đã nghe thấy chúng tôi bàn với nhau cho bà quay lại Lôx Angiolex.

Trong đôi mắt già nua màu xám của bà lão lóe lên một tia giận dữ rồi tắt ngay.

— Mẹ có nghe thấy, con ạ. Mẹ đã lo rằng, sẽ kết thúc như vậy. Nhưng trong khi chờ đợi mẹ có thể đi uống nước trà được không? Mẹ sẽ đi tìm nước trà và con cho mẹ biết khi nào mẹ phải quay lại.

— Không được! — Tania lắc đầu ngay. — Bà không được đi đâu một mình cả. Bà có thể đi uống nước trà, nhưng sẽ có một nhân viên chúng tôi đi kèm. Để tôi cho gọi người trông bà, để không phút nào bà được ở một mình, cho đến khi bà ngồi vào

máy bay đi Lôx Angiolex. Vì chỉ cần xèn mắt ra, tôi biết chắc sẽ có chuyện gì ngay. Chúng tôi chỉ cần xèn mắt đi là bà sẽ lại ngồi trong máy bay đi Niuy-yooc ngay.

Qua ánh mắt cầm thù mà bà Quonset ném cho Tania, chị hiểu rằng chị đã nói trúng tim đen bà ta.

Mười phút sau mọi việc đã được thực hiện. Người ta dành cho bà Quonset một vé đi chuyến một trăm linh ba, nửa tiếng nữa sẽ cất cánh đi Lôx Angiolex. Đó là chuyến bay thẳng không dỗ lại dọc đường, nên bà ta sẽ không có cách gì chuồn khỏi máy bay và quay lại được. Người phụ trách vận chuyển ở Lôx Angiolex đã được thông báo bằng téléch về chuyện này; một bản báo cáo tương tự được giữ lại cho đội bay chuyến một trăm lẻ ba.

Còn bà lão nhỏ nhặt người Xan-Điêgo được giao cho một nhân viên của hãng Trans O'mérico trông nom, đó là một thanh niên mới vào làm ở hãng mà tuồi tác chỉ bằng cháu nội của bà Ja. Anh nhân viên này, tên là Pitô Cokli, được Tania dặn dò những điều cần thiết:

— Lúc nào anh cũng phải ở bên cạnh bà Quonset cho đến khi máy bay cất cánh. Bà ta bảo ruồng rổng nước trà. Anh hãy dẫn bà ta đến quán cà-phê và cho bà ta ăn, nếu bà ta yêu cầu, mặc dù trên máy bay cũng sẽ có bữa ăn. Và bắt cứ bà ta làm việc gì, anh cũng phải luôn luôn ở bên cạnh. Nếu bà ta cần vào phòng vệ sinh, anh đứng ngoài cửa chờ, và trong bất cứ trường hợp nào cũng không được rời mắt khỏi bà ta. Khi nào người ta bắt đầu cho khách ra máy bay, anh hãy dẫn bà ta ra cửa, cùng đi với bà ta ra tận máy bay và trao tận tay cho cô chiếu dài.

tiên trưởng. Và đừng quên nhắc cô ta rằng, không được để bà ta rời khỏi máy bay với bất cứ lý do gì. Đây là một bà già hết sức ranh ma quỷ quyết, nên anh phải hết sức cảnh giác.

Ra khỏi phòng, bà già níu chặt lấy tay anh nhân viên :

— Mẹ hy vọng con băng lòng cho mẹ bám tay, con thân yêu. Những người già như mẹ cứ phải có người dìu. Sao trong con giống đứa con rě của mẹ quá. Nó cũng đẹp trai y như con, mặc dù bây giờ tất nhiên nó già hơn con nhiều. Nói chung mẹ thấy hăng của các con lấy vào toàn những người đáng yêu quá. — Rồi bà Quonset liếc nhìn Tania có ý trách móc. — Ít ra thì những người đáng yêu như con cũng chiếm đa số.

— Hãy nhớ lời tôi dặn, — Tania dặn với theo Pitö Cökli. — Bà ta có đủ mọi mánh khóc đấy.

— Con nói thế là không được lịch sự lắm, — bà Quonset lạnh lùng nói. — Mẹ tin rằng anh bạn trẻ này sẽ tự rút ra nhận xét về mẹ.

Anh nhân viên mím cười bối rối.

— Mặc dù con cư xử với mẹ không lấy gì làm đẹp lắm, nhưng con nên biết là mẹ không giận con đâu — bà Quonset nói với Tania rồi bước ra khỏi phòng.

Mấy phút sau Tania cũng rời phòng khách nhỏ mà hôm nay hai lần chị phải tiếp chuyện, và trở lại văn phòng của hãng Trans O'méricor. Đã один giờ kém mười lăm. Ngồi vào bàn, chị nghĩ : không biết hãng của chị đã thoát được cái bà Quonset này chưa, hay còn phải bận bịu với bà ta. Tania không tin rằng đến

đây đã có thể đặt dấu chấm hết. Rồi dừng cái máy
chữ không có chữ hoa, chỉ bắt đầu đánh máy bức
thư gửi ông trưởng ban vận chuyển:

« gửi ông trưởng ban vận chuyển
người gửi: tania llyinbxton...
về vấn đề bà mẹ của uitslo»

Rồi chị dừng lại, suy nghĩ: hiện giờ Mel đang
ở đâu và ông có ghé đến chỗ chị hay không.

5

Không, Mel Baycoxend quyết định, tối nay ông
không thể vào thành phố được.

Mel đang ngồi trong phòng làm việc của ông ở
tầng hành chính, Ông đăm chiêu gõ gõ tay xuống bàn,
nơi đặt những máy điện thoại nội ông với các bộ
phận khác nhau của sân bay.

Đường hạ cát cát ba-không vẫn bị nghẽn bởi
chiếc máy bay của hãng Eoreô Méchxicon. Do vậy
mà tình hình hết sức khó khăn, càng ngày số máy
bay phải giữ lại càng nhiều — cả trên không lẫn trên
mặt đất. Đã này ra mối đe dọa là trong vòng hai,
ba tiếng đồng hồ nữa sân bay có nguy cơ phải đóng
cửa thực sự.

Còn tạm thời các máy bay vẫn tiếp tục phải bay
qua đầu ~~đại~~ trấn Médoud, làm phức tạp thêm tình
hình vốn đã rất phức tạp. Tất cả các máy điện
thoại của sân bay và của dài chỉ huy điều phải như
vỡ tung vì những tiếng chuông điện thoại của dân
chủng Médoud — những người ở lại nhà và đang bực

tức than vắn cho số phận của họ. Nhưng nhiều hơn
nhiều là, của những người (theo người ta bảo cho
Mel biết) lúc này đang dự mít tinh phản đối, và đã
có tin đồn — tin này do người chỉ huy các chuyến
bay thông báo cách đây vài phút, — rằng tối nay
những con người bất mãn này dự định tổ chức cuộc
biểu tình tại sân bay.

Đúng là chỉ còn thiếu đám người biểu tình nữa
thì, Mel buồn bã nghĩ thầm.

Thực ra cũng có một tin vui: Sự cố loại ba coi
như đã giải quyết xong, vì máy bay quân sự KC-135
đã hạ cánh an toàn. Nhưng khi một sự cố đã được
khắc phục thì vẫn chưa có gì bảo đảm là sẽ không
xảy ra sự cố khác. Mel vẫn không sao thoát khỏi cái
cảm giác lo lắng mơ hồ, cái linh tính báo trước điềm
chẳng lành đã đến với ông cách đây chừng một giờ
ngoài phi trường. Cái cảm giác khó xác định và khó
giải thích ấy vẫn không rời bỏ ông: Nhưng dù sao
cũng có quá nhiều lý do thực tế khác thúc ông
phải ở lại nơi làm việc.

Tất nhiên Xindi, lúc này vẫn đang đợi ông ở
buổi ra hội từ thiện, sẽ làm ấm i một cách dễ sợ.
Nhưng việc ông đến chậm đã làm cô ta giận lẩm
rồi, nên nếu ông có hoàn toàn không đến, thì cũng
chỉ làm cô ta cău hờn chút nữa là cùng. Cho nên tốt
nhất có lẽ nên báo ngay cho cô ta biết, để cô ta rút
giận luôn lúc này. Mẫu giấy ghi số điện thoại mà
ông có thể gọi cho cô ta vẫn nằm trong túi áo. Ông
lấy ra và quay số.

Cũng như lần trước, ông phải đợi vài phút mới
thấy Xindi ra cầm máy, nhưng ngạc nhiên thay cho

ông, chẳng hề có gì gọi là nói, lửa bốc ca — thay vì thế, chỉ thấy một giọng nói lạnh nhạt và khô khan. Cô ta im lặng nghe ông giải thích lý do tại sao ông không thể rời sân bay được. Và khi sự bùng nổ chờ đợi không xảy ra, ông lại đám ấp úng và lắp bắp những điều chẳng mạch lạc và ít thuyết phục ngay cả đối với ông. Ông ngừng nói.

Một phút im lặng, sau đó có tiếng Xindi lạnh lùng hỏi :

— Anh nói xong chưa ?

— Xong rồi.

Giọng cô ta nói nghe như nói với một người ít quen biết, người mà cô ta hết sức căm ghét :

— Tôi không ngạc nhiên, vì tôi cũng không tin là anh sẽ đến. Khi anh nói anh sẽ đến, tôi đã tin chắc anh lại nói dối như mọi khi.

— Tôi hoàn toàn không nói dối, và không phải như mọi khi. — Ông nói câu. — Vì hôm nay tôi đã nói với cô, đã bao nhiêu lần tôi đi với cô...

— Hình như anh vừa bảo anh đã nói xong rồi.

Mẹt im lặng. Cãi nhau làm gì ?

— Tôi nghe cô, — ông mệt mỏi nói.

Vậy là lúc này, khi anh ngắt lời tôi, tôi định nói với anh rằng, cũng giống như mọi khi...

— Xindi, lạy chúa ! ...

— ... sau khi cảm thấy anh nói dối, tôi đã suy nghĩ kỹ. — Cô ta im lặng một chút. — Anh nói rằng anh phải ở lại sân bay ?

— Theo tôi chúng ta đang nói chính về chuyện đó.

— Có lâu không?

— Đến nửa đêm... mà có khi suốt đêm nay.

— Nếu vậy tôi sẽ đến chỗ anh. Anh có thể tin như vậy. Chúng ta cần nói chuyện với nhau.

— Nghe đây, cô Xindi, làm như thế chẳng giải quyết được gì đâu. Bây giờ không phải lúc, và cũng không đúng chỗ.

— Không sao, theo tôi thời gian rất thích hợp... Còn chuyện tôi định nói với anh thì có thể nói bất cứ ở đâu.

— Xindi, tôi mong cô hãy tỏ ra khôn ngoan. Tôi đồng ý là chúng ta có nhiều chuyện phải nói, nhưng...

Mel im lặng vì chợt nhận ra ông đang nói một mình. Xindi đã cúp ống nghe.

Đến lượt Mel cũng gác ống nghe và ngồi im một lúc, — trong phòng im lặng như tờ. Sau đó, chính ông cũng không biết tại sao, ông lại nhắc ông nghe, và lần thứ hai trong ngày, gọi điện về nhà. Lần trước Robecta thay đèn máy, lần này là bà Sébaxchiani, vẫn thường đến trong máy đưa trẻ khi bố mẹ không có nhà.

— Tôi chỉ muốn hỏi xem ở nhà mọi chuyện bình thường không, — Mel nói. — Các cháu đi ngủ chưa?

— Robecta đi ngủ rồi, thưa ngài Baycoxfeld. Còn Libi thì đang chuẩn bị.

— Bà có thể gọi Libi ra máy điện thoại được không?

— M-M... chỉ một phút thôi nhé, ông phải hứa là ông không nói chuyện lâu với cô ta.

— Tôi hứa.

Bà Sébaxchiani, giống như mọi khi, khó tính và cẩn thận kinh khủng. Mel nghĩ thầm. Bà ta bắt mọi người, không phải chỉ trẻ con, mà cả gia đình, phải tuân theo bà ta. Nhìn ông chồng nhút nhát lặng lẽ như con chuột mà thỉnh thoảng cũng đến với bà ta, Mel lại tự hỏi: chả lẽ cặp vợ chồng này cũng có hạnh phúc vợ chồng? Có lẽ không, bà Sébaxchiani chắc không bao giờ cho phép như vậy.. Ông nghe thấy tiếng chân cô bé Libi lạch bạch chạy.

— Bố ơi, — Libi hỏi — thế máu chúng ta lúc nào cũng chảy trong người, không lúc nào ngừng, bá bở? — Nó cứ chảy mãi mãi, mãi mãi à?

Libi, như mọi khi, đưa ra những câu hỏi hết sức bất ngờ. Cô bé tìm ra những đề tài mới nhanh chóng và dễ dàng như đứa trẻ tìm thấy đồ chơi trên cây thông nó en.

— Không phải mãi mãi, con ạ, không gì có thể vĩnh cửu cả. Máu chỉ hoàn toàn trong chúng ta khi nào chúng ta còn sống thôi. Trong người con máu đã chảy liên tục bảy năm rồi, — từ khi trái tim con bắt đầu đập.

— À, con cảm thấy quá tim của con cơ, — Libi nói. — Nó ở đâu gối của con ấy!

Mel muốn giải thích cho con gái biết quả tim không phải ở đầu gối, ông muốn kể cho con nghe rằng, con người ta có các mạch máu, động mạch và tĩnh mạch, nhưng rồi ông lại thôi. Sẽ còn thời gian. Còn trước mắt, khi con người cảm thấy được quả

tìm mình đang đậm. — dù ở đâu cũng vậy — đã là tốt rồi. Theo bản năng Libi bao giờ cũng muốn đi tới cái bản chất — đôi khi cô bé này ra ý nghĩ rằng đôi tay nhỏ của cô có thể lấy được những ngôi sao trên trời xuống.

-- Thôi, chúc bà ngủ ngon.

— Chúc con ngủ ngon, niềm vui của bố à !

Mel vẫn không hiểu tại sao ông gọi điện về nhà, nhưng sau cuộc nói chuyện điện thoại này, rõ ràng ông cảm thấy dễ chịu hơn.

Còn Xindi, khi đã quyết định chuyện gì, cô ta thường làm bằng được, nên rất có thể tối nay cô ta sẽ đến sân bay. Mà có khi như thế lại càng tốt. Trước mắt họ đang có tình trạng lưỡng nan : có nên duy trì quan hệ vợ chồng đã nứt rạn của họ vì hạnh phúc của con cái hay không ? Ở đây họ có thể nói chuyện tay đôi với nhau không có Röbecka và Libi, hai đứa trẻ đã nghe được khá nhiều cuộc cãi nhau của họ.

Thực ra, lúc này Mel không có việc gì khẩn cấp lắm, và ông ở lại sân bay chẳng qua để phòng xa có sự cố gì mà thôi. Ông bước ra ngoài hành lang và biến xuống gian phòng chính, nơi dòng người vẫn ồn ào tấp nập.

Chỉ ít năm nữa, Mel nghĩ, cả nhà ga sân bay này cũng phải cải tạo lại căn bản. Phải nghĩ ra cách gì, và phải khẩn trương — để thay đổi hệ thống đưa khách lên xuống máy bay. Khi hành khách còn phải lần lượt từng người một lên và xuống máy bay thì vẫn còn mất nhiều thời gian. Và phi tần dừng lại trên mặt đất của những chiếc máy bay mà giá thành sản xuất ngày càng đắt hơn, sẽ không ngừng tăng lên. Vì

thể cả các công trình sáu lần những người lập các chuyến bay phải cố gắng làm sao để các máy bay bay được nhiều hơn, vì như vậy sẽ mang lại lợi nhuận và ít đỡ dưới mặt đất hơn, vì như vậy sẽ chẳng thu được cái gì mà chỉ mất thêm chi phí.

Người ta đã có đề án chế tạo những « công tayn hành khách » theo nguyên tắc « lều tuyết » của thợ dân exkimô mà hãng Oméron đã áp dụng để chất hàng lên các máy bay của mình. Nhiều hãng khác cũng có những thiết bị biến dạng của hệ thống này.

« Lều tuyết » là cái thùng chứa có kích thước và hình dáng hệt như thân máy bay. Người ta chất sẵn hàng vào đó, sau đó nâng nó lên cao đúng ngang với thân máy bay, và chỉ trong vài phút lắp được nó vào trong máy bay. Trong máy bay chờ hàng — trái với máy bay chờ khách — thân máy bay là một cái khoang rộng. Bây giờ, khi một máy bay như vậy đến sân bay, người ta sẽ tháo cái « lều tuyết » trong đó ra và lắp cái mới vào. Chỉ mất rất ít thời gian và công sức cả một chiếc máy bay không lồ có thể nhanh chóng được dỡ và chất hàng hóa lên để chuẩn bị cất cánh.

Cũng có thể chế tạo những « công tayn hành khách » theo đúng nguyên tắc như vậy, Mel đã nhìn thấy dự thảo ý đồ này trên bản vẽ. Đó là những khoang nhỏ, tiện nghi, có gắn những ghế ngồi, và hành khách có thể ngồi sẵn vào đó ngay tại quầy đăng ký vé. Sau đó những công tayn có hành khách này sẽ được một băng chuyền tự động, kiểu như băng chuyền trả hành lý bây giờ, chuyền đến chỗ lên máy bay. Ở đó người ta sẽ lắp chúng vào máy bay

vừa hạ cánh có khi chỉ cách đó vài phút, và đã kịp tháo xong những côngtayno chờ khách đến,

Khi những chiếc côngtayno chờ khách đã được lắp vào đúng chỗ thì các cửa sổ của chúng khớp với những ô cửa sổ máy bay. Những cánh cửa của mỗi chiếc côngtayno sẽ tự động chui vào trong tường, để các chiêu dài viên và hành khách có thể đi lại dễ dàng từ khoang này sang khoang khác. Người ta còn lắp vào máy bay cả những thùng phu chờ thức ăn, đồ uống tươi và một nhóm chiêu dài viên mới.

Dần dần những hệ thống « côngtayno hành khách » này có thể được cải tiến đến mức, hành khách có thể ngồi vào chỗ của mình ngay từ nhà ga hàng không trong thành phố, cũng như có thể chuyển từ máy bay này sang máy bay khác, hay thậm chí từ sân bay này sang sân bay khác.

Ý đồ của các kỹ sư Lôx Angiolex đang nghĩ cách chế tạo « khoang hành khách dưới bầu trời » cũng theo hướng tương tự như vậy. Mỗi khoang hành khách chứa khoảng bốn chục người như thế có thể di chuyển vừa như ô tô buýt, vừa như máy bay trực thăng. Trên các đường giao thông — cả trên đường quốc lộ cũng như trên các đường trong thành phố — nó sẽ chạy bằng động cơ riêng, nhưng khi đến chỗ máy bay lên thẳng gần nhất, nó sẽ biến thành một côngtayno lắp vào trong máy bay trực thăng lớn, — tóm lại, từ nó có thể di chuyển giữa các sân bay.

Và tất cả những cái đó sẽ có, Mel nghĩ. Nếu không hoàn toàn như vậy, thì cũng là cái gì tương tự. Những mơ ước táo bạo nhất nhanh chóng trở thành hiện thực đến nỗi những người làm việc trong ngành hàng không cũng phải thực sự bàng hoàng sững sốt.

Tiếng kêu đèn như từ gian phòng phía dưới cắt
đứt dòng suy nghĩ của Mel.

— Ông Baycoxend! Nay, trên kia ơi!

Mel cùi xuống đưa mắt tìm xem ai gọi mình. Nhưng khó mà tìm được ngay, vì có khoảng năm chục người đang ngồi đầu nhìn lên. Nhưng một lát sau Mel vẫn phát hiện ra người gọi ông. Đó là Igan Giéfeexo, một người đàn ông da đen cao lớn, cân đối mặc chiếc quần nâu nhạt bó sát người và áo sơ-mi ngắn tay. Ông ta đang rối rít vẩy vẩy bàn tay hộ pháp đèn sâm.

— Mời ông xuống dưới này, ông Baycoxend! Ông có nghe thấy tôi không? Ở đây đang có chuyện rắc rối.

Mel mỉm cười. Diéfecxo, người được nhượng quyền đánh giày trong sân bay, là một người hết sức đặc biệt. Với kiều cười nhếch môi rộng ngoác trông rất sô lá trên khuôn mặt xấu xí, ông ta có thể nói với người khác những câu hết sức ba gai, rồi cuối cùng vẫn không bị làm sao.

— Tôi nghe thấy rồi, Igan Giéfeexo. Ông có thể lên đây được không?

Nụ cười nhếch của ông ta càng rộng hơn.

— Được được, ông Baycoxend. Tôi là người được quyền tö nhượng, ông nên nhớ như vậy.

— Thế nếu tôi quên thì ông sẽ dẫn ngay điều khoản về quyền công dân phải không?

— Đúng thế, ông Baycoxend. Còn bây giờ ông hãy chịu khó ném cái mòng của ông xuống đây.

— Nhưng ông không được kéo lưỡi tôi ra giữa sân bay đấy nhé!

Nhưng nói chung tất cả những chuyện đó khiếu Mel thấy vui vui, và ông rời lan can, bước lại thang máy làm việc. Giêfecxơ vẫn đứng ở dưới.

Giêfecxơ có bốn quầy đánh giày trong sân bay. Đó hoàn toàn chưa phải là tờ nhượng chính — những tờ nhượng lớn hơn nhiều là của các chủ bãi đỗ xe, khách sạn và quầy báo, mà thực tế mang lại những nguồn lợi lớn hơn nhiều so với nguồn lợi của người chủ đánh giày. Nhưng Igan Giêfecxơ, bần thần trước đây cũng là người đánh giày via hè, lại không biết mình cho rằng chỉ có tờ nhượng của ông ta mới giúp cho sân bay sống nổi.

— Tôi đã có giao kèo với sân bay, đúng không?

— Đúng.

— Và trong cái màu giấy lâu cá này có nói rằng tôi có toàn quyền đánh giày ở đây. T-o-a-n q-u-y-è-n. Đúng không?

— Đúng.

— Nghĩa là, tôi nói với ông rằng ông có chuyện rắc rối là đúng. Ông hãy đi theo tôi.

Họ đi qua gian phòng, đến thang máy dẫn xuống dưới và Giêfecxơ cứ chạy hai bậc một trên chiếc thang đó. Mel đi theo anh ta, cách một đoạn để khỏi vướng chân:

Igan Giêfecxơ chỉ tay xuống dưới — về phía những quầy của các hãng cho thuê ô-tô « Herz », « Evis » và « Naysorol ».

— Đây, ông xem, ông Baycoxend! Xem ai đã cướp khách của tôi — của tôi và của những anh em làm việc cho tôi.

Mel nhìn chăm chũ hơn. Cạnh quầy của hàng «Evis» có treo tấm biển đập ngay vào mắt:

**VÙA THUÊ Ô-TÔ VÙA ĐÁNH GIÀY, —
HÃY SỬ DỤNG DỊCH VỤ CỦA CHÚNG TÔI!**

CHÚNG TÔI SẼ PHỤC VỤ HẾT SỨC!

Và ngay cách quầy là cái máy đánh giày bằng điện, được đặt ở vị trí thế nào để khách hàng trong khi nói chuyện với nhân viên, có thể sử dụng nó như lời quảng cáo trên tấm biển.

Mel thấy chuyện đó thật ngộ nghĩnh, nhưng đồng thời ông cũng hiểu rằng Igan Giéfecxơ nói đúng. Pháp luật thuộc về con người thích bóng đua này. Trong hợp đồng của ông ta có ghi hai năm rưỡi mươi rắng, ngoài ông ta ra không ai có quyền đánh giày trong sân bay, cũng như Giéfecxơ, không có quyền, chẳng hạn, cho thuê ô-tô hoặc bán sách báo. Như vậy mỗi người mua vé nhượng được hưởng những quyền tuyệt đối để đòi lấy một khoản thu nhập khá lớn mà họ phải nộp cho sân bay.

Igan Giéfecxơ dừng lại cách một đoạn, còn Mel tiến lại gần quầy. Vừa đi ông vừa rút trong túi ra cuốn sổ có ghi số điện thoại gia đình của những người làm việc trong sân bay. Trong đó có cả số điện thoại của ông giám đốc hãng «Evis». Khi thấy ông đến, một cô gái ngồi sau quầy nở một nụ cười may mắn.

— Xin phép được dùng điện thoại của cô. — Mel nói và ta phản đối.

— Thưa ngài, đây không phải điện thoại công cộng.

— Tôi là giám đốc sân bay. — Mel giơ tay nháu
ông nghe và quay số. Những trường hợp ngay trong
sân bay của ông mà người ta không biết ông, không
phải là hiếm. Bởi ông làm việc chủ yếu, như người
ta thường nói, ở sau hậu trường, chứ không phải
trước mắt mọi người, nên các nhân viên phục vụ
khách ít nhìn thấy ông.

“Nghe thấy tiếng tu tu trong điện thoại, ông nghĩ
rằng giá như tất cả những ván đe khác cũng được
giải quyết dễ dàng như vậy thì tốt biết bao.

Máy điện thoại kêu tu tu chừng mười hai lần
mới nghe thấy giọng của người giám đốc hàng
«Evis» :

— Ken Kingsli nghe đây.

— Thế nếu tôi cần một chiếc xe thì sao? — Mel
hỏi. — Ông biến đi đâu vậy?

— Tôi đang chơi tàu hỏa với con trai. Thành
thử quên mất cả chuyện ô-tô. Và cả những người
gọi điện hỏi về chúng.

— Với con trai à? Có con trai chắc thú vị lắm
nhỉ, — Mel nói. — Tôi chỉ có con gái thôi. Con trai
ông có thích máy móc không?

— Nó là một thiên tài tám tuổi đấy. Nếu ông
cần người dè quan lý cái sân bay tí hon của ông thì
ông cho tôi biết nhé.

— Nhất định rồi, Ken à. — Và ông nháu mắt với
Igan Giêfecxo. — Với lại ngay bây giờ con trai ông đã
có thể bắt tay vào việc rồi. Chẳng hạn cậu ta có thể
lắp ở nhà một cái máy đánh giày bằng điện... Tôi và

tinh đượm biết ở đây đang có cái máy như thế. Mà chắc ông cũng biết rồi.

Trong ông nghe bỗng im lặng. Sau đó nghe thấy tiếng thở dài.

— Nhưng tại sao các bạn lúc nào cũng muốn bóp nghẹt một sáng kiền thát thà như vậy?

— Cái chính là vì chúng ta là những con người nhỏ mọn và quá ti tiện. Nhưng chúng ta cũng có thể trở thành những người như vậy, một cách thực sự đấy. Nhân tiện xin hỏi, ông có nhớ một điều khoản trong hợp đồng, nói rằng bất cứ sự thay đổi nào về hình dáng bên ngoài của quầy và những biển quảng cáo, đều phải được ban giám đốc chuẩn y không? Rồi lại có điều khoản nữa nói rằng không được xâm phạm quyền của những người chủ to nhượng khác.

— Tôi hiểu rồi. — Ken Kingsli nói — Chắc Igan Giêfecxơ đã ngoạc cái mõm ra rồi.

— Và chúng ta cứ nói thẳng với nhau như thế để khỏi phải vỗ tay « hoan hô ».

— Ô-ké! tôi thua ông rồi. Tôi sẽ ra lệnh cho các bạn tôi tháo cái của nợ ấy đi ngay. Có cần làm với tốc độ của tuần dương hạm không?

— Không nhất thiết. — Mel nói. — Chỉ cần nửa tiếng nữa cho dọn cái máy đi là được rồi.

— Ông thật là đồ xồ lá!

Nhưng Mel nghe thấy tiếng viên giám đốc hắng. « Evis » cười khinh khích, rồi gác ông nghe.

Igan Giêfecxơ gật đầu hài lòng và theo thói quen toét miệng ra cười. Còn Mel vui vẻ nghĩ thầm « Minh

là bạn của tất cả mọi người trong sân bay. Minh chỉ chuyên đi giải quyết việc người khác ». Ông muốn làm sao ông cũng giải quyết được những chuyện riêng của ông.

— Năm điểm, Bayxeofend! — Giêfecxơ nói — Nhưng ông cần đề ý để dừng xảy ra chuyện đó lần nữa. Rồi vẫn cười ngoắc mồm ra như thế, ông ta dỗng dạc bước về phía cầu thang đi lên.

Mel cứ thông thả đi theo ông ta. Trong gian phòng chính người chen chúc đông nhất là quanh quầy vé của hãng Trans Omérieor, cạnh những tấm biển đề chữ :

**CHỈ NHẬN LÀM THỦ TỤC CHO HÀNH KHÁCH ĐI
CHUYẾN HAI-ARGOS VÀNG - BAY THẮNG ĐI RỘM**

Gần đó Tania đang say sưa nói chuyện gì với một nhóm hành khách. Chị vẫy tay gọi Mel và một phút sau đi lại phía ông.

— Không còn phút nào ngồi nữa — chỗ chúng tôi dừng là cái nhà điện. Tôi cứ tưởng anh vào thành phố lâu rồi.

— Tôi không đi nữa, — Mel nói. — Còn tôi thì lại tưởng chị đã xong ca trực rồi.

— Ông phụ trách vận chuyển yêu cầu tôi ở lại. Chúng tôi muốn cho chuyến « Argos vàng » bay đúng thời gian biều. Nghe người ta bảo đề giữ uy tín, nhưng tôi ngờ rằng chẳng qua đội trưởng Dímirest không muốn chờ.

Mel cười khẩy.

— Về điểm này chị không khinh quan. Với lại, nhiều khi tôi cũng thế.

Tania ra hiệu chỉ vào cái buồng hơi cao có một dây quầy bao xung quanh.

— Nếu tôi không nhầm thì dây chính là đề tài của cuộc tranh cãi giữa anh và ông anh rể anh? Chính vì cái này mà ông anh rể anh đã tức phải không?

Phía sau quầy Tania vừa chỉ, người ta đang bán những tấm phiếu bảo hiểm. Cảnh nó có khoảng chục người đang điền vào những tấm phiếu bảo hiểm tại nạn trên không. Sau quầy có hai cô gái xinh đẹp — một cô tóc vàng óng với bộ ngực rất nở — đang viết phiếu bảo hiểm.

— Phải. — Mel nói. — những bất đồng/ của chúng tôi chủ yếu là về chuyện này, — It ra là trong thời gian gần đây. Vecnon và Hội các phi công dân dụng cho rằng phải xóa bỏ những quầy bảo hiểm trong sân bay. Tôi giữ quan điểm khác. Vì thế chúng tôi đã tranh cãi nhau trong phiên họp của Hội đồng đặc trách. Và Vecnon không chịu nổi — đến bây giờ anh ta vẫn không chịu được. — chuyện hôm đó tôi đã thắng anh ta.

— Tôi có nghe nói chuyện đó. — Tania đưa mắt nhìn Mel về thăm dò. — Chúng tôi không phải ai cũng tán thành quan điểm của anh đâu. Trong trường hợp này tôi cho rằng Dimirest đúng.

Mel lắc đầu.

— Không, ở đây tôi và chị có quan điểm khác nhau. Tôi đã suy nghĩ nhiều đến chuyện này, nhưng lý lẽ của Dimirest chẳng qua không xác đáng.

Mel cảm thấy chúng không xác đáng ngay từ cái Lôm, cách đây một tháng, khi Vecnon Dimirest đến

sân bay quốc tế Linh côn để dự phiên họp của Hội đồng đặc trách. Vẫn để được đưa ra thảo luận là do sự thúc ép của Vecnon Dimirest, người phát biểu thay mặt Hội phi công dân dụng, đang mở chiến dịch vận động cấm bán vé bảo hiểm ở các sân bay.

Mel còn nhớ đầy đủ mọi chi tiết phiên họp đó.

Cứ vào sáng thứ ba, tại phòng họp của sân bay, thường có cuộc họp của Hội đồng đặc trách. Lần đó cả năm ủy viên Hội đồng đều có mặt : bà Akeeman, một phụ nữ tóc đen xinh đẹp, làm nội trợ, theo người ta đồn, trúng cử vào Hội đồng vì nguyên là nhân tình của ông thị trưởng, còn bốn người đàn ông — một giáo sư đại học Tòng hợp là chủ tịch Hội đồng, hai thương gia địa phương, và một nhà hoạt động công đoàn đã về hưu.

Hội đồng họp ở tầng hành chính, trong phòng hội nghị bốn xung quanh tường lát gỗ đỏ. Các ủy viên ngồi trên những chiếc sa-lông bọc da trên chiếc bục cao, sau một chiếc bàn hình bầu dục bóng lộn đặt ở cuối phòng. Phía dưới là một chiếc bàn không choáng lộn bằng — Mel ngồi ở giữa bàn này. Xung quanh ông là trưởng các bộ phận. Bên cạnh là bàn dành cho báo chí, còn đầu kia gian phòng là cho quần chúng; vì những phiên họp của Hội đồng về bình thường được coi là công khai. Nhưng ghế ngồi của quần chúng thường là bỏ trống.

Hôm đó, ngoài những ủy viên của Hội đồng và bộ máy lãnh đạo sân bay, Dimirest là người ngoài duy nhất. Anh mặc bộ đồng phục sang trọng với bốn lon chéo vàng lắp lánh dưới ánh đèn bắt từ trần xuống. Anh ngồi trong khu ghế dành cho quần chúng, bày sô sách và giấy tờ lên hai chiếc ghế bên cạnh.

Theo phép lịch sự, Hội đồng quyết định trước khi nghe Đimirest trình bày, rồi sau mới bàn đến các công việc hàng ngày.

4.

Đimirest đứng dậy. Anh quay mặt về phía Hội đồng, phát biểu với vẻ ung dung dĩnh đặc vốn có của mình, thỉnh thoảng mới nhìn vào giấy. Đimirest tuyên bố anh phát biểu ở đây là thay mặt cho Hội phi công dân dụng, vì anh là chủ tịch phản bội địa phương. Song thực ra anh trình bày quan điểm riêng của anh được đa số phi công của tất cả các hãng ủng hộ. Các ủy viên Hội đồng ngả người trên ghế, sẵn sàng lắng nghe anh.

Việc bán những phiếu bảo hiểm trong sân bay, Đimirest nói, là tập tục cò hủ còn sót lại từ thời ngành hàng không mới đi những bước đầu tiên. Bản thân sự có mặt các quầy vé của các hãng bảo hiểm và các máy bán vé bảo hiểm tự động trong sân bay đã là điều xỉ nhục đối với ngành hàng không dân dụng, là một ngành, nếu tính cây số đã bay, có thể coi là ít nguy hiểm nhất so với tất cả các loại phương tiện giao thông khác.

Có bao giờ người ta chia vào mặt một người sắp đi du lịch bằng đường sắt hay bằng ô-tô buýt, hay thậm chí một người sắp bước lên tàu biển, bay sắp ra khỏi nhà bằng xe hơi riêng của mình, những phiếu bảo hiểm trường hợp chết người hay bị thương không? Tất nhiên là không!

Thế thì tại sao người ta lại làm chuyện đó trong ngành hàng không?

Đimirest tự trả lời câu hỏi. Người ta làm thế là vì, anh tuyên bố, các hãng bảo hiểm chỉ cần biết

họ có thể kiểm xác được ở chỗ nào, « còn hậu quả thì họ bất chấp ».

Máy bay dân dụng là phương tiện giao thông tương đối mới mẻ, vì thế nhiều người cho rằng đi du lịch trên không là nguy hiểm, mặc dù người ta đã chứng minh rằng ngồi trên máy bay, con người còn ít bị nguy hiểm hơn so với ngồi trong nhà. Và chỉ cần xảy ra một tai nạn nào trên không là mối nghi ngờ vốn có đối với ngành hàng không tăng lên thành chóng. Một tai nạn như thế tất nhiên dẽ lại ăn tượng sâu sắc, nó làm người ta dẽ quên đi một điều, là những trường hợp chết người và bị thương ở những phương tiện giao thông bình thường khác lại xảy ra nhiều hơn nhiều. Thực ra, Dimirest nhận xét, chính các công ty bảo hiểm cũng phải khẳng định rằng bay hoàn toàn không có gì nguy hiểm. Các phi công, mà tất nhiên bay nhiều hơn hành khách nhiều, được người ta bán cho phiếu bảo hiểm theo bảng giá bình thường, còn khi mua phiếu bảo hiểm tập thể, họ lại phải trả ít hơn cả hành khách. Tuy nhiên, các hãng bảo hiểm, được khuyến khích thêm bởi máu hám lợi của các vị lãnh đạo sân bay, với sự chấp thuận ngoan ngoãn của các hãng hàng không, vẫn tiếp tục kiểm bám trên nỗi sợ hãi và sự căm tin của hành khách.

Mel ngồi sau bàn, vừa nghe vừa nghĩ thầm rằng ông anh rể của ông trinh bày vấn đề hết sức rõ ràng và mạch lạc, mặc dù, tất nhiên, ý kiến nhận xét về « sự hám lợi của những người lãnh đạo sân bay » không lấy gì làm thông minh lắm. Có hai hay ba ủy viên đặc trách, trong đó có bà Akecman, cau mặt.

Song Dimirest, bình như không nhận thấy tác động do những lời lẽ của anh ta gây ra.

— Và bây giờ, thưa các ông các bà, tôi xin chuyển sang vấn đề chủ yếu và quan trọng nhất.

Vấn đề là ở chỗ, anh ta nói, việc bán vé trách nhiệm những tấm phiếu bảo hiểm trong sân bay cho bất cứ hành khách và nhân viên phi hành nào, những tấm phiếu có thể mua một cách dễ dàng qua một người đại diện của hãng, cũng như qua các máy tự động — « những phiếu bảo hiểm bùa hẹn một khoản tiền rất lớn, gần bằng cả giá sản, mà chỉ mất vài đô-la », là mối nguy hiểm thực sự cho cả hành khách lẫn phi hành đoàn.

Dimirest hắng máu nói tiếp:

— Cái hệ thống này — nếu như có thể gọi là hệ thống các dịch vụ hết sức xấu xa ấy — mà đa số các phi công đều cho như vậy, — tạo cho bọn tội phạm và cướp tin cơ hội vàng để cưỡng đoạt máy bay, hay giết người hàng loạt. Và mục đích của chúng nhiều khi hết sức đơn giản: tự làm giàu hoặc cho những người thừa kế được trở thành giàu có.

— Thưa ông chỉ huy! — Bà Akeeman uốn thẳng người trên ghế. Cảm sur vào giọng nói và nét mặt của bà, Mel hiểu rằng từ nay bà ta vẫn nhấp nhôm khi nghe nhận xét của Dimirest về thói hám lợi của những người lãnh đạo sân bay, và lúc này không nhịn được nữa. — Thưa ông chỉ huy, chúng tôi nghe đã quá lâu những lý lẽ của ông. Thế ông có những dẫn chứng gì cho điều ông nói không?

— Tất nhiên là có, thưa bà. Và rất nhiều là điều khác.

Vecnon đã chuẩn bị rất kỹ. Với những tài liệu và biểu đồ chuẩn bị sẵn, anh ta chứng minh rằng những

tai nạn trên không xảy ra do sự cường bức hay nổ bom chiếm một trường hợp raro trong một năm. Tuy động cơ của bọn tội phạm khác nhau, nhưng phần lớn là vì khả năng được hưởng tiền bảo hiểm. Tất nhiên có cả những trường hợp bom không nổ, hoặc người ta kịp phát hiện ra, cũng có cả những tai nạn mà người ta nghi ngờ có tính chất phá hoại, nhưng không có bằng chứng.

Bimirest kể ra những vụ tai nạn lớn nhất: những máy bay của hãng « Canadien Pasific » — năm 1949 và 1965; « Uostern » — năm 1957, « Naysonol » — năm 1960 và ngài ngờ phá hoại — năm 1959, hai máy bay của hãng « Méchxicou » — năm 1952 và 1953, hãng Vénéduyela — năm 1961, hãng « Continenton » — năm 1962, hãng « Pasific » — năm 1964, hãng « Iurraitit » — năm 1950, 1955, và nghi ngờ phá hoại — năm 1965. Chín trong số mười ba trường hợp đó hành khách và phi hành đoàn đều chết hết.

Thực ra, khi đã xác minh được tai nạn xảy ra là do phá hoại, thì tất cả các phiếu bảo hiểm bị coi không còn giá trị nữa. Nói gọn hơn, những người thường xuyên đọc báo hiểu rằng, việc phá hoại máy bay không được đèn bù. Họ cũng biết rằng ngay cả khi nếu tai nạn xảy ra trên không và không ai sống sót, nhưng nếu tìm được các mảnh vụn của nó, người ta vẫn có thể xác định được có phải máy bay bị nổ không và nổ vì cái gì.

Song, Bimirest nhắc các ủy viên, việc nổ bom và phá hoại máy bay — đều là do bàn tay của những kẻ không bình thường. Đó là những kẻ vô luân, mắc chứng tâm thần, bị tư tưởng tội ác ám ảnh, những kẻ giết người vô lương tâm. Thường chúng là những

kết ít hiểu biết, mà cho dù có biết, thì trí óc của chúng cũng chỉ có thể nghĩ đến ý đồ luôn ám ảnh chúng, và thay đổi các sự kiện theo cách chúng đã xếp đặt trước.

Đến đây bà Akeeman lại xen vào, không giấu vẻ căm ghét đối với Dimirest nữa.

— Thưa ông chỉ huy, tôi không tin là có người nào trong chúng ta có đủ thẩm quyền phân tích những quả trình xảy ra trong đầu những kẻ tâm thần.

— Nhưng tôi có phân tích đâu, — Dimirest chậm rãi cắt lời bà ta — Và vẫn đề không phải ở chỗ đó.

— Xin lỗi, nhưng dù sao ông cũng vẫn phân tích. Và tôi cho rằng vấn đề chính là ở chỗ đó.

Mặt Vecnon Dimirets đỏ gay. Anh ta quen làm chủ tình thế, nói gì không ai được bác bỏ, và không biết cách kiềm chế cái tính dễ nài khùng của mình.

— Thưa bà, bà bầm sinh dót nát, hay bà cố tình làm ra vẻ dót nát?

Ông chủ tịch Hội đồng phải lấy búa gỗ vào bàn, còn Mel Baycoxsend thì suýt phá lèn cười. Mel nghĩ, có lẽ đến đây đã có thể chấm dứt. Vecnon tốt hơn hết nên làm nghề bay má anh ta rất có tài, chứ không nên làm ngoại giao. Nếu không anh ta sẽ bị thất bại tan tành ngay. Hy vọng Hội đồng đặc trách sẽ có biện pháp gì thè theo yêu cầu của Dimirest lúc này coi như bằng âm zérô...

Mel do dự một giây. Chắc Dimirest đã hiểu rằng anh ta đi quá xa. Tuy nhiên vẫn còn thời gian xoay lại tất cả bằng một câu đùa để mọi người cùng cười, kể cả bà Akeeman. Mà Mel có biệt tài làm dịu những

mẫu thuận cho cả hai bên khỏi mặt mèt. Họ nứa ông biết rằng bà Akecman vốn có thiện cảm với ông. — Họ rất hợp ý nhau và bao giờ bà ta cũng chủ ý lắng nghe tất cả những điều ông nói.

Nhưng sau Mel nghĩ: thay kệ anh ta, Giá ông có gặp chuyện như vậy, ông anh rẽ của ông chưa chắc đã giúp ông. Vậy thì cứ mặc. Vecnon tự thoát khỏi tình thế khó xử mà anh ta gây ra. Còn ông, Mel, lát nứa ông chỉ phát biểu ý kiến riêng của mình thôi.

— Thưa Ông Dimirest, — chủ tịch hội đồng lạnh lùng nói — ý kiến cuối cùng của ông hoàn toàn không xứng đáng và nói chung không đúng chỗ. Xin ông hãy rút lại ý kiến đó.

Dimirest vẫn còn nóng mặt, mặt anh ta vẫn đỏ gay. Suy nghĩ một giây, anh ta gật đầu:

— Thời được, tôi xin rút ý kiến đó. Đoạn anh nhìn bà Akecman. — Tôi xin bà thứ lỗi. Có lẽ bà hiểu rằng, đối với tôi, cũng như đối với ás số phi công ngành hàng không dàn dung, đó là vấn đề hết sức đau lòng. Khi nào chính bà hiểu rõ mọi chuyện... — Và anh ta dừng lại không nói hết câu.

Bà Akecman nhìn anh ta bằng đôi mắt long lanh vì tức giận. Anh ta không biết cả cách xin lỗi, Mel nghĩ. Bây giờ có muốn cũng không sao giảng hòa được nữa.

— Thưa Ông chỉ huy, vậy thi ông muốn gì ở chúng tôi? — Một ủy viên hỏi. Dimirest tiến lên một bước về phía trước.

— Tôi kêu gọi các Ông — anh ta nói giọng tha thiết, — bỏ những cái máy và hủy bỏ việc bán vé bảo

hiểm ở các quầy đi, tôi mong các ông hứa sẽ không
nhường tơ nhượng cho các công ty bảo hiểm nữa.

— Nghĩa là ông muốn hủy bỏ toàn bộ việc bán
phiếu bảo hiểm nói chung?

— Vâng, trong các sân bay. Tôi có thể nói thêm,
thứa các ông các bà, rằng hàng trăm phi công hàng
không dân dụng kêu gọi những sân bay khác cũng
làm như thế. Ngoài ra, chúng tôi sẽ kiến nghị cả
với Quốc hội, yêu cầu có những biện pháp và tuyên
bố đặt việc bán phiếu bảo hiểm ở các sân bay ra
ngoài pháp luật...

← Cấm làm việc như thế ở nước Mỹ có tác dụng
gi — vì các nước khác cũng có hàng không dân dụng.

Dimirest cười nhạt.

→ — Chúng tôi sẽ mở cuộc vận động này ra quy
quốc tế.

— Ra quy mô quốc tế là như thế nào?

— Phi công của bốn mươi tám nước sẽ tích cực
ủng hộ chúng tôi. Đa số họ cho rằng nếu như ở Bắc
Mỹ — ở Mỹ hoặc Canada — làm bước đầu tiên, thì
các nước khác sẽ noi gương theo.

Cũng vẫn người ủy viên lúc này nhận xét một
cách hoài nghi:

— Theo tôi thì ông muốn hơi nhiều quá.

— Vì các hành khách có quyền mua phiếu bảo
hiểm nếu họ muốn chứ! — ông chủ tịch nói thêm.

Dimirest gật đầu.

— Tất nhiên. Thi có ai nói họ không có quyền
như vậy đâu!

— Không, chính ông đã nói thế, — bà Akeeman lại lên tiếng.

Dimirest bặt môi.

— Thưa bà, bất cứ ai cũng có thẻ bảo hiểm sinh mạng của họ trong thời gian hành trình. Chỉ cần anh ta đến gặp nhân viên bảo hiểm, hay thậm chí phòng hướng dẫn du lịch để lo trước chuyện đó. Anh đưa mắt nhìn khắp lượt các ủy viên — Hiện nay nhiều người bảo hiểm sinh mạng để phòng trường hợp tai nạn có thể xảy ra dọc đường, và khi sử dụng tất cả các phương tiện giao thông, họ biết rằng họ đã được bảo hiểm suốt đời. Mà bảo hiểm như vậy có thể bằng nhiều cách khác nhau. Chẳng hạn, tất cả các hội tín dụng lớn nhất. — « Câu lạc bộ các nhà nông học », « Oméricon Express », « Carte Blanch » — đều cấp cho các hội viên của mình thẻ bảo hiểm thường xuyên, trong thời gian đi lại, thẻ bảo hiểm này cứ tự động, hàng năm lại được đổi, và tất nhiên người ta sẽ thu một số tiền nhất định.

Hầu như tất cả những viên chức sử dụng phương tiện giao thông trên không, Dimirest nói tiếp, đều có ít nhất một trong những thẻ tín dụng nói trên, vì thế bãi bỏ việc bán phiếu bảo hiểm trong các sân bay không hề gây phiền phức hay khó khăn cho những người viên chức làm việc.

— Hơn nữa khi mua bảo hiểm tập thể như thế người ta phải trả rất ít. Tôi biết được như vậy là qua kinh nghiệm bản thân. — Dimirest im lặng một lát rồi lại tiếp: — Điều quan trọng nhất ở đây là người ta không cấp ngay thẻ bảo hiểm. Mà đơn xin cấp sẽ được những người có kinh nghiệm xem xét, và sau một ngày, mà có khi hai ngày, người ta mới

cấp thẻ bảo hiểm cho anh ta. Làm như vậy cho phép có thể phát hiện ra những người bị bệnh tim thần, cuồng si, thần kinh mất thăng bằng, và suy nghĩ xem anh ta có ý đồ gì không. Cũng cần nhớ thêm một điều, là những người không bình thường hay thần kinh mất thăng bằng thường hành động do ảnh hưởng của xung động thần kinh. Và ở đây, ở sân bay, nơi người ta có thể mua vé bảo hiểm ở ngay tại quầy, rất dễ dàng nhanh chóng, không hề bị lục vấn gì, — cái xung động đó có thể xuất hiện nhanh chóng.

— Tôi thấy hình như tất cả chúng tôi đã nắm được những lý lẽ của ông, — ông chủ tịch ngắt lời anh ta. — Ông bắt đầu lặp lại rồi, ông chỉ huy ạ.

Bà Akecman gật gù,

— Tôi cũng nghĩ như thế. Riêng tôi, tôi muốn biết ý kiến ông Mel Baycoxend ra sao.

Mọi người quay sang nhìn Mel.

— Phải, — ông nói. — tôi cũng có một vài suy nghĩ xung quanh vấn đề này. Nhưng tôi muốn để ông Dimirest nói xong, tôi sẽ xin nói.

— Thì ông ta nói xong rồi, — bà Akecman tuyên bố. — Chúng ta vừa cho rằng ông ta đã nói xong rồi.

Một vị trong hội đồng bật cười, và ông chủ tịch phải gõ búa xuống bàn.

— Vâng, có lẽ đúng... Vậy xin mời ông phát biểu, ông Baycoxend.

Mel đứng dậy, còn Dimirest thì tức điên, quay về chỗ của mình.

— Trước hết cần phải nói rằng, — Mel nói — tôi có cách nhìn hơi khác về hầu hết những vấn đề ông

Veenon vừa nói ở đây. Có lẽ có thể gọi đó là những hất đồng trong gia đình.

Những ủy viên biết rõ quan hệ họ hàng giữa Mel và Veenon mỉm cười, và Mel cảm thấy bầu không khí vừa cách đây mấy phút còn căng thẳng, hơi dịu đi. Ông đã quen với những kiểu họp như thế này và biết rằng tốt nhất nên giữ thái độ không chính thức. Giá chịu khó hỏi, veenon cũng có thể biết như vậy.

—Ở đây có một số yếu tố chúng ta không thể không tính đến, — Mel tiếp. — Trước hết ta hãy nhìn thẳng vào những sự kiện. Hầu hết mọi người vốn có cảm giác sợ hãi tự nhiên trước khi bay, và tôi tin rằng dù chúng ta có đạt được những tiến bộ thế nào đi nữa, và có thể bảo đảm an toàn đến mức nào đó nữa, thì cảm giác đó cũng không bao giờ mất đi. Điểm duy nhất tôi đồng ý với ông Dimirest, là mức độ an toàn của chúng ta rất cao.

Và chính vì cái cảm giác sợ hãi tự nhiên ấy, Mel tiếp, nhiều hành khách cảm thấy yên tâm và thuận tiện hơn khi trong túi họ có tấm phiếu bảo hiểm đi đường. Họ muốn có tấm phiếu ấy. Và họ muốn có thể mua được tấm phiếu ấy ở ngay sân bay, bằng chứng là người ta bán được rất nhiều phiếu bảo hiểm ở các máy cung như các quầy bảo hiểm. Nói đúng ra, hành khách phải có quyền tự do chính là ở chỗ đó, — và có khả năng mua phiếu bảo hiểm, nếu như họ muốn. Còn việc mua trước vé bảo hiểm, thì đa số thường không nghĩ tới chuyện đó. Hơn nữa, Mel nói thêm, nếu như phiếu bảo hiểm cho chuyến bay chỉ bán trước, thì các sân bay, trong đó có cả sân bay Linh Sơn, sẽ mất đi nguồn thu nhập khá lớn — Khi

nơi đến khoản thu nhập, Mel cười khẩy. Các vị ủy viên cũng cười.

Mel hiểu rất rõ mấu chốt chính là ở đó. Nguồn thu nhập trích từ lãi của các công ty bảo hiểm quá lớn, nên thật khó mà từ chối nó được. Sân bay quốc tế Linhcoln trang bị mỗi năm thu được nửa triệu đô-la tiền hoa hồng bán phiếu bảo hiểm, mặc dù chỉ rất ít người mua phiếu biết rằng, cứ mỗi đô-la tiền mua phiếu bảo hiểm, sân bay thu về hai mươi nhăm phần trăm. Tuy nhiên tiền lãi phiếu bảo hiểm chỉ chiếm hàng thứ tư trong các khoản thu nhập của sân bay. — sau các khoản thu nhập về bãi, đê xe, khách sạn và cho thuê ô-tô. Các sân bay lớn khác cũng thu được một khoản lãi về tiền bán phiếu bảo hiểm tương tự như vậy, thậm chí có khi còn nhiều hơn. Dimirest đã nói đúng về «máu bám lợi của ban hành đạo sân bay». Mel nói, nhưng một khoản thu nhập lớn như thế không thể bỏ qua được.

Mel quyết định không triều khai ý kiến vành đai, tấm phiếu bảo hiểm. Ông chỉ cần nhắc đến số lãi chia chung là đủ. Các ủy viên hội đồng, những người biết rõ tình hình tài chính của sân bay, ai cũng đều hiểu cả.

Ông nhìn vào sổ ghi chép của mình. Trong đó có những con số mà hôm qua một công ty bảo hiểm thuê bao ở sân bay Linhcoln, cung cấp cho ông. Mel không yêu cầu họ cung cấp cho những số liệu này. Vì nói chung ông không nói cho ai biết, ngoài có thư ký của mình, rằng hôm nay sẽ bàn về vấn đề bảo hiểm. Nhưng các nhân viên hàng bảo hiểm kia không biết bằng cách nào đã biết rõ mọi chuyện — làm sao họ biết được kè cung lợ, — và đã cẩn thận bị tài liệu đe dọa vị trí quyền lợi của mình.

Mel đã không sử dụng những số liệu ấy nếu như chúng không phù hợp với những quan điểm riêng của ông. Nhưng rất may là chúng trùng hợp.

— Nay giờ, — Mel nói — về chuyện phá hoại — phá hoại ngầm và các kiêu phá hoại khác, — Mel thấy các đại biểu ngồi thẳng lên để lắng nghe — ông Vecnon đã nói nhiều tới vấn đề này, nhưng cần phải nói rằng — mà tôi đã lắng nghe rất kỹ, — phần lớn các ý kiến của ông ấy tôi thấy hình như hơi phóng đại. Vì những trường hợp tai nạn trên không do con người cố tình gây ra để nhận tiền bảo hiểm rất ít.

Dimirest đứng bật dậy.

— Trời ơi, thế cần có bao nhiêu tai nạn nữa chúng ta mới tính đến chuyện ấy ?

Viên chủ tịch gõ mạnh búa lên bàn.

— Ông đợi trưởng ! Yêu cầu ông !

Mel đợi Dimirest bình tĩnh lại, mới bình thản nói tiếp :

— Nếu có câu hỏi như vậy, tôi xin trả lời: « Không cần thêm tai nạn nào hết ! » Nhưng ở đây có thể đặt câu hỏi khác : nếu người ta thôi không bán vé bảo hiểm trong sân bay nữa, thì liệu các tai nạn có chấm dứt không ? — Mel đợi cho người nghe nắm được hết ý nghĩ điều ông nói xong, mới tiếp — Tất nhiên có thể cho rằng những tai nạn như ta vừa nói, sẽ không bao giờ xảy ra, nếu chúng ta chấm dứt việc bán vé bảo hiểm tại các sân bay. Nói cách khác, tất cả những tai nạn ấy, đều là những tội ác do ánh hưởng của những xung động thần kinh, nảy sinh do thù thức quá đe dang của việc mua vé bảo hiểm.

trong sân bay. Có thể cho rằng, ngay cả những tội ác có âm mưu từ trước, cũng không thể xảy ra được, nếu như người ta không thể mua vé bảo hiểm một cách dễ dàng như vậy. Theo tôi hiểu, đó là lập luận của Đimirest và của Hội phi công dân dụng của anh ấy. — Mel liếc nhìn ông anh rể, nhưng anh ta vẫn ngồi im, mặt đỏ gay vì tức giận. Nhược điểm chủ yếu trong lập luận của anh ấy là — Mel tiếp — tất cả những cái đó chỉ là giả định. Riêng tôi, tôi cảm thấy nếu một người đã có ý định gây tội ác, thì việc không thể mua vé bảo hiểm ở sân bay không ngăn chặn hành động của hắn ta. — Vì hắn ta vẫn có thể mua nó ở bất cứ chỗ nào, như chính Đimirest đã nói, và rất dễ dàng. Nói cách khác, Mel giải thích thêm, trong việc phá hoại, vé bảo hiểm chỉ đóng vai trò thứ yếu. Còn những động cơ thực sự là nằm trong những yếu đuối cố hữu của con người — sự tham lam, thói ham lam, sự phá sản và ý muốn tự tử.

Và Mel tuyên bố, chúng nào còn tồn tại giống người, thì những động cơ này vẫn còn, và không thể nào tiêu diệt chúng được. Vì thế, những người nào quan tâm đến sự an toàn các chuyến bay và muốn ngăn chặn sự phá hoại, cần phải tìm cách không phải bãi bỏ việc bán vé bảo hiểm trong sân bay, mà là tăng cường các biện pháp ngăn ngừa trên không宗旨 như trên mặt đất. Một trong những biện pháp ấy có thể là hạn chế việc bán chất nổ — vật liệu chính mà hiện nay hầu hết những kẻ muôn gây tai nạn trên không thường dùng. Một biện pháp có thể nữa là hoàn thiện những máy móc có khả năng « đánh hơi » thấy chất nổ trong hành lý. Một chiếc máy như thế, Mel thông báo cho những người đang chăm chú nghe ông, đang trong giai đoạn thử nghiệm.

Biện pháp thứ ba — xin nói thêm là biện pháp mà các công ty bảo hiểm nhất định đòi được làm là họ phải được kiểm tra hành lý trước khi bay, như các nhân viên hải quan. Thực ra, Mel nói thêm, cái biện pháp cuối cùng này có nhiều khó khăn.

Chúng ta phải chấp hành nghiêm khắc hơn — ông tiếp — những điều luật hiện hành, cấm mang vũ khí trên các máy bay dân dụng. Ngoài ra, do tính đến khả năng có thể có tai nạn lén lút, phải xem lại kết cấu các máy bay để chúng không vỡ khi bị ném. Về vấn đề này cũng đã có một ý đồ như sau — cũng là của các công ty bảo hiểm: người ta để ngài gia cố (và do đó — làm cho trở thành nặng hơn) những bức vách ngăn khoang hành lý, mặc dù điều đó có thể ảnh hưởng đến trọng tải máy bay và giảm thu nhập của các hãng hàng không. Cục hàng không liên bang, Mel nhấn mạnh, đã nghiên cứu riêng vấn đề bán vé bảo hiểm trong các sân bay, và đã phản đối việc cấm bán chúng. Mel liếc nhìn Đimirést — mặt anh ta vẫn hậm hầm tức giận, — cả hai đều biết rằng việc « xem xét » đó đã gây ra sự phản đối trong các phi công, vì nó do một quan chức của hãng bảo hiểm — chính là người bán vé bảo hiểm trong sân bay — phụ trách, và thái độ vô tư của ông này đáng ngờ.

Công ty bảo hiểm còn cung cấp cho Mel cả những số liệu khác, nhưng ông quyết định dừng ở đây. Hơn nữa, những chứng cứ chưa được ông sử dụng ấy cũng ít thuyết phục hơn. Ông nghĩ ngờ cả tinh hợp lý của việc gia cố thêm những khoang hành lý, mặc dù mới cách đây một phút ông còn nêu ra. Ai là người có lợi trong việc tăng thêm trọng lượng của máy bay — hành khách, các hãng hàng không, hay lại các tổ chức bảo

hiểm? Song tất cả các lý lẽ khác ông cho là tương đối có trọng lượng:

— Và như vậy, — ông kết luận, — chúng ta phải quyết định xem có nên — chỉ căn cứ trên một vài giả thuyết nào đó, — mà trước đây của dân chúng quyền được hưởng những dịch vụ rõ ràng cần thiết đối với họ hay không.

Mel vừa ngồi xuống thì bà Akecman đã tuyên bố dứt khoát :

— Tôi cho rằng không nên. — Vài ném về phía Vecnon cái nhìn đặc thắng.

Các ủy viên khác cũng lên tiếng ủng hộ bà ta, sau đó người ta quyết định nghỉ giải lao, và các những vấn đề chưa bàn đến sang buổi chiều.

Trong hành lang Vecnon Dimirest đợi Mel.

— Chào Vecnon! — Mel chào rồi nói tiếp ngay không cho ông anh rể kịp nói lời nào. — Tôi hy vọng anh không bất bình với tôi chứ? Vì giữa bạn bè và ngay cả họ hàng cũng vẫn có những ý kiến bất đồng.

Từ « bạn bè » hơi phóng đại. Mel Baycoxsend và Vecnon Dimirest chưa bao giờ quý mến nhau, mặc dù Dimirest lấy Xara, chị gái của Mel, và cả hai đều biết rõ sự hiềm khích lẫn nhau. Thời gian gần đây sự hiềm khích đã trở thành sự thù địch công khai.

— Mẹ kiếp, dĩ nhiên là tôi bất bình với anh, — Dimirest nói. Nỗi tức giận trong anh ta tuy không còn mạnh như lúc nãy, nhưng ánh mắt vẫn còn hằn hracial.

Các ủy viên từ phòng họp bước ra tò mò nhìn hai người — Họ đi ăn trưa. Vài mấy phút nữa Mel sẽ nhập bọn với họ.

— Nhưng kể có đầu óc như anh bị dính chặt vào cái bắp như chim panh goanh bị dính chặt vào đất, lý luận thì giỏi. — Đimirest khinh bỉ. — Nhưng nếu anh cũng bay nhiều như tôi chắc anh sẽ có ý kiến khác.

— Nhưng có phải suốt đời tôi bay sau bàn đầu. — Mel sẵn sàng ngắt lời ngay.

— Thời lạy chúa, anh đừng giờ cái mác người cựu anh hùng ra dọa tôi nữa. Bây giờ anh đang ở vách sổ không, và cái cách suy nghĩ của anh khẳng định điều đó. Nếu không, anh đã xem xét toàn bộ câu chuyện về bảo hiềm như bắt cứ một người phi công biết tự trọng nào.

— Anh muốn nói đúng chữ «tự trọng» hay tự phu? — Nếu Đimirest muốn xỏ xiên thì được, Mel sẵn sàng đối đáp với anh ta. — Toàn bộ tai hại của bọn phi công các anh là ở chỗ các anh quen cho mình là những ông thánh, những vị chỉ huy trên trời, do đó mà tin rằng các anh có bộ óc siêu phàm. Nhưng thực ra bộ óc các anh cũng chỉ hết sức bình thường. chí khác là được lắp thêm một số kiến thức thôi. Đôi khi tôi cảm thấy chúng còn teo lại — vì các anh bị ngồi quá lâu trong một mẫu không khí và không làm gì cả trong khi máy móc tự động lái máy bay thay cho các anh. Bởi vậy, khi có ai nói ra ý kiến của họ, và nếu ý kiến ấy trái ngược với các anh, là các anh nồi cát lên như những đứa trẻ con quen được nuông chiều.

— Tôi bỏ ngoài tai tất cả những điều anh nói — Đimirest nói — mặc dù nếu có ai là trẻ con ở đây, thi người đó chính là anh. Hơn nữa lại hoàn toàn không vô tư chút nào.

— Nay, Vecnon...

— Chính anh đã dùng cái từ ấy. — Dimirest bỗn
mới khinh bỉ. — Một ý kiến vô tư — chà, hay ho quá!
Anh đã dùng số liệu của các hãng bảo hiểm. Anh chỉ
đọc tờ giấy họ viết sẵn. Tôi ngồi nhìn thấy hết và
tôi biết, vì tôi có bản sao.— Và anh ta chỉ vào cái cắp
giấy mà số sách anh ta cất dưới nách. — Thật chí
anh không mất công súc chuân bị bài phát biểu

Mel tức lầm. Ông anh rề ông quá thực đã chọc
tức được ông. Ông phải tự tay chuân bị bài phát
biểu, hay ít ra phải sử dụng có chọn lọc những tư
liệu của công ty bảo hiểm, và chỉ đánh máy lại những
phản náo ông định dùng. Phải, tất nhiên là công
việc của ông mệt, ngày xưa rồi có nhiều hơn, nhưng
đó không thể là lý do thanh minh.

— Sẽ có lúc anh phải hối hận về chuyện này —
Vecnon Dimirest nói. Và khi nào xảy ra chuyện đó,
tôi sẽ có mặt và nhắc anh nhớ đến ngày hôm nay
và câu chuyện giữa chúng ta. Còn từ nay đến lúc ấy
tôi sẽ cố chỉ gặp anh khi nào thật cần thiết.

Mel chưa kịp nói câu gì, ông anh rề anh đã quay
ngoắt và bỏ đi thẳng.

Lúc này, khi đang đứng cạnh Tania trong gian
phòng chính của sân bay và nghe lại chuyện đó, Mel
lại nghĩ — không biết đến lần thứ mấy, — không biết
thái độ ông hôm ấy có đúng không, và giá ông đừng
làm căng thẳng quan hệ với Dimirest có tốt hơn không.
Trong thâm tâm ông cảm thấy không có lý do gì thay
đổi quan điểm của mình, — nhưng lẽ ra ông có thể
tỏ ra bình tĩnh hơn và không nên có thái độ thiếu
tự nhỉ: hãy để cho Dimirest phạm phải lỗi đó chứ
không phải ông.

Từ hôm ấy đến nay chưa bao giờ họ gặp lại nhau, — đúng ra thì tối nay, lần đầu tiên kể từ buổi họp đó, Mel lại nhìn thấy Dimirest trong quán cà-phê. Mel chưa bao giờ gần gũi lắm với người chị gái Xara của ông, và họ cũng ít khi đến thăm nhau. Song sớm hay muộn thế nào Mel và Dimirest cũng phải chạm trán nhau, và họ sẽ phải hoặc làm lành với nhau — hoặc ít ra, chấm dứt cuộc tranh cãi. Và chuyện đó xảy ra càng sớm càng tốt, Mel nghĩ khi nhớ lại bản điều trần do tiểu ban chống tuyết thảo ra, mà chắc chắn do bàn tay Dimirest đạo diễn, đầy những lời lẽ cay đắng như thế nào.

— Giả biết trước chuyện đó có thể cuống anh đi xa như thế, tôi đã không nhắc tới chuyện y bảo hiềm, — Tania nói.

Thực ra Mel mới chỉ nhẳng quên Tania có một giây, nhưng chỉ vẫn nhận ra điều đó — bị nó nhạy cảm rất cao với tất cả những gì có liên quan đến ông. Chưa ai có tài có thể đoán được ý nghĩ của ông như Tania và quan hệ tình cảm giữa hai người gần gũi biết bao.

Ông cảm thấy Tania đang quan sát ông — chị nhìn ông dịu dàng, hiểu biết, nhưng sau vẻ dịu dàng ấy làn chứa sức mạnh to lớn của người phụ nữ, mà bản năng mách cho Mel biết có thể bùng lên thành ngọn lửa hừng hực. Và ông khao khát mong chờ sự gần gũi giữa hai người trở nên trọn vẹn hơn.

— Không; chuyện đó không làm tôi xa chị đâu. — Mel nói, — Ngược lại, nó chỉ càng làm tôi gần chị hơn. Và lúc nào tôi cũng chỉ muốn có chị bên cạnh. — Hai ánh mắt họ gặp nhau, và ông nói thêm: — Bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu.

Tania đáp với tinh thảng thận vốn có của chị:

— Tôi cũng muốn như vậy. — Rồi chị khẽ mỉm cười, — Tôi muốn thế từ lâu rồi.

Suyt nữa ông không kim được và rủ chị bỏ hết tất cả để đi đến một nơi nào đó yên tĩnh, im lặng... chẳng hạn về nhà chị... bất chấp tất cả mọi hậu quả. Nhưng Mel biết, ông không thể cho phép mình làm như thế được, — và ông dành chấp nhận. Tạm thời chưa thể được.

— Lát nữa chúng ta sẽ gặp nhau nhé, — Mel nói với chị. — Trong ngày hôm nay, Tôi chưa biết khi nào, nhưng trong ngày hôm nay. Chị chờ tôi rồi hẵng về nhà nhé. — Ông chỉ muốn ôm lấy chị, ghi chặt chị vào người, để cảm thấy hơi ấm của chị, nhưng xung quanh mọi người đang dì lại tấp nập.

Chị cầm tay cho ông, những ngón tay chị khẽ chạm vào tay ông, khiến ông cảm thấy như có luồng điện chạy qua.

— Em sẽ đợi. — Tania nói, — Anh muốn em đợi bao lâu cũng được.

Một phút sau chị đã đi xa và đám hành khách đang chen chúc cạnh quầy hàng Trans O'mérico đã che khuất mắt chị.

6

Mặc dù cách đây hơn nửa tiếng Xindi nói với Mel rất cương quyết, cô vẫn phân vân chưa biết phải làm gì bây giờ. Giả lúc này bên cạnh cô có người nào đề hỏi ý kiến! Đè xem hôm nay cô có nên đến sân bay hay không?

Xindi cứ đứng thẫn thờ một mảnh giữa cảnh ồn ào huyên náo của bữa tiệc cốc-tay do Quý-cứu trẻ em Archidion tổ chức mà suy nghĩ trước vấn đề không đơn giản ấy. Cô nên làm thế nào bây giờ? Từ nay đến giờ, gần như cả buổi tối, cô cứ đi từ nhóm này đến nhóm khác, cười nói vui vẻ, chào hỏi những người quen, làm quen với những người cô quan tâm, — nhưng lúc nào cô cũng bị ám ảnh bởi ý nghĩ rằng trong bữa tiệc tối nay cô không có bạn. Và lúc này cô đang đứng trơ trọi một mình, dǎm chiêu nghĩ ngợi.

Xindi suy nghĩ: đi ăn tối mà không có Mel, hay một người đàn ông nào khác, cô hoàn toàn chẳng muốn chút nào. Nghĩa là hoặc đi về nhà, hoặc đi tìm Mel để gáy sự với ông.

Vừa rồi qua điện thoại cô đã báo trước cho Mel biết cô sẽ đến sân bay và nói hết với ông. Nhưng Xindi hiểu rằng, nếu cô đến sân bay thì cuộc nói chuyện giữa hai người sẽ không phải chuyện đùa và cô sẽ dẫn đến đòn vỡ hẳn, không gì hàn gắn được. Ý nghĩ tinh tảo nhắc cô biết rằng, sớm muộn gì cuộc nói chuyện như thế sẽ phải xảy ra giữa hai người, — nếu vậy cứ để nó xảy ra càng sớm lại càng tốt. Hơn nữa, lúc đó còn giải quyết được cả một số chuyện khác. Nhưng dù sao cũng không dễ dàng gì dứt bỏ cuộc sống vợ chồng mười lăm năm, như trút bỏ chiếc áo mura đã bong hết lớp chống nước. Dù những thiếu sót và nguyên nhân bất hòa của họ có lớn đến đâu chẳng nữa — Xindi có thể đếm được rất nhiều những cái như thế, — thì khi hai con người đã chung sống với nhau từng ấy năm trời, họ vẫn bị ràng buộc với nhau bởi những cái nút khó mà gỡ được.

Thậm chí ngay lúc này Xindi vẫn tin rằng cuộc hôn nhân của cô với Mel vẫn có thể cứu vãn được, nếu cả hai người thực sự cố gắng. Vấn đề là ở chỗ khác: họ có muốn như vậy, hay không? Xindi tin rằng cô muốn như vậy — tất nhiên với điều kiện Mel phải nhượng bộ, nhưng cho đến nay ông vẫn không chịu nhượng bộ những đòi hỏi của cô, và cô không tin rằng ông có thể thay đổi, điều mà cô rất mong muốn. Còn nếu Mel nhất định không chịu bắt cứ nhượng bộ nào thì cuộc sống chung giữa hai người sẽ chẳng còn ý nghĩa gì nữa! Thời gian gần đây, ngay cả quan hệ tình dục giữa hai người mà mọi khi bù đắp được nhiều cái, cũng đã hoàn toàn đi vào đê vắng. Cả trong chuyện này cũng có cái gì không ổn, mặc dù Xindi không biết tại sao. Mel vẫn làm cô hứng thú — thậm chí ngay lúc này chỉ cần nghĩ đến ông là cô đã nỗi cơn thèm muộn. Nhưng cứ mỗi lần cô điều kiện gần nhau thì sự lạnh nhạt về tình cảm lại tăng. Kết quả là — ít ra là với Xindi — chuyện đó làm cô thấy bức bối, tức giận, nhưng sau đó sự thèm muốn nhuộm dục vẫn trỗi dậy mạnh mẽ nỗi cô lại bắt đầu thấy cần đàn ông. Bất cứ người đàn ông nào, miễn là có.

Cô cứ đứng đơn độc giữa cảnh nhung lụa trong phòng khách của khách sạn « Leik Michigan », nơi diễn ra bữa tiệc dành cho các đại diện báo chí. Xung quanh cô người ta bàn tán chủ yếu về cơn bão tuyết và về chuyện mọi người ai cũng phải khó khăn lắm mới tới được đây. Nhưng dù sao họ cũng đã tới, Xindi nghĩ, còn Mel thì không.

Thỉnh thoảng bên tai cô lại vang lên tiếng: « Archidion » khiến Xindi nhớ lại cuối cùng cô vẫn

không giải thích được cho Mel, cô tham gia hoạt động từ thiện cho « Archidôn » nào — của Equado hay Tây Ban Nha! (*a Quỷ bắt anh đi, Mel, anh cứ tưởng mình thông minh lắm đấy!...v.*)

Có ai khẽ chạm vào khuỷu tay cô và một giọng khen sự hỏi :

— Bà không uống chút gì sao, bà Bayonfend? Tôi đã lấy cho bà thứ gì nhỉ?

Xindi quay lại. Trước mặt cô là người phóng viên, tên là Dericb Iden mà cô có quen biết đôi chút. Những bài bình luận của anh ta thường xuất hiện trên tờ « Sandi-tams ». Như hầu hết những người làm nghề này, anh ta ăn nói rất nhẹ nhàng và tự tin, nét mặt hơi lơ đãng. Xindi trước đây cũng có chú ý đến anh ta — cũng như anh ta có chú ý đến cô.

— Cám ơn ông, — Xindi nói. — Xin ông một cốc uytksi Mỹ pha nước, nhưng ít nước thôi. Và xin ông gọi tôi bằng tên. Tôi chắc ông đã biết tên tôi.

— Tất nhiên, thưa bà Xindi.

Cặp mắt anh ta nhìn Xindi lộ rõ vẻ thân phục. « Mà sao lại không? — Xindi nghĩ. Cô biết rằng hem, nay cô rất đẹp, ăn mặc rất điện và trang điểm cũng rất cẩn thận.

— Tôi sẽ quay lại ngay, — Dericb Iden nói với cô. — Vì thế xin bà đừng đi đâu cả, một khi tôi đã tìm được bà. — Rồi anh ta bỏ đi ngay đến chỗ quầy bar.

Trong khi chờ anh ta quay lại, Xindi đưa mắt nhìn gian phòng chật hẹp người. Bỗng cô bắt gặp ánh mắt của một bà dì hơi luống tuổi, đội mũ thêu hoa, đang nhìn mình. Xindi lập tức mỉm cười rất tươi — người đàn bà kia gật đầu chào lại rồi nhanh

đi chỗ khác. Đó là nữ phóng viên của mục tin tức thương lưu. Đứng bên bà ta là một phóng viên nhiếp ảnh, và rõ ràng họ đang định xem xét, chọn ai cho trang giữa của tờ báo ngày mai. Và kia, bà ta đang vẫy một số các cô đến gần mình, và họ lập tức quay xung quanh bà ta, mỉm cười rất nhã nhặn, cố giữ vẻ thật tự nhiên, trong khi trong bụng rất sung sướng vì được người ta chọn chính họ. Xindi hiểu ngay nguyên nhân tại sao cô bị người ta bỏ rơi: dù một mình, cô không có ý nghĩa gì cả; giá như có Mel ở đây, cô sẽ trở thành nhân vật quan trọng ngay. Mel có uy tín khá lớn trong đời sống thành phố. Nhưng cái đáng giận nhất là Mel lại hết sức coi thường những thành công trong xã hội thương lưu.

Ở đầu phòng kia đèn máy ảnh nháy lia lịa, người đàn bà đội mũ đang bì hoáy ghi vào sổ tay tên họ của từng người. Xindi tức phát khóc. Vì cô đã dự hầu hết các buổi dạ hội từ thiện, cô đã hoạt động không tiếc sức, đã dự những buổi họp té nhật nhất, làm tất cả những công việc bạc bẽo nhất mà những người đàn bà có địa vị cao trong xã hội không thèm làm, vậy mà bây giờ — người ta quên cả nghĩ đến cô.

(« Quỷ tha anh đi, Mel ! Quỷ tha cái trận bão tuyết chết tiệt này đi ! Chết tiệt cả cái sân bay khốn kiếp làm tan vỡ bao nhiêu gia đình này đi ! »)

Vừa lúc đó người phóng viên quay lại, hai tay cầm hai cái ly — một cái cho Xindi và một cái cho mình. Khi lắc qua đám đông, nhìn thấy Xindi đang theo dõi mình, anh ta mỉm cười. Có cảm tưởng anh ta rất tin tưởng. Qua hiểu biết riêng về đàn ông, Xindi chắc hẳn lúc này anh ta đang phỏng đoán xem anh ta có hy vọng được ngủ với cô tối nay hay không.

Dàn nhà báo là dàn rất ma mịnh và khá am hiểu tâm lý những phụ nữ bị bỏ rơi, đơn độc.

" Ngược lại, nhìn Berich Iden, Xindi cũng sâu sắc nhanh trong óc. Cô nghĩ: hơn ba mươi tuổi là tuổi khá chín muồi để trở thành người từng trải, đồng thời cũng là tuổi khá non trẻ để một người đàn bà sành sỏi có thể dạy bảo anh ta chút ít. Trông thâu hình cũng khỏe mạnh, cân đối. Anh ta sẽ chu đáo, thậm chí có thể dịu dàng, và tất nhiên là hào phóng. Và cũng rõ ràng là sẵn sàng đi tới chỗ chung dung thè xác: anh ta đã cho cô thấy rõ điều đó ngay từ trước khi anh ta đi lấy rượu. Hai con người đều như không phải mâu rùng và đều có cách nhìn sự vật giống nhau, không khó gì trong việc tìm cách xích lại gần nhau.

Mỗi cách đây mấy phút cô còn đang suy tính xem nên đi đâu — về nhà hay ra sân bay. Bây giờ, bình thường, lại có thêm một phương án thứ ba, thú vị hơn.

— Xin mời bà.

Berich Iden đưa cho cô cái ly. Cô nhìn — ôi, bao nhiêu là uy tín! Có lẽ anh ta bảo người bán bar rót thêm rượu. Không, đúng là cánh đàn ông họ vẫn cứng nhắc thật.

— Cảm ơn — Cô nhấp một chút và nhìn anh ta qua miệng ly.

Berich Iden cũng giơ cốc và mỉm cười.

— Ở đây bà quả phải không bà?

Đối với người viết báo, Xindi nghĩ, anh ta là con người không có gì đặc sắc lầm. Theo tính toán của anh ta, cô sẽ phải trả lời: « Vắng », và khi đó anh ta sẽ đe nghị: « Hay ta đến chỗ nào yên tĩnh hơn

đi ? », và ăn ý sau những lời đó thì không khó gì
không đoán ra.

Xindi quyết định kéo dài thời gian nên nhấp
một ngum nữa.

Cô suy tính. Tất nhiên, nếu Laiōnel còn ở thành
phố, thì không đời nào cô bắt chuyện với anh chàng
nhà báo này. Nhưng Laiōnel, người mà mỗi khi cô
hảo táp gia đình bao giờ cô cũng đến gặp để tìm sự
an ủi, người được cô giữ bên mình để phòng trường
hợp Mel có thể di đến chỗ ly dị, — mà Laiōnel thì
ngay ngày mai sẵn sàng cưới cô ngay; — lúc này
đang ở Xiuxinata (mà cũng có thể ở Columbus?) và
đang làm công việc mà những nhà khảo cổ học thường
làm khi có việc phải đi xa. Mãi mười ngày nữa, mà
cô kinh hồn, anh ấy mới về.

Mel không biết chuyện dan díu giữa Xindi và
Laiōnel —it ra là ông không địết chính xác chuyện
gi, mặc dù có lẽ ông đã nghĩ ngờ cô có ngoại tình.
Nhưng, theo Xindi phỏng đoán, ông tỏ ra rất thờ ơ
với chuyện đó. Chẳng qua vì bây giờ ông có thể ở
lại sân bay lâu hơn và hoàn toàn không nghĩ đến
cô — phải nói rằng cái sân bay chó chết ấy đã làm
hở cuộc sống gia đình của họ không kém bất cứ một
mụ tinh nhân nào.

Nhưng không phải bao giờ cũng như vậy.

Những ngày đầu mới cưới nhau, khi Mel vừa chia
tay với bạn đội, Xindi rất tự hào về ông. Ông bắt
đầu leo rất nhanh trong những nấc thang dẫn đến
những chức vụ lãnh đạo trong ngành hàng không.
và Xindi rất sung sướng trước sự tiến thủ ấy, vui
mừng trước những chức vụ mới của ông. Địa vị công

tác của Mel ngày càng được củng cố, và cùng với nó, địa vị của Xindi — tất nhiên là địa vị xã hội — cũng được củng cố theo: thời kỳ đó hầu như tôi nào họ cũng đi chơi. Xindi thay mặt hai người nhận lời mời đến dự những bữa tiệc-tay, ăn tối, những buổi diễn ra mắt, những dạ hội từ thiện, còn nếu trong một tối có hai sự kiện thương lưu cùng một lúc, thì Xindi quyết định xem sự kiện nào quan trọng hơn và khước từ lời mời khác. Vì đối với một người trẻ tuổi đang có triền vọng trên đường công danh, thì điều hết sức quan trọng là phải xuất hiện ở những nơi đông người, giao du với những nhân vật có thế lực. Thậm chí Mel cũng hiểu điều đó. Và ông ngoan ngoãn theo Xindi đi đến khắp nơi.

Không một nỗi, như bây giờ Xindi đã hiểu ra, cô và Mel theo đuổi những mục tiêu khác nhau. Mel chỉ tìm thấy ở sinh hoạt thương lưu phượng tiện để thỏa mãn linh hồn nghệ nghiệp của mình: cái chính đối với ông là con đường danh vọng, còn những hoạt động thương lưu — chỉ là phượng tiện nhất thời để đạt mục tiêu đó. Trái lại, Xindi nhìn thấy trong sự tiến thủ của Mel một cái gì kiêu như giấy thông hành để lui tới những giới thương lưu cao cấp; có thể lực hơn. Bây giờ, khi nhìn lại quá khứ, có lúc cô nghĩ rằng, nếu như hồi đó, ngay từ đầu, họ hiểu nhau rõ hơn, họ có thể đi đến một thỏa hiệp nào đó. Tiếc thay chuyện đó đã không xảy ra.

Sự lực đực giữa họ bắt đầu vào khoảng thời gian khi Mel, lúc ấy đã là giám đốc sân bay quốc tế Linh Sơn, được bầu giữ thêm chức chủ tịch Hội đồng giám đốc các sân bay,

Xindi sung sướng vô hạn khi biết tin chồng có uy tín và ảnh hưởng ở Oasinhton. Còn khi người ta bắt đầu gọi ông đến Nhà trắng và ông bắt đầu có những cuộc tiếp xúc trực tiếp với tông thống Kennedy, thì Xindi đã bắt đầu chuẩn bị xuất hiện trong giới thượng lưu ở Oasinhton. Trong những mơ ước mèm hồn, cô nhìn thấy cô đang được dạo chơi — và chụp ảnh chung — với Giêhki, hay Etel, hay Giordan, ở Iannis-Port hay trên thảm cỏ xanh trong Nhà trắng.

Nhưng sau không có chuyện gì như vậy cả. Cả Mel lẫn Xindi không ai tham dự vào sinh hoạt thượng lưu ở Oasinhton, mặc dù họ có thể làm như vậy. Hơn nữa, do sự khăng khăng của Mel, họ còn từ chối cả những lời mời đã nhận được. Mel cho rằng ông đã bết lão nên uy tín ngay trong lĩnh vực của mình, và không cần phải cung cống địa vị của ông trong giới thượng lưu, — nói thật ra, từ trước đến nay ông chưa bao giờ quan tâm lắm đến chuyện đó.

Khi Xindi hiểu ra điều đó, cô nỗi đóa lên, và giữa hai người đã xảy ra cuộc cãi nhau lớn. Đó là một sai lầm nữa về phía cô. Giá như cô thuyết phục, cô khi Mel đã nhượng bộ, song sự nỗi nòng của cô thường chỉ khiến ông càng giữ vững ý kiến của mình. Sự xích mích giữa hai người kéo dài đúng một tuần — càng ngày Xindi càng tỏ ra nhỏ nhen tầm thường, nên chỉ càng làm hỏng việc thêm. Tính nhỏ nhen lắm điều là một trong những nhược điểm của Xindi, và cô biết rõ điều đó. Phần lớn thời gian cô cố giữ bình tĩnh, nhưng thỉnh thoảng, khi vấp phải thái độ dửng dưng của Mel, cô lại không kìm được nữa, và tính khí điện khùng của cô lại thăng — hôm nay khi cô nói chuyện điện thoại với chồng cũng thế.

Sau cái tuẫn cãi nhau liên miên ấy, họ bắt đầu cãi nhau thường xuyên hơn và không cần giấu quan hệ của mình với con cái nữa, và lại dù có muốn họ cũng chẳng thể giấu được. Một lần, xấu hổ cho cả hai người, Robecta bỗng tuyên bố, từ nay tan học về cô ta sẽ đến nhà bạn, «vì bố mẹ cãi nhau làm con không học được!». Nhưng rồi không khí trong nhà dần dần trở lại bình thường. Thỉnh thoảng Mel lại đưa Xindi đi dự những buổi dạ hội thương lưu, nhưng chỉ khi nào ông hứa trước với cô. Còn nói chung ông ở lại sân bay nhiều hơn và ít khi có mặt ở nhà. Xindi — theo cách nói hơi giễu cợt của Mel — cầm đầu đi làm những «việc từ thiện lặt vặt» và đã leo lên những đỉnh cao thương lưu.

Cũng có thể, đúng Mel cho chuyện ấy là ngu ngốc thật, Xindi nghĩ. Nhưng thực ra cũng phải tìm cho mình việc gì làm chứ, hơn nữa cô thích tranh đấu giành địa vị trong xã hội thương lưu — nói đúng ra mọi hoạt động của cô chung quy chỉ nhằm mục đích đó. Đàn ông chỉ biết phê phán — họ có những hoạt động để họ lao vào. Chẳng hạn như Mel, ông bận rộn với danh vọng, sân bay và các trách nhiệm khác. Thế còn Xindi, bảo cô phải làm gì? Suốt ngày ngồi nhà quét bụi chắc?

Xindi không có ảo tưởng về sự thông minh của mình. Cô không có nhiều học vấn lắm và hiểu rằng trong nhiều mặt cô không thể sánh với Mel. Nhưng thực ra vẫn đẽ này cũng không có gì mới. Trong những năm mới cưới nhau, Mel còn xem sự ngu ngốc của cô như cái gì ngộ nghĩnh buồn cười, trải lại bây giờ, — nhất là thời gian gần đây, — hầu như lúc nào ông cũng chỉ giễu cợt cô về chuyện đó. Xindi

bắt đầu nhìn nhận khả năng trở thành diễn viên của mình một cách thực tế hơn: tất nhiên cô không bao giờ trở thành ngôi sao được! Trước đây, của đáng tội, cô thích nhắc đến chuyện: nếu như không lấy chồng, cô đã leo được tới những đỉnh cao trong sân khấu. Nhưng đó chỉ là cách tự vệ, là ý muốn nhở — trong đó nhắc cả Mel — rằng cô không chỉ là vợ của ông giám đốc sân bay, mà còn là một cá nhân. Nhưng trong thâm tâm Xindi biết rằng: Trên con đường của người diễn viên sân khấu, cô không bao giờ có thể leo cao hơn những vai phụ trong nhà hát.

Còn tham gia vào đời sống thương lưu — trong những màn kịch do tổ chức địa phương xếp đặt — thì cô có thể làm được. Nó mang lại cho cô cảm giác mình có vai trò xã hội nhất định, dùn cô trở thành một nhân vật. Và dù cho Mel cứ chê giêu cô và không hề cho rằng Xindi đã làm được cái gì đó, cô vẫn leo lên được vài bậc trong bậc thang xã hội và được tiếp nhận vào giới của những người trong đời có tiếng tăm trong xã hội thương lưu, những người mà nếu không bằng cách ấy cô chẳng bao giờ được quen biết, còn như những huỗi tiệc như hôm nay thì tất nhiên không bao giờ có thể đặt chân vào... Có điều chính lúc này cô đang cần cô Mel để làm người bạn đường, mà ông chỉ nghĩ đến cái sân bay chó chết, đã không đến.

Mel, người biết giành uy tín và địa vị vững chắc trong xã hội, không bao giờ hiều được những khát vọng của Xindi muốn tự khẳng định mình. Ngày giờ lại càng không hiểu.

Song Xindi vẫn tiếp tục đi theo con đường của

mình. Cô cũng có những kế hoạch cho tương lai mà cô biết sẽ dẫn đến những xung đột khủng khiếp trong gia đình, nếu như cô và Mel còn sống chung với nhau. Chẳng là Xindi thậm chí áp cái mệnh hiếu danh đưa cả hai cô con gái vào xã hội thương lưu — lúc đầu là Röbeclu, sau đó là Libi — đến dự cuộc vũ hội ở Passavan, một sự kiện vang dội trong mùa, mở ra con đường danh vọng cho những cô gái trẻ gốc Hinoix. Tất nhiên với tư cách mẹ của những cô gái, Xindi, cũng sẽ được mọi người chú ý.

Một lần khi nói chuyện với Mel, Xindi có nhắc xa xôi tới ý định của mình thi, đúng như cô dự đoán, Mel lập tức nỗi dóa: « Chỉ có khi nào tôi chết đi! ». Giữa thời đại này mà tờ chiec những buổi vũ hội cho các cô gái mới lớn cùng các bà mẹ ngụy độn của chúng — thì thật là lố bịch, ông tuyên bố với Xindi. Cũng may cái lục lạp phù phiếm ấy đang chết dần như tàn dư cũ, và cái truyền thống đẳng cấp, may thay, dân tộc đã dứt bỏ được, mặc dù — cẩn cứ vào những người kiêu như Xindi — chưa được nhanh lắm. Về phía ông, Mel tuyên bố, ông muốn các con ông được giáo dục theo tinh thần bình đẳng với tất cả mọi người khác, chứ không phải lớn lên như những kẻ ích kỉ, kiêu ngạo, lúc nào cũng tin rằng chúng có địa vị ưu đãi trong xã hội. Và vân vân.

Trái với thói quen thường ngày chỉ trình bày ngắn gọn và rõ ràng những quan điểm của mình, hôm ấy Mel nói rất nhiều và rất lâu.

Thế nhưng, Laiónel lại cho ý đồ đó là đúng.

Họ của Laiónel là Ekkact. Và trong cuộc sống của Xindi anh ta chiếm vị trí hoàn toàn không phải chính yếu, mà chỉ lặp lò bên ngoài lề như một cái dấu hỏi.

Cô điêu là là chính Mel là người đặt Xindi đến với Laiónel. Ông giới thiệu hai người với nhau trong một bữa ăn chính thức, trong đó Laiónel được mời dự với tư cách là nhà khảo cổ học đã có đóng góp cho thành phố, còn Mel là vì chức vụ của ông ở sân bay. Họ quen biết nhau đã vài năm.

Sau bữa ăn đó, Laiónel bắt đầu gọi điện thoại cho Xindi, và họ đã vài lần đi ăn cơm với nhau, sau đó gặp nhau thường xuyên hơn, dần dần quan hệ tình cảm giữa hai người ngày càng thắm thiết hơn.

Trái với nhiều đàn ông khác hay xem thường những chuyện lăng nhăng với phu nhân, Laiónel lại hết sức coi trọng quan hệ của anh ta với Xindi. Anh ta sống độc thân — bỏ vợ cách đây vài năm, nhưng không ly dị. Bây giờ anh ta muốn được phép ly dị, với hy vọng Xindi cũng sẽ ly dị với chồng, và họ sẽ lấy nhau. Đến khi quyết định đó hình thành chắc chắn, anh ta đã biết rằng cuộc hôn nhân giữa Mel và Xindi hết sức bấp bênh.

Laiónel chưa bao giờ có con, và bây giờ, anh ta nói với Xindi, anh ta rất lấy làm tiếc vì chuyện đó. Thực ra anh ta và Xindi vẫn còn có thể có con với nhau, nếu như hai người không kéo dài chuyện cưới xin. Và trong trường hợp ấy tất nhiên anh ta rất sung sướng xây dựng lò ấm gia đình cho cả Róbeca và Libi, và sẽ cố hết sức thay thế của chúng. Xindi chưa muốn quyết định dứt khoát vì nhiều nguyên nhân — cái chính là vì cô vẫn hy vọng hai tay gắn quấn hệt với Mel, và trong chặng mực nào đó lấy lại quá khứ đã mất. Không thể nói là cô vẫn còn yêu Mel. Xindi đã kịp nhận ra, cùng với tuổi tác, con người ta bắt đầu có thái độ khe khắt, cẩn thận hơn với tình yêu.

Nhưng cô đã quen cô Mel. Cô quen nhìn thấy ông bên cạnh — cũng như Rôbecia và Libi; ngoài ra, như nhiều phụ nữ khác, Xindi sợ những thay đổi lớn trong đời mình.

Trước kia có lúc cô cho rằng lý dí và cuộc hôn nhân mới có thể có hại đến địa vị xã hội của cô. Nhưng bây giờ cô đã thay đổi quan niệm. Nhiều người ly dị nhưng không bao giờ biến khỏi chân trời thương lưu: hôm nay người ta gặp một bà với ông chồng này, tuần sau đã với ông chồng khác. Đến mức Xindi cảm thấy bình như người nào chưa ly dị bao giờ có khi lại đáng buồn.

Hơn nữa cuộc hôn nhân với Laiônel có thể cũng có địa vị của Xindi trong xã hội. Laiônel sẽ vui vẻ hơn nhiều so với Mel tham gia bất cứ cuộc họp và dạ hội thương lưu nào. Mà anh ta vốn sinh trưởng trong gia đình nè nếp và có uy tín trong thành phố. Mẹ của Laiônel tựa như bà nữ hoàng góa bụa, vẫn trị vì trong biệt thự cỏ nát, nơi cái chuồng cò lồ vẫn kêu vang khi có khách đến chơi và người hầu phòng tay phủ vi viêm khớp sẽ hưng nước trà mời khách trong chiếc khay bạc. Laiônel đã có lần dẫn Xindi tới đó. Sau đó anh ta bảo cho Xindi biết cô đã gây ấn tượng tốt, và anh ta tin rằng: anh ta sẽ thuyết phục được mẹ, khi nào đến dịp, ủng hộ các cô gái Rôbecia và Libi tham gia cuộc vũ hội cô.

Tóm lại, vì sự xích mích giữa cô và Mel không những không giải quyết được, mà càng ngày sâu sắc thêm, nên mọi cái đều như muốn bảo Xindi nên mạnh dạn kết hôn với Laiônel, nếu như... không vì một chuyện. Với tư cách đàn ông, Laiônel lại tỏ ra không được tích sự gì.

Ành ta cõi tỏ ra mạnh, cõi lần cõi làm cho Xindi ngạc nhiên vì dục vọng mãnh liệt của mình, nhưng thường thì chỉ giõng cái đồng hồ chưa lên giây cõi. Một buổi tối, sau cuộc chung dung không thành công lầm trong buồng ngủ của anh ta, cuộc chung dung đã để lại ấn tượng không thích thú cho cả hai, anh ta buồn rầu tuyên bố: « Già em biết anh hồi mươi tám tuổi... Không gì cõi thề ngăn anh được ! ». Nhưng tiếc thay Laiônel đã không còn ở tuổi mươi tám, mà đã bước sang tuổi bốn mươi.

* Xindi biết rõ nếu cõi lấy Laiônel, thì cái dục tình vừa đầy họ vào vòng tay của nhau, sẽ lập tức xep ngay khi họ bắt đầu sống chung với nhau. Tất nhiên Laiônel sẽ cõi gắng tìm cách bù đắp lại sự thiếu sót về tình dục của mình bằng cái khác -- anh ta là người tốt bụng, rộng lượng và chu đáo, — nhưng phải chăng như vậy là đủ ? Khát vọng tình dục của Xindi hoàn toàn chưa nguội tắt — bản chất cõi vốn là người cuồng nhiệt, thời gian gần đây khát vọng và thèm muỗn của cõi thậm chí càng tăng lên. Nhưng ngay cả với Mel cõi cũng đã không còn chung dung nữa — vậy thì cõi làm sao ? Suy cho cùng cõi vẫn thấy Laiônel dễ chấp nhận hơn.

Nghĩa là, nên lấy Laiônel, những ngõ với người khác. Cái võ sau tất nhiên hơi khó thực hiện, nhất là khi vừa mới cưới nhau xong, nhưng nếu biết cách thận trọng thì vẫn cõi thề làm được. Cõi biết cõi nhiều đàn ông và đàn bà, thậm chí cả những nhân vật khá eo ấp, cũng sống theo kiểu đó, nghĩa là giữ cuộc sống vợ chồng, nhưng đi tìm sự thỏa mãn ở ngoài tõi ấm gia đình. Thị chính cõi cũng lừa được Mel đấy thôi. Tất nhiên ông cõi thề ngờ cõi cõi

ngoại tình, nhưng Xindi tin rằng Mel không biết được điều gì cụ thể — cả về Laiobel cũng như những người khác.

Còn tôi nay thì sao đây? Có nên đến sân bay để nói chuyện với Mel như cô đã định không? Hay ngồi một tối với anh chàng nhà báo Dérich Iden đang đứng chờ cô bên cạnh này?

Xindi chợt nghĩ có lẽ cô thể thực hiện cả hai việc.

Cô mỉm cười với Dérich Iden.

— Xin lỗi, ông vừa nói gì nhỉ?

— Tôi bảo rằng ở đây ổn quá.

— Ồ, phải.

— Tôi nghĩ, hay chúng ta bỏ bữa ăn này và đi đến nơi nào yên tĩnh hơn.

Xindi phải cố lắm mới né tránh được cười. Cô nói:

— Hay lắm.

Cô đưa mắt nhìn giận phỏng đồng nghẹt chủ và khách của bữa tiệc cốc-lay. Các phỏng viên nhiếp ảnh đã thôi bấm máy — nghĩa là nán thém ở đây chẳng còn ý nghĩa gì nữa. Cô thở lảng lặng mà bỏ về.

Dérich Iden hỏi:

— Bà có đi xe hơi đến không, bà Xindi?

— Không, còn ông?

Vì trời xấu nên Xindi phải di tản đến.

— Tôi có ô-tô.

— Thế thì hay lắm, — cô nói. — Ta hãy ra từng người một. Ông hãy chờ tôi ở xe, tôi sẽ ra lối công chánh, độ mười lăm phút nữa.

— Cố lẽ hai mươi phút nữa thì tốt, vì tôi còn phải
gọi hai ba cú điện thoại.

— Cũng được.

— Bà có nguyện vọng gì không? Ý tôi muốn hỏi
bà muốn đến đâu?

— Tùy ông, đi đâu cũng được.

Ngần ngừ một giây, anh ta hỏi:

— Bà có muốn trước tiên ta đi ăn đã không?

Cô thấy buồn cười vì chữ «trước tiên»: cái gì
cũng phải rõ ràng — anh ta muốn cô hiểu anh ta
muốn đi đến chuyện gì.

— Không, — Xindi nói — Tôi có ít thời gian lẩn.
Tôi còn phải đến một nơi nữa.

Cô cảm thấy cái nhìn của Đêrich lướt trên thân
hình cô rồi lại quay trở lại khuôn mặt. Hình như cô
còn nghe thấy cả tiếng lẩm anh ta đậm mạnh, — tất
nhiên rồi, vì may thế mà lại!

— Bà là người phụ nữ tuyệt vời, — anh ta nói. —
Nhưng tôi chỉ thực sự tin vào hạnh phúc khi nào
nhìn thấy bà ở cửa bước ra.

Nói xong câu đó anh ta quay đi và phút chốc đã
biến khỏi phòng. Mười lăm phút sau Xindi cũng
theo chân anh ta.

Cô ra phòng để quần áo, lấy áo măng tô chùm
kin người, rồi rời khỏi khách sạn. Ngoài phố tuyệt
vẫn rơi và từng làn gió lạnh buốt vẫn đuổi nhau trên
hè phố và trên đường ô-tô. Thời tiết khiến Xindi lại
nhớ đến sân bay. Cô quyết định hôm nay thế nào
cũng tới đó, nhưng hãy còn sớm — mới có chín rưỡi, —
trước mắt vẫn còn đủ thời gian.. để làm mọi việc.

Dưới mái hiên người gác cửa bước ra, khẽ đưa tay lên vành mũ.

— Bà đi tắc xi, thưa bà?

— Không, không cần.

Vừa lúc đó ở bãi đỗ xe, hai chiếc đèn pha của một chiếc xe đang đỗ bật sáng. Nó từ từ lăn bánh trên lớp tuyết xốp và tiến lại phía cổng khách sạn, nơi Xindi đang đứng chờ. Đó là chiếc «Sowolé» chạy đã bảy năm. Ngồi sau tay lái của nó là Derich Iden.

Người gác cửa chạy ra mở cửa xe và Xindi chui vào. Khi cánh cửa đóng lại, Derich Iden nói :

— Xin lỗi, trong ô-tô lạnh quá. Vì đầu tiên tôi phải gọi điện về tòa báo, sau đó lại phải lo đỗ người ta chuẩn bị đón chúng ta ở nơi chúng ta sẽ đến. Tôi cũng vừa mới ngồi vào xe.

Xindi khẽ rùng mình, chui kín hơn vào trong áo măng tô.

— Chỉ còn hy vọng nơi chúng ta đến sẽ ấm áp hơn.

Derich Iden mắt vẫn nhìn thẳng, uẩn mày ngón tay cô, đồng thời bóp luôn cà chổ dùi nơi cù đê tay. Sự động chậm kéo dài chưa đầy một giây — rồi cả hai tay anh ta lại nắm lấy vô lăng. Anh ta nói khẽ :

— Bà sẽ được sưởi ấm — tôi hứa với bà như vậy.

Còn bốn mươi nhăm phút nữa là đến giờ máy bay của hãng Trans Océanic, chuyến hai «Argos vàng», cất cánh. Trong máy bay người ta đang làm

những công việc chuẩn bị cuối cùng cho chuyến bay dài năm nghìn dặm không ngần đi Rôm.

Nói chung việc chuẩn bị cho chuyến bay này kéo dài đã nhiều tháng, nhiều tuần và nhiều ngày nay. Còn những công việc chuẩn bị trực tiếp thì đã bắt đầu từ một ngày nay.

Chiếc máy bay xuất phát từ bến cứ sân bay lớn nào, đều giống như con sóng khi nó đổ vào biển. Trên đường ra biển con sóng sẽ nhập vào nó tất cả các nhánh, và mỗi nhánh, đến lượt nó, lại hút thêm vào những nhánh bé hơn. Như vậy, ở chỗ cửa sông nó sẽ là cái cuộn kết của tất cả những gì chảy vào trong nó. Nếu nói bằng ngôn ngữ hàng không thì dòng sông khi nó đổ vào biển, giống như chiếc phi cơ lùi cất cánh.

Đè bay chuyến hai người ta chọn chiếc « Boeing 707-320B » mang số hiệu 731-TA. Nặng nó lên trời là bốn động cơ phản lực của hãng « Pratt and Uitni », cho phép tăng tốc độ tối 605 dặm một giờ. Với trọng tải tối đa chiếc máy bay này có thể bay liên một mạch 6 nghìn dặm, nghĩa là — theo đường thẳng — vượt khoảng cách từ Aixlen đến Hồng Kông. Nó có thể mang lên trời 199 hành khách và 25 nghìn galong⁽¹⁾ Mỹ nhiên liệu, — nói cách khác: dung tích bể chứa là trung bình. Giá của chiếc máy bay này là 6,5 triệu đô-la.

Cách đây hai ngày chiếc 731-TA này xuất phát từ thành phố Duxendorf, Tây Đức, và hai giờ trước khi hạ cánh xuống sân bay quốc tế Linh Côn, nó bị cháy một động cơ. Để phòng xa, phi công chỉ huy

(1) Một galong Mỹ bằng 3,7 lit.

chuyến bay ra lệnh tắt nó đi. Không một hành khách nào đoán ra họ bay có ba động cơ thay vì bốn. Với lại thực ra, trong trường hợp cần thiết, máy bay vẫn có thể bay bằng một động cơ. Né đã hạ cánh đúng giờ.

Song đội cứu chữa của hãng Trans Omérica đã được thông báo trước qua vô tuyến điện thoại về sự cố đó. Vì thế một nhóm thợ sửa chữa đã đợi sẵn ở sân bay và khi hành khách vừa xuống hết và hành lý dỡ xong, người ta cho ngay máy bay vào nhà để máy bay. Trong lúc nó đi vào nhà để máy bay, các chuyên gia — chẳng đoán đã làm việc khẩn trương để tìm ra nguyên nhân trực tiếp, và họ đã phát hiện được tương đối nhanh.

Ống thông khí bằng khí nén — một ống thép chạy xung quanh động cơ — bị vỡ trong khi bay. Phải tháo động cơ ra và thay cái mới. Công việc đó tương đối đơn giản. Cái khó hơn nhiều là khắc phục những hậu quả do sự cố gây ra trong khoảng mấy phút đồng hồ khi chiếc động cơ bị cháy kia vẫn còn hoạt động, và luồng không khí cực nóng đã lọt vào thuyền đầy bỗng của động cơ. Luồng không khí nóng này có thể làm hỏng một trăm linh tám cặp tiếp xúc của hệ thống điện tử của máy bay.

Sự kiểm tra kỹ lưỡng các mối tiếp xúc cho thấy, mặc dù một số tiếp điểm bị cháy, nhưng không cái nào bị hỏng nặng. Nếu chuyện đó xảy ra với ô-tô, ô-tô buýt hay xe tải, người ta có thể vẫn cho ô-tô hoạt động được ngay. Nhưng các hàng hàng không không dám mạo hiểm. Vì thế người ta quyết định thay tất cả một trăm linh tám cặp tiếp điểm.

Việc thay các cặp tiếp điểm đòi hỏi phải có trình độ lao động nghề. Đó là công việc kiêng nhẫn và mất thời

giờ, vì chỉ có hai người có thể chui vào thuyền đáy bằng cửa động cơ cùng một lúc. Công việc phải tiến hành bầu như suốt ngày đêm không nghỉ — hết tốp thợ điện này đến tốp thợ điện khác thay nhau làm việc.

Toàn bộ số tiền mà hãng Trans Omérico phải tốn phí cho chuyến đó mất đến hàng ngàn đô-la: vì công thợ lành nghề rất đắt, cộng thêm với việc máy bay không thư được tái trong thời gian phát nổ lại mặt đất. Nhưng hãng phải chấp nhận thiệt hại — tất cả các hãng dành phát chịu thiệt hại như thế để bảo đảm an toàn.

Chiếc « Boeing-707 » mang số hiệu 731 — TA đang lẽ phải bay đi bờ biển phía Tây, sau đó quay về rồi lại bay đi Róm, đã bị cắt chuyến. Người ta báo việc đó cho các điều phái viên biết, và những người này lập tức phải thay đổi lại thời gian biểu để kịp chỗ trống. Họ hủy bỏ chuyến bay kế tiếp và hành khách được chuyển sang máy bay của các hãng khác. Hãng Trans Omérico không có máy bay rỗi. Vì đây đang nói tới những máy bay phản lực trị giá vài triệu đô-la một cái, nên các hãng thường không có máy bay dự trữ.

Song các điều phái viên vẫn yêu cầu các thợ sửa chữa phải chuẩn bị xong máy bay để kịp bay chuyến bay đi Róm, và từ nay đến lúc đó còn ba mươi sáu tiếng đồng hồ nữa. Một trong các phó giám đốc hãng dịch thân gọi điện từ Niu-yoo c về cho người thợ sửa chữa chính của hãng Trans Omérico, và được nghe trả lời: « Nếu chúng tôi có thể chuẩn bị xong nó để ngoài yên tĩnh, thì chúng tôi sẽ chuẩn bị xong ». Và trong máy bay một tốp thợ có khi và thợ điện đã bối rối làm việc dưới sự giám sát của người thợ đã

giản kinh nghiệm — tất cả mọi người đều biết việc phải sửa nhanh quan trọng như thế nào. Một khán họ phải chọn ngay đội thứ hai để làm ca đêm. Cả hai đội sẽ phải làm việc thêm giờ cho khi nào chừa xong.

Trái với quen niêm của nhiều người, những người thợ sửa chữa bao giờ cũng quan tâm đến việc các máy bay do họ sửa chữa khi bay như thế nào. Sau khi hoàn thành xong một công việc phirc tạp bay, việc ngoài giờ — như trong trường hợp này — bao giờ họ cũng theo dõi chuyến bay của máy bay để tự kiểm tra mình. Và nếu máy bay hoạt động đều vào đây — mà thông thường là như vậy — thì họ cảm thấy rất mừng. Vài tháng trôi qua, và một hôm nào đó, khi chiếc máy bay lăn bánh về phía nhà ga hàng không, một người trong số họ sẽ nhận xét: « Chiếc sám trăm bốn mươi hai tối rồi này. Các cậu có nhớ hồi ấy túi mình phải khò sò với nó thế nào không? Trong cu cậu có vò như khò hàn-bệnh rồi đấy nhỉ ».

Vậy là đã hơn một ngày ruồi nay người ta đã gác khắc phục những trục trặc trong máy bay, số hiệu 731 — TA — công việc mà tính chất của nó vốn không cho phép với vã, vẫn diễn ra nhanh chóng tới mức tối đa.

Tới khi chỉ còn ba tiếng nữa là cất cánh, thi cắp tiếp điểm cuối cùng được hàn xong. Phải mất một tiếng nữa để thay nắp động cơ bị cháy và thử lại tất cả các động cơ trên mặt đất. Sau đó phải cho máy bay bay thử trên không, và sau khi bay thử rồi mới được bay chính thức. Lúc này từ phòng điều phái, thotec thiec người ta lại gọi điện tới: « 731-TA, đã chuẩn bị xong để bay chuyến hai chưa? Nếu

chưa thi bảo các kỹ thuật viên trả lời cho biết, đề bộ phận bán vé biết còn phải chờ bao lâu và có thể bảo cho hành khách trước khi họ ra khỏi nhà.

Gõ gõ vào tấm gỗ, người thợ máy trưởng nói rằng nếu bay thử trên không không xảy ra vấn đề gì thì máy bay coi như xong đúng thời hạn.

Và đúng là nó đã xong thật — nhưng xong vào đúng những phút cuối cùng. Trường phi công hãng Trans Omérico suốt từ nay, đã cho máy bay cất cánh thử, anh đã cho nó lên tới khoảng trời sáng qua những đám mây tuyết. Sau khi trở về anh ta nói: « Các cậu ơi, trong đời chiếc các cậu không thể đoán được rằng ở mãi trên cao kia có trăng đáy ! Đoạn anh ký vào biển bản chứng nhận máy bay đã có thể sử dụng được. Các phi công làm việc tại sân bay thích được giao những nhiệm vụ như thế này, vì chúng cho phép họ có thể thu được số giờ bay cần thiết mà không phải đi quá xa khỏi ban làm việc của mình.

Khi cước bay thử kết thúc, vì thời gian từ đó đến khi máy bay cất cánh còn lại quá ít, nên người phi công trưởng phải hành thẳng máy bay ra cửa, bốn mươi hấy, nơi người ta sẽ chất hành lý lên chuyên hai « Argos » vàng ».

Tóm lại những thợ sára chưa đã hoàn thành nhiệm vụ — thành thoảng họ lại bị những cù thử thách như vậy — nhưng hoàn thành sát nút.

Khi máy bay vừa dỗ lại cạnh cửa ra, các công nhân bốc dỡ hàng ngay lấy nó như dân kiêm và bắt đầu tui tít làm việc.

Trước hết phải chất thức ăn lên. Một tiếng mười lăm phút trước khi cất cánh, điều phi công đã điện

cho bếp ăn và đặt thức ăn đủ cho số hành khách dự kiến. Hôm nay trong khoang hạng nhất chỉ có hai chỗ trống, nhưng khoang du lịch thì mới chỉ hết ba phần tư chỗ. Như mọi khi, người ta cắp thêm sáu suất ăn cho khoang hạng nhất. Như vậy hành khách ở khoang hạng nhất, nếu muốn, có thể xin thêm xuất ăn nữa, còn hành khách khoang du lịch thì không được.

Mặc dù số lượng hành khách đã tính chính xác, nhưng nếu vào phút cuối cùng có thêm hành khách nữa, thì vẫn có xuất ăn cho người đó. Xuất bồ sung — kể cả xuất ăn đặc biệt cho những người theo đạo do thái, — bao giờ cũng có thể lấy trong những tủ thức ăn riêng đặt ngay cạnh cửa ra phà trường. Nếu khách lên máy bay khi cửa đã đóng rồi, người ta sẽ bê khay thức ăn đi theo anh ta.

Người ta chất lên máy bay cả những thùng đồ uống, rồi giao lại cho các chiêu dài viên có ký nhận. Những hành khách hạng nhất được phát không rượu, còn khách du lịch thì phải trả bằng đồ la (hoặc bằng số ngoại tệ tương đương) cho mỗi cốc, nếu họ họ không biết một điều. Điều đó là: các chiêu dài viên không được cấp tiền lẻ để trả lại, và theo chỉ dẫn, nếu họ không có tiền trả lại, họ phải cho khách uống không mất tiền. Có những hành khách nhiều năm chuyên bay trong khoang du lịch và uống rượu không mất tiền — họ chỉ việc chia những tờ năm mươi, hoặc h้า mươi đô la ra, và khẳng khẳng bảo rằng họ không có tiền nhỏ hơn.

Trong lúc chờ thức ăn và đồ uống lên máy bay, người ta kiểm tra lại cả những đồ vật khác. Má trên máy bay phải có vài trăm thứ đồ khác nhau, kể từ những cái túi lót trẻ em, chăn, gối, túi chống nôn, cho

đến cả kinh thánh. Tất cả những đồ dùng đó phát không không lấy lại. Khi chuyến bay kết thúc, băng không tiếc hành kiêm kê; không một hành khách nào bị giữ lại vì việc xách bọc gì đó ra khỏi máy bay. Nếu chuyến san trong máy bay thiếu cái gì, người ta sẽ bù vào, có thể thời.

Người ta còn đưa lên máy bay cả những chồng báo và tạp chí. Trong khi bay lúc nào cũng có thể hối xin báo — trả một ngoại lệ. Các nhân viên hãng Trans Océanic phải tuân thủ nghiêm ngặt một quy định: nếu trên trang nhất có mô tả một tai nạn máy bay nào đó, tờ báo đó sẽ bị cấm chuyền lên máy bay, và tất cả các tờ báo ấy phải vứt đi hết. Nhiều hãng khác cũng có quy định như vậy.

Nhưng hôm nay trên máy bay chuyến hải tặc nhiều báo. Sự kiện chính trong các báo là trận bão tuyết kéo dài ba ngày ba đêm nay trên miền trung tây và những hậu quả của nó. Ở sân bay đã bắt đầu cho hành khách làm thủ tục, và hành lý đã bắt đầu được bốc lên máy bay. Chiếc valy ký gửi của hành khách theo hệ thống băng chuyền sẽ được đưa từ quầy làm thủ tục đến một gian phòng nằm sâu dưới cửa ra, vào mà các nhân viên bốc dỡ của phòng hành lý gọi dưa với nhau là « chuồng cọp ». Sở dĩ có tên gọi như thế là vì (lì ra đó là theo ý kiến của những người làm ở bộ phận hành lý sau khi họ đã uống vài cốc rượu) vài những người cần đảm bay ngày thơ mới có thể để những đồ đặc giá vào hành lý ký gửi. Có trường hợp những chiếc valy — theo những lời khai bất lực đau buồn của các chủ nhân — một khi đã rơi vào « chuồng cọp », rồi là vĩnh viễn mất tiêu.

Trong « chuồng cọp » có một người trộm nhất

theo dõi từng chiếc và lý do đưa vào. Liếc qua tấm thẻ buộc ở tay xách có ghi rõ nơi đến, anh ta sẽ ăn vào cái nồi tương ứng, và một cái cần tự động sẽ nháe chiếc và ly ấy ra, đặt nó sang một bên, cạnh những hành lý khác gửi cùng chuyến. Sau đó đội bốc đồ hành lý sẽ chuyển cá đồng hành lý đó lên máy bay.

Hệ thống này được tính toán rất khéo và mọi việc sẽ ổn thỏa — nếu như nó làm việc đều đặn và nhịp nhàng. Tiếc thay tình hình thường là ngược lại.

Việc vận chuyển hành lý — không một hãng nào phủ nhận điều đó — là công việc tồi tệ hơn cả. Trong thời đại, khi thiều tài con người có thể sáng chế ra cái capxun to bằng cái thuyền và quẳng nó lên khoảng không giữa các hành tinh, thì không một hành khách nào hay từ thành phố này đến thành phố khác, có thể tin rằng hành lý của anh ta sẽ đến nơi cùng lúc với anh ta. Một tỷ lệ lớn không ngờ số hành lý — ít nhất cứ trong một trăm chiếc và lý thi có một chiếc — không đến đúng địa chỉ, hoặc bị tắc lại giữa đường, hoặc bị mất tiêu luôn. Các viên chức sân bay chỉ còn biết dang tay thất vọng — không làm sao hiểu nổi vì sao lại có sự lỗn xộn về hành lý như vậy. Các chuyên gia cứ sau một thời gian lại kiểm tra lại bộ thống kê đăng ký hành lý do các hãng áp dụng và từng thời kỳ lại cải tiến nó. Nhưng hiện chưa ai nghĩ ra được hệ thống nào hoàn hảo, hay ít ra gần đạt tới mức hoàn hảo. Kết quả là trong tất cả các hãng hàng không — ở mỗi sân bay lớn — có những người chỉ chuyên làm nhiệm vụ kiểm tra hành lý. Và phải nói rằng những người này ít khi được ngợi khen.

Những hành khách nào cẩn thận và có kinh nghiệm bao giờ cũng cố gắng kiểm tra xem địa chỉ

trên tấm thẻ hành lý mà nhân viên của hãng hay người khuân vác buộc vào và ly của anh ta, được ghi có đúng không. Rất nhiều khi trên thẻ ghi không đúng tên thành phố. Còn những tấm thẻ được người ta buộc vào hành lý nhanh chưa từng thấy.

"Nhưng cứ cho rằng mọi cái ghi trên thẻ đều đúng cả, thì khi và ly của anh ta được chờ đi khuất mắt, hành khách vẫn có cảm giác như chờ sờ sờ — vào giây phút ấy, anh ta chỉ còn biết hy vọng là đến lúc nào đó, và tại nơi nào đó, sẽ được thấy lại chiếc va'ly của mình.

Hôm nay tại sân bay quốc tế Linhcoln — mặc dù chưa ai biết chuyện này — tình hình hành lý của chuyến hai cũng không được hoàn toàn yên ổn. Hai chiếc va'ly đãng ra phải bay đi Rôm, đúng lúc này lại bị chắt lên máy bay bay đi Miluoki.

Và người ta vẫn đang liên tục chuyển hành lý, cũng như các kiện hàng điện, lên máy bay chuyến hai. Tông cộng gần chín nghìn *unit* (1) hàng kiện; những chiếc bao nilông nhiều màu khác nhau sẽ bay đến các thành phố của nước Ý — Milan, Palemo, Vaticang, Piza, Napoli, Rôm, cũng như đến nhiều nơi xa xôi khác.

Thứ từ càng nhiều bao nhiêu thì càng có lợi cho hãng Trans'Omérico bay nhiêu. Người ta vừa thông báo qua đài rằng máy bay của hãng « British Oversize Euroways » cất cánh ngay sau máy bay của hãng Trans'Omérico, bị chậm lại ba tiếng đồng hồ. Viên thanh tra chịu trách nhiệm bốc dỡ thư từ và liên tục theo dõi lịch bay, lập tức ra lệnh chuyển tất cả thư từ

(1) Phút : đơn vị trọng lượng Anh, bằng 45,36 gam.

từ chiếc máy bay của hãng Anh sang máy bay của hãng Trans O'mérico. Tất nhiên chuyến đó không làm hãng Anh thích thú, vì việc vận chuyển thư từ đặc biệt có lãi, và người ta tranh giành nhau ghê gớm. Tất cả các hãng đều có đại diện của mình trong bộ phận buro điện của sân bay, có trách nhiệm theo dõi dòng thư từ và cố làm sao tranh được khối lượng công bằng, mà có khi nhiều hơn, cho hãng máy bay của mình. Nhưng nếu có một máy bay nào bị chậm trễ, thì không còn có bạn bè gì nữa. Trong những trường hợp như vậy phải áp dụng một nguyên tắc bất di bất dịch: thư từ phải được chuyển ngay sang máy bay sớm nhất.

Trong nhà ga sân bay, cách cửa «Bóng — 707» sấp bay chuyến hai vài trăm fut, là phòng điều phái của hãng «Trans O'mérico». Trong phòng rất ồn ào, người đi lại lấp nấp giữa các dây ban, máy điện thoại rên liên hồi, máy teletip, lách tách không ngừng, những màn ánh vô tuyến lúc nào cũng bật sáng. Những người làm việc ở đây chịu trách nhiệm chuẩn bị cho chuyến bay hai và tất cả các chuyến bay khác của Trans O'mérico. Hôm nay, khi lịch bay bị đảo lộn. Hết vì bão tuyết, ở đây đúng là địa ngục — như trong những phim Hollywood người ta mô tả toàn cảnh của một tờ báo thời xin.

Trong góc phòng là bàn làm việc của điều phái viên hối dở, trên bàn giấy tờ chất thành đống. Người sau bàn là người dân ông trù, có râu quai nón và cái tên rất oai oai là Fred Farnphut. Vào những lúc rỗi rã Farnphut vỗ tranh trêu tuyngh: những tác phẩm gần đây anh ta vẽ bằng cách đỗ cả hộp son vào vải, rồi để xe dẹp tro con lợn trên đó. Người ta

dùn cùi thứ bảy và chủ nhật anh ta lại tiếp hút ma túy, không những thế người anh ta lúc nào cũng có mùi hôi. Điều này làm cho các bạn cùng phòng anh ta hết sức khó chịu, — hôm nay trong phòng lại rất oi bức ngọt ngạt, mặc dù bên ngoài đang có bão tuyêt, nên thỉnh thoảng người ta lại nhắc Fred là con người phải thường xuyên tắm rửa.

Song, Fred lại có năng khiếu tuyệt vời về toán, và cấp trên của anh ta thấy rằng, anh ta là người biết cách giải quyết việc bốc dở giỏi nhất. Lúc này anh ta đang chỉ huy việc chất hàng lên chuyến bay.

Máy bay (thỉnh thoảng Fred lại lên lớp cho các đồng nghiệp cùng trực, những người đã phát cuu lên vì những lời dạy bảo của anh ta) — nó cũng như con chim, có thể nghiêng về bên này hoặc bên kia. Nếu ta không biết cách chất hàng, nó có thể nghiêng hẳn sang một bên rồi không lấy lại thẳng bằng được nữa. Chỉ có tôi mới tinh mắt nhận ra, được, các chú em à!

Tất bộ cái mạo của anh ta là ở chỗ biết xếp hàng hóa trong máy bay thế nào để nó giữ được thẳng bằng và ổn định trong khi bay. Fred phải tính toán xem chuyến bay (hay bất cứ máy bay nào khác) có chỗ bao nhiêu hàng hóa và phải xếp đặt số hàng đó thế nào. Không một kiện hành lý nào được anh ta để mất đến. Một khác anh ta lại phải tính toán để làm sao chất được nhiều hành lý nhất lên máy bay.

Giúp việc cho Fred có những gián đồ, báo tin, tài liệu, trót máy tính, những số liệu gửi, đến từng phút, một máy vô tuyến điện thoại và ba máy điện thoại thông thường — và sau hết là linh tinh rất chính xác của anh ta.

Viên thanh tra theo dõi việc chất hàng vừa yêu cầu qua máy và tuyển xin chất thêm ba trăm sunit thư từ nha vào khoang trước.

— Chất lên! — Fred đồng ý.

Anh ta bởi dồng giấy tờ trên bàn tim danh sách của số hành khách tăng hần lèu trong hai tiếng vừa qua. Trong khi tính toán số hàng hóa chất lên máy bay, hàng hàng không căn cứ vào trọng lượng trung bình của hành khách là một trăm bảy mươi sunit vào mùa đông và ít hơn thế mươi sunit vào mùa hè. Trọng lượng trung bình này nói chung là đúng, trừ trường hợp, có đội bóng đá. Những cầu thủ to con, vạm vỡ làm nhầm lẫn hết mọi tính toán, và các điều phải viên bóc dở lại phải tính lại trọng lượng trung bình theo hiều biết riêng của mình về đội bóng đá ấy; với các cầu thủ bóng rổ hay hock-kay thì không thành vấn đề; họ nhỏ con hơn và gầy hơn, nên số cân cũng ít hơn. Còn hôm nay, theo danh sách hành khách đăng ký, trong chuyến bay chỉ toàn loại hành khách thông thường.

— Cứ chất thư từ lên đi, chủ máy! — Fred nói vào micro — Còn cái quan tài thi đấu dịch về phía dưới đi. Tao xem trọng vận đơn thi cai lão cù ngheo này không phải loại gãy đâu. Ở đó còn có cái hòm máy chờ từ Vestinhauz nha đấy! Đặt nó vào giữa, còn hàng hóa khác xếp xung quanh.

Nhiệm vụ của Fred vào phút cuối lại bị rắc rối thêm bởi một yêu cầu vừa đưa tới của phi hành đoàn chuyến hai: cho phép họ mang thêm hai nghìn sunit nhiên liệu để làm một số thao tác khởi động và chạy dưới đất. Hôm nay trên phi trường tất cả các máy bay đều phải đậu trên mặt đất với động cơ vẫn

nó đè đợi bay. Mà động cơ máy bay phản lực lúc làm việc ở dưới đất uống xăng như ba chục con voi chết khát. Đội trưởng Dimirest và Herris không muốn tiêu phi trên mặt đất nhưng ga-lông nhiên liệu quý báu mà họ có thể cần đến trên đường bay đến Róm. Do đó, Fred phải tính đến một điều là, có thể không phải tất cả số nhiên liệu bồ súng mà người ta vừa đổ vào thùng chứa ở hai bên cánh máy bay 731-TA, sẽ dùng hết trước khi cất cánh, vì thế, trọng lượng tối đa cho phép có thể bị quá. Vấn đề là ở chỗ — quá bao nhiêu?

Tuy đã có trọng lượng giới hạn khi cất cánh, song các hãng máy bay bao giờ cũng cố chất lên máy bay nhiều hàng nhất để thu được nhiều lợi nhuận nhất. Những mông tay bắn thù của Fred nhảy nhót trên máy tính điện tử làm công việc rất nhanh. Sau khi có số liệu tổng cộng rồi, anh ta dăm chiêu mìn mè bộ râu quai nón, và có lẽ vì cố súp quá nên anh ta toát cả mồ hôi, vì trong phòng hóng bốc lên mùi rất khó chịu.

Nửa tiếng cuối cùng trước khi cất cánh đội trưởng Dimirest mới nhận được phép lấy thêm nhiên liệu bồ súng. Hay đúng hơn, người ta cho phép Ensign Herris lấy thêm, sau đó — vì trách nhiệm chính vẫn thuộc về anh — Dimirest tán thành quyết định của ông ta. Hôm nay Veenon rất vui vẻ được đóng vai trò thu động, trong khi toàn bộ công việc có người khác làm thay anh và anh chỉ việc chỉ huy, sai phái. Cho đến lúc này Dimirest chưa bao giờ quyết định nào của Herris, và điều đó không có gì ngạc nhiên, vì về kinh nghiệm cũng như về cấp bậc, Herris hoàn toàn không thua kém gì Dimirest.

Herris rất khó chịu và căm tức khi ông va chạm với Dimirest lần thứ hai trong nhà để máy bay của hãng Trans Omerico. Dimirest cười khẩy trong bụng: Enxon Herris, cuối cùng đã phải thay cái áo sơ mi quy định, mặc dù yêu cầu của Dimirest chẳng qua chỉ là sự bách sách, bây giờ Herris thỉnh thoảng lại túc sợi dây tay lén sờ cõi áo. Vấn đề là ở chỗ đội trưởng Herris phải đổi áo sơ mi cho viên phi công thứ nhất, anh này đồng ý đổi cho ông, nhưng sau đó khôi trả lại kẽ lại chuyện này cho chỉ huy máy bay của mình.

Nhưng mấy phút sau Herris thời không nghỉ đến chuyện ấy nữa. Là người phi công chuyên nghiệp cho đến từng sợi lông mày bạc của mình, ông hiểu rằng nếu để trong buồng lái có bầu không khí thù địch thì không thể nào bay được.

Trong phòng chỉ huy cả hai đội trưởng kiêm tra lại những bọc thư, trong đó, như mọi khi, có một đồng thư từ, cả những lời dặn dò của hãng mà họ phải đọc trước khi cất cánh. Còn những giấy tờ khác — những lời dặn dò của phi công chính, bác sĩ, phòng nghiên cứu, phòng đồ án, v.v., — thì họ sẽ đọc sau, ở nhà.

Trong khi Herris sửa lại dội ba điều trong sổ nhật ký bay của mình — Dimirest đã tuyên bố sẽ kiểm tra sổ này — thì Véronon nghiên cứu biểu đồ làm việc của phi hành đoàn.

Biểu đồ này được lập hàng tháng. Trong đó ghi rõ khi nào các đội trưởng, cũng như các phi công thứ nhất, thứ hai, phải bay, và bay theo inyền nào. Một biểu đồ làm việc tương tự được lập cho các chiến đội viên và treo trong phòng làm việc riêng của họ ở cuối gian nhà chính.

Vào đầu tháng, mỗi phi công đã đạt nguyện vọng của họ về tuyến bay mà họ muốn bay, song bao giờ nguyện vọng của các trưởng phi công vẫn được ưu tiên trước hết. Dimirest bao giờ cũng được thỏa mãn nguyện vọng, cũng như Guen Maygen, là người cũng có chức vụ rất cao trong số chiêu dài viên. Nhờ cách này các phi công và chiêu dài viên có thể từ chức những cuộc « chạy trốn » — kiểu như Dimirest và Guen đã bỏ trốn trước để cùng bay chung chuyến hôm nay.

Euxon Herris thanh chóng sửa lại máy chỗ rồi gấp cùn nô nát. Vecoon Dimirest nhếch môi cười :

— Tôi cho rằng số của ông không có vấn đề gì, Euxon ạ. Nếu tôi thay đổi ý định : tôi không kiểm tra nữa.

Bởi trưởng Herris trong bụng vô cùng căm tức, nhưng không để lộ ra nét mặt, mà chỉ nghiêm răn chặt hơn.

Viên phi công thứ hai lên là Sai Gioocdan, một chàng trai có hai vạch vàng bước vào buồng lái. Anh ta là kỹ sư hàng không, nhưng đồng thời là một phi công có kinh nghiệm. Dáng người dong đồng cao, gầy, hai má hói hõm, nên trông vẻ mặt anh ta có vẻ thiêng não, khiến những người sa có thể tưởng anh ta là người bị thiên án. Các chiêu dài viên bao giờ cũng trút cho anh ta cả một đồng thức ăn, nhưng cũng chẳng ăn thua gì.

Viên phi công thứ nhất, mọi khi bay cùng Dimirest, hôm nay được phép ở nhà, tuy nhiên vì đã ký hợp đồng với hàng và lại là đoàn viên công đoàn, nên anh ta vẫn được hưởng quyền lợi như thế anh ta có tham gia chuyến bay này. Do vậy phi công thứ nhất, Dimirest sẽ thay thế một phần trách nhiệm của

anh ta, phần còn lại thuộc về Gioocdan. Còn Enxon Herris chịu trách nhiệm lái máy bay gần suốt thời gian.

— Ô-kết! — Gioocdan nói với hai phi công khác, — ta đi thôi!

Ngoài cửa nhà đỗ sân bay đã có một chiếc ô-tô buýt của hãng, bị phủ sương, kính mờ hàn đi, chờ sẵn. Trong ô-tô đã có năm cô chiêu dãi viên bay chuyền hôm nay đang ngồi, và khi Gioocdan dẫn Dimirest và Herris lên ô-tô, thì có tiếng phao phao chào: « Chào ông đội trưởng! ... Chào ông đội trưởng! » Cùng với các phi công, một cơn gió mang theo tuyết lùa vào trong xe. Người lái xe vội vàng đóng cửa xe lại.

— Chào các cô! — Vecnon Dimirest vui vẻ giơ tay chào lại và nháy mắt với Guen.

— Chào các cô! — Enxon Herris chào một cách lịch sự.

Gió đuổi theo chiếc ô-tô khi nó chậm chạp, lăn bánh dọc theo mép sân bay, trên con đường đã dọn tuyết, hai bên đường tuyết chất cao thành đống. Trên sân bay hoàn toàn không tin đồn về cảnh ngộ éo le của chiếc picap của hãng Lunailij, nên tất cả các lái xe bay giờ phải lái rất thận trọng. Trong khi ô-tô buýt đi đến nơi quy định, những ánh đèn của nhà ga sân bay, liga như những đèn pha, soi đường cho nó qua màn sương tối. Xa xa phía trước, những máy bay cứ liên tiếp hạ cánh và cất cánh.

— Xe ô-tô buýt dừng lại, cả phi hành đoàn nhảy xuống và vội vã chạy ngay vào cổng gần nhất. Đó là một cánh cửa nhà ga hàng không, nơi có những cơ quan phục vụ của hãng Trans Omérica, và cửa ra vào

nằm ngang với mặt đất. Còn lối ra sân bay — trong đó có cửa ra bốn mươi bảy mà người ta sẽ cho khách ra máy bay chuyên bay — thì nằm ở tầng trên.

Các chiêu đãi viên tản đi làm việc của mình, còn ba viên phi công thì tiến về văn phòng quốc tế của hãng Trans Omérico.

Điều phi viên, như thường lệ, đã chuẩn bị cho họ tất cả những thông tin cần thiết mà một phi hành đoàn cần có trong khi bay. Anh ta trải rộng những tờ giấy trên mặt quầy và bù phi công cùi xuống xem. Đầu quầy bên kia có năm sáu nhân viên làm nhiệm vụ thu thập tin tức từ khắp thế giới về những tuyến đường hàng không, về tình trạng các sân bay và về thời tiết, những tin tức này tối nay có thể cần cho các máy bay khác của hãng Trans Omérico bay những chuyến bay quốc tế. Ở đầu kia gian phòng chính cũng có một phòng điều phai tượng tự dành cho những chuyến bay trong nước.

Chính vào phút này, gỗ gõ eán lầu vào bản số liệu hàng vận chuyển. Exxon đã yêu cầu được lấy thêm hai nghìn fund nhiên liệu để làm các tháo tác trên mặt đất. Vừa nói xong vừa nhủ phi công lái hai Gioeden lúc ấy đang kiểm tra biểu đồ tiêu thụ nhiên liệu, và Bimirest. Cả hai gật đầu ra hiệu tán thành, và một tên phi công đã viết lệnh để truyền đạt lại cho phòng cung cấp nhiên liệu.

Một nhân viên khí tượng của hãng cũng tiến lại chỗ phi hành đoàn. Đó là một anh chàng có nước da tái tái và cái kính không gọng trong có dàn hết sức bắc học — nhìn anh ta người ta có cảm tưởng không bao giờ anh ta ra ngoài đường và không có khai niệm gì về thời tiết cả.

— Thế nào, những cái máy tính của cậu hôm nay hứa hẹn điều gì, Giôn? — Dimires tò hỏi. — Hy vọng ở trên kia thời tiết tốt hơn ở dưới này chứ?

Thời gian gần đây người ta sử dụng ngày càng nhiều máy tính điện tử vào việc dự báo và lập bản đồ thời tiết. Trong băng Trans Oméricor, cũng như trong các băng khác, con người cũng tham gia làm việc này, với tư cách như khâu trung gian giữa máy móc và các phi hành đoàn, nhưng tinh binh tiến dần đến chỗ con người dần dần không phải làm việc dự báo thời tiết nữa, mà thường hẳn việc đó cho máy móc.

* Anh nhân viên khi tượng trác những tấm bản đồ thời tiết ra và lão đầu:

— Tôi sợ rằng cho đến giữa Atlantich tình hình vẫn chưa có gì tốt đẹp đâu. Ở đây ít nữa sẽ dễ chịu hơn một chút, nhưng vì các ông bay về phía đông, nên các ông sẽ rơi vào đúng cái dài thời tiết trời trên đầu chúng ta. Mà luồng gió xoáy này chạy dài từ chỗ chúng ta đến Nieufaolend và xa hơn nữa. — Anh ta lấy bút chỉ đánh dấu độ dài của dài gió xoáy. — Nhìn tiễn nhão thêm: trên đường đi của các ông có hai sân bay, Detroit và Tôrontô. Điều kiện ở đó không đặt liều chuẩn nên cả hai đều phải đóng cửa.

Người điều phái viên lướt mắt đọc mẫu băng của máy teletip mà một nhân viên vừa trao cho anh ta:

— Phản kè thêm cả Oltaoa vào đó, — anh ta nói xen vào, — Các sân bay ở đó cũng đóng cửa.

— Ở sáu phía nam của Atlantich — anh nhân viên khi tượng nói tiếp — tình hình nói chung không có gì đáng ngại. Nhưng như các ông đã biết, có vài

lưỡng gió xoáy tản漫 trên phần nam châu Âu, nhưng ở độ cao mà các ông sẽ bay có lẽ chúng không động tới các ông được. Ở Róm trời nắng đẹp và sáng rõ, và thời tiết đó sẽ kéo dài vài ngày.

Đội trưởng Dimirest cúi xuống tấm bản đồ miền nam Châu Âu.

— Thế ở Nêapôl thì sao?

Ánh nhân viên khí tượng ngạc nhiên nhìn anh.

— Nhưng các ông có bay đến đó đâu?

— Không, tôi hỏi cho biết thôi.

— Áp suất ở đó cũng cao như ở Róm. Và thời tiết cũng tốt.

Dimirest cười rất tươi.

Ánh khí tượng học trẻ tuổi đọc cả một bài diễn văn khoa học — về sự thay đổi thời tiết, về các vùng áp suất thấp và áp suất cao, về hướng gió ở các độ cao khác nhau. Anh ta khuyên khi bay qua Canada nên giữ hướng chêch lên phía bắc một chút so với mọi khi để tránh lấn gió chính diện thời trên những vĩ độ nam. Các phi công chăm chú nghe anh ta nói. Việc lựa chọn độ cao và hướng bay tối ưu, nó có được tính toán bằng máy tính không, hay bằng những phép tính thông thường do con người làm, giống như cuộc chơi cờ trong đó lý trí có thể thắng thiên nhiên. Tất cả các phi công đều được dạy kỹ về môn này, cũng như các nhân viên khí tượng của hãng cũng hiểu những yêu cầu cần thiết cho hướng bay nào đó rõ hơn nhiều so với các đồng nghiệp của họ ngồi làm việc trong Cục thời tiết của Mỹ.

— Khi nào người ta cho phép các ông lấy thêm phiến liệu, — anh nhân viên khí tượng của Trans

Omériceo nói tiếp — tôi khuyên các ông nên bay ở độ cao ba mươi ba nghìn fut.

Viên phi công thứ hai kiềm tra lại biều đồ : số 731-TA chỉ có thể lấy độ cao đó sau khi đã đốt hết một số lượng nhất định trong khởi nhiên liệu không lồ của nó.

Mấy phút sau phi công thứ hai báo cáo :

— Chúng ta có thể đạt độ cao ba mươi ba nghìn fut ở vào quãng gần Detroit.

Enxor Herris gật đầu. Chiếc bút bi nắp vàng của ông bay nhanh trên giấy — ông sang điện vào bàn kế hoạch bay mà mấy phút nữa sẽ giao cho phòng CHDP. Sau đó phòng CHDP sẽ thông báo cho biết máy bay có thể bay ở độ cao do nó lựa chọn hay không, và nếu không, nó sẽ phải đưa ra đề nghị mới. Vecnoa Dimitrest, thường vẫn đích thân làm bản kế hoạch bay, luôn mắt nhìn tấm phiếu do Herris điện, rồi ký vào đó.

Công việc chuẩn bị cho chuyến bay có vẻ như êm thắm. Có cảm tưởng như bắt chấp bão tuyết, những hành khách bay chuyến bay « Argos vàng » mà hãng Trans Omériceo rất tự hào, sẽ được khởi hành đúng giờ cuộc hành trình xa xôi của mình.

Khi ba phi công đi đến gần máy bay, tại Guen Maygen dừng đón bộ ở cạnh cửa :

— Các ông đã nghe thấy gì chưa ? — Cô hỏi.

— Về chuyện gì ? — Enxor Herris hỏi lại.

— Chúng ta phải chậm lại một tiếng. Người ta vừa báo cho người kiểm soát vé ở cửa ra máy bay.

— Ну, sự khỉ! — Vecnon Dimires văng ra một câu — Thật là khốn kiếp!

— Theo tinh binh, — Guen nói thêm, — phiда hành khách còn đang trên đường ra sân bay. Chắc vì kẹt bão tuyết. Có người gọi điện đến và điều phải viên cát cảnh quyết định chờ cho họ tới nơi.

— Nghĩa là người ta cũng hoàn chưa cho hành khách lên máy bay? — Exxon Harris hỏi.

— Vâng, thưa ông đội trưởng, chưa có thông báo cho lên máy bay. Và ít nhất nửa tiếng nữa cũng chưa có thông báo.

— Thời, — Herris nhún vai. — Chúng ta hãy nghĩ đã vậy. — Nói đoạn ông đi về phía будущее lái.

— Tôi có thể mang cho các ông cà-phê, nếu các ông muốn. — Guen đề nghị.

— Tôi sẽ xuống nhà ga uống cà-phê, — Dimires nói. Rồi quay sang Guen anh nói thêm. — Có có muôn di uống với tôi không, Guen?

Có chần chờ.

— Cũng được.

— Các bạn cứ đi đi! — Herris nói. — Đè eô khác mang cho tôi cà-phê cũng được. Vì các bạn còn cả một kho thời gian!

Một phút sau Guen đã nén gót giày đi sòng dời cùng Dimires qua khu vực cửa hàng Trans Omérico, đến gần nhà chính.

Trong khi đó Dimires thăm nghĩ có thể như vậy lại hóa bay — việc cầm lái một tiểng như thế này. Từ nay đến giờ bao ý nghĩ của anh đều tập trung

vào chuyến bay trước mắt làm anh quên kíni ấy mất Guen và cái bụng của cô. Nhưng bây giờ, bên tách cà-phê và điếu thuốc lá thơm, họ có thể tiếp tục câu chuyện dở dang và nêu ra được vấn đề phá thai — đề tài mà anh vẫn chưa động đến được.

8

Đ.O. Gerrerô châm lại mẩu thuốc bụi dở. Tuy đã cố hết sức giữ bình tĩnh, hai tay y vẫn run run. Y thay đổi hộp kính khung và cẳng thẳng đến cực độ. Giống như ban nãy ngồi lắp quả bom, y cảm thấy mõm hôi chảy ròng ròng trên mặt và dưới lbum áo sơ mi.

Y lo lắng vì đang lâm vào cảnh ~~oi~~ thời gian : thời gian từ giờ đến khi máy bay chuyến hai cất cánh còn ít quá. Nó cứ trôi đi như cát trong chiếc bình cầu thủy tinh đã chảy mất quá nhiều.

Gerrerô đang ngồi trên ô-tô buýt đi đến sân bay. Mỗi cách đây nứa tiếng ô-tô mới ra đến quoc lộ Kennođi, và từ đó, nếu đi nhanh, có thể tới được sân bay quoc lộ Linheđou trong vòng mười lăm phút. Nhưng đường quoc lộ, cũng như tất cả những đường khác của bang, đều bị phủ tuyết, nên xe đi lại rất khó. Nếu chúng có di được thì cũng đi rất chậm, còn nói chung thời gian phải dừng lại nhiều hơn.

Từ trước khi rời khỏi thành phố, hơn mươi hành khách ngồi trong ô-tô — tất cả đều bay chuyến hai, — đã được thông báo về việc máy bay cất cánh châm lại một tiếng. Nhưng với tốc độ mà họ đang đi thế này, thì phải mất hai tiếng, mà có khi ba tiếng nữa, họ mới lê lói được sân bay.

Vì thế trên ô-tô không phải chỉ có mình Gerrero
sốt ruột.

Cũng như y, nhiều người đăng ký mua vé tại
quầy của hãng Trans Omérico đặt trong nhà ga thành
phố. Khi đó họ còn rất nhiều thời gian, nhưng bây
giờ, vì cứ bị dừng liên tục như thế này, họ bắt đầu
lo lắng và bàn tán ra miệng với nhau xem liệu máy
bay có đợi họ không, hay vẫn cứ bay.

Hồi người lái xe cũng chẳng biết được điều gì.
Đáp lại những câu hỏi của họ, anh ta nói rằng, thông
thường, nếu ô-tô buýt của nhà ga thành phố bị chậm;
người ta sẽ cho dừng máy bay lại để chờ họ. Nhưng
vào hôm thời tiết thế này thì chả biết thế nào mà
nói, vì có thể xảy ra đủ mọi chuyện. Hàng có thể
cho rằng ô-tô bị kẹt còn lâu — mà hoàn toàn có thể
như vậy thật — nên cứ chờ máy bay cất cánh. Hầu
nữa, người lái xe nói thêm, vì số người trên ô-tô
không đông lắm, nên có lẽ đa số hành khách đi chuyến
hai đã đến sân bay rồi. Các chuyến bay ra nước ngoài
thường là như vậy: các hành khách có họ hàng thân
thích đi tiễn, và họ đi thẳng ra sân bay bằng xe riêng
của mình.

Tóm lại, trên xe buýt, câu chuyện chỉ xoay quanh
độc một chủ đề — họ có đến kịp hay không, song
Gerrero vẫn bối rối lo lắng và chỉ ngồi im không
nói gì. Ba số hành khách trên xe trông biết ngay là
khách du lịch. Trừ có một gia đình người Ý — hai vợ
chồng và ba đứa con, — là cứ thao thao nói chuyện
hàng thứ tiếng của họ.

— À này các bạn, — Một lúc sau người lái xe
lên tiếng — Theo tôi, các bạn có thể yên tâm. Phía

trước trời đã có vẻ sáng hơn, vì thế có lẽ chúng ta đến nơi vừa sát giờ.

Song chiếc ô-tô vẫn bò ra như cũ.

B. O Gerrerô ngồi ở đây ghế hai chỗ, hàng thứ ba, sau người lái xe. Chiếc va-li quý báu vẫn nằm yên trên dùi ý. Y cùi người rá phisa trước — suốt quãng đường vừa rồi y đã mấy lần làm như vậy — cố nhín xuyên qua màn tối bao bọc chiếc xe, nhưng qua tấm kính hai lớp được hai cái «cần gạt» to tướng quết liên tục, chỉ thấy lờ mờ sau màn tuyết một dãy đèn đuôi dài vô tận. Mặc dù người toát hết mồ hôi, đói mồi mòng tái nhợt của y vẫn khó khoe thỉnh thoảng y lại thè lưỡi ra liếm.

Vì Gerrerô chẳng mong ô-tô đến «vừa sát giờ», chút nào. Y cần phải đến đó ít ra mười hay mươi lăm phút trước khi máy bay cất cánh, để còn kịp mua vé bảo hiêm. Y thậm rùa mìn tại sao không đi ra sân bay sớm hơn — khi đó y có thể bình tĩnh làm mọi việc, không phải hấp tấp với vàng. Thìye ra, Khi suy tính kế hoạch của mình, y vẫn thấy mìn vé bảo hiêm vào phút cuối cùng là tốt hơn cả, vì như vậy khả năng bị vặt veo bay kiêm tra sẽ ít nhất. Nhưng y lại quên không tính đến chuyện thời tiết xấu, mặc dù lẽ ra y phải tính đến cả chuyện đó — vì hôm nay đang là mửa đông. Việc không tính hết tất cả những yếu tố cần thiết và những thay đổi có thể xảy ra ấy làm Gerrerô lo lắng đến khỗ sở, chốc chốc lại té dọa làm sụp đổ cái kế hoạch to lớn của y. Theo như y hiểu, thì toàn bộ tai hại là ở chỗ, khi dự định một kế hoạch nào đó, không hiểu sao y tin chắc rằng cái «không thể sai» trong những tính toán của y. Vì thế không bao giờ y nghĩ đến yếu tố ngẫu nhiên. Hơn

nhà, lúc này y chưa xót nghĩ thầm: y vẫn chưa rút ra được bài học nào của quả khứ.

Lát nữa, khi đến sân bay — tất nhiên nếu lúc đó máy bay vẫn chưa cất cánh, — việc đầu tiên của y là phải chạy ngay đến quầy của hãng Trans O'mérico làm thủ tục. Sau đó, y đòi người ta phải cho y thời gian để mua vé bão hiên. Nhưng như vậy sẽ xảy ra chuyện khó chịu nhất: y sẽ làm người ta chú ý tới y, mà chuyện đó đã xảy ra một lần với y, chỉ vì y phạm phải một số suýt hết sức ngu xuẩn.

Y không mang theo hành lý — không mang một thứ gì ngoài cái va-li dẹt và nhỏ trong có đựng quả bom.

Khi đăng ký mua vé trong thành phố, người bán vé hỏi y:

— Hành lý của ngài đây, thưa ngài? — và chỉ vào đồng và lý của người bên cạnh.

— Không, — D.O. Gerrerô đáp ứng, giơ cái va-li còn của mình lên mặt quầy cho người bán vé xem. — Tôi chỉ có... e.. hèm... cái này thôi!

Người bán vé tròn tròn mắt.

« Ngài bay đi Rôm mà không có hành lý à? A, phải rồi; chắc ngài muốn đi chơi gọn nhẹ! — Đoạn anh ta chỉ vào chiếc valy — Thế valy này ngài ký gửi à? »

« Không, không, cảm ơn! »

Lúc ấy Gerrerô chỉ muốn một điều: lấy cho nhanh chiếc vé, rời khỏi quầy, rồi lui ngay vào ô-tô buýt của sân bay. Nhưng người bán vé lại tò mò nhìn y lần nữa, và Gerrerô hiểu rằng từ nay anh ta

sẽ nhớ mặt y. Y đã tự làm cho bộ mặt của y khác sâu vào trí nhớ người bán vé, trong khi thực ra y chả cần phải đưa theo cái valy đi làm gì. Tất nhiên y làm chuyện đó một cách vô ý thức. Không ai biết chuyện đó, nhưng y, Gerrerò, y biết rằng máy bay sẽ không bay được tới đích, và do đó, chẳng cần mang hành lý gì hết. Nhưng để ngụy trang, lẽ ra y vẫn phải vờ mang hành lý. Bây giờ, sau khi máy bay bị tai nạn rồi, người ta sẽ bắt đầu điều tra, người ta sẽ nhớ ra có một hành khách, và hành khách đó chính là y, bay không có hành lý, người ta sẽ kề lại chuyện đó và nhắc đi nhắc lại mãi câu ấy. Và nó sẽ càng củng cố thêm những nghi ngờ mà nhân viên điều tra đã bắt đầu có về y.

Nhưng nếu không còn lại mảnh xác máy bay nào, Y tự nhủ thầm, thì họ có thể chứng minh được cái gì?

Chẳng chứng minh được cái quái gì hết! Và công ty bảo hiểm vẫn phải trả tiền cho vợ y!

Trời ơi, chả lẽ cái ô-lô buýt này không bao giờ rời được sân bay hay sao?

Máy đưa trẻ con người Y cứ chạy đi chạy lại và hé lèm lèm trong lối đi. Mẹ chúng ngồi sau Gerrerò máy hàng ghế, thi thoảng luôn mồm nói chuyện với ông chồng bằng thứ tiếng của họ. Trên lòng bà là có một đứa bé đang ngồi gào lên điếc cả tai. Cả ông chồng lẫn bà vợ không ai để ý đến y.

Thần kinh Gerrerò căng như dây đàn. Y chỉ muốn túm lấy đứa bé mà bóp cổ cho nó im đi. Cố lầm y mời kèm được không quát lên: « Thời cảm cha » mồm cả lũ chúng đây đi! »

Chả lẽ linh tinh không bao giờ cho chúng biết sao?... Chả lẽ lũ người này không hiểu rằng lúc này

không phải lúc chúng ba hoa ngu ngốc như thế sao ? Vì toàn bộ tương lai của Gerrero, — ít ra là tương lai của gia đình y, kết quả của cái âm mưu mà y nát óc nghĩ ra, — tất cả, tất cả phụ thuộc vào việc ô-tô đến được sân bay trước lúc cất cánh bao nhiêu phút ?

Một trong mấy đứa trẻ — một thằng bé trạc năm, sáu tuổi, có khuôn mặt rất thông minh khôn khỉnh — trượt chân ở lối đi, ngã nghiêng vào chỗ ghế trống cạnh Gerrero. Cố giữ đẽ khỏi ngã xuống sàn, nó giơ tay túm lấy chiếc va-li nằm trên đùi Gerrero. Chiếc va-li trôi đi, suýt nữa thì y không giữ kịp. Mặt eo rủm hẫu lại vì tức giận, y giơ tay chực đánh thằng bé.

Thằng bé mở tròn mắt nhìn y, rồi bằng giọng trẻ con rất dịu dàng, nó nói :

— Scusi ! (¹)

Gerrero cố nén giận. Vì có thể người ta đang theo dõi y. — Nếu y không cần thận, y lại làm người khác chú ý tới y. Lực lại trong trí nhớ những từ y nghe được của những người Y làm việc trên công trường của y, y nói một cách khó nhọc :

— E troppo rumorosa. (²)

Đứa bé cúi đầu biết lỗi :

— Sì, (³) — rồi cứ đứng nguyên tại chỗ.

— Thôi, thôi, — Gerrero nói. — Nói thế là đủ rồi. Đi chỗ khác đi. Se ne vada. (⁴)

(1) Xin lỗi (tiếng Ý)

(2) Mày đứa ăn quá (Ý)

(3) Vâng (Ý)

(4) Thôi đi chỗ khác (Ý)

— Sí, — cậu bé nhắc lại. Cậu nhìn thẳng vào mắt y lầm y thấy bối rối: bỗng nhiên y nhận thức ra rằng, cả cậu bé này, cả những đứa trẻ khác cũng đi trên máy bay ấy. Ủ, thi sao? Không việc gì phải tình cảm: không gì có thể thay đổi ý định của y được nữa. Hơn nữa, khi điều đó xảy ra, khi y kéo nút thông lọng dưới quai va-li và máy bay nổ tung thành từng mảnh, thi không một ai — nhất là trẻ con — kịp hay biết gì nữa.

Dứa, bé quay đi và bước về chỗ mẹ nó.

Cuối cùng! ô-tô buýt phóng nhanh hơn,... nhanh hơn nữa! Qua tấm kính gió Gerrero nhìn thấy những chiếc ô-tô trước mặt it dần đi, những ánh đèn hậu của chúng chạy nhanh hơn lên phía trước. Nghĩa là họ vẫn có thể... hoàn toàn có thể... đến sau bay kịp giờ, và y còn kịp thời gian để mua vé bảo hiểm mà không lo làm người khác chú ý tới. Nhưng thời gian sẽ còn rất ít: Chỉ mong sao ở quầy bán vé bảo hiểm, người xếp hàng không đông lắm.

Y nhận thấy mấy đứa trẻ người Ý đã trở về chỗ của chúng và tự khen mình đã biết trán tĩnh kịp thời. Nếu y đánh thắng bé — vì spyt nữa y đã đánh — hành khách sẽ làm ấm lên. Mà y chỉ muốn tránh chuyện đó. Tất nhiên y hối hận đã để người ta chử y lời y ở quầy bán vé máy bay, nhưng nghĩ cho cùng, Gerrero cho rằng có lẽ y chưa làm điều gì tai hại đến mức không gỡ được.

Hay có thể y đã làm chuyện gì tai hại rồi?

Những nỗi lo lắng mới lại xâm chiếm y.

Thế nếu người bán vé, người đã ghi vé cho y và ngạc nhiên trước việc y không có hành lý, lúc này

bỗng nhớ đến chuyện đó thì sao nhỉ ! Gerrero cảm thấy lúc ấy — y, Aã không giấu được vẻ hồi hộp. Nếu người báu vé dè ý thấy như vậy và nghi ngờ có chuyện gì chẳng lành thì sao nhỉ ? Rất có thể anh ta sẽ kè lõi những nghi ngờ của anh ta cho người nào đó, ví dụ cho người phụ trách của anh ta, và người này, có thể đã gọi điện thoại tới sân bay rồi cũng nên. Biết đâu lúc này đã có người — cảnh sát chăng ? — đón sẵn chuyến ô-tô buýt của y, và y, Gerrero, sẽ bị người ta lục van, bắt mò va ly, và phát hiện ra cái am-muô-khung khiếp. Lần đầu tiên Gerrero nghĩ đến chuyện sẽ xảy ra với y khi người ta bắt quả tang y. Chắc chắn người ta sẽ bắt y và tống y vào nhà giam. Sau đó y sai ngã : trước khi xảy ra chuyện ấy, nếu người ta tiến đến gần y, nếu đã biết cuộc kế hoạch của y bị bại lộ... y sẽ kéo ngay nút dây và làm nổ tung cả người y lẫn những kè-nào đứng gần y. Y duỗi mấy ngón tay sờ vào cái nút thòng lọng đeo tay cầm va-li và nắm lấy nó. Y cảm thấy vững tâm hơn. Thôi, nghĩ đến chuyện ấy thế là đủ rồi. — phải chuyển sang chuyện khác.

Không biết, y nghĩ, Inex đã tìm thấy miếu giấy y để lại cho chí chưa ?

Chỉ đã tìm thấy rồi.

Inex Gerrero lê đôi chân mệt mỏi bước vào căn phòng tối tàu trên phố 51, và việc đầu tiên là chỉ cởi ngay đôi giày cọ sây cù da ra, rồi đến chiếc măng-tô và cái khăn trùm đầu ướt sũng vì tuyết lùm. Chỉ cảm thấy như bị cảm lạnh, toàn thân đau è ẩm vì mệt. Công việc hôm nay thật yết và, khái-hoạch học sinh sự nhiều hơn mọi hôm, và tiền thù lao chí nhện

được cung ít hơn. Tất cả những chuyện đó càng tồi tệ hơn vì một nguyên nhân nữa : ~~đến~~ nay chỉ vẫn chưa hoàn toàn thành thạo công việc.

Cách đây hai năm, khi gia đình Gerrerô còn sống trong căn nhà nhỏ nhẫn xinh xắn ở ngoại ô thành phố, thì Inex, tuy nhàn rỗi nói chung không có gì xuất sắc lắm, trông vẫn còn trẻ trung, duyên dáng. Nhưng rồi thời gian và hoàn cảnh bắt đầu đè lại, dấu ấn trên khuôn mặt chị, và bây giờ trông chị già hơn tuổi nhiều. Những tối như tối nay, già còn sống trong ngôi nhà của mình, chị sẽ đi tắm nước nóng ngay, và điền đó bao giờ cũng giúp chị lấy lại thăng bằng tinh thần trong những phút ngắn ngủi của cuộc sống, mà trong suốt thời gian lấy chồng chị đã gặp khá nhiều giây phút như vậy. Kể ra, đi qua mấy căn hộ nữa trong hành lang thì tới cái buồng tắm chung cho ba căn hộ, nhưng nó không có lò sưởi, lại có gió lùa, thường thì loang lở, hơi ga thi chốc chốc lại tắt, nếu không bỏ thêm những đèng bồn xu vào máy tự động. Inex gạt ngay ý nghĩ đi tới đó. Chị quyết ngồi nghỉ một chút trong căn phòng khách chật hẹp, sau đó đi tắm. Chồng chị không có nhà, và chị không hiểu y đi đâu.

Ngồi nghỉ được một lúc, chị nhìn thấy mẫu giấy đè trên bàn trong phòng khách :

« *Tôi sẽ vắng nhà mấy ngày. Tôi đi xa. Hy vọng sớm có tin vui làm cô phải ngạc nhiên. Đ.Ô. »*

Có quá nhiều cái của chồng không còn làm chị ngạc nhiên nữa : trước kia y đã có tình khí thât thường, còn bây giờ nói chung là gần như quản trị. Vì thế, tất nhiên bắt cứ tin vui gì cũng đều khiến Inex ngạc nhiên, chỉ có điều chị không tin là có thể

ở chuyện như vậy. Có quá nhiều ý đồ hiếu thắng của chồng bị phả sản và sự đỗ tan tành ngay trước mắt chị.

Phản đầu mầu thứ là cái khiến Inex băn khoăn nhất. Đ.O có thể đi đâu những mây ngày nài? Cả điều nữa cũng không kèm phần bị lùn: y lấy đâu ra tiền mà đi? Cách đây hai hôm họ còn ngồi kiêm lại tất cả những thứ họ có. Hóa ra họ chỉ có hai mươi sáu đô la và mấy xén. Ngoài tiền mặt, họ chỉ còn độc một vải duy nhất có lề đem cầm — đó là chiếc khăn của mẹ Inex. Đến giờ chị vẫn giữ được, nhưng có lẽ cũng sắp đến lúc phải từ bỏ nó.

Trong số hơn hai mươi sáu đô-la ấy, Inex đã lấy đi mươi tám đô-la để mua thức ăn và trả một phần tiền nhà. Chị nhìn thấy vẻ mặt của Đ.O thiều uổng ra sao khi y dứt tám đô-la và chõ xu lẽ cõi-lai vào túi quần.

Thôi, chẳng việc gì phải nát óc, Inex nghĩ, đã đến lúc đi ngủ. Chị met đến nỗi không nhớ đến cả con cái nữa, mặc dù đã hơn tuần nay chị không nhận được tin tức gì của người chị gái ở Cleveland, nơi các con chị được gửi ở đấy. Inex lật đèn trong phòng khách rồi bước vào buồng ngủ nghèo nàn chật chội.

Chị không sao tìm thấy áo ngủ. Trong chiếc tủ đứng ốp ép, bao nhiêu thứ bị xáo lộn hết cả hệt như có ai vừa bới tung mọi thứ. Mãi sao Inex mới tìm thấy chiếc váy ngủ trong cái ngăn kéo đê so-mi của Gerrerô, đó là ba chiếc so-mi cuối cùng của y, nghĩa là, nếu đúng y đi thật, thì y đi không mang theo quần áo thay đổi. bên dưới một chiếc so-mi, chị thấy có một tờ giấy màu vàng vo tròn vứt ở đấy. Inex lôi nó ra đọc. Tờ giấy đó hóa ra là giấy in sẵn, điều thêm bằng

máy chở — trong tay. Inex là hòn sao. Đưa mắt lướt nhanh qua tờ giấy, chị kinh ngạc ngồi phịch xuống giường. Sau đó chị đọc kỹ lại một lần nữa, để tin chắc rằng mình không đọc nhầm.

Bó là giấy cam kết về việc trả dần, do hãng Trans Omérica cấp cho ông D.O. Berrerô — chị nhận thấy tên của y bị ghi sai. Theo thỏa thuận này, Ông « Berrerô » mua vé máy bay hạng du lịch, chuyến bay khứ hồi đi Róm, ông đã trả bốn mươi bảy đô-la tiền mặt, số còn lại — bốn trăm hai mươi bảy đô-la cộng với phần trăm lãi — sẽ được trả dần trong vòng hai năm.

Thế này thì chịu không hiểu nổi nha !

Inex canh mày nhìn tờ giấy màu vàng. Trong đe chị hiện lêu hết câu hỏi này đến câu hỏi khác.

Trước hết, D.O. cần vé máy bay để làm gì? Và nếu cần, tại sao lại đi Róm? Y lấy đâu ra tiền trả tiền vé? Ngay cả trả dần y cũng không thể trả nổi, mặc dù việc xin mua trả dần là ra cũng còn hiểu được. D.O. Gerrero đã nhiều lần dึง tên vợ để vay dù mọi khoản inà y không trả nổi: những món nợ không làm y lo lắng bằng Inex. Nhưng ng là một chuyên, chứ bốn mươi bảy đô-la kia y lấy đâu? Trong giấy có ghi rõ y đã trả số tiền đó. Mà mới cách đây hai hôm, D.O. Gerrero còn tuyên bố dứt khoát rằng y đã đưa cho chị tất cả tiền, không sót một xu nào, và Inex biết rằng, dù y có nhiều tội lỗi đến đâu, không bao giờ y nói dối chị.

Vậy thì bốn mươi đô-la kia ở đâu ra? Ở đâu?

Chợt chị nghĩ đến chiếc nhẫn — nó là chiếc nhẫn vàng gắn mặt da. Cho đến cách đây nửa tháng, Inex

vẫn còn luôn luôn đeo nó, nhưng thời gian gần đây mảng ngón tay chị bị sưng phồng, nên chị phải tháo nó ra, cho vào trong hộp và nhét vào một trong mấy cái ngăn kéo tủ đứng. Thế là lần thứ hai trong buổi tối, chị lại đi lục hết tất cả các ngăn kéo. Chị tìm thấy cái hộp, nhưng chỉ còn là hộp rỗng. Nghĩa là Đ.O. Gerrerô đã đem cầm cái nhẫn lấy bao mươi bảy đồng.

Lúc đầu Inex thấy tiếc cái nhẫn. Chị có nhiều kỷ niệm gắn với chiếc nhẫn này. Nó là cái mắt xích mỏng manh cuối cùng gắn chị với quá khứ, với gia đình bị tan nát mỗi người một nơi của chị, với cái chết của người mẹ quá cố mà chị hổng kính nhớ. Còn về thực tế, thì tuy giá trị chẳng là bao, song chiếc nhẫn cũng có thể giúp chị trong những ngày túng quẫn. Còn chiếc nhẫn đó, chị biết rằng dù cuộn sòng có quẩn bách đến đâu, nó vẫn có thể đuổi sêng già dinh đì một thời gian. Bây giờ cái nhẫn không còn nữa, và cùng với nó niềm hy vọng đáng thương hồn của chị cũng tan biến luôn.

Vậy là Inex đã hiểu ra tiền mua vé chặng chị bay ở đâu — nhưng vẫn để là y cần chiếc vé đó để làm gì? Tại sao tự dừng Đ.O. Gerrerô lại quyết định bay? Và tại sao lại bay đi Rém?

Ngồi trên giường, Inex cố suy đoán một cách lô ghê. Có lúc chị quên cả mệt.

Inex chưa bao giờ tỏ ra thông minh lắm. Vả lại, người phụ nữ thông minh, có lẽ chị đã chả chung sống được với Đ.O. Gerrerô gần hai chục năm nay. Và hiện nay cũng chả phải đi làm hầu banden tiệm cà phê với đồng lương rẻ mạt như vậy. Tuy nhiên, thông thả và cùn thản can nhắc mọi cái, Inex

vẫn có thể rút ra được những kết luận đúng đắn theo bản năng. Nhấn là trong chuyện gì có liên quan đến chồng.

Lúc này cũng vậy, không phải lý trí, mà chủ yếu là bản năng nhắc cho chị biết rằng Đ.O. Gerrerô đang lâm vào tai họa nào đó, — nghiêm trọng hơn nhiều so với bất cứ chuyện gì y gấp phải từ trước tới nay. Có hai sự việc khiến chị tin chắc như vậy: những hành động diễn rõ của y thời gian gần đây và cuộc hành trình dài ngày mà y lựa chọn này. Hơn nữa, trong hoàn cảnh hiện nay của Gerrerô, thì chỉ có một ý đồ diên cuồng tuyệt vọng mới có thể đầy y đến chỗ quyết định đi Rôm. Inex vào phòng khách, cầm lấy mảnh giấy và đọc lại. Trong suốt thời gian chung sống với chồng chị đã nhận được không ít mảnh thư của y và bây giờ chị cảm thấy mảnh thư này chứa đựng điều gì bí ẩn.

Những ước đoán của chị không đi xa hơn được nữa. Những mỗi lúc chị lại càng thêm tin chắc chị phải có hành động gì đó.

Chị không hề có ý nghĩ phũi tay đầm, mặc Gerrerô với số phận của y: y gây ra thì y phải chịu lấy. Chị là người phụ nữ chất phác, thật thà. Cách đây mười năm chị quyết định gắn bó cuộc đời với Gerrerô cũng là phó mặc cho may rủi. Và việc cuộc sống gia đình chỉ mang lại cho chị chủ yếu là đau khổ, cũng không thể làm giảm bớt, theo quan điểm của Inex, nghĩa vụ của chị đối với chồng.

Chị cứ từ tốn, thận trọng gõ dần cái nút rồi, sắp xếp lại trật tự các sự việc. Trước hết phải biết Gerrerô đã bay hay chưa, nếu chưa, phải tìm cách

giữ ngay y lại. Inex không biết Gerrerô rời nhà đi lúc nào, và mảnh giấy của y được viết cách đây mấy tiếng đồng hồ. Chỉ lại nhìn tờ giấy màu vàng — ở đó không hề nhắc gì đến chuyện khi nào máy bay cất cánh. Kể ra có thể gọi điện đến hãng Trans Omêricor. Thế là Inex vội vã mặc vào người bộ quần áo chỉ vừa cởi ra cách đây mấy phút và vẫn chưa kịp khô.

Vừa xỏ chân vào đôi giày, chân chị lập tức lại đau buốt, và khoác cái măng-tô kín vào, chị thấy ôn lạnh, nhưng chị cần băng chịu, và theo cầu thang hép đi xuống dưới nhà. Ở cửa ra vào phòng khách, tuyêt chát thành đồng và trên sàn có một lớp tuyêt mỏng. Inex nhận thấy ngoài đường những đụn tuyêt nhiều hơn lúc chị trên đường về nhà. Chị vừa ra khỏi nhà thì một cơn gió lạnh thấu xương ào tới, ném tuyêt vào mặt chị.

Trong nhà của Gerrerô không có điện thoại, và mặc dù Inex có thể gọi từ máy điện thoại tự động đặt trong quán ăn ở tầng dưới, chị vẫn quyết định không vào đó, để tránh gặp người chủ quán, đồng thời cũng là chủ cả ngôi nhà này. Ông ta dọa ngày mai sẽ đuổi họ ra khỏi nhà nếu họ không trả hết nợ. Cả chuyện đó lúc này Inex cũng cố không nghĩ đến, mặc dù bây giờ chị sẽ phải tự lo liệu mọi chuyện, nếu đến sáng mai Gerrerô vẫn chưa về.

Cửa hàng, nơi có máy điện thoại tự động, chiếm cả phần ruồi tầng nhà. Bước trên những đống tuyêt chưa được dọn trên via hè, Inex đi thẳng tới đó.

Bã mươi giờ kém mươi lăm.

Trong buồng điện thoại có hai cô gái đang tán chuyện. Inex phải đợi khoảng mười phút họ mới nói xong. Nhưng khi chị quay số điện của hãng Trans

Omérice, người ta bảo cho chí biết là tất cả các đường dây đều bận và yêu cầu chờ. Chí đứng chờ, chiếc băng ghi âm từ máy móc lắp đi lắp lại câu «xin chờ», cuối cùng một giọng phụ nữ lạnh lùng hỏi chí cần gì.

— Xin lỗi, — Inex nói, — tôi muốn hỏi về các chuyến bay đi Róm.

Rồi, tựa như có ai ăn vào nút, lập tức một giọng nói vang lên, thông báo rằng các máy bay của hãng Trans Omérice, từ sân bay quốc tế Linhdon, bay thẳng đi Róm vào các ngày thứ ba và thứ sáu, còn nếu qua Niuyoco — có đôi máy bay — có thể bay bất cứ ngày nào; quý bà có muốn giữ chỗ bay giờ không?

— Không, — Inex nói, — Không, tôi không định bay. Đó là tôi muốn hỏi về chồng tôi. Cụ nói có chuyến thứ sáu... nghĩa là hôm nay?

— Thưa bà vắng. Chuyến hai «Argos vàng». Máy bay, sẽ cất cánh lúc mười giờ theo giờ địa phương, nhưng hôm nay do thời tiết nên sẽ cất cánh chậm.

Đứng trong buồng điện thoại có thẻ nhìn thấy đồng hồ treo tường trong cửa hàng. Chừng chín mươi giờ năm.

Chí hỏi nhanh:

— Nghĩa là máy bay chưa bay?

— Vắng, thưa bà chưa bay.

— Xin lỗi... —, Và, như vẫn thường xảy ra với chí, Inex bỗng lúng túng quên hết cả từ — Xin lỗi,

tôi rất cần biết là chồng tôi có bay chuyến này hay không. Tên ông ấy là D.O. Gerrerô. Và...

— Xin lỗi bà, nhưng chúng tôi không được phép thông báo những tin như thế.

Giọng nói nghe rất nhã nhặn, nhưng cương quyết.

— Cố lě có không hiểu ý tôi. Tôi muốn hỏi về chồng tôi. Tôi là vợ của ông ấy.

— Thưa bà Gerrerô, tôi rất hiểu, nhưng rất tiếc đó là nội quy của hãng.

Cô Yang, cũng như các nhân viên khác của hãng, thuộc lòng những quy tắc và hiểu rõ vì sao lại có những quy tắc ấy. Lý do là vì nhiều nhà kinh doanh thường mang theo những cõi thư ký bay nhân tình với danh nghĩa là vợ, vì các hãng có giảm giá vé cho các gia đình. Vai bà vợ ngồi ngồi ra ý định hỏi phòng chỉ dẫn, thế là kéo theo bao nhiêu chuyện rắc rối cho khách hàng. Những người đàn ông bị lờ vở vì thế đã khéo nẩy việc các hãng máy bay đã phản bội và chơi sô những khách hàng của mình, kết quả là người ta đặt ra luật cấm không được tiết lộ họ tên hành khách.

— Chả lě không có cách nào cả, thưa cô? — Inex hỏi.

— Không có cách nào cả, thưa bà.

— Trời ơi!

— Theo như tôi hiểu, bà cho rằng chồng bà bay chuyến hai của chúng tôi, nhưng bà không tin chắc như vậy, có phải không ạ? — giọng người con gái hỏi.

— Vàng vàng, chính thế.

— Nếu vậy chỉ còn cách duy nhất, thưa bà Gerrerô, là bà phải đích thân đến sân bay. Chắc chắn người ta chưa cho khách lên máy bay đâu, vì thế nếu chồng bà có ở đó, bà sẽ gặp ông ấy. Còn nếu hành khách đã lên máy bay rồi, người trực ở cửa sẽ giúp đỡ bà. Nhưng bà phải đi nhanh mới kịp.

— Vâng, — Inex nói. — Nếu không còn cách nào khác, tôi sẽ cố đến đó. — Thậm chí chị không nghĩ đến chuyện liệu trong vòng chưa đầy một tiếng nữa chị có thể đến được sân bay cách nhà chị hơn bao giờ dàm, mà lại giữa lúc bão tuyết thế này, không?

— Xin bà chờ một chút. — Giọng nói hơi do dự và nghe đã có phần thông cảm hơn, tựa như nói tuyệt vọng của Inex theo đường dây đã truyền lời người con gái đang nói chuyện với chị. — Lẽ ra tôi không được làm như thế, thưa bà Gerrerô, nhưng tôi xin mách bà vài điều.

— Vâng, xin cô làm ơn cho biết.

— Đến sân bay, khi tiến lại gần cửa ra sân bay, bà đừng nói rằng bà thấy hình như chồng bà đang ở trên máy bay. Mà hãy nói rằng bà biết chắc ông ấy ở trên đó, và muốn dặn dò ông ta vài điều. Nếu như không có ông ta trên ấy, bà sẽ biết ngay. Còn nếu ông ta có trên đó, bà có thể dễ dàng hỏi người trực nhặt điều bà muốn biết.

— Cảm ơn, — Inex nói. — Cảm ơn cô rất nhiều.

— Không dàm, thưa bà. — Giọng nói lại nghe như phát ra từ máy — Chúc bà mọi sự tốt lành. Và cảm ơn bà đã hỏi Trans O.nérico.

Đặt ống nghe xuống già, Inex nhở ra lúc chỉ đi đến cửa hàng, có máy chiếc tắc-xi đỗ ở cửa, và bay

giờ chị nhìn thấy một người lái xe đội mũ kếp vàng có chòm cao. Anh ta đang đứng cạnh quầy, uống xô da và nói chuyện với người nào đó.

Đi tắc-xi tắt nbién là đắt, nhưng nếu chị muốn có mặt ở sân bay trước mười mốt giờ, có lẽ đó là khả năng duy nhất.

Inex đến gần quầy, khẽ chạm vào khuỷu tay người lái xe.

— Xin lỗi Ông!

Người lái xe quay lại.

— Bà cần gì? — anh ta có bộ mặt khó ya, râu ria lởm chởm.

— Ông có thể cho biết đi tắc-xi từ đây đến sân bay mất bao nhiêu tiền không?

Người lái xe nhẹn mắt nhìn chị để đánh giá.

— Từ đây ấy à? Khoảng chín, mười đô-la, theo đồng bồ.

Inex bỏ đi ra cửa. Thì thi đắt quá — hơn một nửa số tiền mà chị còn, hơn nữa chị lại chưa biết chắc là Đ.O bay chuyến này.

— È, này!

Người lái xe uống vội nốt cốc nước, rồi chạy theo Inex. Đến cửa anh ta đuổi kịp chị.

— Thế bao nhiêu thì chị không tiếc?

— Không phải ở chỗ đó. — Inex cùi mặt. — Chẳng qua... chẳng qua..., tôi không thể trả từng ấy tiền.

— Một số người cứ tưởng đi tắc-xi chỉ mất ít tiền, — anh ta bêu môi phi một cái, — Nào dường có gần gũi cho cam!

— Tôi biết.

— Thế chị cần đến đó làm gì? Sao không đi ô-tô buýt?

— Tôi cần... tôi rất cần đến đó, trước mười một giờ.

— Thời được, — người lái xe nói, — Tờ nhàn nhượng cho chị. Tôi chờ chị đi lấy bảy đô-la thời.

— Hèm. — Inex lưỡng lự. Bảy đô-la là hơn nửa số tiền chị định ngày mai trả ông chủ nhà, để tìm cách dàn xếp với ông ta. Còn lương ở tiệm cà-phê thì sớm nhất phải cuối tuần sau chị mới nhận được.

— Không ai đi rẻ hơn đâu, — người lái xe sot ruột cất đứt ý nghĩ của chị. — Nào, có đi hay không?

— Vâng, — Inex nói, — tôi đi.

— Thế thi lên đi.

Trong khi Inex chui vào xe, người lái xe cười thầm, lau tuyết bám ở cửa sổ và kính giò. Vẫn đè là ở chỗ, khi Inex đến gặp anh ta, anh ta đã xong việc và đang chuẩn bị về nhà. Mà nhà anh ta lại ở gần sân bay. Thành thử bảy giờ anh sẽ không phải về xe không. Ngoài ra, khi nói số tiền tính theo đồng hồ, anh ta đã nói dối: từ đây đến sân bay không đến bảy đô-la. Vậy mà anh ta lại làm ra vé nhân nhượng khách, bảy giờ anh ta có thể cho xe chạy không hạ cờ, và bảy đô-la sẽ đút túi ngon ơ. Theo luật xe chạy có khách mà không hạ cờ là bị cấm, nhưng không viễn cảnh sát nào, người lái xe nghĩ, nhận ra chuyện đó trong cảnh trời tối mịt thế này.

Tóm lại, anh chàng lái xe lúi căi nghĩ, chỉ bằng một cú, anh ta đánh lừa được cả con quạ già ngon ngọt này, cả con lợn kia — ý nói chủ của anh ta.

— Ông có chắc đến được đó trước mười một giờ không? — Inex lo lắng hỏi anh ta khi xe bắt đầu chuyên bánh.

Anh lái xe không quay lại, lầu hồn trong miệng:

— Tôi đã nói được là được. Đường hồi nhiều làm tôi mất tập trung.

Song thực ra chính anh ta cũng không biết chắc có đến kịp không. Đường rất xấu, xe phải đi rất chậm. Tất nhiên họ cũng có thể đến kịp, nhưng trong trường hợp này họ sẽ đến sát nút.

Đã ba mươi nhăm phút trôi qua, chiếc taxi Inex đi vẫn bò trên đường quốc lộ Kennedi bị phủ tuyết và hàn nhiều vết xe. Inex ngồi phía sau, người ướt thấm, lo lắng, mẩy ngón tay cứ hết năm vào lại xòe ra. Chì chỉ nghĩ đến chuyện xem còn phải đi bao lâu nữa.

Trong lúc đó chiếc ô-tô buýt của sân bay chở hành khách chuyến hai đang rẽ vào cánh xuất phát của sân bay quốc tế Linh Côn. Chiếc xe buýt, sau khi lách ra được khỏi dòng xe chuyên động rất chậm, đã kịp lấy lại thời gian, và bây giờ chiếc đồng hồ trên nóc nhà ga chỉ mươi một giờ kém mươi lăm.

Khi ô-tô vừa đỗ, người nhảy xuống đầu tiên là D.O. Gerrerô.

9

— Hãy mang theo micro xách tay và loa. — Elliott Friman rờn ra lệnh. — Chúng ta có thể cần đến chúng.

Đám dân chúng Médoud đang ngồi bệt trong
ngôi trường của nhà thờ Sây Lê bị kích động đến
cực độ.

Hì sự thuyết phục rất khéo của Frimanton, giờ
đây họ đang chuẩn bị đi đến sân bay quốc tế Linh Sơn.

— Đừng có nói một lời vô ích nào rằng bây giờ
đã quá muộn, hay các vị không muốn đến đó. — Cách
đây mấy phút Frimanton tuyên bố với đám thính giả
như vậy. Ông ta đứng trước mặt họ, dáng điệu rất
tự tin, quần áo rất chỉnh tề — bộ com-lê may rất
đúng kiều, đôi giày da cá sấu bóng lợn. Mái tóc chải
cần thận từng sợi nằm ép trên đầu. Những người dự
hội sẵn sàng đi theo ông ta đến bất cứ nơi nào, và
có cảm tưởng ông ta càng quái tháo bao nhiêu, họ
càng thích thú bấy nhiêu.

Ông ta tiếp tục :

— Và đừng có nói một lời từ chối ngu ngốc nào.
Tôi hoàn toàn không muốn nghe đến chuyện những
dứa con phải gửi người khác trông, hay những bà mẹ
chồng già, hay món ragu đang cháy trên bếp. Tôi mặc
xác tất cả những chuyện đó, và lúc này các vị cũng
phải quên chúng đi. Nếu xe vị nào bị kẹt tuyet, hãy
chui ra khỏi xe và leo lên xe khác. Nên nhớ rằng:
hôm nay, tôi đến sân bay là vì các vị, và tôi cố gắng
cho bọn họ ở đó thật nhiều chuyện khó chịu. — Ông
ta im lặng, chờ cho một máy bay nữa bay rít qua
đầu — Nói thật, đã đến lúc phải có người làm việc đó.

Những lời cuối cùng của ông ta được mọi người
vỗ tay hoan hô và cười rộ tan thưởng.

— Tôi cần sự ủng hộ của các vị. Tôi muốn các
vị phải có mặt ở đó, — tất cả, không trừ một ai. Bay

giờ tôi xin hỏi thẳng các vị một câu thô thiển: các vị có đi với tôi bay không?

Cả gian phòng rung lên tiếng « Có! ». Người ta nhảy bắn lên đè héo to lời ứng hộ của mình.

— Tốt lắm, — Frimanton nói, và gian phòng lập tức lại trở lại im lặng. — Nếu vậy chúng ta hãy bàn trước một số việc.

Ông ta nhắc lại, ông ta đã nói với họ rằng, chỉ có bằng con đường hợp pháp là đưa vụ này ra tòa, thì Medoud mới có thể dễ chịu hơn một chút, nếu như không hoàn toàn tránh được tiếng ồn do sân bay gây ra. Song việc nghe đọc vụ án không thể diễn ra sau những cảnh cửa đóng kín, cũng không thể trong một gian phòng vắng tanh vắng ngắt nào đó, mà phải lôi kéo chú ý và sự thông cảm của đồng đảo chúng.

— Làm cách nào để tranh thủ được sự chú ý và thông cảm như vậy? — Frimanton im lặng một chút rồi tự trả lời. — Chúng ta sẽ làm được điều đó bằng cách trình bày quan điểm của chúng ta như thế nào để nó trở thành quan điểm chung của dư luận. Lúc đó, và chỉ lúc đó, những phương tiện dùng để lôi kéo chú ý dư luận — báo chí, đài phát thanh, và tuyển truyền hình — sẽ làm sáng tỏ quan điểm của chúng ta như chúng ta mong muốn. Các nhà báo là những người rất giỏi — ông ta tiếp, — Chúng ta hoàn toàn không đòi hỏi họ chia sẻ quan điểm với chúng ta, chúng ta chỉ yêu cầu họ trình bày trung thực quan điểm đó. Theo kinh nghiệm riêng, tôi biết họ có thể làm được chuyện đó. Kèm ra, nếu sự việc chuyển thành bi kịch, thì các bạn nhà báo của chúng ta sẽ dễ giải thích hơn.

Ba phòng viên ngồi sau bàn báo chí lầm tim cười và Frimanton nói thêm.

— Được thôi, hôm nay ta sẽ cố tạo ra cái chuyện biến bì kịch như vậy.

Khi nói ra tất cả những điều đó, Frimanton đưa cặp mắt rực mãnh theo dõi những tờ phiếu hợp đồng của ông ta được truyền tay nhau trong gian phòng — những người chủ nhà phải ký vào đây để ông ta có thể có quyền đại diện cho quyền lợi của họ ở tòa án. Theo sự tính toán của ông ta, phải có đến một trăm bản đã được ký và đưa lại cho ông ta. Ông ta nhìn thấy những chiếc bút bi được rút ra khỏi túi áo, các ông chồng và bà vợ cùi đầu trên những tờ giấy và ký vào đó, nghĩa là sẽ phải trả cho ông ta một trăm đô-la. Frimanton hoan hỉ: tính sơ sơ thì một trăm tờ giấy đã ký, có nghĩa là mươi ngàn đô-la chắc chắn đã vào túi ông ta. Nếu tính cao cùng ông ta còn nhận được nhiều hơn, thì đó là một khoản tiền công không nhỏ cho một buổi tối.

Phải nói thêm một lúc nữa trong khi chờ họ ký vào những bản hợp đồng, ông ta nghĩ vậy.

Việc triển khai những việc ở sân bay, ông ta nói với những người đang nghe, xin cứ giao cho ông ta. Ông ta hy vọng sẽ gặp được Ban giám đốc sân bay: dù thế nào ông ta cũng sẽ dựng nên tại sân bay một màn kịch mà họ phải nhớ mãi.

— Tôi chỉ xin yêu cầu các vị một điều: các vị hãy đồng thanh cất cao tiếng nói khi nào tôi ra hiệu cho các vị.

Song ông cũng dặn trước họ là không được gây lộn xộn: để ngày mai không người nào có cơ hội

đoàn đại biểu Médoud đã vi phạm điều nào đó của luật pháp.

— Tất nhiên, — Frimanton mỉm cười dày ý nghĩa, — chúng ta có thể gây cho họ thêm một số khó khăn — theo tôi biết, thì chưa như thế, hôm nay ngoài sân bay hành khách đã rất đông, và công việc cũng rất bận. Nhưng không làm thế nào được!

Một tràng cười lại rộ lên. Frimanton cảm thấy mọi người đã sẵn sàng đi theo ông ta.

Lại một máy bay nữa lại bay rít qua đầu họ, Frimanton im lặng, chờ cho tiếng rít tắt đi.

— Hay lắm! Lên đường thôi! — Frimanton giơ hai tay, vung lên hạ xuống gõ nhịp cho câu nói — « Từ giờ cho đến lúc lên giường tối còn nhiều lời hứa phải giữ, nhiều việc phải làm ».

Có người cười rộ lên, có người hét to « Đi thôi! ». Mọi người đứng cả dậy, tiến ra cửa.

Vừa lúc ấy mắt Frimanton bắt gặp chiếc micro xách tay có loa thuê của nhà thờ Médoud, ông ta ra lệnh mang theo nó đi. Floyd Zenetta, chủ tọa cuộc họp, người đã bị Frimanton làm cho hoảng loạn lù mờ, chạy đi thi hành mệnh lệnh của ông ta.

Còn Frimanton thì nhét vội vào cặp những tờ hợp đồng đã ký. Ông ta đã kịp đếm nhầm trong óc và hiểu rằng lúc này ông ta tính nhầm: trong cặp ông ta hiện có hơn một trăm sáu mươi tờ đã ký, nghĩa là ông ta sẽ nhận được hơn mươi sáu ngàn đô-la. Ngoài ra còn có nhiều người đến bắt tay ông và hứa sáng mai sẽ gửi cho ông bản hợp đồng kèm theo tấm séc bằng đường bưu điện. Frimanton trong bụng rất hả hê.

Ông ta chưa tinh trước chuyện ra sân bay sẽ nên có thái độ thế nào, cũng như chưa dự kiến trước diễn biến của buổi họp hôm nay. Elliott Frimanton không thích gò bó mình trong khuôn khổ kế hoạch cung nhảc. Ông ta hành động tùy hứng — cứ mặc cho sự việc tiến triển, sau đó sẽ lái nó theo hướng có lợi cho mình. Phương pháp này của ông ta hôm nay đã tỏ ra có kết quả, và ông không thấy có lý do gì khiến nó không phát huy tác dụng một lần nữa.

Cái chính là phải giữ cho dân chúng Medouud tin rằng họ có được một người thủ lĩnh linh lợi, dần dần sẽ giúp họ đạt được ý nguyện. Hơn nữa : phải giữ cho họ niềm tin ấy cho đến khi nào họ trả hết tiền trong vòng bốn quý, như đã ghi rõ trong các bản hợp đồng. Còn khi Elliott Frimanton gửi tiền vào nhà băng rồi, thì nhận xét của họ về ông ta thế nào là điều ông ta chẳng cần quan tâm nữa.

Như vậy là phải tiếp tục hùn nóng bầu không khí trong vòng mười hay mươi mốt tháng nữa. Không sao, ông có đủ nhiệt tình và kiên nhẫn. Phải lò chừng thêm vài cuộc mít tinh và họp mặt như kiêu hâm nay, vì chuyện này sẽ được đăng lên báo. Mặc dù mới cách đây mấy phút ông có nói rằng phải giải quyết vấn đề dựa vào pháp luật, song các phiên tòa thường chán ngắt và nhiều khi không mang lại kết quả gì.

Nhưng tất cả những cái đó chưa phải là quan trọng nhất. Chỉ cần nhớ — mà ông ta bao giờ cũng nhớ — rằng cái chính trong những vụ như vậy — là lo cho sự thành công của Elliott Frimanton và miếng bánh mỳ của ông ta.

Ông nhìn thấy một người phóng viên — Tolumnixon của tờ « Tribuyn » — đang gọi điện thoại ở

máy bay động. Bên cạnh anh ta là người phóng viên khác. Tuyệt lâm ! Nghĩa là những tờ báo thành phố đã biết về sự kiện sắp xảy ra và sẽ dành chỗ để đăng bài tường thuật về chuyện sẽ xảy ra ở sân bay. Hơn nữa : nếu sự thỏa thuận được giữ đúng, thì ở đó sẽ có cả vở tuyên truyền hình.

Đám đông bắt đầu tản ra. Đã đến lúc lên đường !

10

Đến gần cột chinh sáng rực ánh đèn của sân bay, chiếc đèn nhấp nháy màu đỏ của xe cảnh sát tắt đi. Chiếc xe làm nhiệm vụ giải tỏa đường cho Giò Patróni giảm tốc độ, và viên cảnh sát ngồi sau tay lái cho xe rẽ sang lề đường, giơ tay ra hiệu cho máy trưởng của hãng Trans Oceanic vượt lên trước. Patróni đặt chân vào bàn đạp tăng tốc. Khi xe anh đi qua, anh niêm nở giơ diều xi gà lên vẩy và hai lần bấm cò chào tạm biệt.

Mặc dù đoạn đường cuối cùng Patróni đã cho xe phóng với tốc độ rất nhanh, tinh ra anh cũng mất tổng cộng hơn ba tiếng đồng hồ để vượt đoạn đường từ nhà đến sân bay, trong khi bình thường mọi ngày anh chỉ đi mất bốn mươi phút. Và anh muốn gõ phầu nào thời gian đã mất.

Bất chấp tuyết và lớp băng mỏng, anh vẫn lái xe rất nhanh ra khỏi dòng xe đang chạy về phía sân bay, rồi phóng như bay trên con đường nách đè đến khu nhà đỗ máy bay của sân bay. Cạnh hàng chū : « Trạm sửa chữa của hãng TWA » anh quay ngoặt chiếc « biuk » của mình sang phải. Phía trước mặt,

cách anh chừng hai ba trăm mét⁽¹⁾, chiếc nhà hầm sửa chữa của hãng TWA nhô cao như một khối đen khổng lồ. Cửa chính của nó mở, Patróni cho xe chạy thẳng vào trong.

Trong nhà hầm, chiếc picap cùng người lái xe đã sẵn sàng. And ta chờ đê chờ Patróni ra phi trường, đến chờ chiếc máy bay của hãng Océan Méorbixicon vẫn còn đang nằm chắn đường băng ba không. Nhảy ra khỏi xe của mình, Patróni chỉ dừng lại đê hút thuốc, bắt cháp cả biển đê « Cấm hút thuốc », sau đó anh chui ngay cái thau hình nòng nè của mình vào chiếc picap.

— Thời nào, chủ máy cho kim nhảy trên mặt số đิ! — anh bảo người lái xe.

Chiếc picap lao ra khỏi nhà hầm. Không đê mất thi giờ, Patróni liên lạc ngay bằng vô tuyến điện thoại với đài CHDP. Khi chiếc nhà hầm rực ánh đèn đã lùi lại phía sau, người lái xe bắt đầu cho xe di sát dãy đèn hiệu dọc theo mép đường băng, và định hướng duy nhất trong cảnh tối mù mịt này, nó là những dấu hiệu báo cho biết khi nào kết thúc đường nhựa, và khi nào lại bắt đầu cỏ. Theo lệnh của đài CHDP, họ dừng lại một chút cạnh đường băng mà chiếc DC-9, của hãng Delta vừa hạ cánh làm bốc lên một đám mây tuyết, đang lăn bánh trong tiếng rầm rầm của chiếc động cơ phản lực còn lại. Điều phải vien mặt đất cho phép nó đi qua chỗ tiếp giáp với đường hạ cát cạnh tiếp theo, rồi hỏi:

— Patróni đấy à?

— Chính hắn.

(1) Ác đe : đơn vị đo chiều dài Anh = 91,44cm.

Một phái viên mặt đất gọi Patróni. Có thư của ông giám đốc gửi anh đây. Sẵn sàng nhận chưa?

— Đọc đi!

— Tôi đọc thư: « Giờ, tôi đánh cuộc một hộp xi gà lấy hai vé đi nhảy, rằng hôm nay anh không thể lôi được chiếc máy bay ra khỏi đường băng ba-không. Nhưng tôi mong anh thắng cuộc ». Ký: « M.Báycorxfend ». Hết.

Patróni cười khẩy một tiếng rồi ăn vào mìcô:

— Patróni gọi điều phái viên. Hãy nói với ông ta rằng tôi nhận cuộc. — Rồi đặt mìcô xuống, anh quay sang bảo người lái xe: — Thôi, nhúc nhích đi, chủ máy. Bây giờ tớ đã có động cơ đè lôi cái máy bay ấy đi rồi.

Tại chỗ giao nhau với đường băng ba-không, người thợ máy trưởng của hãng Oreye Méchxicon, tên là Ingrem, mà lúc nãy Mel vừa nói chuyện, tiến lại chiếc picap. Ông ta vẫn quần kín trong chiếc áo choàng, cổ giấu mặt khỏi cơn gió lạnh buốt.

Patróni cầm đầu một điều xi gà mới, nhưng lần này anh không hút, và chui nhanh ra khỏi chiếc picap... Lúc nãy ngồi trong ô-lô anh đã cởi đôi giày cao su ra và đì đôi ủng lông nặng chịch vào. Và mặc dù đôi ủng khá cao, lớp tuyết mà anh dẫm lên vẫn cao hơn.

Patróni, trùm kín trong chiếc áo tai, gật đầu chào Ingrem. Họ mới quen nhau sơ sơ.

— Xin chào ! — Patroni hé tít lên : anh phải hé tít thật to để át tiếng gió. — Xin cho biết những công việc các bạn đã làm.

Ingram bắt đầu báo cáo, còn Patroni đứng nhìn đôi cánh và thân chiếc máy bay bị kẹt tuyet đang nằm lù lù trên đầu họ như con hải âu không lồ. Dưới cái bụng không lồ của máy bay, đèn tín hiệu độ vẫn nhấp nháy đều đặn. Và cạnh nó là những chiếc xe tải và xe phục vụ, trong đó có cả ô-tô buýt chờ phi hành đoàn, và một chiếc xe chờ máy nổ đang kêu ầm ầm.

Người kỹ thuật viên trưởng báo cáo vẫn tắt những việc đã làm : ông ta thông báo rằng tất cả hành khách đã cho rời khỏi máy bay và các phi công đã tìm mọi cách dùng sức của động cơ để kéo nó đi. Khi làm như thế không có kết quả, họ quyết định giảm trọng lượng máy bay đến mức tối đa — dỡ đi các kiện bưu điện, hành lý, hút trả lại các xitec một phần lớn nhiều liệu. Sau đó lần thứ hai họ lại tìm cách kéo máy bay bằng những động cơ, nhưng cũng không ăn thua gì.

Vừa nhai trong miệng điều xi gà chưa châm — trường hợp rất hiếm có được Patroni phải tuân thủ nội quy an toàn, vì không khí sặc mùi xăng máy bay. — Người thợ máy trưởng của băng TWA tiến lại gần máy bay. Đi theo anh là Ingram, một lúc sau có một vài công nhân, từ nay vẫn ngồi trong ô-tô buýt để tránh rét, bước ra nhập bọn với họ. Patroni đứng ngoài chiếc máy bay. Trong khi đó một công nhân ra bật những chiếc đèn pha lưu động đặt thành hình bán nguyệt ngay trước mũi máy bay. Ánh sáng vừa bật lên, lập tức nhảm ra ngay những chiếc càng nặng nề của máy bay bị lún sâu và lớp bùn đen dưới

tuyết Máy bay bị kẹt đứng chỗ mọi khi có cỏ mọc, cách đường băng bá-không vài ac-đơ, gần chỗ giao nhau với đường lăn — chính cái đường lăn mà máy bay của Oereô Mechxicon, vì tối và bão tuyết, đã đi chệch ra ngoài. Chẳng qua là không may, Patrônî nghĩ, vì đất ở đây ẩm quá, thênh chí bão tuyết và lạnh ba ngày nay vẫn không làm nó cứng lại được. Chính vì thế cả hai lùn người ta tìm cách dùng sức của chính máy bay để lôi nó ra khỏi lớp bùn đều chỉ dẫn đến kết quả là làm cho nó lún sâu thêm. Lúc này những chiếc nôi khi cầu của tất cả bốn động cơ dưới cánh gần như nằm ngay trên mặt đất.

Không để ý đến tuyết đang quay tròn xung quanh anh như trong phim « Bay về phía nam cùng Scôt », Patrônî mãi mê suy nghĩ, cân nhắc nhiều phương án khác nhau.

Anh cho rằng vẫn còn hy vọng có thể lôi chiếc máy bay lên bằng cách cho nó tất cả các động cơ. Điều đó có thể đem lại kết quả. Còn nếu không được, sẽ phải dùng đến những bao nổng — mười một chiếc bao bằng ni-lông đặt dưới cánh và thân máy bay — và dùng áp suất bom không khí vào. Cùng với những bao nổng, người ta đặt thêm vào dưới bánh xe những chiếc kích nặng, sau đó lại phải đặt dưới những cái kích ấy những tấm lát thật cứng. Nhưng đó là quá trình phức tạp, mất nhiều thời gian và công sức. Patrônî rất hy vọng sẽ không phải dùng đến biện pháp này.

— Phải đào những cái hào thật sâu và rộng trước máy bay, — anh tuyên bố — tôi cần có những đường hào rộng sáu fut trước mỗi bánh xe. Và phải làm thế nào để những cái hào này hơi dốc lên trên. —

Anh quay hẳn người bảo Ingrem — Phải đào khá
nhiều dãy.

Kỹ thuật viên trưởng gật đầu.

— Đúng thế.

— Khi các đường hào đào xong, chúng ta sẽ cho
cả bốn động cơ nổ hết cỡ và dùng sức của chúng kéo
mạnh máy bay ra. Nhất định ta sẽ đầy được nó đi.
Khi nó bắt đầu nhích đi được và bò theo những đường
hào, chúng ta sẽ cho nó rẽ vào đây — Anh lấy mũi
đôi úng to nặng vạch một đường elip trên mặt tuyết
đèn, dẫn đến con đường bờ-lòng. — Và một điều nữa:
phải đặt trước những bình xe những tăm vào thật
dầy. Các bạn có thể kiểm được không?

— Chúng tôi có một ít, — Ingrem nói. — Đang
đè trên một xe tải.

— Quẳng chúng xuống, rồi bảo lái xe đi kiểm
thêm. Bảo anh ta hỏi tất cả các hãng máy bay và
các bộ phận phục vụ.

Những công nhân mặt đất đứng cạnh Patróni
và Ingrem kêu to gọi những người khác đang ngồi
trên xe buýt xuống. Hai người trong số họ ra đỡ
tám vải bạt phủ tuyết trên chiếc xe tải chờ dung cụ
và xèng. Những chiếc xèng lắp lức được phân phát
cho những bóng đèn đang di động sau dây đèn hình
biển nguyệt. Tuyết thỉnh thoảng trút xuống mạnh đến
nỗi người ta không nhìn rõ nhau nữa. Họ chỉ biết
đợi lệnh để bắt tay vào việc.

Cánh cửa vào khoang trước của chiếc bóng vẫn
còn dựng cái thang. Patróni chỉ tay vào nó bảo:

— Các ông chủ đang ở trên đó à?

— Họ ở trên máy bay, — Ingrem làm bầm — chia
lão chỉ huy ngũ ngốc và viên phi công thứ nhất

Patróni nhìn thẳng vào mặt ông ta.

— Họ đem lại cho ông nhiêu vật và phải không?

— Vẫn đẽ không phải họ đem lại hay không đem
lại cho tôi cái gì. — Ingrem nhận xét, — mà ở chỗ họ
không muốn làm gì cả. Lúc mới tới đây tôi đã bảo họ
cho động cơ nổ hết cỡ và kéo thật mạnh máy bay như
ông vừa nói. Giá họ làm ngay như vậy tôi nghĩ rằng
máy bay đã thoát được khỏi chỗ này. Nhưng họ nhát
như cáy, nên chỉ càng làm nó bị lún sâu thêm. Viết
chỉ huy thì phạm sai lầm lớn và đã nhận ra. Bay giờ
thì họ sợ chết khiếp, không dám làm chuyện đó.

— Giá tôi ở địa vị ông ta — Giờ Patróni cười
khẩy, — có lẽ tôi cũng sợ lắm như thế. — Anh đã
nhai nát điều xi-gà làm cho nó vụn tơm. Anh ném
nó xuống tuyết và thò tay vào túi lấy điều khác. —
Đề lát nữa tôi nói chuyện với người chỉ huy. Điện
thoại nội bộ vẫn dùng được đây chứ?

— Vâng.

— Vậy cho tôi nói chuyện với cabin của phi hành
đoàn. Hãy báo cho họ biết tôi đã bắt tay vào việc và
lát nữa sẽ lên đó gặp họ.

— Rồi — Rồi tiến lại chỗ máy bay, Ingrem ra
lệnh cho hai mươi công nhân mặt đất đang đứng cạnh
máy bay: — Thời nào, bắt đầu đào di, các bạn!

Patróni cũng đích thân cầm lẩy xêng, và tuyết
lần đất bùn bắt đầu bay sang một bên.

Trong lúc anh dùng điện thoại nội bộ nói chuyện
với phi công đang ngồi trên cabin phía cao trên đầu

họ, Ingrem cùng với một người thợ máy dùng những bàn tay lạnh công đã đặt xong một tấm ván dầu tiên vào lớp đất bùn quanh ở chân bánh xe.

Trên đường hạ cất cánh — khi gió đổi hướng và tấp nập thay đổi, — bỗng hiện lên những ánh đèn của máy bay hạ hoặc cất cánh, và tiếng động cơ phản lực rú làm đình tai các công nhân. Nhưng bên cạnh họ, đường băng ba-không vẫn vắng lặng như sa mạc.

Patroni ước tính: có lẽ phải mất gần một tiếng đồng hồ mới đào xong đường hào cần thiết, cho nò các động cơ của chiếc máy bay không lồ và thử kéo nó đi. Nghĩa là phải thay đổi kip công nhân đào những đường hào đổi dãy dãy hình thành dần — cho họ thay phao vào sưởi trong ô-tô buýt vẫn đang đỗ trên đường lăn, cách đó không xa.

Ba mươi giờ ba mươi. Nếu may mắn, Patroni nghĩ, thì chỉ quá nửa đêm một chút ánh đã có mặt ở nhà, trên giường ngủ, — với Mari:

Và đẽ kéo gần cái giây phút mong đợi ấy, cũng như đẽ cho người ấm lên, Patroni lại càng ra sức bắt tuyết và bùn đất khỏe hơn.

11

Trong «Tiệm cà-phê những phi công trên mây» Dimirest gọi cho Guen tách trà và cho mình tách cà-phê đen. Cà-phê — như người ta quan niệm — có tác dụng nâng đỡ trương lực. Trước khi họ đến Róm, thì sau tách cà-phê này còn có từ mười đến mười hai tách nữa. Và mặc dù người phải lái máy bay hôm nay là Herris, Dimirest vẫn hoàn toàn không có ý

định cho phép mình được nghỉ ngơi và thả lỏng thần kinh. Ít khi anh cho phép mình như thế lúc đang ở trên không. Cũng như phần lớn các phi công có kinh nghiệm khác, anh nhận thức rõ rằng chỉ có những phi công nào, trong suốt thời gian phục vụ, luôn luôn biết cảnh giác và sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống bất ngờ, mới có thể đạt tới tuổi thọ cao và có thể thành công an nghỉ trên giường mình.

— Sao hôm nay chúng ta im lặng thế nhỉ — giọng nói ấm áp với âm điệu Anh rất dịu dàng của Guen dập vào tai anh — Hình như chúng ta chưa nói với nhau câu nào từ lúc bước vào nhà ga.

Họ mới từ ngoài phi trường vào cách đây vài phút, khi biết việc cất cánh phải hoãn lại một tiếng nữa. Họ may mắn chiếm được một chiếc bàn nhỏ sau tấm vách ngăn ở giữa tiệm, và lúc này, Guen, tay cầm hộp phẩn mở, đang soi gương sửa lại mớ tóc uốn thành sóng to, có mấy búp tóc quăn thói ra từ sau mũ chiêu dài viền rất duyên dáng. Đôi mắt sầm đầy tinh tú của cô lướt trên mặt Dimirest.

— Anh im lặng chẳng qua vì anh đang suy nghĩ, — Dimirest nói.

Guen liếm môi, nhưng không dùng đến son, nội quy của hằng cầm các chiêu dài viền dùng phấn son tại những nơi công cộng. Hơn nữa Guen cũng ít khi phải dùng đến chúng: cô có nước da mặt rất đẹp và đôi má lúc nào cũng trắng hồng tự nhiên — đó là phần thường qui giá mà trời phú cho nhiều cô gái Anh.

— Nghĩ à? Anh nghĩ gì vậy? Nghĩ về chấn thương nặng nề do cái tin em báo rằng em có con với anh phải không? — Guen mỉm cười châm chọc

rồi nói bằng giọng như đọc thuộc lòng: — Đội trưởng Vecnon Dümirest và cô Guen Dolin Elain Maygen xin thông báo, trong một thời gian không xa nữa, họ sẽ chờ đón đứa con đầu lòng của họ tên là... hùm!... tên là gì nhỉ? Tất nhiên hiện nay chúng ta chưa biết. Và phải bảy tháng nữa mới biết. Cũng chả phải đợi lâu lắm.

Dümirest im lặng trong lúc cõ hầu bàn bưng trà và cà-phê đến, sau đó anh mới nói:

— Trời ơi, xin em nghiêm túc cho một tí, Guen!

— Đè làm gì? Hơn nữa, một khi em thấy không cần thiết? Vì nếu có người nào phải lo, người đó chắc phải là em.

Dümirest chực cãi lại, nhưng Guen đã sờ tím bàn tay anh dưới gầm bàn. Nét mặt cô dịu lại,

→ Anh đừng giận. Em hiểu, quả thực đây là một tin hơi thoáng vang... cho cả hai chúng ta.

Đó chính là lời thư nhận mà Dümirest đang chờ đợi. Anh thận trọng lựa lời nói:

— Chẳng có gì là hàng hoang lầm. Hơn nữa, nếu như không muốn, chúng ta hoàn toàn không nhất thiết phải có con.

— Em hiểu. — Guen dừng đứng nói. — Em vẫn chờ xem khi nào anh nói ra câu đó. — Cõ đóng sập nắp hộp phẩn lại, cho vào trong ví. — Lúc ngồi trên ô-tô anh đã định nói ra câu đó, nhưng sau anh lại nghĩ lại, đúng thế không?

— Anh nghĩ lại cái gì?

— Thôi, dẹp kiệu ấy đi, Vecnon. Anh còn già và làm gì? Cả anh lẫn em chúng ta đã hiểu rõ ý anh

muốn gì rồi mà. Anh muốn em phá thai. Từ khi biết tin em có mang, anh chỉ nghĩ đến việc vấn đề ấy thôi, đúng thế không?

Vecnoa miễn cưỡng gật đầu.

— Đúng.

Cách đặt vấn đề rất thẳng thừng và nói toạc ra như vậy của Guen luôn luôn đẩy anh vào thế bị khò chịu.

— Vậy thì có sao? Hay anh cho rằng chưa bao giờ em nghe nói đến hai chữ phá thai? → Bimirest bất giác ngoài đầu lại, nhưng tiếng người nói chuyện lão sào cùng tiếng cốc chén va vào nhanh lạnh canh vẫn át tiếng họ.

— Anh không tin vào thái độ của em đối với chuyện này.

— Chính em cũng chưa tin chắc. — Lần này thì Guen cũng chuyện sang giọng nghiêm túc. Cố cùi đầu, bối rối nhìn những ngón tay đang đan vào nhau — thanh tú, dài, mềm mại, luôn luôn làm Bimirest phải mè mẫn — Em cũng đã nghĩ đến chuyện đó. Nhưng vẫn chưa biết phải làm gì.

Anh có nói một cách bình tĩnh, có lý lẽ:

— Thực sự đó là lối thoát khôn ngoan duy nhất. Tình cảm sẽ tất nhiên không lấy gì làm thú vị lắm, nhưng ít ra nó sẽ nhanh chóng qua đi, và nếu xét về mặt y học, mọi việc sẽ được làm rất chu đáo, nên chuyện đó hoàn toàn không có gì nguy hiểm, và không để lại di hại nào hết.

→ Em biết, — Guen nói. — Tất cả đơn giản một cách đáng sợ. Bây giờ anh đang có, nhưng ít nữa,

chỉ cần... « hắp » một cái!... thế là không còn gì nữa. — Cố nhìn thẳng vào mắt anh. — Đúng không?

— Đúng.

Bimiresl nhấp một ngụm cà phê. Có lẽ mọi chuyện sẽ được giải quyết một cách êm thầm hơn anh dự tính nhiều.

— Veonon — Guen bỗng nói rất dịu dàng, — thế anh có nghĩ rằng, trong bụng em là một con người thực không? Một sinh vật sống, một con người tí hon ấy, anh biết không? Ngay từ lúc này! Chúng ta đã yêu nhau và làm cho có thai, và bây giờ cái thai đó là chúng ta; là một bộ phận của chúng ta, là của anh và của em — Đôi mắt cô lộ vẻ sợ hãi, muốn tìm ở anh câu trả lời. Chưa bao giờ anh nhìn thấy đôi mắt cô như thế.

Anh cố tình nói gay gắt:

— Không đúng. Cái thai trong giai đoạn này chưa phải là người. Nó chưa có hình thù con người. Sau này cơ, — chứ bây giờ thì chưa. Nó chưa thở, chưa cảm thấy, mà chỉ sống một cách tự nhiên thế thôi. Phá thai — nhất là trong giai đoạn đầu — hoàn toàn không có nghĩa là cướp đi một mạng sống.

Guen lại nói khùng như lúc họ ngồi trong xe đi đến sân bay.

— Àh muốn nói rằng nếu để chậm thi chuyện đó sẽ không còn có vẻ vô hại như thế nữa chứ gì? Nếu chúng ta không khâm trọng, để đứa bé bắt đầu hình thành, chân tay bắt đầu có ngón, thì việc phá thai sẽ có cái gì vô đạo đức hơn chứ gì? Giết một sinh vật như thế sẽ ít thảm mĩ hơn. Phải vậy không? Veonon?

Dimitrest lắc đầu:

- Anh không nói như thế.
- Nhưng suy ra là như thế.
- Cũng có thể, có điều ý anh không định nói như vậy. Em đã lén trái những lời của anh.

Guen thở dài.

- Chẳng qua em phán xét theo kiểu phụ nữ.
- Và không ai có quyền ấy bằng em. — Anh mỉm cười nhìn cô. Mấy tiếng nữa họ đã ở Néapón rồi... Anh và Guen., Ý nghĩ ấy làm anh bồi hồi sướng.
- Em yêu anh, Vecnon. Em yêu anh, anh hiểu không?

Bây giờ đến lượt tay anh tim tay cô dưới gầm bàn.

- Anh biết. Chính vì thế chuyện này khô khǎn cho cả hai chúng ta.

— Vẫn đẽ là ở chỗ, — Guen nói chậm rãi, kiểu như nói thành lời suy nghĩ của mình. — chưa bao giờ em có mang cá. Và trong khi chưa có, thi bất cứ người đàn bà nào cũng đều bắt giác thắc mắc; nhõ đâu minh không có con thì sao? Thành thử khi bắt ngờ phát hiện ra minh có thè làm mẹ được, như em bây giờ — thi đó tựa như món quà, và nảy ra cảm giác... Chỉ có người phụ nữ mới hiểu được cảm giác ấy thôi; anh hiểu không. Hình như đã xảy ra điều gì không giải thích nổi, to lớn và kỳ diệu. Vậy mà bỗng nhiên hoàn cảnh của anh và em lại dẫn đến chỗ chúng ta phải dứt bỏ cái đó, món quà tặng kỳ diệu ấy — Đôi mắt cô nhòa đi vì nước mắt. — Anh có hiểu không, Vecnon? Anh hiểu không?

Anh ơi yểm đáp:

- Phải, anh thấy hình như anh đã hiểu.
- Cái khác nhau giữa chúng ta là ở chỗ anh đã có con...

Anh lắc đầu.

- Anh không có con. Xara và anh...
- Em không nói về gia đình anh. Nhưng anh vẫn có con. Chính anh đã kè cho em như thế. Con gái. Ngay hồi đó anh đã phải nhờ đến «chương trình ba điểm chữa đẻ». — Một nữ cưới khẽ nhéch trên môi. Guen — Con anh người khác nuôi, nhưng dù sao ở nơi nào đó vẫn có một sinh vật tiếp tục dòng máu của anh.

Vecnon im lặng.

Guen hỏi:

- Có bao giờ anh nghĩ đến nó không? Anh có muốn biết nó đang ở đâu và trong hình dáng như thế nào không?

Nói dối lúc này chẳng đẽ làm gì.

- Có, — Vecnon đáp, — Có lúc anh cũng thấy muốn.

- Thế anh có khả năng gì có thể hỏi thăm tức túc về nó không?

Vecnon lại lắc đầu. Một hôm anh đã thử tìm cách dù hỏi tin tức, nhưng người ta cho anh biết, sau khi đứa trẻ được giao cho người khác nuôi, toàn bộ giấy tờ trước đây của nó bị thủ tiêu. Nghĩa là anh sẽ không bao giờ được biết tin gì về nó cả... không bao giờ!

Guen uống trà, và đưa mắt qua miếng chén nhỏ bốn xung quanh. Veenon cảm thấy cô đã hoàn toàn bình tĩnh lại và trong mắt cô không còn nước mắt nữa.

Cô mỉm cười bảo:

← Chà, bạn của em, em mang lại cho anh biết bao lo phiền!

Anh đáp, lần này hết sức thành thực:

— Vẫn đề không phải chỉ là nỗi lo của anh. Cái chính là phải tìm cách nào tốt nhất cho em.

→ Có lẽ em sẽ dành phải làm theo lý trí khôn ngoan màch bão thời. Em sẽ đi nạo thai. Nhưng trước hết em cần suy nghĩ, cần nhắc đầy đủ mọi chuyện đã.

→ Nếu em quyết định như vậy anh sẽ giúp đỡ em. Nhưng không nên suy nghĩ quá lâu.

— Có lẽ thế.

— Guen này, — Veenon cố thuyết phục cô làm theo hướng đó, — chuyện đó người ta làm rất nhanh chóng, và về mặt sức khoẻ, hoàn toàn không có gì đáng ngại đâu, anh bảo đảm với em như vậy. — Rồi anh bắt đầu kè cho cô nghe về những bệnh viện của Thụy sĩ, anh nói rằng anh sẽ chịu mọi phi tốn, còn ban giám đốc sân bay sẽ giúp đỡ đưa cô đến đó.

— Khi nào chúng ta quay về, em sẽ quyết định dùt khoát; em hứa với anh. — Guen dịu dàng nói.

Veenon cầm lấy phiếu thanh toán ở bàn và bỏ đứng dậy. Guen phải vội để kịp có mặt đón hành khách chuyến hai.

Khi họ bước ra khỏi tiệm cà-phê, Guen bảo:

— Có lẽ em vẫn còn rất may vì vấp phải chuyện đó với một người như anh. Nhiều lần ông sẽ bỏ rơi em ngay mà không thèm nói lời nào.

— Anh sẽ không bao giờ bỏ rơi em.

Nhưng ngay lúc này anh đã biết rằng có lẽ anh sẽ bỏ rơi cô. Khi nào xong xuôi mọi việc — đến Néapón và phá thai xong — anh sẽ cắt đứt quan hệ với Guen, anh sẽ cố làm chuyện đó thật tế nhị, nhưng phải cắt đứt hoàn toàn và dứt khoát. Chuyện đó không có gì khó khăn lắm. Tất nhiên phải chịu đựng vài phút khó chịu, khi Guen biết được ý định của anh, nhưng cô không phải loại con gái hay gãy chuyện, lúc này anh đã tin chắc như thế. Muốn hay không anh sẽ giải quyết được êm thắm chuyện đó, với lại đây không phải lần đầu — đã nhiều lần anh thành công trong việc dứt ra khỏi những chuyện tình ái lẩn nhẩn.

Mặc dù, thật ra, chuyện quan hệ của anh với Guen hơi khác so với những người khác. Chưa có người phụ nữ nào mê hoặc được anh như Guen. Chưa sống với người phụ nữ nào anh cảm thấy dễ chịu như với Guen. Chia tay với cô không dễ dàng chút nào, và anh biết rằng sau này anh sẽ còn phải nhiều lần thay đổi ý định.

Nhưng dù sao anh cũng không thay đổi quyết định. Khi đã quyết định dứt khoát làm chuyện gì, Vecnon Đimirest bao giờ cũng quyết tâm làm bằng được. Phải, bao giờ cũng vậy. Anh tự rèn cho mình tinh kỷ luật, và nó đã trở thành thói quen của anh.

Hơn nữa ý nghĩ tinh tảo mách bảo cho anh biết, nếu sắp tới anh không dứt khoát hẳn với Guen, thì

sau này anh không đủ sức làm chuyện ấy nữa. Lúc đó không một kỷ luật tự giác nào giúp được anh nữa — anh sẽ không thể khước từ Guen. Và như vậy nghĩa là anh sẽ bị trói chân trói tay. Khi đó đến lượt chính anh đòi phải chính thức hóa quan hệ của họ, và điều đó sẽ kéo theo sự tan vỡ nặng nề của cả đời anh — gia đình, công việc, sự yên tĩnh tâm hồn — tất cả sẽ bay biến. Mà anh đã quyết tránh chuyện đó. Mười, mươi lăm năm trước đây có thể cho phép chuyện đó, chứ không phải bây giờ.

Anh chạm khẽ vào khuỷu tay Guen.

— Em đi trước đi. Anh sẽ đến ngay.

Trong lúc đám đông trong phòng chính hơi thưa đi một giây, anh nhìn thấy bóng Mel Baycoxfen. Vecnon không sợ người ta nhìn thấy anh đi với Guen, tuy nhiên không dại gì phô bày quan hệ của họ cho họ hàng trông thấy.

Vecnon thấy ông em rể của anh đang mải mê chuyện trò với viên trung úy Orduay — một anh chàng da đen trẻ rất tháo vát, hăng hái, đội trưởng đội cảnh sát sân bay. Rất có thể Mel đang mải chuyện trò và không nhận ra anh. Điều đó làm Dimirest rất hài lòng, vì anh hoàn toàn không muốn có cuộc gặp gỡ như thế, mặc dù anh cũng không có ý định né tránh.

Guen đã đi khuất — chỉ còn thấy đôi chân cản đối với mắt cá xinh xắn thấp thoáng giữa đám đông... *O Sole Mio...* Mong sao chóng đến Nêapôl!

Đ, mẹ! cuối cùng Mel vẫn nhìn thấy anh!

— Tôi tìm Ông, — viên trung úy Orduay nói. — Tôi vừa được báo cho biết, sẽ có khách đến thăm chúng ta. Khoảng hai ba trăm người, có khi hơn.

Hôm nay viên đội trưởng cảnh sát mặc quân phục. Dáng người cao lớn và phong thái chững chạc của anh ta khiến anh ta trông giống như thủ lĩnh của một bộ lạc châu Phi nào đó, có điều giọng nói của anh ta không ngờ lại rất nhẹ nhàng.

— Chả cần bợ chúng ta đã có quá nhiều khách rồi. — Mel đưa mắt chỉ gian phòng ôn ào chất nich người, rồi đi lại phía phòng làm việc của mình. — Thậm chí không phải hàng trăm, mà hàng nghìn.

— Không, tôi không muốn nói hành khách, — Orduay nói. — Tôi nói về những người có thể gây ra nhiều chuyện phiền phức hơn nhiều.

Anh ta kè lại cho Mel nghe về cuộc mít-tinh ở Medoud. Ngày giờ, khi mít-tinh đã xong, hầu hết những người dự mít tinh đang kéo về sân bay. Máy phóng viên vô tuyến truyền hình thông báo cho Orduay biết về cuộc mít tinh này và những mục đích của nó, và họ xin phép được đặt máy quay phim trong gian nhà ga hàng không. Sau khi nói chuyện với mấy anh chàng phóng viên vô tuyến truyền hình, Orduay gọi điện cho anh bạn nhà báo quen của anh ta ở tờ báo «Tribuyn», và anh này thuật lại tóm tắt cho anh ta nghe nội dung bài phóng sự mà người phóng viên có mặt tại cuộc mít-tinh vừa chuyện về cho ban biên tập.

— Mẹ kiếp ! Mel lầu bầu; — Họ lại chọn đúng buổi tối hôm nay ! Chưa có họ chúng ta đã bến lên rồi.

— Tôi thấy hình như họ chủ tâm làm như vậy: họ hy vọng trong hoàn cảnh này họ sẽ đạt được nhiều hơn. Vì thế tôi thấy cần phải báo trước cho ngài biết, vì có lẽ họ muốn nói chuyện với ngài, mà cũng có thể với cả đại diện của Cục hàng không liên bang.

Mel cau mày:

— Cứ mỗi lần có chuyện rắc rối như thế này là
Cục hàng không liên bang lại lẩn ngay. Rồi đợi khi
nào nghe thấy tín hiệu báo an mới chui ra.

— Thế còn ngài thì sao? — Viên cảnh sát nhếch
môi cười. — Ngài cũng định tránh họ sao?

— Không, anh có thể cho họ biết tôi sẵn sàng
tiếp các đại biểu của họ. Năm sáu người là cùng, mặc
đủ tôi cho rằng làm như vậy lúc này chỉ mất thời
gian vô ích. Vì tôi không thể làm gì được, hoàn toàn
không thể làm gì được.

— Mong ngài hiểu cho rằng, — Orduay nói, —
nếu họ không làm gì lộn xộn mất trật tự, và không
gây thiệt hại gì về vật chất, thì tôi không có quyền
đuổi họ ra khỏi đây.

— Tất nhiên tôi hiểu, nhưng tôi không có ý định
nói chuyện với cả đám đông. Tuy nhiên, bằng bất cứ
giá nào ta phải giữ không để xảy ra lộn xộn. Nếu
thảm chí họ tỏ ra hung hăng, anh hãy cố gắng giữ
để phía chúng ta không có hành động gì thô bạo. Ít
nhất là nếu không thật cần thiết. Anh đừng quên ở
đây sẽ có cả các đại diện báo chí, và tôi không muốn
cho bất cứ người nào có cớ lu loa mình là nạn nhân.

— Tôi đã dặn trước các anh em trong đội tôi.
Họ sẽ cố gắng chỉ dùng những lời đùa cợt thôi, còn
những chiêu dùi cui chỉ đe phòng xa.

— Tôi lầm.

— Mel biết ông có thể trông mong vào Orduay.
Chức năng cảnh sát trong sân bay quốc tế Linh Côn
đó một đội cảnh sát thành phố đảm nhiệm; họ làm

việc độc lập, và viên đội trưởng, trung úy Orduay, mang trong người tất cả những phẩm chất ưu tú nhất của một người cảnh sát trẻ tuổi, sung sức, có triền vong. Đã hơn một năm nay anh ta chỉ huy đội cảnh sát sân bay, và có thể hy vọng sắp tới người ta sẽ thăng cấp cho anh ta và chuyển anh ta về sở cảnh sát thành phố. Mel nghĩ đến chuyện ấy mà không khỏi thấy tiếc rẻ.

— Thế ngoài chuyện Medouad, công việc ra sao? — Mel hỏi. Ông biết số cảnh sát dưới quyền Orduay, khoảng gần một trăm người, cũng như hầu hết mọi người trong sân bay, đều làm việc hết sức căng thẳng từ khi bắt đầu có bão tuyết.

— Nói chung bình thường. Những người say rượu hơi nhiều hơn mọi khi, và đã có hai, ba vụ đánh nhau. Nhưng đó là vì những chuyến bay bị chậm, mà các quán bar của ngài lại mở cửa liên tục suốt ngày đêm.

Mel cười nhạt.

— Các anh đừng công kích các quán rượu, vì sân bay thu lợi từ mỗi cốc rượu ấy đấy. Mà chúng ta rất cần những khoản thu nhập đó.

— Cũng như các hãng hàng không vậy, theo tôi hiểu. Ít ra là theo số lượng hành khách mà họ cố giữ cho tỉnh táo, để có thể cho lên máy bay của họ. Lúc đó họ thường phai nhờ đến liều thuốc của tôi.

— Cà-phê ấy à?

— Tất nhiên. Khi vừa thấy có hành khách chênh choảng nào xuất hiện cạnh quầy đăng ký là lập tức người ta mang đến ngay tách cà-phê và đồ vào mồm anh ta; cho đến nay các hãng vẫn thường không sao

hiều được một vần đẽ đơn giản: khi đồ cà-phê vào mõm ông khách say rượu, họ chỉ làm cho người đó rất lâu không tỉnh lại được. Thông thường chính lúc đó họ mới cầu cùm đến chúng tôi.

— Không sao, tôi nghĩ rằng các anh giải quyết được, phải không?

Mel biết những cảnh sát đã quen cách đối xử với những người say rượu mà nếu như họ không gây gổ — thì ít khi bị phạt. Thường đó là những nhà buôn hay những người chào hàng, trở về nhà sau khi ký được một hợp đồng khá bẩm, đã mệt phờ sau cuộc vật lộn với những địch thủ cạnh tranh và hơi chênh choảng sau hai ba cốc uýtsky. Nếu phi hành đoàn không chịu cho người say lên máy bay — mà trong những trường hợp như vậy người đội trưởng có quyền quyết định cuối cùng, và thường là rất cương quyết — người ta dẫn anh ta vào phòng tạm giam và giữ lại ở đó cho đến khi anh ta tỉnh hẳn. Sau đó người ta thả cho anh ta tự do muộn di đâu thi đi.

— À còn một chuyện nữa, — Viên cảnh sát nói. — Máy anh em ở bãi để xe cho biết hình như ở đó mới phát hiện thêm mấy chiếc xe bỏ lại nữa. Thời tiết thế này khó nói chính xác được, nhưng khi nào có điều kiện, chúng ta sẽ cố gắng kiểm tra lại.

Mel cau mày. Thời gian gần đây ngày càng phát hiện ra nhiều xe bị bỏ lại vì không dùng được nữa. Đó là tai họa chung xảy ra tại tất cả các sân bay trong các thành phố lớn. Khi một chiếc xe nào hoàn toàn không dùng được nữa, thì việc vứt nó đi là một vần đẽ cực kỳ khó và mỗi năm lại càng khó hơn. Những người thu nhặt sắt vụn và đồ bỏ đi đã chất

dày ứ cát kho của mình và không thể nhận thêm ti
gi nữa — trừ phi phải mất tiền thuê họ. Thành thử
đối với chủ nhân những chiếc xe đó nảy ra vấn đề,
hoặc phải thuê người quẳng di hộ, hoặc thuê cái kho
chứa nào đó, hoặc tìm một chỗ nào có thể quẳng
lại ô-tô không sợ nguy hiểm là người ta sẽ tìm được
anh ta và bắt mang về. Vì thế các bãi đỗ xe ở các
sân bay chính là một chỗ lý tưởng như vậy.

Người ta đánh chiếc xe tảng đến sân bay, sau
đó bí mật khóa số xe đi và thu tiền tất cả những dấu
vết có thể tiết lộ chủ nhân. Tất nhiên không thể xem
được số trên máy, nhưng việc đi tìm chủ nhân căn
cứ vào số máy quá phức tạp và tốn kém. Kết quả là
sân bay phải làm cái việc mà chủ nhân các chiếc xe
không muốn làm: phải trả tiền thuê xe lại kéo chúng
đến các bãi rác, hơn nữa lại phải làm rất khẩn
trọng, vì nó chiếm mất chỗ phải trả tiền ở bãi đỗ
xe. Trong thời gian gần đây, mỗi tháng sân bay quốc
tế Linbecon phải chi một số tiền khá lớn để thoát
khỏi những của nợ ấy.

Trong lúc nói chuyện với Orduay, Mel hổng
nhìn thấy Đimirest trong đám hành khách đồng đúc
đồn ào.

— Nói tóm lại, tôi cho rằng chúng tôi đã sẵn
sang chiến đấu, và có thể bắn hành đơn tiếp các vị
khách của ngài từ Medoud, — viên trung úy Orduay
vui vẻ nói. — Khi nào họ đến tôi sẽ báo cho ngài. —
Rồi gật đầu chào một cách thân thiện, viên đội trưởng
cảnh sát bỏ đi làm việc của mình.

Veanon Đimirest, trong bộ đồng phục phi công
của hãng Trans O'mericor, như mọi khi, bước rất tự
tin và rắn rỏi về phía Mel. Mel cảm thấy con gián lại

bắc lên : Ông nhớ lại bàn điều trần xô là cửa tiều ban chống tuyet mà ông đã được nghe nói, nhưng chưa được đọc.

Dimirest rõ ràng không có ý đứng lại, nhưng Mel đã nói:-

— Chào anh Veenon.

— Xin chào, — Giọng anh ta nghe lạnh lùng như s.

— Nghe nói bây giờ anh đã trở thành chuyên gia lớn về vấn đề dọn tuyet rồi đây!

— Chả cần phải là chuyên gia lớn cũng có thể nhìn thấy cách làm ăn cầu thả — Dimirest dốc lại ngực.

Mel cố giữ vẻ bình tĩnh:

— Thế anh có hiểu được khối lượng tuyet nhiều như thế nào không?

— Có lẽ tôi cũng hiểu được như ông. Vì tôi cũng có trách nhiệm phải đọc các thông báo khí tượng.

— Nếu vậy anh cần biết rằng, trong hai mươi bốn giờ vừa qua, lớp tuyet rơi xuống sân bay đã lên tới mươi insor, đó là chưa kể khối lượng tuyet rơi trước đó.

Dimirest nhún vai.

— Thế thì dọn nó đi.

— Thị chúng tôi đang làm chuyện đó.

— Nhưng các ông làm rất chậm và rất tồi.

— Theo những số liệu chính thức thì chưa bao giờ — Mel vẫn chưa chịu, — lượng tuyet rơi tối đa trong một ngày đêm lại vượt quá mười hai insor. Mà

mười hai giờ đã được coi là tai nạn rồi. Hoạt động của sân bay bị té liệt. Chúng tôi đang phải đấu tranh để duy trì hoạt động của nó. Không có sân bay nào dọn tuyết tốt hơn chúng tôi. Tất cả các xe dọn tuyết của chúng tôi đều có người, không trừ cái nào, và đang làm việc suốt ngày đêm.

— Nghĩa là các ông không có đủ máy móc.

— Thật ra, ông Vecnon à, bão tuyết trút xuống suốt ba ngày ba đêm thế này thì ai mà có đủ máy móc được! Tất nhiên muốn có bao nhiêu máy cũng được, nhưng không ai khi mua xe gặt tuyết lại tính đến những trường hợp cực đoan — không một người còn chút tĩnh túc nào lại đi làm chuyện đó. Người ta chỉ mua một số lượng tối ưu có lợi về kinh tế, còn nếu xảy ra trường hợp đặc biệt bão hữu, người ta sẽ huy động tất cả những phương tiện sẵn có, và cố sử dụng hết công suất tối đa của chúng. Những nhân viên của tôi đang làm đúng như vậy, và, mẹ kiếp, họ làm rất giỏi.

— Không sao, — Dimirest nói, — ông có quan điểm của ông, tôi có quan điểm của tôi. Theo tôi thì các ông làm còn thiếu sót. Và tôi đã viết trong báo cáo như vậy.

— Tôi cho rằng bản điều trần không phải của anh, mà của tiều ban. Hay là anh đã gạt ý kiến của người khác ra để có dịp trả thù tôi?

— Tiều ban làm việc thế nào thì đó là công việc của chúng tôi. Còn điều ông cần biết là kết luận của tiều ban. Ngày mai ông sẽ nhận được một bản sao tờ điều trần đó.

— Rất cảm ơn — Vecnon thậm chí không trả

cách phù nhận, Mel nghĩ thầm, rằng bản điều trần này nhằm chống cà nhân ông. — Dù ông có viết gì trong ấy, nó cũng không làm thay đổi được gì đâu, — Mel tiếp — Bản điều trần chỉ gây thêm những chuyện rắc rối không cần thiết, và xét về mặt đó, thì chắc nó đạt được mục tiêu, nếu như đúng anh muốn như vậy. Ngày mai tôi sẽ mất một số thời gian để chứng minh rằng trong một vài lĩnh vực anh tỏ ra ngu dốt biết chừng nào.

Mel đã giấu thực sự và ông không muốn giấu vẻ tức giận nữa, thấy thế Dimirest chỉ cười khẩy.

— Nhưng dù sao nó vẫn làm ông chạm nọc phải không? Mỗi dù ông cố tình nói chêch ra ông sẽ mất thời gian quý báu vào những việc rắc rối vô ích. Tôi sẽ hối lòng nhớ đến chuyện đó vào ngày mai, khi được sưởi ấm trong ánh nắng nước Ý. — Rồi lại cười khẩy, Dimirest bỏ đi.

Nhưng dù sao nụ cười ấy cũng nhanh chóng biến khỏi mặt anh ta, để cho đổi mày lại cau lại.

Nguyên nhân là vì dây quầy của các băng bảo hiêm trong gian phòng trung tâm lại dập vào mắt anh, ở đây công việc đang hết sức lấp nèp, và chính điều đó làm cho đội trưởng Dimirest tức giận, nhắc anh nhớ ra rằng cái chiến thắng vừa rồi của anh đối với Mel Bayxcoxfend thật phù phiếm hiết bao — nó chỉ là cái vật vãnh, thực chất chỉ như mũi kim tiêm. Một tuần trôi qua, kết luận không bích thủ gì của tiểu ban sẽ bị quên lãng và những cái quầy bảo hiêm vẫn tồn tại ở chỗ cũ. Vì thế, chiến thắng thật sự vẫn thuộc về người em rẽ làm phách của anh, người đã dập تو bởi những lý lẽ của Dimirest tại phiên họp của Hội đồng đặc trách và làm cho anh mất mặt.

Sau quầy bảo hiểm có hai cô gái trẻ — một cô có mè tóc vàng và bộ ngực rất nở — đang vội vã ghi những tấm phiếu bảo hiểm; phía trước quầy có khoảng năm sáu người đang xếp hàng, người nào cũng đã điền phiếu xong và cầm sẵn tiền trong tay. Đây, họ là nguồn thu nhập sống của các hãng bảo hiểm. Dimirest thất vọng nghĩ. Lúc nào anh cũng tin rằng những máy tự động đặt ở các góc phòng trong nhà ga cũng làm việc lắp nắp như vậy.

Anh nghĩ, không biết trong số những người đang chờ mua vé bảo hiểm này có hành khách đi chuyến bay của anh không? Anh chỉ muốn hỏi họ nếu câu trả lời là có, anh sẽ có thuyết phục họ dừng mua, anh sẽ trình bày những lý lẽ của anh. Song anh bỏ ngay ý định ấy. Một hôm Dimirest đã thử làm như vậy — định khuyên những hành khách dừng mua vé bảo hiểm tại sân bay. Nhưng, rút cuộc, người ta đã kiện anh và anh bị ban giám đốc sân bay chính cho một mẻ. Mặc dù chính bản thân các hãng hàng không cũng chẳng thích thú mấy chuyện vé bảo hiểm tại sân bay, họ vẫn phải giữ thái độ trung lập trong vấn đề này do sức ép từ nhiều phía. Một mặt, các ban giám đốc các sân bay khẳng định rằng họ không thể từ chối những khoản lãi nộp của các hãng bảo hiểm. Trong trường hợp này, họ tuyên bố, các hãng hàng không phải bù lại cho họ thiệt hại vì già sử dụng những đường hầm cát cánh ngày một tăng. Mặt khác, chính các hãng cũng sợ sự phản đối của hành khách, những người mà chắc chắn sẽ khó chịu nếu mất đi một phương thức mua vé bảo hiểm vốn đã quen thuộc đối với họ. Thành thử các phi công phải đấu tranh một cách đơn độc và rút cuộc những quả đấm chỉ trút lên đầu họ.

Khi nghĩ đến chuyện đó và quan sát công việc của những nhân viên bảo hiểm, đội trưởng Dimirest đã dừng lại vài giây cạnh những quầy bảo hiểm. Anh nhận thấy trong số người xếp hàng vừa có thêm một hành khách nữa mới đến — một người đàn ông già gầy gò, chân dài, khẳng khiu, nét mặt có vẻ xúc động, với hàng ria mép thưa màu hung nhạt. Tay ông ta xách chiếc va-li dẹt, nhỏ. Hành khách đó lộ rõ vẻ vội vã, lo lắng. Thỉnh thoảng lại thấy ông ta nhìn đồng hồ, và tỏ vẻ sốt ruột ra mặt vì trước mặt ông ta còn bao nhiêu người chưa mua xong.

Dimirest giận dữ nghĩ thầm: « Cái gã này phút cuối cùng mới đến, thế thì bỏ mẹ nó phiếu bảo hiểm mà đi ra máy bay cho rồi ! »

Song đã đến lúc anh phải có mặt tại buồng lái. Dimirest tự nhắc mình và bước nhanh ra khỏi giao phòng. Người ta sắp sửa thông báo cho khách lên máy bay đến nơi. Thị y như rằng !

— Xin thông báo: bắt đầu cho hành khách lên máy bay chuyến hai « Argos vàng » đi Rôm !

Đội trưởng Dimirest đã ở lại trong nhà ga hàng không hơi lâu. Anh vội ráo bước. Thông báo cho lên máy bay vẫn tiếp tục vang lên át cả tiếng ồn ào trong nhà ga.

→ ... cho khách lên máy bay chuyến hai « Argos vàng » đi Rôm ! Phi hành đoàn đã sẵn sàng nhận quý khách lên máy bay. Quý khách nào đã làm xong thủ tục, xin mời...

Có nhiều người khác nhau nghe thông báo cho lên máy bay; đối với người này nó có nghĩa thế này, đối với người khác nó lại có nghĩa hoàn toàn khác. Đối với một số người, thông báo đó nghe rất bình thường, nó chỉ là khúc nhạc mở đầu cho một chuyến đi công vụ buồn tẻ nữa, mà giá như có quyền, họ sẵn sàng từ chối. Nhưng với số người khác, trong thông báo đó có cái gì hấp dẫn, hứa hẹn một cuộc phiêu lưu đầy quyền rũ; còn đối với số người thứ ba, nó có nghĩa là cuộc hành trình sắp kết thúc và sắp được về nhà. Nó mang lại cho một số người sự chia ly buồn bã, nhưng ngược lại, nó lại hứa hẹn niềm vui gấp gô cho một số người khác. Lại có cả những người, khi nghe thông báo đó, không nghĩ về mình: vì không phải họ, mà là người thân hay bạn bè họ sắp sửa bay, còn đối với bản thân họ, những tên thành phố vang lên một cách huyền bí và quyến rũ, gợi ra những hình ảnh mơ hồ về những miền xa xôi hẻo lánh của trái đất mà họ không bao giờ được nhìn thấy. Có người nghe thông báo lên máy bay thì bất giác sợ hãi, chỉ một số ít tỏ ra bình thản. Thông báo đó là tín hiệu báo rằng quá trình bay thực chất đã bắt đầu. Máy bay đã sẵn sàng, đã đến lúc lên máy bay; không thể chậm trễ. Chỉ trong những trường hợp hết sức hân hữu, các hàng hàng không mới hoãn cất cánh vì thiếu một hành khách nào đó. Chỉ ít phút nữa, máy bay sẽ lao vào khoảng thiên nhiên xa lạ với con người, sẽ bay vút lên trời, và chính vì ngay trong sự kiện ấy đã có cái gì có vẻ trái với tự nhiên, nên thông báo cho lên máy bay bao giờ cũng chứa đựng mùi vị phiêu lưu và lãng mạn.

Song không có gì là lãng mạn trong việc phát ra những thông báo ấy. Vì nó được phát ra từ một chiếc

máy tựa như một máy hát tự động. Chỉ khác nhau ở chỗ, người ta không thả đồng hồ vào khe máy, mà ăn vào nút của nó. Những cái nút này đặt trên bàn của trạm thông tin kiểm soát, một kiều dài CHDP thu nhỏ. Mỗi băng có một phòng CHDP của mình và tất cả được bố trí ngay trên nóc gian nhà đợi. Các nhân viên của băng cứ lần lượt bấm vào những cái nút cần thiết, và thế là máy tự động phát ra thông báo.

Hầu hết tất cả các thông báo — không kể những trường hợp ra ngoài khuôn khổ thông thường — đều là những băng ghi âm sẵn. Mặc dù các thông báo nghe có vẻ như một cái gì thống nhất, song thực ra mỗi thông báo bao gồm ba phần ghi khác nhau. Phần thứ nhất thông báo số chuyến bay và hành trình, phần thứ hai nói về việc cho khách lên máy bay, — thông báo chuẩn bị cho lên và nhắc mọi người sắp hết giờ cho lên; trong phần thứ ba nói rõ phòng đợi và số cửa ra máy bay. Vì cả ba phần ghi này được phát liên tục, phần nọ tiếp phần kia, nên nghe có cảm tưởng là một bản ghi âm thống nhất — và đó cũng là điều người ta cố ý muốn tạo ra như vậy.

Những người nào vốn ghét cái tự động hóa và cơ giới hóa vô tình cảm như thế, cảm thấy sướng mỗi khi máy này bị hỏng. Cố lúc băng bị kẹt, và thế là hành khách, xuất phát từ ba bốn hướng khác nhau, lại tập trung ở cùng một cửa ra. Hàng trăm, mà có khi hàng nghìn người lúng túng sot ruột tạo nên cảnh chen lấn hỗn độn đến nỗi các nhân viên nhà ga mỗi lần nhớ đến cảnh tượng ấy lại thấy như một cơn ác mộng.

Hôm nay chiếc máy tự động thông báo lên máy bay chuyến bay làm việc rất trơ tru.

— ... Hành khách nào làm thủ tục xong xin mời qua phòng Xanh « Đ » để ra cửa số bốn mươi bảy.

Lúc này hàng nghìn người đang ở trong nhà, ga nghe thấy thông báo về chuyến hai đi Rôm. Một số người hoàn toàn không có liên quan gì đến nó, một số khác thì ít nhiều có liên quan, nhưng từ giờ cho đến lúc hết ngày, đối với một số người hiện vẫn hoàn toàn đứng dừng, thông báo này sẽ lại có ý nghĩa rất quan trọng.

Trong số những người nghe thông báo đó có cả hơn một trăm năm mươi hành khách của chuyến hai. Những người đã làm xong thủ tục vội vã đi ra cửa số bốn mươi bảy, còn một vài người đến quá chậm thì vẫn còn đang rũ rũ tuyêt bãm trên người.

Thông báo chờ lên máy bay vẫn tiếp tục vang lên trong hành lang xếp dãy khách, khi chiêu đãi viên trưởng Guen Maygen đã bắt đầu nhận nhóm hành khách đầu tiên — mấy gia đình có trẻ con. Có thông báo việc đó bằng điện thoại nội bộ cho đội trưởng Enxou Herris, rồi chuẩn bị đón làn sóng hành khách sắp ulla tới sau vài phút nữa. Trong khi đó đội trưởng Đimirest ráo bước đi suot lên đám hành khách, bước vào buồng lái và đóng cửa lại.

Herris và viên phi công thứ hai Xai Gioocdan đã bắt đầu việc chuẩn bị cất cánh.

— Xin chào, — Đimirest nói. Anh ngồi vào chiếc ghế bên phải và cầm lấy phiếu kiểm tra. Gioocdan trở về ghế mình ở phía sau.

Khi người ta thông báo cho lên máy bay chuyến hai « Argoš vàng », Mel Baycoxend đang đứng trong gian phòng chính — ông chợt nhớ ra người thi buy

chuyện này là Vecnon Dimirest, và thực làm hối tiếc là đã không biết lợi dụng một cơ hội nữa để giảng hòa với ông anh rể, hay ít ra làm dịu bớt sự xích mích giữa hai người. Ngày giờ quan hệ giữa họ đãm ra lại xấu hơn : Mel cố gắng suy nghĩ xem trong chuyện này ông có lỗi đến mức nào. Ông sẵn sàng thú nhận rằng tất nhiêu ông có lỗi một phần. Qua những lần va chạm với Dimirest bao giờ cũng thể hiện những khía cạnh khác trong tính cách của Mel. Chính ông cũng không hiểu tại sao lại xảy ra như vậy, nhưng dù sao ông vẫn thành thục tin rằng hầu hết những cuộc cãi cọ ấy không phải do ông, mà là do Vecnon gây ra. Nguyên nhân một phần là do Vecnon tự đánh giá mình quá cao, và nỗi khủng khiếp người nào không muốn thừa nhận những ưu điểm của anh ta. Nhiều người trong số phi công quen biết của Mel — nhất là các đội trưởng — cũng có lính ấy.

Mel vẫn chưa thể yên người khi nhớ lại sau cuộc họp của Hội đồng đặc trách, Vecnon đã đi ba hoa rằng chẳng còn gì để nói với Mel nữa : ông và những kẻ như ông — « là những con sâu đât, chỉ biết mài dũng quẫn trong phòng giấy, với bộ óc và tâm hồn của loài chim cút cảnh ». Mẹ kiếp, anh ta cứ tưởng trong việc lái máy bay có cái gì mà những người tràn tục không thể hiểu được !

Tuy vậy tối nay Mel rất khao khát lại được làm phi công và được bay, dù chỉ vài tiếng đồng hồ, giống như Dimirest bay đi Rôm. Ông nhớ lại câu nói châm chọc của Dimirest về mặt trời nước Ý mà ngày mai anh ta được tắm trong ánh sáng của nó. Giá lúc này Mel được như thế thì cũng hay — ít ra có lẽ cũng thú vị hơn phải ngồi lập các biểu đồ bay

trong sân bay. Hôm nay, những sợi dây xích cột chặt ông với mặt đất hình như nặng hơn mọi ngày.

Sau khi chia tay với Mel, trung úy cảnh sát Orduay trở lại phòng làm việc nhỏ của mình, giáp với gian phòng chính nhà ga. Anh đang nghe báo cáo qua điện thoại của phòng cảnh sát sân bay, thì qua cánh cửa mở vội vàng vào thông báo cho lên máy bay chuyến hai. Chuyến xe đi tuần của cảnh sát đã thông báo : tại bãi đỗ xe có rất nhiều ô-tô từ nhiều thành phố người vừa đến, và bãi đỗ xe không thể chứa được nữa. Như người ta tìm hiểu ra, đa số các ô-tô đó là từ Mêđoud — chờ những người vừa dự cuộc mít tinh phản đối mà người ta đã báo cho Orduay. Viên trung sĩ trực nhật báo rằng theo lệnh của trung úy, một tiểu đội cảnh sát sẽ được điều tới nhà ga ngay bây giờ.

Gần như ngay cạnh phòng làm việc của Orduay, trong phòng đợi, bà Ada Quonset, bà lão từ Xan-Điêngô, đang nói chuyện với chàng da đen Pito Cokli. Bỗng dừng lại và đồng tai nghe thông báo lên máy bay đi Rôm.

Bà Quonset và chàng da đen hộ tống bà đang ngồi trên một trong những ghế băng học da đen kê thành dãy. Bà Quonset luôn mồm ca ngợi những đức tính tốt đẹp của người chồng quá cố với những lời lẽ như nữ hoàng Victoria có thể nói về hoàng tử Albert :

— Đó là con người hết sức tuyệt vời, thông minh và đẹp trai. Số phận gắn bó mẹ với ông lão khi ông lão đã có tuổi, nhưng theo mẹ, hồi trẻ ông ta trông chắc cũng giống con.

Pito Cokli nhếch môi cười trong rất ngày ngô — suốt nửa tiếng vừa rồi anh ta chỉ biết làm mỗi việc

như thế. Kè từ lúc anh tạm biệt Tania Livinhxton và nhận lệnh giám sát bà lão này cho tới khi nào bà ta bước lên máy bay đưa bà ta về Lôx Angiolex, cuộc nói chuyện giữa hai người bao gồm chủ yếu là lời đe dọa của bà Quonset, trong đó nhiều lần Pitot được nhắc đến bằng những lời lẽ phỉnh nịnh, được so sánh với cụ cố Gierbert Quonset. Đề tài này đã làm Pitot thấy mệt thực sự. Anh ta không ngờ rằng bà lão Quonset quý quyết kia chỉ mong có thể...

Pitot thiêng thoảng lại ngáp vung. Khi xin vào làm cho hãng Trans Oméricor với chức vụ nhân viên phục vụ hành khách, anh hình dung công việc khác hẳn. Lúc này anh cảm thấy mình là kẻ hết sức ngu ngốc, đang ngồi ở đây với bộ đồng phục mới toanh và làm nhiệm vụ của người vũ nuô, trông nom một bà già vô hại, hay chuyen, mà hoàn toàn có thể là cu nội của anh. Chỉ mong sao cảnh cực hình này chóng kết thúc. Đã thế, anh lại không may: chuyến bay đi Lôx Angiolex, cũng như nhiều chuyến khác, bị chậm lại vì bão tuyết. — nếu không bà lão này đã dang bay trên trời từ cách đây một tiếng rồi. Pitot mệt mỏi và anh thầm mong sao người ta chóng tuyên bố cho lên chuyến máy bay của bà lão. Trong khi đó thông báo cho hành khách lên máy bay thuyền hai vẫn tiếp tục vang lên, làm cho câu chuyện đơn điệu của họ thay đổi đi, tuy chỉ một chút, nhưng dù sao cũng thú vị hơn.

Anh chàng Pitot đã quên mất lời dặn khi chia tay của Tania: «Nhớ kỹ điều tôi dặn anh... Bà ta có đủ mọi mánh khoé...»

— Con thử tướng lượng xem! — bà Quonset thốt lên khi thông báo lên máy bay vừa dứt: — Máy

bay đi Rôm! Chao ôi, sân bay là cả một sự hối hận
lại thường, phải không con? Nhất là đối với người
trí thức trẻ trung như con. Ôi, Rôm... ông lão quá
cố của mẹ lúc nào cũng mơ có ngày đưa mẹ đến
chơi thành phố mê ly ấy... — bà Quonset thở dài, ú
ê đặt hai bàn tay vào nhau, nắm chặt chiếc khăn
nhỏ viền dăng ten. — Than ôi, thế là mẹ với ông ấy
chưa kịp bay đến đó.

Bà Quonset vẫn tiếp tục ba hoa, nhưng trong lúc
đó đầu óc bà bắt đầu làm những con tinh với sự
chính xác của chiếc đồng hồ Thụy sĩ loại tốt... Lúc
này bà chỉ cần một điều: làm sao thoát khỏi tay
chàng thanh niên mập đồng phục này. Anh ta trong
đã một mồi và chán nản ra mặt, nhưng vẫn cứ phải
ngồi chết đì ở đây. Phải nghĩ ra kế gì cho sự mệt
mỏi, chán nản của anh là biến thành sự mất cảnh
giác. Và phải khôn trơng.

Bà Quonset hoàn toàn không có ý định từ bỏ
đã định hàn đầu của mình — chui được vào máy bay
bay đi Niu-yooe. Bà lắng nghe tất cả mọi thông báo
qua đài, nhưng chưa thấy khả năng nào có thể leo
lên một trong năm chuyến bay vừa được thông báo —
vì muốn thế, trước hết bà phải chuồn được khỏi
người canh gác trẻ tuổi này. Từ giờ đến lúc thông
bao cho lên máy bay đi Lôx Angiolex còn chuyến
nào đi Niu-yooe không, bà không biết, nhưng bà sẽ
bị người ta chèo lên máy bay đưa bà trở lại Lôx An-
giolex, điều bà chẳng thích thú tí nào.

Không, bà Quonset nghĩ, đi đâu cũng được,
miễn là không phải quay về Lôx Angiolex hôm nay.
Đi đâu cũng được, thậm chí đi... Một ý nghĩ bất ngờ
lóe lên trong óc bà... Thậm chí đi Rôm cũng được!

Bà do dự một lát. Ủ, sao lại không ubi ? Hôm nay bà bịa ra dù mọi thứ chuyện về ông lão Gerbert, nhưng có một chuyện đúng : quả thật có lần họ cùng xem những bức ảnh có phong cảnh Rôm... Cứ cho rằng nếu bà không thể đi ra ngoài sân bay Rôm được, thì dù sao bà cũng đã có mặt ở đó và sẽ có chuyện đê kề với Blas, khi cuối cùng bà tìm cách đến được Niu—yooc. Hơn nữa bà sẽ đánh lửa được cái nhà có phu trách việc phục vụ hành khách có mớ tóc hùng nhặt nọ... Song bà phải làm gì bây giờ ? Vừa rồi người ta thông báo cho ra cửa máy nhỏ ? Hình như qua phòng xanh « Đ », ra cửa bốn mươi bảy thì phải ? Phải, bà Quonset tin rằng bà không nghe nhầm

Tất nhiên máy bay có thể chật cứng, không còn chỗ trống nào ; khi đó sẽ chẳng đi lâu vé được. Nhưng bảo giờ cũng phải liệu. Hơn nữa, muôn lần được máy bay đi Ý, cô lẽ còn phải cần hộ chiếu, nhưng tất cả những cái đó còn phải kiểm tra. Nhưng nếu đúng lúc đó người ta tuyên bố cho lên máy bay đi Niu—yooc thì sao ?

Cái chính là không được ngồi bô tay chờ, mà it ra phải ngồi ra cách gì đó.

Thỉnh thoảng bà Quonset đưa hai bàn tay nhăn nhèo gầy gò vào lòng lấy ngực, mặt nhăn nhó.

— Ôi giờ ơi ! — bà kêu lên — Chết mất thời ! — bà đưa mấy ngón tay run run nắm lấy cổ áo cao của chiếc sơ mi cổ lỗ, cổ cởi khuy cổ ra, từ ngực bà phát ra những tiếng rên nho nhỏ kéo dài.

Anh nhân viên trẻ nhìn bà hoảng hốt :

— Bà làm sao thế, bà Quonset ? Bà bị làm sao vậy ?

Bà Quonset nhắm nghiền mắt, rồi mở ra, và thở dài quãng mấy lần liền.

— Xin lỗi con, mẹ khó chịu quá, tự nhiên mẹ thấy váng vất, buồn nôn.

Pitơ ăn cần hỏi :

— Cháu có thể giúp gì bà không ? Hay để cháu gọi bác sĩ nhé ?

— Mẹ không muốn phiền con...

— Có gì đâu...

— Không, — Bà Quonset lắc đầu quay quay. — Có lẽ mẹ vào buồng vệ sinh nữ hình như một lát là sẽ qua khỏi.

Anh nhân viên trẻ nhìn bà hoài nghi. Anh hoàn toàn không muốn để bà lão già nua này chết trên tay anh ta, mà trong davòng điệu bà lão thì bà có thể tịch lục nào không hay. Quay lại phía bà ta, anh hỏi vẻ lo lắng :

— Bà tin chắc như vậy à ?

— Tất nhiên rồi. — Bà Quonset cho rằng bà không được làm điều gì khiến người khác chú ý đến bà ở đây, trong gian phòng chờ này. Ở đây có quá nhiều cặp mắt lạ... — Con làm ơn nínghẹ day... Cảm ơn con lắm... Nay giờ, nếu con obo phép, mẹ sẽ nắm tay con... Mẹ thấy buồng vệ sinh nữ hình như đâu gần đây thì phải. — Trong lúc đi đến đó, bà tiếp tục rên lên vài tiếng nho nhỏ khiếp Pitơ Çekli hoảng hốt nhìn bà chăm chằm. Nhưng bà ta tìm cách tránh anh ta ngay... — Mẹ thường bị những cơn như thế này luôn. Mẹ biết, chỉ một lúclà qua khỏi.

Đến cửa buồng vệ sinh nữ bà buông tay Pito ra.

— Con tốt quá, biết giúp đỡ người già... Ngày nay thanh niên... À, trời ơi! — Làm quá nữa là không nên, bà tự bảo mình, tất cả thế là vừa đủ rồi.— Con đợi mẹ ở đây chứ? Con không bỏ đi chứ?

— Không, không, cháu không đi đâu cả.

— Cảm ơn con. — Bà ta mở cửa và biến vào trong.

Trong buồng vệ sinh nữ có khoảng hai chục phụ nữ. Hôm nay ở đây chỗ nào cũng đông nghịt, thậm chí cả trong nhà vệ sinh, bà Quonset nghẽn bụng. Bây giờ bà cần có người giúp đỡ. Bà đưa mắt quan sát địa bàn hoạt động và dừng lại ở một thiếu phụ trẻ mặc bộ quần áo màu nâu nhạt, trông có vẻ là một viên chức nhỏ — người phụ nữ này có vẻ không vội lâm. Bà Quonset hỏi chị ta:

— Xin lỗi, già thấy trong người khó chịu quá. Con có thể giúp già một việc được không? — Bà Quonset hai tay run run ôm ngực, nhắm mắt vào rồi lại mở to ra, tóm lại là bà lặp lại những động tác bà đã làm với Pito.

Chị phụ nữ là mặt thông cảm ngay:

— Tất nhiên là được a. Bà cần con dù...

— Không... không sao... — Bà Quonset vén vào bồn rửa mặt, trong bà rõ ra người đứng không vững... — Già chỉ muốn nhờ con bảo hộ cho một người. Ở ngoài cửa có một thanh niên, mặc đồng phục hàng Trans-Omérieo. Tên anh ấy là Pilos Cokli, Già nhờ con nói hộ với anh ấy... có lẽ anh ấy cũ đi gọi hộ bác sĩ vậy.

— Được, cháu sẽ nói ngay. Nhưng thế cháu sẽ phải để bà lại một mình một phút. Không sao chứ ạ?

Bà Quonset gật đầu.

— Không sao, cảm ơn con. Vì con sẽ quay trở lại ngay và cho già biết có tìm thấy anh ta hay không...

— Tất nhiên rồi ạ.

Một lát sau người liên lạc quay lại.

— Anh ấy đi ngay gọi bác sĩ rồi. Bây giờ theo con bà phải đi nǎm đi. Bà đã thấy đỡ chưa?

Bà Quonset thở không vụn tay vào bồn rửa mặt nữa.

— Con bảo anh ấy đi rồi à?

— Vâng, anh ấy đi gọi bác sĩ đến bây giờ.

Thế là xong, bây giờ chỉ còn việc thoát khỏi cô gái này, bà Quonset nghỉ. Bà lại đột nhiên nhắm mắt vào, rồi mở ra.

— Già biết già làm phiền con nhiều... con tốt quá... nhưng con gái của già đang chờ già ở chỗ công chính.

— Bà muốn con gọi chị ấy đến đây phải không ạ? Bà Quonset đưa khăn tay lên bịp miệng.

— Già... cảm ơn con vô cùng, nhưng thế thì lạm dụng lòng tốt của con quá.

— Con tin rằng nếu con bị như vậy, bà cũng sẵn sàng giúp con. Làm cách nào con nhận ra con gái bà?

— Nô mặc áo măng, màu hạt dẻ sáng, đội cái mũ nhỏ màu trắng, có hoa vàng, tay đặt con chó — con chó xù của Pháp.

Người phụ nữ mỉm cười.

— Có những dấu hiệu như thế con sẽ dễ dàng tìm được thôi! Con sẽ quay lại ngay.

— Con thật tốt quá!

Khi chị phụ nữ ra rồi, bà Quonset đợi thêm hai ba phút. Hy vọng rằng, bà Quonset suy nghĩ với lòng thương hại thành thực, cái nhà chị tội nghiệp kia sẽ không mất quá nhiều thời gian tìm kiếm người đàn bà tưởng tượng mặc áo măng-tô màu hạt dẻ sáng, tay đắt con chó xù Pháp kia.

Mỉm cười hờ hững, bà già nhỏ thó người Xan-Điêgô bước ra khỏi buồng vệ sinh nữ và bỏ đi thoản thoát. Không ai giữ bà ta lại và lập tức bà bị lẩn ngay trong đám hành khách ồn ào hối hả đang chật ních nhà ga hàng không.

Bây giờ phải tìm ngay phòng Xanh « Đ » và cửa bốn mươi bảy.

Thông báo cho khách lên máy bay chuyến hai đội vào tai Tania như vào tai người cầu thủ bóng ném — thông báo về sự thay đổi giờ. Đầu có bốn máy bay của hãng Trans Omerica chuẩn bị bay lên trời và chỉ phải theo dõi để việc cho khách lên tất cả các chuyến ấy không lộn xộn. Hơn nữa: chị phải vừa gấp phải một chuyện khá khó chịu với một hành khách từ Kansas Siti tới.

Vị khách nọ mặt đỏ gay, to tiếng khăng khăng bảo chiếc va-li da của vợ ông ta, khi xuất hiện trên băng chuyền trả hành lý bị thủng một lỗ to ở bên cạnh, là do sự làm ăn cẩu thả của nhân viên bốc dỡ.

Tania không tin chút nào vào lời của ông ta — cái lỗ thủng đó xem kỹ ra là lỗ thủng từ trước, nhưng dù sao chị vẫn quyết định thỏa "nắn khieu nại" của

Ông khách bằng cách đền tiền mệt như đại diện của tất cả các hãng hàng không, kể cả hãng Trans Omé-
ricor, thường làm. Nhưng cái khó là không thể thỏa
thuận được số tiền mà hai bên đều có thể chấp nhận.
Tania cho rằng chị chỉ có thể trả được tối đa ba
mươi nhăm đô-la, là số tiền, theo chị, đã vượt quá
cả giá trị của chiếc va-li, nhưng ông khách cứ nằng
nặc đòi phải trả ông ta bốn mươi nhăm đô-la. Cuối
cuối cùng ngã giá bốn mươi đô-la, vì người khiếu nại
không ngờ rằng, khi gặp hành khách đặc biệt khó
tính và dai dẳng, các nhân viên phục vụ hành khách
có quyền giải quyết bởi thường cho họ tối mức tối đa
là sáu mươi đô-la. Thậm chí trong những trường
hợp nghỉ ngơi có sự gian lận, các hãng cũng cho rằng
trả tiền ngay tại chỗ còn rẻ hơn mất nhiều thì giờ đòi
cò với nhau. Theo nguyên tắc, các nhân viên kiểm
tra khi nhặt hành lý phải có nhiệm vụ đề ý những
chiếc hành lý nào bị hư hỏng, và đánh dấu lại, nhưng
thực tế là khi người ta thực hiện nguyên tắc đó: Kết
quả là có một số hành khách thành thạo trong những
chuyện ấy, lợi dụng hiểu biết của mình để đòi va-li
cũ lấy va-li mới.

Tania bao giờ cũng thấy khó chịu khi phải trả
tiền — dù đó không phải tiền của chị, mà là của
hãng — trong những trường hợp mà chị ngờ có sự
gian lận.

Sau khi giải quyết xong vụ rắc rối, chị lại phải
bắt tay ngay vào việc theo dõi số hành khách chuyển
hai vẫn đang tiếp tục tiến vào nhà ga. Cũng may,
chiếc ô-tô buýt chờ khách từ thành phố đến vừa kịp,
trước khi người ta tuyên bố thời không cho lên máy
bay có vài phút, và các hành khách này được dẫn

ngay vào phòng Xanh « Đ » để ra cửa bốn mươi bảy. Hai, ba phút sau, Tania cũng thản chỉnh ra đó để phòng trường hợp nếu vào phút cuối cùng xuất hiện hành khách đến muộn nào đó và gặp khó khăn trong việc lên máy bay.

Khi trên đài bắt đầu thông báo cho khách lên máy bay chuyến hai, Đ.O. Gerrerô vẫn đang xếp hàng chờ mua vé bảo hiểm.

Cái ông khách đến muộn và cuồng quyết, dập ngay vào mắt đội trưởng Dimirest lúc này, không phải ai xa lạ, mà chính là Đ.O Gerrerô, với chiếc va-li nhỏ dẹt, giống như chiếc cặp, bên trong có quả bom.

Vừa từ ô-tô buýt nhảy xuống, y chạy ngay đến quầy bán vé bảo hiểm và là người thứ năm trong hàng: Hai cô gái làm việc lè mề đều mặc áo thè làm hỏng hết một chuyện. Một cô — chính cái cô tóc vàng có bộ ngực rực rỡ, mặc áo sơ-mi cộc khoét rất sâu — ba hóa gì với một bà khách có tuổi không biết bao lâu rồi. Chắc cô gái khuyên bà ta mua loại bảo hiểm với số tiền lớn hơn, nhưng bà khách thì phản văn lưỡng lự. Cứ cái kiều này, nhanh nhất cũng phải hai mươi phút nữa mới đến lượt Gerrerô, mà lúc đó thời hạn cho lên máy bay có thể đã hết. Nhưng Gerrerô hiểu một điều: y phải mua bằng được phiếu bảo hiểm và phải lên bằng được máy bay.

Thông báo cho lên máy bay nói rằng khách sẽ lên qua cửa bốn mươi bảy. Lẽ ra lúc này Gerrerô cần có mặt ở đó rồi. Y cảm thấy người bắt đầu bồn chồn nón nao, bàn tay nắm chiếc quai va-li nhơm nhởm mồ hôi. Y liếc mắt nhìn chiếc đồng hồ treo ở

phòng ngoài phải đến lần thứ hai mươi. Đã sáu phút trôi qua kể từ khi người ta thông báo bắt đầu cho lên máy bay chuyến hai. Chỉ ít phút nữa người ta sẽ nhắc lần cuối cùng... cửa máy bay sẽ đóng lại... Phải nghĩ ngay ra cách gì: không chậm trễ.

Gerrerò chen hùa lên trước. Y quên khuấy mất rằng thái độ bất lịch sự của y có thể khiến y bị chú ý: y chẳng còn dấu ố nào nghĩ đến chuyện ấy nữa. Một người khách đứng trong hàng lên tiếng cự:

— È này, ông bạn, chúng tôi cũng đang vội đây. Ông không thấy người ta đang xếp hàng cả đây sao?

Nhưng Gerrerò bỏ ngoài tai những lời ấy, quay sang nói với cô tóc vàng có bộ ngực to:

— Cô làm ơn... Người ta đã thông báo cho lên máy bay của tôi. Chuyến đi Rôm ấy! Tôi muốn mua vé bảo hiểm. Tôi không thể đợi được.

Ông khách vừa cự nự xen ngay vào:

— Thế thì bay đừng bảo hiểm nữa! Chờ lần sau đến sớm mà mua!

Gerrerò suýt buông mồm nói: «Làm gì còn lần sau nào nữa!». Nhưng thấy vì thế, y chỉ năn nỉ:

— Xin phép các vị...

Y đón chờ sự phản đối, nhưng lạ thay, cô gái tóc vàng lại mỉm cười thông cảm.

— Ông bay đi Rôm à?

— Vàng, vàng. Người ta đã cho khách lên rồi.

— Tôi biết. — cô ta lại cười — Máy bay của «Trans-Omérico», chuyến hai «Argos vàng»

Bất chấp nỗi hồi hộp đang xâm chiếm y, Gerrerô vẫn nhận ra giọng cô gái nói cơ pha lẫn giọng Hung-gari, và trong giọng cô ta có những âm sắc hồi hộp.

Y cố trấn tĩnh và nói một cách bình thản :

— Vâng, đúng chuyến ấy đấy ạ!

Cô gái quay sang bảo số khách đang xếp hàng — lúc này nụ cười của cô ta dành cho họ :

— Quý khách này quả là còn rất ít thời gian. Tôi chắc các vị sẽ không phản đối nếu tôi phục vụ trước cho ông ấy.

Đã có bao nhiêu chuyện không may trong buổi tối hôm nay, nên Gerrerô không dám tin vào tai mình: không lẽ lần này y lại gặp may? Một người trong hàng lâu bao giờ đó, nhưng cái ông khách lúc trước phản đối thời không thấy nói nữa.

Cô gái lấy ra tờ phiếu chưa điền và mỉm cười với bà khách mà cô ta vừa nói chuyện :

— Chỉ một phút là xong thôi!

Bây giờ Gerrerô thấy nụ cười cô ta lại dành cho y, bỗng nhiên y cảm thấy ma lực của nụ cười ấy và hiểu ra vì sao những người xếp hàng không ai phản đối mạnh mẽ lắm. Khi cô gái mỉm cười nhún thẳng vào mắt y, thì Gerrerô, vốn không dám mê đắm bà lắm, cũng cảm thấy người mềm nhũn như sắp tan thành nước. Hơn nữa cô ta lại có bộ ngực rất nở nang khêu gợi mà từ cha sinh mẹ đẻ bình như y chưa nhìn thấy bao giờ.

— Tôi tên là Banni, — Cô gái nói hơi lờ lờ giọng nước ngoài. — Còn ông? — Cô đã cầm lấy bút bi chuẩn bị viết.

Trong sân bay Banni được coi là một nhân viên bảo hiểm hết sức tháo vát.

Cô say mê bất cứ cuộc thi nào, nhất là những cuộc thi mà thắng lợi hứa hẹn những phần thưởng vật chất to lớn. Chính vì vậy cô rất thích công việc của nhân viên bán vé bảo hiểm, vì các băng bảo hiểm thường lại tờ chúc những cuộc thi có treo giải cho nhân viên của mình. Một trong những cuộc thi như vậy đã được công bố và sẽ kết thúc vào tối nay.

Nhờ đến cuộc thi đó nên Banni rất sôi sảng với Gerrerô, khi y tuyên bố y sắp bay đi Rôm. Lý do là vì Banni còn thiếu bốn mươi điểm nữa thì được nhận một giải thưởng mà cô thèm muộn — một chiếc bàn chải đánh răng điện. Cô đã tưởng thất vọng — cô cảm tưởng từ nay đến hết ca làm cô sẽ không thể thu được số điểm còn thiếu. Tất cả những phiếu bảo hiểm cô bán được ngày hôm nay đều là cho những chuyến bay trong nước, và chúng không mang lại cho cô bao nhiêu điểm, do đó cũng chỉ đem lại những phần thưởng nhỏ. Nay giờ, nếu cô có thể bảo hiểm cho ông khách bay ra nước ngoài này với số tiền tối đa, lập tức cô sẽ được thêm ngay hai mươi nhăm điểm, và như vậy số điểm còn lại sẽ không khó khăn gì. Vấn đề bây giờ là ở chỗ ông khách này định bảo hiểm số tiền bao nhiêu, và cô, Banni, có thuyết phục được ông ta mua với số tiền cao nhất không.

Thường thì cô làm được. Trong những trường hợp thế này Banni hành động rất đơn giản: cô chỉ cần nở nụ cười mè hồn của mình, xích lại gần người khách, cho phép người đó có thể ngầm nghĩa thỏa thuận bộ ngực nở nang của cô, và giải thích cho ông

ta biết, nếu như ông ta chịu mất thêm một số tiền
chẳng đáng là bao, ông ta sẽ được lợi như thế nào.
Trong phần lớn trường hợp chiến thuật của cô đạt
được hiệu quả mong muốn, và Banni trở thành nổi
tiếng là một nhân viên bán vé bảo hiểm cực kỳ may
mắn.

Khi Gerrerô vừa đánh vần xong tên họ của y cho
cô, Banni hỏi ngay:

— Thưa ông, ông muốn mua loại phiếu bảo hiểm
nào ạ?

Gerrerô nuốt mạnh nước bọt trong cổ họng.

— Tôi muốn bảo hiểm tình mạng lấy... bảy mươi
nhăm nghìn đô-la,

Nói xong những lời ấy, y cảm thấy miệng khô
hán đi. Một nỗi sợ hãi bỗng choán lấy y: y cảm thấy,
y đã làm cho tất cả những người đứng xếp hàng chờ
y đến y, và bao nhiêu cặp mắt đang đờ dờn vào y.
Y cảm thấy toàn thân y run run và y tin chắc mọi
người đều nhận ra điều đó. Để che giấu nỗi sợ hãi,
y tìm cách châm thuốc hút, nhưng tay y run quá
nên mãi y mới châm được. May thay, có nhân viên
trẻ, đã đặt sẵn bút bi trên cột «sổ tiền bảo hiểm»,
rõ ràng không hay biết gì cả.

Cô ta nói:

— Vậy ông phải trả hai đô-la năm mươi sen.

— Có bảo gì?... À, tôi hiểu — Gerrerô cuối cùng
đã bắt được diêm và châm được diêm thuốc, thò tay
vào túi tim những đồng tiền cuối cùng.

— Nhưng đó là sổ tiền quá nhỏ — Banni chậm
rồi đặt bút bi viết con số. Cô ta lại cuộn xuống thấp

hơn và bộ ngực đồ sộ càng chạm vào ông khách hơn. Cô nhận thấy mắt y nhìn xuống yà như bị hút vào một điểm. Đàn ông người nào cũng như nhau. Một vài người — cô cảm thấy như thế — thậm chí còn như ngứa tay khi chực sờ mó. Nhưng ông khách này không thuộc loại đó.

— Quá nhỏ à? — Gerrerô ngồi vục hõi lại. — Tôi tưởng là... Tôi thấy hình như đó là số tiền lớn nhất rồi.

Ông khách có vẻ lúng túng — bây giờ cả Banni cũng nhận thấy điều đó. Chắc ông ta lo lắng trước chuyến bay, cô nghĩ như vậy, và lại tặng cho y một nụ cười thật tươi.

— Ô, đâu phải, thưa ông! Ông có thể bảo hiểm tinh mang với số tiền ba trăm ngàn đô-la. Đa số hành khách đều mua bảo hiểm với số tiền ấy, và chỉ mất mười đô-la thôi. Thực ra số tiền không đáng là bao. — Nụ cười của cô lại càng rạng rõ hơn: câu trả lời của ông khách có thể cho cô ta thêm hai mươi điểm, và sẽ quyết định việc cô ta có giành được chiếc bàn chải đánh răng điện hay không.

— Có bảo sao?... Mười đô-la à?

— Vâng, có thể thôi, mà được những ba trăm ngàn đô-la!

«Thế mà minh không biết» — Gerrerô thoáng nghĩ. Y cứ tưởng rằng bảy mươi nhăm nghìn đô-la là số tiền lớn nhất có thể bảo hiểm tinh mang ở sân bay với chiếc vé bay ra nước ngoài. Y đọc được tin ấy trong một tờ phiếu bảo hiểm y lấy được cách đây hai tháng trong sân bay khác. Bây giờ y mới nhớ ra, tấm phiếu ấy y lấy từ máy bán vé bảo hiểm tự

dòng. Nhưng không nghĩ ra rằng, ở các quầy có người bán, có thể bảo hiểm với số tiền lớn hơn nhiều. Ba trăm ngàn đô-la!

— Vâng, tất nhiên, — Y xúc động nói. — Vâng, xin cô cho loại ấy...

Banni mắt sáng lên:

— Với số tiền lớn nhất, phải không ạ, thưa Ông Gerrero?

Y chực gật đầu ra ý bằng lòng thì bỗng nhớ ra số phận lại chơi khăm y lần nữa. Liệu y còn đủ mươi đô-la không?

— Ấy, xin cô chờ một phút...! — y thốt lên rồi bắt đầu moi hết tiền lẻ trong các túi ra.

Những người xếp hàng bắt đầu sốt ruột. Ông khách lúc này đã tỏ ý bức dọc, nói với Banni:

— Thế mà cô bảo chỉ một phút là xong....

Gerrero moi mãi mới được tất cả bốn đô-la bảy mươi xén.

Cách đây hai ngày, khi Gerrero và Inex gộp tất cả số tiền còn lại của họ vào, Gerrero đã cầm lấy tám đô-la và ít tiền lẻ. Sau đó y đem cầm cái nhẫn của Inex lấy tiền mua vé máy bay, kết quả y chỉ còn lại vài đô-la, nhưng chính xác bao nhiêu thì y không nhớ, hơn nữa trong số tiền đó y lại còn phải trả tiền ăn, tiền xe điện ngầm, và ô-tô buýt chờ y đến đây.

Y chỉ biết chắc một điều: phải trả hai đô-la rưỡi tiền mua vé bảo hiểm, số tiền đó được y để riêng ra trong túi quần. Còn những thứ tiền khác y chẳng cần bận tâm: y cho rằng khi nào y lên máy bay, chúng sẽ trả nén thừa.

— Nếu không có tiền mặt, Ông có thể trả séc
cũng được, — Banni nói.

— Tôi đã cuốn séc ở nhà mất rồi. — Ý nói dối:
séc đang nằm trong túi y. Nhưng y không thể viết
séc được. — ngan hàng sẽ kiện y và phiếu bảo hiểm
coi như không còn giá trị.

Nhưng Banni vẫn chưa chịu thôi:

— Ông có thể trả bằng tiền Ý cũng được, thưa
Ông Gerrerô. Tôi sẽ tinh dòi đồng Lia sang đô-la
theo bảng hối đoái hiện hành.

Gerrerô đáp ứng:

— Tôi... tôi không có tiền Ý... — và ngay tức
khắc y thầm nguyền rủa mình. Lúc mua vé máy bay
đi Róm trong thành phố, y tuyên bố không có hành
ly. Bây giờ, như một thằng đại ngù, y lại oang oang
thú nhận rằng y không có tiền — cả tiền Mỹ lẫn tiền
Ý. Thú hồi ai là người đi du lịch qua đại dương mà
trong túi không có lấy một xu bao giờ? Không có
ngoại tệ lẫn hành lý nào? Tất nhiên kẻ đó phải là
kẻ biết trước máy bay sẽ không bay được tới đích.

Nhưng Gerrerô yên tâm ngay khi hiểu ra hai
chuyện ấy — việc ký gửi hành lý và mua phiếu bảo
hiểm — hoàn toàn không liên quan gì đến nhau,
chúng chỉ có liên hệ với nhau trong đầu y mà thôi.
Thậm chí đến lúc nào đó, nếu người ta có ghép hai
chuyện đó với nhau, thì đã quá muộn rồi, không còn
ý nghĩa gì nữa.

Y tự bảo mình — không biết đã lẩn thú mấy kè
từ khi rời nhà ga đi: không một nghi ngờ nào có
thể đảo ngược được điều gì nữa. Có một cái quyết

định tất cả: Việc chiếc máy bay mất tích không còn dấu vết, và như vậy, sẽ chẳng còn chứng cứ gì hết. Và lật thay, bắt chấp cái sai lầm cuối cùng, y bỗng thấy tự tin hơn.

Y đặt thêm mấy đồng hào vào đồng tiền trước mặt, và bỗng xảy ra điều kỳ diệu: trong túi áo y bỗng tìm thấy tờ năm đô-la.

Không cần giấu vẻ xúc động nữa, Gerrerô kêu to:

— À, đây rồi! Bay giờ thì đủ rồi!

Đâm ra cuối cùng y lại còn thừa một đô-la.

Nhưng bây giờ đến lượt Banni bắt đầu thấy ngạc nhiên. Ông khách đang đợi, phải ghi vào phiếu bảo hiểm cho ông ta số tiền ba trăm nghìn đô-la, nhưng Banni lại do dự.

Trong khi Gerrerô kêu hết túi này đến túi khác tìm tiền, cô đã chăm chú theo dõi và nhìn thấy nét mặt y.

Tất nhiên bay đi châu Âu mà túi không có một xu thì quả là lạ lùng, nhưng suy cho cùng đó là chuyện riêng của ông ta — thiếu gì nguyên do. Nhưng cái khiến Banni lo lắng hơn nhiều là đôi mắt của y. Cô bắt gặp trong đôi mắt ấy cái gì nữa như tuyệt vọng, nữa như điên dại, và khi một người nào có chuyện như thế bao giờ Banni cũng nhận ra ngay. Cô vẫn nhìn thấy điều đó thường xảy ra với con người. Mà ngay bản thân cô cũng đã nhiều lần ở bên bờ tuyệt vọng, mặc dù hiện nay cô vẫn thấy hình như những năm tháng khờ cợc, đã lùi xa vào dĩ vãng.

Hàng mà Banni làm việc có đè ra những quy tắc nghiêm ngặt mà tất cả các nhân viên phải tuân theo;

nếu hành khách nào bảo hiểm sinh mạng trước chuyến bay có vẻ không bình thường, bị say rượu, hay kích động thái quá, nhân viên bảo hiểm phải báo ngay cho Ban giám đốc hàng không biết. Lúc này, trước mắt Banni này ra câu hỏi: trường hợp này có nằm trong số những trường hợp nói trong bản nội quy không?

Bản hướng dẫn hành của các hãng bảo hiểm đã nhiều lần được đưa ra cho các nhân viên thảo luận. Nhiều người thấy tức giận, một số thì coi thường vi cho rằng nhiệm vụ của họ là bảo hiểm cho hành khách, còn phần tích tâm lý thì họ không được học, nên họ không làm. Một số hành khách trước khi bay bao giờ cũng tỏ ra hồi hộp, lo lắng, mà họ không có trình độ chuyên môn phân tích, thì làm sao có thể phân biệt được đâu là nỗi lo lắng thông thường và đâu là sự mất bình tĩnh. Bản thân Banni chưa bao giờ báu cáo về những hành khách ở trạng thái thần kinh căng thẳng. Cô nhớ đến một trường hợp; có một cô nhân viên gặp trường hợp như vậy đã giữ lại không bán phiếu bảo hiểm cho khách, sau hóa ra ông này chính là phó giám đốc hàng không, và ông ta hồi hộp lo lắng chỉ vì vợ ông ta sắp đẻ. Vì chuyện đó về sau đã xảy ra bao nhiêu chuyện phiền toái.

Nhưng dù sao, Banni vẫn phản ván do dự. Đè giấu vẻ lưỡng lự của mình, cô bắt đầu đếm tiền do ông khách đưa. Cô muốn hỏi cô Macgio, cô gái làm ở quầy bên cạnh, xem cô ta có cảm thấy ông khách này có cái gì không bình thường không. Nhưng cô Macgio không để ý. Cô đang hý hoá viết vào phiếu của cô — vì cô cũng đang nóng lòng muốn kiểm thêm nhiều điểm.

Cuối cùng Banni quyết định cần cứ vào kinh nghiệm riêng của cô. Phải, kinh nghiệm đường đời dạy cô biết ứng xử với biết bao hoàn cảnh, kiềm chế những sự tò mò vô ích và không đặt những câu hỏi vớ vẩn. Khi đặt những câu hỏi như thế, vô hình chung anh đã xen vào đời tư của người khác, mà đó chính là điều nên tránh nhất, — người ta đã có quá nhiều vấn đề phải lo rồi.

Vậy là Banni không hỏi han gì nữa và đã giải quyết xong một trong những vấn đề của cô — làm sao phải xếp thứ nhất trong cuộc thi và giành được chiếc bàn chải đánh răng điện. Cô đã bảo hiểm cho D.O. Gerrerô trong thời gian y bay đi Rôm với số tiền ba trăm ngàn đô-la.

Gerrerô gửi ngay tấm phiếu bảo hiểm theo đường bưu điện cho vợ y là Inex rồi với vội vã đi về phía cửa bốn mươi bảy để lên máy bay chuyển đi Rôm.

13

Nhân viên hải quan Harris Stendish không nghe thấy thông báo cho lên máy bay chuyến hai, nhưng ông biết thông báo đó đã được phát. Người ta không phát thông báo đó vào phòng hải quan, vì ở đây chỉ có hành khách từ nước ngoài đến chứ không có hành khách đi, vì thế Stendish nhận được thông tin qua điện thoại từ hãng Trans Océanic. Ông biết người ta đã bắt đầu cho khách lên máy bay chuyến hai, khách sẽ lên bằng cửa bốn mươi bảy, và máy bay sẽ cất cánh đúng vào lúc hai mươi ba giờ không-không.

Stendish cứ xem đồng hồ liên tục: ông sắp phải đến cửa hòn mươi bảy, nhưng không phải để làm việc, mà để chia tay với cô cháu gái Jundi, con gái bà chị ông, bay đi Rôm một năm để học nốt, và Stendish đã hứa với chị gái sống ở Denvo rằng ông sẽ đi tiễn cô cháu gái. Ban này ông đã ngồi một lúc trong phòng đợi chính cùng với cô gái mười tam tuổi rất bình tĩnh này, và bảo rằng thế nào trước khi máy bay cất cánh ông cũng tìm cô ta chia tay lần nữa.

Còn lúc này Stendish đang cố làm cho xong một công việc cực kỳ buồn tẻ — ngày hôm nay là một ngày vất vả hiếu của ông.

— Thưa bà, bà tin chắc rằng bà không có điều gì phải sửa lại trong tờ khai nữa? — ông cố lấy giọng từ tốn hỏi một bà khách người gầy đét, trông về mặt rất khinh khỉnh, chủ nhân của một dống va-li đang mở tung, đặt trên bàn hải quan.

— Theo tôi hiểu, ông muốn để nghị tôi bịa ra những chuyện hoàn toàn trái với sự thật mà tôi đã khai — bà khách giận dữ nói: — Trời ơi, ở đây các ông toàn là những kẻ đa nghi, không tin người. Các ông làm tôi có cảm tưởng như đang sống trong nhà nước cảnh sát vậy.

Harri Stendish bỏ ngoài tai câu nói châm chọc ấy. Như một nhân viên hải quan từng trải, ông nhã nhặn đáp:

— Tôi không để nghị gì bà cả, thưa bà. Tôi chỉ hỏi xem bà có muốn sửa lại điều gì trong tờ khai của bà về những đồ vật này, — về những cái váy, áo len và áo vest bằng lông này, — không.

Người đàn bà — trong hộ chiếu ghi tên là bà Harriet Duy Barri — Mössmen, sống ở Evanston, và trở về nhà sau chuyến đi chơi một tháng qua Anh, Pháp và Đan Mạch, — trả lời giọng lạnh như tiền:

— Không, tôi nghĩ là không. Hơn nữa tôi sẽ kể lại cho viên luật sư của chồng tôi về việc tôi bị hỏi cung...

— Tốt lắm, thưa bà, — Stendish nói. — Nếu vậy xin bà ký hộ vào tờ khai này. Nếu bà muốn, tôi có thể giải thích cho bà vì sao lại cần phải làm như vậy.

Những chiếc váy, áo len và áo lông được xếp trong các va-li mở. Chiếc áo lông — lông chồn nâu — ban nãy còn ở trên người bà Mössmen. Khi viên hải quan Stendish xuất hiện trong phòng hải quan, cạnh bàn số mười một, ông đã yêu cầu bà Mössmen cởi áo vét lông để có thể kiểm tra kỹ hơn. Cách đây mấy phút chiếc đèn đỏ trên cái panen trên tường, cạnh cửa vào gian phòng hải quan, đã bật sáng, báo hiệu cho Stendish biết. Mỗi lần kiểm tra có một đèn báo hiệu: khi nó bật sáng có nghĩa là một nhân viên hải quan trực nhật nào đó gặp khó khăn và anh ta cần sự giúp đỡ của người thanh tra.

Lúc này anh hải quan trẻ, người đầu tiên khám bà Mössmen, đang đứng cạnh Stendish. Hầu hết hành khách bay từ Copenhahen tới trên máy bay DC-8 của hãng Scandinavian đã làm xong thủ tục hải quan và rời gian phòng, chỉ có bà người Mỹ ăn mặc sang trọng này là làm cho mọi người bị chậm trễ, vì cứ khăng khăng rằng ở châu Âu bà ta không mua gì hết, ngoài nước hoa, mấy đồ trang sức và giày dép. Tổng cộng chỉ trị giá chín mươi đô-la, nói cách khác — ít hơn mươi đô-la so với số tiền phải nộp

thuế quan. Song anh nhân viên trẻ ngồi nghe sự thành thật của bà ta và đã phải gọi Stendish đến.

— Sao tự dung tôi lại phải ký vào cái gì đó? — Bà Mössmen hỏi.

Stendish nhìn đồng hồ treo dưới trần nhà. Đã mười một giờ, kém mười lăm. Từ giờ đến khi máy bay cất cánh ông vẫn còn kịp giải quyết xong với bà khách này, rồi ra chia tay với cô cháu gái. Ông kiên nhẫn giải thích:

— Để cho việc dễ dàng hơn, thưa bà. Chúng tôi chỉ yêu cầu bà xác nhận bằng văn bản những gì bà bảo với chúng tôi. Bà bảo rằng những chiếc váy này bà mua...

— Tôi còn phải nhắc lại bao nhiêu lần cùng một điều nữa? Tôi mua chúng ở Chicago và Niu-yooc trước khi bay đi châu Âu. Cả mấy cái áo len cũng vậy. Còn chiếc áo lông này là quà tặng, và cũng mua ở Mỹ. Người ta tặng túi cách đây năm rưỡi.

« Tại sao người ta cứ phải làm thế để làm gì nhỉ? » Stendish thắc mắc: không một giây nào ông tin rằng những lời khai của bà này là đúng sự thật.

Kể từ việc tất cả những cái váy — có sáu cái và toàn loại đắt tiền — đều bị bóc mất nhãn hiệu. Không ai làm chuyện đó nếu không có lý do đặc biệt.

Phụ nữ thường tự hào về nhãn hiệu của các hàng sang trọng. Hơn nữa, kiều may các váy lại đúng là của Pháp, cũng như chiếc áo lông, mặc dù trong lớp lót của nó được định một cách vung về nhãn hiệu của hãng « Saks » ở phố Năm. Song những hành khách kiều như bà Mössmen này không hiểu rằng những nhân viên hải quan có kinh nghiệm không

cần nhận hiệu vẫn có thể xác định thứ hàng nào đó được sản xuất tại đâu. Kiều may, đường chỉ, thậm chí cả khóa kéo — đối với con mắt lão luyện — chẳng khác gì nét chữ quen thuộc, và cũng tố giác lác giả của chúng rõ ràng như thế.

Cũng có thể nói như vậy về ba cái áo len rất đắt tiền. Chúng cũng bị bóc mất nhãn hiệu, nhưng về cách pha màu thì đúng là điền binh của Anh. Những chiếc áo len ấy không bán ở Mỹ. Có thể khẳng định chắc chắn rằng chúng được mua ở Xô-tiên. Khi các cửa hàng bách hóa lớn của Mỹ đặt mua những loại áo len này ở nước ngoài, các hãng Xô-tiên gửi cho họ những chiếc áo len pha màu sắc sô hơn, là loại rất được ưa chuộng ở thị trường Mỹ. Bất cứ nhân viên hải quan nào cũng biết rõ chuyện đó không phải chỉ trên lý thuyết, mà cả trên thực tế.

Bà Mössmen hỏi:

- Giả dụ tôi ký vào tờ giấy này thì sau đó thế nào?
- Bà sẽ được tự do.
- Và tôi có thể nhận hàng của tôi chứ? Nhận tất cả?
- Đúng.
- Thế nếu tôi không ký?
- Thì chúng tôi buộc phải giữ bà cho đến khi điều tra xong.

Sau ít phút do dự bà Mössmen nói:

- Thời điểm, các ông điều vào tờ khai đi rồi tôi ký.

— Không được, thưa bà, bà phải tự tay khai vào. Ở chỗ này xin bà ghi rõ tên hàng, còn cột này là địa chỉ mà theo bà chúng đã được mua. Xin bà cho biết tên của tất cả các cửa hàng, cũng như tên người tặng bà chiếc áo lông này.

Harri Stendish suy nghĩ: ông chỉ còn chưa đầy mười phút nữa — đã mười một giờ kém mười. Ông hoàn toàn không muốn chạy ra ngoài sân bay đúng lúc cửa máy bay sắp vào. Nhưng sự thính nhạy của người hải quan của ông...

Ông chờ đợi. Bà Mössmen đã điền vào tờ khai rồi ký vào đó.

Ngày mai một nhân viên sẽ làm việc kiểm tra lời khai của bà Mössmen. Những chiếc váy và áo len sẽ tạm thời bị trưng thu: chúng sẽ được gửi đến những cửa hàng mà bà Mössmen khai đã mua ở đó để xác minh: còn chiếc áo lông chồn sẽ được gửi đến cửa hàng Saks trên đại lộ Năm, và hằng đó, tất nhiên sẽ không nhận đó là sản phẩm của mình... Bà Mössmen vẫn chưa biết rằng bà ta đang tự gieo tai họa lên đầu mình: bà ta sẽ phải nộp một số tiền thuế quan lớn, và hơn nữa, gần như chắc chắn, sẽ bị phạt một số tiền lớn.

— Bà còn vật gì khác muốn khai vào tờ khai nữa không, thưa bà? — Stendish hỏi.

Bà Mössmen câu tiết đáp ngay.

— Tất nhiên là không?

— Bà có chắc như vậy không?

Các thanh tra hải quan được chỉ thị là cố tìm cách đe hành khách tự giác khai báo. Và cấm không được

cố tình đưa họ vào bẫy — Tất nhiên nếu như họ tự ý sa vào bẫy thì không kè.

Không thèm trả lời Stendish, bà Mössmen chỉ khinh khinh lắc đầu.

— Nếu vậy, thưa bà — Stendish nói, — xin bà làm ơn mở sắc ra cho chúng tôi xem.

Mãi lúc này bà khách tự tin kia mới bắt đầu hơi luống cuống.

— Nhưng theo tôi biết, không bao giờ người ta kiêm tra ví xách tay phu nữ. Đây không phải lần đầu tôi làm thủ tục hải quan.

— Thông thường thì không. Nhưng chúng tôi vẫn có quyền đó.

Chỉ trong những trường hợp hết sức hàn hưu các nhân viên hải quan mới phải khám các ví đầm, cũng như túi quần, túi áo măng-lô đàn ông. Yêu cầu hành khách cho xem những thứ dụng trong ví xách tay là một trong những trường hợp ngoại lệ đó. Nhưng khi một đối tượng nào tỏ ra quá bướng bỉnh, thì nhân viên hải quan cũng buộc phải bướng bỉnh theo.

« Bà Mössmen miễn cưỡng mở ví.

Stendish kiêm tra hộp mòi son và hộp phấn bằng vàng, tháo cái tâm đựng phấn ép ra, ông lôi ở dưới ra một chiếc nhẫn kim cương và ngọc ru-bi, rồi thối lopy bụi phấn bám ở chiếc nhẫn đi. Trong ví đầm còn có tuýp kem bôi tay đã dùng. Tháo phần dưới của tuýp kem ra, Stendish nhìn thấy nó được dùng không đúng dầu. Bóp phần trên, cạnh nắp, ông nắn nắn thấy vật gì cứng cứng. Không biết đến bao giờ những tay buôn lậu này mới nghĩ ra được cách gi

mới hơn, ông thất vọng nghĩ thầm. Tất cả đều là những mảnh khóc cũ rích mà ông đã chán ngấy. Trong đời ông đã gặp không biết bao nhiêu lần rồi.

Bà Mössmen tái mặt. Lúc này vẻ họm hĩnh kiêu ngạo biến đi đâu mất

— Thưa bà, — viên thanh tra nói, — tôi phải ra đây một phút, nhưng tôi sẽ quay lại ngay. Hơn nữa gãy giờ toàn bộ thủ tục này sẽ mất một số thời gian nữa — ông quay sang bảo anh nhân viên trẻ đứng bên cạnh — Hãy kiểm tra kỹ tất cả. Hãy soát cả lòp vải lót ở ví và các đáy va-li, và mép của tất cả các thứ quần áo. rồi lập biên bản. Nói tóm lại, như anh đã biết rồi đấy...

Khi ông đã bước về phía cửa, bà Mössmen gọi với theo:

— Thưa ông!

Stendish dừng lại.

— Bà cần gì?

— Về chiếc áo lông và những cái váy... có thể tôi nhầm. Đúng là những cái đó tôi mua ở nước ngoài... và một vài thứ khác nữa....

Stendish lắc đầu. Sao người ta không hiểu rằng không nên đi quá xa, vì sau đó sẽ không thể nói đến chuyện thỏa thuận gì nữa. Ông nhận thấy lúc đó anh nhân viên trẻ lại vừa moi ra thêm vật gì nữa.

— Xin ông!... Xin ông... Chồng tôi...

Viên thanh tra quay đi đè khỏi phải nhìn khuôn mặt bối rối tái nhợt của bà Mössmen, rồi bước vội

ta khỏi phòng hải quan. Theo con đường ngắn nhất — lối đi riêng nằm ở dưới phòng chờ — ông đi đến phòng khách Xanh « Đ » để ra cửa bốn mươi bảy. Trên đường đi ông nghĩ đến sự bướng bỉnh ngu ngốc của bà Mössmen và những người loại như bà ta. Nếu bà ta thành thực kê khai chiếc áo lông và những chiếc vây vào tờ khai, thì tiền thuế quan sẽ không mất nhiều lắm, nhất là đối với người đàn bà giàu có. Anh nhân viên trẻ sẽ không gây rắc rối chỉ vì mấy cái áo len, dù cho nếu anh ta nhận ra chúng được mua ở nước ngoài, và tất nhiên chẳng ai nghĩ đến chuyện khám ví xách tay của bà ta làm gì. Các nhân viên hải quan biết rằng nhiều hành khách khi về nước cố mang lậu thứ gì đó, nhưng họ vẫn bỏ qua cho. Hơn nữa, nếu người nào nhờ đến họ, đòi hỏi họ còn chỉ bảo cho biết cách khai những thứ hàng chịu thuế quan cao vào tờ khai như thế nào để bớt được một số tiền không phải nộp, còn chỉ phải nộp cho những thứ hàng chịu thuế quan không cao lắm.

Còn thì những người bị bắt quả tang, bị phạt, thậm chí bị đưa ra tòa, chủ yếu là những người có máu tham vô độ, kiêu như bà Mössmen, người chỉ muốn mang thoát tất cả. Và Harri Stendish buồn rầu nghĩ rằng có quá nhiều người như thế.

Ông thở phào nhẹ nhõm khi nhận ra người ta vẫn còn cho khách lên máy bay và người soát vé cạnh cửa ra vẫn tiếp tục kiểm tra vé của những hành khách cuối cùng. Bộ quần áo hải quan của Stendish cho phép ông có thể ra vào bất cứ khu vực nào trong sân bay; người soát vé đang bận soát vé chỉ khẽ liếc nhìn ông khi ông đi đến. Stendish nhận thấy có một phu nữ

trẻ tóc hung nhạt đứng cạnh giúp người soát vé |
đó chính là bà phụ trách việc phục vụ hành khách
của hãng Trans Umerica mà thậm chí ông còn nhớ
tên là bà Livinhxion.

Stendish đi thẳng vào khoang dành cho khách du
lịch, mỉm cười chào cô chiêu đãi viên đứng ở cửa
ra vào :

— Tôi vào một phút thôi. Cần thận đừng cho
tôi bay đấy nhé !

Ông đưa mắt tìm cô cháu gái Jiudi của mình —
cô ta đang ngồi ở ghế thứ ba, cạnh cửa sổ. Hai ghế
bên cạnh lối đi là một cặp vợ chồng trẻ và đứa con,
và Jiudi đang dìu với đứa bé. Như trong tất cả các
khoang du lịch, ở đây chật chội, ngọt ngạt, và các
ghế kê cái nọ xít cái kia đến nỗi không còn chỗ mà
xoay xở. Bản thân Stendish ít khi bay, và khi nào
phải bay ông cũng thường lấy vé du lịch, và lần nào
cũng khóc sờ vì cảnh chật chội. Ông chẳng ghen tỵ
chút nào với tất cả số hành khách sắp phải bay một
chuyến dài mười tiếng đồng hồ mệt mỏi và đơn
diệu này.

— Chú Harri! — Jiudi kêu lên. — Cháu cứ nghĩ
chú không đến. — Cô đặt trả đứa bé vào lòng mẹ nó.

— Chú đến chắc cháu lên đường bình an, —
Stendish nói. Chú hy vọng cháu sẽ may mắn cả năm,
và khi nào về nhà sẽ không tìm cách mang hàng lậu.

Jindi cười.

— Không bao giờ, chú Harri à ! Thời tạm biệt chú !

Cô chia má cho ông hôn, và ông âu yếm hôn chui
một cái vào má cô cháu gái. Ông yên tâm về Jiudi.

Cô không thể nào trở thành bà Mossman thứ hai được. — Ông tin chắc như vậy

Niềm nở gật đầu chào các cô chiêu đãi viên, viên thanh tra hải quan rời máy bay. Trở lại phòng đợi, ông dừng lại cạnh cửa ra vào, quan sát xung quanh. Những phút cuối cùng trước lúc máy bay cất cánh, nhất là khi máy bay bay chuyền xa, bao giờ cũng gây cho viên thanh tra Stendish, mà có lẽ cho cả nhiều người khác, những nỗi say mê hồi hộp. Bỗng từ loa phóng thanh vang lên thông báo: « Bà sắp hết giờ lên máy bay chuyền hải (Argos vàng) của hãng Trans Omérico ».

Lúc này, cạnh cửa ra chỉ còn lại hai hành khách. Bà Livinhxtor tóc hung đang xem những giấy giờ gì đó, người soát vé thì kiểm tra vé của hành khách trước người cuối cùng — một người đàn ông cao, tóc vàng, mặc áo măng-tô lông lạc đà, không đội mũ. Sau khi kiểm tra xong, vị khách tóc vàng, người cao này theo hành lang xếp tiền vào khoang du lịch. Bà Livinhxtor quay trở lại phòng chờ chính.

Trong khi quan sát tất cả những việc đó, viên thanh tra Stendish gần như vô ý thức đề ý đến một bóng người đang đứng bất động cạnh cửa sổ, lưng quay về phía cửa ra sân bay. Stendish nhận ra đó là một bà già — nhỏ bé, gầy dèt, hơi bối rối. Bà ta mặc bộ quần áo đen kiểu hơi cổ, tay xách chiếc ví bằng hạt cườm màu đen. Trong dáng điệu bà lão này có cái gì yếu đuối, đáng thương, khiến Stendish bất giác nghĩ : tại sao một bà lão già yếu như vậy lại có mặt ở đây vào đúng phút cuối cùng, và lại đi một mình thế này nhỉ ?

Bà già tiến đến gần người kiểm soát vé của hãng

Trans Omérice chuyển hai. Bà ta bước thoăn thoắt và vững vàng lạ thường. Qua tiếng ồn của những động cơ đang nổ, thỉnh thoảng lại bay đến tai Stendish những mầu đối thoại đứt đoạn của bà ta với người kiêm soát vé :

— Con làm ơn cho phép mẹ... Thằng con trai của mẹ vừa lên máy bay... Cái thằng cao cao, không đội mũ, mặc áo măng-tô lông lạc đã ấy... Nó quên cái ví tiền... Bao nhiêu tiền của nó trong này cà...

Stendish nhận thấy bà già cầm trong tay cái gì giống như cái ví đàn ông.

Người kiêm soát vé trong đã có vẻ mệt mỏi, vẻ mệt mỏi thường thấy vào những giây phút cuối cùng cho khách lên. Anh ta sút ruột nhìn bà lão, chia tay cầm lấy cái ví, sau đó lại nhìn bà lão chăm chú hơn, nghĩ lại, rồi nói vội câu gì đó, hất đầu về phía hành lang xép. Stendish chỉ nghe thấy.

— Nhờ cô chiêu đãi viên úy.

Bà lão mỉm cười, gật đầu, đi về phía hành lang và lát sau mất hút.

Tất cả những quan sát ấy chiếm mất của Stendish chưa đầy một phút. Sau đó ông lại nhìn thấy một hành khách nữa — một người chân dài lêu lêu, người hơi xo, đang đi gần như chạy qua phòng tiền sảnh, tiến về phía cửa bốn mươi bảy. Stendish kịp nhận ra khuôn mặt hốc hác, gầy gò và bộ ria mép thưa màu hung nhạt của ông ta. Trong tay ông khách này có một chiếc va-li nhỏ và dẹt.

Stendish đã chực bỏ đi, nhưng nghĩ thế nào lại dừng lại: thái độ của ông khách này có cái gì khiến

ông chú ý. Có thể đó là cái cách cầm va-li của ông ta, cách ông ta cất ôm khư khư nó bên cạnh trên. Có quá nhiều người đi qua phòng hải quan trước con mắt của Stendish. Vài người có thái độ giống hệt ông khách cao lêu đêu này, và gần như tất cả đều có giấu cái gì đó. Giá như ông khách này bay trên chuyến bay quốc tế nào đến, chắc chắn Stendish đã yêu cầu ông ta mở va-li để kiểm tra nội dung bên trong. Nhưng ông khách này không phải bay đến Mỹ, mà ngược lại, bay đi khỏi nước Mỹ

Vậy thì ông ta có việc gì đến viễn thanh tra Stendish. Nhưng dù sao... một linh tinh nào đó, một giác quan thứ sáu rất đặc biệt nào đó mà hầu như người hải quan nào cũng có, mà cũng có thể thái độ quan tâm đặc biệt của Stendish với chuyến bay có cô cháu gái Jiudi của ông bay này, đã giữ chân ông lại, bắt ông dán mắt vào chiếc va-li mà ông khách cao kều kia giữ rất cẩn thận.

B.O.Gerrerô đã hơi hoàn hồn sau khi việc mua phiếu bảo hiểm đã trót lọt may mắn, bây giờ y cảm thấy vui lòng hơn. Khi đi đến cửa bốn mươi bảy và nhìn thấy người ta vẫn tiếp tục cho khách lên máy bay, y tự nhủ thầm: thôi, thế là mọi khó khăn đã qua rồi, từ phút này mọi chuyện sẽ thuận buồm xuôi gió. Quả nhiên, như đê khẳng định lời nói đó của y, việc kiểm tra giấy tờ ở cửa ra không gặp trở ngại gì. Đúng như Gerrerô đã dự đoán ngay từ đầu người soát vé chỉ đê ý đến sự sai lạc nhỏ giữa tấm hộ chiếu với tên y trong tấm vé, nơi đăng lê là «Gerrerô» lại ghi là «Berrerô»! Khẽ liếc nhìn tấm hộ chiếu, người soát vé sửa lại ngay chỗ sai trong danh sách hành khách của mình, sửa lại tên họ trên vé, rồi xin lỗi vì sơ suất

— Xin lỗi ngài, trong lúc bán vé thường xảy ra những chuyện ghi nhầm như vậy.

Thế là mọi việc đều ổn thỏa, Gerrerô hài lòng nghe thầm: tên họ y đã được ghi lại đúng, và khi nào có thông báo về máy bay chuyến hai bị mất tích không còn dấu vết, thì sẽ không xảy ra nhầm lẫn gì nữa trong việc xác định cá nhân y.

Chỗ trong máy bay đã được y chọn sẵn ngay từ ở phòng bán vé trong thành phố: đó là chỗ cạnh cửa sổ, ghế thứ ba kể từ lối đi, và có chiêu đãi viên giúp y tìm chỗ của y. Ông khách ngồi cạnh lối đi đứng dậy cho Gerrerô đi vào chỗ của mình. Chiếc ghế giữa hai người lúc này hẵn còn trống.

Gerrerô thắt dây lưng an toàn vào người, rồi cẩn thận đặt chiếc va-li lên lồng. Chỗ của y hóa ra ở gần giữ khoang du lịch, dây bên trái. Vài hành khách còn đang ủn lại ở lối đi. Một trong các cô chiêu đãi viên, mõi mấp máy không thành tiếng, đang đếm lại số hành khách, trên mặt có la, lộ rõ vẻ sốt ruột, như muốn bảo: « Nào thời ngồi yên hết cả đi cho nào ! ».

Cảm thấy sự căng thẳng kinh khủng mà y vừa trải qua, suốt từ lúc y rời khỏi nhà, đã bắt đầu dịu đi, Gerrerô ngả người ra lưng ghế, nhắm mắt lại. Tay y vẫn nắm chặt chiếc va-li nhỏ, nhưng mây ngón tay đã bớt run run. Mắt vẫn nhắm, y lần sờ cái vòng dây chét người dưới tay cầm va-li và lập tức càng thấy yên tâm hơn. Y nghĩ, y sẽ ngồi nguyên không nhúc nhích như thế vậy, rồi chứng bốn tiếng đồng hồ nữa, y sẽ kéo sợi dây này, và quả mìn giấu trong va-li sẽ nổ tung. Không biết vào khoảnh khắc ấy y còn nhận biết được gì nữa không ? — y tự hỏi — sẽ có một phần mẩy của giây... một tích tắc nào

đó... để y có thể tận hưởng cái chiến thắng của y không? Còn sau đó sẽ là cái phút tan biến vào hư vô...

Lúc này, khi đã ngồi trên máy bay và cảm thấy được vũ trang đầy đủ, y sút ruột chỉ mong máy bay chóng cất cánh. Y mở mắt ra: cô chiêu dãi viễn vẫn tiếp tục đếm.

Trong khoang du lịch lúc này có hai cô chiêu dãi viễn. Bà già nhỏ nhắn người Xan Biêng, bà Ada Quonset, trốn trong buồng vệ sinh nữ, mở hé cửa và không rời mắt khỏi hai cô gái.

Bà Quonset biết rất rõ rằng trước khi máy bay cất cánh, các chiêu dãi viễn bao giờ cũng đếm, lại số hành khách, và chính phút ấy là phút nguy hiểm nhất đối với kẻ đi lâu vé. Nhưng tránh được không bị phát hiện trong lúc đếm này, thì coi như rất nhiều hy vọng mọi chuyện sẽ êm thầm.

May thay, người đếm là cô chiêu dãi viễn khác, chứ không phải cái cô mà bà Quonset phải xin xô khi bước lên máy bay ban nãy.

Ban nãy bà Quonset đã trải qua những giây phút khó khăn khi nhận ra người phụ nữ tóc hung nhạt cứ quanh quẩn cạnh cửa bốn mươi bảy chính là cô phụ trách hành khách. Nhờ trời, cô ta đã bỏ đi trước khi người ta đóng cửa lên máy bay, còn việc đánh lừa người soát vé thật dễ ợt.

Sau đó bà Quonset đến gặp cô chiêu dãi viễn đứng đón khách ở lối lên máy bay, lắp lại câu chuyện bịa về chiếc ví bỏ quên. Cô chiêu dãi viễn, người đã phải trả lời hàng chục câu hỏi của đám hành khách chen nhau lên máy bay, từ chối không nhận ví khi nghe nói trong đó có «nhiều tiền lăm», và đó chính

là điều bà Quonset mong đợi. Cô ta bảo bà tự đi mà tìm anh con trai và đưa vi cho anh ta — nhưng bà phải nhanh lên.

Anh chàng người cao cao tóc vàng, vỗ tinh đóng vai «con trai» của bà già da mưu này, lúc ấy đang lơy hoay thu xếp chỗ của mình ở một trong hàng ghế phía trên. Bà Quonset đi vài bước về phía anh ta, nhưng không quá vội vàng. Bà đưa mắt nhìn trộm cô chiêu dái viên đứng ở cửa, rình phút cô này nhăng đi một phút, điều mà quả nhiên chỉ lúc sau đã xảy ra.

Bà Quonset phán đoán tinh thế rất nhanh. Bà nhìn thấy cách đó không xa có một chiếc ghế còn trống có thể ngồi được, nhưng lúc này ở đây hành khách đang đi lại và lối đi vào một buồng vệ sinh hóa ra còn trống. Một phút sau, hé mở cửa buồng vệ sinh, bà Quonset nhận thấy cô chiêu dái viên đứng đón khách đã biến đi đâu mất và cô khác hắt đầu đêm khách.

Khi cô chiêu dái viên vừa đi vừa đếm đã đến gần cuối lối đi bà Quonset bước ra khỏi buồng vệ sinh, lầm bầm câu xin lỗi, rồi lách thật nhanh qua cô ta, Bà nghe thấy cô chiêu dái viên特色的 lưỡi một cách bức dọc. « Nghĩa là — bà Quonset nghĩ — cô ta đếm cả mình »

Phía trên, bên trái lối đi, bà Quonset nhìn thấy một chiếc ghế ở giữa hàng ghế ba chỗ còn trống. Đó có khá nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực đi lừa vé, bà lão bé nhỏ người Xan — Điêgô, từ lâu đã đề ý thấy, chính những ghế giữa này thường là ghế không có người, nếu như vé bán không hết. Lý do là vì đa số

hành khách thích ngồi cạnh cửa sổ hoặc gần lối đi hơn.

Sau khi đã ngồi đàng hoàng vào ghế... bà Quonset hơi cúi đầu, cố thu người lại để ít bị chú ý. Bà không quá vội hy vọng lần tránh được đến phút cuối cùng. Đến Rôm sẽ bắt đầu một loạt thủ tục khác nhau — với hộ chiếu, khám xét bài quan, và lúc đó bà khó mà thoát được họ. Vì lần này không phải như bay lâu vé từ Xan - Biêrgo đến Nju-vooc. Nhưng nếu may mắn, dù sao bà vẫn có mặt ở Ý, và điều đó tất nhiên là khá hấp dẫn, sau đó bà cón cả cuộc hành trình quay về đầy thú vị, còn trước mắt, trên máy bay, bà sẽ được ăn ngon, được xem phim... Thêm vào đó, có thể sẽ có cuộc làm quen, trò chuyện thú vị với những người bạn đường.

Bà Quonset tò mò liếc nhìn hai hành khách ngồi cạnh. Bà đã kịp nhận ra cả hai người hàng xóm — bên phải và bên trái bà — là đàn ông. Tuy nhiên, tạm thời bà tránh nhìn ông khách bên tay phải, để khôi giờ mặt ra phía các cô chiếu dài-viên, lúc này đang từ từ di lại phía nhau trên lối đi để đếm lại lần nữa số hành khách — bây giờ cả hai có đếm. Nhưng với ông khách ngồi bên trái thì thỉnh thoảng bà lại liếc trộm về phía ông ta: và lại nhìn trộm ông ta rất dễ, vì ông ta đang ngủ, đầu ngả ra lưng ghế, mắt thi nháin. Đó là người đàn ông gầy gò, khẳng khiu. Nhìn khuôn mặt vàng bùng với hàng ria mép thưa màu buông nhạt và cái cõi ngáng của ông ta, bà Quonset nghĩ rằng cần cho ông ta ăn một bữa thật ngon và no.

Người đàn ông giữ trên lòng chiếc va-li nhỏ, và bà Quonset nhận thấy, tuy mắt nhảm, nhưng mày uốn tay ông ta vẫn nắm chặt chiếc quai va-li.

Hai cỗ chiêu dải viễn đã dứt xong. Từ khoang hạng nhất một cỗ chiêu dải viễn nữa bước ra, và cả ba người xùm lại vội vã bàn bạc với nhau điều gì.

Ông khách ngồi bên tay trái bà Quonset mờ mắt. Mấy ngón tay ông ta vẫn giữ chặt quai va-li. Bà già ở Xan Giêgô, cả đời lục náo cũng có tinh tú mò, bắt giặc nghĩ thầm: «Không biết trong va-li của ông ta có cái gì nhỉ? »

Trên đường trở về phòng hải quan của mình—lần này qua phòng khách của nhà ga — viên thanh tra Stendish vẫn không sao quên được ông khách có chiếc va-li nhỏ. Stendish không có quyền giữ ông khách đó lại. Ngoài phạm vi gian phòng hải quan, các nhân viên hải quan chỉ được phép giữ hành khách trong trường hợp nếu người khách này có ý định trốn việc khám xét. Nhưng ông khách mà ông gặp ở cửa ra không thè nào xếp vào loại ấy được.

Tất nhiên Stendish có thể làm việc khác: là đánh điện báo cho hải quan Ý biết những đặc điểm nhận dạng của ông khách này và những nghi ngờ của mình rằng có thể ông ta mang hàng lậu. Nhưng Stendish phản vàn không biết có nên làm như vậy hay không. Nhân viên hải quan các nước khác nhau rất ít khi có sự hợp tác với nhau, mà phần lớn giữa họ thường có sự cạnh tranh nghề nghiệp. Thậm chí giữa hải quan Mỹ và hải quan Canada cũng có sự ganh đua như vậy, và nhiều lần xảy ra chuyện các nhân viên hải quan Mỹ, khi nhận được mật báo về một chuyến hàng kim cương nào đó được chở lậu từ Mỹ sang Canada, vì một số lý do nào đó, đã không cho hải quan Canada biết. Thay vào đó, các cảnh sát Mỹ lại theo dõi dấu vết và để gác kẽ bị tình nghi buôn lậu sau khi họ đến Canada,

theo tôi họ, nhưng chỉ bắt khi nào họ lại vượt qua biên giới trở lại Mỹ. Lý do là vì: Toàn bộ số hàng buôn lậu được giữ lại ở nước nào khám phá ra nó, và không bao giờ nước nào muốn chia sẻ miếng mồi đó cho nước khác.

Và Stendish quyết định sẽ không đánh điện cho Ý, nhưng sẽ báo cáo những nghi ngờ của mình cho đại diện của hãng Trans O'mérico và để tùy họ có biện pháp giải quyết.

Stendish nhìn thấy bà Linvinhton, phu trách vẫn để phục vụ hành khách, người cũng vừa có mặt lúc cho khách lên máy bay chuyển bài. Chị đang nói chuyện với một phi công và một nhóm hành khách; Stendish đợi cho đến khi họ đi.

— Chào ông Stendish, — Tania nói — Hy vọng trong phòng hải quan của ông công việc yên tĩnh hơn ở đây.

— Kẽ ra cũng không được yên tĩnh lắm. — Stendish đáp, ông nhớ lại trường hợp bà Mossman mà chẳng vẫn đang bị chất vấn trong phòng hải quan.

Tania đắc ý thấy hình như Stendish có điều gì muốn nói với chị. Nhưng Stendish lưỡng lự.

Bấy lúc ông cảm thấy ông hơi quan trọng hóa cái nghi ngờ có tinh chất bản năng của ông, và biến thành một thám tử nghiệp dư. Nhưng trong đa số trường hợp, những nghi ngờ của ông lại hóa ra đúng.

— Tôi vô tình chứng kiến cảnh khách lên máy bay chuyển bài của bà. — Stendish nói, — và có một điều tôi thấy hơi nghi ngờ — ông ta sơ qua cho Tania hình dạng người đàn ông gầy gò, chân dài, cứ giữ khu khu cái va-li trông rất đáng ngờ.

— Ông cho rằng ông ta mang hàng lậu?

Stendish mỉm cười:

— Nếu ông ta không phải khách đi mà là khách đến từ một chuyến bay quốc tế nào đó, tôi có thể xác minh ngay điều đó. Nhưng trường hợp này tôi chỉ có thể nói với bà một điều, bà Livinhxton a : người này không muốn cho ai biết trong vali của ông ta có cái gì.

Tania nghĩ ngợi giây phút rồi nói :

— Tôi vẫn chưa biết rõ tôi có thể làm được gì trong chuyện này. — Thêm chi cứ cho rằng ông khách mang hàng lậu thì việc điều tra chuyện đó không thuộc phạm vi trách nhiệm của chị.

— Vâng, đúng là không thể làm gì được, nhưng vì công việc của bà có liên quan đến chúng tôi, nên tôi thấy cần phải báo cho bà biết những nghi ngờ của tôi.

→ Cảnh sát ông Stendish. Tôi sẽ kể lại những quan sát của ông với Ông Trưởng ban vận chuyển của chúng tôi, và có thể ông ta thấy cần phải báo cho người cảnh sát bay chuyện đây.

Viên cảnh quan bỏ đi. Tania ngược nhìn đồng hồ → mười một giờ kém một phút. Cứ dí vội lên tầng hành chính của nhà ga, nơi có văn phòng của hãng Trans O'merico. Giờ máy bay lại trong khai nô đang lăn bánh thì nhận ra rồi, chỉ vài giây nữa nó sẽ cất cánh. Chắc ông trưởng ban vận chuyển đang ở phòng của mình... Ông ta có thể liên lạc bằng vô tuyến điện thoại với đại trưởng Budapest trong khi máy bay còn trên mặt đất — tất nhiên nếu ông ta che thông báo của chị là đáng chú ý. Tania rảo bước

Ông Trưởng ban vận chuyển đi vắng, nhưng lại thay, chỉ lại nhìn thấy anh chàng Pitô Cokli ở đây.

— Anh làm gì ở đây thế này? — Tania xẳng giọng hỏi.

Anh nhân viên trẻ vừa bị bà lão bé nhỏ người Xan Điegô lừa một cú rất khéo, áp úng kè lại chuyện xảy ra.

Anh chàng Pitô ngạc nghênh vừa bị ăn chửi một trận xong. Viên bảo sĩ bị anh ta dẫn đến buồng vệ sinh nỡ một cách mất công và cung túc giận và mắng mỏ anh ta không tiếc lời. Anh Pitô đáng thương biết chắc thế nào cũng bị một trận chửi nữa của bà Livinhxton. Quả nhiên linh cảm đã không đánh lừa anh.

Tania không nên được giận.

— Chà đồ khốn! Tôi đã dặn anh là mu già ấy lầm mưu mèo lầm cơ mà! — Chị mắng té tát anh chàng.

— Phải, thưa bà Livinhxton, bà đã dặn, nhưng tôi... bà biết không...

— Bây giờ nói thế muộn mất rồi. Gọi điện thoại ngay cho tất cả các cửa ra. Báo cho họ biết, để họ hết sức chú ý đến một mu già ăn vận đầm đìu rất tầm thường... thôi, anh biết cách tả hình dáng mu ta rồi đấy. Mu ta muốn bay đi Niu-yooc, nhưng mu ta có thể tìm cách đến đó bằng con đường vòng nào đó. Nếu phát hiện ra mu, thì yêu cầu người soát vé giữ ngay mu ta lại và gọi điện về đây. Dù mu ta có nói gì và nghĩ ra bất cứ trò gi, cũng quyết không được cho mu ta lên bắt cứ máy bay nào. Thôi, đi báo ngay như vậy đi, còn tôi sẽ gọi điện cho tất cả các hãng máy bay khác.

— Thưa bà, vâng.

Trong phòng làm việc có vài máy điện thoại. Pitô đến một máy, còn Tania đến máy khác.

Tania nhớ thuộc lòng số điện của các hãng « TWA » « Oméricon Ecolain », « Iunaitit Ecolain » và « Orient ». Cả bốn hãng đều có những chuyến bay thẳng không đồ đi Niu-Yooc. Trước hết Tania gọi điện cho Gienni Henlain, cũng giữ chức vụ như chị ở hãng TWA. Chị nghe thấy trong lúc đó Pitô nói:

— Phải... già lắm... mặc đồ đen tuyển... Phải rồi, trông không thể nào bảo là...

Tania cảm thấy chị đang bước vào cuộc độ súc đặc biệt với một bà Quonset vô cùng mưu mẹo và nhanh trí. « Không biết ai sẽ lừa được ai đây ? » — Tania nghĩ.

Chị đã quên phắt cuộc nói chuyện với viên thanh tra hải quan Stendish và ý định đi tìm ông trưởng ban vận chuyển.

Trong lúc đó, trên máy bay bay chuyến hai, đội trưởng Dimirest tức giận người:

— Đứa chó nào giữ chúng ta lại thế ?

Cả hai động cơ bên phải — số ba và số bốn — của máy bay số hiệu 731 — TA đã khởi động. Tuy chưa được mở hết tốc độ, nhưng tiếng rù ầm ầm và tiếng rung của chúng vẫn dội vào thân máy bay.

Cách đây mấy phút những phi công đã nhận được qua điện thoại nội bộ lệnh của viên thanh tra phụ trách vấn đề bốc hàng cho nổ động cơ thứ ba và thứ tư. Nhưng vẫn chưa được lệnh cho nổ động cơ thứ nhất và thứ hai, nằm ở phía bên kia,

phía khách lên. Theo nguyên tắc, những động cơ này chưa được phép nổ khi nào tắt cả các cửa máy bay chưa được đóng hết. Một chiếc đèn đỏ trên bảng máy sau khi nháy một cái đã tắt đi cách đây hai phút — là cửa sau đã đóng chặt và chiếc hành lang xếp phía sau đã được tháo rời khỏi máy bay. Nhưng chiếc đèn đỏ thứ hai vẫn tiếp tục sáng, cho biết cửa trước vẫn chưa được đóng, và nhìn qua cửa sau của ca-bin có thể thấy hành lang xếp phía trước vẫn chưa được tháo đi.

Xoay người lại trên ghế, Dimirest nói với Giooc-dan, viên phi công thứ hai.

— Mở cửa ra:

Gioocdan ngồi phía sau hai viên phi công thứ nhất, cạnh bảng máy kiểm tra hoạt động của các động cơ. Anh hơi nhôm lầm thân cao, gầy, với tay mở cánh cửa ca-bin thông với khoang hàng nhất. Họ nhìn thấy mấy cái chiếu dài viên đang đứng trong đó, có cả Guen Maygen.

— Guen! — Dimirest gọi to. Khi Guen đến, anh hỏi:

— Vì cái đêch gì chúng ta bị giữ lại thế? Có chuyện gì vậy?

Guen có vẻ lo lắng.

— Số hành khách trong khoang du lịch không khớp với số vé đã kiểm tra, cũng không khớp với bản danh sách hành khách. Bọn em đã đếm hai lần rồi.

— Thế viên thanh tra bốc dỡ còn đây không?

— Còn, anh ta đang kiểm tra lại xem chúng em đếm có đúng không.

— Bảo anh ta lại đây. Tôi muốn nói với anh ta hai câu:

Trong giai đoạn chuẩn bị cất cánh này bao giờ cũng đề ra vấn đề phân công trách nhiệm. Về mặt danh nghĩa, người chỉ huy chuyến bay coi như đã có quyền hành, song anh ta chưa thể cho uổ động cơ, cũng như chưa thể lăn bánh, mà không có sự chuẩn y của viên thanh tra theo dõi việc bốc hàng. Cả hai người — viên chỉ huy chuyến bay lẫn viên thanh tra — đều cùng phải lo làm sao cho máy bay cất cánh đúng giờ quy định. Nhưng đồng thời mỗi người lại có trách nhiệm riêng của mình, vì thế thường xảy ra những bất đồng.

Vिण thanh tra có mặt trong ca-bin gần như ngay tức khắc, cấp bậc của anh ta có thể nhận ra qua một vòng chỉ huy trên ống tay áo.

— Ông bạn, — Dimirest nói — Tôi biết ông có khó khăn, nhưng chúng tôi cũng có khó khăn. Chúng tôi còn phải chờ chau ở đây bao lâu nữa?

— Tôi vẫy ra lệnh soát lại vé của hành khách một lần nữa, thưa ông đội trưởng. Trong khoang du lịch thưa ra một hành khách,

— Tốt lắm, — Dimirest nói — vậy tôi xin báo cho ông biết một điều. Mỗi giây bị giữ lại ở đây, chúng tôi đã đốt đi một cách vô ích số nhiên liệu trong hai động cơ ba và bốn mà các ông đã cho phép chúng tôi nô. Đó là số nhiên liệu quý báu mà chúng tôi cần để bay đêm nay. Vì vậy, nếu máy bay của chúng tôi không được cất cánh ngay lập tức, tôi sẽ cho tắt động cơ đi, và cử người đi lấy nhiêu liệu để bù vào. Còn một điều nữa ông cũng nên biết: Bài CHDP

vừa cho biết, hiện họ đang có chỗ « hòng », vì thế nếu chúng tôi cho lăn bánh ngay bây giờ, họ sẽ cho phép chúng tôi cất cánh ngay. Nhưng sau mười phút nữa tình hình có thể thay đổi. Bây giờ ông quyết định đi! Ý kiến Ông thế nào?

Viên thanh tra lùng tung. Bất cứ quyết định nào bây giờ cũng đều mang lại những hậu quả khó chịu. Anh biết, khi nào vấn đề nhiên liệu như thế, người đội trưởng nói đúng; bây giờ cho tắt động cơ đi và đồ thêm nhiên liệu vào bình, thì việc cất cánh sẽ bị chậm lại ít nhất nửa tiếng, mà vốn dĩ nó đã bị chậm mất một tiếng rồi, và tất cả sự chậm trễ đó đều tinh thành tiền... Nhưng mặt khác, trên những chuyến bay quốc tế đường dài, số hành khách tiếp nhận lên máy bay bắt buộc phải khớp với số vé đã kiểm tra; đó là lý do chính đáng để giữ máy bay lại. Nhưng nếu không tìm ra kè « lâu vé », mà lại phát hiện ra sự nhầm lẫn khi soát vé và đếm hành khách — mà chuyện đó hoàn toàn có thể xảy ra — thì ông Trưởng ban vận chuyែn sẽ gõ đầu anh ta.

Vì thế viên thanh tra dành phải quyết định theo lẽ tự nhiên. Quay lại phía cánh cửa đang mở, anh ra lệnh:

— Ngừng kiểm tra vé. Máy bay lăn bánh chuẩn bị cất cánh.

Khi cánh cửa ca-bin sập lại, Enoch Herris nhếch môi cười, kêu vào máy vô tuyến điện thoại, bảo người trực nhật đứng dưới đất:

— Cho nồi động cơ hai được chưa?

Trong ông nghe có tiếng lục cục trả lời:

— Cho nồi động cơ hai!



Cửa trước của máy bay đóng sập lại. Đèn đó trong ca-bin lóe lên một cái rồi tắt đi.

Động cơ thứ hai bắt đầu rú lên, rồi chuyền sang kêu ủ ủ.

— Cho nô động cơ môt được chưa?

— Cho nô động cơ môt!

Chiếc hành lang xếp dồn khách, như chiếc khuy áo bị đứt, rời khỏi thân máy bay và lăn về phía nhà ga.

Veenon Dimirest dùng vô tuyến điện thoại xin phép điều phái viên mặt đất cho lăn bánh ra chỗ xuất phát.

Động cơ thứ nhất gầm lên và bắt đầu làm việc.

Đội trưởng Herris lái máy bay và ngồi ghế bên trái, đặt chân vào bàn đạp của cần lái, dừng vài giây, ấn vào cần phanh, chuẩn bị cho máy bay lăn bánh ra đường hạ cát cảnh và đưa máy bay lên không trung.

Ngoài các cửa sổ bão tuyết vẫn quay cuồng.

— Máy bay Trans Omérico chuyến hai, điều phái viên mặt đất đây. Cho phép lăn bánh ra đường hạ cát cảnh...

Tiếng động cơ rú mỗi lúc một mạnh hơn.

Veenon Dimirest ngã : « Róm... Sau đó Néapôn... Ta sắp bay đến đó đây ! »

Đúng hai mươi ba giờ theo giờ Trung Âu, trong phòng khách « Đ », người ta thấy có một phụ nữ đang hút hít hút hải chay ra phía cửa bốn mươi bảy.

Chị ta vừa chạy vừa thở hồn hồn, không thốt ra được câu nào, — và lại hỏi gì bây giờ cũng đã muộn rồi.

Cửa ra sân bay đã đóng. Những tấm biển thông báo về chuyến bay hai « Argos vàng » đã được tháo đi. Máy bay đã lăn bánh ra đường bê tông.

Buồng thông hai tay, Inex Gerrerô bối rối nhìn những ánh đèn đỏ đì xa dần.

HẾT TẬP I

PHI TRƯỜNG

Thông qua câu chuyện hồi hộp về quá trình nghi ngờ, điều tra phát hiện, và tìm cách ngăn chặn một vụ ám mưu cho nỗi một chuyến máy bay hành khách quốc tế đồng người ngay trên không, Acthô Hâyli muốn cung cấp cho bạn đọc những hiểu biết tương đối tường tận và lý thú về hoạt động của một sân bay dân dụng vào loại lớn và hiện đại nhất nước Mỹ, sân bay quốc tế Linhcôn, với lưu lượng máy bay lên xuống trung bình 30 giây một chiếc.

Qua đó, tác giả muốn nói đến những vấn đề xã hội đang đặt ra hiện nay cho nước Mỹ: đó là những mâu thuẫn và bất công không thể tránh khỏi trong cuộc chạy đua theo tiến bộ khoa học kỹ thuật không phải vì hạnh phúc con người, mà trước hết vì lợi nhuận, đằng con người đi đến chỗ có những hành động mù quáng điên rồ, tìm lối thoát trước cảnh ngộ bế tắc bằng cách tự giết mình và giết oan nhiều người vô tội khác.

Với lối viết hấp dẫn, giàu thông tin chân thực, kết hợp giữa khuynh hướng tâm lý xã hội với những yếu tố của thể loại điều tra trinh thám, **Phi trường** đã giành được sự yêu thích của bạn đọc rất nhiều nước trên thế giới, kể cả ở Liên Xô và các nước XHCN khác.